

PHẠM - VĂN - SƠN

VIỆT-SỬ TÂNBIÊN

CHẾ ĐỘ
PHÁP THUỘC
TẠI VIỆT-NAM

(VIỆT-NAM KHÁNG PHÁP SỬ)



TỦ SÁCH SỬ - HỌC VIỆT - NAM



VIỆT SỬ TÂN BIÊN
Quyển 7

PHẠM-VĂN-SƠN

**CHẾ ĐỘ PHÁP THUỘC
Ở VIỆT NAM**

**VIỆT SỬ TÂN BIÊN QUYỂN 7
KHÁNG PHÁP SỬ TẬP HẠ**

1972

Sunday, July 30, 2017

Lời nói đầu

Albert Sarraut nguyên Toàn quyền Đông Dương trên bốn chục năm trước đây có phở biễn một tác phẩm nhan đề là «Grandeur et servitude coloniale» (Vinh nhục của chủ nghĩa thuộc địa) trong đó mặc dầu có sự ca tụng chánh sách thực dân của nước Pháp nhưng cũng có lời thành thực thú nhận rằng chánh sách thuộc địa nào cũng phải dựa vào cường quyền hay bạo lực. Ngoài ra kẻ đi chinh phục bao giờ cũng đặt quyền lợi của mình và của xứ sở mình trên hết.

Phụ họa vào chủ trương đề cao chánh sách thuộc địa của Sarraut, một tên bồi bút thực dân lâu ngày tôi không còn nhớ danh tính đã viết cuốn «La rançon du progrès» cũng lên tiếng rằng dân tộc Việt Nam từ ngày có cuộc tình duyên với nước Pháp, tuy cuộc tình duyên có sự gượng ép cũng đã thấm lượm được nhiều tiến bộ đáng kể. Như vậy nếu dân tộc Việt Nam có phải chịu thiệt thòi ở vài điểm nào thì cũng có sự bù trừ trở lại.

Trước đây trên 30 năm, con nudi của Toàn quyền R. Robin là Nguyễn tiến Lãng, một trí thức Việt Nam văn hay chữ tốt được hưởng thụ nhiều ân huệ của các quan thầy người Pháp đã cho ra đời cuốn «l'Indochine la douce» đề nổi điệu một cách trơ trẽn.

Bộ ba này có phình gạc được dư luận Việt Nam chúng ta chăng?

Chúng tôi nghĩ rằng không.

Bằng cứ là ngàn năm trước đây dưới quyền cai trị của Hoa tộc luôn mười thế kỷ, học văn hóa Tàu, theo phong tục Tàu, hợp chủng phần nào với giống Hán, người Việt Nam vẫn không bị mê hoặc do «đức hóa của thiên triều Trung quốc» vẫn không bán rẻ linh hồn của mình cho quân thống trị. Cha anh chúng ta vẫn phân biệt đâu là bạn, đâu là thù, con đường nào là con đường sống chết và tương lai của xứ sở.

Vì lẽ này lịch sử Việt Nam đã ghi chép được mọi ân khúc, mọi tình tiết cũng như mọi ác quả của chế độ xâm lược xưa kia và gần đây. Ngoài ra không lý gì cuộc hôn phối ép uổng nhiều máu và nước mắt giữa ta và thực dân Pháp 80 năm qua lại không được phơi bày trên mọi khía cạnh hôm nay trong sử học nước nhà theo nguyên tắc «*ôn cố nhi tri tân*».

Cuốn sách này tuy nhiên không vì thế mà có mục đích nổi thù tiếp oán, quất những lần roi thép vào kẻ ngã ngựa là nước Pháp đã phá sản nhiều, đau khổ nhiều qua đệ nhị thế chiến và sau đệ nhị thế chiến. Chủ trương cố hữu của dân tộc chúng ta bao giờ cũng là yêu Hòa bình, trọng Bác ái một khi đối thủ cùng ta buông gươm bỏ súng. Nhưng Lịch sử là nhắc nhở, là tiên liệu thì nhớ việc quá vãng là điều cần thiết, tình chuyện ngày mai cũng là chuyện không đùng được. Huống hồ chế độ thực dân, chánh sách đế quốc vẫn còn tồn tại, vẫn ngoan cố ở nơi những tên trùm Phát-xít, Độc-tài và tư bản còn đầy rẫy ở ngoài Thế-giới ngày nay. Nó vẫn ám ảnh đầu óc của chúng ta và vẫn còn lăm le tái diễn ở nhiều phần đất trên thế giới vào giờ phút này kể cả Việt Nam.

Có đứt tay mới hay thuốc, có đau khổ mới có nhiều kinh nghiệm đấu tranh, có vinh nhục nhiều mới thấm thía về nhân tình thế sự, những bài học về quá khứ bao giờ cũng rất bổ ích và quý báu, nhất là với các bạn hậu tiến chưa từng sống với các hung thần ác quỷ như những thế hệ trước họ.

Chúng tôi thiết tha mong cuốn sách nhỏ mọn này đạt được phần nào mục đích kể trên.

PHẠM VĂN SƠN
(Saigon ngày 18-10-67)

*«... Thịt một miếng trăm dao xâu xé
Chiếc kim-âu chẳng mẻ cũng khôn lành...»*

Bài ca « Á ấ Á »

của

NGUYỄN-THIỆN-THUẬT

PHẦN THỨ NHẤT

**CÁC ĐẢNG PHÁI CÁCH MẠNG, CHÍNH TRỊ
VÀ CÁC HỘI KÍN VIỆT NAM
KHOẢNG THƯỢNG BÁN THẾ KỶ XX**

CHƯƠNG I

TÀN LỰC CỦA PHONG-KIẾN VIỆT-NAM

hay là

NHỮNG TIẾNG BẠC CUỐI CÙNG CỦA VIỆT NAM VỚI PHÁP

Từ Thành-Thái đến Duy-Tân

KINH thánh Thuận Hóa từ đầu tháng 7 năm Quý Mùi (1883) và sau vụ thực dân Pháp đánh phá cửa Thuận đã có sự thay đổi liên tiếp ba vua và đã xảy ra một cuộc khủng hoảng tinh thần lớn trong đám phong kiến nhà Nguyễn đang suy tàn và cả trong các tầng lớp nhân dân Việt-Nam. Họ luôn luôn sợ sệt, lo âu ngổ ngàng trước những cuộc xáo trộn, nhất là được biết cuộc kháng chiến của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết ngoài Quảng-Binh đang đi dần đến chỗ vô vọng.

Vua Đồng Khánh qua đời năm 1888 sau bốn năm rong ở ngôi làm bù nhìn cho quân xâm lược. Dĩ nhiên ông không làm được việc gì đáng kể vì có tính bạc nhược và cầu an.

Thực dân liền đặt ông Bửu Lân là con Toại Quốc Công Ưng Chân tức là vua Dục Đức lên làm vua do cảm tình với ông khi còn sống đã tỏ ra có nhiều xu hướng và hành động thân Pháp. Việc này xảy ra vào năm Kỷ Sửu (1889). Bửu Lân sinh năm 1871 niên hiệu Tự Đức thứ 24 lúc này mới 18 tuổi và đang bị giam cầm trong ngục Thừa Thiên cùng bà mẹ. Khi triều đình đến rước ngài, cả nhà khóc sụt sùi không phải vì mừng mà vì lo sợ cái đại họa đã từng xảy ra cho mấy ông hoàng bốn năm trước, lại thấy thời cuộc đang còn biến chuyển nhiều, biến chuyển một cách kinh khủng làm đổ nhiều máu và nước mắt.

Ông Bửu Lân lên ngôi lấy hiệu là Thành Thái. Hai ông Nguyễn trọng Hợp và Trương quang Đăng được cử làm phụ chánh cho thiếu quân.

Sinh ra vào giữa buổi loạn ly, trong cảnh nhà tan nước phá lại rất thông minh nên vua Thành Thái sớm có những mối ưu tư về quốc sự. Mối ưu tư của ngài đã do chánh sách áp chế của Pháp và sự thống khổ của nhân dân, mỗi ngày một nhiều. Nếu như ngài cũng tầm thường như mấy vị tiền bối thì cuộc đời ngài có lẽ không đi tới chỗ oan trái, nhưng khốn thay ngài lại là một ông vua ái quốc có nhiều đức tính cương cường, khảng khái.

Lúc này Pháp đã thôn tính được hầu hết lãnh thổ Việt-Nam, đặt xong nền móng cho cuộc bảo hộ, việc binh định thành công trên đại thể nên đã ra mặt thao túng chính tình không còn e dè gì hết. Tại Huế, viên Khâm sứ nắm hết quyền hành, các đại thần hầu chỉ biết nghe quan Tây hơn nghe vua. Họ ngả theo Pháp, chạy theo Pháp đề củng cố địa vị và giành nhau ân trạch của Bảo hộ. Nhà vua vì lẽ kể trên đã bị cô lập hoàn toàn. Lũ bề tôi chẳng những không giúp đỡ gì ngài lại còn bí mật đưa tin tức và lập công với Pháp theo kiểu chỉ đường cho hươu chạy.

Trong đám người phản bội có cả Trương như Cương là vị quan lớn có con gái tiến cung bấy giờ đang nắm giữ địa vị quan trọng số một. Bên ngoài phong trào văn thân kháng Pháp đang nguội lạnh dần.

Vua Thành Thái là một người hiếu học và có nhiều sở trường về Nho học. Ngài chịu đọc các tân thư của Tàu, nhờ vậy ngài hấp thụ được nhiều tư tưởng cách mạng và tiến bộ của các sĩ phu Trung quốc và Nhật Bản. Qua các sách này ngài có chủ trương cải cách quốc gia, canh tân xứ sở mong đưa quê hương đến chỗ phú cường.

Ngài còn bắt buộc các hoàng thân quốc thích học hành như ngài nhưng rồi mỗi khi ngài đề ra việc cải cách nào cũng bị tòa Khâm tìm cách ngăn trở.

Từ những cử chỉ nhỏ mọn nhất và có tính cách cấp tiến ít nhiều

như lái xuồng máy và xe hơi, cắt tóc ngắn cũng có kẻ cáo tộ với quan Pháp và Pháp càng theo dõi ngài ráo riết trong bí mật ngoài việc ngài đọc những sách cách mạng của Trung quốc.

Năm 1904 Bắc Hà và Trung Việt có nạn đói kém. Ngài thân hành ra tận nơi để chứng kiến và thông cảm sự đau khổ của nhân dân, rồi trong khi ngài có mặt tại Thanh Hóa (tỉnh cực Bắc của miền Trung) trước sự điều linh của đồng bào ngài đã tỏ sự uất hận của ngài trong bài thơ dưới đây và cũng qua bài thơ này ta thấy ngài buồn bực về đám quan lại đã quá thờ ơ trước sự lầm than của dân của nước.

**Vũ vũ văn văn ý cầm bào
Ngã vi thiên tử độc gian lao.
Tam bôi hoàng tửu quần lê huyết,
Sở trấn thanh trà bách tính cao.
Thiên lệ lạc dư nhân lệ lạc,
Ca thanh cao xứ khắp thanh cao
Can qua thử hội hưu đàm luận,
Lân tuất thương sinh phó nhị tào.**

*Vũ vũ xênh xang áo cầm bào,
Riêng phần trĩm nặng gánh gian lao
Ba ly rượu ngọt dân hòa máu,
Một chén trà thơm nước đục cao
Giọt lệ trời sa dân sụt mướt
Khúc ca vang lẫn tiếng kêu gào
Thương nòi xót giống trông ai đó,
Thì buổi can qua biết nói sao !*

(TÔ NAM dịch)

Chú thích : Theo soạn giả bài thơ này lời và ý rất già dặn chưa chắc là của vua Thành Thái mà là của một nhân sĩ ái quốc nào lợi dụng việc vua đi thăm dân đói làm ra đề cổ võ nhân tâm đối với quốc sự.

Nỗi lòng thương dân tha thiết này được dân chúng cảm phục vô cùng.

Hồi còn Nguyễn trọng Hợp đóng vai Phụ chánh, triều đình vẫn giữ được phần nào kỷ cương, phong thè và tình nghĩa vua tôi chưa quá suy bại bởi mọi việc còn được tâu trình lên nhà vua để lấy quyết định. Khâm sứ Pháp đối với nhà vua cũng có thái độ dè dặt, lịch sự, tỉ dụ Khâm sứ có sang yết kiến đầu không được tiếp cũng không tỏ sự bất mãn. Nhưng đến khi Trương như Cương thay họ Nguyễn, bọn đại thần đã ra mặt quay chiều đổi hướng nghĩa là chủ trương thân Pháp đã biểu lộ rõ rệt rồi họ chia nhau nắm hết then chốt của chánh quyền. Họ ra mặt xu phụ kẻ mạnh. Thắng hoặc còn một vài người vẫn giữ được liêm sỉ thì bị mất dần uy thế, do đó mà vua Thành Thái bị cô lập, địa vị của ngài trên thực tế hầu không còn gì đáng kể nữa.

Triều đình đã chia thành hai phe đối lập. Vua yếu tôi mạnh, vua yêu nước, bề tôi chạy theo địch nên không khí triều trung mỗi ngày một trở nên nặng nề ngột thở.

Lòng u uất của nhà vua càng ngày càng tăng lên cao độ rồi ngài thường trút sự phẫn nộ lên các công văn, từ lệnh qua các lời phê phán gay gắt. Một phần sự bức dọc của ngài còn do các quan bất tài, lạc hậu và chỉ lo mưu cầu danh lợi. Vị đại thần có nhiều mâu thuẫn với nhà vua hơn cả bấy giờ là Trương như Cương vì mặc dầu Trương giữ địa vị lớn nhất trong triều nhưng cũng không được nhà vua nể vì. Rồi chính Trương đã đem các lời thóa mạ của nhà vua trên các biểu chương mách Khâm sứ để gây chuyện giáo mọc giữa nhà vua với người đại diện của Bảo hộ.

Hồi Ruverque làm Khâm sứ tại Huế sự gay gắt tuy đã xảy ra nhưng chưa nghiêm trọng lắm, nhưng với các người kế tiếp là Moulié và sau cùng là Lévêque tình thế Việt-Pháp càng thẳng thừng thấy.

Lévêque là một nhân vật của hội Tam Đìem (Franc Maçon) đưa ra có tính nóng nảy, hách dịch, lại cậy có đảng giúp thế lực nên y đã coi rẻ nhà vua và còn tìm cách lấn áp nữa.

Sự bất bình giữa đôi bên cứ thế kéo dài luôn hai năm trước khi đi đến chỗ đổ vỡ hoàn toàn.

Đây những lý do Pháp viện ra đề truất phế ông vua ái-quốc của Việt Nam :

1) Nhân việc bỏ dụng nhân viên và một ít việc khác không quan trọng, triều đình sau khi thảo luận với tòa Khâm sứ có đệ giấy tờ lên nhà vua nhưng giấy tờ không được phê chuẩn, Lévêque liền tuyên bố : « Nhà vua không thành thực cộng tác với Bảo hộ. Nhà vua lại loạn trí thì từ nay mọi việc Hội đồng thượng thư cứ tùy nghi mà làm »... Và ai còn lạ, Hội đồng thượng thư lúc này là công cụ của thực dân !

2) Lévêque bắt ông Bửu Thạch là em con nhà chú của vua, lấy cớ một hôm Lévêque dạo chơi trong vườn có một người cao lớn vượt hàng rào chạy trốn. Theo y kế gian đó là Bửu Thạch và Thạch có ý ám hại Khâm sứ, lính đuổi theo bắt được Bửu Thạch. Sự thực Bửu Thạch đã bị bắt trong khi ông ta đi ở ngoài đường. Triều đình không biết giải quyết ra sao bởi ai cũng biết Bửu Thạch vô can và Lévêque muốn kiếm chuyện với vua Thành Thái nên đã bày ra việc này mà thôi.

Họ không còn làm gì hơn được là tâu lên vua Thành Thái sự khiêu nại của Khâm sứ và vụ bắt bớ ông Bửu Thạch sau khi bị hối thúc quá nhiều.

Lẽ dĩ nhiên vua Thành Thái không chịu.

Ngài phê vào tờ sớ : « Các người lại đi nghe một ông Khâm sứ đề gián tiếp làm cái việc « *đi thần nghị quân* » chẳng ? Trả lời rằng tòa Khâm sứ việc chuyên việc này về Pháp rồi Pháp đình sẽ cử người công bình qua hội với ta và mở cuộc điều tra ».

Lévêque phản đối rằng không cần lập Hội đồng, riêng y chứng kiến là đủ.

Ngày 30-7-1905 vua Thành Thái định ra Bắc tỉnh trốn sang Tàu mưu cuộc khôi phục với phái Đông du (do cụ Sào Nam cầm đầu) nhưng

đến Thanh Hóa cơ mưu bị lộ. Khâm sứ Trung Kỳ đánh điện ra chặn xe và đưa vua trở lại Huế. Nhà vua vẫn tại vị vì Pháp chưa đủ yếu tố buộc tội ngài nhưng một vài người liên can đến vụ này như ông Dương công Loan, ông Dur, ông Niệm bị Pháp mang đày ra ngoài Côn Đảo. Và từ giờ phút này nhà vua bị theo dõi riết hơn hết thấy bao giờ.

Đề đánh lạc sự dò xét của Pháp ngài giả điên rồi hay hò hét và đánh đập những kẻ tả hữu. Ngài bỏ tiền tuyển mộ một số phụ nữ lập thành các đội nữ binh hàng ngày luyện tập và canh gác. Ngài thân dạy họ cưỡi ngựa bắn cung và trong thâm tâm sẽ dùng đám binh đội cân quốc này vào cuộc khởi nghĩa về sau này nếu có cơ hội. Xét ra ý tưởng này thật là viển vông bởi có đâu chống Pháp được bằng một số phụ nữ. Phải chăng đây chỉ là một hành động của một người ốm hoài bão lớn nhưng không thực hiện được thì làm một việc nhỏ để thỏa-mãn một phần ý định của mình như đề tiêu sấu giải muộn mà thôi ?

Từ khi Lévêque ra lệnh mọi việc trong triều không còn đệ lên nhà vua, Hội đồng thượng thư quyết định hết. Nhà vua như không có nữa. Một số triều thần phản đối sự kiện này nhưng vô kết quả vì phần lớn các quan đã ngã về phía tòa Khâm. Thậm chí Pháp tước cả quyền tế tự của vua và giao cho vị đại thần lớn nhất thay thế.

Rồi màn cuối cùng của tấn bi kịch được mở ra: Vào năm Đinh-Tỵ (1907) các quan vào vái nhà vua rỏ nước mắt và đệ lên một tờ biểu yêu cầu vua thoái vị (1). Tờ biểu này đã sẵn có đầy chữ ký của họ. Riêng ông Ngô đình-Khả không tán thành việc phế truất mặc dầu Pháp và lũ tay sai vong bản ra công dọa nạt, đến cả việc sau này Pháp đày nhà vua ra xứ ngoài nữa. Bấy giờ cửa miệng sĩ-phu Trung-kỳ và dân chúng có câu: « Đầy vua không Khả... » là vì vậy.

1) Tính ra ngài làm vua từ năm Kỷ-sửu (1889) đến năm Đinh-tỵ (1907) được 19 năm và là ông vua thứ 9 của họ Nguyễn.

Nếu có việc phế truất như trên đã kể là do Toàn quyền Broni và Khâm sứ Lévêque rất lo ngại khi thấy vua Thành-Thái đã có những cử chỉ khác thường. Điều chúng muốn là có một ông vua ngoan ngoãn, dễ sai, dễ bảo loại Đồng khánh.

Nay vua Thành-Thái lại là một kiểu mẫu trái ngược, tinh thần dân chúng Việt-Nam có thể bột phát chưa biết giờ phút nào nên tốt hơn cả là cắt ngài ra khỏi ngai vàng và đưa đi xa để sĩ-dân hết trông ngóng. Đối với chúng thế là thượng sách, rồi để an ủi sĩ-dân và trấn an dư luận chúng đem hoàng tử Vĩnh San là con ngài lên thay thêm nữa chúng tuyên truyền nhà vua loạn-trí, con ngài lên kế tiếp như vậy cũng như không có gì thay đổi và bất thường. Có lẽ chúng còn nghĩ tới Vĩnh San lúc này mới lên 8 ít nhất chúng được rảnh tay một thời kỳ khá dài đã, mặc dầu có thể Vĩnh San sẽ có dị chí như hoàng phụ.

Ít lâu sau, vua Thành Thái bị đưa ra an trí ngoài Vũng Tàu và con ngài là hoàng tử Vĩnh San lên ngôi ngay năm ấy là 1907 lấy hiệu là Duy Tân. Ở đây ta thấy kế hoạch của thực dân đã được thi hành dần từ giai đoạn này qua giai đoạn khác như một thể cờ.

Tuy kế hoạch của bọn Tây thuộc địa lập ra đến thế là khéo léo nhất nhưng vẫn không ngăn được một sự xôn xao trong chánh giới Pháp, vì thế Lévêque bị triệu hồi về nước.

Phản ứng của sĩ phu Việt-Nam ?

Một số Cử, Tú đang tọa giám (các thanh niên Khoa-mục vào học ở trường Quốc-Tử Giám. Trường này được coi như Học viện Quốc-gia hành chánh ngày nay là cơ quan đào tạo các cán bộ dưng vào việc trị dân) được tin về biến cố này liền sôi bầu máu nóng và thảo luận hịch thóa mạ cái triều đình chạy theo giặc nhất là tên đầu sỏ Trương như Cương cùng các đồng lõa. Kết quả : Không mấy khả quan. Phan thúc Hòe, tác giả bài hịch bị bắt giam ngay.

Một năm sau cuộc Đệ nhất thế chiến, bọn thống trị Pháp ở Việt-Nam e sợ ngài có thể là mấu chốt cho các cuộc khởi nghĩa chống

Bảo-hộ nên bí-mật chở ngài sang giam lỏng tại đảo Réunion và ngài ở nơi khách địa xa vời này luôn 32 năm cho tới 1947 con gái ngài là bà luật-sư Vương quang Nhường mới vận động được với cao ủy Pháp Bollaert đưa Cựu hoàng Thành-Thái trở lại quê nhà.

Thuở ra đi ngài là một thanh niên tráng kiện, mặt mũi sáng sủa, khí phách hiên ngang nhưng ngày về quê cũ ngài đã thành một ông già lưng còng tóc bạc.

Về nước, ngài phải chịu một điều kiện là chỉ ở miền Nam mà thôi Sáu năm sau ngài yêu cầu nhà cầm quyền Pháp cho về Huế thăm viếng mộ phần các tiên đế. Ý nguyện của ngài được thỏa mãn.

Và sau cuộc thăm viếng cố lý vào ngày 24-3-53 ngài từ giả núi Ngự sông Hương quay gót về Saigon tiếp tục nường nấu ở một căn nhà nhỏ tại đường Nguyễn trung Ngạn (Lucien Mossard) và đúng một năm sau (24-3-1954), Cựu hoàng lại quay về cố đô Huế lần nữa nhưng lần này ngài chỉ còn là một cái xác khô nằm gọn trong chiếc quan tài đề lại nhiều mẫn thương cho dân nước.



Một ông vua trẻ tuổi anh hùng : Duy Tân

Lúc lên nối ngôi Hoàng tử Vĩnh San mới tám tuổi. Việc triều chính đều giao quan phụ chánh Trương như Cương. Ta thường nói cha nào con ấy. Thực vậy rồi vua Duy Tân mỗi ngày một lớn lên và trở nên một thanh niên tuấn tú, ham chuộng tự do và cũng có óc bài Pháp,

Vua không chịu nổi sự tù túng trong cung cấm và thường tỏ ý muốn đi chơi các nơi, người Pháp muốn chiều ý ngài nên cho làm một nhà nghỉ mát gọi là nhà Thừa lương ở cửa Tùng (Quảng Trị) Vua ra Quảng Trị có lần đến chợ phiên Cam Lộ để gặp Khóa Bảo, một yếu nhân cách mạng thời bấy giờ. Trong những cuộc đi chơi như thế, Ngài thấy được rõ ràng nỗi khổ của dân chúng. Nhiều bạc chí sĩ các nơi thường kiếm cách để gần gũi ngài tại đây.

Vua Duy Tân là một ông vua có chí khí và thông minh rất mực. Chí khí và thông minh của ngài thường lộ trong ngôn ngữ, cử chỉ, hàng ngày. Có người kể lại một lần ở cửa Tùng vua bốc cát chơi nhóp cả hai tay. Một ông quan múc nước để vua rửa tay. Vua không rửa ngay cho. Ngài hỏi: «Tay nhóp lấy nước mà rửa, nước nhóp lấy chỉ mà rửa?». Câu «Ngồi trên nước không ngăn được nước» Cũng là thế. Những người gần gũi nhà vua thường biết nhà vua có chí anh hùng.

Các thủ lĩnh các phong trào Hậu Văn Thân (1) nhờ đó biết rõ bèn tìm cách trực tiếp nhà vua. Tiếp xúc với các lãnh tụ cách mạng vua Duy Tân có ý muốn nối tiếp cha để giành độc lập lại cho tổ quốc.

Trong lúc nhà vua ôm hoài bão bài trừ người Pháp thì bên ngoài nhiều tổ chức cách mạng mọc lên khắp mọi nơi. Các lãnh tụ Phan Bội Châu, Nguyễn thiện Thuật, Nguyễn thượng Hiền lập ra Việt Nam Quang Phục Hội (1910) tại Quảng Châu (Trung Quốc) Trong nước các cuộc khởi nghĩa ở Bắc Sơn, do các ông Long Sơn Ngũ Hải tức Đặng Thái Thân, ở Thái Nguyên do các ông Đội Quyển và Đội Cấn (1917) từ Nam ra Bắc v.v...

Năm 1908 Đê Thám và đảng Nghĩa Hưng chủ trương đầu độc lính Pháp ở Hà nội. Năm 1911 Chu đình Trạc nổi dậy ở Yên Bái nhưng các việc trên đều bị thất bại, các lãnh tụ người bị giết, kẻ bị đầy Côn Lôn, Lao Bảo rất nhiều.

Năm 1913 Việt Nam Quang Phục chủ trương một cuộc ném bom để thức tỉnh đồng bào tại quốc nội. Cụ Nguyễn văn Cẩn sai Nguyễn văn Tráng về thị hành mệnh lệnh. Kết quả tuần phủ Thái Bình Nguyễn duy Hàn bị giết. Quả bom cách mạng làm chấn động dư luận toàn quốc.

Cuộc đại chiến sắp bùng nổ. Tình hình thế giới đã đến lúc căng thẳng. Đức bỏ ra một số tiền lớn để giúp các nhà cách mạng Việt

1) Hậu Văn-thân là một phong trào chống Pháp trong khoảng từ 1900 đến 1918 tiếp theo phong trào tiền Văn-thân của thế kỷ trước.

Nam quấy rối Pháp ở thuộc địa và còn mong lật đổ cả chính quyền Pháp ở đây hầu thế lực Pháp tại hải ngoại phải giảm sút. Do chủ trương này, Sứ thần Đức ở Xiêm tìm gặp ông Đặng thúc Hứa bàn về việc đánh Pháp và hứa sẽ giúp Việt Nam khôi phục độc lập. Tú Hứa liền báo cáo việc đó cho ban Trung ương ở Quảng Châu. Ban Trung ương phái cụ Nguyễn Thượng Hiền sang Xiêm thương thuyết với sứ thần Đức đề mua khí giới và mộ lính đề lập một đạo quân dùng vào việc Phục quốc.

Trong lúc đó, các đảng bộ trong nước bị khủng bố liên tiếp. Chỉ có đảng bộ Quảng Ngãi là tương đối vững hơn. Đảng triệu tập hội nghị cử đại biểu ra ngoài nước điều tra tình hình và chấp mối liên lạc.

Bùi phú Thiện tức Cử Cần và Nguyễn Mậu tức Cầm Sơn được cử đi ngoại quốc. Hai người sang Xiêm gặp Cử Trinh báo cáo tình hình bên ngoài. Kề việc chia rẽ giữa cụ Phan Bội Châu và cụ Cường Để vì cụ Phan chủ trương bỏ quân chủ lập hiến đề lập chế độ Cộng Hòa dân chủ, lại trình bày cho hai người biết hệ thống giao thông và đem hai người đến gặp Đinh hữu Côn. Côn lại giới thiệu với Trần Hữu Lực thuật cho Thiện và Mậu biết cuộc thương thuyết giữa cụ Nguyễn Thượng Hiền và sứ thần Đức, vạch chương trình tiến hành của đảng và dặn trở về sắp đặt cơ hội chờ ngày hưởng ứng.

Hai người trở về nước chẳng bao lâu đến tháng 10 năm 1914 được tin cố đạo Bản Giốc (Quảng Ngãi) báo cho đảng bộ biết rằng đến ngày 4 tháng 2 năm 1915 sẽ có ba đạo quân kéo vào Bắc Kỳ Đảng liền khai hội nghị định đến ngày 4 tháng giêng năm 1915 sẽ nổi lên làm nội ứng.

Quân đội ở ngoài chia làm ba đạo kéo về biên giới.

1) Một đạo từ Long Châu kéo đến Yên Bái do Hoàng trọng Mậu chỉ huy.

2) Một đạo từ Long Châu kéo đến Lạng Sơn do Lê Đức Mân đảm nhiệm.

Một đạo do Trần hữu Lực tập trung ở Bắc Xiêm kéo qua miền Thượng Lào đến Lai Châu.

Nhưng quân cách mạng đến biên giới đánh nhau với Pháp chưa được mấy ngày thì bị dẹp tan. Trần hữu Lực bị bắt đem về chém ở Bạch Mai, Hoàng trọng Mậu và Lê đức Mân tuy chạy thoát song về sau cũng bị bắt và chịu chung số phận với Trần hữu Lực (1915).

Cuộc hành binh ở biên giới thất bại nên đảng phải tạm đình chỉ việc bạo động trong nước.

Việt Nam Quang Phục hội họp đại hội ở Phú Xuân (Huế)

Cuối năm 1915, cuộc Âu-chiến đi đến chỗ quyết liệt hơn bao giờ hết. Quân Đồng-Minh bại trận ở nhiều nơi nên quân Đức vượt qua sông Aisne rồi ồ ạt tiến vào kinh thành Paris. Biến cố này đã thúc đẩy các nhà cách mạng Việt-Nam trong Quang-phục-hội gấp rút hành động

Một hội nghị toàn quốc của Cách-mạng được đề ra. Rồi các chiến sĩ cách mạng đã họp tại nhà ông Đoàn Bồng ở đường Đông Ba (Huế) gồm có các ông Thái Phiên, Trần cao Vân, Phan thành-Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung, Nguyễn Mậu, Lê Triết, Nguyễn Chính.

Cuộc thảo luận kéo dài luôn mấy ngày liên tiếp và một kế hoạch đã được định xong cùng mọi phương lược cần thiết.

Tất cả đều đồng ý lấy vua Duy-Tân làm vai trò chủ chốt cho cuộc Cách-mạng, xét ngài được cảm tình của nhân dân nhất là sau khi hoàng-phụ của ngài bị Pháp phế bỏ. Do sự kiện này hội nghị nêu ra khẩu hiệu: «Phụng Kim Thượng vi an dân cơ sở: Rước đức vua tạm gia cách mạng để yên lòng dân.» Sau đó các công tác thiết nếu được chia ra như sau:

— Thái-Phiên và Trần cao Vân phụ trách việc liên lạc với vua Duy-Tân

— Lê-Ngung phụ trách thảo tờ hịch và chương trình hành-động

— Nguyễn-Thúy và Lê đình-Dương (y-sĩ) đi thương lượng với

cố đạo Bản-Giốc nhờ giới thiệu với viên quan tư người Đức ở Mang Cá.

— Nguyễn-Chánh làm ủy-viên Kiểm-soát.

Các tỉnh đều phải cấp-tốc vận động binh lính và dân chúng mỗi khi cách-mạng bùng nổ.

Lúc này vua Duy-Tân đã 16 tuổi. Vua thường lấy làm đau lòng khi thấy dân tình cực khổ, chịu sưu thuế nặng nề lại phải đánh giặc mượn cho Pháp.

Trước đây ngài đã có thái-độ chống Pháp trong việc giao cho Huỳnh-Côn thương thư bộ lễ một bức thư gửi cho chính phủ Pháp để trách về việc không thi-hành triệt-đề từ hòa-ước 1884. Rốt cuộc không ai dám đem bức thư này đi cả, có kẻ lại đi ton hót với Khâm sứ Trung-Kỳ, nên việc này khiến tòa Khâm rất bất bình.

Biết rõ tâm sự của ngài, Thái-Phiên và Trần-Cao-Vân liền tìm cách vào trực tiếp với ngài. Hai ông bỏ ra một số tiền lớn thu xếp với người tài xế của nhà vua để y thôi việc và nhờ y giới thiệu người khác vào thay. Kết quả Phạm-hữu-Khánh tốt nghiệp trường thương mại kỹ. nghệ ở Huế được giới thiệu đến lái xe cho nhà vua.

Khánh là một thanh niên lanh lợi, khôn ngoan được nhà vua tin dùng yêu mến. Nhờ vậy, đảng Cách-mạng càng được biết rõ ràng thái độ của nhà vua. Hai tháng sau Phạm Hữu-Khánh dâng vua một bức thư của Trần-Cao-Vân, đại ý nói thảm họa nô-lệ của quốc-gia và ý định phục quốc của các giới đồng bào.

Trong thư có câu gợi nỗi đau khổ thầm kín của ngài như sau : «Tha mĩ quốc hắc nô chủng tộc, ngũ thập niên do khả tự cường ; huống ngô dân hoàng đế tử tôn, năm ngũ triệu khởi cam chúng nhược ? : Kia nước Mỹ dòng giống tợ đen, sau 50 năm còn có thể «tự cường, hưởng dân ta con cháu nhà vua hai mươi lăm triệu nữ «đành hèn yếu !»

Và : Địa sinh tuần kiệt, hữu truat dân thảo tặc chi quyền... thiên

khải thánh minh hữu bài Pháp hưng bang chống Pháp : Đất sinh người giỏi có quyền đuổi giặc thương dân...»

Lại có câu khích động lòng vua Duy Tân mạnh hơn :

— «Phụ hoàng hoàng đế hà tội kiến thiên ?

«Dực tôn tôn lãng hà có kiến quật ?

(Đức vua cha của ngài (chỉ vua Thành Thái) vì tội gì mà bị lưu đày ? Lãng tã của vua Dực Tôn (Tự Đức) có gì mà bị đào bới?)

Xem xong vua Duy Tân tỏ vẻ uất hận vô cùng, yêu cầu được trực tiếp với tác giả bức thư kể trên. Trần Cao Vân và Thái Phiên liền đến yết kiến vua.

Đôi bên hò hẹn gặp nhau vào ngày 12 tháng 3 Âm Lịch (1916) là ngày vua đi ngự xem lính tập ở bãi Trường Thi. Sau khi duyệt binh qua loa chiếu lệ, vua vờ đi dạo mát dọc theo con sông đào gần đó rồi tới hồ Tĩnh Tâm. Thái Phiên và Trần Cao Vân đã ngồi đợi sẵn dưới hình thức người đi câu. Sau ngày ấy mọi chỉ thị đưa ra cho đảng cách mạng đều mang chữ ký «Cô Đà» là bí danh của Thái Phiên.

Ngày khởi nghĩa được vua quyết định vào đêm mùng 1 tháng 4 năm Bính Thìn (3-5-1916).

Riêng Trần Cao Vân muốn rời ngày khởi nghĩa vào khoảng tháng 5 Âm lịch. Ông ngò ý này với Thái Phiên và có ngụ ý này trong bài thơ vịnh tàu hỏa chạy từ Đà Nẵng ra Huế đề gửi cho các đồng chí hẹn cuộc khởi nghĩa vào tháng 5 năm ấy như sau :

Một mối xa thư đã biết chưa ?

Bác Nam hai ngã gặp nhau vừa.

Đường rầy đã sẵn thang mây bước

Ống khói càng cao ngọn gió đưa.

Sấm dậy tư bề trăm máy chuyền ?

Phút thâu muôn dặm một giờ trưa.

Trời sai ra dọn xong từ đấy,

Một mối xa thư đã biết chưa ?

(Theo lời bình giải của cụ tú Phan Khôi, hiệu Chương Dân : «*sấm dậy tư bề, trăm máy chuyển*» ám chỉ cuộc khởi nghĩa phát động.. «*Phút thâu muôn dặm một giờ trưa*» bảo chờ đến giờ ngọ hãy ra tay.

Rồi vua cho đúc 4 cái ấn kinh lược để chỉ huy 4 vùng :

- 1) Bình - Trị (Quảng - Bình, Quảng Trị)
- 2) Nam-Ngãi (Quảng Nam, Quảng Ngãi)
- 3) Bình-Phú (Bình Định, Phú Yên)
- 4) Khánh-Thuận (Khánh Hòa, Bình Thuận)

Trước khi từ giã Vua, hai ông Thái Phiên và Trần Cao Vân hẹn tới ngày đó sẽ đến hộ giá đi Quảng Ngãi.

Vào khoảng trung tuần tháng ba năm 1916, Việt Nam Quang Phục đảng (Trung bộ) họp đại hội lần thứ hai ở Phú Xuân để nghe báo cáo về tình hình và kiểm điểm lại lực lượng duyệt lại bản chương trình và quyết định kế hoạch bạo động.

Xét về lực lượng, đại hội thấy cũng tạm đủ : Quảng Nam, Quảng Ngãi cơ sở vững chắc. Thừa Thiên có lính Khố Vàng, đội lính khố xanh, đội lính Tây do quan tư người Đức chỉ huy ở Mang Cá và một đội lính mới mộ chừng độ một ngàn người để đưa qua Pháp. Đội quân này chịu ảnh hưởng cách mạng nhiều nhất. Ngoài ra còn một số quan lại viên chức và nhân dân xung quanh Huế và miền quê tham gia.

Quảng Trị : chỉ có một đội lính khố xanh do các ông quản Thiệu quản Nguyên chỉ huy ; tổ chức dân chúng rất mạnh, do ông Khóa Bảo cầm đầu.

Quảng Bình : chỉ có vài ba đồng chí. Các tỉnh miền Nam lực lượng chẳng được là bao. Kế hoạch khởi nghĩa đại lược như sau :

1) Tổng phát động khởi nghĩa ở khắp các tỉnh ; ít phút trước giờ khởi nghĩa, Huế sẽ nổ thần công làm hiệu lệnh báo cho Bình Trị biết, đồng thời nổi lửa ở đèo Hải Vân báo cho Nam Ngãi.

2) Huy động các đạo quân dân Thừa Thiên hưởng ứng trợ oai với các binh sĩ chiếm kinh đô. Liên lạc với quan tư người Đức đóng ở Mang Cá làm thanh viện.

3) Chiếm Đà Nẵng đề mở đường giao thông với Đức Phò.

4) Nếu tấn công bất lợi bị đánh lui thì đạo quân Quảng Nam sẽ rút về phía Tây chiếm miền rừng núi Ba Ná, đạo quân Quảng Ngãi sẽ kéo lên miền Gò Rút, đạo quân Bình Định sẽ kéo lên miền rừng núi Gia Rai (Plieku) là những địa điểm hiểm trở để làm hậu thuẫn cho các cuộc phản công.

5) Các tỉnh miền Nam Trung Kỳ vì lực lượng ít ỏi, sẽ nổi dậy hưởng ứng lúc nào quân cách mạng kéo tới.

Đại hội định ngày mồng một tháng tư âm lịch tổng khởi nghĩa Đại hội bầu ủy ban khởi nghĩa.

Huế : Thái Phiên, Trần Cao Vân

Quảng Nam : Phan thành Tài, Đỗ Tư

Quảng Ngãi : Lê Ngung

Công việc sắp đặt đâu vào đó, chỉ đợi ngày khởi sự, nhưng...

Cuộc khởi nghĩa bùng nổ và thất bại :

Vì tình riêng, ngày 30 một viên cai Khố xanh có chân trong đảng cách mạng tên là Võ Cư (theo tài liệu của Hành Sơn chép là Võ An) đóng ở đồn Quảng Ngãi bị đòi đi Đức Phò. Trước lúc ra đi, Cư có dặn với người em họ là Trung (theo Hành Sơn chép là Võ Huệ) làm lính gián ở dinh An sát nên về nhà đứng lại dinh, Trung không hiểu vặn hỏi. Vì thương em, Cư đành nói sự thật. Trung vâng lời. Chiều hôm ấy y đến xin phép viên An sát Phạm-Liệu.

Thấy sắc mặt Trung khác mọi ngày thường và điệu bộ khả nghi, Liệu liền gạ hỏi. Biết không thể dấu được Trung bèn thú thật. Liên đó Liệu đưa Trung qua báo Công sứ De Tastes và Tuần Vũ là Trần Liên Hối. Lập tức Cư bị bắt đưa về tra hỏi. Bị tra cực hình, Cư liền

khai ra Thiêm và Cần, Cần làm tùy-phái Tòa sứ được đảng giao cho trọng trách đầu độc viên Công-Sứ. Còn Thiêm, cai lính Khố xanh được đảng cử làm Giám-binh, đứng đầu việc chỉ huy đánh trại lính. Thiêm và Cần bị bắt tra khảo xong không chịu khai ai cả. Công sứ De Tastes liền đánh điện đi báo tin cho các tỉnh. Thế là bí mật của cuộc khởi nghĩa bị phanh phui hết, riêng Nam triều không được biết gì hết. Chiều mồng một, binh lính Việt-Nam bị lột khí giới và bị tống lao. Thành phố thiết quân luật, lính Pháp đi tuần kiểm soát các ngã đường. Đến giờ đã định dân chúng kéo đến các địa điểm tập trung. Đội lính Khố xanh ở Nghĩa-hành do Đội Luân, Cai Xứ điều khiển cũng kéo đến cách thành hai cây số nấp và một chỗ. Nhưng đợi mãi không thấy động tĩnh đành phải rút. Mấy ngày sau đó, nhiều người bị xét nhà, bị bắt và bị tra tấn cực hình. Cả thầy 14 người bị chém, trong đó có Lê Ngung. Hơn hai trăm người bị án khổ sai, đày đi Côn-lôn và Lao-Bảo.

Ở Quảng-Nam cách-mạng cũng bị vỡ lở trước ngày bạo động. Nguyễn-Đình phản Đảng, đem giấy má sớ sách báo với người Pháp. Đình người An-quán trước làm tuần phủ. Vì vậy, ở Hội An y sĩ Lê-đình-Dương bị bắt đưa vào Nam rồi đày lên Ban-mê-Thuột. Ở Đà-Nẵng Phan thành Tài bị xét nhà. Tài trốn thoát nhưng sau cũng bị bắt và bị chém vào ngày 9-6-1916. Một số khí giới và quần áo sắm cho dân quân bị tịch thu. Cuộc bạo động ở Faifoo và Đà-Nẵng vì vậy mà thất bại.

Lúc này Pháp canh phòng rất ráo riết khắp nơi. Riêng ở Tam-Kỳ phó Đảng chỉ huy dân quân đến vây phủ và giết chết viên Đại-lý người Pháp. Hôm sau lực lượng nổi dậy bị Pháp dẹp tan. Kết quả hơn 100 án chết chém và một số đông bị đày đi Lao-Bảo và Côn-lôn.

Ở Huế tòa Khâm được tin sắp có cuộc bạo động nên đã có sự phòng thủ kỹ càng. Tuy vậy đối với Nam triều họ vẫn giữ bí-mật. Ngày mùng một, Khâm sứ Charles mật ban hành lệnh giới nghiêm. Như vậy mà Trần-cao-Vân và Thái-Phiên chẳng hay gì cả. Đêm mồng một rạng ngày mồng hai tháng tư năm Duy-Tân thứ mười (3-5-1916)

hai ông cùng đội Siêu tức Nguyễn quang Siêu đến cửa Hòa-Bình đón vua Duy-Tân ; nhà vua lặn ra khỏi hoàng thành không may lại gặp tên mật-thám Trần Quang Trứ là thông phán tòa Khâm. Liền đó, vua bị lính đuổi theo ; túng thế nhà vua phải gói ẩn bỏ lại trên cầu Tràng-Tiền để đánh lừa quân lính rồi theo Thái-Phiên và Trần Cao Vân đi trốn. Tòa Khâm phái Phan đình-Khôi mang quân tìm nã, bắt được nhà vua và Thái-Phiên ở chùa Thiên-Mụ, đưa về Huế và nhốt trong đồn Mang-Cá.

Trần Cao Vân cũng bị bắt ở làng Hà-Trung thuộc huyện Phú-lộc (Huế)

Ngày 17-5-1916, các ông Trần Cao-Vân, Thái-Phiên, Phạm hữu-Khánh và hai người thị vệ bị chém tại An-Hòa, còn vua Duy-Tân sau mười ngày mất tự do, bị đày qua đảo Réunion ở Phi-Châu.

Tại Quảng-trị cuộc bạo động cũng bị vỡ-lở. Khóa Bào bị bắt và bị tra tấn rất dã man.

Quảng-Bình và các tỉnh miền Nam đêm khởi nghĩa không xảy ra việc gì nên được yên tĩnh. Quang-Phục hội sau khi cuộc bạo động bị thất bại đã tan rã. Ở Tàu và Xiêm đảng chỉ còn rải-rác một nhóm đồng chí sống nương nhờ với nhau chờ thời.



CHƯƠNG II

BINH SĨ THÁI NGUYÊN (BẮC VIỆT) KHỞI NGHĨA

TA thấy trên đây, cuộc chống Pháp của phong kiến và cách mạng Việt Nam thất bại nhưng hùng khí của dân tộc Việt Nam vẫn chưa tàn, một lớp người khác đã đứng lên. Đó là binh sĩ Việt Nam. Vào năm 1908 tại Việt Nam đã có vụ đầu độc quân đội Pháp xảy ra trong đó binh sĩ Việt Nam đã đóng một vai trò quan trọng. Quân đội Pháp nếu không được biết sớm kịp thời có thể đã bị tiêu diệt hết. Họ âm mưu với một số tay chân của cụ Hoàng hoa Thám trong kế hoạch vừa là nội công vừa là ngoại ứng cho cách mạng, tiếc thay đại sự không thành vì các tổ chức, hành động đã bị một giáo dân phản bội tố cáo vụ đầu độc này (trong bữa tiệc ngày 27-6-1908). Việc này dù sao cũng tỏ được tấm lòng ái quốc của binh sĩ Việt Nam đã không bao giờ bỏ cơ hội tốt trong khi toàn quốc có những vụ nổi dậy đề hưởng ứng với công cuộc chung. Lúc này nhân sĩ Việt Nam đã đòi chiều cho cuộc chiến đấu; các cụ Sào Nam, Mai Sơn, Cường Để đã rời nhà ra nước ngoài vận động chính trị, Hoàng hoa Thám chống Pháp khắp vùng Yên Thế, đồng bào Trung Kỳ nổi phong trào kháng thuế, kháng sưu, các hội buôn bí mật cung tiếp tài chánh cho cuộc Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh nghĩa thực v.v.

Đến 1917 binh sĩ Thái Nguyên nổi chí các đàn anh 9 năm trước mặc dầu họ chưa quên 13 cái án tử hình trong đó ông Đội Bình đứng đầu và hàng trăm quân nhân bị tù đầy ở các nơi ma thiêng nước độc.

Thực dân tuy biết trong người lính Việt Nam tinh thần ái quốc không thua kém một tầng lớp xã hội nào ở xứ này nhưng vẫn phải

đùng họ vì được nhiều điều lợi không thể bỏ qua được. Chúng tính rằng chỉ với việc bình định Bắc Kỳ họ tốn hơn 35.000 binh sĩ riêng của họ (người Âu và người Phi) 76 sĩ quan, trên 334.800.000 phật lảng chúng đã đau xót hết sức. Nay lấy người Việt trị người Việt muốn sao vẫn là một chính sách cần thiết nhất là chúng đã dày kinh nghiệm bản thân trước đây với các thuộc địa khác là Algérie (Pháp). Ấn Độ, Miến Điện (Anh) sau khi đã áp dụng những thâm độc và tàn ác vô cùng là « lấy củi đậu nấu đậu » dĩ chi thế chi quả có bớt hao tổn được nhiều sinh mạng và tiền tài cho chính quốc.

Rồi ngược dòng thời gian ta thấy : Sau ngày nắm được lục tỉnh Nam Kỳ, thực dân đã thi hành ngay chủ trương nói trên. Chúng rèn luyện và tổ chức 2 loại lính Việt Nam để phụ lực cho quân đội viễn xâm của chúng một loại là quân đội chính qui, một loại là quân đội địa phương.

Quân chính qui Việt Nam gồm có lính khố đỏ (tức lục quân) lính pháo thủ, lính tàu bay (phần đông là lính thợ) lính thủy

Lính địa phương là lính khố xanh không thuộc quyền Bộ Tổng tư lệnh quân đội viễn xâm Pháp ở Đông Dương mà thuộc Thống sứ tức là viên văn quan lớn nhất ở mỗi xứ Việt Nam. Lính cơ (khố lục) khố trắng, khố vàng đặt dưới quyền quan lại Việt Nam; lính đóng phục vụ tại các châu huyện các miền thượng du

Thực dân dùng lính thuộc địa có nhiều điều lợi là đỡ kinh phí và lương bổng. Hàng năm lính Pháp theo hợp đồng được về chính quốc nghỉ ngơi và gần gũi gia đình. Những toán về nghỉ phép gây ra một số tiền tồn phí về chuyên chở đáng kể đồng thời bọn sang thay cũng tồn phí như vậy. Giá biểu về lương của lính Pháp lại rất cao so với lương của lính thuộc địa. Theo thiếu tá Garbit một sĩ quan pháo binh thuộc địa, trình bày về sự sinh hoạt của binh sĩ viễn xâm tại trường thuộc địa ở Paris ngày 8-2-1905 lương lính Pháp gấp 4 lương lính bản xứ. Nhưng theo nhận xét của lính ta trong hàng ngũ Pháp, lương một lính Pháp có thể gấp mười lương lính Việt vì thế thực dân chủ trương thay lính Việt vào quân đội viễn xâm được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Về quân sự, lính bản xứ là một lực lượng trừ bị để bổ xung cho lính Pháp và đa số đã được dùng trong việc giữ trật tự hơn là để chiến đấu. Đó là trong giai đoạn đầu. Sau thực dân thấy lính bản xứ thông thạo chiến đấu lại chịu đựng gian khổ dẻo dai, hiểu biết địa lý và tình hình dân, chúng liền trọng dụng họ về chiến tranh để chết thay cho chúng và chúng còn bắt lính bản xứ đóng ở các nơi lam sơn chướng khí cũng không ngoài mục đích kể trên.

Thực dân còn lợi dụng lính bản xứ làm trung gian giữa nhân dân ta với chúng, tuyên truyền cho «*nhà nước bảo hộ*» và làm cả tai mắt cho chúng. Về phía chính quốc chúng đỡ được một phiền phức lớn trên phương diện chánh trị là càng ít chuyên quân sang thuộc địa càng đỡ bị ngày ngày vì nhân dân Pháp luôn luôn cực lực phản đối việc xuất quân ra hải ngoại nhất là khi chính quốc đang có chiến tranh về phía Âu Châu.

Mặc dầu công dụng của binh sĩ Việt Nam lớn như vậy, sự đãi ngộ của thực dân đối với họ rất là tàn tệ. Lương hưởng đã quá ít, công việc lại nặng nhọc, gian lao nhiều hơn. Ở cấp bậc nào, người quân nhân thuộc địa cũng thiệt thòi so với kẻ đồng ngũ, đồng cấp của mình chỉ vì khác màu da (1). Ngoài ra người quân nhân Việt đều có nhiều thành tích cũng chỉ được dự hàng hạ sĩ quan mà thôi. Sau này xảy ra nhiều vụ bạo động do họ gây nên, một lý do trong nhiều lý do chính yếu là bởi họ căm hờn chính sách bất bình đẳng của thực dân. Bấy giờ thực dân mới chịu cho người Việt thăng lên đến cấp Đại úy để xoa dịu sự bất bình của họ. Nhưng đến cấp sĩ quan, thực dân phải đặt ra những điều kiện đặc biệt : chúng lựa những kẻ có cha mẹ chú bác đã từng làm quan, đã từng cộng tác với chúng nghĩa là làm Việt gian cho chúng lâu đời mới cho vươn lên cấp quan một

(1). Lương một Trung úy Pháp gấp gần 30 lần lương một lính Việt ở đại đội chủ lực năm 1867 tức là lương trung úy 7000F mỗi năm người lính Việt chỉ được 252F. Đó là chưa kể áo quần, nhà ở và các phụ cấp khác. Một thượng sĩ Pháp ăn hàng năm 5.000F, thượng sĩ Việt ăn 900F

quan hai. Còn những người khác tài giỏi mấy cũng khó được cất nhắc lên hàng chỉ huy dù chỉ huy trung đội hay Đại đội (Trung đội có ngót 50 người. Ba trung đội thành một đại đội).

Đề đề phòng việc tuyên truyền cách mạng, bọn thực dân đã đặt ra những kỷ luật khắt khe, tỉ dụ mục 6 của bản giáo lệnh về tổ chức lính khố xanh ở Đông Dương: «... bị coi là phạm kỷ luật và bị trừng phạt tùy theo mức độ nghiêm trọng của tội lỗi những binh lính nào thì thăm với nhau, nói với nhau những chuyện không tốt...» Với điều giáo lệnh này người lính Việt bị khóa miệng, nếu sơ xuất thì tha hồ ngồi tù và bị trừ lương (1)

Thủ đoạn «chia rẽ trị» cũng được áp dụng vào đám quân nhân Việt. Luôn luôn thực dân gây mâu thuẫn giữa những người địa phương này với địa phương khác (Trung, Nam, Bắc) giữa người Việt với người Thượng, giữa binh chủng này với binh chủng khác để kẻ nọ tố cáo người kia, gây lộn với nhau rồi rút cục phải chạy theo chúng một cách trung thành. Quý quyết hơn nữa là chúng ra mặt cưỡng chiều binh lính để chia rẽ lính với dân. Lính đi đâu phá phách ăn quyt, chơi bửa đánh nhau với dân thì bao giờ chúng cũng xử cho lính được kiện. Như vậy *quân* với *dân* đã thành cừ địch của nhau. Rồi nhiều người lính vô ý thức trước thủ đoạn chia rẽ này, đi đâu cũng làm phách làm tàng, tự phụ là người của Nhà nước (!) Dân ghét lính, lính hiếp dân, đang ruột thịt mà sinh ra oán thù. Có lẽ câu «*bạc như dân bất nhân như lính*» cũng phần lớn do sự việc kể trên mà ra.

Trong trường hợp có cuộc khởi nghĩa ở vùng nào thì thực dân mang lính ở địa phương khác (xứ) đến đánh dẹp, hoặc mang người kinh đi dẹp người Thượng và ngược lại. Năm 1892 tên Đại tá Servière đã tổ chức nhiều tiểu đoàn lính Thổ đề trấn áp miền đồng bằng và Galliéni một tên quân phiệt khét tiếng đã tiết lộ rằng «*Hành động chính trị quan trọng nhất... Hành động đó phải đưa đến*

(1) Những lính bị giam theo điều nói trên chỉ được hưởng nửa lương

chính sách chủng tộc. Bất cứ một tập đoàn, chủng tộc nhân dân, bộ lạc hay gia đình nào cũng có những quyền lợi giống nhau và đối nghịch nhau... Cũng có những sự thù hằn và chống đối nhau, chúng ta phải biết phân tách để lợi dụng»...(1)

Thủ đoạn «chia để trị» của thực dân quả có sâu sắc và đem lại cho chúng nhiều kết quả tốt đẹp nhưng có phải vì người lính Việt chúng ta thiếu lòng yêu nước chăng? Sự thực như ta biết, người lính Việt vốn xuất thân là bình dân, lao động, ít học, vì sinh kế bị dụ dỗ vào lính cho đế quốc để kiếm cách sống cho gia đình. Họ đâu không hiểu sự nhục nhã, sự bất công, sự bóc lột của thực dân đối với họ cũng như đối với các đồng bào hay thân nhân của họ. Lại nữa, họ xuất phát ở nhân dân họ không sao ly khai với nhân dân, trừ một số ít được ở cấp cao được ưu đãi, còn đa số tóm lại vẫn thông cảm nỗi thống khổ chung của xứ sở nên trong các cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Bãi Sậy, Yên Thế đã có nhiều lính tập đảo ngũ, những phát đạn bắn lên trời, trệch ngoài mục tiêu. Những bài thơ tuyên truyền của các nhà cách mạng đã kêu gọi được rất nhiều binh sĩ-Việt trong hàng ngũ địch.

Nhưng nếu có tờ chức hãn hỏi họ mới có thể kéo cả tập đoàn đi theo cách mạng như trường hợp nghĩa quân đồn Phù Sá đầu tháng 5-1894 đồn Kim Anh ngày 16-5-1894 (Phúc Yên BV) cuộc nổi dậy của lính khố xanh tại Bắc Ninh bắn chết tên Hiến binh Verdème và Tây đoàn Maulhaud ngày 5-5-1894, một toán binh lính Mường ở đồn Chợ Bờ (Hòa Bình) hưởng ứng với toán nghĩa quân Đốc Ngữ chiếm tỉnh lỵ phá nhà lao, giết công sứ Rounéry, giám binh Ziegler và giám thị Lévy anh em lính khố xanh đồn Thanh Trì (Hà đông) mở đường cho quân Bãi Sậy đánh chiếm vị trí của giặc. v.v.

(1) Chesneaux trong *Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne* trang 143 viết: L'action politique est de beaucoup la plus importante... elle s'exerce sur la « politique de race. » Toute agglomération d'individu, race, peuple, tribu ou famille, représente une somme d'intérêts communs ou opposés... il y a aussi des haines et des rivalités qu'il faut savoir démêler à notre profit,

Vì vũ trang khởi nghĩa cần đề nuôi dưỡng tinh thần cách mạng của dân tộc và đề anh em binh sĩ Việt trong hàng ngũ Pháp không quên nước, quên nhà, các văn thơ tuyên truyền của các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực cuối thế kỷ 19 qua đầu thế kỷ 20 đã lấy binh lính làm đối tượng rất nhiều phen. Tỉ dụ : «*Mười Điều đồng tâm*», «*Các chú tập binh*», «*Yếm bà buộc cổ bà*» há chẳng đã châm ngòi cho các vụ Hà thành đầu độc ngày 27-6-1908, cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của vua Duy Tân tại Thừa Thiên, Quảng Nam, và Quảng Ngãi năm 1916 đó sao ?

Cuộc thế chiến thứ nhất bùng nổ.

Người Việt ta chỉ mong có cơ hội thuận tiện đề nổi lên đánh gục quân xâm lược nên sau khi nhận thấy sự suy nhược phần nào của thực dân Pháp ở Đông Dương và nghe lời kêu gọi của *Việt Nam quang phục hội* từ bên kia biên giới vọng về, nhiều cuộc bạo động nhỏ đã bùng ra ở nhiều nơi trong nước. Các cuộc vùng lên của binh sĩ Việt Nam thuộc ấy đáng kể là quan trọng và được sự ủng hộ của nhân dân địa phương nhiều nhất là vụ Thái Nguyên khởi nghĩa.

Vụ này xảy ra tại Thái Nguyên, một tỉnh thuộc miền Trung du xứ Bắc vào cuối năm 1917 được quốc dân coi là một cuộc khởi nghĩa lớn nhất trong khoảng đệ nhất thế chiến.

Bấy giờ là cuối năm thứ tư của thế chiến. Căn nguyên của cuộc khởi-nghĩa vẫn ở chỗ Cách-mạng Việt-Nam (Việt-Nam quang phục hội) quan niệm Pháp đang sa lầy trong cuộc chiến-tranh với Đức, nên lợi dụng cơ hội này cho cuộc quật-khởi của nhân dân ta. Và cần phải có nhiều cuộc khởi-nghĩa ở khắp nơi và liên tiếp đề gây nhiều trở ngại cho địch trong việc cầm cự ngõ hầu phá được gông cùm của Đế quốc.

Cũng nên nhắc rằng việc bọn Pháp ở thuộc địa chở lính Việt sang chính quốc chuyển này nối chuyển khác, các cuộc bạo động ở Nam-Kỳ, Trung-Kỳ—vụ vua Duy-Tân Khởi nghĩa (1916) vụ các phạm nhân ở Lao-Bảo phá ngục (cuối năm 1915) — trước đây đã kích-thích tinh thần dân chúng rất mạnh khiến đồng bào miền Bắc mặc dầu khởi

lửa vùng Yên-thế vừa tắt sau ngót 30 năm bùng cháy lại vùng đây. Thêm vào đó tên Công-sứ Darles ở tỉnh này rất tàn ác và đã được Việt-Nam liệt vào loại tứ hung trong bốn thực dân Pháp thuộc ấy ở Việt-Nam : Nhất Đạc (Darles) nhì Ke (Ecker) tam Be (Galambert) tứ Bít (Brides). Hầu hết mọi người đều ngạt thở với y kẻ từ dân chúng tới tù phạm và cả binh sĩ Khố đỏ, Khố xanh.

Nhà lao Thái-Nguyên lúc này lại là nơi tập trung một số đồng chính-trị phạm thuộc các vụ Duy-Tân, Đê-Thám, Đông du, Đông-kinh nghĩa thực..v.v. trong đám này có Lương-ngọc-Quyển con cụ cử Lương-Ngọc.Can, một nhà cách mạng văn thân hữu danh ở Bắc-Kỳ, chúng ta không quên rằng Lương ngọc-Quyển là một thanh niên ưu tú trong đám du học-sinh hải ngoại do cụ Phan-Sào-Nam đưa qua Tàu và Nhật để được đào tạo trong các trường võ-bị. Pháp bắt được ông khi ông trở về Việt-Nam hoạt động rồi ông bị nhốt trong nhà lao tỉnh Thái. Lương không bỏ lỡ cơ-hội tuyên truyền các Cai Đội và binh sĩ hàng gậy gỗ, di-nhiên bên Lương còn nhiều chiến sĩ cũng hoà điệu vào việc cõ động ái quốc.

Rồi Lương Ngọc Quyển (1) đã gặp Trịnh Văn Cấn người lãnh tụ phong trào chống Pháp ở Thái Nguyên sau đó, Trịnh quê ở phủ Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Yên đi lính khố xanh từ thuở ít tuổi và đóng ở tỉnh Thái Nguyên đã khá lâu. Ông đã từng theo Pháp đi càn quét cách mạng nhiều lần trong thời cụ Đê Thám hoạt động ở hai tỉnh Bắc Giang và Thái Nguyên những năm trước. Qua các cuộc đụng độ

(1) Ông Lương ngọc Quyển còn một tên nữa là Lương-lập-Nhàm. Ông xuất thân ở hai trường Chấn Vũ (bên Nhật) và Bắc Kinh (cửa Tàu) rồi chỉ huy Quang-phục-quân về đánh các đồn Pháp ở biên giới Hòa Nam trong năm 1912-13. Sau đó ông bị bắt cùng với Hoàng Trọng Mậu Nguyễn-thân-Hiến, Đặng-tử-Kinh, Trần-hữu-Lực, Nguyễn-yên-Chiêu v.v. Ngược với tài liệu này của Trần văn Giàu, Nguyễn văn Sự và Nguyễn Xuân chép trong « Lịch sử V.N 1897-1914 » trang 278, tác giả Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại V.N. trang 135 nói Lương bị người Anh bắt ở Hương Cảng năm 1915 rồi bị giao cho Pháp. Ông bị Pháp xử khổ sai chung thân. Tuy bị tù ông vẫn tích cực tuyên truyền cho Cách mạng trong các nhà lao Hà Nội, Sơn Tây, Phú Thọ và Thái Nguyên,

với nghĩa quân, Trịnh đã được chứng kiến nhiều lần sự dũng cảm và tinh thần bất khuất của những người con yêu của tổ quốc. Hẳn vì thế mà ông bị xốn xang trong dạ, cảm thấy sống bên địch, phục vụ địch là nhục nhã, hèn nhát. Điều khác nữa cũng phụ thêm để kích thích lòng xót giống thương nòi của ông là hàng ngày ông được mục kích bao nhiêu vụ cướp ruộng, cướp đất của bọn thực dân để làm đồn điền, để khai thác khoáng sản và để làm đường xe lửa Hà Nội Lạng Sơn khiến bao nhiêu đồng bào nông dân trở nên tay trắng và thành nô lệ cho bọn điền chủ ngoại bang. Sống lâu ở địa phương này ông rất thông thạo địa hình địa vật, từ các làng xã vào tới rừng núi nên ông càng nức lòng muốn lợi dụng sự hiểu biết của mình để đánh Pháp cho thoát khỏi tay.

Hồi đóng đồn ở chợ Chu, ông Cán đã có ý định phát cờ khởi nghĩa bởi thấy cuộc Thế chiến đã bùng nổ và Pháp đang bị lúng túng bên chính quốc. Lại nữa lòng dân hướng nghĩa rất rõ rệt. Chưa kịp bắt tay vào việc tuy đã bắt được liên lạc với nhiều anh em quân nhân, ông Trịnh Văn Cán đã bị đòi về Thái Nguyên nhưng lại là điều hay vì các đồn trưởng Việt-Nam (các đồn Đu tức đồn Phú Lương, đồn chợ Chu.v.v..) tháng nào cũng về tỉnh để lãnh lương và thường có những việc giao dịch đủ các thứ. Trịnh rí tai họ đề cùng thi hành đại nghĩa, dần dần được nhiều bạn hưởng ứng như Đội Giá, Đội Trường, Đội Lữ, Đội Nhi, Cai Xuyên, Cai Ứng, Cai Mánh, Ba Chén, Quyền Nhiều, Quyền Yên và người lính số 1.035.v.v... bấy giờ ông với bọn người trên đây chưa gia nhập một tổ chức nào, sau Trịnh mở rộng cuộc tiếp xúc với các anh em chính trị phạm bấy giờ được phân phối ra ngoài thành phố để làm các « Cỏ vè » trừ một vài người bị cấm cố trong phòng kín. Các anh em chánh trị phạm được dịp tuyên truyền ái quốc cho binh lính.

Lương ngọc Quyến và Trịnh văn Cán đã gặp nhau trong dịp này và ông Cán do tin tưởng ở ông Lương ngọc Quyến (người ta còn gọi ông là Ba Quyến) về tài quân sự đã quyết định luôn việc khởi nghĩa, Lương còn cho biết cách mạng Việt-Nam lúc này đã có một

lực lượng lớn ở bên kia biên giới sẵn sàng tiếp viện nếu bên trong có nhân dân vùng dậy.

Rồi ngày Khởi nghĩa được quyết định vào tháng 5 âm lịch năm 1917 trong khi viên Giám binh Noel đi Đại từ (Phủ) đốc thuế. Nghĩa quân định giết tên Giám-binh rồi cướp số tiền thuế và lạng lẽ kéo nhau về tỉnh tuyên bố khởi nghĩa. Dĩ nhiên những người dự vào việc theo Giám binh đi đốc thuế và bảo vệ tiền thuế từ Hùng Sơn về tỉnh lỵ đều là các anh em đồng chí. Việc hạ sát định diễn ra tại bến đò Huy-Ngạc cách Phủ chừng 1 cây số nhưng bị trở ngại nên phải đình lại. Ngoài ra còn trở ngại khác là Pháp có một lực lượng lính da trắng đặt ở tỉnh lỵ để giữ tỉnh ngoài lính khố xanh canh gác ở các Công sở và nhà tù. Không hạ được bọn này thì không làm chủ được thành phố và xét lực lượng địch có bề trội hơn, nghĩa quân phải dùng mưu ti-dụ đánh địch trong một trường hợp bất ngờ.

Kế hoạch đầu tiên không áp dụng được, nghĩa quân tính đốt rạp hát vào một buổi tối để bọn lính Pháp kéo đến chữa cháy rồi một cánh quân của ta đánh úp chúng, một cánh khác xông vào trại cướp súng và đánh chiếm tỉnh. Kế hoạch này cũng lại không thực hiện được lần thứ ba nghĩa quân định nổi lên vào ngày lễ kỷ niệm Cách mạng Pháp phá ngục Bastille (14 Juillet) tính hôm đó binh sĩ Pháp-Nam đều có mặt đông đủ để diễn quanh tỉnh. Thường lệ trong những dịp này súng không có nạp đạn, nhưng người chỉ huy địch ngầm cho anh em lấp đạn để đánh úp quân Pháp, rồi tính toán lại, nghĩa quân sợ tên bay đạn lạc vào đồng bào đi xem hội Tây lại bãi luôn cả kế-hoạch này. Rất may việc này không đến tai địch vì bộ máy mật thám của chúng ở chốn đường rừng có phần lơ là nên đại sự không bị tiết lộ. Sang tháng 8 năm ấy (1917) vì có tin một số Cai Đội sắp bị chuyển chuyển và có thể có cả ông Đội Cấn và mấy nhân vật chủ chốt của nghĩa-quân. Không còn trừ trừ được nữa ông Trịnh quyết lợi dụng ngày cuối tháng anh em ở xa về tỉnh lĩnh lương sẽ khởi sự.

Đêm hôm 30 rạng ngày 31-8-1917, tỉnh Thái rộn rịp vì binh sĩ và công chức các Phủ, Huyện về lĩnh lương. Những chiếu bạc được

bầy ra đề sát phạt, thành phố náo nhiệt hơn mọi đêm thường. Vào 11 giờ nghĩa quân thành linh tấn công vào trại lính Pháp. Mục tiêu chính yếu là giết tên Giám binh Noel và tên Phó Quản Lạp. Hai ông Đội Trưởng và Ba Chén phụ trách công tác này. Ông Trưởng đến gõ cửa nhà Giám binh xây trên đồi, nói có Công điện gấp từ Hà nội đánh lên. Noel không mở cửa chỉ thò tay ra lấy bức điện. Người lính theo ông Trưởng thấy vậy vội cầm dao chém vào cánh tay của y. Noel đẩy mạnh cửa ra đề chạy, tính băng qua trại lính Pháp. Ông Trưởng không còn cách nào khác là rút súng lục bắn theo. Noel bị đạn ngã gục. Việc tuy có kết quả nhưng sai kế hoạch là đã nổ súng, đáng lẽ phải giữ im lặng cho việc đánh úp vào quân Pháp.

Thấy động, bên trại khố xanh, lính Pháp cất tiếng hỏi thì bị nghĩa quân đáp lại bằng những lời chửi rủa. Chúng không dám ra chỉ thời kèn báo động và tập họp các công chức Pháp; trong khi đó tên Sen-dâm (cảnh sát trưởng) Besart và tên cai Rochette cùng bốn binh sĩ Pháp chạy được sang sở Bưu điện đề cấp báo về Hà-Nội.

Làm chủ được trại khố xanh, nghĩa quân bêu đầu tên Giám-binh và phó quản trên hai cái đĩa đề giữa trại rồi tuyên bố việc khởi-nghĩa. Sau đó họ chia nhau đi chiếm các Công-sở dinh thự và phá nhà tù. May cho tên công sứ Darles và tên phụ tá của y là Tuste hôm ấy đi nghỉ mát ở Đờ-Sơn. Chúng thoát khỏi chết, còn tên chủ sự Kho bạc chạy được sang trại Pháp vì y ở gần đấy. Chiều hôm sau, nghĩa quân vào chiếm được nguyên vẹn số tiền của sở này là 71.000 đ non một nửa bằng tiền giấy và 41.000 đ bằng bạc đồng. Tên chủ sự sở Hiến-binh Lyon và tên thầu khoán Gauthier định sang ăn bên nhà Giám binh nhưng bên trong nhà bắn ra dữ dội, chúng phải qua trại Pháp.

Việc đánh chiếm nhà lao có sự khó khăn không ngờ là khi ông Giá đem 50 nghĩa quân sang, tên Giám ngục Loeu không cho mở cửa ngay, bởi y đã nghe thấy kèn báo động. Y cho khóa chặt cổng đề lao và bỏ thi việc phòng thủ rất cẩn mật. Ông Giá nói dối được Noel phái sang tăng cường cho y. Y hỏi mật hiệu vì có ý nghi ngờ Ông Giá trả lời đúng và được vào. Nhưng Loeu vẫn còn thắc mắc. Y khoát tay ông Giá

cùng đi, bề khác y cầm súng lục có nạp đạn sẵn đề phòng bất trắc. Hai người cùng đi tuần quanh đề lao. Vài anh em nghĩa quân đứng trên vọng canh muốn hạ thủ Loeu lại sợ trúng vào ông Giá, sau hai người đi đến chỗ góc tường thì một viên đạn từ lỗ châu mai bắn ra Nhò chỗ hai người đứng so le, viên đạn mới đi trúng đích, Loeu ngã xuống. Vợ tên Giám ngục la hét ầm lên và kêu cứu thì bị một búa của nghĩa quân đập chết. Trại lính Pháp cách nhà lao có 200 thước mà lính Pháp cũng không dám sang cứu chỉ bắn qua mà thôi.

Lúc này các cửa ngục đã được mở toang. Anh em thường phạm và chánh trị phạm đều được giải phóng và được dẫn sang tập trung ở trại khố xanh. Nhiều người bị xiềng mang theo cả xiềng mà lê đi kêu lêng sêng. Có người bị xiềng lâu ngày đi không vững; đó là trường hợp ông Lương Ngọc Quyến (Dưới chế độ tàn ác của thực dân Pháp thuở ấy tù nhân đeo xiềng cả ban ngày để đi làm khổ sai). Họ phải vượt qua trại lính Pháp đề sang trại khố xanh. Vài người bị đạn của lính Pháp bắn ra bị thương nhẹ.

Lá cờ đề 4 chữ « nam bình phục quốc » đã được kéo lên báo cho đồng bào trong thành phố biết nghĩa quân đã làm chủ thành phố, trừ trại lính Pháp chưa vào nổi. Dân chúng mừng rỡ vô cùng và nhiều người xin gia nhập cuộc khởi nghĩa trong đó có ông Ký Kính. Ông Đội Cấn tuyên bố : nhân dân và binh sĩ, ai muốn dự việc cứu quốc thì vào và ở lại, ai không muốn thì cho tùy ý giải ngũ về quê với vợ con. Hầu hết đều tình nguyện theo ông, trừ 7 người xin nộp súng và rút lui.

Người ta tồ chức lại hàng ngũ : lính khố xanh gọi là lính cũ. Anh em phạm nhân và dân chúng được gọi là lính mới. Cộng tất cả được 623 người và số súng thu được là 600 khẩu vừa đủ dùng. (Một tài liệu khác nói số nghĩa quân bấy giờ có 131 lính khố xanh và 200 chánh trị phạm. Theo *Alfred Echinard* nguyên Công Sứ Thái Nguyên, tác giả cuốn « *Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái nguyên* » số vũ khí lúc này chỉ có 92 khẩu mít, 75 súng trường, 15 thanh kiếm và 91.175 viên đạn).

Trong đám lính mới, đa số chưa được huấn luyện quân sự, phải

học gáp rút việc bắn súng giết giặc trừ một số nghĩa quân của cụ Đề Thám.

Một hội nghị quân sự đã được gáp rút thiết lập để định đoạt chiến lược và kế hoạch. Nghĩa quân có hai chủ trương khác nhau. Bọn các ông Tú Hối Xuân (ông này người làng Hối Xuân ở Trung Kỳ bị giặc Pháp bắt trong vụ Duy Tân khởi nghĩa năm 1916) Ba Quốc và Ba Lâm đề nghị nhân giặc chưa có sự đề phòng nên dùng xe vận tải đánh cướp được chia nhau đi đánh chiếm các tỉnh Phúc Yên, Bắc Giang Bắc Cạn.v.v. Binh sĩ và quần chúng ở các địa phương này sẽ hưởng ứng rồi nhân đây nghĩa quân như vết dầy loang tràn sang các tỉnh kế cận. Quân Pháp sẽ không thể tập trung lực lượng để đánh Thái Nguyên vì còn phải phân tán đi phó cứu nhiều nơi.

Bọn ông Lương-ngọc-Quyển chủ trương thế thủ cho rằng cần củng cố lực lượng, thao luyện tân binh, giữ Thái Nguyên làm căn cứ cho vững chắc e tấn công nhiều nơi nếu thất bại sẽ mất cả địa bàn hoạt động. Một tài liệu khác nói Quyển còn khuyên ông Cấn nếu sau này Thái Nguyên không giữ được thì kéo quân ra biên giới Quảng Tây liên lạc với quân cách mạng hải ngoại nhưng ông Cấn lúc ấy chưa đồng ý lắm.

Cuộc bàn cãi rất sôi nổi, rút cuộc ông Cấn nghe theo ông Quyển vì tin tưởng ở sự hiểu biết quân sự của ông. Bọn ông Tú Hối Xuân lấy làm bất mãn. Hai sách lược này xét ra đều có tính cách phiêu lưu vì ta đã thấy rõ với lực lượng của Đế quốc tương đối đầy đủ như vậy mà chia số quân chưa tới 700 người, đa số lại chưa có huấn luyện đi đánh nhiều tỉnh là điều quá bấp bênh. Đó là chưa kể đến các điều kiện thiết yếu về mặt tổ chức : lương thực, vũ khí, nhân tâm v.v... lúc đó chưa được chuẩn bị.

Chủ trương cố thủ cũng thiếu thực tế như chủ trương tấn công lung tung vì chưa vận dụng được toàn bộ thì ít nhất cũng phải vận dụng được từng bộ phận để làm kế dựa nương cho sự tấn công. Nay các điều kiện chủ quan, khách quan đều thiếu sót hết thì sách lược trên hay dưới chỉ có tính cách nhất thời mà thôi.

Cuộc chiến đấu trong thành phố

Nghĩa quân đến đóng giữ các cơ quan công quyền, một số trấn các nẻo đường thứ nhất là xa lộ Hà Nội — Thái Nguyên. Hai bên đường từ đồn điền Gia Sàng đến tỉnh lỵ có đào chiến hào phòng phải ngăn địch tiến vào thành phố. Đồng thời họ Trịnh gửi thư cho Lương Tam Kỳ ở chợ Chu và Quách Cửu, Quân đạo ở Hòa bình nhắc lời hẹn cộng tác của họ. Hai người này có thái độ trông chờ và nói nghĩa quân có làm chủ được tình thế ở Hà Nội họ mới dám theo...

Thống sứ Bắc kỳ bấy giờ là Gallen nhận được điện tín báo động của Thái Nguyên vào 2 giờ rưỡi sáng ngày 31-8-1917. Y cấp báo ngay cho Darles đang nghỉ ở Đờ Sơn. Bốn giờ sáng Darles cùng hai Giám binh Pellégrini và Martini đem 4 lính khố xanh lên Gia Sàng nghe ngóng rồi chiều hôm ấy chúng đi Đập Cầu bàn luận gấp với bọn chỉ huy quân sự Pháp ở Bắc Kỳ về kế hoạch phản công khởi nghĩa.

Ngày hôm sau, chúng đem một đại đội lính Pháp có liên thanh và súng cối tới Gia Sàng và ngày 2-9 chúng mở cuộc tấn công. Thiếu tá Perreux dẫn một số binh sĩ tiến lên đồi. Nghĩa quân ở các chiến hào bắn xuống rất kịch liệt, chúng phải rút xuống chân đồi lấy thêm viện binh. Trung tá Beyre cũng được phái đến mặt trận nghiên cứu do sức kháng chiến mạnh mẽ của quân cách mạng. Hôm 3-9 Pháp đem 120 lính Pháp và 150 lính khố đỏ đến Gia Sàng tính mở cuộc tấn công vào sáng hôm sau. Ông Cẩn ra tay trước và từ trong thành tiến ra, nghĩa quân đánh úp Đại bản doanh địch vào nửa đêm mồng 3 rạng ngày mồng 4-9-1917. Giám binh Martini từ trận cùng với một số bộ tốt Pháp. Đầu y bị cắt.

Thắng xong, nghĩa quân rút về tỉnh lỵ, tinh thần rất là phấn khởi.

Ngày 4-9 địch phục thù bằng một hỏa lực rất mạnh do 4 khẩu đại bác bắn dồn vào hai phía Đông Tây rồi chuyển qua phía Nam. Trưa hôm ấy địch tăng cường thêm 80 lính Lê dương ở Yên Bái kéo xuống.

Ngày 5-9 đôi bên lại giao tranh rất ác liệt. Nghĩa quân anh dũng chống lại. Ba mươi sáu nghĩa binh của ông Cai Mãnh bị hy sinh gần

hết nhưng địch cũng thiệt hại nhiều dầu đồng đảo hơn. Rồi chúng từ nhà thương cũ tiến được đến chỗ nhà thương mới và buổi trưa đã vượt được cửa Ô. Nghĩa quân phải rút ra ngoài để giữ vẹn lực lượng. Nhưng trước khi rút ông Trịnh có cho người mang giầy đi báo cáo sự kiện này, tuy vậy có vài nơi liền lạc viên không tới nổi nên vẫn ở lại chống giặc cho tới khi chết hết. Tỉ dụ ông Đồ Ba (1) và 11 bộ tốt giữ kho bạc đến khi không còn người nào. Ông Đội Năm đóng ở khu nhà thương không được tăng cường lực lượng nên cuối cùng phải hàng giặc. Một việc đáng buồn hơn nữa, đó là cái chết của Lương ngọc Quyến. Về chung cuộc của người chiến sĩ này có vài thuyết khác nhau : có người nói ông bị hy sinh trong trận đánh hết sức quyết liệt tại tỉnh lỵ lúc đó, có người nói sau khi ra khỏi nhà lao vì bị xiềng xích lâu ngày ông không đi được, người ta phải cõng ông. Tới lúc nghĩa quân phải bỏ thành phố rút ra ngoài, ông Đội Cấn vẫn bắt người khiêng ông. Ông thấy trong lúc gian nguy này anh em phải bận bịu về mình thì không đành nên xin tự tử để anh em được rảnh tay chống giặc. Ông Cấn và nhiều bạn can ngăn không được đành phải chiều ý ông là để ông đứng cho một tiểu đội chào rồi nổ súng đưa ông về bên kia thế giới. Trái lại, một nghĩa quân dự trận này kể đã được thấy xác ông trên chiến trường bên cạnh nhiều xác khác. Bằng thuyết thứ hai người ta muốn tô điểm cho cái chết của họ Lương chẳng ? Dầu chết cách nào ông Lương cũng đã chết cho tổ quốc và như thế đủ vẻ vang lắm rồi.

Rồi nghĩa quân chia ra nhiều đoàn trước khi rời hẳn tỉnh lỵ. Đoàn thứ nhất là quân chủ lực do ông Cấn điều khiển đi về Quán Triều rồi ngược lên Giang Tiên. Tại đây Pháp đã đặt một số lính đóng để chặn đường. Ông Tú Hồi Xuân chết trong lúc qua sông không rõ vì chết đuối hay tự tử bởi đã bực mình vì ông Cấn không theo kế hoạch của ông là phân tán quân đội đi đánh phá các tỉnh lân cận như trên đã nói. Đoàn thứ hai thuộc quyền ông Đội Giá. Đoàn quân này vừa đánh nhau với địch ở khu nhà thương chạy theo ông Cấn không kịp đã bị lạc đường sau mấy hôm mới gặp đại quân ở

(1) Ông Đồ Ba trước đây là tùy tướng của cụ Đề Thám.

Quán Chu, Đoàn thứ ba do ông Ba Chén dẫn đường đến Hùng Sơn mới liên lạc được với quân ông Cấn. Còn đoàn thứ tư gồm một số tàn binh đến bến dò Huy Ngạc (Đại Từ) mới hội được với các đoàn kể trên.

Mặc dầu tiếng súng của nghĩa quân đã im bật tại thành phố, quân Pháp vẫn không dám tiến vào, chúng nhả đại bác để dọn đường và nghe ngóng khiến nhiều công sở và nhà cửa bị phá hủy và dân chúng chạy không kịp phải chết oan khá nhiều. Tính ra nghĩa quân nắm giữ thành Thái nguyên được 6 hôm kể từ khi có tiếng súng nổ đầu tiên cho tới khi triệt thoái ra ngoài tỉnh lỵ.

Cuộc chiến đấu bên ngoài tỉnh lỵ

Cho tới lúc đem nghĩa quân ra ngoài thành phố Thái nguyên và lưu động vào các vùng rừng núi của tỉnh này, nhà lãnh tụ họ Trịnh chưa có một kế hoạch rõ rệt và nhất định. Hy vọng vào quân cách mạng các nơi nổi lên hưởng ứng, hoặc lực lượng cách mạng hải ngoại thì giờ phút đó ông vẫn chưa nhận được một triệu chứng gì cụ thể hoặc một liên lạc nào để có lý do mà trông chờ. Lờn ông Ba Quyến nói rằng binh sĩ Thái Nguyên mà nổi lên sẽ có quân đội cách mạng bên kia biên giới tiếp viện đến nay xét ra chỉ là do một ý muốn thúc đẩy một cuộc khởi nghĩa để cuộc khởi nghĩa này reo mào rắc giống cho các cuộc khởi nghĩa khác mà thôi. Có lẽ ông Lương nghĩ rằng trong dịp địch bị bó tay bó chân bên kia Âu Châu do cuộc chiến tranh Pháp - Đức nói riêng cuộc Thế chiến nói chung, đồng bào Việt Nam cứ sống im lìm bình thản, không lợi dụng thời cơ thì mong gì có ngày thoát khỏi cảnh chim lồng cá chậu. Rất tiếc cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này không có thực lực đáng kể, không có tổ chức quần chúng nên không phát động được những cuộc nổi dậy mạnh mẽ đủ sức khuynh đảo Đế quốc để kịp hưởng ứng theo kế liên hoàn. Thời cơ đến rồi thời cơ qua là vì thế. Trái lại địch nhân lúc nghĩa quân hoang mang, bơ vơ, lạc lõng tập trung được nhiều bộ đội từ lính Pháp đến lính khố xanh, khố đỏ, lính đồng để bao vây và phân tán quân cách mạng khiến ta đi dần vào thế bị động chung quanh giải núi

từ Thái Nguyên qua Vĩnh Yên. Có khi vì sự dồn ép của địch ta phải tràn xuống miền đồng bằng rồi lại tìm đường trở lại núi rừng để ẩn nấp. Hoàn cảnh của họ Trịnh và các đồng chí không khác gì hoàn cảnh của cụ Hoàng Hoa Thám năm mươi năm trước cũng ở địa bàn này và điều kiện chiến đấu cũng hết sức gian lao, cam go không kém. Cứ thế cuộc kháng chiến kéo dài được nửa năm...

Ngay khi nghĩa quân đến Giang Tiên nghĩa là sau buổi rời tỉnh lỵ vào đêm ngày 4 rạng 5 tháng 9-1917 có xảy một vụ nội phản. Giang Tiên cách Thái Nguyên 14 cây số, đại quân tới đây liền kéo lên đóng ở một đồn điền Pháp tọa lạc trên đỉnh đồi. Đồn điền này nhìn xuống cái cầu. Ở đây nghĩa quân đặt một vọng gác và người phụ trách địa điểm này là Bế Thành cùng hai chục đồng chí chia nhau giờ để thi hành phận sự. Xin nhắc rằng lúc cuộc khởi nghĩa bắt đầu Thành đã gia nhập và xin làm nhân viên cận vệ cho ông Cán nhưng họ Trịnh không tin lắm nên đặt y vào đội ngũ lính mới chuyên việc canh phòng các nơi.

Vào khoảng 12 giờ khuya có tiếng súng nổ vào đồn canh. Ông Cán vùng dậy sai Cai Ứng và Ba Quốc lên xuống chân cầu xem việc gì đã xảy ra. Qua ánh lửa của viên đạn, Cai Ứng và Ba Quốc thấy bóng Thành đang chia súng bắn xối xả vào vọng gác. Tên phản đảng này liền bị Ba Quốc hạ bằng một phát súng vào đùi. Y ngã gục ngay xuống đất. Xem ra người ta thấy Thành đã đóng chặt cửa đồn canh không cho anh em thoát ra rồi đứng ngoài bắn vào. Mười ba chiến sĩ đã là nạn nhân của Thành. Tên gian ác này phải đền tội ngay lập tức và bị bêu đầu ở ngay đầu cầu để răn những kẻ lưu manh phản quốc. Hành động của y có lẽ đã phát xuất ý muốn len lỏi vào hàng ngũ nghĩa quân để giết chết chủ tướng lập công với giặc, nhưng việc lớn không thành, y làm việc nhỏ cũng không ngoài mục đích kiếm chác chút danh lợi.

Xét việc đồn trú ở Giang Tiên khó cho cả hai mặt chống, đánh, ông Cán liền mang anh em sang Hùng Sơn là Phủ lỵ Đại Từ. Phủ này đóng trên đồi cao không chế mọi mặt, rất lợi về chiến lược. Quân có 20 lính cơ và 20 lính đồng do Trì phủ Trần Văn Trụ điều khiển. Tên

này rất trung thành với Thực dân. Trước khi nghĩa quân đến có báo tin và yêu cầu sửa soạn chỗ ở và cơm nước nhưng Trụ không trả lời còn bố trí việc phòng thủ là khác. Ba giờ chiều hôm 5-9 hai bên xung trận vì địch được vị trí thuận tiện nên sau 4 giờ giao phong nghĩa quân vẫn không chiếm được cứ điểm phải rút ra đóng ở một làng gần bến đò Huy Ngạc. Sau nghĩa quân lại được hai toán bạn của Ba Chén và Chu Văn Yên đến hợp sức. Về phía địch đêm hôm trước tên Trung úy Func mang một số quân đến tiếp viện cho Hùng Sơn phen nữa nhưng thấy không có hy vọng thắng lợi đành ngừng lại.

Lúc này Pháp ngại nghĩa quân tràn về phía chợ Chu nên đặt một bộ phận quân sự ở Văn Lãng dưới đèo Khế và một số quân ở Quảng Nạp, từ đèo Vai đến Mỹ Khê cũng có sự bố trí như trên thành một phòng tuyến kiên cố. Nghĩa quân phải rẽ sang Quan Chu và dùng núi Tam Đảo làm căn cứ. Trong lúc này địch đuổi theo đề bám riết có ý nghiên cứu tình hình. Đại quân đến đây thì được quân của ông Đội Giá tìm đến và bắt được liên lạc sau khi cùng rút ra khỏi tình lý cánh quân này có va chạm với quân địch trên đường từ tỉnh Thái đến Quan Chu nhưng không kịch liệt lắm. Ông Trịnh biên chế lại hàng ngũ còn giặc mỗi phút tiến sát thêm bằng 2 đạo : một do Đại tá Beyer từ Hùng Sơn tiến đến, một từ tỉnh Thái kéo qua, theo lối bến Đông xông lên. Chúng đặt Bộ chỉ huy ở Phú Thuận cố bao vây quân ta. Quân ta chỉ còn một đường là rút lên Tam Đảo vì lực lượng địch đông đảo hơn ta nhiều rồi tiến qua bên kia núi và xuống xúc tiếp với Vĩnh Yên. Quanh địa điểm này địch cũng đã có một số quân túc trực nên khi ta kéo xuống gặp phải quân của Thiếu tá Peyres chặn lại. Ta lại rút lên, địch không dám đuổi theo. Lúc này chúng giữ các điểm dưới đây : Suối giải Sơn Cốt, bến Đông về phía Nam Tam Đảo và Cát Nê, Hùng Sơn về phía Bắc. Lính đồng chia từng toán nhỏ đi xạ xục trong rừng thăm dò. Vì vấn đề lương thực, nghĩa quân thường phải tràn xuống các làng để nhờ vả dân chúng vì không thể chỉ sống với củ sắn, củ mài, củ cầm v.v Ban ngày ta ẩn nấp trong rừng sâu, ban đêm không dám đốt lửa sợ địch thấy khói bốc lên sẽ nã trọng pháo tới. Cũng có khi nghĩa quân trá làm thường dân xuống các chợ hay vào các làng mua lương thực

những chuyến đi này thật là gian lao, nguy-hiêm. Địch thấy chỗ nào dân chúng giao dịch hay tình nghi ủng hộ nghĩa-quân là mở ngay cuộc khủng bố hay bắt bớ rất tàn nhẫn làm cho dân chúng hoảng-sợ vô cùng, có khi đang họp chợ, dạn thấy người lạ tới liền xô đẩy nhau bỏ chạy như ong vỡ tổ.

Lúc này có thể nói rằng nghĩa quân đã rút ra khỏi tỉnh Thái và quân địch đang theo đuổi ông Trịnh ở vài địa điểm thuộc rừng núi Tam-đảo (Vinh-yên). Địch bố trí quân đội thành một hàng rào ngăn nghĩa quân xuống đồng bằng.

Dĩ nhiên chúng muốn cô-lập nghĩa-quân trên núi hầu hãm ta vào cảnh đói khổ, đau ốm không thuốc men sẽ bị hao mòn dần rồi tan rã ra hết; nếu ta xuống được các làng mạc, ta có đủ tiền bạc lương thực và mọi sự ủng hộ khác sẽ bất lợi cho chúng. Thiếu tá Devillers và Tổng-đốc Vinh-yên Mai-trung-Các được lệnh phối hợp binh sĩ với nhau để tuần tiễu trên các trục giao-thông và đề-phòng những yếu điểm của địa-phương.

Ngày 12-9 nghĩa-quân bị địch phục.kích ở mấy làng dưới chân núi về phía Tây-Bắc Tam-đảo. Chúng bị nghĩa-quân phong tỏa lại. Nghĩa-quân rút sang đồn điền Nguyễn-hữu-Cự, đảo công sự tinh địch ở đây, nhưng sau lại kéo qua tấn công đồn Liên-sơn. Cuộc giao phong tại chốn này không mạnh lắm. Sáu hôm sau nghĩa quân có mặt ở làng Hoàng-xá-hạ phía Bắc con đường xe lửa Vinh-yên Việt-tri thì chiều hôm sau địch tìm đến. Từ trong chiến hào ta bắn ra chặn được địch, giết được của chúng một Hạ-sĩ quan 2 lính và 6 tên bị thương.

Sau cuộc đụng độ ở địa hạt này, nghĩa-quân có ý tràn xuống sông Hồng Hà và vượt sông này sang Sơn-Tây rồi vào Hòa-bình. Giặc liền rải quân khắp vùng Trung du bao vây nghĩa quân đề tiêu diệt. Ngày 20-9 Đại-tá Maillard làm Tổng-chỉ-huy trong chiến dịch này và cho tới cuối tháng 9 hai bên cùng hoạt động. Nhiều trận đánh lớn đã xảy ra, nghĩa quân chiến thắng nhiều phen nhưng vẫn không vượt được sông Hồng vì Pháp đặt ở đây nhiều tàu chiến và xuống máy. Nghĩa quân phải quay về phía Đông từ Vinh-yên xuống Phúc-yên do con

đường đê dọc theo sông Hồng ; địch đuổi và gặp ta vào ngày 22-9 tại Trung-Nha và Trung thôn. Làng này ở vào một địa thế lòng chảo Ta và địch nấp dưới chân đê bắn nhau. Sau nghĩa quân tiến vào làng lấy các lũy tre làm phên mốc vì được che đậy kín đáo nên hạ được nhiều quân địch. Ông Ba Chén quá ham lập chiến công thúc quân xông ra nhiều lần nên ta cũng bị thiệt hại đáng kể. Nếu ông cứ lợi dụng địa-thế hiểm yếu và kiên tâm thì tốt hơn. Vào nửa đêm hôm ấy nghĩa quân rời vị trí này đến làng Thượng-lệ vào trưa hôm sau. Ba giờ chiều hôm ấy, một cuộc giao-tranh diễn ra tại đây đến 9 giờ tối và tuy hôm sau địch mang thêm nhiều lực-lượng đến bao vây, nghĩa-quân vẫn cầm cự mãnh liệt rồi triệt thoái vào đêm 24 rạng ngày 25. Trận đánh tại Thượng lệ đã mang lại cho quân khởi-nghĩa một bất lợi là chia nghĩa quân ra làm 2 : đại bộ phận có ông Trịnh kéo về Cờ-bài, tiểu bộ phận kéo về Tân ấp và Thanh-tước (chỗ này có núi đá). Trong bộ phận nhỏ nói trên có 1.035 là một chiến-sĩ rất hăng hái và vợ sau mấy trận chiến đấu chỉ còn 6 anh em lúc vào làng Nội-đồng đánh nhau với địch một trận chót, giết được nhiều địch trước khi cả 8 người bị hy sinh hết. Còn ông Trịnh cũng giao phong với địch một trận kịch-liệt ở Cờ-bài vào đêm 25 rạng 26-9 xong thì rút về Đa-Phúc. Do quân số đông đảo địch đã chặn được đường của nghĩa-quân khắp nơi nên nghĩa quân nhiều khi không tiến được lại phải lui về chỗ cũ nhưng qua nhiều sự va chạm với địch nghĩa-quân bị sút mẻ dần. Ngày 28 và 29 tháng ấy, nghĩa quân lại quay về Cờ-bài rồi tách ra làm ba toán nhỏ khoảng 7,8 người : một vượt dãy núi Tam Đảo qua tỉnh Thái-nguyên, một qua đánh Pháp ở Quốc lộ Hà-nội Vinh Yên và một chống Pháp tại làng Xuân Phách. Những cuộc đụng độ này như ta thấy chỉ là những trận du-kích chiến vì quân cô thế yếu, nghĩa-quân không thể làm hơn được. Kinh-nghiệm của nghĩa quân Yên-thế trước đây cho thấy như vậy.

Qua những ngày đầu tháng 10, tình-trạng nghĩa quân bi-đát hơn bao giờ hết sau khi rút khỏi địa-bàn Vinh Phúc-Yên và trở lại Thái-nguyên đóng tại Sơn-cốt làng Lai thuộc tỉnh dưới đây. Tổng số của nghĩa-quân trước đây là 120 người kể từ ngày kéo sang Vinh Yên

(12-9-1917) nay đã bị hao mòn tới trên 1/3 phần bị tử trận, phần đã đào ngũ (tính đến ngày 3/10/1917)

Ngày 5-10 nghĩa-quân đóng tại đèo Nứa ăn nếp trong rừng. Pháp cho quân thám-thính đến dò xét. Ngày 9-10 hai bên xô xát, Nghĩa-quân đào công-sự sau các bụi rậm được lợi thế là đứng trên một vị-trí cao xả súng xuống nên giết được nhiều binh sĩ địch xông lên tấn công và bao vây mấy phen. Người chỉ-huy của địch ở đây là Thiếu tá Salet tại chỗ này nghĩa-quân đánh mạnh và thắng nhiều hơn hết thấy các nơi khác. Số lính tử trận của địch có tới 40 kể ngoài những tên bị thương. Số vũ khí bị hư hỏng chất đầy 7 xe trở về hậu cứ.

Ngày 16-10 nghĩa quân lại di chuyển về gần Hoàng-đờm thuộc Phò Yên, kéo vào Nội Thôn thiết lập vị trí. Làng này ở cạnh đường cái có nhiều ao chuôm và được các lũy tre dày đặc che chở. Đạn ở phía trong bắn ra, địch mấy lần tiến lên không nổi. Tối đến nghĩa quân bò theo bờ ruộng bắt thình lình đánh vào sau lưng địch làm chúng rối loạn hàng ngũ và chết một số đông. Ta bị bắt hai và chết 7, rồi rút về hướng Bắc ngày 17, vượt sông Cầu đến Đào Xá rồi qua Yên Thế (Bắc Giang)

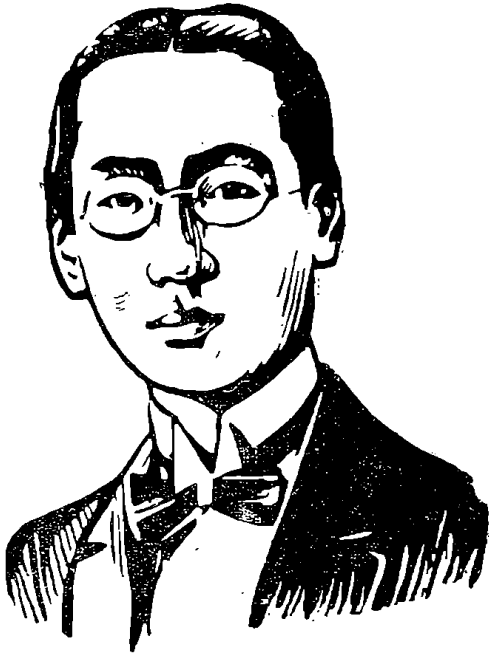
Ngày 18-10 nghĩa quân tụ trong rừng Bảo Nàng cách Đông Thái Nguyên 14 cây số trên đường mỏ Na Lương. Ngày 23-10 nghĩa quân chuyển về Trảng Xá. Đại tá Maillard đóng quân ở Đình Cả, ngã ba đường Trảng Xá. Thái Nguyên và Bình Giả (Lạng Sơn). Chúng lấy quân đông dề bao vây ta ở rừng sâu cố ý hãm ta vào thế tuyệt lương và cắt đứt mọi liên lạc của ta với dân chúng. Cần thận hơn nữa chúng tập trung dân và lương thực của đồng bào lân cận vùng chiến vào một nơi rồi cho canh gác. Mỗi gia đình chỉ được lĩnh số gạo đủ ăn mỗi ngày. Một số chức dịch và đồng bào yêu nước vẫn bí mật giúp đỡ nghĩa quân bằng cách giấu thóc lúa không cho địch gom lại, trong số này có cả đồng bào Mán ở trên cao, địch không tới được, nhờ vậy nghĩa quân vẫn sống được cho tới suốt tháng 11 trên núi Bảo Nàng. Tuy nhiên trong thời gian này vì việc xuống các đồn điền Vân Gia, Phú Bình 9 người đã lọt vào tay Pháp vì bị bọn hương lý phản động bắt nộp.



HÀM - NGHI



PHAN - ĐÌNH - PHÙNG



DUY - TÂN

HOÀNG - HOA - THÁM



Ngày 9-12 trên đường mở Na Lương về Diệu Khê nghĩa quân có 40 tay súng đã xô sát với địch. Tên cai 893 ra hàng Pháp tố cáo nghĩa quân chỉ còn 29 tay súng. Các chỉ huy có các ông Đội Cấn, Đội Giá, Đội Trường, Cai Sơn đang theo lối Linh Sơn, Lưu Xá kéo sang Tam Đảo. Lời tố cáo này đã rất tai hại cho nghĩa quân vì được biết kế hoạch hành quân của ta, địch mở cuộc truy kích và phục kích.

Ngày 10-12 nghĩa quân qua sông Cầu đến đóng ở làng Dầu bị Thiếu tá Monceau và Andréani đem quân đuổi theo. Ngày 15-12 trên lộ trình đã định họ lại gặp 40 tên lính địch chặn lại. Trong bọn này có 5 lính Pháp, 5 lính khố xanh, còn lại là lính đồng (lính đồng là người thượng du). Trong mấy ngày chót này, 2 nghĩa quân đền nợ nước.

Không tốt đẹp hơn tình trạng của Đại quân, đội quân thứ nhất của cách mạng do ông Quyền Nhiều chỉ huy sau trận Hùng Sơn đã vượt dãy núi Tam Đảo rồi từ Vinh Yên xuống Phúc Yên cũng nếm mùi gian lao, vất vả đến cực độ. Ngày 20 tháng 9 bọn ông xung đột với Pháp tại xã Hiền Lương thuộc Kim Anh (huyện này thuộc tỉnh Phúc Yên) rồi vượt sông Cà Lồ kéo về Xuân Lai. Ngày 23-9 nghĩa quân qua sông Cái sang Bắc Ninh sau một cuộc kịch chiến với địch rồi tiến sang Hưng Yên đóng ở chùa Yên Viên (tức chùa Quân) tại đây nghĩa quân vận động với lính khố xanh tính đánh úp tỉnh lỵ xong không thành sự. Địch vẫn mở cuộc truy kích, nghĩa quân lại chạy qua huyện Phú Xuyên (tỉnh Hà Đông).

Pháp biết ông Quyền Nhiều vốn người tỉnh Hà Nam ắt sẽ vượt sông Hồng về qua nhà liên mang tàu chiến, đại bác tuần tiễu theo dọc sông này. Tại Phú Xuyên ta và địch cũng có trận đánh rồi ta kéo về sau làng Hòa Khê (huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam) lối di chuyển lên núi Hương Tích và đóng ở chùa Tuyết Sơn. Pháp mang toán quân đóng ở tỉnh Hà Nam đi chặn rồi đánh nhau với nghĩa quân ở Tuyết Sơn. Trận tuyến được ghi chú từ Cốc Sơn tiến sang Bồng Lạng, chùa Bích Động qua Chi Nê. Nghĩa quân lúc này còn có 17 người lén lút trong các đồn điền trồng cà phê của Pháp.

Ngày 4-10 nghĩa quân đang đóng ở một căn nhà trống, tên Borel (chủ đồn điền) và Caliti (chủ sự sở lục lộ) dẫn địch đến đánh úp. Ba nghĩa quân táng mạng ở đây và ngày 10-10 nghĩa quân bị tiêu diệt hết. Ngoài đội quân của ông Quyền Nhiều còn một đội nữa bị tách khỏi đại quân sau trận Xuân Phách (thuộc Phúc Yên) chạy sang huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang) nhập với 7 nghĩa quân lưu vong sang hoạt động ở Bắc Ninh một cách vô vọng. Tới giai đoạn này nghĩa quân đã thấy rõ con đường cùng của mình vì sức đã kiệt quá rồi.

Cuối năm 1917, địch tung nhiều toán quân nhỏ đi lùng nghĩa quân khắp mọi vùng quanh miền trung du là địa bàn hoạt động của nghĩa quân từ trước đến nay. Chúng lại truy lý lịch của các chỉ huy nghĩa quân để lấy vợ con gây áp lực vào tinh thần của các chiến sĩ. Tỉ dụ chúng bắt vợ con của các ông Cấn, Giá, Trường, Xuyên viết thư xui chồng ra hàng, đồng thời chúng cho tay sai bí mật nằm tại quê nhà của các vị đó để nghe ngóng tăm hơi. Một số anh em thua trận tìm về quê hương đã bị bắt. Ông đội Trường đã gặp vợ do Pháp đưa đến một đêm ở trong rừng vào ngày 21-12 sau đó Trường ra hàng mang theo một khẩu súng mứt (mousqueton). Nhưng ông Cấn không mềm lòng trước thủ đoạn này. Ngày hôm trước đó (21-12) ông còn 25 đàn em cùng chạy đến Pháo Sơn, phía Tây Nam Cù Vân (Thái Nguyên), Pháp lấy một toán quân ở đồn Phú Lương đến đóng ở Phấn Mễ để chặn đường. Mẹ và vợ ông cũng bị Pháp mang tới vùng chiến để kêu gọi ông nhưng ông vẫn làm thỉnh cứ bình tĩnh chiến đấu. Ngày 24-12 ông Cấn bị thương ở đùi và 3 chiến sĩ trận vong, ông phải thủ hiềm ở trong rừng sâu. Bên ngoài giặc bao vây rất kỹ. Trong lúc này 2 ông Giá và Xuyên được ông phái sang Yên Thế nghiên cứu đất dung thân nhưng hai ông này bị giặc truy kích quá gắt gao nên không qua Bắc Giang được. Cuối cùng ông Xuyên trở về La Bằng, ông Giá về Phú Bình là quê nhà (Thái Nguyên) sau ít ngày lần trốn thế bí quá phải ra hàng địch. Ông Giá nhận được thư của Giám binh Reinert cùng với 3 nghĩa quân đem 3 khẩu súng, 300 viên đạn, một ống nhòm và 210đ ra trình diện. Còn ông Xuyên thì do tên đội khổ xanh cũ là Áo cũng dụ về với Reinert sau

khi bắn chết người lính khố xanh anh dũng số 1138 đã cương quyết không về với giặc.

Vào ngày 8-10-1-1918 về phần ông Cán chỉ có khoảng trên 10 binh sĩ sau bọn này thất vọng trốn đi hết, ở lại chỉ còn 2 người lính mới trước đây là thường phạm tên là Thọ và Sĩ. Giờ phút này vị lãnh tụ nghĩa quân Thái Nguyên không còn mảy may hy vọng như hồi nào đối với đại cục nên đã tự sát sau khi sắp đặt hố chôn, vũ khí xếp bên cạnh. Thọ, Sĩ lấp đất cẩn thận rồi sinh đã tâm đi báo Công sứ Thái Nguyên là Poulin; Poulin liền hội với Công Sứ Vĩnh Yên là Guilleret theo tên Sĩ và đội Trường đến Cù Vân len lỏi qua rừng rậm toàn tre nhỏ và xuống sườn núi dốc đến mộ ông Cán. Nhận diện người nghĩa sĩ xong chúng cho chôn xác về trại khố xanh tỉnh Thái để khoe khoang tài đẹp loạn của chúng.

Cuộc nổi dậy tính ra bắt đầu từ 30-8-1917, kết liễu vào ngày 4-3-1918, tất cả là 6 tháng 7 ngày. Ngoài những chiến sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc, còn những người bị bắt đều bị đưa ra trước hội đồng đề hình của thực dân để lãnh án khổ sai chung thân đầy đi Côn đảo hay Inini là một thuộc địa Pháp. Lọt được lưới của quân thù chỉ có 5 người : lính khố xanh 936 và bốn anh em tù cũ là Tư Lùn, Ba Môn, Nhi và Lục.

Ngày nay, bàn về tư cách, phong độ của nghĩa quân từ cấp chỉ huy đến các binh sĩ ai ai cũng phải khen ngợi ông Trịnh Văn Cán và các cộng sự viên. Ông Cán là con người rất giản dị, khoan hòa mà nghiêm minh. Ngày còn có mặt ở tỉnh lỵ, các cấp chỉ huy dưới quyền ông đều đeo cấp hiệu từ Đại tá xuống đến Thiếu úy kể cả huy chương. Riêng ông chỉ mặc bộ quần áo dạ vàng và đội chiếc mũ nâu. Lúc rảnh rỗi ông mặc bộ quần áo vải lụa, đội chiếc nón sơn rộng như đồng bào Thổ, chân đi đôi hài sảo cũng là một thứ dép Thổ và tay cầm chiếc gậy song.

Đối với anh em ông có nhiều uy tín nên rất được kính mến và ông luôn luôn cảnh giác những ai sút kém tinh thần ngay cả những kẻ có manh tâm làm phản hoặc những kẻ làm gián điệp cho giặc đã chen vào hàng ngũ của ông.

Mặc dầu không được huấn luyện ở các trường võ bị cao cấp, trong những cuộc chiến đấu ông vẫn tỏ ra được sự hiểu biết đầy đủ về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh và biết rút kinh nghiệm ở những cuộc chiến đấu đề tiến bộ.

Ông lại rất bình tĩnh và dũng cảm, luôn luôn trực tiếp chỉ huy nhờ vậy đã kích thích được tinh thần của anh em lên tới cao độ. Trong những ngày cuối cùng ở Pháo Sơn, ông bị thương nặng mà vẫn có thái độ như trên đã nói, xem như việc ông sắp đặt lấy cái chết của ông thì đủ hiểu.

Các tướng của ông có một số là bạn đồng ngũ với ông ở trại Thái Nguyên và một số là cựu chiến sĩ trong nghĩa quân Yên Thế xưa kia. Loại trên có Ba Chén, Quyền Nhiều và 1.035. Loại dưới có Ba Quốc, Ba Lâm, Cận.v.v... thấy đều dũng cảm và lập được nhiều thành tích rực rỡ. Đứng đầu nhất là ông Giá..

Nghĩa quân Thái Nguyên rất có kỷ luật. Mỗi khi hành quân ở nơi nào đều giữ gìn được tác phong đứng đắn không vi phạm tài sản và sinh mệnh của đồng bào. Nếu mua bán thực phẩm họ trả tiền sòng phẳng và có khi trả giá cao hơn giá chợ, nhờ vậy họ được cảm tình của đồng bào và cả sự trợ giúp vui vẻ trên mọi phương diện (đồng bào thường cho ăn không lấy tiền, cung cấp tin tức, chỉ đường cho nghĩa quân mỗi khi cần rút lui hay tránh né quân địch) Giặc Pháp đã nhiều phen trừng trị gắt gao và kiểm soát ráo riết những nơi ủng hộ quân cách mạng, vậy mà nghĩa quân vẫn có được những nguồn tiếp vận bí mật. Nhiều làng trong nghĩa quân qua đề làm cơm cho ăn và chờ nghĩa quân đi xa rồi mới báo cho Pháp đề tránh sự khủng bố của chúng. Một chuyện kỳ thú đã xảy ra : Một hôm nghĩa quân vào một làng. Ông Lý trưởng đi vắng. Bà Lý ở nhà liền giết lợn, thối xối thết đãi nghĩa quân rất long trọng như nhà có hội. Ăn xong nghĩa quân trả tiền bà nhất định không lấy còn nói : « Bà lấy làm sung sướng và cho là có hồng phúc lớn mới được tiếp đãi nghĩa quân.» Kế đó một cuộc tình duyên được xây dựng rất mau lẹ. Bà gả cô con gái lớn của bà cho Đại Úy 1035, cử chỉ này khích lệ rất mạnh tinh thần của những

chiến sĩ ái quốc. Rồi trước khi chia tay, nghĩa quân được bà cho biết bà sẽ dọn nhà đi trốn gấp vì chắc chắn là địch sẽ triệt hạ gia đình bà sau vụ giúp đỡ này.

Ngày đại quân của ông Cán rút khỏi tỉnh lỵ, ông Giá không nhận được liên lạc kịp thời, trên con đường từ Hùng Sơn đến Quân Chu, ông đã được một ông già 70 tuổi dẫn đường. Đi qua những nơi rừng rậm, ông già chém cây mở lối. Ban đêm, ông đốt lửa và ngồi canh cho nghĩa quân ngủ. Sau đó ông Giá gặp được đại quân có đưa ra một món tiền để hậu tạ, ông già từ chối. Ông cho biết trước kia ông đã nhiều lần làm hướng đạo cho nghĩa quân Đề Thám, ông không ngờ ngày nay lại được thi hành công tác này một phen nữa cũng cho nghĩa quân. Ông giữ kín cả tên tuổi, e có ngày bị tiết lộ đến tai quân đội thực dân. Sau này nghĩa quân nhắc đến ông chỉ biết gọi ông là ông già Đại Từ vì địa phương gặp ông là huyện Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên)

Một chuyện khác cũng rất cảm động đã nêu cao tình quân dân là chuyện ông Cai Nhị bị thương nặng trong một trận đánh. Quân cách mạng bị địch dồn mạnh không thể khiêng ông đi theo. Ông nằm lại ngoài bãi chiến trường tới sáng hôm sau thì gặp hai vợ chồng một nông dân ra cuốc ruộng gần rừng. Ông cố lê tới chỗ vợ chồng người nông dân đó và không dấu mình là quân khởi nghĩa. Ông nói «một là đồng bào cứu giúp hai là đồng bào báo quân Pháp đến bắt để lấy thưởng và xin uống nước bởi máu ra nhiều nên khát hết sức».

Vợ chồng người nông dân liền dấu ông vào một chòi lá bên rừng, kiếm thuốc lá bịt vào vết thương rồi mỗi ngày hai lần mang cơm nước đến cho. Ít ngày sau ông Cai Nhị bình phục và nửa tháng sau quân ông Cán đi qua. Ông Cai Nhị từ biệt ân nhân để trở về hàng ngũ chiến đấu, đôi bên tiễn đưa nhau rất ân cần và thăm thiết.



Về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, chúng ta nhận thấy vài điểm rõ rệt dưới đây :

Nhìn vào tổ chức cuộc khởi nghĩa mang nặng tính cách manh động nghĩa là chưa có sự sắp đặt, xây dựng sâu rộng và vững chắc. Thêm vào đó, cuộc khởi nghĩa lại có tính chất địa phương thì cho tới lúc ấy kinh nghiệm cho thấy các cuộc nổi dậy nào cũng dễ thất bại kể từ các cuộc nổi dậy của các nhóm Cần vương lẻ tẻ đến vụ khởi nghĩa Ba Đình, Yên Thế v.v... Lúc này Đế quốc Pháp đang mắc mứu vào cuộc Đệ nhất thế chiến, tình hình nội bộ và hải ngoại rất lúng túng thì điều kiện khách quan tuy có thuận lợi nhưng chủ yếu vẫn là điều kiện nội tại. Điều kiện chủ quan là căn bản của cách mạng kém quá vẫn không cho phép khai thác được hoàn cảnh tốt đẹp bên ngoài lâu dài. Hoàn cảnh tốt đẹp ấy là địch đang nao núng tinh thần, chính quốc thì bị ngoại xâm, thuộc địa thì mất liên lạc tiếp vận. Còn cách mạng bùng nổ đã phù hợp vào chỗ lòng dân đang trông chờ và sẵn sàng hưởng ứng. Nếu các nhà lãnh đạo cách mạng phát động được phong trào sâu rộng, kết hợp chặt chẽ được mọi lực lượng nhân dân thì sự thắng lợi là điều nắm chắc và không phiêu lưu như các cuộc khởi nghĩa của các nhóm văn thân trước đây.

Có người nói rằng điều thất sách của khởi nghĩa Thái Nguyên là vẫn ham đánh lớn ăn to, nếu áp dụng triệt để du kích chiến thì đâu đến nổi tan vỡ sau hơn nửa năm nổi dậy. Bề ngoài thì như vậy nhưng xét cho kỹ thì khởi nghĩa Thái Nguyên cũng có trận lớn trận nhỏ, cũng đã biết dựa vào ưu điểm rừng núi, cũng đã rút tỉa kinh nghiệm của khởi nghĩa Yên Thế. Nhưng nó thất bại vẫn là do nó nằm trong sách lược đơn thuần của chiến tranh mà vẫn thiếu phần căn bản như trên đã nói, bàn cho phải điều kiện ấy chưa thể có trong thời kỳ lịch sử thuở đó.

Tóm lại khởi nghĩa Thái Nguyên đã có hiện tượng điều kiện chủ quan quá non kém không phối hợp được với điều kiện khách quan thuận lợi. Nó vẫn yếu lãnh đạo, yếu tổ chức là hai yếu tố hết sức quan trọng và đi đến chỗ tan rã bi thảm như bao nhiêu

hội kín, bao nhiêu vụ bạo động lẻ tẻ nổ ra ở biên giới Bắc kỳ hay ở các miền quê Nam Kỳ bấy giờ.

Sau hết ta nên chú ý thêm một sự kiện nữa là chống đối với quân xâm lược Pháp ngoài các tầng lớp văn thân, phong kiến, nông dân, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên có điều đặc biệt là quân nhân Việt Nam đã đóng vai chủ động 100%. Tập thể này tuy đi sau nhưng không kém phần tích cực trong các cao trào cách mạng. Lịch sử đã ghi nhiều thành tích của tập thể này kể từ cuối thế kỷ 19 qua thượng bán thế kỷ 20. Xét cho phải, không một giai cấp xã hội Việt Nam nào đứng ngoài cuộc tranh đấu chống Đế quốc từ xưa đến nay, chỉ cần những nhà lãnh đạo cách mạng biết kêu gọi và khai thác lòng yêu nước của họ ở mỗi giai đoạn lịch sử.



CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM TRONG NƯỚC VÀ NGOÀI NƯỚC SAU PHONG TRÀO HẬU VĂN THÂN

A. Các cuộc tranh đấu bằng báo chí và sách, truyện sau 1922

Phong trào Văn Thân có thể chia ra làm hai.

A.— Phần tiền Văn Thân gồm các chiến sĩ khoa bảng chống Pháp từ thuở Pháp mới bước chân vào Lục Tỉnh. Đã có những con người dám cầm gươm súng quên mình vẫn nhược, chống quân cướp nước như cụ Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, cụ Cử Phan Văn Trị, cụ Tú Nguyễn Đình Chiểu. Ở ngoài Trung có hai ông Tú Trần Tấn, Đặng Như Mai sau đó là các nhà nho trong phong trào Cần Vương hưởng ứng lời hịch của vua Hàm Nghi trong có cụ Nghè Nguyễn Hiệu, Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân v.v.

B.— Phần hậu Văn Thân gồm các sĩ phu yêu nước kế tiếp sự nghiệp cứu nước của phong trào Cần Vương, nhưng không chủ trương bạo động. Trái lại hậu Văn Thân chia làm hai phe :

1) Phe cụ Phan Chu Trinh lập Duy Tân hội xướng thuyết khai hóa nhân dân, vận động dân quyền, mở mang thực nghiệp dựa vào Pháp đề tiến và chống chủ nghĩa Tôn quân.

2) Phe cụ Phan Sào Nam mở cuộc xuất dương đem thanh niên ra ngoài cầu học và vận động ngoại giao với hai lân quốc Tàu, Nhật tính nhờ ủng hộ cuộc giải phóng dân tộc trong tương lai.

Như bạn đọc đã thấy, với hoàn cảnh lịch sử nước nhà vào đầu thế kỷ XX, đế quốc Pháp đang vững mạnh, có nhiều uy thế trên chính trường Quốc tế nên Pháp đã phá được mọi cuộc vận động cách mạng của chúng ta từ trong nước ra ngoài nước. Phong trào hậu Văn Thân rốt cuộc cũng lại thất bại như phong trào Cần Vương. Cụ Tây Hồ ở Pháp về Nam Kỳ năm 1925 đang hăng hái cổ động dân quyền đang nhiệt thành kích thích dân tâm, sĩ khí thì tạ thế sau ba mươi năm gian lao tranh đấu. Cụ Sào Nam bị bắt từ Thượng Hải đem về Hà Nội nhờ ở lòng dân tích cực bên vực nên được miễn án tử hình và chỉ bị mang giam lỏng ở bên bờ sông Hương (Huế) nhưng từ đó cụ cũng như cá chậu chim lồng không còn hoạt động nào đáng kể nữa.

Tuy nhiên dư âm cách mạng vẫn còn vang bên tai mọi người Việt Nam nên những người thuộc giới tân học, là con cháu các cụ vẫn khi công khai, khi bí mật đưa ra nhiều hình thức đấu tranh khác đề chống thực dân, đế quốc. Chúng tôi muốn nói đến giới thanh niên Việt Nam mà hầu hết đã được theo dõi văn hóa Tây phương. Một ít người đã từng được ra ngoài quốc với ý nguyện cứu quốc, được hít thở không khí tự do, được tiếp xúc với phong trào mới nên đã được giác ngộ và được dẫn tới những chân trời mới. Lúc này cuộc thế chiến đã mở ra một cục diện khác xưa càng khuyến khích cách mạng Việt Nam cũng như cách mạng của nhiều dân tộc đồng cảnh. Tiếng nói của cách mạng bắt đầu có nhiều âm hưởng ra ngoài Quốc tế sau những kêu cứu thiết tha của ngài bút Phan Bội Châu ở Trung quốc và của một số lưu học sinh trên đất Pháp hòa nhịp với làn sóng cách mạng thế giới đang dâng lên. Nhóm người này có Phan Chu Trinh và Nguyễn Ái Quốc hoạt động bên đảng xã hội và Hội Nhân Quyền Pháp đã tung ra tờ Paria, sách kẻ tội thực dân Pháp (Procès de la colonisation Française) bức thư kẻ tội vua Khải Định vào năm 1922, trong khi ông vua bù nhìn này sang dự cuộc triển lãm ở Marseille (bức thư này nêu ra 7 tội đáng chém của Khải Định như tham ô, xa xỉ, lố lăng, phản dân chủ v.v.) Trong năm 1925, toàn quốc biểu tình đấu tranh đòi tha cụ Sào Nam thì ở Pháp tờ « Việt Nam hồn » kẻ đó là tờ « Phục Quốc » xuất bản bằng quốc ngữ do anh em làm tàu bí

mặt chuyên về nước cũng gây được ảnh hưởng khá lớn. Cùng một lúc ta lại thấy tờ « Lao động » của thủy thủ Việt Nam ở Marseille, tờ « Tái sinh » (Résurrection) của nhóm sinh viên trong đảng Việt Nam độc lập cũng ra đời. Ngay từ giờ phút này ta đã thấy các nhóm người cách mạng Việt Nam ở hải ngoại đã có những xu hướng khác nhau đề đi theo con đường Cộng sản hay quốc gia. Dĩ nhiên những người lao động đi về phía Đệ tam quốc tế còn sinh viên hầu hết thuộc các gia đình tư sản, địa chủ đã gia nhập đảng Việt Nam độc lập do Nguyễn Thế Truyền cầm đầu ; sau đó là Tạ Thu Thâu. Năm 1921 đảng xã hội Pháp và đảng Cộng sản Pháp có sự phân hóa trong một hội nghị tại thành Tours. Nguyễn Ái Quốc thuộc đảng xã hội Pháp bấy giờ đã đứng trên lập trường giải phóng dân tộc tán thành chủ trương « dân tộc » của Đệ tam quốc tế rồi xin gia nhập đảng Cộng sản Pháp tháng 10 năm 1923 với bí danh là Pong Moan Tcho ông ta đại diện cho đảng Cộng sản Pháp đề đi họp với Quốc tế Cộng sản tại Moscou, đã được bầu làm hội viên của Ủy ban Thuộc địa đề hoạt động cho một mặt trận chống chủ nghĩa đế quốc của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Cũng trong khoảng thời gian này giai cấp tư sản và tiểu tư sản Việt Nam bắt đầu trưởng thành. Mặc dầu có một số địa chủ và tư bản đã dung hòa quyền lợi nơi bọn thống trị Pháp, một ít người trí thức trong bọn họ đã được nhiệm các tư tưởng tự do, bình đẳng của các xã hội Tây phương đã đòi hỏi chánh phủ thuộc địa cải cách chánh trị hầu nói rộng ít nhiều quyền lợi vật chất và tinh thần. Thực dân đã nhượng bộ họ nhờ vậy một số báo chí viết bằng tiếng Pháp đã được ấn hành đề nói lên những nguyện vọng của họ. Họ là ai? Là một số chánh khách, công chức và sinh viên áp dụng quyền ngôn luận công khai đề tranh đấu hợp pháp. Nhiều người Pháp làm nghề tự do (giáo sư, luật sư, ký giả.v.v...) đã liên minh với họ đề phổ biến những tư tưởng tự do, dân chủ do cách mạng 1789 của dân tộc Pháp đề ra. Nhân dịp này đồng bào ta được đọc tờ « La tribune indigène » của Nguyễn Phú Khai và Bùi quang Chiêu xuất bản vào năm 1922-1923 đã kích dữ dội bọn thống trị

đương thời như Cognac lúc này là Thống đốc Nam kỳ, Dutrey đại biểu người Pháp ở Nam kỳ tại Hạ nghị viện Pháp và De Lachevrotière một tên tư bản phản động số một ở miền Nam chúng ta. Tờ L'Indochine của luật sư Morin và La voix libre của giáo sư Ganobsky tấn công kịch liệt những hành vi tham tàn của bọn cầm quyền Pháp. Ở đây có điều cần chú ý: nhóm chống Pháp này chủ trương bảo vệ quyền lợi của giới chủ nhân và địa chủ, tư bản Nam kỳ hơn là bênh vực dân tộc Việt Nam. Họ chống cá nhân bọn thống trị Pháp hơn là chống chế độ thuộc địa Pháp. Đáng kể hơn cả là tờ « La cloche fêlée » của Nguyễn An Ninh một thanh niên trí thức nổi danh ở Nam kỳ đã đi mạnh hơn cả là ra mặt chống những tên đầu sỏ Pháp ở thuộc địa và cả chế độ thuộc địa nữa khiến chúng tức giận vô cùng.

Tờ La cloche fêlée có ảnh hưởng khá lớn trong giới tư sản và trí thức tiểu tư sản Nam kỳ lúc đó và đã góp công trong việc nêu cao phong trào ái quốc và dân chủ ở phần đất này của Việt Nam.

Đảng Lập Hiến ở đây có phát hành tờ La Tribune indochinoise (Đông Dương diễn đàn) tờ L'écho Annamite (Annam hướng truyền) cũng có đề ra việc cải cách tự do dân chủ nhưng là cơ quan tranh đấu của đám tư bản Nam kỳ nên sau khi đã thỏa hiệp với bọn thống trị báo này đi dần dần đến con đường phản động trong khi phong trào đấu tranh của dân chúng ngày một lên cao. Tờ L'Union indochinoise (Đông Dương hợp nhất) có xu hướng tự trị.

Cùng thời với các tờ báo kể trên tờ « Le Nhà quê », Jeune Annam của một nhóm thanh niên tiểu tư sản và tư sản có tôn chỉ quá khích đối với lập trường thực dân nên bị Thống đốc Nam kỳ bóp nghẹt ngay từ lúc vừa ra chào đời.

Đây là những cuộc tranh đấu bằng báo chí, bằng sách ái quốc và dân chủ tuy bị kiểm duyệt của Đế quốc ngăn chặn nhưng vì phong trào đấu tranh của nhân dân được đẩy mạnh nên một thời (trong năm 1926) cũng có nhiều vang bóng. Cũng nên nhắc rằng kể từ 1925 dân chúng nhân dịp đưa dân nguyện lên Toàn quyền Varenne đã lợi dụng những vụ biểu tình, mít tinh đòi phổ biến quyền tự do ngôn luận. Thực

dân đã thay đổi đạo luật 91 (Code Pénal modifié) để kết tội làm rối loạn cuộc trị an, những báo chí có tính cách chống đối. Tuy vậy ở Hà Nội tờ Thực nghiệp dân báo, ở Saigon tờ Đông Pháp thời báo vẫn cõ động phong trào đòi thả Phan Bội Châu, truy điệu Phan Chu Trinh, đả đảo lễ Tứ tuần đại khánh của Khải Định, đòi thả Nguyễn An Ninh, tẩy chay tờ « Trung lập » của De Lachevrotière. Tờ Pháp Việt nhất gia phát hành không có kiểm duyệt của thực dân đã đả đảo chủ nghĩa Pháp Việt để huê lên án chánh sách thuộc địa, ngân hàng Đông Dương, đòi tự do ngôn luận.

Nhiều nhà xuất bản như Nam Đồng thư xã, Quan hải tùng thư, Duy Tân thư xã, Giác Quan thư xã do các chiến sĩ cách mạng chủ trương đã phổ biến nhiều tài liệu có tính cách cách mạng và ái quốc. Tỉ dụ Nam Đồng thư xã ở Hà nội in các sách nói đến gương thành bại của các nhà cứu quốc nước ngoài. Cường học thư xã ở Saigon nêu cao chủ nghĩa dân tộc và phiên dịch các sách có khuynh hướng Mác xít. Giác quan thư xã xuất bản di cảo của cụ Tây Hồ, Duy Tân thư xã in các tác phẩm của cụ Sào Nam. Trần Hữu Độ dịch « Âm băng thất » của Lương Khải Siêu v.v.

Những tác phẩm đã có tiếng dội khá mạnh trong quốc dân là bài « Chiêu hồn nước » của Phạm Tấn Đắc, « Một bầu tâm sự » của Trần Huy Liệu. « Bút quan hoài » của Trần Tuấn Khải. « Tiếng quốc kêu » của Việt Quyên v.v.

Rồi một số tác giả, độc giả, nhà xuất bản đã bị tù tội vì đã viết, đã ấn hành và tàng trữ các sách chánh trị bài Pháp tuy vậy thực dân vẫn không dẹp nổi phong trào lúc này đương lan rộng và chúng càng đàn áp, phong trào càng lên cao.

Ngoài các hoạt động của báo chí ta thấy có cả những cuộc vận động quần chúng công khai và hợp pháp mà nơi phát xuất mạnh nhất là Nam kỳ sau đó mới tới Trung Bắc bắt đầu từ 1925.

Trong năm 1925 Varenne đảng viên xã hội Pháp tới Saigon lãnh chức vụ Toàn quyền Đông Dương giữa lúc cụ Sào Nam ra trước Tòa án

đề hình và quần chúng Việt Nam đang sôi nổi, thực dân Pháp có ý định thi hành bản án xử tử cụ đã tuyên bố trên 10 năm trước, sinh viên và nhân dân biểu tình nhiều nơi đòi Pháp xét tập dân nguyện và đòi thả cụ Sào Nam. Tập dân nguyện gồm các yêu sách tự do dân chủ tại Hà Nội và Saigon. Vào dịp này còn có cả các vụ bãi khóa, bãi thị, đình công. Do cơ hội Khải Định ăn mừng « Tứ tuần đại khánh » ở Trung kỳ, Pháp đã phụ thu vào số thu của nhân dân 20%, báo chí tiến bộ ở Nam kỳ công kích ráo riết.

— Bùi Quang Chiêu lãnh tụ đảng lập hiến sang Pháp vận động chính trị về đến Saigon được 6 vạn đồng bảo đón ở bến tàu cũng nêu các khẩu hiệu đòi tự do dân chủ.

— Đồng bào Nam kỳ biểu tình phản đối Pháp trục xuất các đồng bào Trung Bắc ra khỏi miền Nam vì lý do hoạt động chính trị và tố cáo Pháp có âm mưu chia rẽ người Việt Nam và chia cắt lãnh thổ Việt Nam.

Nhưng quan trọng nhất và gây nhiều xúc động tâm lý mạnh hơn cả vẫn là vụ đòi thả cụ Sào Nam và đề tang cụ Tây Hồ. Nguyên do ngày 1-7-1925 mật thám Pháp nhờ sự đồng mưu với Nguyễn Ái Quốc và Lâm Đức Thụ từ lâu có ý phá hoại phong trào quốc gia đã bắt cóc cụ Sào Nam trên chuyến xe lửa đi từ Thượng Hải xuống Hàng Châu. Chúng đem cụ về Hà Nội giam tại nhà Hỏa lò tính xử tử cụ nhưng phong trào quần chúng quá mạnh nên đã xử cụ theo án khổ sai chung thân. Tới khi Varenne tới Hà Nội, áp lực của quần chúng Việt Nam càng mạnh hơn bao giờ hết nên thực dân phải thả cụ về Huế nhưng cụ bị chúng canh chừng tới lúc chết tại bến Ngự (1940).

Cụ Tây Hồ cũng vào năm 1925 từ Ba lê về Saigon đã vận động quần chúng bằng những buổi diễn thuyết giữa thủ đô miền Nam chống chế độ vua quan lạc hậu, thối nát từ lâu được sự che chở của thực dân. Các bài « *Quản trị và dân trị* » « *Đạo đức và luân lý Đông Tây* » đã là những nhát búa nặng nề đập vào bè lũ phong kiến cò hủ đã mang nặng đầu óc chuyên chế, độc tôn rồi thi hành chánh sách

lỗi thời. Cả trên lãnh vực đạo đức, lối cuốn nhiều kẻ làm cha làm chồng vào những hành động tàn ác ích kỷ, phi lý.

Cụ kết án bọn hủ nho (1) đã huyền hoặc nhân tâm, làm rối lòng đạo đức khiến đạo lý ngày thêm suy đồi.

Đêm ngày 24.3.1926 cụ Tây Hồ từ trần giữa lúc phong trào đấu tranh công khai dâng lên rất cao do đó 14 vạn đồng bào đã dự đám tang của cụ tại Saigon và khắp toàn quốc làm lễ truy điệu rất trọng thể. Tiếp theo đó là các cuộc bãi khóa ở khắp các trường học các cấp từ Nam ra Bắc. Bọn thống trị đã bắt bớ, giam cầm nhiều thanh niên rút cục đã giúp cho họ sớm trở nên những chiến sĩ tiên phong của cách mạng sau này.

Xét về mặt tổ chức, các phong trào từ 1922 - 1926 có tính chất ái quốc và dân chủ. Về bề mặt nó đi khắp toàn quốc nhưng chỉ có biểu hiện ở các thành thị mà thôi, hầu hết có tính cách tự động nghĩa là chưa có lãnh đạo chung. Người ta đã tranh đấu vì sôi bầu nhiệt huyết chớ chưa có đường lối rõ rệt nào. Trong giờ phút này người ta say sưa với cách mạng, nhưng chưa có một chủ nghĩa nào được xây dựng ra để làm định hướng cho cách mạng.

Cách mạng thiếu tổ chức, thiếu chiều sâu, thiếu chủ nghĩa muôn đời chỉ là một cuộc vọng động và tất nhiên dễ đi tới chỗ thất bại. Tuy nhiên giữa lúc Cách Mạng Việt Nam đang tiệm tiến, một biến cố ở ngoài nước đã xảy ra một cách bất ngờ đó là tiếng bom

(1) Theo cụ Tây Hồ một bọn hủ nho «mắc cạn còn vẽ rắn thêm chân» đem những tư tưởng rất nông nổi truyền bá ra để trói buộc nhân dân. Như là «Quân thần chi nghĩa bất khả đảo ư thiên địa chi gian» nghĩa là mình sinh ra ở xứ này phải đội ông vua lên đầu. Vua hay dở ta không được biết đến... Các ông đã tôn vua lên tất nhiên phải tôn cha lên mà nói «Thiên hạ vô bất thị để phụ mẫu» nghĩa là trong trời đất không có cha mẹ nào quấy! Ôi! hủ nho! hủ nho! Cũng vì mấy câu tà thuyết của các người mà gia đình luân lý của nước nhà ngày nay suy bại đến thế này!...

Sa Điện, tiếng bom này đã khiến cho mọi giới đồng bào, nhất là đám thanh niên vùng dậy.

B. Các đảng, đoàn chính trị công khai và bí mật

Đề nối tiếp cuộc tranh đấu của các cụ Sào Nam, Tây Hồ, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thượng Hiền, lớp người trẻ tuổi đã thay đổi rất nhiều hình thức đấu tranh đối với đế quốc. Họ đã biết lợi dụng và hưởng ứng với trào lưu cách mạng mỗi ngày một lên cao ở khắp thế giới nói chung, ở Á châu nói riêng và các đế quốc xâm lược cũng đã bắt đầu có sự e dè kiêng nể, nhưng thái độ này chỉ có tính cách nhất thời vì bên trong họ vẫn có phản ứng ngầm đề diệt trừ mầm cách mạng của các dân tộc bị trị. Tỉ dụ Anh, Pháp, Nhật, Hòa Lan, Bỉ v.v... vẫn ngầm liên kết với nhau trong vấn đề bành trướng thế lực thuộc địa cũng như vấn đề củng cố uy thế của họ. Nhật Bản thì đã có địa vị cường quốc ở thế giới liền đứng vào hàng ngũ của các đế quốc xưa kia là thù địch của mình vì thế nên việc bao dung các du học sinh Việt Nam có tính cách bắt cá hai tay. Thấy Pháp mạnh, họ ngại có điều phiền phức thì họ trục xuất người Việt Nam ra khỏi đất Phù Tang, nhưng trợ giúp cách mạng Việt Nam thì nếu cách mạng Việt Nam sau này thành công họ sẽ có thêm một người bạn đề giao hảo có lợi về mọi phương diện (chỉ có kẻ khờ dại mới tin tưởng vào cảm tình trên trường chánh trị cò kim Đông Tây! Cái nghĩa đồng văn, đồng chủng chỉ có tính cách lừa bịp nhau mà thôi). Đứa kẻ đồng cảnh đồng thuyền như nước bạn Trung Quốc cũng không ra ngoài nhận xét này, do đó ta thấy Trung Quốc quốc dân đảng lập xong nền Cộng hòa vẫn không dám ra mặt nâng đỡ cách mạng Việt Nam rút cục hy vọng ngoại viện chỉ là những ảo ảnh.

Rút kinh nghiệm ở các việc đã qua, anh em thanh niên Việt Nam chỉ còn tự mình lo việc cứu mình và tiếp tục đấu tranh trong khi chờ đợi bọn đế quốc suy tàn do mâu thuẫn nội bộ của họ.

同慶皇帝
容真

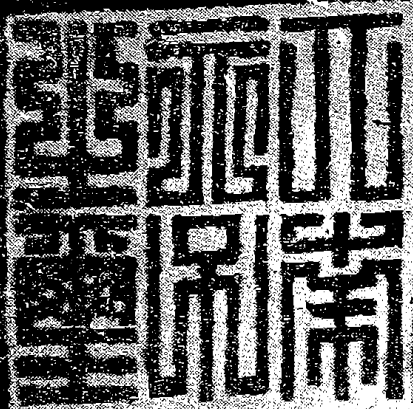


上元降

多



德林





LƯƠNG - NGỌC - QUYẾN



TRỊNH - VĂN - CẤN

Người Việt chúng ta lúc này đã tỉnh táo hơn nên mỗi ngày tiến đến gần thêm thực tế, mọi tầng lớp đều được cảnh giác về vấn đề quyền lợi và chủ trương của thực dân là chỉ lo đủ mọi cách vơ vét tất cả tài nguyên của thuộc địa để làm giàu cho chính quốc. Do sự kiện này ta thấy rõ rệt, một hiện tượng từ Nam ra Bắc: Giai cấp tiểu tư sản và tư sản ra đời mở màn cho những cuộc đấu tranh trên các lãnh vực mới.

Về kinh tế họ rủ nhau lập các công ty, các nghiệp đoàn, các hội xã, các nông công thương cục, để giành nhau với thực dân và đồng lõa là một số ngoại kiều có mặt ở đây lâu đời ăn bám vào dân tộc chúng ta nguy hại như các giống trùng độc.

Về chánh trị, một số tập đoàn đã đại diện cho một giai cấp hoặc một bộ phận nào trong một giai cấp nhưng thiếu tính cách kiên trì, cố định. Với họ ý thức quốc gia còn xa vời ~~bên~~ họ mới chỉ ý thức quyền lợi cá nhân hay tập thể của họ mà thôi. Tuy nhiên ta vẫn phải nhận rằng cuộc đấu tranh của họ không phải là hoàn toàn vô ích trên bình diện quốc gia, nghĩa là nếu mọi tầng lớp xã hội ta khi ấy cứ thúc thủ cho thực dân và lũ tay sai hoành hành sự thế còn tai hại gấp mấy. Cuộc đấu tranh của họ đã gián tiếp thúc đẩy cuộc đấu tranh của các lớp người khác như góp gió thành bão.

Đầu tiên tại Saigon nhóm tư sản Nam Kỳ năm 1923 lên minh với tư bản Hoa Kiều chống độc quyền hải cảng Sài Gòn mà nhóm tư bản Pháp dựa vào thế lực của các nhà cầm quyền Pháp đề ra. Chúng ta đã thấy từ trước tới nay Hoa Kiều Saigon — Chợ lớn nắm hết thóc gạo của miền Nam mà Sài Gòn là cửa ngõ chở gạo ra ngoài thị trường quốc tế.

Sau Thế chiến thứ nhất, tư bản Pháp (nhóm Homberg) bành trướng mạnh ở đây tính gạt lại mỗi lợi vĩ đại này bằng cách vận động với chính phủ Đông dương xin nắm độc quyền xuất nhập khẩu trong thời hạn hai chục năm (*lời chiến tranh giai đoạn của chúng*) chúng bỏ rất nhiều tiền mua chuộc báo chí và các hội viên của Hội

đồng thuộc địa. Việc này được mang ra trước Hội đồng và nhờ được sự đồng lõa của chính quyền thực dân, tập đoàn tư sản Pháp thắng phiếu (Xin nhắc rằng trong hội đồng này có đa số đại biểu Pháp và một thiểu số đại biểu Việt Nam làm tay sai cho Pháp) Đảng Lập hiến Nam Kỳ và một ít người Pháp đối lập bị thua. Nhưng một keo vật khác đã diễn ra : Nhóm tư sản Nam Kỳ mà sau lưng là tư bản Hoa Kiều đã lôi cuốn được nhiều tầng lớp địa chủ, nghiệp chủ, tiểu tư sản và trí thức thành-thị hợp mít-tinh, viết báo đả phá vụ này kịch liệt lấy lẽ rằng hải cảng Sài Gòn nếu thuộc độc quyền hay thành vật sở hữu của một nhóm người thì lúa gạo Nam Kỳ sẽ bị họ nắm giữ hết, nguy cơ sẽ vô lường ..

Do sự phản đối có nhiều tiếng dội qua Pháp, thực dân phải tạm gác nghị quyết của Hội đồng thuộc địa lại, tình thế mới lắng dịu xuống.

Trước việc này, ta thấy quyền lợi của giai cấp tư sản Nam kỳ được tô điểm bằng màu sắc dân tộc đã kích thích rất mạnh tinh thần những thanh niên tư sản và trí thức tại Saigon và Lục tỉnh thuở ấy.

Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu, Lê Quang Liêm, Trương Văn Bền, Lưu Văn Lang, Lê Tấn Được, Trần Văn Đôn, Nguyễn Văn Thịnh v.v... nhân dịp này ra hoạt động chính trị ..

Việc thứ hai nữa là việc Grandval đứng đầu một công ty Pháp mưu độc quyền nước mắm đóng chai bằng nút Herméticos cũng theo lối độc quyền nấu rượu của hãng Fontaine, Grandval cũng bị phản đối dữ dội và rút lui như bọn Homberg trên ý đồ độc quyền Thương-cảng Saigon.

Đảng Lập hiến có ưu thế từ 1923-27 sau các phong trào đấu tranh công khai và hợp pháp. Họ đã đòi một vài cải cách đáng kể dưới đây :

— Ban hành các tự do dân chủ.

— Đại biểu Pháp — Nam ngang nhau về nhân số trong các hội đồng dân cử.

Nhưng sau này nhóm lãnh tụ Lập hiến bị mua chuộc đã đi dần đến chỗ thỏa hiệp với tư bản Pháp là Quan năm Séc chủ báo *L'opinion* và tên chủ nhiệm tờ *Saigon Republicain*. Họ mở đồn điền Canh điền ở Rạch Giá, lập ngân hàng, chiếm được nhiều ghế trong các Hội đồng thuộc địa, canh nông, thương mại, thành phố, quản hạt vv.. Họ không còn lớn tiếng công kích các công ty tư bản Pháp như hãng rượu Fontaine, Đông dương ngân hàng vv .. trên các báo chí của họ trước đây.

Qua 1927, đảng Lập hiến tách dần khỏi cuộc đấu tranh của nhân dân và lủ mờ dần trong bóng tối của thời gian. Nay tổng kết : sau cuộc Thử chiến, tinh thần tranh đấu của dân tộc chúng ta đã được thể hiện một cách khả quan thứ nhất là dân ta đã biết lợi dụng được các hình thức đấu tranh hợp pháp khiến địch uất giận vô cùng và khó ăn, khó nói, khó cả đàn áp. Ta đã nắm được khá nhiều kết quả tốt nghĩa là nuôi dưỡng được tiềm-lực đấu tranh trong thời gian chờ đợi những cơ hội thuận tiện hơn bằng những cuộc vận động dưới đây khác nhau về hành động, về hình thức nhưng vẫn nhắm vào một mục tiêu duy nhất :

1) Phát hành được các báo chí cấp tiến, báo bằng Pháp văn đề thông cảm cùng quốc tế, nhất là cùng dân tộc Pháp vốn có tinh thần chống tư bản và thực dân.

2) Đả phá được mạnh tâm độc quyền Thương-khẩu Saigon và độc quyền nước mắm.

3) Chống đối việc trục xuất đồng bào Trung và Bắc Kỳ ra khỏi miền Nam, nhất là những nhà trí thức đang có ảnh hưởng trên trường chánh trị Saigon. Trường hợp các ông Đào Trinh Nhất, Trương Cao Động vv...

4) Các cuộc diễn thuyết của cụ Phan Chu Trinh sau ngày ở Pháp về (1925) cũng hạ được uy thế quân quyền và quan quyền, đồng thời đưa ra được nhiều quan niệm tiến bộ và thiết thực trong phạm vi luân lý và đạo đức Đông, Tây.

5) Cuộc tranh đấu đòi thả cụ Phan Bội Châu đã biểu dương được lòng ái quốc tràn đầy của dân tộc chúng ta và nói lên được sự đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân trong một trường hợp hết sức đặc biệt đề tỏ lòng kính mến nhà cách mạng.

6) Cuộc đón tiếp Bùi Quang Chiêu (1925) ở Pháp về đã biến ra cuộc biểu tình và thể hiện ý chí cương quyết của dân ta đòi các quyền tự do dân chủ nhằm hưởng ứng với các bài báo và bài diễn thuyết của họ Bùi trên đất Pháp về vấn đề này. Cuộc biểu tình đờ-xô (6 vạn người tại bến Saigon) khi ấy còn có ý nghĩa là đánh tan luận điệu của thực dân Pháp ở Saigon (bọn De Lachevrotière) cho rằng dân tộc Việt Nam không đòi hỏi gì như Bùi Quang Chiêu đã lên tiếng ở Ba Lê.

7) Phong trào đề tang cụ Phan Chu Trinh do đảng Lập hiến và Thanh niên tổ chức tại Saigon đã dâng lên những làn sóng người trùng trùng điệp điệp khiến thực dân không sao đàn áp nổi số người đi đưa tới 140.000, ngoài việc đưa đám chỉ sĩ họ Phan còn biểu dương được lực lượng vĩ đại của nhân dân. Tại Hà Nội, lễ truy điệu cụ Tây Hồ buổi chiều ngày 4-4-1926 tại đền Hải Bà, mặc dầu vào lúc trời mưa tầm tã, số người dự lễ cũng đông như kiến. Các tiệm buôn, trường học đều đóng cửa. Học sinh và nhân dân do đề tang cụ đã bãi khóa, bãi thị khắp nơi. Luôn dịp này dân ta đã biến phong trào bãi khóa thành phong trào tranh đấu của học sinh chống thực dân, đế quốc.

8) Phong trào tranh đấu đòi thả Nguyễn An Ninh bị bắt giữa lúc dân chúng đang nô nức đi đón Bùi Quang Chiêu tại Bến nhà Rồng và đang xao xuyến về vụ cụ Tây Hồ đang hấp hối trên giường bệnh. Lý do thực dân bắt Nguyễn An Ninh là họ Nguyễn đã diễn thuyết trước 3000 đồng bào họp mít tinh tại Xóm Lách (đường Công Lý Saigon) kể tội thực dân Pháp đã gây nhiều thống khổ cho dân tộc ta và đưa ra nghị quyết đòi Chánh phủ thuộc địa phải thi hành gấp các tự do dân chủ. Nguyễn bị bắt cùng với Jean de la Batle quản lý báo *La cloche fêlée* và Lâm Hiệp Châu chủ nhiệm tờ báo *Jeune Annam*. Thế là lửa đang cháy lại được đổ thêm dầu.

Phong trào nổi mạnh từ buổi tối 21-3 đến ngày 24 thì bắt đầu hạ xuống kể cả cuộc cò động tổng đình công tại Saigon do đảng Thanh niên điều khiển. Nguyên nhân là tổ chức thiếu phương pháp thiếu kế hoạch mặc dầu có nhiều người hưởng ứng.

9) Cũng trong dịp này, phong trào tranh thủ tự do báo chí được phát động đề đi đôi với các cuộc vận động quần chúng kể trên. Trước đây ta thấy có số báo và tạp chí do một số trí thức thân Pháp xuất bản đề phục vụ thực dân, giải thích đường lối chánh trị của chúng nhằm ru ngủ tinh thần đấu tranh của dân tộc ta. Những tờ ấy là :

— *Gia Định báo* và *Lục Tỉnh Tân văn* do Trương Vĩnh Ký và Nguyễn Văn Cửa chủ trương.

— *Đại Việt quan báo* và *Đại Việt công báo* xuất bản sau khi Pháp đặt xong chế độ bảo hộ ở Trung Bắc lưỡng Kỳ, tán tụng công ơn khai hóa nước ta của các quan Tây.

— *Đông Dương tạp chí*, *Trung Bắc tân văn*, *Nam phong* là những nhật báo và tạp chí được Pháp trợ cấp đề trực tiếp hay gián tiếp truyền cho các công cuộc cai trị và khai thác của bọn tư bản thuộc địa và đề mê hoặc dân chúng, bề khác đề cao Pháp đã thi hành sứ mạng cao cả đi gieo rắc hạt giống văn minh ở các nước lạc hậu và ngược lại coi những nhà cách mạng là những kẻ phiến loạn hay thoái hóa. Điền bình là hai cuốn *Tây Nam đắc bằng*, *Việt sử kinh* do Hoàng Cao Khải viết, cắt nghĩa sự can thiệp của nước Pháp tại Việt Nam có tính cách phù nguy cứu khổ, mang lại cho ta an ninh trật tự cùng hạnh phúc. Nói cách khác, các sách này mở màn cho cuộc nô dịch dân ta bằng văn hóa của thực dân Pháp sau cuộc chinh phục bằng súng đồng tàu chiến đã kéo dài quá nửa thế kỷ (1859-1913) là ngày cuối cùng của cuộc Yên-thế khởi nghĩa. Sau Thế chiến thứ nhất, thanh niên tân học của chúng ta đã dùng những sách báo ái quốc, viết bằng quốc âm để giải độc cho quần chúng, mặc

đầu lúc này Pháp đã khôn ngoan đặt ra chế độ kiểm duyệt (1) mà thâm ý là giành quyền ăn nói cho bọn vong nô. Rồi mỗi lời nói đưng chạm xa hay gần đến nguy quyền đều bị lưỡi kéo của kiểm duyệt cắt xén ngoài ra sở Liêm phóng còn kêu tác giả hay chủ nhiệm, chủ bút tới để cảnh cáo, dọa nạt. Đạo luật 91 ban hành chế độ tự do ngôn luận tại Nam Kỳ (lúc này đã được coi là nhượng-địa Pháp) đã bị sửa đổi để buộc các nhà văn, nhà báo «quá trốn» vào tội phá rối cuộc trị an và vì nó, một số trí thức, ký giả cấp tiến đã thường được làm khách trọ bất đắc dĩ của các khám đường. Tuy vậy mỗi khi có những biến cố lớn (phong trào đòi thả cụ Sào Nam, phong trào đề tang cụ Tây Hồ, chống độc quyền nước mắm vv...) các báo chí ái quốc vẫn đua nhau quật khởi và thay đổi thái độ làm cho thực dân Pháp điên đầu, tí dụ tờ «*Pháp Việt nhất gia*» với cái tên thân thiện như vậy mà vào 1926 đã hy sinh cho quyền tự do ngôn luận bằng một số bài đột nhiên công kích bọn tài phiệt, nhà Đông dương ngân hàng, tố cáo kịch liệt chánh sách bóc lột và áp bức của bọn thống trị Pháp và cả chủ trương Pháp việt đề huề của nhóm Bùi Quang Chiêu (2) Dĩ nhiên

1) Theo chế độ này, ai muốn xuất bản báo chí phải xin phép trước. Chủ nhiệm phải có tư sản hay bằng cấp. Đơn xin phải nói rõ mục đích của tờ báo không chống lại Nhà nước bảo hộ và sự trung thành của chủ nhân. Trước khi phát hành báo phải được kiểm duyệt. Trong giai đoạn này, báo nào không nhận trợ cấp bí mật của Pháp đã là đáng khen rồi, và do chống lại chế độ kiểm duyệt, nhiều tờ báo đề trắng, phần bài bị kiểm duyệt gạc bỏ để độc giả biết cái trò bung miệng, chẹn họng của bọn thống trị. Nhưng mỗi khi có phong trào quần chúng nổi lên, thì Pháp nói tay với báo chí và cũng nói tay cả với quần chúng nữa.

2) Bùi Quang Chiêu về đến Saigon trưa ngày 24-3-1926 vừa được đồng bào đón tiếp long trọng đã có sự thay đổi thái độ. Y lên diễn đàn tuyên bố nguyện hy sinh cho chủ trương Pháp Việt đề huề ở hội quán *Khuyến học* và Phòng thương mại Saigon.

những bài đao to, búa lớn của báo này không đi qua kiểm duyệt và đã phát hành nửa công khai, nửa bí mật, khỏi cần phải nói báo này bị đóng cửa và Quản lý bị nhốt, ngay tức thì. Đề nối tiếp cuộc đấu tranh bằng báo chí, các đảng, các hội kín còn phổ biến nhiều sách ái quốc đáng kể là :

— Trần Hữu Độ tại Nam kỳ quảng bá một số dịch phẩm có tính cách cổ động cách mạng của Lương Khải Siêu rút trong *Ấm băng thất, Hồi trống tự do, Tờ cờ mất quyền tự do* vv...

— Nam Đồng thư xã tại Hà Nội của Việt Nam quốc dân đảng (do Hoàng Phạm Châu tức Nhượng Tống và Dật công Phạm Tuấn Tài chủ trương) cũng phát hành các sách báo cách mạng : *Gương ái quốc, Con thuyền khừ quốc, Dân tộc chủ nghĩa, Trưng Vương, Một bầu tâm sự* vv...

— Cường học thư xã tại Saigon xuất bản : *Thần cộng hòa, Tân Quốc Dân, Ba người anh kiệt Ý đại Lợi, Hiến thân cho nước, Khai quốc vĩ nhân, Ngục trung ký sự, Anh hùng cứu quốc* vv...

— Duy Tân thư xã cũng ở Saigòn xuất bản các sách của cụ Phan Bội Châu đã viết ra từ thời cụ bị bắt về Việt Nam và bị an trí ở Huế.

— Quan hải tòng thư thư xã của Đào duy Anh ở Huế chuyên dịch và khảo cứu các loại sách về xã hội.

Ngoài ra một số sách lẻ tẻ khác cũng cổ động dân tâm sĩ khí nối nhau ra đời như *Tiếng gọi đàn* của Dương bá Trạc, *Ngọn bút quan hoài*, bài ca *Tiến anh Khóa*, *Gánh nước đêm* của Trần tuấn Khải,

(chú thích tiếp trang 70)

Vào tiệc y vừa hô : *Pháp Việt đề huề!* đã bị đảng Thanh niên và dân chúng đả đảo. Khẩu hiệu đòi thả Nguyễn an Ninh cũng được lung ra lúc này. Vì việc trở cờ này, đảng Lập hiến bắt đầu lộ hình tích phần động.

Kèn gọi lính, Tiếng cuộc kêu, của một số tác giả khuyết danh đã gây được nhiều tiếng dội bằng các giọng văn khi ôn hòa, khi quá khích đã bị thực dân tịch thu, cấm tàng trữ và lưu hành sau khi đã xuất bản bất hợp pháp.

Xin lưu ý trong dịp phong trào báo chí cách mạng và ái quốc bộc phát tập văn văn nhan đề là « *Chiêu hồn nước* » của Phạm tất Đắc một học sinh trường Bảo Hộ (trường Bưởi Hà Nội) đã làm chấn động dư luận toàn quốc và do ảnh hưởng tai hại của nó đối với chế độ thực dân, tác giả đã bị kết án 3 năm tù. Xét ra các văn phẩm và báo chí kê trên đã hâm nóng tinh thần ái quốc và tăng cường ý chí độc lập của toàn dân chúng ta, đồng thời mở màn cho nhiều tổ chức cách mạng sau này.

Phụ chú về một vài tập đoàn chính trị phân rã :

Giai cấp tư sản Việt Nam thành hình và lớn lên dần từ 1920. Mới đầu từng nhóm nhỏ trí thức và tư sản liên lạc với nhau, lập các Công ty, Hội xã, Thương điểm, Tập đoàn Chính trị. Sau họ đi tới chỗ thành lập các chính đảng. Do xuất phát từ các tầng lớp xã hội khác nhau, xu hướng của họ cũng khác nhau, hưởng hồ tình trạng nước nhà lúc này đang vào lúc giao thời, nền kinh tế của ta còn lạc hậu, thành phần xã hội phức tạp, các tổ chức tranh đấu cũng còn ấu trĩ. Đó là trạng thái tất nhiên không thể tránh được trên quá trình lịch sử nước nhà trước khi đi đến chỗ hoàn bị.

Hai tập đoàn chính trị phân-rã khoảng 1924-25-26 tại Nam Kỳ đáng kể lúc bấy giờ là :

- Đảng *Lập hiến* Nam Kỳ.
- Đảng *Thanh Niên*.

A) Thành phần của đảng *Lập hiến* Nam kỳ (*Parti constitutionnaliste* gồm một số nghiệp chủ, hưu quan, kỹ nghệ gia, thương gia, Bác

vật, Kỹ sư, Bác sĩ v.v... một số gia nhập Pháp-tịch, Đảng này có tên trong các sổ tranh cử, Hội đồng thuộc địa, trên các báo chí, Phòng thương mại, Phòng canh nông v.v... nhưng chưa có hệ thống tổ chức đảng hoàng.

Đảng này được công khai hoạt động chẳng phải là do bọn Pháp thống trị ở đây có tinh thần dân chủ, mà là do thủ đoạn của họ muốn mua chuộc và lôi cuốn tầng lớp thượng lưu bản xứ theo chúng để bọn người này đứng ra ngoài cuộc đấu tranh. Họ hiểu rằng nếu quần chúng hoạt động chống Đế quốc hay tranh giành quyền lợi mà có những kẻ trí thức và có uy tín lãnh đạo thì sẽ có nhiều sự phiền phức cho chúng.

Mua chuộc được giới trí thức và tư sản là bỏ được một lực lượng địch quan trọng nhất, chúng còn dùng lực lượng này để tiêu diệt quần chúng nữa. Dầu sao trên thực tế họ vẫn không thể tránh được những bất bình đẳng về màu da với những kẻ đồng minh với họ, nhưng rồi nhà cầm quyền với giới tư sản trí thức thuộc địa vẫn phải đi đến chỗ thỏa hiệp sau khi đã san sẻ cho nhau ít nhiều quyền lợi.

Khoảng 1924-1925, là năm có nhiều yêu sách đòi hỏi tự do và dân chủ được đưa ra tại các hội nghị, các cuộc tuyên cử, ở nghị trường và trên báo chí. Lãnh tụ của đảng này là Bùi quang Chiêu đã qua Pháp như ta thấy đề mở các cuộc vận động chánh trị và có gây được ít nhiều ảnh hưởng trong nước và ngoài nước. Cuộc đón tiếp Bùi ở Pháp về vào ngày 24/3/1926 đã gây cho đảng này cũng như cho các lãnh tụ của nó nhiều uy tín thì tiếc thay đảng đang có tư thế đề phục vụ xứ sở lại thỏa hiệp với thực dân qua cái chủ nghĩa « *Pháp Việt đễ huề,* » làm giảm uy tín đã có sẵn trong dân chúng.

Những người giữ vai trò quan trọng trong đảng Lập hiến lúc này ngoài lãnh tụ họ Bùi, có : Lê quang Liêm, Trương văn Bền, Nguyễn văn Thịnh, Trần văn Đôn, Nguyễn tấn Được, Nguyễn kim

Định vv... Trước đây đảng này công kích liệt hăng rượu Fontaine, Đông dương Ngân hàng và nhiều cơ quan kinh tế thương mại và chính trị từ đó đảng im hơi lặng tiếng dần. Xét cho kỹ, những yêu sách của đảng Lập hiến mới có tính chất tiến bộ mà thôi chứ chưa có gì gọi là cách mạng. Rồi bởi nó quay sang con đường phản động nên ít năm sau nó tan rã trong khi các cao trào cách mạng nổi mạnh như sóng cồn vào giai đoạn lịch sử năm 1930.

C) Tới giai đoạn giai cấp tư sản và tiểu tư sản ở Nam Kỳ thành hình thì một số thanh niên trí thức được hấp thụ những tư tưởng học thuật mới, bấy lâu cầm hờn chánh sách bóc lột của thực dân đã vùng dậy. Họ tham gia vào các phong trào đòi các quyền tự do dân chủ của những năm 1923 — 24 trở đi với một khí thế mới.

Thành phần của họ là : Vương Quang Nhường, Nguyễn Trọng Hy, Lê Thế Vinh, Nguyễn Hào Đãng, Phan Trường Mạnh, Lê Văn Chất vv... hầu hết là các nhà viết báo, dạy học, nhà buôn, công chức thuộc phái trung lưu. Động cơ thúc đẩy họ trong các hoạt động chống nguy quyền thuộc địa bấy giờ chỉ là lòng yêu nước, ghét Tây mà thôi, bởi họ chưa có một chủ nghĩa nào làm căn bản cho cuộc đấu tranh.

Đảng *Thanh Niên* thành lập tại khách sạn Nam Kỳ (Sàigon), vào tháng 3-1926, ngoài chủ trương chống bọn thống trị da trắng còn chống cả bọn đồng lõa là đảng *Lập Hiến*. Đảng gây được ảnh hưởng khá nhiều trong giới bình dân và đã thu thập đảng viên rất là rộng rãi dễ dàng. Trước 3000 đồng bào tại xóm Lách (Ngã tư Công Lý—Yên Đò) đảng tuyên bố công khai thành lập và được nhiều nơi hưởng ứng. Đảng biết lợi dụng vụ đón tiếp Bùi Quang Chiêu, đám tang cụ Tây Hồ, đề vận động quần chúng khắp thành phố Saigon xuống tới các miền Lục tỉnh. Trong các cuộc biểu tình về những vụ kẻ trên những người tham gia đều đeo chiếc băng vàng bên tay trái ghi dấu là đảng viên *Thanh Niên*. Thực dân ra lệnh cho cảnh sát

đàn áp họ rất gắt. Từ *Jeune Annam* ra đời vào dịp này do Lâm Hiệp Châu làm chủ nhiệm tuy không chính thức là cơ quan của đảng nhưng một số lớn cây viết là người của đảng. Thực dân đã đóng cửa tờ *Jeune Annam* ngay số đầu ra mắt quốc dân và bắt luôn cả chủ nhiệm cùng một lượt với Nguyễn An Ninh.

Các truyền đơn đảng tung ra, các cuộc biểu tình tờ chức vào những năm kề trên tuy bị liên tiếp đàn áp, khủng bố nhưng không những không bị dẹp tan mà còn như nuôi dưỡng phong trào và đề cho đảng được khai thác kinh nghiệm trong giai đoạn còn non nớt.

Đáng chú ý một điều là vào ngày 24-3-1926, đảng vừa cò võ đồng bào đi đón Bùi Quang Chiêu xong đã phải phản ứng ngay vào một vài bữa sau đó khi Bùi và đảng Lập hiến trở cò, đã tung hô « *Vạn tuế Pháp Việt đễ huề!* ». Rồi đảng phát hành một cuốn sách đề lột mặt nạ bọn chánh khách đầu cò, bắt cá hai tay (vừa đi với dân, vừa đi với địch).

Trong ngày kỷ niệm đệ nhất chu niên cụ Tây Hồ qua đời (vào năm 1927), đảng *Lập hiến* và đảng *Thanh niên* tổ chức riêng rẽ và công kích nhau kịch liệt.

Ít tháng sau Đảng *Thanh niên* cũng đi vào tình trạng tiêu trầm vì không chủ nghĩa, không chương trình, không đường lối mà chỉ có tính cách bao thầu các biến cố. Đã vậy một số người đã lợi dụng đảng đề làm bậy và những người chủ chốt cũng không biết cách nương tựa vào nhân dân.

Trụ sở bí mật của đảng là *Lạc Long lữ quán* ở con đường Espagne (Lê Thánh Tôn ngày nay) Năm 1927, mật thám Pháp nhân việc tịch thu báo « *Le Nhà quê* », đã bắt được danh sách và các tài liệu cùng biên bản các buổi họp của đảng.

Một số đảng viên *Thanh niên* bị bắt và bị truy tố về tội « *lập hội kín âm mưu đánh đổ chính phủ và quấy rối cuộc trị an* ».

Từ đó tập đoàn chánh trị này tan rã, tuy còn được nhắc nhở đến đôi khi trên các báo chí hay trong quần chúng.

Nhưng rồi một giai đoạn mới được mở ra do ảnh hưởng khách quan ngoài thế giới và cũng do sự biến chuyển của nền kinh tế và sự phân hóa của xã hội Việt Nam. Cách mạng Việt Nam qua những cuộc khủng hoảng, thăng trầm, ấu trĩ được kết tinh dần, nghĩa là các chiến sĩ khai thác được một số kinh nghiệm về mọi mặt đã tồ chức lại hàng ngũ đề tiến lên và khi trưởng thành đã lợi dụng được thời cơ đề đánh đổ được Đế quốc sau này.

Năm đảng được nối nhau thành lập : Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí hội, Tân việt, Việt Nam quốc dân đảng, Cách mạng đảng, và Đông dương Cộng sản đảng là sản phẩm của những giai cấp mới trong một hoàn cảnh mới của đất nước.

CHƯƠNG IV

VIỆT NAM THANH NIÊN CÁCH MẠNG ĐỒNG CHÍ HỘI VÀ TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG

Cách mạng Việt Nam sau thế chiến thứ nhất đã được thúc đẩy một phần do trào lưu cách mạng thế giới nói chung, Á Châu nói riêng. Các nước Á Châu đau khổ về cái nạn ngoại thuộc như Triều Tiên, Phi luật Tân, Nam Dương, Mã Lai, Ấn Độ cũng đều hoạt động chống Đế quốc như Việt Nam, cũng đi dần một nhịp từ tiệm tiến đến bộc phát mỗi khi được cơ hội tốt.

Vai trò chủ động cách mạng trước đó ở tay các bậc lão thành, sau được chuyển sang các thanh niên trí thức và tư sản bởi trong giai đoạn này người dân đồng ruộng hay người thợ các xí nghiệp chưa được giác ngộ về cách mạng. Rồi ở nước này thường cũng có đảng thanh niên cách mạng xuất đầu lộ diện.

Cụ Phan Sào Nam khi còn bôn ba trên đất Tàu vào mấy năm chót đã cùng nhiều nhà cách mạng lập ra *Tâm Tâm xã* đặt trụ sở ở Quảng Châu Sau vụ ném bom *Sa Diện* của Phạm hồng Thái, Nguyễn ái Quốc (tức Lý Thụy, tức Hồ chí Minh sau này là lãnh tụ Đông Dương Cộng Sản đảng) cũng có mặt ở đây và bấy giờ cách mạng Việt Nam còn mang màu sắc thuần túy quốc gia và dân tộc.

Vào giữa năm 1924, Cụ Sào Nam cho triệu tập một hội nghị phản Đế tại Quảng Châu do cụ chủ tọa. Tham dự hội nghị này có các nhà cách mạng nổi tiếng như : Cụ Nguyễn thương Hiền, Cụ Nguyễn hải Thần, các ông Hồ tùng Mậu, Trương văn Lệnh, Lê quốc Đạt, Lê

tán Anh, Lê hồng Phong, Cao hoải Nghĩa, Đặng văn Hứa, Lâm đức Thụ, Lý Thụy, Vương thúc Oánh và Mai ngọc Thiệu (bài người cuối này được Cụ Phan triệu từ quốc nội sang). Mở đầu hội nghị, Cụ Phan đọc diễn văn khai mạc và tiếp theo là phần phát biểu ý kiến của anh em. Lý Thụy đã đứng lên yêu cầu hội nghị lập một đảng cách mạng có chủ nghĩa và đường lối rõ rệt và đề nghị lập đảng theo Cộng sản Đệ Tam. Lời đề nghị này bị Cụ Nguyễn hải Thần bác bỏ kịch liệt và hội nghị đã nhận định như sau :

« Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp, Các giai cấp chưa có sự phân chia rõ rệt, không thể so sánh với các quốc gia tân tiến có kỹ nghệ phát triển và có công nhân tập trung ». Cuối cùng hội nghị quyết định tổ chức một đảng cách mạng lấy tên là « *Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chi Hội* », trụ sở cũng đặt ở Quảng Châu còn trong nước chia ra ba cơ quan là Kỳ bộ Bắc, Trung, Nam. Các Tỉnh bộ sẽ tổ chức các tiểu tổ có từ 3 đến 10 đảng viên. Về chủ nghĩa Hội cho phép hội viên tự do học hỏi tất cả các thuyết cách mạng, chính trị và xã hội, Hội cổ động thanh niên nhập hội, sau đó hội hướng dẫn thanh niên sang Quảng Châu cho Tổng bộ huấn luyện cấp tốc trong 3 tháng rồi đưa về nước, ngoài ra một số đảng viên thanh niên còn được ở lại để vào học trường Võ bị Hoàng Phố. Xét ra các thanh niên được đưa dần ra biên giới phần nhiều là những phần tử đã có quá trình tranh đấu chống Pháp thất bại, kẻ bị cầm tù, kẻ bị đuổi ra khỏi các trường Trung học và Đại học, khí thế còn đang mạnh mẽ mặc dầu bị đàn áp ghê gớm nên khi được kêu gọi, họ sốt sắng lên đường luôn, tuy Pháp có lập ra một màng lưới do thám để chặn bắt họ và cũng đã khám phá được một vài tổ chức đưa người qua biên giới. Xin nhắc rằng các thanh niên lúc này đa số chưa có lập trường, chỉ biết ham làm cách mạng và nhiều kẻ có đầu óc phiêu lưu nữa.

Oánh là con rể cụ Sào Nam còn được gọi là Tổng Oánh chắc có dự hàng Tổng Lý tính hay rọu chè, cờ bạc...

Tháng 5 năm 1925, Đảng Việt Nam Thanh niên Cách Mạng đồng chí hội chính thức thành lập ở châu thành Quảng Châu. Ban chỉ đạo trung ương gồm có :

Hội Chủ : Cụ Phan bội Châu (Sào Nam)

Cố Vấn : Cụ Nguyễn thượng Hiền, Nguyễn hải Thần

Tổng thư ký : Lý Thụy (tức Nguyễn ái Quốc)

Ủy viên ngoại giao : Lâm đức Thụ

Ủy viên tổ chức, huấn luyện : Hồ tùng Mậu

Ủy viên tuyên truyền : Lê quốc Đạt

Ủy viên tài chánh : Trương văn Lệnh

Ủy viên nghiên Cứu : Lê hồng Phong

Ủy viên kiểm soát : Lê tán Anh

Những người được tổ chức vào đảng sau giai đoạn được huấn luyện phải về nước hoạt động liền. Nhưng một biến cố đã xảy ra vào tháng 6 năm ấy : Cụ Phan bội Châu thỉnh linh bị mật thám Pháp bắt. Nguyên nhân : Sau khi lọt được vào ban chấp hành VNTNCMĐCH, Lý Thụy vốn là đảng viên nòng cốt của Đệ tam quốc tế muốn thi hành chương trình xích hóa Đông Nam Á của Nga Xô nhưng gặp cản trở nặng nề của Cụ Sào Nam là một nhà cách mạng quốc gia chân chính khó lung lạc, liền âm mưu với kẻ thù tức của mình là Lâm đức Thụ đẩy Cụ Sào Nam ra khỏi chánh trường. Cụ Phan có bị thủ tiêu, Lý Thụy mới nắm toàn bộ VNTNCMĐCH và thực hiện ý đồ của mình. Sau khi bàn tính xong, Lâm đức Thụ qua Sa Diện tìm Phan Vỹ đặt giá bán Cụ Phan 20.000đ, rồi trên đường đi dự Hội Nghị ở Quảng Châu vào tháng sau, Cụ Phan bị bắt và giải về Việt Nam (Xin coi bài tường thuật tỉ mỉ về vụ này ở Chương VII).

Như trên đã nói, Việt Nam thanh niên cách mạng buổi đầu chỉ có xu hướng quốc gia mà thôi. Nhưng từ khi Cụ Phan không còn ở ban chỉ đạo trung ương của hội do sự nội phản kẻ trên thì tổ chức cách mạng này bị hoàn toàn lọt vào tay Lý Thụy và Lâm đức Thụ.

Lúc này Lý nắm lấy các thanh niên đang có nhiều hào khí như Kim Tôn Nguyễn Tuân, Phạm văn Đồng, Trần quốc Anh, Trần văn Cung v.v.. những người này đương nhiên bị đẩy qua hàng ngũ của Vô sản quốc tế.

Sau khi loại trừ được Cụ Phan, Lý Thụy nắm được trọn vẹn Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội rồi cải tổ ban chấp hành như sau :

Tổng bộ gồm có Lý Thụy, Lê văn Phan tức Hồng Sơn, Lê quốc Đạt, Hồ tùng Mậu, Lê hồng Phong, Lâm đức Thọ, Trương văn Lệnh. Tổng bộ đặt ở ngoại quốc (Quảng Châu). Tại quốc nội, đại diện ở Bắc Kỳ của hội có Mai ngọc Thiệu. Trung Kỳ có Hoàng Lương, Vương thúc Oánh. Nam Kỳ có Ngô Thiêm. Xiêm La có Đặng văn Hứa (tức Tú Hứa), Cao hoài Nghĩa.

Về phía Cụ Phan, chỉ còn hai nhà cách mạng lão thành là Cụ Mai Sơn Nguyễn thượng Hiền và Nguyễn hải Thần ; Cụ Mai Sơn thất vọng bỏ đi tu ở Hàng Châu và chết ở đó vào năm 1943. Cụ Nguyễn hải Thần không thể ở lại với bọn Lý Thụy liền ly khai và lập ra « *Việt Nam Toàn quốc Cách mạng đảng* » gồm Đinh tế Dân, Mạc tường Vạn, Hiền béo nhưng tình trạng không lấy gì làm tốt đẹp rồi đoàn thể này chìm lặn dần vào bóng tối của thời gian

Chiếu theo các sự kiện kể trên, ta thấy Đảng *Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng* ra đời đã do nhu cầu lịch sử trong quốc gia ngoại quốc tế và nếu nó có xu hướng xã hội sau này cũng không là điều đáng ngạc nhiên, bởi người lãnh tụ của nó là một điệp viên trọng yếu của Đế Tam quốc tế, nhưng buổi đầu người ta vẫn duy trì màu sắc quốc gia và tính chất dân tộc nhằm tránh trở ngại về phía các đế quốc đối lập đang toàn thịnh.

Thành phần của Đảng *Thanh Niên cách mạng* lúc này đa số là tiểu tư sản thành thị và thôn quê, có thể nói là những người Cấp tiến nhất lúc bấy giờ ở Việt Nam,

Các tài liệu đem ra huấn luyện cho các đảng viên cũng không thuần nhất : Chủ nghĩa Tam Dân, Chủ nghĩa Gandhi, Cộng sản sơ giải (của *Boukharine*), Ba Lê công xã v.v... có thể coi là những tài liệu căn bản cho những lớp học chính trị phổ thông. Xét ra tổ chức cách mạng lúc đó rất phức tạp, lúng cúng và có nhiều trái ngược vì cách mạng Việt Nam đang ở buổi giao thời mặc dầu những người chủ xướng có óc tả khuynh. Ngay quan niệm cách mạng thế giới và chủ nghĩa cộng sản lúc này cũng đang có nhiều sự sai lầm nghiêm trọng.

Muốn sao thì cách mạng Việt Nam đã có một điểm khả phủ là tinh thần dân chủ và phản Đế thích hợp với trào lưu tiến hóa của thế giới. Đối tượng của nó là đế quốc, phong kiến và tư bản và mục đích là làm cách mạng quốc gia trước đề trục xuất đế quốc Pháp giành độc lập, sau đó làm Cách mạng thế giới, thực hiện chủ nghĩa Cộng sản. Chương trình tối thiểu của đảng gồm 19 điểm đề thi hành vào buổi đầu chủ trương quốc hữu hóa mọi phương tiện giao thông, tuyên truyền chống đối kịch liệt tại các ngân hàng, đồn điền, xí nghiệp, các hầm mỏ v.v.. của đế quốc, tịch thu ruộng đất của phong kiến và địa chủ (từ 100 mẫu trở lên), chia ruộng đất cho nông dân, đánh thuế lợi tức, xóa bỏ nợ cũ, định ngày làm việc là 8 giờ, ban hành luật lao động, nam nữ bình đẳng, dân tộc tự quyết v.v...

Về Kinh Tế : Trước tiên là bỏ thuế thân, giảm thuế điền, miễn thuế trong các năm mất mùa, hạn hán, bãi bỏ các thuế lật vật cho các tiểu thương, chia ruộng bãi hoang cho dân nghèo, cấm mộ phu đi ngoại quốc.

Về Chính Trị : Đòi các quyền tự do dân chủ và quyền bãi công, cải cách chế độ bầu cử ở hương thôn và thành phố, chống khủng bố, đại xá chính trị phạm, chống việc đem binh lính đi ngoại quốc.

Về Giáo Dục : Khẩu hiệu đề ra là tự do mở trường, tự do học tập, tự do đọc các sách báo, bãi bỏ kiểm duyệt.

Về Lao Động : Đảng nêu ra lương tối thiểu và lương hưu trí, lệ

nghỉ thường niên, bỏ lệ làm khoán, trả cả lương những ngày nghỉ lễ, ngày đầu yếu, sinh đẻ, đàn ông, đàn bà, trẻ con làm cùng một việc thì hưởng lương ngang nhau, tự do lập nghiệp đoàn, chủ nhân phải làm cư xá cho công nhân ở theo «kiểu tối tân» (!)

Về Nông Dân : Đảng đòi giảm tô xuống một phần tư số thu hoạch, bỏ những khoản nợ đã vay, giàu nghèo đều cùng gánh vác tạp dịch như nhau.

Về Binh lính Đòi định lương tối thiểu, phụ cấp gia đình, tự do đọc sách báo, bỏ lệ phạt (!) nghỉ ngày lễ, chống sĩ quan và hạ sĩ quan tàn bạo, tự do gia nhập các phong trào chính trị.

Trong ngày đại hội toàn quốc lần thứ nhất (9-5-1929), Đảng kêu gọi công, nông, binh và các đồng bào bị áp bức đứng dậy chống đế quốc và bọn tay sai phong kiến cùng tư bản là kẻ thù của Cách mạng nói chung, Vô sản nói riêng. Bản tuyên ngôn đã nhấn mạnh đến việc thành lập vô sản chuyên chính (... «*nhà máy vào tay thợ, ruộng đất thuộc về người cấy, mọi nguồn lợi trả lại cho nhân dân và chính quyền trao cho các hội đồng đại biểu của các cấp cần lao trong nước...*») và các phong trào chống đế quốc Pháp như các cuộc bãi công của công nhân ngay trên đất Pháp, cuộc khởi nghĩa của nhân dân Maroc đề kết luận rằng cuộc cách mạng quốc gia sớm muộn sẽ tiến tới cách mạng thế giới.

Chiếu theo các điều kể trên, Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng đã ra mặt làm Cộng sản và đứng trên lập trường vô sản cùng giai cấp mà tranh đấu. Các nhãn hiệu quốc gia hay dân tộc chỉ là một thủ đoạn hay những bình phong để che đậy cho chủ nghĩa cộng sản trong lúc Cộng sản còn non yếu, đồng thời để thu hút những phần tử trí thức và tư sản tiến bộ cần thiết cho đảng ít nhất trong giai đoạn tiền khởi. Cho tới sau này (1971) đảng Cộng sản Đông Dương đã lớn mạnh, nòng cốt của nó vẫn là tiểu tư sản và trí thức. Nó đã lấy danh nghĩa của giai cấp vô sản mà thực hiện chủ nghĩa Cộng sản. Người Cộng sản lúc này

quan niệm rằng cuộc cách mạng dân tộc (hay cách mạng quốc gia) trên nguyên tắc không thể tách rời khỏi cuộc vận động giải phóng dân tộc và không thể không đi ngay tới cuộc cách mạng thế giới. Nó là một mặt trận tấn công vào chủ nghĩa đế quốc của giai cấp vô sản, cũng như cuộc cách mạng ở mỗi nước là một bộ phận của cuộc cách mạng thế giới. Và cách mạng thế giới là một chủ trương hợp với nguyện vọng của các dân tộc nhỏ yếu và của các tầng lớp bị áp bức, bóc lột, tất nhiên được sự ủng hộ sâu rộng và sẽ thành công. Quan niệm và đường lối chính trị của VNTNCMĐCH như trên đã phản ánh tính chất giai cấp tiêu tư sản của đảng và còn phổ biến bối cảnh lịch sử thuở bấy giờ, trong khi người Cộng sản chưa có một đảng Cộng sản chính thức của họ như ngày nay.

a) Hệ thống tổ chức của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng đồng chí hội

Công bằng mà nói, đảng Thanh Niên là một đảng cách mạng đầu tiên được tổ chức theo lối mới và tương đối có khoa học.

Sau khi đảng thành hình, cán bộ được phái về trước đề tổ chức cơ sở trong các nhà máy, các xí nghiệp và ở nông thôn. Các lãnh tụ của mỗi cấp đều do hội nghị cấp bộ bầu ra và theo nguyên tắc, hạ cấp phải phục tùng thượng cấp, còn cán bộ chỉ đạo các cấp dưới đều do cấp trên chỉ định. Các ủy viên của ban chấp hành trung ương thì do đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra (đại biểu toàn quốc của VNTNCM họp lần thứ nhất vào thượng tuần tháng 5 - 1929 và cũng là lần chót, vì thế Trung ương đảng bộ ở Quảng Châu vẫn là lâm thời từ đầu đến cuối).

Đảng có 5 cấp bộ là: 1/ Trung ương 2/ Xứ ủy 3/ Tỉnh ủy 4/ Huyện ủy và 5/ chi bộ. Chi bộ tại các xí nghiệp và địa phương coi là những tổ chức cơ sở (trong điều lệ của VNTNCM), nhưng tỉnh bộ cũng có một địa vị rất quan trọng vì nó có nhiệm vụ tổ chức lực lượng trong hạt đề giành chính quyền một khi có đủ điều kiện.

Đảng viên được thu nhận bất kỳ gái trai miễn có sự tán thành chủ trương của đảng, bằng lòng đóng nguyệt liêm và chịu tòng phục cấp trên. Đảng không nhận những phần tử rượu chè, thuốc phiện, cờ bạc, những kẻ làm tay sai cho Pháp và là thù địch của nhân dân.

Các người thuộc giai cấp Công, Nông, Binh thuộc các lớp người nghèo được rút ngắn thời hạn dự bị hơn những người tiểu tư sản hay trí thức. Tuy vậy giới người cuối này vẫn nắm đa số.

Kỷ luật của đảng hồi ấy có khác với đảng cộng sản sau này là ngoài những hình thức khai trừ và cảnh cáo còn có cả tử hình đối với những kẻ phản đảng và phản cách mạng. Những ai đã vào đảng rồi mà đam mê cờ bạc, rượu chè, trai gái, hút xách, đàng điếm đều bị trừng trị theo kỷ luật (*Theo Điều lệ*)

Tới ngày họp đại hội đại biểu cán bộ toàn quốc VNTNCMĐCH đã đạt được tổ chức khắp nước.

Tại Bắc Kỳ, đảng có nhiều chi bộ ở các tỉnh Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình và hai thành phố Hà nội và Hải phòng.

Tại Trung Kỳ, thế lực của đảng mạnh nhất ở Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Ngãi

Tại Nam Kỳ ngoài thành phố Saigon, chi bộ của đảng rải rác ở các tỉnh Cần Thơ, Mỹ Tho

Tại Thái Lan, đảng có một số đồng chí khá đông là những kiều bào di cư qua đây từ lâu đời. Chung quanh đảng còn có một số đoàn thể nhân dân như Công hội, Nông hội, Học sinh, Phụ nữ do cấp bộ đảng tại chỗ lãnh đạo. Các đảng đoàn thuộc các đảng phái khác thì do trung ương điều khiển.

b/ Hoạt động của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đông Chí Hội.

Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng ra đời vào 1925, cùng trong

khoảng thời gian này một đảng cách mạng khác lấy tên là *Việt-Nam Cách mạng đảng* cũng ra mắt quốc dân, rồi hai đảng đi đến chỗ liên hiệp, có thời đã lấy một tên chung là *Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội*. Mặc dầu hai đảng đã có sự kết hợp theo một thỏa hiệp tạm thời, các tài liệu và văn kiện cũng chung như vẫn không đồng nhất được với nhau hoàn toàn do một vài lệch tự bên này cũng như bên kia vẫn muốn gây ảnh hưởng riêng và giành giật đảng viên của nhau. Nếu như hồi đó người ta đã có một chánh sách mặt trận cho đúng thì việc thống nhất có thể thực hiện được dễ dàng. Vì trình độ cách mạng bấy giờ còn thấp, các lãnh tụ của hai đảng cũng chưa già kinh nghiệm về tổ chức và tâm lý nên hai đảng dần dần đi đến chỗ phân lập như cũ.

Tháng 4 năm 1927, Cộng sản đảng và Quốc dân đảng ở Trung Quốc có sự chia rẽ. Tướng giới Thạch thẳng tay đàn áp phong trào công nhân và các phần tử Cộng Sản trong Quốc dân đảng. Do đó *Việt Nam Thanh niên Cách mạng* có một số bị bắt theo ở Quảng Châu. Biến cố này đã có ảnh hưởng khá tai hại cho cách mạng Việt Nam trên đất Tàu, nhất là sau khi *Quảng Châu công xã* cuối năm 1927 bị thất bại. Tuy vậy ở quốc nội đảng viên Thanh niên vẫn tiếp tục hoạt động trong giới công nhân ở các xí nghiệp và ở các hầm mỏ.

Trong năm 1928 đã xảy ra các vụ dưới đây :

- Cuộc đình công 24 tiếng đồng hồ tại nhà máy nước đá Saigon vào ngày 19-2-1928.
- Cuộc bãi công tại nhà máy xay gạo ở Chợ Lớn ngày 23-2-1928.
- Cuộc bãi công tại hãng dầu Pháp-Á ở Hải Phòng ngày 13-3-1928.
- Cuộc bãi công tại đồn điền Lộc Ninh ngày 8-4-1928.
- Cuộc bãi công của công ty lâm nghiệp Bến Thủy ngày 11-4-1928.
- Cuộc bãi công tại nhà máy xi măng Hải Phòng ngày 16-4-1928.
- Cuộc bãi công 24 tiếng đồng hồ của thợ nhà in Au Portail Saigon ngày 14-5-1928.

- Cuộc bãi công của thợ làm bánh mì Hà nội ngày 20-5
- Cuộc bãi công của thợ cắt tóc Saigon 1-7.
- Cuộc bãi công cu li xe kéo Hà nội ngày 20-10.
- Cuộc đình công của nhà máy sợi Nam Định ngày 23-11.

Qua năm sau (1929), cuộc đình công còn tiếp tục như sau :

- Cuộc đình công của một bộ phận cu li xe kéo tại Hà nội ngày 6-1.
- Cuộc đình công của công nhân sở xe lửa Trường Thi tại Vinh kéo dài từ 16 đến 23-5.
- Cuộc đình công của công hãng sửa xe hơi Aviat Hà nội từ 28-5 đến 10-6.
- Cuộc đình công của công nhân sở ươm cây Thụy Khê (Hà nội) ngày 13-6.
- Cuộc đình công của công nhân nhà đèn Nam Định ngày 19-6.
- Cuộc đình công của công nhân nhà máy sợi Hải Phòng tái diễn ngày 20-6.
- Cuộc đình công của công ty vận tải tại Trung kỳ (Đà Nẵng) ngày 20-6.
- Cuộc đình công của công nhân nhà máy sợi Nam Định (lần thứ hai).
- Cuộc đình công của công nhân sở dầu Pháp — Á tại Hải Phòng ngày 23-9.
- Cuộc đình công của công nhân nhà máy gạch Hưng Ký tại Yên Viên ngày 29-9.
- Cuộc đình công của công nhân hãng Texor tại Hà-Nội ngày 6-10.
- Cuộc đình công của lao công khách sạn « Saigon—Palace » ở Saigon ngày 13-10 v.v...

Kề ra thì còn nhiều vụ mưu toan hưởng ứng phong trào đình công trên toàn quốc khác bị thực dân bóp nghẹt bằng nhiều cách khác nhau. Phong trào này lan tràn sang cả Cao-Mên.

— 21-6 có cuộc bãi công của công ty vận tải Đông Dương tại Nam Vang.

-- Ngày 3-10, công nhân lò rượu Nam Vang nghỉ việc, phong trào đã nêu lý do là bị chủ nhân cư xử tàn nhẫn, phạt tiền, cho ít lương, đuổi thợ vô lý v.v...

Di nhiên phong trào bùng nổ là do những cuộc vận động ngầm ngầm của đảng Thanh Niên. Đây mới là những cuộc đấu tranh trên lãnh vực kinh tế đề mở đầu, tuy bên trong nó vẫn lệ thuộc vào chương trình hoạt động chính trị của đảng này. Có điều đáng lưu ý là đảng Thanh Niên chỉ có trực tiếp điều khiển mấy vụ đình công lớn, nhất là vụ nhà máy sợi Nam Định, vụ nhà máy Trường Thi (Vinh), vụ đồn điền cao su Phú Riềng, vụ nhà máy xi măng Hải Phòng, vụ nhà máy Aviat (Hà-Nội) là những cơ sở hay xí nghiệp vào bậc lớn nhất ở Đông Dương. Cuối năm 1928, Đảng này rải truyền đơn phản đối việc mộ phu Trung, Bắc kỳ đem vào các đồn điền cao su đất đỏ và đi « Tân Thế Giới » (Nlle Calédonie, Nlle Hébride mà ta gọi cho đúng là Tân đảo).

Trong giai đoạn này, Đảng thi hành chủ trương khủng bố những kẻ phản cách mạng hay có thể là nguy cơ cho Đảng; do đó năm 1928, Đảng đã ám sát Nguyễn văn Phát, xứ ủy Nam Kỳ để bảo vệ bí mật của Đảng (!), năm sau Đảng cho ám sát hai nữ đảng viên Thị Nhu và Thị Uyển ở Hải Phòng bởi nghi hai người này làm tay sai cho tên Brides, Chánh hội đồng đề hình đi tìm bắt các chiến sĩ cách mạng. Thị Uyển chết, Thị Nhu bị thương. Vì việc này, một đảng viên là Hồ ngọc Lân bị thực dân Pháp kết án tử hình và 4 đảng viên khác ở Nam Kỳ cũng bị Pháp hành quyết. Sau vụ Nguyễn văn Phát (tức vụ Barbier vì Phát bị giết ở một ngôi nhà thuộc đường này tức là đường Lý trần Quán bên cạnh chợ Tân Định ngày nay).

Tháng 2-1929, nhân việc bại lộ của Việt Nam quốc dân đảng (sẽ nói tới trong một chương sau), Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội có một số đảng viên bị bắt bởi đã để lọt glán điệp của Pháp vào nội bộ và tháng 9-1929, đảng họp đại hội lần thứ nhất tại Hương Cảng để lột xác hóa sinh vào một chính đảng khác có tổ chức hoàn bị hơn và có xu hướng rõ rệt hơn, đó là *Đông Dương Cộng sản đảng*.

Đề hiệu thêm tinh thần và tôn chỉ của Việt Nam cách mạng thanh niên là tiền thân của đảng Cộng sản Đông Dương sau này, xin trích ra đây bài tuyên ngôn của Đại hội toàn quốc lần thứ nhất (tài liệu này được dịch qua một bản bằng tiếng Pháp vì không có bản bằng tiếng Việt, vậy có thể có một số danh từ không đúng với danh từ trong nguyên cáo).

Các bạn công nhân ! nông dân ! binh sĩ !

Đồng bào và các đồng chí bị áp bức !

«Đại hội đại biểu toàn quốc đảng «*Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên*» lần thứ nhất kêu gọi 20 triệu vô sản Việt Nam chuẩn bị gấp rút để đánh đổ đế quốc Pháp và bè lũ phản cách mạng trong nước là bọn mà tội ác ngày càng chồng chất.

«Đế quốc Pháp đeo mặt nạ văn minh đã dùng đại bác và thiết giáp «hạ mìn đè trấn áp nhân dân ta một cách dã man và vô nhân đạo, đánh «chiếm những thành quách của ta, đốt phá làng mạc ta, băm nát các «chiến sĩ anh dũng ta, phá phách của cải ta, làm cho Tờ Quốc thành «một thuộc địa và bắt nhân dân ta thành nô lệ, làm thân trâu ngựa.

«Đế quốc Pháp đã cướp đoạt nước ta để làm giàu dễ dàng trên «lưng ta. Ruộng nương ta, hầm mỏ ta, sông bể ta, thương mại ta, tóm «lại tất cả những nguồn lợi của ta đều qua tay chúng. Chúng bắt ta nộp «thuế má rất nặng nề, luôn luôn buộc ta phải mua công thải của chúng «và chiếm đoạt tàn nhẫn tất cả công của mồ hôi nước mắt dân ta.

«Đề bóc lột dân ta được như ý chúng, đế quốc Pháp giam giữ và «trói buộc chúng ta bằng cường quyền và những luật lệ dã man và độc

«ác như cầm người Việt Nam không được tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do hội họp. Những người Việt Nam tổ chức ra các hội đều bị cầm tù; người nào nổi lên chống lại chúng đều bị quân đội chúng tàn sát, người nào tìm đường xuất dương đều bị đem đi «đầy. Cảnh sát, mật thám, tòa án, hội đồng đề hình, đó là tất cả công cụ chúng dùng để diệt trừ ta hoặc là để đem ta vào các nhà ngục giết người ở Lao Bảo và Côn Lôn.

«Để quốc Pháp dựa vào bọn phong kiến, bọn quan lại và bọn tư bản bản xứ, bọn thù địch của vô sản và thù địch của cách mạng để cai trị rất tàn ác. Tất cả bọn phản quốc ấy hút máu mủ và đục khoét xương tủy nhân dân ta, chúng tán tụng chính sách hợp tác với đế quốc, làm chó săn cho chúng và phá hoại cuộc cách mạng nhân dân.

«Đồng bào ta bị bọn đế quốc Pháp, bọn phong kiến quan lại và tư bản bản xứ áp bức và bóc lột, khổ sở không sao tả xiết.

«Nào ai đã thấu nổi bao nhiêu công nhân bị bóc lột, ăn lương chết đói, phải làm việc ngày giờ liên miên, chịu đói rét, sống khổ nhọc và chết thê thảm!

«Nào ai đã thấu nổi bao nhiêu nông dân bị chiếm đoạt ruộng đất, chịu bao nhiêu sưu sai tạp dịch và bao nhiêu là thuế má đến phải bỏ quê hương lang thang cầu thực!

«Nào ai đã biết bao nhiêu binh lính phải lìa bỏ cha mẹ vợ con để chết rũ xác trên chiến trường Syrie-Maroc!

«Nào ai đã biết bao nhiêu nhà buôn bị phá sản vì bọn đế quốc độc quyền, vì thuế má nặng nề và cạnh tranh của đế quốc!

«Nào ai đã biết bao nhiêu là thanh niên nam nữ bị ngu muội, u mê vì những phương pháp giáo dục nô dịch của kẻ thù chúng ta!

«Đảng Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên kêu gọi các bạn công nhân, nông dân, binh lính, nhà buôn, thanh niên tất cả những người Việt Nam bị áp bức và bóc lột hãy đoàn kết lại, hãy xa rời bọn

« phong kiến, quan lại và tư bản, hãy chiến đấu quyết liệt chống đế
 « quốc và bọn chó săn của chúng và đem máu ra giành lấy tự do và
 « hạnh phúc.

« Đảng Việt Nam Cách mạng Thanh niên là đội tiền phong của
 « cách mạng nhân dân đứng ra tổ chức những người vô sản trong
 « nước thành những đội quân hùng mạnh và đưa họ ra chiến đấu
 « chống bọn bóc lột áp bức để giành lấy quyền lợi và chiếm chính
 « quyền.

« Chúng tôi muốn đem nhà máy vào tay công nhân, ruộng nương
 « vào tay nông dân, những nguồn lợi vào tay nhân dân và chính quyền
 « vào tay những hội đồng đại biểu của các giai cấp cần lao trong nước.

« Đó là những nét đại cương trong cương lĩnh chính trị của
 « đảng *Việt Nam Thanh niên Cách mạng* Đảng kêu gọi những người vô
 « sản Việt Nam hãy tập hợp dưới lá cờ của đảng để tiến lên chiến
 « đấu và cùng Đảng thực hiện cương lĩnh cách mạng này.

« Để quốc Pháp có thiết giáp hạm, có đại bác, súng trường và
 « binh lính vô số, nhưng nó bị những cuộc bãi công ở nước Pháp và
 « những cuộc khởi nghĩa của nhân dân Maroc đe dọa, Những cuộc tấn
 « công liên tiếp ấy làm lung lay cơ sở và nhất định nó sẽ sụp đổ.

« Chúng ta được một đảng cách mạng hùng mạnh đoàn kết lại,
 « tổ chức ra và đưa đường chỉ lối cho thì chúng ta có thể tiêu diệt
 « kẻ thù ác hại của chúng ta là đế quốc Pháp. Chúng ta không quên
 « được rằng cuộc cách mạng quốc gia của ta là một bước tiến tới
 « cuộc cách mạng thế giới, chúng ta sẽ được sự ủng hộ của những
 « người bị áp bức và bị bóc lột trên thế giới khi chúng ta bắt tay vào
 « cuộc cách mạng.

« Cơ sở cuộc cách mạng ta rất vững chắc, chúng tôi kêu gọi đồng
 « bào thân mến hãy chuẩn bị chiến đấu.

« Các bạn công nhân, nông dân, binh lính và những người bị áp
 « bức trong nước Việt Nam hãy đoàn kết lại!

«Đả đảo đế quốc Pháp !

Đả đảo chế độ phong kiến và những giai cấp phản động trong «nước !

«Cách mạng Việt Nam muôn năm !

«Cách mạng thế giới muôn năm !

Ngày 9 tháng 5 năm 1929

Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng
Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên.

Cũng từ đây nhiều đảng cách mạng Việt Nam chấm dứt tình trạng giao thời và trên tiến trình của nó giữa các đảng với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều sự xung đột khiến đế quốc Pháp nắm được những cơ hội tốt để tàn sát những người ái quốc Việt Nam. Bạn đọc có thể nhìn vào những trang sử này để hiểu đoàn thể nào có công có tội với quê hương, xứ sở,

TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG

Đảng Tân Việt là một đảng cách mạng tương đối rất kỳ cựu và trên phương diện tổ chức đã có nhiều sự biến chuyển khá ly kỳ. Nó đã bắt nguồn ở nhóm cựu chính trị phạm Trung Kỳ và nhóm sinh viên cao đẳng ở Hà nội.

A/— Nhóm chính trị phạm cũ Trung Kỳ là các cụ Phan Chu Trinh, Phạm đức Ngôn, Ngô đức Kế, Lê vãn Huân, Hoàng văn Khải, Nguyễn đình Kiên, Huỳnh thúc Kháng, Hoàng thúc Diện v..v.. là các nhà cách mạng đã cầm đầu các vụ chống thuế, chống sưu ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định v..v., năm 1908, rồi bị thực dân đem đày ra Côn đảo. Trong các vị này cũng có một số cách mạng thuộc phe bạo động mà lãnh tụ là các cụ Phan bội Châu (xin coi VSTB quyền 5 tập trung). Tuy bị giam cầm nhưng các chiến sĩ cách mạng vẫn không hợp nhất. Tiêu biểu cho phe bạo động tại Côn đảo bấy giờ

là các cụ Phan đức Ngồn, Lê văn Huân, Trần Hoàn, Lê Đại, Nguyễn đình Kiên. Ngay ở trong tù, các cụ đã tổ chức đảng đề khi ra tù sẽ tiếp tục hoạt động ngay, do đó vào khoảng tháng 8-1917, hội *Phục Việt* ra đời.

Hội nghiên cứu 3 điểm trọng yếu :

a/ Nguyên nhân các vụ thất bại trước đây.

b/ Liên lạc với cụ Phan bội Châu và các đồng chí (lúc này cụ Phan chưa bị bắt).

c/ Kế hoạch tuyên truyền trên toàn quốc.

Rồi vào ngày 20-8 năm ấy, Hội cử cụ Trần Hoàn, cụ Tú Kiên và cụ Phạm Cao Đài cùng 3 người thường phạm đóng bè vượt biển về đất liền. Cuộc vượt ngục thành công, sau đó cụ Trần Hoàn về được Nam Kỳ nhưng chưa làm gì đã bị bắt. Vào ngày 25-9, cụ lại phải trở lại Côn đảo. Cụ Tú Kiên và cụ Phạm Cao Đài sau bao nhiêu gian khổ đã vượt được miền Thượng du (B.V) sang đến Quảng Châu nhưng chưa gặp được cụ Phan bội Châu vì cụ Phan bấy giờ đang có mặt ở Thái Lan. Hai cụ chỉ gặp Phan bá Ngọc (con cụ Phan đình Phùng). Hai cụ không biết hẳn là mặt thám của Pháp.

Sau khi tiếp hai cụ, Phan bá Ngọc vội mời hai cụ lên Thượng Hải rồi báo cho Pháp bắt vào ngày 25-2-1918. Hai cụ liền được trả về Côn đảo lại gặp cụ Trần Hoàn. Lúc này cụ Cử Ngô và cụ Lê Huân đã mãn tù được trở về xứ.

Các cụ bèn thực hiện việc tuyên truyền nhưng tinh thần thanh niên bấy giờ quá sa sút. Họ đua nhau theo học chữ Pháp để kiếm cơm và địa vị, không mấy kẻ nghĩ đến tiền đồ Tổ quốc nên hai cụ thất bại, không kiếm ra được một đồng chí nào khác và đảng *Phục Việt* từ đó lâm vào tình trạng bất lực trong nhiều năm. Vào lúc ấy tại hải ngoại, sau khi Đệ nhất thế chiến chấm dứt, Tổng Thống Hoa Kỳ Wilson đề cao thuyết «*Dân tộc tự quyết*» nên trí thức VN đã thức tỉnh một phần

nào chứ không phải đều chỉ nghĩ đến vinh thân phì gia. Toàn quyền A Sarraut bấy giờ tung ra thuyết «*Pháp Việt đễ huề*» trên các cơ quan văn hóa như *Nam phong tạp chí*, *Lục tỉnh tân văn* do các học giả thân Pháp như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh v.v., chủ biên đề ru ngu trí thức Việt Nam. Các thanh niên lúc ấy dưới sự áp bức của Thực Phong chưa có phản ứng gì nhưng họ chờ cơ hội.

Ngày 11-1-1918, tại trường Quốc Học (Huế), các giáo sư hoan nghênh cuộc đình chiến có lợi cho Pháp bên kia trời Âu đã hô to khẩu hiệu: «*Đả đảo Đức tặc! Pháp quốc vạn tuế!*» thì các học sinh lại gầm thét «*Việt Nam vạn tuế! Đả đảo quân cướp nước!*» Chiều đến ban giám đốc buộc học trò biểu diễn một màn nịnh hót quan thầy, phát cho mỗi người một lá cờ tam tài, nhưng học sinh lại cầm cờ vàng đề tỏ ý phản đối thực dân. Sau này các học sinh ra đời, đi làm công chức hàng ngày giao tiếp với Pháp nên càng hiểu rõ họ hơn, vì thế đã có nhiều nhiệt tình với cách mạng.

Năm 1924, phong trào tranh đấu trong nước lên cao đòi hỏi các tự do dân chủ, đòi thả chính trị phạm, Pháp phải phóng thích những chiến sĩ có tên tuổi. Lúc này cụ Tây Hồ đã qua Pháp từ lâu (1911), cụ Phạm đức Ngôn cũng đã trở hơi cuối cùng trên đảo.

Cũng năm ấy cụ Lê Huân thân phục được một số thanh niên ái quốc là Tôn quang Phiệt, Trần mộng Bạch, Trần Phú, Ngô đức Diễn v.v... cụ bèn đem chương trình hoạt động của Phục Việt ra thảo luận được họ cực lực tán thành nên cụ quyết tâm phục hồi hội Phục Việt.

Ngoài ra các chiến sĩ trở về đất liền lại tiếp tục các hoạt động cũ. Phe cải lương do cụ Huỳnh thúc Kháng mở báo «*Tiếng Dân*» đề công khai tranh đấu chính trị. Cụ mở nhà in và ra làm Viện trưởng viện Dân biểu Trung kỳ. Cụ Ngô đức Kế làm sách, viết báo, trước thuật v.v... Phe bạo động có cụ Nguyễn đình Kiên, Hoàng văn Khải vẫn chủ trương theo đuổi mộng cũ dưới danh hiệu của Hội Phục Việt các cụ đã tổ chức khi còn ở ngoài đảo.

B) Vào hai năm 1925—26, phong trào ái quốc vẫn sôi nổi. Một nhóm sinh viên trường Cao đẳng thuộc thành phần tiêu tư sản được hấp thụ các tư tưởng cách mạng của giai cấp tư sản Âu Châu đã họp nhau vào ngày 25-1-1925 (vào tết Nguyên đán) tính chuyện làm cách mạng chống đế quốc.

Hội nghị có 17 người: Nguyễn quý Phần, Nguyễn quốc Túy, Nguyễn văn Phùng, Trần tiến Vỹ, Tôn quang Phiệt, Đặng thái Mai, Hoàng Mai, Phạm Thiều, Lê xuân Phương, Nguyễn cao Hai, Trần thiện Ngũ, Nguyễn hảo Đàng, Thân trọng Khôi, Nguyễn văn Ngọc, Nguyễn đắc Lộc, Lê Đình và... Hoàng. Hai vị có mặt với cương vị khách là Ngô đức Kế và Lê Dư.

Hội nghị tuyên bố thành lập *Việt Nam Nghĩa Đoàn* và đưa ra một bản chương trình sơ lược. Tuy nhiên về mặt tổ chức, nghĩa đoàn chưa có gì chặt chẽ và tinh thần của nó cũng còn khảng tảng, do đó có những người mới vào đã bỏ ra, có người không dính líu gì đến đám người cũ. Ít tháng sau, đoàn tiếp xúc với hai cụ Lê văn Huân và Hoàng văn Khải ở Thanh Hóa, nhưng chưa có chương trình hoạt động nhất trí.

Ngày 14-7-1925, lợi dụng Pháp kỷ niệm ngày phá ngục Bastille, nhân dân Lô nức dixem hội, Lê Huân, Trần mộng Bạch, Ngô đức Diên, Tôn quang Phiệt liền họp nhau tại núi Đất gần Bến Thủy (tục gọi là núi Con Mèo) để tổ chức lại hội *Phục Việt* và mở cuộc tuyên thệ.

Sau đó Phiệt ra Bắc vào học trường Cao đẳng Sư Phạm với nhiệm vụ tổ chức Bắc kỳ chi bộ. Còn Trần mộng Bạch, Trần Phú giữ việc tuyên truyền và theo dõi tình hình Đông Dương. Cụ Lê Huân liên lạc với anh em cách mạng ở Trung Hoa. Ngô đức Diên thì đi dạy học ở Khánh Hòa cũng có mục đích lập chi bộ ở đây. Sau này có Lê duy Điểm được Trần Phú giới thiệu vào Hội (Điểm là người Hà Tĩnh, sinh tại huyện Nghi Xuân).

Là một thanh niên rất thông minh Điểm nổi được tiếng Pháp và tiếng Tàu nên được cử làm liên lạc viên cho anh em ở Tàu và Xiêm La sau khi được sự đồng ý của cụ Lê Huân và Trần mộng Bạch (tức Trần đình Thanh). Điểm đến Vọng các ngụ ở nhà cụ Tú Đặng thúc Hứa. Bấy giờ phong trào cách mạng của ta ở Xiêm đã tan rã, Việt Kiều chỉ lo an phận và mưu sinh. Thất vọng, Điểm kiếm đường sang Quảng Châu.

Đến nơi, Điểm không có giấy giới thiệu nên bị anh em Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội nghi ngờ. Lúc này (năm 1925), Nguyễn ái Quốc đã có mặt tại Quảng Châu và đã lập xong «*Bị áp bức nhược tiểu dân tộc chí bộ*». Nguyễn ái Quốc còn đứng ra tổ chức VNTNCMĐCH do cụ Phan Sào Nam làm chủ tịch như trên đây đã nói, nhưng vào tháng 6-1925, cụ Sào Nam bị bắt rồi bị đưa về Việt Nam, từ đó được tự do hành động, Lý Thụy huấn luyện anh em bằng những tài liệu Cộng Sản, phát hành tờ báo *Thanh Niên*, ngoài ra còn cấp lộ phí cho các thanh niên qua Tàu với số tiền bán cụ Phan.

Lúc đầu VNTNCMĐCH có khoảng 50 đảng viên. Họ được Lý Thụy gửi vào học trường Võ bị Hoàng Phố. Trường này do trùm Cộng Sản *Borodine* người Nga làm giám đốc với danh nghĩa viện trợ quân sự và huấn luyện kỹ thuật cho quốc quân Trung Hoa (Lý Thụy còn là thông dịch viên cho phái bộ Nga bấy giờ). Sau khi được tiếp xúc với nhóm Cộng Sản trong VNTNC.M.Đ.C.H ở Quảng Châu Điểm đã có ý ly khai với anh em Phục Việt rồi y trở về nước và tới Vinh vào khoảng tháng 6-1926.

Trong khi ấy Tôn quang Phiệt, Ngô đức Trì (con cụ Nghè Ngô đức Kế) và các sinh viên cao đẳng đã tổ chức được chi bộ Phục Việt tại Bắc Kỳ Ngoài ra cụ Lê Huân còn thu phục được một số đồng chí cũ là cụ Cử Ngô và một đồng chí mới tên là Nguyễn Trác. Trần mộng Bạch rủ được Phan Kiêm Huy, Hoàng đức Thi, Trần văn Tặng, Ngô đức Diên, Diên rủ được Hà huy Tập, giáo học ở Nha Trang.

Về tài chánh, Hội có 500đ, trao cho Trần mộng Bạch.

Năm 1925, trong nước có nhiều vụ rối ren : ở Nam Kỳ, ông Nguyễn an Ninh và cụ Tây Hồ về nước làm chấn động dư luận. Ông Ninh xuất bản tờ «*La cloche fêlée*» công kích thực dân. Cụ Phan diên thuyết về *Luân lý Đông Tây* tại một tiệm rượu ở đường Richaud (Phan đình Phùng) được dân chúng hoan nghênh nhiệt liệt. Ngoài Bắc sau vụ Thái Nguyên khởi nghĩa bùng ra năm 1917, tiếp đến là vụ Hội đồng đề hình xử cụ Phan Sào Nam làm xúc động toàn quốc nhất là ở Hà Nội. Học sinh bãi khóa ở khắp nơi đề phản đối thực dân. Tại Saigon, Nguyễn an Ninh cũng hô hào đồng bào biểu tình đòi thả cụ Sào Nam. Kế đó Toàn quyền Varenne sang Việt Nam chấp nhận sự ân xá cho cụ Sào Nam. Trong khi cao trào cách mạng đang lên, Tôn quang Phiệt và các đảng viên phục Việt ở Bắc Kỳ tung truyền đơn cổ động nhân dân cùng một mục đích ký tên P.V.D Trần mộng Bạch và nhiều đồng chí Trung Kỳ lấy làm bất mãn về việc tiết lộ danh tính của Hội nên đã đổi tên Phục Việt ra «*Hưng Nam hội*».

Về tổ chức, đứng đầu là Tổng hội đặt ở Vinh.

Hội chủ trương tranh đấu ôn hòa, cũng có tôn chỉ và đường lối đúng như Phục Việt, nhưng hoạt động theo phương pháp mới.

Tổng hội gồm 3 bộ :

- 1/ Nội chánh bộ : Phan kiêm Huy và Hoàng đức Thi phụ trách.
- 2/ Ngoại giao bộ : Trần mộng Bạch.
- 3/ Tài chánh bộ : cụ Lê Huân và cụ Cử Ngô.

Tại trung kỳ có 3 tỉnh bộ là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh. Đề có tài chánh, cụ Cử Ngô hô hào sự đóng góp của các hội viên tán trợ như các ông Lê Thuớc, Nguyễn Trác vì không hoạt động được nên lo giúp đỡ tiền bạc.

Tổng bộ và đại biểu tỉnh hội họp ở nhà riêng của Lê Thuớc và Trần mộng Bạch. Ngoài ra chương trình của Trần mộng Bạch gồm 10 điều như sau được tán thành :

1/ Sứ mạng của *Hưng Nam hội* là dự bị một cuộc cách mạng hòa bình giành lại độc lập cho Việt Nam.

2/ Sau khi được độc lập, Việt Nam sẽ dựng lên chính thể Cộng Hòa.

3/ Muốn đạt được mục đích, *Hưng Nam hội* phải cố gắng nâng cao trình độ đạo đức, trí thức và chấn hưng kinh tế trong nước.

a/ Về đạo đức : nỗ lực cải cách việc tổ chức gia đình và hương thôn, bài trừ hủ tục, dị đoan, mê tín có hại cho sự tiến hóa.

b/ Về trí thức : mở trường đề khuyến khích việc học, phiên dịch và phát hành sách báo.

c/ Về kinh tế : mở mang nông, công, thương nghiệp. Lập công ty công, thương lớn. Mở đồn điền, khẩn hoang.

4/ Tổ chức

Quyền chỉ huy tối cao thuộc ủy ban cố vấn và đại cơ quan tức Ủy ban toàn quốc. Ủy ban cố vấn gồm các phần nhân vật lão thành đã từng trải nhiều và có danh tiếng.

Đại cơ quan gồm : a) Văn thư bộ. b) Tài chánh bộ. c) giáo dục bộ, d) Điều tra bộ. đ) Thuế vụ bộ.

Dưới đại cơ quan là tiêu cơ quan tức Kỳ bộ.

Dưới Kỳ bộ là Tỉnh bộ hay Chi bộ.

Dưới Chi bộ là Tiêu chỉ bộ.

Mỗi năm cứ tháng 7 mở Hội nghị toàn quốc. Trong buổi họp các vấn đề quan trọng sẽ được đưa ra mổ xẻ, phán định theo lối biểu quyết.

5/ Hội viên phải là người trí thức, ít nhất 20 tuổi do hội viên cũ giới thiệu.

1) Nguyễn Trác bảy giờ làm Tri huyện Nghi Lộc sau làm Nghị trưởng viện nhân dân đại biểu,

6) Các Hội viên phải luôn luôn tỏ ra là người ái quốc ôn hòa tại bất cứ mọi nơi, hết lòng huấn luyện quân chúng các đức tính : trí, nhân, dũng, cần, kiệm, trung, thứ.

7) Cứ sáu tháng lại đóng góp tiền cho Hội, nhiều ít tùy tâm. Các công chức không phải đóng 1/12 số lương tháng. Những món chi tiêu bất thường sẽ được giải quyết bằng cách lặt quyền trong phạm vi đoàn thể. Người bên ngoài có hảo tâm cũng sẽ được đón nhận.

8) Khi cơ sở hội đã vững chắc thì sẽ cử những đại biểu chân chính tài giỏi sang các cường quốc để nghiên cứu :

a) Lập chính phủ cộng hòa lâm thời theo chính thể các cường quốc tiền tiến .

b) Tự huấn luyện một số nhà lãnh đạo để lập một đoàn cách mạng quân thật hùng hậu. Các vị chỉ huy này được tuyển lựa trong số du học sinh, để gửi đến thụ huấn tại các trường võ bị ngoại quốc. Sau khi cách mạng được phát động các vị chỉ huy quân sự sẽ tổ chức thêm các đơn vị cách mạng thành quân quốc phòng theo phương pháp tối tân.

9) Trong khi các đồng chí hoạt động ở hải ngoại, các hội viên quốc nội phải nghiên cứu địa điểm và phương lược tấn công, tích trữ lương thảo. Tất cả các hội viên phải qua huấn luyện quân sự. Chỉ khi cách mạng sắp được phát động mới đem chủ trương của Hội tuyên truyền cho các lính khổ xanh mà thôi.

Hưng Nam hội chỉ tự trông vào thực lực của mình. Khi đủ sức mạnh để giành lại sự độc lập của quốc gia, sẽ dùng đường lối ngoại giao điều đình với Pháp, tránh cho dân chúng khỏi khổ sở vì tai ách chiến tranh. Chỉ khi nào phương pháp hòa bình bất thành mới dùng đến võ lực.

Lê Duy Điểm về nước vào tháng 6-1926 vội vàng tìm gặp Trần Mộng Bạch để báo cáo công tác. Bạch liền cho Tổng Hội họp bất thường ở Vinh để bàn việc phúc đáp các anh em thuộc

V N TNCMĐCH. Hội đồng quyết nghị giao cho Trần Phú đem thư sang Tàu và toàn quyền thương thuyết với anh em tại Quảng Châu về việc liên kết. Thư này do Bạch viết, còn chương trình do Ngô Đức Diên thảo bằng mật tự. Hội còn cử Tôn Quang Phiệt và Hoàng văn Tùng đi phụ tá cho Trần Phú. Điểm có phận sự hướng dẫn Hoàng Đức Thi đi theo. Tiền chi phí của anh em được Hội cho hai trăm đồng (200\$),

Bấy giờ Bạch đem quyết nghị của Hội tiết lộ cho Điểm biết nhưng Điểm phản đối vì cho rằng tên Hội không có vẻ cách mạng, e rằng anh em ở Tàu không chịu liên hiệp chẳng? Trần Mộng Bạch đồng ý liền bàn với các đồng chí đổi tên *Hưng Nam hội* thành ra «*Việt Nam Cách Mạng Đảng*». Đúng ngày 13-7-1926 các đồng chí hẹn gặp nhau tại Nam Lai khách sạn gần ga Hàng Cỏ Hà Nội. Hoàng Đức Thi nhận tiền của Trần Mộng Bạch đề trao cho Phú và Phiệt ở Vinh rồi vào Thanh hóa báo ngày giờ cho Hoàng văn Tùng. Hôm Hoàng Đức Thi tiễn Tùng ra ga Thanh Hóa, Thi rất sửng sốt khi gặp có 4 người khác ngoài Phú và Phiệt ra là: Nguyễn văn Lợi, Phan Trọng Bình, Phan Đức Quảng, Nguyễn Ngọc Ba, Tổng Oánh con rề cụ Sào Nam. Trần Phú thấy lạ liền dò hỏi Hoàng Đức Thi. Mãi sau Điểm mới trả lời cho Thi là vì Phái Bộ ít người quá nên phải rủ thêm đảng viên mới đi chung cho có thêm thanh thế.

Hoàng Đức Thi thấy Điểm có vẻ gương gạc và đến Hà Nội lại thấy thêm mấy đảng viên mới do sự giới thiệu của bạn Điểm cũng sang Trung Hoa du học. Bấy giờ Thi đã bắt đầu nghi Điểm đã đi hàng hai rồi. Ngày 17-7-1926 mật thám vây suốt bắt được tất cả ở Móng Cáy. Nguyên ngày 15 tất cả định dùng đường bộ vượt biên giới sau khi đáp tàu *Emeraude* từ Hải Phòng đến Móng Cáy. Nhưng đến Mũi Ngọc thì Tôn Quang Phiệt và Hoàng văn Tùng bị Pháp bắt còn tất cả đều thoát qua Tàu. Đến Quảng Châu họ được VNTNCMĐCH đón tiếp rất ân cần. Trần Phú bày tỏ mục đích, chương trình và thể lực của Việt Nam Cách Mạng Đảng ra cho VNTNCMĐCH rõ, nhưng bị họ chỉ trích là viên vòng và đề nghị

đặt Việt Nam Cách Mạng Đảng dưới quyền của Tổng Bộ Quảng Châu Lúc đó Trần Phú cảm thấy VNTNCMĐCH có thế lực rất mạnh và cơ sở vững chắc, nên bắt đầu thay lòng đổi dạ. Còn các anh em Việt Nam Cách Mạng Đảng khác vẫn nhất định tuyên truyền cho đảng mình khi về nước. Đảng lập các lớp giáo dục tráng niên nhằm huấn luyện công nhân.

Sau khi đã gây được cảm tình với các học sinh, Hà Huy Tập quay ra huấn luyện các phần tử ưu tú hầu có thể thu nhận làm đảng viên về tương lai Trần Mộng Bạch giám thị trường Trung Học Vinh lập « *Tu thân hội* », thu nhận những học sinh lớn, buộc họ tuyên thệ, chăm chỉ học hành xa lánh mọi cuộc ăn chơi. Xuất sắc nhất trong Hội là Tôn Quang Duyệt, Trần Văn Cung, Trần Ngọc Danh. Ngoài ra Đảng còn thu nhận được một số giáo chức tại Thanh Nghệ Tĩnh làm đảng viên, nhờ vậy nên 3 tỉnh này được tổ chức tỉnh bộ.

Trong khi ấy Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng chí Hội của Nguyễn Ái Quốc bắt đầu hoạt động ở Trung phần và tiêu tổ thứ nhất được tổ chức ở Vinh gồm các hội viên do Lê Duy Điểm giới thiệu. Lúc này VNTNCMĐCH đã bị cộng sản hóa hoàn toàn, nên ngoài việc bành trướng thực lực họ còn phá hoại nội bộ VN Cách Mạng đảng chỉ do anh em bên này theo chủ nghĩa quốc gia và cản trở bước đi của họ. Lúc bấy giờ Phạm Quỳnh đề cao thuyết « *Pháp Việt đề huề* » trên tạp chí *Nam Phong*, cò võ việc lập chính đảng làm dư luận quần chúng trong nước vô cùng sôi nổi. Trái lại Trần Mộng Bạch lại tán thành sự kiện này với hy vọng sự di chuyển và hội hợp của anh em đồng chí đỡ bị thực dân ngờ vực. Bạch liền cho triệu tập hội nghị đại biểu toàn quốc nhóm họp ngày 10-9-1926 đề bàn cãi về việc hợp thức hóa phong trào ; tại đây tất cả đồng lòng đổi tên đảng là « *Việt Nam tiến bộ dân hội* » và soạn điều lệ cùng chương trình gửi lên Toàn quyền Pháp, nhưng đơn này đã không được cứu xét. Các đảng viên thấy sự tình như vậy, không thể hoạt động công khai được liền quyết định lấy luôn tên « *Việt Nam Cách Mạng đảng* » (tên này trước đây chỉ dùng trong các cuộc liên hiệp với VNTNĐCH). Phái bộ VN

CMD sang Trung Hoa vào tháng 7-1927, đa số đảng viên đều bị chủ nghĩa đỏ lần lần lôi cuốn nên khi về nước vào tháng giêng 1928 chỉ còn hai người duy nhất tiếp tục liên lạc với Trần Mộng Bạch là Trần Phú và Lê Duy Điểm. Trần Phú sau khi tường trình công tác liền khuyên Bạch sát nhập VN CMD vào VNTNCMDCH, bắt chước phương pháp tổ chức của VNTNCMDCH cũng giao một số đảng viên cho Trần Phú dẫn sang Tàu du học Bạch khẳng khái khước từ : « VN CMD đã có mục đích và chương trình rõ rệt cho anh em hoạt động thì việc gì phải tuân theo mệnh lệnh của một đảng khác ». Xét ra Điểm có ý đánh lừa Bạch không nói rõ chương trình và phương pháp của VNTNCMDCH là hoàn toàn rập theo khuôn mẫu Cộng Sản ; một tuần sau Trần Phú trở sang Tàu vì sợ Pháp bắt ; còn Điểm đi sau đã theo 2 đảng viên nữa là : Trần Văn Cung học sinh Vinh thuộc « Tu Thấn hội » và Nguyễn Tử học trò trường thầy dòng Huế. Cùng lúc Nguyễn Ngọc Ba tức Quảng trắng và Phan Đức Quảng tức Quảng đen từ Tàu về xin gia nhập vào VN CMD Bạch hội kiến với Phú và Điểm rồi trình bày công việc cho các anh em Tổng Bộ rõ Tất cả đồng ý liên kết với VNTNCMDCH khiến các đồng chí từ Tàu về có vẻ bất mãn : Phan Đức Quảng thì bỏ sang Lào lấy cơ kiếm việc làm nhưng thật ra là đi tuyên truyền cho VNTNCMDCH, còn mỗi Nguyễn Ngọc Ba ở lại với VN CMD mà thôi. Năm 1927 Trần Văn Cung và Nguyễn Tử đem theo một bức thư của VNTNCMDCH gửi cho Trần Mộng Bạch Nội dung nói VN CMD sẽ đi đến thất bại nếu không chịu liên minh với Thanh Niên và yêu cầu đặt VN CMD dưới quyền của Quảng Châu nhưng Bạch vẫn thoái thác và đòi biết rõ mục đích và chương trình của VNTNCMDCH. Nguyễn Tử cũng đến Bạch đề nghị triệu tập một buổi họp tại tư gia của Lê Thuộc với sự tham dự của Lê Huân và Hà Huy Tập Bạch giả vờ khoe Nguyễn Ngọc Ba và Phan Đức Quảng hoạt động rất đắc lực và cuối cùng kết luận rằng VNTNCMDCH của Việt Nam Cách Mạng Đảng phải sát nhập làm một cho dễ thanh công. Nguyễn Tử như được gãi trúng chỗ ngứa liền nói hết chương trình hoạt động của Tổng Bộ Quảng Châu. Chương trình chia làm ba thời kỳ :

- 1) Thời kỳ bí mật dự bị là thời kỳ tổ chức đảng.
- 2) Thời kỳ đình công và biểu tình.
- 3) Thời kỳ công khai tranh đấu là cách mạng.

Cụ Lê Huân liền công kích từng điếm cho là thiếu thực tế và quá vội vã, chỉ những kẻ không thông suốt tình hình quốc nội mới hoạch định một chương trình như vậy, còn Bạch thì giải thích cho Từ biết các đảng viên VNTNCMĐCH có nhiều không tương và khuyên Từ ở lại VNCMĐ. Từ biết bị mắc bẫy liền nói: Các ông muốn nói sao thì nói, tôi đã vào VNTNCMĐCH thì suốt đời trung thành với Hội. Buổi họp chấm dứt, Nguyễn Từ bỏ đi Quảng Trị, nhưng Bạch thấy Từ giỏi nên sai Nguyễn Ba chạy theo cố thuyết phục Từ có ngờ đâu rằng thật ra Ba cũng đã thành đảng viên VNTNCMĐCH như các đảng viên mà VNCMĐ mấy chuyến gửi đi Trung quốc. Y vào VNCMĐ để nằm vùng nên Ba nhận lãnh việc mang thư phúc đáp của Đảng sang Quảng Châu rồi biến mất luôn từ đó không còn tin tức gì nữa. Bây giờ VNCMĐ đã rõ bộ mặt «đỏ» và thủ đoạn dối trá của VNTNCMĐCH nên cố bành trướng thế lực, tìm cách lôi cuốn các du học sinh từ Trung Hoa về, có khi còn nói dối hai đảng đã hợp nhất và VNCMĐ đã ở dưới quyền của Tổng Bộ Quảng Châu. Tổ chức của VNCMĐ cũng bắt chước chia ra tiểu tổ nhưng chỉ có khác là một tiểu tổ của VNCMĐ gồm sáu người còn một tiểu tổ của VNTNCMĐCH có 5 người thôi. Tuy nhiên công tác cũng chẳng tiến hành được mấy vì đa số đảng viên VNCMĐ đều phải lo mưu sinh, làm công chức nên Đảng chỉ phát triển được ở thành thị mà thôi, không có chút ảnh hưởng nào hết trong giới nông dân và công nhân nhất là theo điều lệ khoản 5 của hội, *hội chỉ được thu nạp những phần tử trí thức mà thôi*. Trong khi ấy Tôn Quang Phiệt và Đào Xuân Mai bị bắt ở Móng Cáy tháng 7-1926 đều mãn án trở về. Tôn Quang Phiệt lại quay ra Bắc lập lại Bắc kỳ kỳ bộ và tổ chức được thêm mấy tỉnh bộ nữa Ở Trung thì có thêm đảng viên ở các tỉnh bộ Thanh Hóa Nghệ An, Hà Tĩnh, ở Huế thì việc lập Tỉnh bộ được giao cho Đào Duy Anh một tân đảng viên. Lúc ấy ông Tú Kiên trở vào Saigon lập một tiệm bán đời mới

nên được đảng giao phó luôn việc tổ chức kỳ bộ ở Nam kỳ và Nam Trung kỳ. Vào đến Quảng Ngãi ông Tú Kiên gặp một đồng chí nữa là ông Tú Trần. Khi ấy ông Tú Trần đã cử động anh em Nam-Ngãi lập ra « Tân Việt Đảng ». Đảng này gồm 60 người, mấy ngày sau được ông Tú Trần sát nhập luôn vào VNCMĐ và gửi hai đồng chí là Ngọc và Bút ra Vinh gặp Trần Mộng Bạch và Phan Kiếm Huy trình bày nội tình của Tân Việt Đảng. Bạch và Huy hẹn gặp hai bạn tại chùa Vàng chiều hôm sau. Đúng hẹn sau khi Ngọc và Bút tuyên thệ Phan Kiếm Huy nói rõ cho họ mọi thể thức đề cải tổ nhóm cách mạng của họ theo nguyên tắc của VNCMĐ và nhóm này trở nên một tỉnh bộ. Đến năm 1928 ông Tú Kiên mới lập xong Nam kỳ kỳ bộ với sự giúp sức của Trần Ngọc Danh, Trần Phạm Hồ và Hà Huy Tập, còn Trần Văn Kiếm thì sang Lào làm tại sở Bưu Điện Savannakhet lo việc tuyên truyền trong nhóm Việt kiều Ai Lao, nhưng Kiếm sang đến Lào cũng cuốn gói theo VNTNCMĐCH.

Tháng 7-1927 Tổng Bộ Quảng Châu thấy VNCMĐ cắt đứt liên lạc với mình liền cử Lê Duy Điểm về VN gặp Trần Mộng Bạch bàn việc thống nhất hai đảng, bắt đầu là việc hợp nhất các tiểu tổ trở lên. Bạch trả lời phải đặt Tổng Bộ ở trong nước theo lý do có ở trong nước thì mới có thể ứng phó nhanh chóng với tình thế quốc nội, như vậy VNTNCMĐCH phải chịu dưới quyền của VNCMĐ mới tiện việc. Ngoài ra Bạch còn bác bỏ việc thống nhất từ tiểu tổ trở lên và đòi hợp nhất từ trên xuống dưới, bắt đầu là các cơ quan trung ương Điểm công nhận điều thứ hai và giao chương trình của VNTNCMĐCH cho Bạch nghiên cứu hầu thi hành. Do việc bàn cãi đề hợp nhất, một buổi họp đã được nhóm tại tư gia Thân Trọng Phước. Tại đây Điểm trình bày tình hình hoạt động của cách mạng tại Quảng Châu, sau đó Bạch đứng lên đọc chương trình của Tổng Bộ Quảng Châu và được anh em chấp thuận cho thống nhất hai đảng và đôi bên định ngày đề họp tại cửa Hội An. Hiện diện tại buổi họp ở cửa Hội An theo lời yêu cầu của Điểm chỉ có hai đại biểu VNCMĐ là Trần Mộng Bạch và Ngô Đức Biều còn phe VNTNCMĐCH có Nguyễn Văn Lợi đại biểu Nam kỳ, Dương Hạc Đỉnh

đại biểu Bắc kỳ và Nguyễn văn Hậu đại biểu Trung kỳ. Trong buổi họp VNCMĐ bằng lòng công nhận chương trình của VNTNCMĐCH và lấy tên chung là «VN Cách Mạng Đông Chi Hội». Nguyễn văn Hậu được cử làm bí thư, Nguyễn văn Lợi làm Ủy viên giao thông, Ngô đức Diên phụ trách giáo dục, Trần mộng Bạch lo tài chính và Dương hạc Đính làm giám sát.

Vì được phụ trách về tài chánh nên Bạch đã hỏi bên VNTNCMĐCH có bao nhiêu tiền. Điểm nói dối chỉ có 50 đồng. Bạch tưởng thật, nên về phần Bạch, Bạch khai đúng là trong ngân quỹ VNCMĐ có 500 đồng. Điểm giao cho Bạch 50 đồng nhưng lại đòi vay ngay 100 đồng làm tiền lộ phí sang Tàu báo cáo việc hợp nhất hai Đảng cho anh em hay. Sau khi việc lập Tổng Bộ được hoàn tất, anh em quay ra lo việc lập Kỳ bộ Trần văn Cung, Tổng Oánh (con rể cụ Sào Nam) và Trần mộng Bạch được cử tổ chức Kỳ Bộ Trung kỳ. Anh em sau đó họp hội đồng trên núi Ngự Bình theo lời yêu cầu của Tổng Oánh, nhưng đúng hẹn thì không thấy Oánh đâu cả; các đại biểu VNCMĐ, tuy không gặp Tổng Oánh vẫn khai mạc hội nghị như thường vì có Trần văn Cung đại diện cho bên VNTNCMĐCH vừa mở màn Cưng đã phê bình không nê rang các đồng chí VNCMĐ toàn là dân tiểu tư sản, công chức, thương gia, là những kẻ thù của chủ nghĩa Mác-Xít, rồi bỏ đi. Về phần Bắc kỳ Kỳ Bộ cũng thế; bọn VĐTNCMĐCH tại Bắc kỳ tuy thỏa thuận với Ngô đức Diên và Tôn quang Phiệt về việc liên minh nhưng không chịu đóng góp tài chánh cũng như tương trình công tác với Tổng bộ Vinh. Tại Nam kỳ cụ Tú Kiên đợi Nguyễn văn Lợi bên VNTNCMĐCH đề tổ chức lại Kỳ bộ, nhưng không thấy tăm tích của Lợi đâu cả. Nói tóm lại việc thống nhất hai đảng đã thất bại vì thái độ bất tín của phe VNTNCMĐCH. Thấy phe này ngang ngược và trắng trợn quá (ăn cướp đồng chí, xoay sở tiền bạc) VNCMĐ quyết nghị coi VNTNCMĐCH từ nay là bọn nguy hiểm và là đối thủ liên tổ chức lại nội bộ theo chương trình cải tổ hoạch định trước do VNTNCMĐCH đề ra hầu tranh đấu chống lại bọn Cộng sản. Các đảng viên tán trợ bị giải tán trừ các lão đồng chí như cụ Lê Huân, cụ Cử Ngô giữ việc giao tế với các người giúp

tiền cho đảng. Còn các đảng viên từ hải ngoại về vẫn được đối đãi như thường, tuy nhiên những bí mật của đảng được giữ kín không tiết lộ ra để ngừa việc phản bội có thể xảy ra. Kỳ bộ Trung kỳ được cải tổ. Phan kiểm Huy, Đào xuân Mai, Thân trọng Phước giữ ban thường trực; ngoài ra còn lập thêm được một tỉnh bộ mới là Quảng Ngãi. Tại các tỉnh khác, việc tuyên truyền của đảng tiến hành rất chậm. Tại Bắc kỳ vì đụng chạm với VNTNCMĐCH và Việt Nam Quốc Dân Đảng đang có nhiều thế lực nên mấy sinh viên ở Vinh cùng Tôn quang Phiệt chỉ tổ chức được kỳ bộ lâm thời ở đây mà thôi. Chương trình và điều lệ của VN Cách Mạng Đồng Chí Hội tương tự như điều lệ của VNTNCMĐCH và được sắp xếp như sau :

Tên đảng : *Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội.*

1) Mục đích : Liên lạc toàn dân Việt, kết giao với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản tại các quốc gia tư bản hoàn cầu để làm :

- a) Quốc gia cách mạng.
- b) Thế giới cách mạng.

Phương pháp hành động : Được chia làm ba thời kỳ :

- a) Thời kỳ dự bị bí mật gồm :

— Thu nạp đảng viên toàn cõi Đông Dương và tổ chức thành tiểu tổ

— Dự bị hết thảy mọi sự cần thiết cho công cuộc cách mạng (binh sĩ—khí giới).

— Thời kỳ quá độ, tuyên truyền bán công khai (diễn thuyết, phát truyền đơn, cò động bãi công, bãi thị v.v..)

- b) Thời kỳ công khai gồm :

— Lật đổ chính phủ dề cướp chính quyền.

— Tổ chức trong nước chế độ cộng hòa.

Tư cách đảng viên :

— Đảng viên phải là người V.N, bất kể trai gái, ít nhất 20 tuổi biết đọc, biết viết quốc ngữ hay chữ Pháp, Hán và quyết tâm phấn đấu trong hàng ngũ đảng.

Nghĩa vụ đảng viên :

Giữ bí mật công việc của đảng.

Đóng nguyệt liễm đều hòa.

(Người thường đóng mỗi tháng, công chức 5% số lương và phải vui lòng quyên giúp khi đảng cần tiền chi dụng)

— Tìm cách thêm đồng chí

— Dự các hội nghị,

— Trình bày các công việc làm trước hội nghị, phát biểu ý kiến và bình luận ý kiến của người khác.

— Quan sát và phê bình hành vi của các đồng chí và huấn luyện đồng chí.

— Tuyên truyền trong quần chúng.

— Báo cáo cho đảng những dã tâm và hành vi của chính phủ Pháp nếu mình được biết.

Hình phạt những đảng viên phạm tội.

Tùy trường hợp nặng nhẹ mà xử tử, khai trừ tạm thời hay vĩnh viễn chiếu theo các tội dưới đây :

— Phản đảng

— Tiết lộ tên đồng chí hay tên đảng, tố cáo chương trình hoạt động của đảng.

— Không phục tùng mệnh lệnh.

— Vắng mặt trong buổi họp, hay không đóng nguyệt liễm hai tháng liền.

— Bỏ đi không báo cáo.

— Nói xấu đồng chí.

— Lười biếng, chơi bời phóng dăng (rượu, thuốc phiện, trai gái)

II.— TỔ CHỨC ĐẠI CƯƠNG

— Trong V.N cách mạng Đồng chí hội, quyền tối cao thuộc Tổng bộ.

— Dưới Tổng Bộ có ba Kỳ bộ (Bắc, Trung, Nam) và dưới Kỳ bộ là Liên Tỉnh bộ gồm vài ba tỉnh.

— Người trong Tỉnh bộ cử đại biểu ở các Đại tổ lên.

— Mỗi Đại tổ coi tối đa là năm và tối thiểu ba tiểu tổ.

— Mỗi Tỉnh bộ hay cơ quan thượng cấp đều có một chấp hành ủy viên hội gồm :

— Một bí thư

— Một giao thông

— Một tài chính

— Một giáo dục

— Một tuyên truyền

— Một kiểm soát

— Một tổ chức

— Một điều tra.

— Nếu không đủ người thì mỗi người có thể kiêm hai, ba việc, miễn là người ấy phải cùng ở một miền.

— Kỳ hạn nhóm họp của các cơ quan định như sau .

● Tiểu tổ mỗi tuần 1 lần

● Đại tổ mỗi tháng 2 lần

● Tỉnh bộ mỗi tháng 1 lần

● Liên tỉnh bộ mỗi tháng 1 lần

● Kỳ bộ sáu tháng 1 lần.

● Tổng bộ mỗi năm 1 lần.

— Ngày và địa điểm họp, Bí thư chỉ định cho giao thông loan báo cho anh em rõ. Các ban thường trực của mỗi cơ quan, mỗi tuần lễ phải họp 1 lần.

Mỗi kỳ họp phải trừ liệu các việc dưới đây :

- Định kế thoát thân (tìm cách trả lời khi lỡ ra đường)
- Bầu chủ tịch
- Bí thư, tuyên bố lý do khai hội.
- Báo cáo (đọc các tờ trình)
- Đọc các đề nghị
- Chất vấn
- Điều giảng về một vấn đề cách mạng
- Phê bình
- Giải tán.

Việc thu nạp đồng chí gồm 4 thời kỳ :

- 1) Xét xem công đức và tư đức người ấy thế nào
- 2) Tìm cách giao thiệp để dò biết tư tưởng chính trị của người ấy và tuyên truyền sơ lược về chủ nghĩa cách mạng.
- 3) Công nhận làm đảng viên dự bị
- 4) Công nhận làm đảng viên chính thức.

Nếu qua thời kỳ thứ hai mà người ấy xét ra có thể thu nhận được thì nên giới thiệu cho biết một người trong tiêu tồ mà anh ta phải tới làm việc sau này, hai bên lạ mặt nhau thì tốt hơn. Sau khi đó, người đỡ đầu kia sẽ chất vấn anh về lý tưởng và chính kiến để biết đương sự có tán thành Cách mạng hay không.

- Sau đó đương sự phải cam kết :
- Giữ bí mật đảng.
- Trung thành với đảng với hết sức hy sinh cho đảng.
- Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của đảng
- Không bao giờ được bỏ đảng.

Đù từng ấy điều kiện, mới có thể thâm nạp vào đảng sau một cuộc lễ tuyên thệ trong đó đương sự phải cam kết trước các đồng chí hết lòng giữ lời hứa và cam chịu sự trừng phạt của Đảng nếu thất ước.

Khi đó, người đỡ đầu sẽ tuyên bố là đảng đã công nhận cho người ấy làm đảng viên dự bị, nói cho biết tên đảng, mục đích đảng, đọc cho nghe các nghĩa vụ của đảng viên và các hình phạt đối với kẻ không làm hết nghĩa vụ. Lại dạy cho biết những ý tứ khôn ngoan để khỏi tiết lộ việc đảng và để che mắt nhà đương cuộc. Sau hết, nếu không may bị bắt thì phải giữ thái độ thế nào. Người đồng chí mới ấy sẽ tập sự dưới quyền kiểm soát của người giới thiệu và chỉ liên lạc với một mình người ấy mà thôi. Cứ đứng ra thì người ấy phải theo học lớp huấn luyện về chính trị, mở ra ở các nơi đô thị lớn.

Lớp ấy gồm có một phần lý thuyết và một phần thực hành.

Phần lý thuyết gồm những đại cương về các chánh thể, những khái niệm về tình hình chính trị ngoài thế giới, và những bài nghiên cứu về các tai hại của chánh sách thuộc địa, về lịch sử các cuộc vận động cách mạng ở Đông dương, cùng các nguyên nhân thành bại.

Phần thực hành là đem thử thách tài năng của người đảng viên trừ bị, giao công tác như truyền mệnh lệnh cho một đồng chí, giao thiệp với một người nào đó; đề xét xem tư cách và hạnh kiểm ra sao v.v. . Đôi khi lại phải diễn giảng về một vấn đề chánh trị nữa ..

Đồng thời Đảng cũng dạy rứa không theo học nổi, thì việc huấn luyện cách mạng cho người ấy là việc của người đã giới thiệu vào Đảng, cho coi các tài liệu cách mạng và xem xong phải làm bài tóm tắt đưa trình người huấn luyện. Nếu thiếu sách vở cách mạng thì dùng những sách, báo thường cũng được, nhưng phải giảng giải theo một cách riêng.

Thời kỳ tập sự dài khoảng 3 tháng. Người đảng viên mới ấy phải tỏ ra là người có can đảm, có nhiệt tâm. Nếu xét chưa đủ tư cách, thì lại phải tập sự thêm 3 tháng nữa. Nếu lại vẫn kém cỏi như trước, thì sẽ bị xóa tên trong danh sách đảng viên.

Khi nào được nhận làm đảng viên chính thức thì sẽ được đến họp với các bạn trong tiểu tổ, được đọc chương trình điều lệ của đảng, được nhận một nhiệm vụ nhất định và được Đảng đặt cho một bí danh.

Các đảng viên phải leo lên vào các trường học, các xưởng thợ thuyền và các thôn quê để liệu cách tuyên truyền chủ nghĩa của Đảng. Bắt đầu cần nhất là phải bài trừ các thói xấu, các tập tục mê tín, phải hô hào sự hợp quần và dạy quốc ngữ cho những người mù chữ. Đảng còn lập ra một quyền tiếng lóng dùng vào việc thông tin và một tập ám hiệu dùng vào việc nhận nhau nữa.

Cũng bởi vậy, khi muốn làm cho một đồng chí nhận được mình thì phải sờ lên ót ba lần và trao đổi các ám hiệu cho nhau. Về các thư dài thì dùng chất bột làm mực bí mật. Về các thư ngắn thì dùng tiếng lóng và viết vào các danh thiếp thường.

Đại khái :

Kính chúc vinh an :

Nghĩa là Tổng bộ cho đòi.

Kính chúc kim an :

Nghĩa là phải đóng tiền.

Kính chúc bình an : nghĩa là : Phải làm tờ báo cáo. Trong khi cần kíp quá, các đảng viên có khi phải triệu tập bằng điện tín. Thí dụ : «*Anh đến ngay*» thì nên đòi lại là «*Tôi đến đây*». Còn họp ngày nào thì cộng ngày ấy với một con số đã hẹn nhau. Những dấu hiệu ấy, dùng ít lâu lại phải đổi ngay. Và các đồng chí bắt buộc dĩ hãy dùng đến. Đảng viên mới, sau khi được đặt bí danh, sẽ được biết đến những ám hiệu và tiếng lóng thông thường.

Còn những điều đặc biệt quan hệ, thì chỉ có người bí thư ở Tổng bộ mới được biết đến và chỉ khi cần lắm mới được bảo cho các anh em khác biết.

Vào khoảng tháng 9-1927, Chánh phủ Pháp có ý nghi nên đòi Trần mộng Bạch lên Ban mê Thuộc. Bạch phải giao công việc Tổng bộ lại cho Phan kiểm Huy. Vừa nhận công việc xong, Huy nghĩ ngay đến việc cử đại biểu sang Quảng Châu để báo cho anh em bên ngoài biết việc hợp nhất hồi tháng 7 đã thất bại một cách thảm hại.

Tôn quang Phiệt nghe tin các người bên Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội sắp cử đại biểu sang Tàu, liền về Vinh yêu cầu Tổng bộ chọn dịp này tuyên lấy ít người gửi sang du học, Huy bằng lòng ngay và định cử Trần hậ Toàn đi.

Toàn là đảng viên mới, lúc bấy giờ còn đang học tư ở Hà Nội, Huy cho gọi về và bảo cho biết mệnh lệnh của Đảng.

Trong một buổi nhóm họp của Tổng bộ ở nhà Huy, Huy cho Toàn biết rõ tình hình hai đảng cách mạng và những chuyện thất bại về việc điều đình hợp nhất từ trước đến bây giờ, sau đó Tổng bộ ủy cho Toàn sang Quảng Châu, trình với Tổng bộ Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội ở đấy việc Lê duy Điểm không chịu thi hành những mệnh lệnh của Ủy ban trung ương truyền về, nhưng cần nhất là phải xem xét thái độ của anh em ở Quảng Châu, có thật lòng muốn hai đảng hợp nhất, hay là chỉ tìm cách đề phá nhau và lợi dụng nhau, cũng như các anh em bên Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội trong nước. Nếu anh em quả có thành ý, thì phải hạ nghiêm lệnh cho bên trong đề cùng nhau hợp tác một cách đứng đắn, chặt chẽ; nếu sự thế khả nghi, Toàn phải bỏ Quảng Châu mà về ngay Trung kỳ.

Toàn vâng lời, Huy liền giao cho 180\$ làm lộ phí. Rồi đó, Toàn theo đường xe lửa mà ra Hà Nội, tìm Tôn quang Phiệt để hỏi thăm đường lối qua biên giới.

Đến đây Phiệt lại giới thiệu với Toàn hai người nữa, để cùng sang Quảng Châu. Một người là Đỗ Nguyên, tư cách tầm thường có ý sang Tàu để xem xét các hoạt động của anh em đang về nước làm cách mạng. Nhưng lúc đó, hẳn chưa là người của Đảng nào cả. Một người nữa là một giáo viên, bị cách chức vị cơ chánh trị, tên Nguyễn Sĩ Sách. Sách đã từng xin vào Đảng, nhưng Phiệt không cho vào, vì cơ Sách nóng nảy hung hăng. Khi ấy Sách hết sức công kích những hành vi của anh em bên Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng đồng chí Hội ở trước mặt Phiệt. Vì đã nhiều lần tỏ ý muốn có dịp sang Tàu, để tố cáo hành vi đó với anh em bên ngoài, Phiệt tin lòng nhận giúp tiền cho Sách, để Sách cùng đi với Toàn, Kỳ thật Sách đã vào Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng đồng chí Hội từ lâu. Mục đích sang Tàu của y chỉ nhằm phá tan kế hoạch của anh em bên Việt Nam Cách Mạng Đảng lần này. Những lời Sách nói với Phiệt chẳng qua là tìm cách để lừa gạt Phiệt mà thôi.

Tất cả bọn đi Tàu lần này do Lê Xuân làm hướng đạo, đưa qua biên giới. Dọc đường không xảy ra chuyện gì hết.

Tới Quảng Châu, Toàn vào yết kiến Lâm đức Thụ, để trình bày sứ mạng của mình.

Lâm đức Thụ, tức là Hoàng trấn Đông, tên thực là Nguyễn công Viên, một yếu nhân trong Tổng bộ Quảng Châu bấy giờ.

Lâm đức Thụ bảo cho Toàn biết Tổng bộ bên ngoài sẽ ra lệnh cho anh em VNTNCMĐCH, bên trong phải thi hành ngay việc hợp nhất hai Đảng, Thụ lại khuyên Toàn nên về ngay trong nước, để trả lời cho Trần mộng Bạch rõ ràng :

Việc hợp nhất không khó khăn gì cả, miễn là :

- Hai bên phải bỏ dứt những mối ngờ vực lẫn nhau.
- Cứ duy trì Tổng Bộ ở Quảng Châu như cũ.
- Các đảng viên không ai được có đầu óc chia rẽ,

— Mỗi xứ nên tổ chức một kỳ bộ.

— Bao nhiêu vấn đề quan trọng đều phải trình lên một hội đồng có đủ đại biểu của các kỳ bộ xét định.

— Cố hết sức gửi tiền và học sinh sang Quảng Châu.

Trần hậu Toàn, liền cùng Lê Xuân trở về đề mưu tính công việc hợp nhất sau khi ở lại Quảng Châu 10 ngày.

Được tin Toàn về, Phan kiếm Huy liền họp Tổng Bộ trên núi Lam Thành đề đón tiếp sứ giả. Toàn thuật lại công việc ở ngoài. Theo ý Toàn những việc thất bại về các cuộc hợp nhất chỉ bởi anh em bên trong hiểu lầm nhau, còn anh em bên ngoài đối với việc hợp nhất rất sốt sắng. Cuối cùng, Toàn cho biết nay mai Lê Xuân sẽ về tới Vinh đề cùng anh em thực hành cho xong hẳn việc ấy. Nghe lời Toàn thuật, các đồng chí đều tỏ ý vui mừng.

Sau tám hôm, Lê Xuân tới Vinh, hẳn lại nói với anh em rằng vừa nhận được điện tín ở Quảng Châu gửi về, bảo hãy hoãn việc hợp nhất đề chờ lệnh mới.

Tổng Bộ của bên Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội rất đỗi ngạc nhiên về thái độ quái gở này, định lại phái Trần hậu Toàn sang Quảng Châu đề hỏi lý do. Toàn nhận lời, lại cùng sang Tàu với Lê Xuân, nhưng ngày 13-1-1928 đi tới Đồng Đăng thì riêng Toàn bị bắt giải về giam ở Hà Tĩnh. Đỗ Nguyên sang Tàu lần trước, toàn ở lại làm việc, nhưng bị đuổi về vì chẳng có khả năng và chỉ hướng. Riêng có Nguyễn Sĩ Sách thì còn lưu lại ở Quảng Châu sau khi Toàn bị nạn, Sách mới trở về.

Trần hậu Toàn bị bắt, Phan kiếm Huy lại giao thiệp với Trần Văn Cung và Nguyễn Văn Lợi, hai người trọng yếu của Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên Đồng Chí Hội ở Vinh, đề tiếp tục điều đình việc hợp nhất. Cung cho rằng việc đó vẫn còn có thể làm được; anh em không nên vì việc hợp nhất các kỳ bộ bị thất bại mà vội nản lòng. Rồi Cung và Huy cùng mấy đồng chí nữa của cả đôi bên tổ chức thành

một Liên tỉnh bộ Thanh-Nghệ-Tĩnh đề làm cơ sở cho việc hợp nhất. Sau đó, cả hai bên lại cử người đề tổ chức cho mỗi tỉnh kể trên có riêng một Tỉnh bộ.

Phan kiêm Huy đại diện cho Tỉnh bộ Nghệ An kiêm Ủy viên Tài chánh.

Hoàng đức Thi đại diện cho Tỉnh bộ Hà Tĩnh.

Nguyễn sĩ Khanh đại diện cho Tỉnh bộ Thanh Hóa.

Phan quốc Thụy và Trần văn Cung dự hội với tư cách đại diện của V.N.T N.C.M.Đ.C.H. kiêm chức Bí thư và Ủy viên giao thông.

Tuy vậy công việc chẳng tiến được bước nào cả. Sau cuộc họp tổ chức Liên tỉnh bộ ở nhà Phan kiêm Huy, anh em bên VNTNCMĐCH cố sức lánh mặt các anh em bên VNCMĐCH. Có gặp nhau, cũng chỉ nói những chuyện bông lông, chớ chẳng đá động gì đến công việc hợp nhất. Huy chỉ còn có gặp Phan quốc Thụy là đại biểu của VNCMTN ĐCH để than thở về sự thất bại lần nữa.

Tuy vậy, các anh em VNCMĐCH vẫn chưa hoàn toàn thất vọng, anh em cho tất cả mọi việc lỡ làng chỉ là bởi tánh tình nhỏ nhen và kiêu hãnh của mấy người bên VNTNCMĐCH. Ta còn có thể tìm trong đó lấy những người có kiến thức hơn, có lòng thành hơn để bàn tính.

Đầu năm 1928, Nguyễn sĩ Sách ở Tàu về, đến thuyết Phan kiêm Huy, và được Huy đem lòng tin cậy. Huy liền cử Sách vào Tổng Bộ để chuyên coi việc giao thiệp với bên VNTNCMĐCH. Nhiều đồng chí bất bình về việc ấy, cho rằng một người mới vào Đảng không thể cho vào ngay Tổng Bộ được. Rồi các đồng chí triệu tập ngay một cuộc nhóm họp bất thường để bàn luận riêng về việc ấy.

Hội đồng quyết định cử đề Sách ở Tổng Bộ, nhưng không được quyền dự hội đồng. Công việc của Sách chỉ là đứng giữa, liên lạc với các anh em bên Quảng Châu mà thôi và có thì giờ rỗi thì dịch những sách chữ h trị bằng chữ Hán, hay chữ Pháp ra quốc ngữ cho anh em đọc.

Từ đó, Sách thường liên lạc với Huy, viết những tờ trình về công việc đề gửi cho VNTNCMĐCH. Thấy Sách làm như vậy, Huy có ý hoài nghi. Đôi khi Sách có hỏi về các việc bên VNCMĐCH, thì Huy cũng trả lời một cách hàm hồ, qua loa mà thôi.

Trong thời kỳ ấy, Đảng quyết nghị mở những lớp dạy chính trị thường thức, đã có định trong quy trình, cho các đảng viên đề làm thời có thể đối đáp lại các anh em bên VNTNCMĐCH. Bọn này sở trường nhất là về lối lý luận và thường công kích anh em bên VNCMĐCH, không biết gì về các vấn đề chánh trị và không làm việc theo phương pháp của Đệ tam quốc tế. Theo ý bên VNTNCMĐCH, thì chỉ họ mới có một chủ nghĩa cách mạng chân chính mà thôi!

Cũng vì muốn phản đối lại những lời công kích ấy mà Tổng bộ ở Vinh mới tìm tòi các sách vở đả phá chủ nghĩa Cộng sản, hoặc bằng chữ Hán, rồi đem dịch ra Quốc Ngữ để đảng viên nào cũng có thể học hỏi được.

Thế nhưng qua sự giao thiệp với anh em ở Quảng Châu, thì Đảng vẫn tự nhận mình là theo Cộng sản và hết sức giữ bí mật về việc tuyên truyền phản Cộng ở trong.

Cũng vì thế những sách vở của Đảng phải tải xuống chừa cất ở 1 chiếc thuyền chớ không dám để ở nhà Phan kiêm Huy, vì ở đó thường có các anh em bên VNTNCMĐCH lui tới. Mỗi khi có giờ rảnh, Huy lại xuống ghe mà làm công việc dịch sách, ghe ấy đậu ở trên sông Bến-Thủy và Trần hậu Tùng ở luôn đó cả ngày lẫn đêm. Thấy luôn trong ba tháng mà chiếc ghe cứ cắm sào đậu đấy mãi, người trong xóm lấy làm lạ, liền xuống ghe hỏi giấy tờ, nhưng giấy tờ không có, hán liền đưa đi trình nhà chức trách, Tùng vội vàng chở sách vở lên nhà Phan kiêm Huy, và chôn cất đi một chỗ. Còn chiếc ghe giao trả chủ cũ.

Tháng 2 năm 1928, Tổng bộ VNCMĐCH họp đại hội đồng ở trên núi Thuận Nhân, đối diện đồn Linh Cảm. Dự hội, có cụ Tú Kiên, Hà huy Tập, đại biểu của Nam kỳ, Phan kiêm Huy, Đào xuân Mai, Thân

trọng Phước và các ủy viên thường trực cùng Hoàng đức Thi, ủy viên dự khuyết. Nguyễn sĩ Sách bị trễ tàu không được dự buổi họp. Còn Tôn quang Phiệt đau cũng không về dự được.

Phan kiểm Huy lấy tư cách là bí thư, đọc tờ báo cáo về tình hình của Đảng như sau :

« Tính đến ngày hôm nay, Đảng đã có được 42 tiểu tổ, mỗi tiểu tổ có từ 3 đến 5 người, chia ra :

Trung kỳ : Nghệ An 9 tiểu tổ, Thanh Hóa 7 tiểu tổ, Hà Tĩnh 8, Huế 3, Quảng Ngãi 3, Nam kỳ 7, Bắc kỳ 3. Mới có 2 nơi có học sinh đoàn. Ở Vinh 3 người và một đoàn ở Hà Tĩnh 5 người.

Đảng chưa có thế lực gì trong giới công nhân, trước sau mới có một mình Đi Hảo là dân thợ vào Đảng ngay từ lúc Đảng mới thành lập. Thế nhưng đối với các bạn bè, Đi Hảo chẳng tuyên truyền được thêm ai hết.

Phan kiểm Huy lại trình hội đồng biết rằng nhiều người đã bỏ Đảng mà sang bên VNTNCMĐCH. Trong sáu mươi người mới vào Đảng, thì có đến 45 người đã đổi dạ thay lòng. Quỹ của Đảng, chỉ còn 200đ vì đã xài về các việc phái người sang Tàu nhiều quá. Mà sự đi lại ấy đã vô ích bởi việc họp nhất giải thích mãi chẳng đem lại kết quả gì Ngoài ra thái độ bên anh em VNTNCMĐCH lại càng ngày càng trở nên kiêu hãnh, khó chịu.

Cụ Tú Kiên và Hà huy Tập thì trình hội đồng biết ở Nam kỳ mới có một chánh đảng mới do Nguyễn an Ninh đứng đầu. Hai người hỏi anh em có nên liên lạc với họ không? Anh em trả lời xin xem xét cho kỹ càng đã, rồi mới có quyết định được.

Việc quan trọng nhất đem bàn trong kỳ hội đồng này lại vẫn là việc họp nhất với VNTNCMĐCH. Anh em quyết nghị phải cử đại biểu khác sang Quảng Châu đề điều đình với Tổng bộ VNCMTNĐCH. Đến đây, Phan kiểm Huy đề cử Nguyễn sĩ Sách và được mọi người biểu

đồng tình. Hội đồng thảo luận từ 8 giờ sáng đến mãi 2 giờ chiều mới giải tán.

Chừng trung tuần tháng 2-1928, Phan Kiếm Huy đưa cho Nguyễn Sĩ Sách 100đ làm lộ phí sang Tàu. Cuối tháng tư Sách về đem theo một bức thư trả lời bằng quốc ngữ như sau :

«Các đồng chí thân mến,

«Đã hơn sáu mươi năm nay, nước ta chịu dưới quyền đô hộ của quân đế quốc, sở dĩ chúng ta không lấy lại được quyền độc lập, chính vì chúng ta không biết đoàn kết. Hội chúng tôi lập nên cốt để gây một cuộc cách mạng ở đất V.N. Vậy bất cứ đảng Cách mạng V.N nào, không cần hội phân biệt màu sắc chính trị, chúng tôi đều vui lòng hợp nhất cả. Các anh em phái người sang yêu cầu hợp nhất với chúng tôi. Thế nhưng hội chúng tôi đã tiến hơn đảng các anh em nhiều. Vậy chỉ có một cách là đem hết đảng viên bên ấy, cho sát nhập vào các tiểu tổ của hội chúng ta, hiện đã có ở khắp mọi nơi, như thế tức là hợp nhất. Trong 3 tỉnh miền Bắc, Trung kỳ, đảng của anh em cũng đáng kể là có phát đạt. Vậy chúng tôi sẽ lựa lấy vài ba người trong các anh, cho dự vào Tỉnh bộ của chúng tôi».

Kính chúc các anh em thành công và hăng hái làm việc — Tổng bộ
V N T. N C. M. D C. H.

Dưới bức thư có đóng 1 con dấu hình bầu dục, khắc mấy chữ «Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội», vừa bằng quốc ngữ vừa bằng chữ nho.

Mãi khi ấy, các bạn trong đảng Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội mới biết được rõ tên của hội bên kia. Còn trước kia, anh em cứ tưởng hai bên cùng chung một tên là Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội và cho được phân biệt anh em trong nước gọi anh em ở ngoài là «Đảng xuất dương».

Còn anh em ở ngoài thì gọi anh em trong nước là «Đảng Trần» nghĩa là đảng của Trần mộng Bạch.

Bức thư ở Quảng Châu gửi về đối với «Đảng Trần» thật là kiêu ngạo anh em trong nước thấy rõ rằng anh em ở ngoài đã khinh khi mình quá. Tuy vậy, tình thế thật là khó xử, vì bên VNTNCMĐCH vẫn cứ tiến hành việc tranh đấu, đề thu hút lấy hết cả đảng viên bên này. Muốn tránh mọi hậu quả tai hại, nhiều anh em ôn hòa không muốn gây chuyện đảng tranh trông mong các đồng chí bớt giận làm lành, cố tìm cách đề hai đảng có thể cùng nhau hợp nhất. Nhưng có nhiều người không thể nhịn được, yêu cầu đảng nên tuyệt giao với cánh Quảng Châu và coi hẳn họ là cừ địch, chớ không liên lạc và điều đình gì nữa...

Hai bên ý kiến đã xung đột như nước với lửa. Tổng bộ phải triệu tập hội đồng đề giải quyết vấn đề. Thân trọng Phước liền đi mượn chiếc xe hơi của người bạn là Đặng duy Phước. Ngoài Thân trọng Phước ra, còn có Hoàng đức Thi, Nguyễn sĩ Sách, Đào xuân Mai, Ngô đức Diên, Nguyễn sĩ Khách cùng lên xe hơi theo Quốc lộ 1 đi về phía Xã Đoài. Khi đi qua Quảng Bách, họ ngừng xe lại, rồi tắt đèn đề cùng nhau bàn bạc.

Bấm đèn pin móc ở túi ra, Đào xuân Mai lấy bức thư của Quảng Châu gửi về ra tuyên đọc; rồi đó cuộc tranh luận trở nên rất sôi nổi. Ngô đức Diên và Hà đức Thi phê bình lời thơ khiếm nhã, và những đề nghị trong thư có ý gây chuyện, nhứt định đòi tuyên bố tuyệt giao với «Đảng xuất dương». Nhưng đa số thì tán thành ý kiến của Phan kiếm Huy, xin cứ nối tiếp việc điều đình hợp nhất. Rồi đó Huy và Sách được cử làm đại biểu đề làm việc với anh em bên VNTNCMĐCH. Nơi họp không được chắc chắn nên buổi họp chỉ có nửa giờ. Sau đó, họ lại lên xe trở lại thành phố Vinh. Sách liền đó hẹn với Huy đến họp cùng với các đại biểu VNTNCMĐCH tại nhà Tổng Oánh. Buổi họp hôm đó, ngoài Huy và Sách ra gồm 8 đại biểu lạ mặt của VNCMĐCH. Chương trình nghị sự trong buổi họp đưa ra hai câu hỏi:

- 1) Đôi bên có thể hợp nhất không?
- 2) Nếu có thể được, thì theo những điều kiện nào?

Về câu thứ nhất, toàn thể đều đồng ý là có thể được, còn về câu thứ hai thì Tổng Oánh đòi giải tán VN Cách Mạng Đồng Chí Hội; những phần tử xuất sắc sẽ đầu nọp vào VNTNCMĐCH và loại trừ những người dở. Đề nghị của Oánh được tất cả tán thành, trừ Phan kiếm Huy. Huy nhất định không chịu, dù đa số quyết nghị. Nguyễn Sĩ Sách cố trình bày lý do cần giải tán VN CMĐCH và tuyên bố từ giờ trở đi tự coi mình như đã ra khỏi VN CMĐCH Huy phản đối nói là được các đồng chí cử đi thương thuyết về việc hợp nhất hai đảng, còn việc giải tán VN CMĐCH là ngoài quyền hạn của Huy. Nếu không bàn lại đề tìm ra những điều kiện phải chăng thì Huy sẽ giải tán hội nghị. Thấy không ai trả lời, lại có kẻ còn nháy mắt chế riếu và mỉm cười, Huy tức giận liền bỏ ra về. Lúc bấy giờ, Huy mới biết Sách theo mình chỉ là đề đo thám nội bộ VN CMĐCH, còn phe VNTNCMĐCH chỉ lo phá VN CMĐCH, thì làm sao hợp tác được, sau đó Huy họp anh em báo rõ kết quả của buổi họp và Tổng bộ quyết nghị chấm dứt liên lạc với VNTNCMĐCH và phái Đào xuân Mai đi báo tin cho tất cả các đảng viên cùng triệu tập đại hội tại Huế.

Tại Huế, Đào duy Anh xin thêm đảng viên giúp việc, được đảng cử Phan đăng Lựu và Ngô đức Diển. Lựu là thư ký sở Canh Nông được đảng cử đi tổ chức và đầu nọp đảng viên ở huyện Yên Thành; sau khi được tổng bộ cử vào Huế, liền bàn giao công việc cho một đồng chí khác. Lúc bấy giờ, Đào duy Anh mở nhà xuất bản truyền bá văn hóa phổ thông và chính trị lấy tên là « *Quan Hải Tùng Thư* »

Ngoài việc đảng ra, Lựu còn giúp Anh việc dịch thuật. Ngô đức Diển thì làm trợ bút trong tờ « *Tiếng Dân* » và cả hai đều được vào tỉnh bộ Huế.

Cuối tháng 6/1928, Kỳ bộ Trung kỳ họp tại Huế, tại nhà Đào duy Anh. Ngoài các đại biểu tỉnh bộ có Trần mộng Bạch dự hội nghị; sau khi báo cáo công tác ở địa phương, định chương trình cho kỳ họp Tổng bộ và quyết nghị họp hội nghị toàn quốc vào ngày lễ Chánh Chung là ngày 14-7-1928 tại Huế, Trần mộng Bạch và anh em soạn

thảo dự án tổ chức lại hội, còn Phan kiếm Huy phải tóm tắt tờ trình của các kỳ bộ thành một bản báo cáo tình hình hội và thông tin ngày họp cho tất cả đại biểu ba Kỳ.

Khi trở về Vinh, Phan kiếm Huy ngẫu nhiên gặp Nguyễn văn Hậu, một người có thế lực trong VNTNCMĐCH. Hậu tỏ ý phản nản về thái độ của bọn Tổng Oánh. Hậu khuyên Huy không nên nản chí và hứa sẽ hết sức giúp Huy cho việc họp nhất chóng thành. Nghe Hậu nói bùi tai, Huy liền mời Hậu cùng đi với mình vào Huế, đề cùng bàn công việc với các anh em khác.

Chiều ngày 13-7, tại nhà Đào duy Anh, người ta cùng nhau chuẩn bị cho Đại hội của Tổng bộ ngày mai. Phan kiếm Huy báo tin Trần mộng Bạch, vì bận việc riêng, sẽ không đến được, nhưng chương trình tổ chức lại đảng thì Bạch đã giao cho Huy rồi. Kế Huy nhắc đến việc gặp Hậu và những hy vọng của mình về việc họp nhất Đề tỏ lòng tin cần với Hậu, Huy yêu cầu cho Hậu được dự vào cuộc họp bàn ngày mai. Đa số phản đối. Nhưng Huy cố sức phân trần :

—« Thừa các anh em, Hội TNCMĐCH, hiện nay thật là một cái nạn lớn cho đảng ta Đối với họ, một là ta họp nhất với họ hai là ta phải đấu tranh để tiêu diệt họ. Không có lý gì ta lại tố cáo họ với Pháp để phá họ, vậy ta phải cố họp nhất với họ nếu không theo cái khẩu hiệu « vì mục đích không cần lựa thủ đoạn », của họ. Hiện nay họ công kích ta ra mặt và tìm đủ mọi cách để phá hoại ta, họ cho rằng ta cản đường của họ. Cố nhiên người trong đoàn thể của họ rất là phức tạp, có nhiều kẻ đáng cho ta khinh bỉ nữa. Thế nhưng về thế lực, tổ chức, họ mạnh hơn ta, về phương pháp tuyên truyền, họ giỏi hơn ta. Nếu ta không họp nhất được với họ để kiểm chế họ đi, thì ta sẽ bắt buộc phải hóa ra Cộng sản hết. Mà đó là một tai họa.

Anh em nghe Huy nói có lý, liền quyết định phái hai người đến nói chuyện với Hậu, xem Hậu quả có thành ý hai không ; Hai người ấy là Ngô đức Diên và Trần ngọc Danh.

Khi đến nói chuyện thì Hậu tỏ ra vẻ chân thành, và hứa nếu được dự vào hội đồng Tổng bộ thì đa số anh em quyết nghị thế nào, Hậu sẽ xin chấp nhận như thế.

Sáng ngày 14-7-1928, Hội nghị Tổng bộ bắt đầu họp Dự hội nghị, có Phan kiêm Huy, Nguyễn sĩ Khánh, Ngô đức Tri là Ủy Viên thường trực, Đào duy Anh và Phan đăng Lưu thay mặt cho Kỳ bộ Trung kỳ, Trần ngọc Danh, thay mặt cho Kỳ bộ Nam Kỳ, Ngô đức Diễn thay mặt cho Kỳ bộ Bắc Kỳ và Nguyễn văn Hậu thay mặt cho anh em V.N.T.N.C.M.Đ.C.H.

Chương trình nghị sự như sau :

- 1) Báo cáo về công việc trong Đảng.
- 2) Bàn về chương trình tổ chức lại Đảng
- 3) Thay đổi trụ sở của Tổng bộ
- 4) Bầu ủy viên thường trực của Tổng bộ.
- 5) Giao thiệp với các đảng khác
- 6) Các việc linh tinh

Phan kiêm Huy lấy tư cách là Bí thư của Tổng bộ, đứng lên báo cáo tình hình. Tình hình không có gì là lạc quan. Các đảng viên, kẻ thì ly khai với đảng, người thì bị trục xuất, còn phần nhiều không chịu hoạt động, tất cả đều do ảnh hưởng của V.N.T.N.C.M.Đ.C.H.

Nói tóm lại, so với hồi đầu năm, thế lực đảng không tiến bộ thêm được chút nào. Rồi nhân đây Huy nói đến việc hợp nhất với Thanh Niên đã tốn bao công trình, chịu bao khổ nhục rút cục không, lượm được kết quả gì cả. Hội nghị nghe báo cáo xong, liền xét đến chương trình tổ chức lại đảng do Trần mộng Bạch khởi thảo sau mấy tiếng đồng hồ bàn cãi, anh em quyết nghị đảng sẽ tổ chức lại theo những cương mục sau này :

Tên đảng từ nay đổi là *Tân Việt Cách Mạng Đảng*. Mỗi Tiểu tổ nhiều nhất có 6 đảng viên ; 6 Tiểu tổ sẽ tổ chức thành Đại tổ. Các

người chỉ huy các Đại tồ trong một Huyện sẽ họp thành Huyện bộ. Các người chỉ huy các Huyện bộ trong một tỉnh sẽ họp thành Tỉnh bộ. Mỗi Tỉnh bộ lấy 1 Ủy ban thường trực, ít nhất là 3 người, và các đại biểu dự vào Liên tỉnh bộ. Các đại biểu của các Liên tỉnh bộ sẽ họp thành Kỳ bộ, và các đại biểu của Kỳ bộ sẽ họp thành Tổng bộ. Trong các Tỉnh bộ, các đoàn học sanh, phụ nữ, công nhân cũng được cử đại biểu đến họp bàn.

Ba xứ trong nước, mỗi xứ sẽ có một tên bí mật : Bắc kỳ gọi là Trí kỳ ; Nam kỳ gọi là Dũng kỳ, và Trung kỳ gọi là Nhân kỳ.

Mỗi Kỳ chia ra làm mấy khu liên tỉnh và mỗi khu lại đặt cho một tên riêng.

Trung kỳ chia ra làm 4 khu liên tỉnh như sau này :

1) Khu Lục Hoàn, ngoài ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh lại gồm có cả Vạn tượng, Tà Khẹt và Xiêng Khoảng của Lào.

2) Khu Ngũ Hóa gồm có Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Thừa Thiên và Savanakhet.

3) Khu Tứ Định, gồm có Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định và Kontum.

4) Khu Ngũ Tráng gồm có Khánh Hòa, Bình Thuận, Đà Lạt, Thượng - Đông - Nai và Đà Lạt.

Nam kỳ chia ra làm 3 khu Liên tỉnh :

1) Khu Lục Cường : Châu Đốc, Rạch Giá, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long Xuyên và Cần Thơ.

2) Khu Lục Mỹ : Trà Vinh, Vĩnh Long, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre, và Nam Vang.

3) Khu Lục Sai : Tây Ninh, Thủ dầu Một, Biên Hòa, Chợ Lớn, Gia Định.

Bắc kỳ cũng chia ra làm 3 khu :

1) Khu Cửu Phủ : Phú Thọ, Lao Kay, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Sơn Tây, Hà Giang, Yên Bái và Tuyên Quang.

2) Khu Lục Hải : Mông Cai, Quảng Yên, Kiến An, Hải Dương, Thái Bình và Hưng Yên.

Về đảng viên, hạng đảng viên bắt lức và khả nghi từ nay bỏ hẳn : các đảng viên bị nhà đương cuộc Pháp chú ý thì đề riêng ra, giao cho những công việc không cần phải năng đi lại nơi này, nơi khác.

Đảng lại cử mấy ủy ban chuyên việc dịch các sách, đề mở các lớp dạy về cách mạng. (Những người bị mật thám theo dõi, sẽ chuyên làm việc ấy).

Đến việc thay đổi trụ sở của Tổng bộ, Phan kiêm Huy bàn rằng, không nên đề mãi trụ sở ở Vinh. Tại đây các anh em trong Tổng bộ đều bị mật thám canh nhà và riêng phần Huy cũng bị đòi đi Kontum nay mai, vậy không đủ người hoạt động đề trông coi công việc trong toàn đảng.

Hội đồng liền quyết nghị sẽ rời Tổng bộ vào Huế, và giao công việc tổ chức Ban thường trực cho Đào duy Anh.

Tiếp theo hội nghị bầu ban thường trực của Tổng bộ Đào duy-Anh được bầu làm Bí thư trưởng, Ngô đức Diễn làm thủ quỹ, Phan đăng Lưu coi giao thông. Nguyễn văn Hậu thay mặt anh em V.N.T.N.C.M.Đ.C.H được cử làm Phó bí thư, coi riêng về những giấy tờ quan trọng. Cử Hậu vào chức ấy, anh em làm ra vẻ tin cậy Hậu lắm, nhưng thật ra không muốn cho Hậu biết gì về việc quan trọng của đảng, Hậu tuy được coi các giấy tờ quan hệ nhưng chỉ là mấy bản chương trình điều lệ của đảng từ trước. Cũng vì anh em còn nghi Hậu chưa chắc đã thật lòng, nên chính việc giao thiệp với V.N.T.N.C.M.Đ.C.H không bao giờ trao cho Hậu, mà trao cho Nguyễn sĩ Khánh.

Trần ngọc Danh, đại biểu Nam Kỳ, tường trình về đảng Nguyễn an Ninh nói rằng không có gì đáng đề ý cả. Ngoài Nguyễn an Ninh và Phan văn Hùm, đứng đầu là những người thật có tư cách còn các đảng viên của Ninh do được thâu nạp dễ dàng quá. Vì thế, phần đông là những dân vô học, những anh chị trong đám hảo hớn giang hồ. Ngô đức Diên, đại biểu Bắc Kỳ thuật lại việc hội kiến với các đại biểu của Việt Nam Quốc Dân Đảng, như Hoàng văn Tùng, Lê văn Phúc và cũng có bàn đến chuyện hợp nhất. Nhưng đảng đã khờ sớ về chuyện hợp nhất với VNTNCMĐCH rồi, nên việc này tạm thời xếp lại. Đối với các đảng khác, Tân Việt giữ một thái độ tiêu cực, không cạnh tranh, mà cũng không liên lạc với họ, cứ đứng ngoài đề quan sát thôi.

Rồi, hội nghị xét đến những đề nghị riêng của từng người. Hoàng đức Thi xin công khai phản tuyền truyền lại V.N.T.N.C.M.Đ.C.H.

Trần ngọc Danh xin lập một tòa án cách mạng để xử tử những kẻ phản đảng, chẳng hạn như những kẻ đã bỏ đảng đi theo V.N.T.N.C.M.Đ.C.H

Cả hai đề nghị, đều bị hội nghị bác bỏ trước khi giải tán, hội nghị xin Phạm kiểm Huy giao công việc đảng lại cho Đào duy Anh và tất cả các đại biểu các Kỳ bộ đều được huấn lệnh phải về tổ chức lại các cơ quan theo như điều lệ và chương trình mới.

Kỳ bộ Trung kỳ tổ chức lại ngay sau hôm ấy, Ngô đức Tri được cử làm Bí thư.

Hoàng đức Thi yêu cầu đảng tìm người thay mình vì mình đã bị liệt vào hạng các đảng viên mà nhơn viên công an ngày đêm dò xét.

Kỳ bộ Nam kỳ cũng lập lại liền khi Trần ngọc Danh trở về Saigon. Đào xuân Mai làm Bí thư, cụ Tú Kiên coi tài chánh và Trần ngọc Danh làm giao thông. Nhưng cũng như Kỳ bộ Bắc kỳ, Kỳ bộ Nam kỳ chỉ có đầu mà không có chân tay. Vì tuy thành lập

đã lâu, mà cả hai Kỳ bộ ấy không sao tuyên truyền được đủ người để tổ chức thành các Tỉnh bộ, theo như kế hoạch.

Còn Ngô đức Diên là đại biểu Bắc kỳ, bận việc đảng, phải ở lại Huế nên việc tổ chức lại «*Nhân kỳ*», Phan kiếm Huy phải chỉ thị cho Trần hậu Tùng giao lại cho Tôn quang Phiệt.

Sau khi lập xong Kỳ bộ, đảng phải tính đến việc lập các Liên tỉnh bộ.

Chỉ có 3 tỉnh miền Bắc Trung kỳ là đủ người để lập một cơ quan như thế. Kỳ bộ thứ nhất của Liên tỉnh bộ ấy đã mở ở Vinh, tại nhà Trần hậu Tùng, Phan kiếm Huy lấy tư cách là đại biểu của Kỳ bộ, giao chương trình, điều lệ mới cho anh em để theo đó mà tổ chức lại Xong việc, Huy trở về thu xếp việc nhà, vì đã nhận được giấy đòi đi Kontum. Vắng mặt Huy ở Vinh, đảng đã thiếu một chiến sĩ tận tâm và lịch duyệt. Ngoài Huy ra, Liên tỉnh bộ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh còn thiếu Hoàng đức Thi nữa. Vì ty công an chú ý đến Thi nhiều quá, Đảng đành cho Thi được ngừng hoạt động.

Từ bấy giờ, Hoàng đức Thi về nằm ở Hà Tĩnh, chuyên việc phiên dịch các tài liệu cách mạng.

Các Liên tỉnh bộ Lục Hoàn, theo tên mới ấy gồm có Nguyễn đình Đoàn là Bí thư, Thân trọng Phước giao thông, Lê liên Vũ đại biểu Thanh Hóa, Lê quang Thường đại biểu Hà Tĩnh, còn đại biểu Nghệ An là Trần hậu Tùng Mỗi đại biểu phải về gặp tổ chức Tỉnh bộ và các Huyện bộ trong tỉnh nữa.

Tỉnh bộ Hà Tĩnh thì Lê quang Thường làm Bí thư, Nguyễn trí Từ tài chánh, Ngô đức Đệ giao thông ; Nguyễn trí Từ lại kiêm chức Bí thư huyện bộ Thanh Hà và Ngô đức Đệ Bí thư huyện Can Lộc. Các Huyện bộ khác chưa tổ chức được. Hoàng đức Thi tạm nhận tổ chức Học sinh đoàn trong tỉnh. Nhưng rồi Thi ủy việc ấy cho Lê bá Cảnh, Đốc học các trường công. Tỉnh bộ Nghệ An thì Bí

thơ là Trần hậu Tùng, Nguyễn đức Bình đại biểu cho học sinh. Tôn quang Duyệt đại biểu huyện bộ An Sơn, Tôn thất Cử giáo học, Huỳnh Du giáo sư, Thi thơ ký tòa án, cả ba đều là đại biểu cho 1 Đại tổ đặt thẳng dưới quyền Tỉnh bộ.

Lê trọng Bật dạy trường huyện Thanh Chương, đứng đầu ngay Huyện bộ ở đấy. Còn các huyện khác đều chưa có cơ quan thành lập, vì lẽ thiếu nhân tài.

Về phụ nữ, đảng mới tuyên truyền được ít chị em thanh niên. Vì số người còn ít, tạm thời phải đề họ làm việc trong các học sinh đoàn.

Chậm trễ nhất là thành phần công nhân, trước sau vẫn chỉ có một mình Đī Hảo không có tài gì, nhưng lúc nào cũng trung thành với đảng.

Đó là tình hình *Tân Việt cách mạng đảng* sau hồi cải tổ.

Việc đời không tiến tức là thoái Bời lẽ ấy, đảng Tân Việt không tiến được, thì cơ suy vong đã bắt đầu ngay rồi.

Còn VNTNCMĐCH, hồi ấy vẫn tiếp tục tấn công Tân Việt vô cùng kịch liệt và tấn công mạnh hơn bao giờ hết. Họ đi rêu rao những tên người, những cơ quan của Tân Việt ở bất cứ chỗ nào, và bắt kè với ai. Bề khác họ phỉ báng từng cá nhân của Tân Việt nhất là những người có thể lực rằng bọn này là những đầu óc giai cấp, có tính cách tư bản, tinh thần phản động, tay sai bí mật của quân thống trị v.v..

Ngoài việc chửi Tân Việt, ngược lại VNTNCMĐCH lại khoe khoang hội mình có nước Nga giúp sức, có Đế tam quốc tế đỡ đầu và thành thực phục vụ tổ quốc.

Bây giờ người thay mặt cho Tân Việt đề giao thiệp với bên VNTNCMĐCH là Nguyễn sĩ Khánh, không làm thế nào ngăn cản được cuộc phản tuyên truyền này còn Nguyễn văn Hậu đầu được bầu làm Phó-bí-thư cũng chẳng giúp cho đảng được việc gì cả.

Hắn nói hắn đứng đầu Huyện bộ Hương-Khê của VNTNCMĐCH và hứa sẽ đem cả huyện bộ ấy theo về với Tân Việt. Thật ra hắn chỉ dối láo. Đến tiền Đảng giao cho hắn đi thâu hắn cũng xài hết. Thế là những người quốc gia lại bị lừa gạt một phen nữa rồi Tổng bộ của Tân Việt ra lệnh khai trừ Hậu, dĩ nhiên Hậu có cần gì !

Bị đảng địch tấn công quá, Tổng bộ Tân Việt liền quyết định lại cử một phái bộ sang Tàu, giao thiệp với anh em bên Quảng Châu, lần này đảng định lựa những người thật đứng đắn, không dễ bị người ta dắt đi lạc đường. Khi sang đấy, nếu không thể điều đình được chuyện hợp nhất, ít ra cũng yêu cầu được Tổng bộ ở Quảng Châu hạ lệnh cho anh em trong nước đừng có công kích nhau, để làm trò cười cho kẻ thù chung.

Tổng bộ cho rằng những việc điều đình thất bại từ trước đến giờ, có lẽ chỉ là bởi những người sang công cán bên Tàu không được tận tâm lắm Trừ Trần hậu Toàn ra, anh nào sang Tàu rồi cũng quay về bỏ đảng mà theo anh em bên Tàu cả. Thế nhưng cái đó cũng không trách họ được, vì các lần trước ra đi là VNTNCMĐCH đưa họ đi, tới nơi cũng VNTNCMĐCH thù phụng, dãi dẳng vậy làm sao đối với VNTNCMĐCH họ chẳng có cảm tình ? Nay muốn cho phái bộ giữ được thái độ độc lập, tự do, không bị người quyền cố thì phải cho phái bộ có sẵn một món tiền kha khá, ra đi chẳng cần dẫn lối, đến nơi chẳng cần ai cho ăn, cho ở mới xong. Đảng liền biểu quyết cho phái bộ một ngàn đồng làm công tác phí. Trong quỹ, bấy giờ chỉ còn 200 đ anh em liền quyền thêm 800 đ Có tiền rồi, đến việc lựa người sung vào phái bộ, Tổng bộ đồng ý cử Phan đăng Lựu và Đào xuân Mai. Vào khoảng tháng 10, Lựu vào Saigon tìm Mai, nhưng Mai từ chối, viện cớ VNTNCMĐCH nghi Mai làm mật thám cho Pháp, như vậy Mai sẽ chẳng giúp ích gì được. Kỳ bộ Nam Kỳ lại còn chê Tổng bộ nay đòi hợp nhất, mai đòi hợp nhất, trong khi bị Tổng bộ Quảng-Châu khinh khi như vậy, hóa ra vô liêm sỉ, vậy có cử phái bộ sang thì chỉ nên dò xét thực trạng của VNTNCMĐCH, hầu lập một Tổng bộ Tân Việt ở Quảng Châu để cạnh tranh với Tổng bộ VNTNCMĐC

H, họ cần phải hợp nhất hay liên lạc. Một cơ quan như vậy, đặt ở hải ngoại sẽ giúp được rất nhiều việc mà còn là nơi bao bọc cho các anh em nếu lâm nguy ; Kỳ bộ Nam kỳ yêu cầu thay Đào Xuân Mai và ra huấn lệnh mới. Thấy đề nghị này hợp lý, Tổng bộ cử Lê liên Vũ và Phan đăng Lưu vào Nam đầu tháng II, Vũ vào Saigon tìm Lưu rồi cả hai sang Hương cảng bằng tàu thủy. Thành linh đêm 9-12-1928, xảy ra án mạng đường Barbier (nay là Lý Trần Quán). Án mạng này không can dự gì đến Tân Việt Cách mạng đảng tuy vậy nó vẫn có ảnh hưởng rất lớn đến tập thể này. Lúc bấy giờ, VNTNCMĐCH đã đổi ra *Việt Nam Cộng Sản đảng* và có đảng viên khắp nước. Một nữ đảng viên tên Nguyễn trung Nhật là Bí thư của một Tỉnh bộ trưởng, tên Nguyễn văn Phát, cả hai cùng ở chung, nên vào một đêm tối, Phát thừa lúc Bí thư ngủ say đã cưỡng hiếp cô (hai cựu đảng viên Cộng Sản ly khai từ 20 năm nay gặp chúng tôi đã nói không có vụ hủ hóa này. Phát bị giết chỉ do sự lúng túng nội bộ mà thôi). Sau đó cô Nhật tố cáo vụ này với kỳ bộ Nam kỳ, Kỳ bộ trưởng lúc bấy giờ là Tôn đức Thắng liền họp hội đồng xử Phát. Các đảng viên đồng lòng kết án xử tử và sai ba người thi hành Đảng lệnh.

Vào mồng 9 tháng chạp năm 1928, ba đảng viên bóp cò Phát chết (tại căn nhà số 10 đường Barbier) xong còn đồ sảng vào mặt đốt, hầu mặt thám không nhận diện được. Quả nhiên cảnh sát phải bó tay cho đến khi có người tố cáo : Sau khi Phát bị giết chết, Nguyễn trung Nhật về ở chung với Đỗ đình Thọ, một học sinh bãi khoá có tật ở chân, biệt danh là Thọ què. Cô Nhật liền có cảm tình với Thọ què, rồi lần này hai người hòa dâm, chứ không cưỡng dâm.

Chuyện này thấu đến tai một vài đảng viên. Họ rất lấy làm bất bình, lại có người đề nghị xử tử Thọ.

Thọ sợ bị xử tử, liền cùng với tình nhân đem cái biên bản phiên họp có việc kết án xử tử Nguyễn văn Phát và nhiều giấy tờ quan trọng

khác ra đầu thú với sở Mật thám, vì thế mà vụ án mạng trên bị phát giác.

Sở Mật thám cho Thọ và cô Nhật một món tiền trốn sang Pháp sau đó cứ theo giấy má kla mà bắt các «đồng chí» của Thọ, tất cả có ba người bị xử tử trong đó Ngô Thiêm và ba người bị án khổ sai, đày ra Côn đảo. Ở đám người này có Tôn đức Thắng, Kỳ bộ trưởng, nguyên là thợ máy ở nhà máy Đổ hữu Vị, bấy giờ bị phạt 26 năm khổ sai. Vào dịp này nhiều đảng viên Việt Nam Cộng sản đảng chạy thoát qua Tàu, tìm đến Tổng bộ Quảng Châu kể về mọi việc đã xảy ra, Tổng bộ rất bất bình vì kẻ bị giết kia rất có công với đảng, còn việc hãm hại dù sao cũng không đáng bị trừng phạt gát gao như vậy. Rồi Tổng bộ khai trừ tất cả «Đồng chí Nam kỳ» ra ngoài đảng, cho là họ chưa đủ tư cách làm cách mạng. Kỳ bộ Nam kỳ liền biệt lập từ đó.

Và như chúng tôi đã nói ở trên, đảng Tân Việt không có dính líu gì với vụ án mạng ở đường Barbier nhưng bị ảnh hưởng khá lớn vì Đào xuân Mai Bí thư của Kỳ bộ Nam kỳ cũng bị bắt, bởi cư ngụ gần đó. Bắt của được ếch là thế, sở mật thám khám xét nhà Mai, tìm ra được một số tài liệu. Sở Mai không chịu nổi sự tra tấn mà khai hết bí mật của đảng, Trần phạm Hồ, Trần ngọc Danh, Hà huy Tập (cả ba đều có chân trong Kỳ bộ Nam kỳ) liền tìm đường đào tẩu. Một người Tàu ở Chợ lớn có quen với Tập, nhận lời đưa cả bọn qua Hồng Kông, cấp cho mỗi người 100đ để trả tiền tàu. Trần phạm Hồ vừa có vợ, đem vợ đi theo luôn.

Ba người này trốn mãi sang tới Nga, và hơn năm sau về nước thì có ba người đã nhuộm đỏ hoàn toàn.

Lựu và Vũ nhân cơ hội này, liền cùng đi. Ngày 15 tháng chạp, tàu rời bến Saigon, ngày 20, tàu cập bến Hồng Kông. Lựu và Vũ lên bến đò sang Quảng Châu, trong khi cả bọn kia thuận buồm sang Thượng Hải. Không ngờ sau khi tới Quảng Châu được vài hôm thì chánh phủ Tàu hạ lệnh bắt tất cả các đảng viên trong VNTNCMĐCH về tội tuyên truyền Cộng sản. Vũ và Lựu bỏ vợ, đành tới trọ gần sông Hoàng

Phổ đề giao thiệp với học sinh người mình đang có mặt trong trường Quân quan ấy. Nhân đó họ được biết ông Đinh tế Dân là người V.N làm giáo sư của trường. Lự và Vũ về ở nhà ông này một tháng. Đến khi nghe tin VNTNCMĐCH đã có ít người được phóng thích hai người liền quay về Quảng Châu và ở Đại đồng học xá. Ở đây, hai người gặp được ít người trong VNTNCMĐCH nhưng vì lệnh cấm của chính phủ Tàu, nên họ không dám tuyên truyền công khai chủ nghĩa Cộng sản nữa. Về VNCMĐCH thì ông Đinh đã cho hai người biết mọi tin tức do bao nhiêu giấy tờ bắt được của hội ấy, chánh phủ Tàu đều giao cho ông Đinh dịch ra chữ Tàu. Hai người có ý muốn đến thăm cụ Vũ hải Thu, tức cụ Hải Thần hay cụ Tú Đại Từ, nhưng không được gặp. Ở mãi Quảng Châu thấy vô ích, đến tháng 3-1929, hai người liền lên Thượng Hải, rồi sang Nam Kinh, đề nghiên cứu về tình hình chính trị của Tàu. Đến Nam Kinh, hai người muốn vào dự thánh kỳ Toàn quốc hội nghị lần thứ ba của Trung Quốc quốc dân Đảng, nhưng không được.

Sang đầu tháng 5, Quảng Châu lại xảy ra chính biến. Công việc của hai người không tiến hành được chút nào cả, mà tiền lưng thì đã cạn, bèn bảo nhau trở về. Ngày 15-5-1929, hai người về đến Hải Phòng.

Bắt đầu từ tháng 10-1928, từ khi Phan đăng Lự sang Tàu, công việc đảng bắt đầu thấy đình trệ. Tổng bộ ở Huế chỉ còn có hai người làm việc là Đào duy Anh và Ngô đức Diễn. Hai người lại bận rộn về việc báo Tiếng Dân quá, không còn làm được việc gì hết.

Tại Trung kỳ, Trần hậu Tùng, Bí thư Tỉnh bộ Nghệ An, có chân trong Liên tỉnh bộ Lục Hoàn những lạm công quỹ của đảng. Ngô đức Đế thuộc tỉnh bộ Hà Tĩnh bỏ đảng vào Nam. Còn ở Bắc kỳ thì Kỳ bộ không tiến được vì ảnh hưởng quá mạnh của Việt Nam Quốc Dân đảng. Ở Nam kỳ, sau vụ án mạng đường Barbier, Kỳ bộ tan liền khi Đào xuân Mai bị bắt. Các tài liệu, chương trình và điều lệ đảng bị tịch thu. Ngô đức Diễn lại là người soạn thảo, nên sợ Mai tố mình, Diễn vội bỏ Tổng

bộ chạy sang Xiêm. Tới Vọng Các Diễn không được phe VNTNCM ĐCH chứa chấp, đành phải bỏ về quê nằm đợi thời cơ. Đào duy Anh còn một mình, không đủ sức điều khiển, phải ra lệnh cho các đảng bộ ngừng hoạt động. Sau này tình hình tạm yên, Đào duy Anh mới cho triệu tập đại hội đồng vào tháng 2-1929 tại khách sạn Đồng Lợi (Hà Nội). Tham dự buổi họp, có Tôn quang Phiệt, đại biểu Bắc kỳ, Nguyễn đình Đào, đại biểu Liên tỉnh bộ, Lục Hoàn và Đào duy Anh, đại diện Tổng bộ. Theo lời báo cáo thì tình hình của đảng bấy giờ rất bí quan, đa số đảng viên đều ly khai, một số nằm nhà, một số chạy qua VNTN CMĐCH. Tuy vậy, hội quyết định vẫn tiếp tục công việc: Tổng bộ lúc này vẫn đặt ở Huế; còn ban thường trực không có ai ngoài Ngô đức Diễn và Đào duy Anh, số đảng viên thì quá ít rồi tất cả đồng ý giải tán Kỳ bộ và chia đảng ra làm 5 Tỉnh bộ:

- 1) Bắc kỳ
- 2) Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh
- 3) Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên - Quảng Nam
- 4) Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kontum.
- 5) Khánh Hòa, Bình Thuận, Darlac, Nam Kỳ.

Anh em còn định cử người đi tuyên truyền tại các nơi chưa có chi bộ và các nơi mà đảng viên đã bỏ theo VNTNCMĐCH tuy nhiên trong quỹ đảng chỉ còn 50đ. nên phải mở lạc quyền.

Sau hết, hội đồng quyết nghị hãy đợi phái bộ ở Tàu về rồi hãy định rõ thái độ đối với anh em bên VNTNCMĐCH. Tuy vậy đảng phải gửi cho tất cả các đồng chí một bản tuyên ngôn, bày tỏ lý thuyết cách mạng và chương trình hành động của đảng cho mọi người đều rõ.

Kỳ hội đồng bất thường ấy thật ra, cũng không sao chấn hưng được đảng, Ngô đức Diễn bị bắt vào tháng ba ngay khi vừa về tới Huế.

Việc quyền tiền cũng không thành do Tổng bộ chỉ còn có một

người. Không liên, việc phái người đi tuyên truyền ở các nơi cũng đành tạm gác lại. Chỉ có bản tuyên ngôn được Đào duy Anh theo ý các tay lãnh tụ trong đảng khởi thảo đại lược như sau :

Phần 1 : Nghiên cứu về cách mạng V.N.

Xét các cuộc thất bại về trước, xét hiện tình cách mạng, và nhận rõ tánh cách hãy còn phôi thai.

Không rõ tình hình kinh tế và các giai tầng xã hội trong xứ, thì không thể tổ chức cách mạng cho thành công được.

Phần 2 : Nghiên cứu về tình hình kinh tế

« Công nghệ phát đạt nhất là khoáng nghiệp thì hoàn toàn vào tay người Âu kẻ ra cũng không quan trọng vì ở Trung Nam Kỳ không có gì cả. Nghề dệt thì có cũng như không, không có hẳn các xưởng đúc kim chất.

Trông về toàn thể thì công nghệ chưa chiếm địa vị trọng yếu và lỗi phần lớn ở người Việt Nam. Việc thương mại, việc xuất nhập cảng không phát đạt vì tất cả đều ở trong tay mấy công ty Pháp, nhất là mấy nhà buôn Tàu ; người V.N chỉ buôn các hàng lật vật (hàng xén, chạp phỏ)

Canh nông : Các đồn điền lớn ở Trung Nam Kỳ thuộc các nhà thực dân Pháp, dân chúng nghèo đã thành nông nô. Nông sản bị Huê kiều thao túng. Còn công điền thì có thể so sánh với chế độ công điền ở Nga.

Chế độ điền thổ ở các tỉnh tại Bắc Kỳ, cũng không lạc quan. Trong đám dân ta, không có đại điền chủ, phương pháp canh nông còn lạc hậu. Dân chúng hầu hết là tá điền nghèo khó hay những bần cố nông.

Giao thông : đường thủy, đường bộ, đường sắt, tuy có nhưng việc vận tải không sầm uất mấy bởi thương mại chưa phát đạt và dân chúng vẫn loanh quanh với đời sống nông nghiệp.

Ngân hàng : Tất cả các ngân hàng đều thuộc người ngoài quốc. Người V.N chỉ có mỗi một cơ quan là *Việt Nam ngân hàng*, vốn có 25.000\$ (khoảng nửa thế kỷ trước)

Các giai tầng xã hội : *Giai cấp tư sản*. Vì tình hình kinh tế như vậy, nên giai cấp tư bản ở Việt Nam thật ra chưa hình thành. Cố nhiên cũng có ít nhà buôn ít nhà công nghệ hay thầu khoán làm ra tiền, nhưng hầu hết đều vô học. Đó là những hạng nhà giàu mới nổi chứ không phải những sản nhi của giai cấp. Họ không cấu tạo được một giai cấp do không có ý thức riêng về quyền lợi, họ trà trộn với các phần tử khác trong xã hội.

Giai cấp thợ thuyền : Vì công nghệ chưa phát đạt, nên giai cấp thợ thuyền không đông đảo và ở rải rác mỗi nơi mỗi ít. Xưởng lớn nhất mới có đến 5.000 thợ mà lại phần nhiều là phu với nhân viên tạp việc cả. Hạng thợ chuyên môn rất hiếm. Tóm lại giai cấp này rời rạc, dốt nát, không có tổ chức thành đoàn thể.

Giai cấp nông dân : hầu hết nhân dân đều là những người làm ruộng, giai cấp ấy gồm có rất nhiều phần tử : Các đại nghiệp chủ, các nhà trung sản, các tiểu nông, các chủ trại và các dân thợ cấy, thợ gặt.

Tuy vậy, phần nhiều chỉ có được mấy sào hay mấy mẫu. Dầu nước V.N chưa hề có chuyện phong kiến, nhưng nông dân đều có đầu óc phong kiến cả nên rất ưa bảo thủ.

Các giai cấp khác, ngoài ba giai cấp xã hội kể trên ra, còn có nhiều phần tử khác mà ta có thể dồn cả vào một giai cấp gọi chung là tiểu tư sản. Đó là bọn trí thức, bọn công chức, bọn làm công sở tư, bọn nhà buôn nhỏ, bọn tiểu công nghệ v.v.. Các phần tử này, quyền lợi không giống nhau, và tư tưởng rất là phức tạp. Kẻ thì phản động, người thì cách mạng. Thông thường họ chưa thành một lực lượng gì.

Nói tóm lại, ở Đông dương không có hẳn hai giai cấp công

nhân và tư bản đối lập nhau, mà sự đấu tranh của hai bên có thể lấn áp cả quyền lợi của các giai cấp khác. Sự phân chia giai cấp không hề rõ ràng lắm bởi xã hội Việt Nam chưa tiến đến giai đoạn tư bản. Nói quá ra nữa, chỉ có thể cho là nó sắp tư bản hóa mà thôi.

Ta có thể tổ chức một đảng Cộng Sản được không ?

Muốn tổ chức nên một đảng Cộng Sản, cần phải lấy thợ thuyền làm phần tử trung kiên. Vậy mà ở V.N hiện chưa có giai cấp thợ thuyền bằng có là đảng ta chẳng có phần tử nào là thợ thuyền cả. Về phương diện khác, chỉ khi công nghệ và tư bản có thật là tập trung mới có thể lập được một đảng Cộng Sản đề theo đuổi phương lược Cộng Sản. Ở Đông dương, cả hai điều kiện đều không có, theo đuổi phương lược Cộng Sản chỉ ồng công mà thôi, vậy chủ nghĩa Cộng Sản không cần thiết cho nước nhà và những kẻ tự xưng là Cộng Sản ở nước ta chỉ là Cộng Sản lý thuyết.

Ta phải lập một đảng thế nào và phương lược của ta ra sao ?

Đảng chúng ta không thể nương tựa vào một giai cấp nào cả : giai cấp thợ thuyền rất ít phát đạt, không theo được một phương châm minh bạch, giai cấp nông dân thì gồm các phần tử không thuần nhất và phản đối lại việc vận động của chúng ta ; giai cấp tư sản thì nhu nhược, và thường khi quyền lợi của họ lại trái với mục đích cách mạng, sau hết là giai cấp tiểu tư sản không có lực lượng, không có thống nhất. Vậy ta phải tìm đồng chí ở các phần tử giác ngộ trong tất cả mọi giai tầng xã hội.

Chương trình của ta phải là chương trình quốc gia, không vì quyền lợi riêng của một thành phần xã hội nào mà phấn đấu cả. Đảng ta phải là một dân đảng. Mặt trận cách mạng của ta phải là mặt trận toàn dân.

Ta phải đề phòng ảnh hưởng của các đảng Cộng Sản và chỉ nên theo một phương lược rõ ràng là quốc gia thích hợp riêng với tình thế xứ ta. Cố nhiên trong hai năm 1927-1928 đảng ta cũng có thực

hành mấy diêm theo chương trình Cộng Sản, nhưng chỉ là một chiến lược để tránh những va chạm của anh em VNINCMĐCH và để cho hai đảng có thể mau chóng đi tới chỗ hợp nhất. Mục đích của đảng ta là chiếm lấy những địa vị quan trọng trong đảng địch để đánh đổ chánh sách của họ cho dễ và rồi cả nước chỉ còn lại có một đảng Quốc dân mà thôi. Ngày nay thì mưu vọng đó đã không thể tính được rồi, vậy cần phải bày rõ chân diện mục của ta và phấn đấu với bất cứ chánh sách nào đối nghịch với ta, xét ra có lợi hơn.

Công tác đại cương.

Trái với chương trình ta đã dự định có bốn công tác cách mạng và năm thời kỳ để tiến hành :

1) *Thời kỳ phối thai* : trong thời kỳ này, ở mỗi tỉnh, ít ra phải tìm lấy 3 người đồng chí lập nên tiêu tổ đầu tiên, công việc cách mạng phải giữ thật là bí mật, sự tiết lộ cần phải trừng phạt. Công sức ta phải chuyên chú cả vào việc huấn luyện đảng viên.

2) *Thời kỳ tiềm dưỡng* đặc điểm của thời kỳ này là cần phải mở mang thêm các cơ quan đã có và các cơ quan phụ thuộc như công đoàn, nông đoàn, phụ nữ đoàn, học sinh đoàn. Công việc cần giữ bí mật và cấm chỉ sự tiết lộ lại cần cử những phái bộ quan sát ra nước ngoài.

3) *Thời kỳ dự bị* : thời kỳ dự bị ta phải lo làm tiếp những công việc của thời kỳ thứ hai, lại cần phải tập trung các cơ quan phụ thuộc ; công việc ấy giao cho ít nhiều tiêu tổ phụ trách riêng, đôi khi cũng phải biểu tình công khai, phải rải truyền đơn, phải cò động bãi công, bãi khóa, để tập dần cho quần chúng tham dự vào công cuộc đấu tranh cách mạng.

4) *Thời kỳ hoạt động* : tiếp tục làm công việc bí mật trong các thời kỳ trước. Tổ chức và huấn luyện quần chúng làm bí mật tình luôn luôn. Trong thời kỳ này, phải phái người vận động binh sĩ cướp lấy chính quyền.

5) *Thời kỳ kiến thiết* : Cải cách chính trị và kinh tế, huấn luyện quần chúng theo đúng với chương trình cải cách — bãi bỏ hết thảy mọi chế độ hủ bại, trái với chánh sách mới — triệu tập Quốc hội đề soạn thảo Hiến pháp, chương trình kiến thiết sẽ theo với ý định của Quốc hội. Mỗi thời kỳ trong 4 thời kỳ trên dài khoảng từ 1 năm rưỡi đến 2 năm.

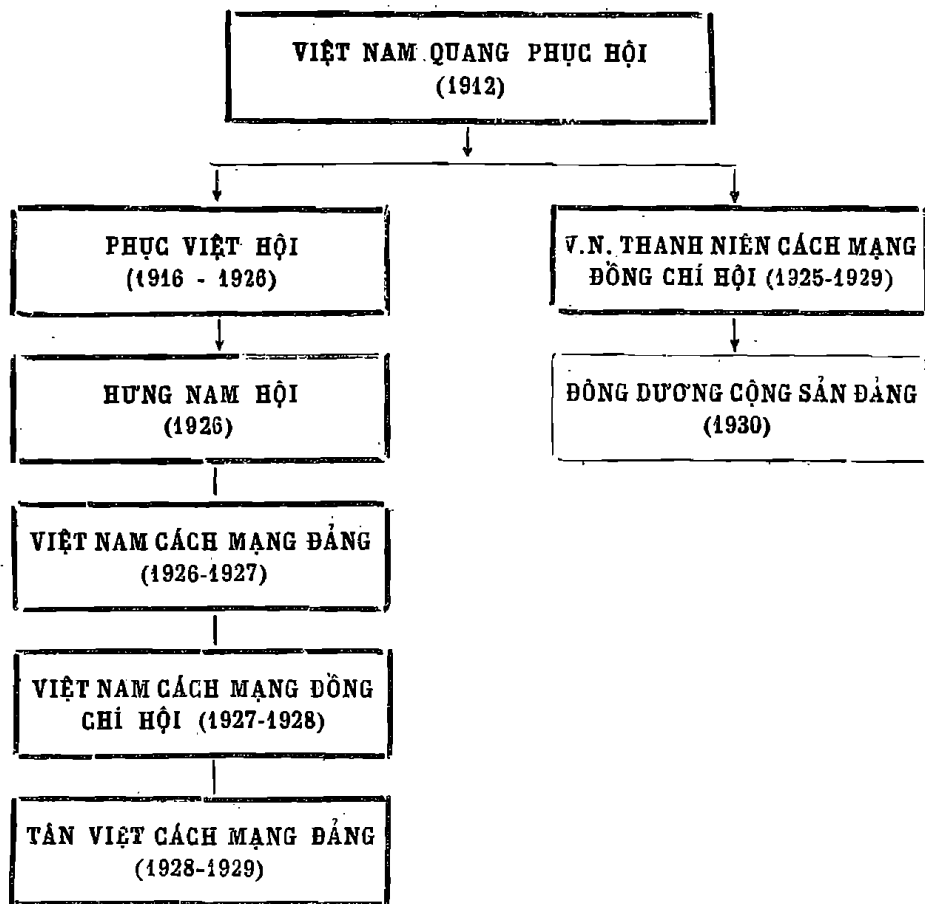
Bản tuyên ngôn gửi đi, hết thảy các đồng chí đều đồng ý và yêu cầu đem thi hành ngay. Tổng bộ bèn quyết nghị sẽ đem trình trước Toàn quốc hội nghị họp trong kỳ 14-7 như lệ cũ đã định. Tháng 5 Lưu và Vũ ở Tàu về báo cáo mọi chuyện với Đào Duy Anh rồi ai về nhà nấy đề nghị ngồi trong khi chờ Hội nghị tháng 7. Nhưng sau đó Hội nghị bất thành do một phần đảng viên nản lòng đã chạy theo Cộng-sản vào tháng 6 năm 1929 và đã lập ra Đông dương-Cộng sản liên đoàn (sau nhập vào Đông dương Cộng-sản-đảng do khuyến cáo của Nguyễn ái Quốc), một phần cố giữ tư cách độc lập đã bị Đông dương Cộng-sản-đảng hãm hại tố cáo với mật thám Pháp bị bắt gần hết. Tân Việt xoá nhòa tên tuổi từ đây sau bao nhiêu công trình, bao nhiêu cố gắng và hy sinh.

(Tài liệu dùng để viết Tân Việt cách mạng đảng phần nhiều lấy ở sách gồm 5 tập nhan đề là « Góp vào Lịch sử chính trị vận động ở Đông Pháp » của Louis Marty Giám đốc sở mật thám chính trị Đông dương sưu tầm và xuất bản hạn chế chỉ phổ biến cho một số cơ quan của Pháp ở Đông dương đề nghiên cứu. Sở mật thám Pháp đã khai thác 60 tờ khai của Hoàng đức Thi một đảng viên quan trọng của Tân Việt và nhiều cung từ của nhiều chính trị phạm nhằm tìm hiểu rõ ràng về các hoạt động của các đảng viên Tân Việt.

Sau ngày 9-3-1945 ngục quyền thực dân sụp đổ, tài liệu này mới lọt vào tay người Việt chúng ta. Tuy nhiên có thể còn nhiều tình tiết chưa được phanh phui mặc dầu tài liệu này đã có một giá trị đáng kể. Cụ Nguyễn đắc Lộc cựu đảng viên Tân Việt phê bình rằng : « Lòng trung thành của Hoàng đức Thi đã khiến họ Hoàng dấu đi một phần sự thật, phải có thêm sự bổ khuyết của Tôn quang Phiệt hay Đào

duy Anh mới được đầy đủ .. » Ngoài tài liệu kể trên chúng tôi còn tham khảo cả tài liệu của *Nhượng Tống* một lãnh tụ cao cấp của Việt Nam quốc dân đảng đã xuất bản thành sách năm 1945 tại Hà nội, của *Giáo sư Nguyễn ngọc Cư dịch và đăng trên Tập san sử địa số 22 năm 1971 tại Sài Gòn của nhóm giáo sư và sinh viên Đại học sư phạm chủ trương và trích một ít đoạn của nhà văn Hoàng Phỡ trên báo Thời cuộc tháng 6-1956).*

Sơ đồ về tiến trình tổ chức của Việt Nam Quang Phục Hội từ 1912 đến 1929



Phụ chú : Trong chương trình IV trang 92 chúng tôi đã kể rằng đảng *Phục Việt* thành lập ngay giữa khóm đường Côn đảo, hai cụ Tú Kiên, Phạm Cao Đài được chỉ định đóng bè vượt ngục qua Quảng Châu liên lạc với cụ Sào Nam (1918) cụ Trần Hoàn về Nam kỳ tổ chức đảng ở đây. Cuộc vượt ngục thành công nhưng công tác thì thất bại vì cụ Trần Hoàn đặt chân lên xứ Đồng Nai chưa kịp thì thổ gi đã bị bắt lại bị trả về Côn đảo. Còn hai cụ Tú Kiên và Phạm Cao Đài tới Hàng Châu đã không gặp được cụ Sào Nam lại không may sa vào tay Phan bá Ngọc bởi cụ Sào Nam bấy giờ vừa qua Xiêm ít lâu Hai cụ không ngờ Phan bá Ngọc đã làm mật thám cho Pháp. Ngọc bày chuyện mời hai cụ lên Thượng Hải rồi hai cụ bị bắt sau đó hai cụ cũng tái hồi Côn đảo. Than ôi, Phan bá Ngọc ! ...

Đề bạn đọc hiểu thêm về con người vong bản đã làm nhục cho ông cha ấy chúng tôi xin nhắc thêm về vài tiền tích của y. Khoảng 1922 cụ Phan lên Quảng Châu giúp việc cho Lâm lượng Sinh tại Tòa báo *Bình sự tạp chí*, kiếm tiền nuôi sống anh em, Phan bá Ngọc ra thú và làm mật thám cho chánh phủ bảo hộ. Y là kẻ khéo biện thuyết nên khi về Hà nội được ngay các quan Tây tin dùng rồi được cử qua Thượng Hải và Hàng Châu đem theo thuyết «*Pháp Việt đề huề*» (của Pháp) như các lãnh tụ Việt Nam ngoài hải ngoại.

Việc đầu tiên là qua Đông Kinh, Ngọc mang chuyện này ra trình Kỳ ngoại hầu Cường Đề. Không những Ngọc bị Cụ Cường khước từ lại còn xỉ vả thậm tệ Cụ Mai Sơn (Nguyễn thượng Hiền) ở Hàng Châu cũng không thèm gặp mặt y khi được tin Ngọc đã thay lòng đổi dạ. Bấy giờ chỉ còn cụ Sào Nam ngỏ cửa cho y đi lại. Theo Hồ học Lâm thuật lại, Ngọc đã nói với cụ Sào Nam rằng y không phải là kẻ bán nước mà hẳn muốn lợi dụng thuyết «*Pháp Việt đề huề*» của Pháp để làm một sự nghiệp phi thường, rồi hẳn ri tai cụ rằng hẳn xoay tiền Pháp cho các Cụ làm cách mạng.

Ít lâu sau, Ngọc dẫn tên Chánh Cầm mật thám Arnoux từ Hà nội sang Hàng Châu gặp cụ Sào Nam hai lần nhưng cụ Sào Nam

không chấp nhận đề nghị nào của Bảo hộ vậy có thể nói cuộc xúc tiếp của thực dân Pháp với cụ Sào Nam đã vô hiệu. Cũng trong khi ấy một thanh niên là Lê tán Anh (tên thật là Võ nguyên Trinh tức Hồng Sơn người Nghệ) đã từng ở Nhật với cụ Cường sau về Hàng Châu ở với Hồ học Lãm biết trò lưu manh mại quốc cầu vinh của Ngọc nên qua Đông Kinh tường trình mọi việc của Ngọc cho cụ Cường biết. Cụ Cường liền trao cho Tán Anh một khẩu súng sáu về Hàng Châu sửa tội Ngọc. Bấy giờ là cuối năm 1922 Tán Anh nằm tại nhà Hồ học Lãm chờ cơ hội. Lúc này Ngọc đang ở Thượng Hải thích thoảng mới xuống Hàng Châu. Đợi chừng một tháng, vào ngày rằm tháng giêng năm Nhâm Tuất (1922) Ngọc có mặt ở đây đến chơi nhà Hồ học Lãm đánh mà chược cả ngày và có lẽ y xuống Hàng Châu chuyến này, còn để xem hội Hoa Đăng là nơi trai thanh gái lịch của xứ này được dịp ra ngoài để nhõn nhõn và gặp gỡ nhau rất vui vẻ.

Theo tục của người Tàu, đêm tết Nguyên Tiêu (rằm tháng giêng) con gái nhà quyền quý mới bước ra khỏi nhà. Tối hôm ấy Hàng Châu sáng rực, đèn đuốc chói lọi khắp nơi, người chảy hội đông như nước lũ

Chè chén no say rồi Ngọc tổ chức việc đi dự hội Hoa Đăng cùng vợ chồng Hồ học Lãm, Tán Anh và hai cô gái Tàu vừa đánh mà chược với y lúc ban ngày. Tán Anh bế con cho vợ chồng Học Lãm. Cả bọn cùng đến Vận động trường Hạ kỳ doanh là nơi phồn hoa nhất. Tại đây trai gái đua nhau đốt pháo bông, nô đùa rầm rì. Bá Ngọc cũng mua pháo bông đem ra đó đốt. Ngọc đốt xong một cây pháo, mấy cô gái đứng gần vỗ tay khen đẹp. Ngọc thích thú lắm rồi cúi chằm ngòi đốt cây nữa bỗng hai tiếng nổ « ðoành, ðoành » át hẳn tiếng ồn ào chung quanh. Ngọc ngã xuống, ú ớ được mấy tiếng rồi lịm đi. Làn sóng người hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Một lát sau cảnh bình đến thì hung thủ đã biến lâu rồi.

Sáng hôm sau nhiều báo ở Hàng Châu nhận được bức thư kể rõ tội phản cách mạng của Bá Ngọc và nói việc hạ sát kẻ phản bội.

do lệnh của Kỳ ngoại hầu Cường Đê. Cuối bài báo, tác giả ký tên là « Một thanh niên Việt Nam ». Dĩ nhiên biết tác giả vụ này có Hồ Học Lãm và cụ Sào Nam nhất là sáng hôm sau Tân Anh mất tích ở Hàng Châu đề qua Đông Kinh báo cáo công việc lên cụ Cường.

Phản ứng của Pháp ?

Nhà đương cục Pháp ở Thượng Hải phái người xuống ngay Hàng Châu gặp Đốc quân Chiết giang Lư vĩnh Tường yêu cầu bắt hung phạm và dẫn độ tất cả những người Việt Nam đang tá túc ở đây. Là con người tuy thuộc loại quân phiệt nhưng biết trọng nghĩa khí, Lư liền trả lời văn tắt rằng : Hàng Châu không thuộc Tô giới Pháp hay là nơi Pháp được hưởng ngoại trị pháp quyền (*Extraterritoriality*) vậy không sao chiều ý Pháp được.

Rồi vụ ám sát Phan bá Ngọc chấm dứt : hung thủ không bị truy nã, thầy Ngọc không ai nhận, Cảnh sát Hàng Châu phải chôn giấu, trong túi y còn ba ngàn đồng bạc, cảnh sát giữ hộ đơi gia quyến đến lãnh nhưng không có ai đến cả.

(Tài liệu viết theo thiên phóng sự *Mười ngày ở Hương Cảng* của Lê Tâm Việt in trên Nhật báo Tự Do số 548 ngày 19-11-1956 do Trương Anh Mẫn tức Nguyễn Thượng Huyền kể).

CHƯƠNG V

VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

A.— Chủ thuyết, tổ chức và sinh hoạt

Tại Đông Nam Á mặc dầu Việt Nam đã thành một quốc gia độc lập ngót 10 thế kỷ liền, nhưng dân tộc của chúng ta do mối liên hệ bang giao, do vị trí gần gũi nên nước láng giềng Trung Quốc đã có nhiều ảnh hưởng đối với ta trên nhiều phương diện cả những ngày gần đây.

Cuối thế kỷ 19 chúng ta mất độc lập với thực dân Pháp thì Trung quốc cũng quản quai dưới chế độ của Mãn Thanh và điều tàn bởi sự xâm lấn liên tiếp của Liệt cường Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật bản v.v... sau nha chiến tranh (1842).

Cuộc chính biến Mậu Thân (1909), cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) đã là những phản ứng của Hoa tộc trước các nghịch cảnh kề trên đe giành lại chủ quyền quốc gia và đề xây dựng một chế độ cộng hòa theo trào lưu tiến hóa của thế giới hầu đối phó với các tham vọng của ngoại nhân

Sĩ phu Việt Nam đã thấy con đường đi của giới trí thức Trung Quốc là hợp tình, hợp cảnh nên sau khi đọc các sách báo của Khang hữu Vi, Lương Khải Siêu đã mở mắt nhìn về một chân trời mới.

Các cụ Phan bội Châu, Nguyễn thượng Hiền mở ra phong trào Đông Du cũng không ngoài mục đích của nhà lãnh tụ Trung Quốc là Tôn Dật Tiên, Hoàng Hưng, Hồ Hán Dân, Trần Anh Sĩ. Sái Ngạc

v.v... Việc 72 chiến sĩ Trung Quốc tuần tiết ở Hoàng Hoa Cương cũng kích thích rất mạnh các thanh niên Việt Nam thuở ấy trên con đường cách mạng.

Học thuyết của Tôn Văn qua chủ nghĩa Tam Dân (*Dân tộc, Dân sinh và Dân quyền*) được cha anh chúng ta tán thành, và hoan nghênh nhiệt liệt vì mục kích quá nhiều những thoái hóa của chế độ quân chủ, nó ngăn trở rất nhiều sự tiến bộ của quốc gia, nó chà đạp quá nhiều quyền lợi của Đại chúng và mỗi ngày gây thêm nhiều hiểm họa cho dân tộc trước sự cạnh tranh khùng khiếp của Liệt cường ngoài thế giới.

Nước Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 mất nước và thành nô lệ cho thực dân Pháp đã là một bằng chứng hùng hồn về sự thoái hóa của quân quyền và quan quyền và sự suy sụp của nhiều lần quốc Á Châu cũng không ra ngoài căn nguyên bị thảm kể trên.

Rồi vào năm 1927 cuộc Bắc phạt của cách mạng Trung quốc thành công, nền Đế chế và mọi mầm mống phản động ở xứ này bị tiêu diệt đã gây nên một tiếng dội lớn vào tâm hồn sĩ phu Việt Nam và mang lại nhiều khích lệ.

Giai cấp tư sản Việt nam thành hình. Từ năm 1925 các phong trào chánh trị các cuộc biểu tình đòi thả cụ Phan bội Châu, lễ truy điệu cụ Phan chu Trinh, cụ Lương văn Can...v.v... đã nêu được nhiều ý thức đấu tranh, nhưng chỉ là những làn sóng nổi. Trong khi đó các sách báo công khai và bí mật của các đảng phái, các hội kín đã tạo nên những làn sóng ngầm nhằm đá phá thành trì của Đế quốc. Rồi Việt Nam Quốc dân đảng xuất hiện dần lộ diện.

Lúc này ta đã thấy ở Việt Nam có hai đảng cách mạng là THANH NIÊN và TÂN VIỆT tuy ra đời trước Việt Nam quốc dân đảng nhưng lực lượng chưa có là bao nhiêu. Nhiều tầng lớp xã hội như phú nông, kỳ hào, địa chủ vẫn chưa có hình bóng trong các tổ chức bí mật này. Cũng nên nói rằng cho tới giờ phút đó những người làm

cách mạng hầu hết là những thanh niên tiểu tư sản còn đồng bào lao động (công, nông) chỉ là một thành phần hết sức hiếm hoi.

Những ngòi bút cổ động tinh thần ái quốc của Việt Nam quốc dân đảng buổi ấy đều ở Nam Đồng thư xã và Thực nghiệp dân báo.

Điều khiển hai cơ quan này là Mộng Tiên Phạm Tuấn Tài và Nhượng Tống Hoàng phạm Chân. Một thời ảnh hưởng của nhóm Nam đồng thư xã cũng khá mạnh trong dân tâm sĩ khí.

Về tư tưởng và hành động, người ta có lý lẽ nói rằng nhóm này có thể gọi là tín đồ của Tôn trung Sơn, người đã đề cao chủ nghĩa dân tộc cũng như K. Marx và Lénine đã chủ trương giai cấp đấu tranh và vô sản chuyên chính.

Tuy nhiên ba đảng có chỗ giống nhau là trong đảng cương đều đồng thời có một câu trọng tâm là. *Trước làm dân tộc cách mạng, sau làm Thế giới cách mạng*, Phải chăng ba đảng đã mô phỏng lẫn nhau trong khi thảo đảng cương?

Cái yếu của những nhà cách mạng quốc gia là sao nhãng những hình thức tuyên truyền và tranh đấu liên tục là những yếu tố hết sức cần thiết cho những cuộc vận động.

Ngày nay chúng ta có thể nói rằng *Nam đồng thư xã* đã là một cơ quan ngôn luận phôi thai của Việt Nam Quốc Dân Đảng và ở đoàn thể cách mạng thứ ba này sau hai đảng Thanh Niên và Tân Việt tuy thành phần giống nhau, tổ chức, đảng cương cũng không dị biệt là bao nhiêu nhưng chánh kiến có chỗ bất đồng quan trọng: Việt Nam Quốc Dân Đảng không chủ trương giai cấp đấu tranh mà muốn có sự hòa đồng giữa các tầng lớp xã hội.

Họ không tán thành chủ nghĩa cộng sản mà có hoài bão thực hiện một chủ nghĩa dân tộc, tuy rằng đảng Thanh Niên hay Tân Việt bấy giờ chưa có đường lối chánh trị cộng sản rõ ràng như ngày nay Riêng một hai kiến giải chánh yếu kê trên cũng đủ đầy mạnh các chiến sĩ của

Việt Nam Quốc Dân Đảng ra phía gần như đối lập với các tín đồ Mác Lê còn đang ẩn nấp sau một thể tranh tối tranh sáng.

Có người nghĩ lầm rằng Quốc Dân Đảng Việt Nam là một đảng quốc gia thì hẳn tụy nghĩa là bó hẹp trong phạm vi quốc gia và không đề cập gì đến vấn đề thế giới. Sự thực kim chỉ nam của VNQDD là «*Trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới*», nhưng làm cách mạng thế giới ra sao thì VNQDD trong những dòng cuối cùng của bản điều lệ chỉ nói tới một sự liên minh với các nước nhược tiểu để cùng làm cách mạng thế giới mà thôi.

Về mục đích và tôn chỉ thì có nói hẳn hoi là đảng chủ trương đánh đổ chế độ quân chủ và lập chế độ Cộng Hòa với sự thực hiện mọi quyền tự do dân chủ và tín ngưỡng.

Việt Nam Quốc Dân Đảng ra mắt chánh trường Việt Nam khởi đầu là một hội kín 10 người do Nguyễn thái Học sinh viên Cao đẳng thương mại và Nhượng Tống văn sĩ chủ trương gọi là Đệ nhất chi bộ. Sau đó Mộng Tiên Phạm tuần Tài được đại biểu Trung Hoa Quốc Dân Đảng ở Hà Nội là ông Hứa gia Ngũ đề nghị lập đảng phỏng theo khuôn mẫu của Quốc Dân Đảng Tàu. Ông Tài trình bày việc này với Nguyễn thái Học và được các anh em tán đồng vào cuối năm 1927 rồi Việt Nam Quốc Dân Đảng chính thức thành lập vào ngày 25-12-1927. Các sáng lập viên của đảng hầu hết là những người đã sáng lập ra *Nam Đồng thư xã* và một số người có cảm tình thuộc những nghề tự do : các ký giả, nhà văn, nhà thơ, sinh viên, công chức. Một số đã từng góp mặt ghi tên ở đảng *Việt Nam độc lập* ở bên Pháp hay đã ở đảng *Thanh Niên* trước đây, thêm vào đó là một ít người thuộc giới nông dân ở mấy miền Nam Trung Châu (Phủ Lý, Thái Bình, Nam Định v.v...)

Tổ chức— Về mặt tổ chức đảng chia ra ba thời kỳ.

a/— Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ kết nạp đảng viên, thiết lập các cơ sở nòng cốt.

b/— Thời kỳ thứ hai là thời kỳ bán công khai. Sau khi đã đặt xong căn bản, đảng tổ chức các đoàn thể quần chúng như công đoàn, binh



NGUYỄN - THÁI - HỌC



NGUYỄN THỊ GIANG



NGUYỄN - KHẮC - NHU



KỶ - CON

đoàn, nông đoàn, học sinh đoàn v.v.. Đề nâng cao dân tâm, sĩ khí, đảng phò biển sách báo đề tuyên truyền cho đảng. Đồng thời đảng gửi người đi ngoại quốc học tập quân sự, chế tạo vũ khí nhằm ứng dụng vào cuộc khởi nghĩa ở thời kỳ chót.

c/— Thời kỳ thứ ba là thời kỳ công khai tức là thời kỳ Tổng khởi nghĩa Đảng sẽ lập các đoàn quân cảm tử hợp sức với các đồng chí trong các hàng ngũ quân đội Pháp nổi dậy tại các thị trấn. Chỉ huy các đoàn cảm tử quân là những cán bộ đã được rèn luyện quân sự ở ngoại quốc về.

Tổ chức của đảng lấy Chi bộ làm đơn vị gốc, mỗi Chi bộ có từ 19 người trở xuống vì có sự hạn chế của chánh phủ thực dân, những cuộc hội họp trên 20 người bị coi là bất hợp pháp và cần phải có giấy phép. Trên Chi bộ là Huyện bộ, Phủ bộ rồi đến Tỉnh bộ. Tại các thành phố có Thành bộ. Ở mỗi xứ có Kỳ bộ và cơ quan tối cao thống suất cả ba kỳ là Tổng bộ.

Việc lãnh đạo được theo nguyên tắc dân chủ: chi bộ bầu lấy chi bộ trưởng và một đại biểu của Chi bộ.

Các đại biểu chi bộ họp thành Huyện bộ. Huyện bộ bầu một Huyện bộ trưởng và một đại biểu lên tỉnh bộ và cứ theo lẽ lối này bầu ra Kỳ bộ và Tổng bộ. Cấp nào từ Chi bộ lên tới Tổng bộ cũng không vượt quá con số 19.

Mỗi chi bộ có 4 ban :

- 1- Ban tổ chức
- 2- Ban tuyên truyền
- 3- Ban tài chính
- 4- Ban trinh sát

Ban tổ chức giữ việc thiết lập các buổi họp, xây dựng các dây liên hệ giữa các cơ quan của đảng Ban tài chính trông nom việc kinh tài, thấu tiền nguyệt liêm, tiền quyên trợ của đảng viên hay của

những người có cảm tình với cách mạng và quản trị ngân quỹ của đảng.

Ban tuyên truyền giữ việc quảng bá lý tưởng cách mạng để đưa người vào đảng. Ban trinh sát dò xét tình hình nội bộ và theo dõi hành tung của các đảng viên cùng các hành động của nguy quyền có tính cách nguy hại cho sự tiến triển của đảng.

Mỗi ban có một trưởng ban để chịu trách nhiệm với Chỉ bộ trưởng.

Từ chỉ bộ đến tỉnh bộ mỗi cấp đều có 4 ban như trên, nhưng ở Kỳ bộ và Tổng bộ tổ chức mở rộng hơn và gồm 8 ban như sau :

1/- Ban tuyên truyền huấn luyện chuyên cõ động cách mạng, huấn luyện đồng chí, lập nhà in để phổ biến các sách báo bí mật. Khi có điều kiện thì đặt cơ quan tuyên truyền cả ở nước ngoài.

2/- Ban tổ chức sắp đặt các cơ quan, các buổi hội họp quan trọng.

3/- Ban kinh tài giữ tiền bạc của đảng lo sinh lợi bằng đủ mọi cách, kê cả các cách mạo hiểm.

4/- Ban trinh sát dò xét đối phương và các đồng chí, nếu bắt gặp được những việc bội phản thì nêu ra đủ bằng cứ để ban tư pháp xét định.

5/- Ban Tư pháp chuyên nghiên cứu các việc phản đảng, phản cách mạng, vi phạm kỷ luật đảng.

6/- Ban ám sát thi hành các việc trừng phạt những kẻ làm hại đảng, kê cả bọn tay sai của thực dân gồm có bọn chó săn của Đế quốc và bọn quan lại phá hoại cách mạng cùng tham tàn đối với dân chúng.

7/- Ban quân sự tổ chức các đoàn cảm tử quân của đảng, chế tạo vũ khí, điều khiển các cuộc võ trang tranh đấu.

Việc tổ chức binh lính trong quân đội Pháp trước kia do chỉ bộ địa phương kết nạp lẫn lộn ; sau này vì sợ tiết lộ bí mật, đảng lập ra một ngành riêng cho những đảng viên nhà binh và đặt liên lạc cho ngành này giao dịch thẳng với Tổng bộ.

Nhưng nếu nơi nào có một số binh sĩ lẻ tẻ thì đảng cho sinh hoạt với các chi bộ bên ngoài.

8/- Ban Giám sát xem xét các công việc của Đảng qua mọi cấp bộ, mọi ngành từ trên xuống dưới.

Về phụ nữ, theo điều lệ của đảng, các nữ đồng chí có riêng chi bộ, sau đảng tổ chức ra những đoàn riêng cho phụ nữ ; tuy vậy một chi bộ phụ nữ đã tổ chức từ trước trong có hai cô Bắc và Giang thì đành để nguyên vẹn. Việc này do một vài tổ chức cách mạng thuở ấy đã gặp phải một vài việc không hay xảy ra giữa các đảng viên nam giới và nữ giới. Nhưng tới khi phát động cuộc Tổng khởi nghĩa thì đường phân ranh nam nữ được đương nhiên xóa bỏ.

Các đảng viên khi gia nhập đoàn thể phải thể hy sinh tuyệt đối cho cách mạng (tính mạng, tài sản) và không bao giờ thoát ly.

Nếu thoát ly phải chịu án tử hình. Còn si phạm vào các điều lầm lỗi thì phải chịu phê bình, cảnh cáo, khai trừ; cũng có khi phải tử hình. Người ta cho rằng kỷ luật của Việt Nam Quốc Dân Đảng có lẽ nặng hơn kỷ luật của các đảng cách mạng khác.

Trên lịch trình tổ chức của Việt Nam dân đảng khi còn ở giai đoạn phôi thai thì tại hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc giang có nhóm bao động của bọn ông xứ Nhu tức Nguyễn khắc Nhu là một nhà nho nhiều nhiệt huyết và có uy vọng lớn ở địa phương này. Ông Nhu có một số đồng chí vừa là binh sĩ trong quân đội Pháp vừa là dân chúng. Đây mới là một tổ chức sơ khai chưa có tánh cách một chánh đảng. Người ta gọi tổ chức này là *Việt Nam Dân quốc* do nó có chủ trương đuổi Pháp và lập nền dân quốc Việt Nam. Số người hưởng ứng ý chí cách mạng của ông Nhu cũng khá đông và trong khi *Việt Nam dân quốc* đang phát triển, cơ quan chế bom vì sơ suất đã gây tai nạn chết người. Âm mưu bạo động vì thế mà bị phát giác. Tuy nhiên hai nhân viên phụ trách là ông Đồ Cương và Quân Trác trốn thoát được nhưng một số người vì vụ này đã bị bắt, âm mưu bạo động tan vỡ. *Việt Nam quốc dân đảng* liền tìm đến Ông Nhu và khuyên mời gia nhập đảng. Ông Nhu nhận

lời, nhờ vậy Việt Nam quốc dân đảng có thế lực lớn ngay tại hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang.

Lúc này đảng đã có nhiều cơ sở ở các tỉnh miền Nam và Đông Nam Trung Châu như Thái Bình, Hải Dương, Kiến An, Hưng Yên, Nam Định v.v.. Ở các thành thị đảng có các đồng chí thuộc giới tư sản, trí thức, học sinh, sinh viên, công chức; ở thôn quê có các nhà hào phú, trung nông, tiểu nông (có tiếng Mạnh thường quân của đảng là ông Đặng đình Điền tức Hào Điền một địa chủ lớn ở Thái Bình. Ông này còn là một Nghị viên thuở ấy. Bên ông Hào Điền còn có một vị Tuần phủ xứ Mường thuộc tỉnh Hòa Bình tên là Phạm bá Rong. Ngoài các thành phần kể trên, đảng cũng thu nạp được một số công nhân và một số người thuộc các ngành thủ công nghiệp.

Tại Trung kỳ ngoài một số chi bộ ở Thanh Hóa, đảng chỉ có một số ít đồng chí ở mấy nơi như Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Thiết v.v... bởi ở đây hai đảng Thanh Niên và Tân Việt đang nắm được nhiều ưu thế.

Tại Nam kỳ đảng phát triển khá mạnh ở các tỉnh Gia Định, Thủ đầu Một, Trà Vinh, Bến Tre, Chợ Lớn, Vũng Tàu ngoài thành phố Sài Gòn. *Cường học thư xã* là trung tâm điềm của đảng.

Xét về thành phần xã hội, VNQDD thu hút được khá nhiều binh lính Việt Nam trong hàng ngũ của thực dân, đó là điều ta thấy trội hơn hẳn đối với đảng Thanh Niên và Tân Việt chưa có tổ chức này vì binh sĩ chưa được tuyên truyền mạnh. Trái lại VNQDD ngay sau khi thành lập đã kêu gọi anh em binh sĩ nên chẳng bao lâu đã có nhiều đồng chí lính khố đỏ, lính pháo thủ tại các tỉnh Hải Phòng, Kiến An rất hy sinh tận tụy.

Nhìn tổng quát về tổ chức của VNQDD ta phải nhận rằng Bắc kỳ là nơi phát sinh ra đảng nên đảng mạnh nhất ở đây, còn lực lượng chính của đảng là binh lính và nông dân, nhưng vai trò lãnh đạo thì do một số tư sản, tiểu tư sản và trí thức nắm giữ.

Sinh hoạt của đảng.— Đề tuyên truyền, đảng có tờ *Hồn cách mạng*, tờ báo duy nhất và là tờ báo bí mật trong giai đoạn đầu tiên sau khi sách báo công khai của *Nam đông thư xã* đã phổ biến được khá nhiều. Báo này in bằng thạch và số đầu ra được ít bữa (tới tháng 2-1929) thì đảng bị bại lộ, mặc dầu đảng đã giữ gìn rất kỹ. Nhưng chính bởi áp dụng triệt để nguyên tắc bí mật mà công cuộc tuyên truyền không mở rộng được nhiều như ý muốn.

Ảnh hưởng của một số bài thơ đề cò động lòng yêu nước, căm thù Đế quốc cũng đáng kể một phần nào, nhưng không đi sâu rộng lắm bởi việc này phải tùy tình thần dân chúng ở mỗi địa phương.

Việc huấn luyện của đảng cũng rất sơ sài, ngoài việc giải thích rất sơ lược chương trình, mục đích và điều lệ của đảng.

Việc đào tạo đảng viên cho đúng lẽ lối gần như không có, vì người ta không thấy đảng đưa ra một chương trình huấn luyện nào cả. Xét ra thành phần của đảng đã phức tạp lại thiếu một sự đào luyện thống nhất nên mỗi đảng viên quan niệm không đồng đều tôn chỉ của đảng.

Tỉ-dụ câu : «*Đảng chủ trương làm cách mạng dân tộc trước hết sau đó sẽ làm cách mạng thế giới*», thiếu sự minh định từ Trung ương nên người nặng đầu óc quốc tế đã nghĩ rằng Quốc tế là cứu cánh, cách mạng dân tộc là bước đầu. Con người thiên về quốc gia hiềm thế giới cách mạng theo quan niệm của Tô-đô trung Sơn là giúp các dân tộc nhược tiểu chống đế quốc và không có vấn đề liên hiệp với vô sản thế giới. Rồi tại Nam kỳ, đảng bộ chuyên chú kết nạp những phần tử có tinh thần quốc tế và chống đối gât gao chủ nghĩa quốc gia thuần túy.

Cường học thư xã trong cuốn «*Câu chuyện chung*» xuất bản công khai có câu : «*Trong lúc này nếu ai chỉ nói đến dân tộc cách mạng mà không đặt nó vào phạm vi thế giới cách mạng là chật hẹp, cũng như ai chỉ nói đến thế giới cách mạng mà quên dân tộc cách mạng là vu khoát*».

Rồi nạn phân biệt xảy ra ngay cả trong nhà giam tại Hòn Cau (ngoài Côn Sơn) giữa các đảng viên, trong đó có nhiều nhân viên của

Tổng bộ và Kỳ bộ Nam kỳ trong khi đem bản chương trình và điều lệ khởi thủy của đảng ra duyệt xét. Cuộc tranh luận ở đây rất là kịch liệt. Đa số đảng viên có mặt sau đó đã thông qua chủ trương trên đây là : «*Trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng*» có nghĩa là trừ bỏ những bất bình về kinh tế, về chánh trị và xã hội để mưu hạnh phúc cho người Việt Nam và thế giới».

Do thiếu sự rõ rệt về đường lối chánh trị, đảng bộ ở đây đã kết nạp cả một số người từng có mặt ở Mạc tư Khoa, tài liệu huấn luyện có cả những bài viết về «*chủ nghĩa Cộng sản sơ giải*» tức *ABC du Communisme* và *Công xã Paris v...*

Cũng vì quan điểm và tinh thần khác nhau về căn bản nạn bất đồng chánh kiến giữa các đảng viên là điều hết sức tai hại.

Thêm vào sự thiếu sót này là chương trình đầu tiên của đảng không đề ra việc kiến thiết quốc gia sau khi thấu hồi độc lập. Người ta chỉ nói đến việc thiết lập chế độ cộng hòa một cách hết sức vắn tắt, đây cũng thành một mối tranh luận giữa các đảng viên.

Cuối năm 1928 theo đề nghị của Nguyễn khắc Nhu, Tổng bộ VN QĐĐ dự thảo lại bản chương trình, điều lệ dài hơn bản trước và kỹ hơn trong đó có vạch ra chương trình kiến thiết quốc gia theo chế độ «*Dân chủ trực tiếp*» như Thụy Sĩ và chủ nghĩa của đảng gọi là chủ nghĩa xã hội dân chủ. Bản chương trình gửi đi các chi bộ để lấy quyết định lần chót thì cuộc khủng bố lần thứ nhất xảy ra phải đình lại.

Về tuyên truyền có điều đáng chú ý là đảng đã nhằm vào tầng lớp trí thức và tư sản tức sinh viên, công chức, quân sĩ, phụ nữ. Như vậy gần như không có đại chúng, nếu ta nghĩ đến Công, Nông là thành phần đông đảo nhất ở nước ta.

Năm 1928 Hội nghị đầu tiên của Tổng bộ VNQĐĐ họp tại làng Thè Giao sau Trường thè dục Hà nội gồm 40 đảng viên tham dự. Anh em biểu quyết bầu các ông dưới đây vào ban chỉ đạo Đảng :

- Nguyễn thái Học : Chủ tịch
- Nguyễn thế Nghiệp : Phó chủ tịch
- Nhượng Tống : Trưởng ban tuyên truyền
- Lê xuân Hy : Phó trưởng ban tuyên truyền
- Nguyễn ngọc Sơn : Trưởng ban ngoại giao
- Hồ văn Mịch : Phó trưởng ban Ngoại giao
- Nguyễn hữu Đạt và Hoàng Trác : Giám sát
- Đặng đình Điền và Đoàn mạnh Chế : Tài chính ban
- Hoàng văn Tùng : Âm sát ban
- Phó đức Chính và Lê văn Phúc : Ban tổ chức
- Trúc Khê Ngô văn Triện : Ủy viên tuyên truyền

Riêng Phạm tuấn Tài bị Pháp thuyên chuyển lên dạy học ở Tuyên Quang vì tình nghi tham dự vào việc xuất bản sách của Nam Đồng Thư Xã. Việc đầu tiên của Đảng sau Hội nghị là tuyên truyền thu nạp thêm đảng viên, gây quỹ và phái người sang Trung Hoa gặp anh em cách mạng hải ngoại và tháng 6-1928 Đảng trưởng Nguyễn thái-Học gửi sang Xiêm một phái đoàn gồm ba người có Nguyễn ngọc Sơn cầm đầu với Hồ văn Mịch, Phan Tiên tìm gặp Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội tính việc thống nhất nhưng cuộc nói chuyện không có kết quả do một phần VNTNCMĐCH khuyh tả thì khó cộng tác được với hữu phái. Có người nói rằng hai bên bất đồng ở điểm : Thanh Niên chủ trương đề Tổng bộ ở bên Tàu, Việt Nam Quốc dân đảng muốn đặt Tổng bộ ở trong nước, điều này xét ra không đúng lắm, thật ra chỉ chủ trương, đường lối mới quan trọng.

Việt Nam quốc dân đảng cử cả đại biểu vào Nam kỳ tiếp xúc với Nguyễn an Ninh và hai nhân vật của đảng Tân Việt là Trần nguyên Phủ và Nguyễn đình Kiên (tức Tú Kiên) sau khi hai người này ở Côn đảo về. Cuộc gặp gỡ cũng chẳng đi tới đâu hết.

Trong tháng 12-1928 Nguyễn Thái Học cho đặc phái viên là Chu Dương Bình sang Quảng tây điều đình với các nhà chức trách Trung quốc cho đóng binh ở biên giới để chuẩn bị cuộc Tổng khởi nghĩa cũng bị từ chối. Ông chỉ được cảm tình của một số lãnh tụ lục lâm ở đây.

Họ Nguyễn còn cho ông Đặng Đình Điền bí mật đến thăm viếng cụ Sào Nam lúc này bị giam lỏng ở bến Ngự (Huế) chỉ được cụ nhận làm Chủ tịch danh dự cho đảng mà thôi. Cụ còn khuyên anh em nên thận trọng do cụ đã trải qua nhiều kinh nghiệm bản thân trong suốt một đời làm cách mạng; ngoài ra cụ còn bằng lòng cho anh em in hình cụ bán lấy tiền sung quỹ.

B. — Việt Nam Quốc Dân Đảng bị bại lộ

Mặc dù VNQDD cố giữ gìn bí mật nhưng vào thực tế sự thiếu kinh nghiệm về tổ chức đã đưa dần đảng đến chỗ bại lộ. Lúc này tại Hà Nội đảng có lập ra một tiệm cơm Tây tại phố hàng Bông thợ nhuộm lấy tên là *Việt Nam Hotel*. Nơi này là chỗ tụ tập và liên lạc của các đảng viên gần xa, khách khứa ra vào đủ mặt và Việt Nam Hotel đã bị bọn mật thám của Pháp để ý theo dõi chờ ngày nắm hết tình hình của đảng sẽ ra tay. Bọn này có kẻ sau khi vào đảng rồi bị mua chuộc, có kẻ đã là mật thám rồi tìm cách chui vào đảng. Bọn gián điệp của thực dân lọt vào đảng không ít. Trừ danh là tên Bùi-tiến Mai lúc đó làm Thừa phái tại dinh Tổng đốc tỉnh Thái Bình đã khéo lấy được tin nhiệm của các đồng chí nên đã có lần được thay mặt ông Hào Điền làm đại biểu Thái Bình đi dự buổi hội nghị quan trọng của Tổng bộ.

Đầu năm 1929 sau vụ Bazin, Bùi tiến Mai bề ngoài là bị tình nghi phải bắt lên Hà nội. Y đã khai hết các đồng chí ở Thái Bình, Nam định, Ninh Bình sau được tha bổng và được bổ làm Tri Châu. Đảng cử Trịnh tam Tỉnh thuộc ban ám sát đi xử tử Mai vào trung tuần tháng 7 năm 1929 trên tàu thủy đi Thái Bình. Tỉnh gặp Phạm

đức Huân thuộc học sinh đoàn, hai giờ chiều ngày mồng 3-8 hai anh định về chơi làng Bùng rồi hôm sau sẽ thi hành bản án. Gần đến lối rẽ vào làng Thanh ban, Tĩnh trao súng cho Huân để đi đại tiện ; Huân táy máy thế nào làm nổ súng trúng sườn mình. Lúc đó vào khoảng bốn giờ ; bọn Phó lý vây ra bắt cả hai anh rồi giải về Hà Nội, được vài giờ sau thì Huân từ trần. Tình bị Tòa Án Đế nhị cấp Thái Bình kết án 10 năm cấm cố vào ngày 23-10-1929 Riêng ông Xuyên và Học thì bị xử khiếm diện khổ sai chung thân (thật ra Học và Xuyên là một) cho tới bảy giờ sở mật thám Pháp đường Gambetta (Hà-nội) đã hiểu rõ mọi chủ trương và kế hoạch bí mật của đảng kể cả những biên bản của các buổi họp thường lệ qua các báo cáo thường xuyên của lũ chó săn chim mồi. Chúng cứ để cho đảng hoạt động theo phương pháp « nuôi cho béo » rồi xập bầy sau thì chỉ một lần chúng nắm được hết cả bầy.

Lúc bảy giờ Đảng thành lập được 6 tháng mà đã có hàng ngàn đảng viên, thanh thế rất lớn nên việc dấu diếm sở Liêm Phóng Tây, xét ra cũng rất khó. Hơn nữa một số đảng viên lại còn cao hứng gần như là công khai hoạt động vì thấy đảng vẫn được yên ổn ; ngoài ra lại còn việc đáng tiếc là Nguyễn quốc Túy đảng viên Tân Việt do bất đồng ý kiến với Nhưộng Tống đã rải truyền đơn khắp các phố nói xấu ông này, lại còn dẫn nhau đến tòa soạn báo Thực Nghiệp cãi cọ với nhau thì tránh sao mật thám Tây chẳng đề ý. Vì những nguyên nhân trên, Pháp đã biết rõ địa chỉ, lý lịch của các nhân vật cao cấp của đảng nên chỉ chờ cơ hội thuận tiện là thộp cò tất cả ; dịp may đó là vụ ám sát Bazin xảy ra vào ngày mồng 9-2-1927.

Nội bộ VNQDD có bị chia rẽ chăng ?

Theo tài liệu tham khảo lịch sử Cách mạng Cận Đại Việt Nam tập 5, trang 45 Trần huy Liệu và Văn Tạo cho rằng trong hàng linh tụ của đảng có sự chia rẽ. Ông Nguyễn khắc Nhu và Nguyễn thái Học là người đứng tuổi rất trung thành với cách mạng, nhưng tư tưởng và hành động đều theo nền nếp cũ. Hai ông cầm đầu một phe. Còn phe kia có Nguyễn thế Nghiệp và một số đảng viên trẻ tuổi

làm việc có thủ đoạn nhưng không được đa số tín nhiệm. Bọn Nghiệp chê bọn Nhu, Học già nua, kém sáng kiến, bất tài. Bọn Nhu, Học thường bảo phe Nghiệp bất trắc (không thể lường được). Cuối năm 1928 đảng bầu lại Tổng bộ nhiệm kỳ 2, bọn Nghiệp bị gạt ra ngoài. Họ đề nghị cải tổ bộ máy Trung ương, chia bộ máy này ra làm hai cơ quan : Ban Tư pháp và ban Hành chính. Ban Tư pháp gồm có những đại biểu từ dưới bầu lên. Ban Hành chính sẽ lựa trong số người xét có tài năng. Kết quả là ông Nguyễn Khắc Nhu làm Trưởng ban Tư pháp. Nguyễn thế Nghiệp và bè lũ tự ứng nhiệm vào ban Hành chính rồi măm chia rẽ mỗi ngày một bành trướng. Nguyễn thế Nghiệp một mặt lo tổ chức một đảng khác, một mặt giao thiệp với mật thám Pháp để trừ khử phe đối lập. Phái Nhu, Học đã tính giao cho ban ám sát thanh toán bọn Nghiệp nhưng chưa kịp thì vụ Bazin bùng nổ.

Nguyên ủy của vụ Bazin ?

Như ta biết, thực dân Pháp đặt chân lên đất Nam Kỳ đã say mê miền này do các cánh đồng bát ngát mênh mông tha hồ vơ vét gạo lúa. Bề khác Nam Kỳ có nhiều vùng Cao Nguyên đất cát rất nhiều màu mỡ từ ngàn năm chưa ai trồng tía. Sau này chứng nghiệm cứu thấy vùng này trồng cây cao su có thể mang lại cho chúng những nguồn lợi lớn bất tận. Chúng gọi các vùng này (Vùng Biên Hòa, Thủ-đầu-một, Tây-ninh sang tới vùng Kompongcham, Kompong thom) là vùng đất đỏ. Chúng liền mộ các dân nghèo của hai xứ Trung, Bắc Kỳ vào làm đồn điền cho chúng. Mỗi người dân phu phải ký hợp đồng trong một kỳ hạn là ba năm với những lời hứa hẹn đẹp đẽ, nhưng sau khi họ đã xuống những tàu thủy trực chỉ miền Nam, những người dân xấu số này đã thành những kẻ nô lệ, những bầy súc vật dưới quyền điều khiển rất tàn ác của chúng. Hàng ngày họ phải làm tới 11 hay 12 giờ. Ốm đau họ ít được săn sóc. Mệt nhọc họ nghỉ tay thì bọn «*cấp đảng*» đánh đập chết là thường; do đó họ có đi mà ít kẻ trở lại được quê nhà.

Các đồn điền Phú Riềng, Chụp, Bến súc, Phước Hòa, Hớn quán,

Dầu Tiếng một thời đã nổi tiếng là mồ chôn những đám dân nghèo Trung, Bắc và cây cao su của thực dân đã được vun tưới bằng máu và nước mắt của họ. Vài tờ báo Pháp có tinh thần xã hội đối lập với bọn tư bản, tài phiệt thực dân như tờ *Journal d'opposition* bằng Pháp ngữ xuất bản ở Saigon tố cáo các công ty trồng cao su ở Nam Kỳ đã áp dụng những chính sách bóc lột nhân công quá đáng, cùng những cách đối xử rất dã man của bọn thầy chú ở các cơ sở này. Cũng nên nhắc rằng việc đi phu cao su đất đỏ ở Nam kỳ cũng như đi các nhượng địa Tân Guinée, Tân Calédonie, Hébrides đã làm tổn hại bao nhiêu sinh mạng của người Việt Nam. Sau vài năm, việc đi phu đã gây nên ấn tượng vô cùng khủng khiếp trong dân chúng. Các đảng cách mạng Việt Nam trước những sự kiện này đã không thể làm ngơ và đã áp dụng đủ mọi hình thức chống lại chế độ cao su đất đỏ. Riêng VNQDDĐ đã thi hành một biện pháp quyết liệt hơn cả là khủng bố tên trùm mộ phu người Pháp tên là Bazin. Sự việc đã diễn tiến như sau :

Vào khoảng 7 giờ tối hôm 30 Tết năm ấy (Kỷ Ty mùng 9-2-1957) Bazin vừa đi xe hơi về tới cổng nhà ở số 110 phố Huế thì có hai thanh niên đang đứng chờ y ở đó. Một người tiến đến đưa ra một mảnh giấy, một người nhân cơ hội bắn luôn Bazin bằng súng lục Bazin ngã gục liền, hai người kia tẩu thoát được.

Kẻ ám sát đó là đảng viên của Việt Nam quốc dân đảng thuộc quyền của Trưởng ban ám sát Nguyễn Văn Viễn đã được chỉ thị thi hành công tác này. Mảnh giấy đưa cho Bazin chẳng là bức thư hay gì khác hơn là bản án tử hình đề kết tội y đồng lõa với thực dân gây nên nhiều tội ác đối với dân nghèo Việt Nam. Sau cái chết của Bazin bọn thực dân Pháp nhất là những kẻ bóc lột mồ hôi, nước mắt của dân thuộc địa đã hết sức xúc động, Bọn mật thám Pháp thấy không thể kéo dài mãi kết hoạch «nuôi cho béo» nên phải ra tay, còn VNQDDĐ với việc bạo động trên đây do động cơ nào chúng ta sẽ bàn đến dưới đây. Rồi ngay sau vụ ám sát Bazin, Pháp tung bọn chó săn ra khắp nơi nhất là ở các thị trấn bắt được cán bộ của VNQDDĐ kể từ cấp Trung

ương xuống đến các cấp dưới rất nhiều trừ hai linh tụ tối cao là Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Nhu. Xin nhắc rằng trong số người bị bắt có nhiều anh em binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp.

Người tình nghi đầu tiên sau vụ Bazin bị Pháp bắt là Léon Sanh Hoàng Văn Tiếp học sinh trường Albert Sarraut (tức là ký giả Tế Xuyên của báo Đuốc nhà Nam hiện nay) vì trước đó ông đã từng phát truyền đơn chống việc mộ phu và bị mật thám tống giam. Ông bị bắt ngày mùng 3 Tết tức 12-9-1929 nhưng thật ra oan và mãi đến 8 tháng sau mới tìm ra được thủ phạm là một đảng viên VNQDD tên Nguyễn Văn Viễn người tỉnh Bắc Ninh. Viễn bị bắt do một tên phản đảng tố giác, đành phải thú nhận tội lỗi và diễn lại tấn kịch giết Bazin. Ngày hôm sau ông xé áo buộc vào song sắt nhà tù tự tử. Viễn đã chọn cái chết oanh liệt này để khỏi khai ra tên tuổi các anh em khác và bảo toàn bí mật đảng vì trước sau ông chỉ nhận là hành động với tư cách cá nhân. Thoạt đầu Pháp cho rằng đây là một việc cạnh tranh giữa các công ty mộ phu hoặc là hành động của một hội kín dù Viễn không khai. Mật thám Pháp khởi sự khám xét nhà riêng của các người tình nghi vào ngày 17-2-1929 và bắt rất nhiều người. Tòa soạn báo *Thực Nghiệp* bị khám từ 8 giờ sáng đến 11 giờ trưa; văn phòng chủ nhiệm và nhân viên tòa soạn bị niêm phong vì hôm đó là chủ nhật không có người làm việc. Tư gia của Mộng Tiên Phạm Tuấn Tài cũng bị xét và nhà trọ của Trúc Khê Ngô Văn Triện cũng chịu chung số phận. Riêng tại nhà Trúc Khê (số 196 đường Carton) Pháp lấy được nhiều tài liệu quan trọng vì Triện là Ủy viên Tuyên truyền VNQDD. Lúc này Nguyễn Thái Học và Ký Con chạy sang Gia Lâm Nhượng Tống vào Huế, còn Ngô Văn Triện vừa ở quê lên nghe tin bị động liền trở về. Hôm sau Triện được Học và Ký Con đón đi trốn nhưng một tháng sau thì Triện bị bắt; còn Nhượng Tống cũng rơi vào tay Thực dân tại tòa soạn báo *Tiếng Dân* ở Huế.

Vụ bắt bớ này làm cho hàng ngũ VNQDD tan rã trông thấy. Một Hội đồng đề hình được thiết lập tức thì do tên thực dân nổi tiếng là Brides chủ tọa (Brides khi đó đã là một Công sứ có tiếng

phục vụ lâu năm ở thuộc địa này và rất thông thạo các vấn đề Việt Nam. Y tàn ác đến nỗi người ta đã đặt ra ca dao : *Nhất Bít, nhì Ke, tam Ma, tứ Đạc* (1)

Ngày 3-7-1929 Hội đồng này tuyên xử 80 án tù từ 20 năm trở xuống đến 2 năm. Đào Hưng, Nhượng Tống : 10 năm lưu đày Nguyễn thế Nghiệp. Nguyễn triệu Luật, Trúc Khê và 19 người khác : 2 năm tù treo. Nguyễn thái Học và Nguyễn khắc Nhu dĩ nhiên mang cái án nặng nhất (20 năm cấm cố) hưởng hồ họ lại vắng mặt. Trong số người này còn có một số đảng viên Tân Việt và VNTNCMĐCH.

Phụ chú :

Vào tháng sau Mật thám Pháp cũng khám phá ra nhiều chi bộ của Đảng tại Nam Kỳ trong đó có chi bộ lính khố đỏ ở Biên Hòa. Xin nhắc rằng ở Bắc Kỳ binh lính Việt Nam tại Hà Nội và Hải phòng cũng sa lưới rất nhiều.

Nguyên nhân đã thúc đẩy cuộc bạo động của Việt Nam Quốc dân đảng này xét ra là sàu vụ ám sát Bazin. Hệ thống của đảng bị đứt tan tành khiến các lãnh tụ là ông Nguyễn thái Học và Nguyễn khắc Nhu đã phải nghĩ rằng cơ đồ không thể bảo vệ được nữa đành phải ra tay may ra còn thâu lượm được kết quả tốt đẹp về một phương diện nào. Hai ông còn tính một cách tiêu cực là võ trang chống Pháp nếu không thành công thì cũng thành nhân, đó là một ý niệm của kẻ sĩ trong Nho học (sát thân thành nhân) nghĩa là giết mình để làm điều nhân, còn hơn cùng nhau bó tay để rơi mình vào tay địch. Mà rơi vào tay địch thì sống cũng như chết và rất có thể bị địch xử chém thà đánh một trận cuối cùng, có thua cũng gây được một tiếng vang đến hậu thế còn lợi ích hơn.

(1) Câu này đề chỉ Brides, Ecker, De Lamarre và Darles, là những Công sứ đầu tiên của Pháp ở Đông dương đã bị người Việt chúng ta mệnh danh là «Tứ hung».

Sau khi Hội đồng Đề Hình bẻ mặc, những đảng viên thường được thả ra đem về quản thúc tại sinh quán. Vào thực tế Pháp đã ném đá dẫu tay nghĩa là đọi các thanh niên về đến quê nhà thì bắt đưa họ ra tòa. Nam Án ở các tỉnh do Công sứ làm chủ tịch rồi những người này bị kết án về tội lập hội kín khuynh đảo chính quyền. Xét ra việc thả thanh niên cách mạng Việt ra chỉ là một biện pháp trấn an dư luận bởi Hội đồng Đề Hình đã làm quá nhiều án tù. Lúc này hai ông Học, Nhu chưa bị bắt là nhờ chỗ hai ông đi giám sát nội tình đảng ở các tỉnh. Khi được tin Pháp lùng bắt, hai ông kịp thời trốn thoát.

Việc xử án 80 nhà Cách mạng vừa chấm dứt, Quốc dân đảng vẫn tiếp tục bạo động và vào tháng 10-1929 xảy ra vụ ám sát Nguyễn Văn Kinh tại vườn Bách thảo Hà nội. Nguyễn sau khi Nguyễn thái Học trốn thoát, Pháp cố công lùng bắt ông, cho in hình ông và ông Nhu phân phát đi khắp nơi, treo giải thưởng và ban phẩm hàm cho kẻ nào bắt được hai vị lãnh đạo VNQDD. Đề lừa sở Liêm Phóng ông Học cho phao tin ông trốn sang Tàu, ông viết một bức thư đánh máy viết bằng quốc ngữ mới (một loại chữ Việt kiểu Văn Nam hay viết) rồi đưa cho Nguyễn Văn Kinh mang từ biên giới về. Ông dặn Kinh phải làm một việc gì để cho mật thám đề ý bắt và khám phá ra bức thư. Bức thư lấy địa chỉ ở Quảng Châu viết ngày 25-4-1929 với nội dung gồm những mệnh lệnh của ông Học ở hải ngoại gửi về cho anh em quốc nội. Ông Học dùng kế này để đánh lạc hướng việc theo dõi của Pháp nhưng «*mu sự tại nhân, thành sự tại thiên*»: Kinh quả nhiên bị bắt giải về Hà nội và bị Brides hăm dọa; quá sợ sệt Kinh khai tuốt, lại còn sót sáng tỏ luôn những nơi ông Học hay đi lại làm cho ông bị bắt hụt mấy lần, và còn chỉ điểm cả các cơ quan bí mật của Đảng. Tội của Kinh như thế không sao tha thứ được nên Tòa Án Cách Mạng do Xứ Nhu chủ tọa tuyên án xử tử và giao việc giết Kinh cho Ký Con, trưởng ban ám sát của VNQDD. Theo lệnh của Ký Con, Trần đức Chính dụ Kinh đi hát cô đầu, rồi rủ vào vườn Bách Thảo nói chuyện. Ký Con đến nơi rút súng bắn vào đầu, Kinh chết tốt; còn Chính thì cầm dao đâm vào ngực tên phản đảng rồi đề nguyên lưỡi dao cắm ngập vào tim sau đó Ký Con lại móc ví của Kinh

ra nhét bản án gồm 4 chữ như sau : «*Không giữ lời thề*» và đút ví vào túi như cũ leo lên xe đạp đi mất. Sau khi Kính chết sở Liêm Phóng lùng bắt Kỳ Con và Nguyễn đức Lung vì hai người này đã bị Kính tố cáo thuộc ban Âm sát.

Đã vậy trong giai đoạn này lại xảy ra vụ ám sát Thị Uyển và Thị Nhu. Pháp nghị Lung là thủ phạm. Thực ra Nhu, Uyển đã bị người của đảng Thanh niên bắt ở Hải Phòng trong khi sở mật thám Pháp giao cho họ nhiệm vụ đi lùng bắt các ông Nhu, Học, một bị bắn chết, một bị thương.

Báo chí thuở đó đã không thấu đáo những bí ẩn trong vụ Cách mạng hạ sát Thị Nhu và Thị Uyển, nay theo sự truy cứu của chúng tôi với một số lãnh tụ của đảng Thanh Niên đã trở về vùng quốc gia thì nguyên ủy của vụ này cần được hiểu như sau :

Trước khi xảy ra vụ ám sát Nguyễn văn Kính, có hai chị em ruột tên Trịnh thị Nhu và Trịnh thị Uyển là đảng viên Việt Nam. Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội bị bắt và đưa ra cho Hội đồng Đề Hình xét xử. Muốn gỡ tội cho bản thân mình và cho người anh trai (cũng là đảng viên Thanh Niên), cả hai xin Brides tha và hứa sẽ bắt Nguyễn thái Học để đền công chuộc tội. Hai cô xuống Thái hà ấp thăm người anh họ (và cũng là đồng chí) là Mai Ngọc Thiệu tức Cả Sâm. Nhu, Uyển nhờ Sâm chỉ dùm nơi cư ngụ của ông Học và được Sâm nhận giúp. Ngày 30-5-1929 nhân việc Dương Hạc Đính (một lãnh tụ VNTNCMĐCH) đến thăm, Cả Sâm báo tin này cho Đính. Đính cười rồi bảo : Sáng hôm sau Đính sẽ cho người chở hai cô ra Hải phòng để kiếm ông Học. Sau khi xe quay về, một người được cử dẫn hai cô đi kiếm nhà và dùng xe kéo qua cầu Bonnal.

Tại đây đã có một người hướng đạo đi xe đạp đợi để dẫn hai cô đi. Người này đánh lừa bảo Thị Nhu và Thị Uyển đi chơi đi rồi bày giờ rười tối anh ta sẽ đến đón. Hai cô tin thật bỏ đi thăm bố tu ở một ngôi chùa tại bến Hải Phòng. Hai cô ăn uống xong rồi mới

đến nơi hẹn. Hai cô vừa vào Ngõ Nghè thì một người hiện ra và nổ súng. Uyên bị thương ở ngực chết ngay còn Nhu què chân nhưng thoát chết. Bên cạnh hai cô này là một bản án cách mạng đề ngày 28-5-1929 ký tên « Bắc kỳ ám sát ban »

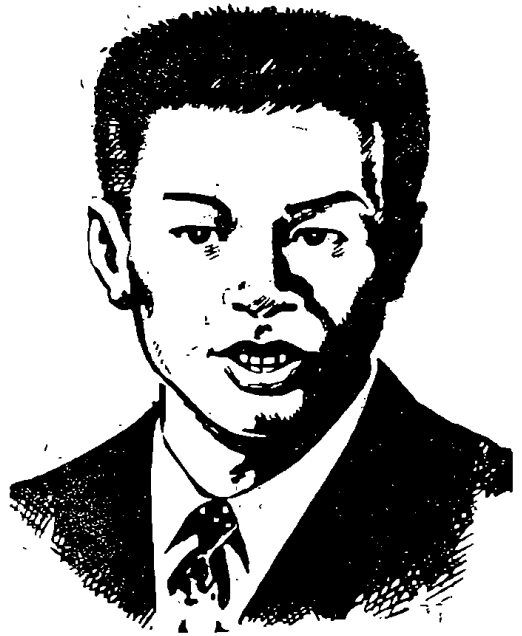
Tuy nhiên chúng ta còn thấy có một giả thuyết khác do Trần thành Đạt đưa ra về vụ Thị Nhu Thị Uyên như sau : Sau khi Bazin bị hạ (2-1927) Brides chủ tịch Hội đồng Đề Hình bắt được Trúc Khê Ngõ văn Triện là bạn thân của Nguyễn Thái Học. Y dùng đủ mọi thủ đoạn đề thuyết phục Trúc Khê viết thư gọi ông Học và Xứ Nhu ra đầu thú và hứa tha bổng tất cả các đảng viên cao cấp còn những người khác thì kêu án treo. Ngõ văn Triện nhẹ dạ tin theo và bằng lòng viết bức thư kêu gọi Học từ bỏ bạo lực quay về sẽ được tha bổng cũng như các anh em khác. Cùng lúc Brides bắt được cả Chiêm (tức Trịnh đình Chiêm) anh của Thị Nhu và Thị Uyên, bạn thân với cô Bắc cô Giang. Y liền giao cho hai cô nhiệm vụ trao bức thư của Trúc Khê cho Nguyễn Thái Học, nếu hai cô bằng lòng thì Cả Chiêm được tha Hai cô nhớ trước lúc còn hoạt động chính trị thường liên lạc với ông Điền Hải Nguyễn Danh Đới là cháu bà Lương ngọc Quyển nên nhờ bà Quyển chỉ dùm nhà Dương hạc Đình một lãnh tụ VNTNCMĐCH Nhưng bà Quyển bảo chỉ biết, địa chỉ của Cả Sâm Mai ngọc Thiệu ở Thái Hà ấp là người phụ trách Bắc Kỳ bộ của VNINCMDCH. Tám giờ tối 29-5-1929 Cả Sâm triệu tập các Ủy viên Kỳ bộ Bắc kỳ họp bí mật ở trường Thề dục Hà nội gồm có Tạ đình Tấn, Nguyễn văn Sắc, Trịnh Đình Cửu, Đỗ ngọc Du. Cả Sâm nói vừa có sự tiếp xúc với Nhu, Uyên và trình bày với Hội Nghị việc hai cô này xin trốn sang Quảng Châu để khỏi mang tội phản quốc và được mọi người chấp thuận. Kỳ bộ cử Đỗ ngọc Du mang huấn lệnh xuống cho Nguyễn đức Cảnh đề Cảnh kiểm chỗ ở cần thận cho hai cô trước khi xuất dương. Đặng ngọc Minh được lệnh đợi hai cô ở nhà Đẩu Xảo Hà nội ngày 31-5-1929 và cùng đi với hai cô xuống Hải phòng Khi đến Hải phòng nếu gặp thanh niên nào rút khăn mũi xoa ra rữa ba lần thì giao hai cô cho người này dẫn về Tỉnh bộ VNTNCMĐCH. Công việc tiến hành trôi chảy và cả ba đều gặp



TẠ - THU - THẦU



NGUYỄN - AN - NINH



PHẠM - HỒNG - THÁI



ĐỘI CUNG

phái viên của Tỉnh bộ Hải phòng ; người này hẹn hai cô 7g30 tối đến Ngõ Nghè y sẽ dẫn đi. Đúng hẹn hai cô đến Ngõ Nghè thì cô Uyên bị bắn chết còn cô Nhu bị què chân. Sau đó cô Nhu bị Brides bắt lên tra hỏi ; cô khai man là có đến gặp Cả Sâm nhưng Sâm mắc bệnh nên hai cô đi tìm Dương hạc Đính hỏi chỗ ở của cô Bắc, cô Giang. Hai ngày sau thì hai cô gặp một thanh niên xưng là phái viên của Đính dẫn hai cô lên Hải Phòng và giao cho một người khách hẹn ở Ngõ Nghè, rồi án mạng xảy ra. Brides liền cho người bắt Dương hạc Đính nhưng lúc đó Đính đi Tàu chưa về ; Brides bắt được Cả Sâm. Tỉnh cờ vào tháng chạp 1929, Nguyễn Tuấn tức Kim Tôn ra đầu thú với Pháp và khai chính y đã ra lệnh cho Hồ ngọc Lân giết hai cô. Trong khi ở tù biết mình thế nào cũng bị xử tử, Lân thổ lộ sự thật ra cho một người bạn tù như sau : Ngày 30-5-1929 Đỗ ngọc Du xuống Hải Phòng trao cho Nguyễn đức Cảnh tờ huấn lệnh tìm chỗ ở cho Nhu, Uyên đợi tàu qua Hương Cảng. Cảnh liền cho triệu tập Tỉnh bộ gồm 3 người : Nguyễn đức Cảnh, chị Nguyễn thị Vinh, Nguyễn tường Loan, thêm Quốc Anh, Kim Tôn, Sỹ Quyết từ Tàu về. Quốc Anh đứng dậy tuyên bố Hội nghị Hồng Kong đã quyết nghị giải tán đảng Thanh niên để lập đảng Cộng Sản và y đã được trao sứ mạng này. Bàn về vụ Nhu, Uyên. Đỗ ngọc Du bảo tốt hơn hết là nên thủ tiêu Nhu, Uyên cho khỏi rắc rối, Kim Tôn, Sỹ Quyết, Quốc Anh cũng hứa theo và được sự chấp thuận của Cảnh sau đó họ cử Trần tổ Lang đi đón hai cô ở Hải phòng còn Hồ ngọc Lân thì hành việc ám sát. Cuối năm 1930 Pháp bắt được Cảnh nhưng không khai thác được gì ; qua tháng 6-1931, Đỗ ngọc Du và Dương hạc Đính bị bắt ở Thượng Hải. Về nước Du đổ hết tội cho Đính và bảo Đính chủ mưu dù lúc xảy ra án mạng Đính còn ở Tàu để theo dõi Hội nghị Hồng Kong (1-5-1929). Tháng chạp 1931, Hội Đồng Đề Hình do Bouchet chủ tọa tuyên án như sau :

- Tử hình : Nguyễn đức Cảnh - Hồ ngọc Lân.
- Khô sai chung thân : Đỗ ngọc Du, Dương hạc Đính
- Phát lưu chung thân : Nguyễn thị Vinh, Lê thị Chắt (vợ Đỗ ngọc Du).

Brides chưa hết giận còn lên tiếng dọa các đảng viên VNQDĐ rằng nếu việc bạo động ở bên ngoài tiếp tục những người đang bị giam sẽ phải xử bắn hết.

Giữa cuộc khủng hoảng này, một hội nghị đã được triệu tập tại Lạc-đạo vào tháng 9-1929 (là một địa phương trên con đường Hà-nội Hải-phòng. Tại đây có một trạm xe lửa gọi là ga Lạc-đạo) Hội nghị quyết định một kế hoạch cấp thời đối phó với thực dân như sau :

— Nguyễn thái Học đánh đồn Phả Lại và sau khi thành công sẽ chia quân ra làm hai; một đạo đánh về Ninh bình, Hà Nam, Nam định, Thái bình, Hải dương, Ninh giang, một đạo đánh về Bắc ninh, Đáp cầu, Lạng sơn.

— Xứ Nhu giữ việc đánh Sơn Tây, Hưng Hóa, Phú Thọ, Phúc Yên, Vinh Yên, Lào Cai, Yên Bái.

— Giáo Giản (Vũ Hồng Khanh) đánh Hải Phòng, Kiến An, Quảng Yên, Móng Cáy.

— Đoàn trần Nghiệp, Nguyễn văn Nho, Lương ngọc Tồn đánh Hà nội, Hà Đông và chiếm trường bay Bạch Mai (do Đội Dương phụ trách).

— Việc khởi nghĩa được quyết định khởi sự vào ngày 10-11-1929.

Phe bạo động có các ông Nhu, Học chủ trương ra tay ngay với Pháp. Phe cải tổ có Lê hữu Cảnh và Trần văn Huân dựa vào chương trình của đảng chưa qua thời kỳ thứ nhất, bác bỏ việc đốt giai đoạn và yêu cầu bảo toàn cán bộ, đồng thời đòi hỏi một sự cải tổ đảng và thiết lập lại các đường dây đã bị đứt sau vụ Bazin.

Hai ông Nhu, Học và các ông Lê hữu Cảnh, Nguyễn xuân Huân. Nguyễn tấn Quất cho rằng không bạo động thì không cứu vãn được sự tan vỡ và việc bạo động là vấn đề cấp thiết. Lập trường của đôi bên đối nghịch như vậy nên không sao có đi đến chỗ dung hòa được. Hai ông Nhu, Học có khi đã dùng đến tư thế lãnh tụ đề uy hiếp Hội nghị và một đảng viên phe cải tổ suýt bị bắn trong cuộc tranh luận. Rút cục một trận đánh liều mạng đã được quyết định.

C. — Cuộc khởi của Việt Nam Quốc Dân Đảng được chuẩn bị thế nào ?

Cho tới trước thời kỳ Việt Nam quốc dân đảng mở cuộc Tổng khởi nghĩa đảng đã có nhiều sự lúng túng nội bộ quan trọng và những sự khó khăn không giải quyết nổi :

a) Đảng chưa có cơ sở mạnh ở khắp ba Kỳ như ta đã thấy. Ở Trung kỳ thì đảng hầu chỉ có một chút vang bóng. Ở Nam kỳ đảng còn đang ở vào tình trạng phôi thai, đã vậy mấy yếu nhân của đảng là Trần Huy Liệu, Võ công Tôn, Nguyễn phương Thảo, Nguyễn Bình v.v... đã bị bắt với một số chỉ bộ nhà binh thì còn gì đáng kể nữa ? Với tình trạng này đảng bắt tay vào việc khởi nghĩa thì thật là quá sớm và có thể nói đây là một cuộc « Cao Biền dậy non » nhất là đảng vừa bị khủng bố, bắt bớ, tan rã một cách đáng ngại.

b) Liên lạc giữa các đảng viên bị đứt quãng, thực lực của đảng càng bị sút kém thêm. Rút cục thực lực của đảng chỉ có vòn vẹn ở mấy đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và ở mấy căn cứ quân sự của giặc như Sơn Tây, Phả Lại v.v... Như vậy có thể nói rằng bấy giờ Đảng là một « cô đảo giữa Đại dương » đề công khai chống nhau với địch đã có một thực lực, một tổ chức rất chu đáo từ lâu năm.

c) Vấn đề nhân sự đã quá yếu lại tới vấn đề tài chính gần như không có gì đáng kể. Cho đến bấy giờ Đảng sống về nguyệt liêm của các đảng viên, nếu cần tiền hơn thì đi quyền góp, như vậy thực lực tài chính khiến ai cũng thấy rõ là hết sức mỏng manh. Tới khi chuẩn bị khởi nghĩa đảng phải cho thi hành các việc ăn cướp và tống tiền các nhà giàu có bởi đảng cần rất nhiều tiền. Các báo thời đó thường loan nhiều tin cướp bóc giữa thành phố, chặn đánh các xe chở hàng và hành khách trên các trục giao thông, việc gửi thư tống tiền các nhà phú hào v.v... Cổ nhiều đảng dùng tiền vào việc nghĩa nhưng phương pháp làm tiền này lại còn bị một vài đồng chí kém tư cách lạm dụng càng làm cho đảng mất nhiều uy tín,

d) Tại một vài cơ quan chế bom ở Mỹ Điện (Bắc Giang) và Nội Viên (Bắc Ninh) có những vụ rồ chết người do sơ ý, ngay cả vài chỗ chôn bom cũng bị phát giác càng gây thêm sự lúng túng cho đảng vì bọn do thám của thực dân càng được tung ra nhiều hơn bao giờ hết.

Một việc nữa hết sức quan trọng là sự phản bội của Nguyễn thành Dương tức Đội Dương tại Vĩng La suýt làm chết và bị bắt nhiều đảng viên cao cấp.

Ngày 25 tháng chạp năm 1929, Đảng nhóm một hội nghị quân sự tại làng này (Vĩng La). Trong các ủy viên quân sự có Nguyễn thành Dương (Đội Dương) là một sinh viên trường Cao đẳng Y học đi lính lâu năm cho Pháp Dương nguyên là bạn học của Nguyễn thái Học, năm 1927 đóng đồn tại chùa Thông (Sơn Tây). Học cần lập những tiêu tổ trong quân đội nên thân nhận Dương vào đảng, ngược lại Dương tỏ ra hết lòng và đã thành công trong việc tổ chức nội công. Sau này phục vụ tại trường bay Bạch Mai, Dương được chỉ định vào công tác đánh căn cứ này một khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ.

Khoảng tháng 9-1929 VNQDDĐ định khởi nghĩa vào tháng 10 và giao việc đánh Hà Nội cho Ký Con, Nguyễn văn Nho (em ông Học) và Lương ngọc Tôn tức Kim Tôn. Riêng Nguyễn thành Dương được chỉ định đánh căn cứ Bạch Mai vì Dương lúc đó được đổi về làm đội trưởng tại phi trường này. Dương chôn được 700 quả bom bằng xi-măng quanh vùng để sửa soạn cho việc tấn công sân bay, giáo Du, cha của Dương biết chuyện này và bắt Dương ra thú tội với Tây. Thế là 700 quả bom bị đào lên, cơ sở chế bom ở số 7 đường Vĩnh Hồ bị khám xét (1).

(1) Ngày 20-11-1929, 67 quả bom giấu trong một cái chum ở Pháo Tân bị khám phá. Một tháng sau ngày 23-12-1929 mật thám Pháp tìm được 2 lu bom gồm 84 quả tại Nội Viên, xưởng chế bom ở làng Đông Kỳ cũng bị bại lộ, những blén cổ này làm trì hoãn nhật-kỷ khởi nghĩa đến mùng 10-2-1930. Cuối tháng 1-1930, hai cơ quan chế bom ở Sơn Tây và Bắc Giang cũng bị phát giác.

Dương phản đảng, đến nay người ta chưa rõ Dương có là gián điệp của Pháp trước khi gia nhập đảng hay sau này Dương thấy đảng không còn có màu thành công mới sinh lòng phản trắc; hoặc y thấy cuộc bạo động sắp xảy ra có nhiều tánh chất phiêu lưu nên kiếm kế thoát thân trước, hoặc y nghe lời cha mà xoay ra phá hoại đảng theo chỉ thị của Pháp.

Trước khi vào họp, y bố trí một số mật thám, do Cầm Riner cầm đầu, bí mật bao vây làng Võng La (1), đồng thời y báo trước cho Hội nghị biết để cho phép y mang theo hai đồng chí chi bộ Bạch Mai đến dự lấy cơ đề lãnh kế hoạch làm việc.

Hai đồng chí này không ai khác hơn là hai tên chó săn của địch phái đến tiếp tay cho Dương.

Vào Hội nghị người ta thấy có đủ nhân vật quan trọng: Nguyễn thái Học, Nguyễn khắc Nhu, Phó đức Chính, Nguyễn văn Khôi, Phạm quang Phú (chồng cô Bắc), Nguyễn văn Liên và Cô Giang v.v... Ông Nhu làm chủ tịch buổi họp vừa khai hội thì bọn Dương theo lối bờ sông tiến tới rút súng bắn vào chủ tịch và các ủy viên. Mọi người hoảng hốt bỏ chạy loạn xạ. Ông Nhu lăn ra giả chết, Phó đức Chính bị thương ở chân. Tiếng la hét ầm ĩ khiến các vệ sĩ chạy đến tiếp cứu. Cũng lúc này bọn mật thám ập vào để bắt các nhà cách mạng. Chúng bắt dân làng tập họp lại để kiểm soát nhưng chẳng tìm ra được ai vì trong lúc lộn xộn các ủy viên đã cải trang và trốn thoát hết ra ngoài đồng. Riêng Phó đức Chính bị thương không chạy kịp đã được một người đàn bà mới để dấu vào một đờ rơm cũng không bị bắt.

(1) Làng Võng La là một làng thuộc tổng Hạ Bi, huyện Thanh Thủy ở ven sông Đà thuộc tỉnh Phú Thọ. Đây là một sào huyệt quan trọng nhất của Đảng vì người trong làng hầu hết là đảng viên. Đảng chọn nơi này làm chỗ họp vì đáng tin cậy hơn cả. Thật ra Dương không hề biết làng này, sau được Vũ đình Phú, một đảng viên tiết lộ là Võng La, một làng cách mạng, được bố trí rất cẩn thận, canh gác ngày đêm chỉ có một lối vào duy nhất, nơi không có ai gác là lối bờ sông, vậy nếu có bắt Học thì đón ở lối này.

Sau việc phản bội của Dương, Tòa án cách mạng nhóm họp tại nhà Ngọc Tĩnh tại Vinh Yên do Song Khê chủ tọa tuyên án xử tử bố con Đội Dương. Bản án được giao cho Nguyễn Văn Nho, Triệu, Quế, Tư thi hành.

Ngày 23-1-1930, đúng 11 giờ trưa thì Phạm Huy Du tức giáo Du 56 tuổi, giáo viên trường bờ sông (*Quai Clémenceau*) trong lúc đi xe kéo về số 35 đường Hồng Phúc (Hà Nội) gần đến nhà thì bị Nguyễn Văn Nho bắn chết; còn giáo Phú kẻ a-tòng với Dương thì bị giết tại Vinh Báo (Hải Dương) vào giữa tháng 2 năm 1930 sau khi cách mạng khởi nghĩa.

Ngoài ra, Đoàn Trần Nghiệp tức Ký Con, Trưởng ban ám sát của đảng đã bắn thủng ruột Đội Dương tại phố Đường Thành (Rue de la citadelle) Hà Nội, nhưng y không chết nhờ sự tận tâm cứu chữa của Pháp. Y được gửi sang Ba Lê để điều trị sau này được về làm thanh tra mật thám (khi Việt Minh lên nắm chính quyền y bị bắt và bị giết tại Châu Yên Lập tỉnh Phú Thọ. Tại tỉnh này Dương có một đồn điền chè và cà-phê thuộc huyện Hạ Hòa. Việc trừng phạt xảy ra vào cuối năm 1945). Còn làng Vông La do đã ủng hộ cách mạng nên bị Pháp khủng bố rất dữ. Làng bị triệt hạ bằng chất nổ, các lũy tre, các nhà lớn bị san phẳng, nhiều người dân bị cầm tù.

Kề từ hội nghị Vông La bị vỡ lở Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính đã thật sự thành những cái đinh trong mắt của thực dân Pháp. Chúng không còn coi thường lực lượng của *Việt Nam Quốc Dân Đảng* tuy nó mong manh nhưng nếu không bóp nghẹt nó trong trứng nước thì hậu quả về tinh thần, về chính trị cũng sẽ không biết thế nào mà lường được. Lịch sử của dân tộc này từng cho ngoại quốc biết vào những thời bị trị dân Việt bao giờ cũng chỉ có một sự phục tùng quân thống trị nhất thời mà thôi. Ngọn lửa tranh đấu luôn luôn cháy âm ỉ trong lòng họ, hễ được gió là bốc mạnh Phải tránh cho ngọn lửa đó gặp gió, còn việc đàn áp càng nhiều càng làm cho cây cách mạng thêm nảy ngành xanh ngọn. Cuối thế kỷ trước đây viên đại úy thực dân Gosselin từng đánh Đông dẹp Bắc từ Trung

ra Bắc đã có nhận xét rất xác đáng về tinh thần anh dũng của dân tộc chúng ta như trên đã nói.

Chính phủ thực dân gia công theo dõi V.N Q.D.Đ. và nhân dân Việt Nam lúc này cũng hồi hộp chờ đợi một biến cố lớn lao sắp xảy ra trên đất nước này.

Những công văn mật, những do thám truy tìm các chiến sĩ cách mạng được tung ra khắp nơi. Tuy vậy các ông Học, Nhu vẫn không sa lưới nhờ ở sự ủng hộ của đồng bào nhất là các đồng bào thôn quê kể từ các kỳ hào trở xuống. Nhưng trước tình thế nghiêm trọng thuở ấy cuộc bạo động càng chậm lại thì năng lực bạo động rất có thể bị suy giảm vì các đảng viên vẫn lác đác rơi vào tay địch, các ô cách mạng vẫn thỉnh thoảng bị khám phá.

Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Nhu lúc này cũng coi bạo động chỉ là một lối thoát hơn tin tưởng công cuộc của mình sẽ thành công chẳng nhiều thì ít. Ông Học bấy giờ phụ trách cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh Hải Phòng, Kiến An, Hải Dương, Phả Lại v.v... Ông Nhu phát động đấu tranh ở các tỉnh Trung Du như Yên Bái, Phú Thọ v.v. Ông Phó Đức Chính lãnh đạo cuộc tấn công vào chùa Thông và Đại bản doanh của quân đội Pháp ở Sơn Tây.

D. — Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng

1) Tại Yên Bái (9-2-1930) :

Yên Bái là một căn cứ quân sự quan trọng của Pháp khi cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng bùng nổ mặc dầu nó còn thua Sơn Tây, Phả Lại... Pháp có đồn khố xanh và 4 cơ lính khố đỏ : cơ thứ 5 và cơ thứ 6 đóng ở đồn dưới. Cơ thứ 7 và thứ 8 đóng ở đồn cao trên ngọn đồi bên cạnh sông Thao. Chỉ huy căn cứ này là Thiếu tá Tacon.

Binh lính Việt Nam ở đây đã có một số khá đông gia nhập V.N Q.D.Đ. sau cuộc thao diễn của quân Pháp ở Sơn Tây, nữ cán bộ của

đang là cô Nguyễn Thị Giang và cô Nguyễn Thị Bắc người đã đeo danh vợ hải cai Thuyết đến ở ngay trong trại để tuyên truyền và lập được một chi bộ do ông Quán Cầm, đội Trinh, cai Hoàng tức Ngô Hải Hoàng người Nghệ An trước thuộc chi bộ Tuyên Quang, cai Thuyết v.v... điều khiển. Tuy nhiên có lẽ do thời gian khởi nghĩa còn xa nên việc tuyên truyền chưa lan sang bên trại khổ xanh và trại này mới chỉ có sự hứa hẹn là khi bên trại khổ đỏ nổi dậy họ sẽ hưởng ứng theo. Tại các vùng lân cận tỉnh-ly, Đảng chưa có tổ chức quần chúng. Theo điều dự định chi bộ Xuân Lũng (làng Xuân Lũng tỉnh Phú Thọ), có nhiệm vụ cộng tác với chi bộ nhà binh ở Yên Bái.

Nhật kỳ khởi nghĩa trước đó đã định nhưng gặp nhiều trở ngại nên đã hoãn đi hoãn lại mấy lần (1). Sau chót Đảng hẹn ngày 9-2-1930 sẽ khởi cuộc Tổng công kích nhưng tới ngày ông Học lại yêu cầu ông Nhu hoãn đến 15-2 nhưng liên lạc viên bị bắt giữa đường nên bị lỗi hẹn. Ông Nhu cứ theo hạn kỳ cuối cùng đề khởi sự.

Rồi nhiều việc bất ngờ đã xảy ra: tại Yên Bái trước ngày cách mạng bùng nổ ông Quán Cầm là người giữ vai trò chỉ huy bị thổ huyết phải về Hà Nội chữa bệnh (có người nói ông Cầm đau thực, có người cho rằng ông trốn trách nhiệm, chỉ biết rằng sau khi được tin cuộc khởi nghĩa thất bại ông đã tự vẫn ngay trong bệnh viện). Nguyễn Văn Khôi tức Thanh Giang và Trần Văn Liên được cử thay ông. Hai ông này không phải quân nhân.

(1) Ngày 06-02-1930 Đảng cử người báo tin cho anh em rõ việc khởi nghĩa được hoãn vô hạn định, Xứ Nhu bèn cử Thanh Giang Nguyễn Văn Khôi đạp xe lên Yên Bái loan tin này cho các đảng viên quân nhân. Anh em lúc đã đã sẵn sàng, được tin này vô cùng bất mãn vì việc khởi nghĩa đã bị đình ba lần rồi, Thanh Giang bèn hẹn ngày đánh là đêm 09-02-1930 rạng 10-02-1930. Trước cuộc Tổng khởi nghĩa ít ngày cô Giang có trao cho ông Học một truyền đơn do Đông dương Cộng sản tung ra ở nhiều nơi tố cáo VNQDĐ sắp nổi lên ở Bắc Kỳ nhưng ông Học không tin.

Sắp đến ngày khởi nghĩa là Tết Nguyên đán. Đền Tuân Quán gần tỉnh lỵ mở hội linh đình, người đi lễ ra vào tấp nập, nhờ vậy nhiều đảng viên từ Xuân Lũng (Phú Thọ) dưới quyền Đặng Văn Hợp và Bùi Tư Toàn chiều hôm 9-2 do chuyển xe hỏa đã đổ bộ vào Yên Bái mang theo khí giới giấu trong hành lý, bom đạn được quàng bánh phủ lên nên qua được mặt bọn mật thám. Lúc này các binh lính ra xem hội cũng đông, việc tiếp xúc giữa các đảng viên được thuận tiện. Các nữ đồng chí thì giả làm người buôn bán gánh bom vào trại gia binh, đem theo cả cờ và băng.

Sở mật thám Pháp đường Gambetta (Hà Nội) được báo tin về cuộc khởi nghĩa của V.N.Q.D.Đ. sẽ phát động vào dịp Tết đã thông tư đi các nơi đề trừ liệu các biện pháp an ninh. Tại Yên Bái Tacon thấy nhiều người tụ tập đã bắn súng thị oai nhưng vẫn không ngờ. Chiều hôm ấy 40 người vừa binh sĩ vừa thường dân họp tại Đồi sơn bên tỉnh lỵ nhưng không khí hội nghị không có sự hào hứng và có người đã nêu ra ý hoãn ngày khởi nghĩa. Tức thì một người đã rút súng ra bắn chỉ thiên đề cảnh cáo. Trong buổi họp này Phó Đức Chính đứng ra diễn thuyết và phát khí giới cho các đội viên y theo kế hoạch, đêm hôm đó khi có hiệu kèn tắt đèn một số nghĩa quân đã lọt được vào trại lính và vào một giờ đêm cuộc bạo động bắt đầu, toán thứ nhất phối hợp với lính khổ đở chiếm trại lính ở đồn dưới (có hai cơ lính thứ 5 và thứ 6) vào giết bọn sĩ quan tại buồng riêng và đoạt vũ khí.

Toán thứ hai cũng tổ chức như trên đánh lên đồn cao. Toán thứ ba đánh thẳng vào nhà bọn sĩ quan ở giữa hai đồn. Nghĩa quân có dao găm, súng lục và bom. Họ gõ cửa nói có lệnh của Tacon rồi nhân lúc bất ngờ hạ thủ được quan ba Jourdain, quan một Robert ngay tại chỗ. Quan ba Gainza và Thiếu úy Reul bị trọng thương.

Tại đồn cao hai sĩ quan Damour, Bouhier kẻ bị bắn, người bị đâm nhiều nhát chết tức. Hai tên Renaudet và Rolland bị thương nặng. Sáu

lính khố đỏ chống cự lại nghĩa quân cũng bị giết. Riêng với một hạ sĩ quan da đen, hai nghĩa quân không thành công và bị giết cả.

Tai hại hơn hết là người lính bồi của Tacon phụ trách việc hạ sát tên này không đến gần được vì khi Tacon nghe thấy tiếng nổ trên đồn cao đã kịp đề phòng rồi thủ thế trong một hầm trú ẩn.

Ở đồn dưới, sau khi đắc thắng VNQDD đọc bài hịch khởi nghĩa và cuối cùng là 4 khẩu hiệu :

« Đuổi giặc Pháp về nước Pháp !

« Dem nước Nam trả người Nam !

« Cho trăm họ khỏi làm than !

« Được thêm phần hạnh phúc !

Cờ nửa vàng nửa đỏ được treo cao ở một vài cơ quan do nghĩa quân chiếm xong và có cuộc diễn thuyết ở nhiều khu phố hô hào nhân dân ứng nghĩa.

Tuy vậy một ít binh lính ở đồn này chạy thoát lên đồn cao và binh lính của đồn cao vẫn cố thủ dưới sự chỉ huy của Tacon. Có lần bọn này định đánh xuống nhưng bị nghĩa quân đẩy lui và ngược lại, nghĩa quân cũng ồ ạt tấn công lên mấy lần nhưng bị đánh bật xuống. Tại trại lính khố xanh, binh lính ở đây nghe tin nghĩa quân không hạ được Tacon, không chiếm được đồn cao nên tuy có hứa hẹn vẫn không dám hưởng ứng mà còn bắn lại.

Rồi cuộc công đồn bị ngừng, các người chỉ huy đâm hoảng hốt vì thấy không làm chủ được tình thế như đã định, nhất là địch vẫn giữ được đồn cao, là một vị trí chiến lược quan trọng và lợi hại hết sức, đã vậy nghĩa quân vẫn không hạ được tên tướng địch là Tacon. Còn tên này thì lính khố đỏ vẫn chưa dám theo cách mạng.

Nguyễn Văn Khôi và Trần Văn Liên lần lượt rút lui. Quân không tướng như rắn không đầu, tinh thần nghĩa quân tan rã trông thấy ngay cả ở những chiến sĩ hăng hái nhất như Nguyễn Văn Thuyết, Ngô Hải

Hoàng. Những tiếng súng bắn lẻ tẻ gần như băng quơ càng như báo tin cho địch rõ tình trạng bi thảm này.

Về gần sáng Tacon nhận thấy nghĩa quân đang tan rã liền bố trí phản công. Y tập hợp cơ thứ tám và một phần của cơ thứ bảy đã chạy về được chia làm 3 đội: một do quan ba Roccas và đội thứ ba do đội trưởng Olivier chỉ huy hiệp nhau mở cuộc bao vây và đánh vào đồn dưới nhưng không có sự trả lời về phía nghĩa quân. Sau 15 phút đồn này bị chiếm lại, nghĩa quân đã rút ra khỏi Thị-xã. Mấy giờ sau địch mới dám trèo lên hạ cờ trên nóc nhà viên Quản đạo, nhà viên Tri huyện và mấy cơ sở khác. Tính ra cuộc cách mạng kéo dài được gần một đêm, hạ được 2 sĩ quan, 3 hạ sĩ quan và 6 cai cùng lính khố đỏ thu được 2 liên thanh, 12 súng trường và kéo được 8 lính khố đỏ đi theo. Địch bắt của cách mạng 4 cai và 22 lính khố đỏ tình nghi và 25 thường dân hầu hết có bị thương nhiều ít. Chúng xử bắn ngay tại chỗ một số cai và lính chúng biết đích xác đã dự vào cuộc bạo động.

2) *Tại Hưng Hóa và Lâm Thao*: Theo kế hoạch của ông Nguyễn Khắc Nhu vị tổng chỉ huy ở đây cũng nổi dậy một lúc với Yên Bái, nghĩa quân sẽ đánh Lâm Thao (Phú Thọ) và Hưng Hóa bằng 3 đạo quân rồi tập trung ở cả Hưng Hóa theo lối Trung Hà tiến đến đồn Thông (Sơn Tây). Ở địa phương này có quân của Phó đức Chính làm nòng cốt.

Nghĩa quân của ông Nhu gồm có các đồng chí ở các phủ Thanh Ba, huyện Cẩm Khê, huyện Tam Nông, phủ Lâm Thao v.v... Trực tiếp chỉ huy ở Lâm Thao là ông Phạm Nhận tức Đồ Đức, khí giới chỉ là một số giáo mác và bom. Cũng đêm hôm ấy (9-2-1930) nghĩa quân ở

(1) Bom hồi ấy chế bằng quả bóng đèn bên trong nhồi thuốc nổ sau đó được bọc ngoài bằng một lớp xi măng. Trước khi khởi nghĩa bom bị chôn nên ẩm ướt thường không nổ.

mấy phủ huyện lân cận kéo đến đánh đồn Hưng Hóa sau khi tập hợp xong ở một địa điểm kế cận. Một việc bất ngờ bởi thiếu sự chuẩn bị, một toán quân đã không tới được địa điểm tập trung do không có đò qua sông Hồng Hà. Kế đi tìm thuyền liền bỏ trốn nên đến sáng toán quân này đành phải tự động giải tán. Ông Nguyễn khắc Nhu chờ đến gần sáng không thấy gì phải mở cuộc công đồn vào 4 giờ sáng ngày 11-2-1930.

Đồn Hưng Hóa có một đồn trưởng người Pháp còn lính hết thầy là lính khố xanh, nhưng bọn này chưa được tuyên truyền và tổ chức. Do sự trạng này quân khởi nghĩa đến vây đồn đọc lời hịch kêu gọi lính khố xanh quay súng giết giặc không có hiệu quả. Bấy giờ đồn trưởng chưa hiểu thực lực của nghĩa quân nên hạ lệnh cho *binh lính rút hết lên pháo đài để tự vệ*. Nghĩa quân thấy lính trong đồn không hưởng ứng liền ném bom vào phá cổng, một số bom có nổ nhưng không đủ sức phá hoại cũng như không đủ sức giết quân địch. Ban đầu lính trên đồn cũng do cảm tình với cách mạng đã bắn chỉ thiên sau bị đồn trưởng la hét họ phải bắn thật sự, nghĩa quân phải rút bỏ lại một số bom, cờ và phù hiệu v.v..

3. *Tại Lâm Thao* : Sự đánh chiếm ở phủ này lúc đầu ít bị đất hơn. Toán quân của Ông Phạm Nhận xông vào phủ thì tri phủ Đỗ kim Ngọc đã bỏ chạy trước rồi, chỉ còn một Cai cơ và 7 tên lính trú, chúng sợ quá vội rút lên lô cốt không hàng mà cũng không đánh lại.

Quân cách mạng vào đốt hết các hồ sơ giấy má. Trong lúc này toán quân thất bại bên Hưng Hóa cũng vừa tới. Thấy nghĩa quân được tiếp viện bọn lính cơ hoảng sợ phải xin hàng. Phủ này bị hoàn toàn rơi vào tay quân cách mạng. Ít giờ sau tên Phó sứ Phú Thọ là Chauvet đi xe hơi tới nơi với một số lính Cuộc xung đột đã xảy ra. Một nghĩa quân tử trận. Ông Phạm Nhận và 4 chiến sĩ bị bắt. Ông Nguyễn khắc Nhu bị thương ở chân sau cũng bị rơi vào tay địch. Ông cán lưới chết trên đường giải về tỉnh-ly. Trận này rất nhiều anh em bị bắt còn 10 người tử trận.

Vì nghĩa quân ở Hưng Hóa và Lâm Thao thất bại, quân của Phó Đức Chính ở đồn Thông bị cô lập và yếu thế nên không phát động được. Ít ngày sau Phó Đức Chính cũng bị bắt tại nhà một đồng chí là Quán Trang.

4. *Hà Nội và các tỉnh Đông Nam Bắc Kỳ* : Tổng bộ đã định mặc dù thực lực của đảng không đủ để nổi dậy tại Thủ đô nhưng vẫn phải có một phần nào hoạt động để hưởng ứng với phong trào bạo động ở các tỉnh để tăng uy thế cho cách mạng nên cử Kỳ Con (Đoàn Trần Nghiệp), Nguyễn Văn Nho và Lương Ngọc Tồn phụ trách việc khởi nghĩa. Sự kiện này còn cần đề kim hãm một phần nào quân đội Pháp khiến chúng không hoàn toàn rảnh tay đi cứu viện các nơi xa.

Từ chập tối mùng 9-2-1930 hàng trăm đội viên tiên y, mỗi người mang theo một con dao găm và 4 quả bom xi măng đứng phân tán ở ga từ đường Hàng Cỏ Nhưng một việc bất ngờ xảy ra : lúc trước anh em đợi tin tức từ Yên Bái xuống là hành động luôn, nhưng trận đánh Yên Bái bắt đầu từ 1 giờ đêm 10-2-1929 nên dự định khởi nghĩa ở Hà Nội ngày 9-2 bất thành.

Tại Hà Nội, một sự thiệt: thời trông thấy cho Đảng là do đội Dương làm phản, chỉ bộ trưởng bay Bạch Mai bị tan vỡ nên căn cứ lợi hại này không phá được. Nếu căn cứ này bị hủy hoại hẳn tiếng vang của nó có lẽ cũng gây được nhiều ảnh hưởng tốt đẹp. Lúc 9g tối 10-2-1930 được tin nghĩa quân Yên Bái đã khởi nghĩa, anh em cách mạng Hà Nội họp tại nhà ông Đào Tiến Tường, số 14 Hàng Giấy và Kỳ Con chỉ còn biết cho người đi ném bom vào mấy nơi trong thành phố như sở Liêm phóng đường Gambetta, sở Cẩm phố hàng Đậu, hàng Trống, cắt các đường dây thép Hà Hội, chẳng ích lợi được bao nhiêu và việc hư trương thanh thế cũng không công hiệu mấy. Công tác này do một số học sinh trường kỹ nghệ Hà Nội phụ trách cùng với một số đoàn viên của đảng là Nguyễn Văn Liên, Nguyễn Duy Xứng, Nguyễn Minh Luận, Nguyễn Quang Triệu, Nguyễn Bá Tâm vào đêm 10-2. Một lính gác cầu Long Biên bị bắn và bị thương ở đùi. Tóm lại sự thiệt hại cho đế quốc không đáng kể lắm. Tuy vậy Pháp cũng đã đặt ra nhiều biện pháp đề phòng.

A) *Tại Vĩnh Bảo ngày 15-1-1930.* Việc khởi nghĩa ở miền xuôi Bắc kỳ do ông Nguyễn Thái Học phụ trách. Trọng tâm của nó là Hải Phòng, một thị trấn và là một Hải cảng lớn của xứ Bắc nhưng dễ đánh chiếm nơi này nghĩa quân phải dồn lực lượng ở các nơi đến. Như ta thấy lực lượng của V.N.Q.D.Đ không mạnh và không đều nên ở nơi nào có dư lực lượng mới có việc đánh chiếm nơi ấy, còn nơi nào không có thực lực thì phải chờ lấy quân ở các vùng khác và một khi việc tiếp ứng bị ngăn trở thì kế hoạch đổ vỡ trông thấy.

Trên bản đồ của cuộc khởi nghĩa, ngoài Hải Phòng còn Phụ Dực, Vĩnh Bảo, Ninh Giang, Hải Dương, Phả Lại, Kiến An. Quân cách mạng đánh chiếm xong Phụ Dực và Vĩnh Bảo rồi kéo xuống chiếm đồn Ninh Giang. Quân vùng Hải Dương đánh xong tỉnh lỵ thì tràn qua Phả Lại. Sau khi thành công ở các địa điểm này, nghĩa quân tập trung lại hợp với nghĩa quân Kiến An đánh Kiến An rồi xuống Hải Phòng.

Xét ra chương trình của hai ông Nguyễn Khắc Nhu và Nguyễn Thái Học giống nhau chỉ khác là cuộc khởi nghĩa ở miền xuôi đã lui lại một tuần do không bắt được liên lạc.

Ở huyện Vĩnh Bảo, tại làng Cồ Am lực lượng của *Việt Nam Quốc Dân Đảng* có một chi bộ khá mạnh do Trần quang Diệu cháu Tuần phủ Trần Mỹ cầm đầu. Sự hăng hái của dân chúng ở đây còn được tăng gia một phần do sự căm hờn về số lớn ruộng đất đã bị thực dân chiếm. Mấy lần Pháp cho người về đo đạc ruộng đất, cắm mốc phân ranh bị dân làng đuổi đánh. Tri huyện địa phương là Hoàng gia Mô (con Hoàng mạnh Trí, cháu Hoàng cao Khải) là một tham quan và đã lả tay sai mãn cán của Đế quốc bị dân chúng rất ghét, ngoài ra y còn phạm lỗi lầm tai hại nhất là dùng con quan tuần phủ Trần Mỹ là Trần quang Diệu làm mật báo viên.

Lúc này cuộc khởi nghĩa của Yên Bái đã bùng nổ, thực dân giới nghiêm tại mấy thành phố và ra lệnh cho các nơi đề phòng. Một làn không khí khó thở bao trùm khắp chốn. Tri huyện Mô luôn luôn chạy

đi chạy lại tới đồn Ninh Giang đề báo cáo và xin chỉ thị. Các chiến sĩ bàn dụ Hoàng gia Mô ra ngoài đề bắt rồi chiếm huyện sau. Lấy tư cách là một nhân viên dưới quyền (lúc đó ông Diệu làm trưởng bạ), chiều 15-02-1930 ông Diệu đến trình Hoàng gia Mô rằng quân cách mạng đang họp tại Cồ-am, nhưng Mô không dám khinh xuất, hơn nữa lúc đó trong huyện chỉ còn 4 tên lính cơ mà y đã phái ba tên theo Diệu sang Cồ Am nên vội vàng đi xe hơi lên báo đồn Ninh Giang và xin phái thêm lính đề giữ Huyện. Mưu kế này thất bại vì bọn lính cơ được dẫn đến ngôi chùa mà Diệu báo là nơi hội họp của nghĩa quân. Khi Diệu vừa vào xong thì anh em vội ném bom ra làm tên thư ký chỉ huy ba tên lính cơ hoảng vía ra lệnh cho đồng bọn rút lui. Huyện lúc đó bỏ trống nên nghĩa quân khoảng 30. người kéo vào treo cờ.

Chiều hôm ấy, Mô vẫn phải về huyện và chỉ lấy thêm được 4 tên lính khố xanh có súng. Khi về gần đến nhà bọn lính đi xe hơi còn Mô thì đi xe kéo đề nghe ngóng tình hình và được tin quân cách mạng lưng bắt y. Mô đề phòng trước, cởi khăn đóng áo dài, đầu bài ngà và mặc quần áo nâu, đầu đội nón lá, nhưng y không ngờ là anh em đã cho 10 người đi phục kích dọc đường Ninh Giang, Vĩnh Bảo. Xe vừa đến nơi khoảng 9 giờ tối thì bị ném bom, lũ khố xanh và tài xế bỏ chạy. Riêng Mô đi xe kéo đến nơi thấy xe bị ném bom vội bỏ chạy rồi chui vào một đồng rơm ở một quán hàng thuộc phố huyện.

Sáng ngày 16, dân chúng liền lôi y ra bắt y quỳ xuống nghe đọc bản án và kết tội hại dân, hại nước. Đọc xong bản án này người ta giết ngay Mô và ném xác xuống sông. Sau đó nghĩa quân vào chiếm huyện, đốt hết công văn sớ sách và từng đoàn dân chúng đến chào mừng chính quyền mới rất là vui vẻ.

Nhưng trong khi nghĩa quân chờ việc tập trung lực lượng đi đánh đồn Ninh Giang thì máy bay của Pháp đến thám thính rồi 5 chiếc ào tới ném bom xuống làng Cồ Am. Địch còn xạ lục bắt các nhà cách mạng. Một số dân bị thương, ông Trần quang Diệu và một số đồng đảng viên bị bắt. Sau ông cùng 4 chiến sĩ bị xử tử và làng Cồ Am bị triệt hạ, một gốc tre cũng không còn.

B) *Tình hình tại Phụ Dực* : Cùng ngày do ông Đào Văn Thê (tức Giáo Thê) điều khiển một toán quân đánh chiếm huyện Phụ Dực không bị một sức kháng cự nào. Nghĩa quân trước hết khi giới của lính, đốt hết sổ sách rồi kéo ra ngoài đóng chờ lệnh phối hợp với nghĩa quân Vĩnh Bảo đề cùng đi tấn công Ninh Giang. Nhưng ít giờ sau nghe tin nghĩa quân Vĩnh Bảo bị địch đánh tan, nghĩa quân Phụ Dực tự giải tán.

C) *Tình hình Hải Dương, Phả Lại và Kiến An* : Tại các thị trấn này tuy V.N.Q D.Đ có sự chuẩn bị (1) nhưng chưa đặt được tổ chức trong hàng ngũ binh lính Pháp. Mọi sự đều chỉ trông vào dân quân mà thôi. Luôn mấy đêm sau ngày 15-2 nhiều đoàn nghĩa quân đã dùng đường sông tới Hải Dương và Phả Lại. Nhưng vì thiếu sót tin tức, tổ chức không phương pháp và việc chỉ huy lại quá kém nên nghĩa quân chưa làm được gì đáng kể. Trong khi đó địch phái lính Lê Dương đến tăng cường cho Phả Lại và bủa lưới vây bắt các đảng viên cách mạng ở Hải Dương ngay sau khi việc Vĩnh Bảo được phát động. Rốt cục cuộc khởi nghĩa tại hai địa phương này bị dập tắt ngay trong lúc đang nhen nhúm.

Ở Kiến An trong lực lượng cách mạng khá hùng hậu do Giáo Giảng chỉ huy một số kỳ hào, một số nhà giàu có dự vào việc của đảng. Một chi bộ pháo binh lại tinh lý cũng đã được tổ chức. Nhưng vì nhật kỳ khởi nghĩa sửa đi sửa lại mấy lần, mệnh lệnh không thống nhất, thêm vào đó việc đánh Hải Dương, Phả Lại không thành vì thế việc mưu đánh Hải Phòng cũng buông xuôi. Một số cấp chỉ huy và binh lính bị sa vào lưới giặc.

(1) Hội nghị Lạc Đạo đầu tháng 9-1929 cử Nguyễn Thái Học chỉ huy đánh Phả Lại. Sau khi chiếm được đồn sẽ chia quân ra hai cánh: một đánh Bắc Ninh, Đáp Cầu, Lạng Sơn; một đánh Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam.

Ít ngày sau Tổng chỉ huy là Nguyễn Thái Học cùng một đồng chí thân tín là Sư Trạch cũng bị bắt trên một con đường đi qua làng Cồ Vịt, thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. Kẻ bắt hai ông là bọn tuần phiên ở đây (1)

Điềm lại các dự định đã có trong kế hoạch Tổng khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng chúng ta thấy một sự thất bại hoàn toàn và đau đớn đáng rơi nước mắt

Sự thất bại đó đã không thể tránh được như ta thấy do : a) Nhân sự chưa được tổ chức, chưa được huấn luyện chu đáo và cũng chưa có gốc rễ trong nhân dân. b) Việc phòng gian bảo mật quá sơ khoáng nên

(1) Ngày 20-2-1930, vào 8g sáng, 6 người phu mỏ vai vác đòn gánh tiến vào ấp Cồ Vịt gần đồn Chi Ngãi tỉnh Hải Dương. Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái Pháp đề phòng khám xét lung tung nên khi mấy người này tiến vào ấp liền bị lũ phu tuần chặn lại hỏi giấy thuế thân. Chỉ bốn người trước đưa giấy, còn hai người theo sau lững thững bỏ đi và bị lính tuần rượt theo; Hai người này liền ném bom và bị bọn chúng bắn trúng chân ngã xuống rồi trối lại. Bốn người phu kia bèn tung bom rồi bỏ chạy; Hai người bị bắt là Sư Trạch và Nguyễn Thái Học. Tên Tây chủ đồn điền Cồ Vịt đem ảnh ông Học ra đối chiếu với hai người bị bắt, thấy giống bèn đích thân cưỡi ngựa dẫn cả hai lên đồn Chi Ngãi, tại đây hai ông được giải về Hà Nội. Tới khám, ông Học được một lũ tay sai thực dân trong số có Tổng đốc Hoàng Trọng Phu chủ Hoàng Gia Mô, và vài mục dầm đến chiêm ngưỡng dung nhan.

Phu hỏi ông Học :

— Sao lúc ở ấp Cồ Vịt, thầy sẵn khí giới trong tay không giết bọn tuần phiên đi mà lại chịu bị bắt?

Học khẳng khái đáp :

— Khí giới trong tay tôi là để giết bọn tham quan ở lại, bán nước hại dân, nữ nào tôi lại giết những người vô tội?

những Việt gian lọt được vào nội bộ. c) Tờ chức kinh tài hầu như không có nên không đủ tiền bạc để cung cấp cho nhu cầu cách mạng (Nhưng biện pháp đánh cướp, tổng tiền đã là những phương thức tiêu cực rất bất lợi vì thất nhân tâm...)

d) Kế hoạch tổng công kích để quốc là cả một sự vội vã tuy có ít nhiều lý do, nhưng thà không có cuộc tổng khởi nghĩa Đảng-bộ còn được bảo toàn một phần nào hơn là cứ phát động cuộc khởi nghĩa trong những điều kiện nghèo nàn, quần bách.

Kết quả của cuộc khởi nghĩa phải kể là lợi bất cập hại và vì sự thất bại này Đảng đã đi đến chỗ hoàn toàn tan rã. Tuy nhiên cuộc thất bại này cũng đã gây được một dư âm vào lòng quốc dân, nhờ vậy quần chúng Việt Nam nuôi thêm sự căm thù đế quốc và càng không bao giờ quên chánh sách bóc lột và đàn áp dã man của chúng...

Ngày 17-6-1930 mười ba yếu nhân VNQDD (1) lên đoạn đầu đài tại Yên Bái vào một buổi tinh sương rất là anh dũng khiến cho mọi người

(1) Mười ba yếu nhân này là : Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Bùi Tư Toàn, Đào Văn Nhật, Nguyễn Văn Tiềm, Hà Văn Lao, Bùi Văn Chuẩn, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Văn An, Bùi Văn Cửu, Ngọc Tỉnh Nguyễn Như Liên, Ngô Văn Du, Đỗ Văn Tứ.

Đêm 16-6-1930 mười ba liệt sĩ được chở lên Yên Bái bằng xe lửa riêng cùng với cái máy chém. 5g sáng 17, chiếc máy đã sẵn sàng ở pháp trường, Đúng 6g các nhà cách mạng bắt đầu bị hành quyết. Nguyễn Thái Học thản nhiên ngâm:

« Mourir pour sa patrie
« C'est le sort le plus beau.
« Le plus digne... d'envie...

Lời dịch của Nhưộng Tống :

« Chết vì Tổ quốc
« Cái chết vinh quang

(xem chú thích tiếp ở trang 179)

Việt đều xót xa và coi cái chết của các chiến sĩ là một vết thương không bao giờ xóa mờ trong lòng dân tộc. Sau đó hàng ngàn chiến sĩ bị đày đi Côn đảo và các trại giam có tiếng tối tăm, ác độc như Côn-sơn, Sơn-la, Lai-châu, Lao-bảo v.v... Hàng trăm con người đã ngã gục dưới chế độ lao tù của đế quốc và vỡ tan mộng đánh đuổi quân xâm lăng giữa những

« Lòng ta sung sướng

« Trĩ ta nhẹ nhàng.

Người đầu tiên bước lên đoạn đầu đài là Đào Văn Nhật vừa hô « Việt Nam... » thì bị bịt miệng và lần lượt mỗi người bị hành quyết định hô nhưng đều bị lính bịt miệng; riêng Phó Đức Chính người thứ 12 đòi nằm giữa để xem lưỡi dao chém và hô được « Việt-Nam vạn tuế », còn ông Học bị xử cuối cùng mỉm cười với dân chúng hô y như thế rồi lia trần.

Sau khi hành quyết các liệt sĩ của Việt Nam Quốc Dân Đảng thực dân cho chôn chung vào một huyệt ở dưới chân đồi Cao, bên cạnh đền thờ Tuần Quán cách ga xe lửa Yên Bái độ một cây số và phái lính canh gác suốt ngày đêm cho mãi đến cuối năm 1930 mới thôi.

Sau này vào cuối tháng 10-1945 Việt Nam Quốc Dân Đảng chiếm đóng tỉnh Yên Bái, Tỉnh đảng bộ có cho tu bổ lại phần mộ của các liệt sĩ và dựng đài kỷ niệm. Xin nhắc rằng giữa thời thực dân đang toàn thịnh, việc khùng bố cách mạng vẫn tiếp tục một công dân Việt Nam là ông Tạ giao Hiền người tỉnh Bắc Liêu (Nam Việt) đã từ Nam ra Bắc viếng mộ Nguyễn Thái Học. Ông không biết chỗ chôn của ô. Học. Không ai dám giúp ông việc này, sau ông phải tìm đến làng Thổ Tang, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên nhờ bà thân mẫu của cố liệt sĩ họ Nguyễn dẫn lên Yên Bái để thắp hương sùng bái những anh hùng dân tộc đang an giấc ngàn thu ở đây. Xin nhắc ông Tạ giao Hiền đã từng săn sóc thuốc men cho cụ Phan tây Hồ năm 1925 khi cụ về nước ít lâu thì bị đau rồi chết. Ông Tạ giao Hiền cũng đã góp phần tổng táng cụ Phan và cũng ông đã đả kích nhóm Lập hiến của ông Bùi Quang Chiêu tại Nhà hát lớn Saigon do họ Bùi đã thay đổi lập trường chánh trị.

núi rừng thâm u đầy lam sơn chướng khí. Một số không ít bị đưa đi an trí tại Nam Mỹ (Guyane Française).

Lớp đầu đảng viên VNQDD bị Hội đồng đề hình Pháp kết án và đày đi Côn đảo vào giữa năm 1930.

Những sự thiệt hại mà VNQDD để lại sau sự thất bại là :

— Thống sứ Bắc kỳ R. Robin cho 5 phi cơ đến thả 57 trái bom 10 ký xuống làng Cồ Am rồi cho binh lính đến càn quét đốt phá và cướp bóc.

Mười làng bị triệt hạ : Võng-la, Hạ-bì, Sơn-dương, Kinh-kê, Phong-nguyên, Cao-mại, La-hào, Chu-hòa, An-diêm.

Ở các nơi bị khủng bố, người vật, đình chùa, mồ mã, hoa màu đều bị tan hoang. Riêng năm 1930 ở Bắc-kỳ có tới 7 439 người bị án tù trong đó có 439 án đại hình. Trong khoảng 1930-31 Poulet-Osier chánh thẩm tòa án Đại hình ở Bắc-kỳ đã xử 1.086 người và kết án như sau :

- Xử tử 80 người
- Đi đày 383
- Khò sai chung thân 106 người
- Khò sai 15 năm
- « 10 » 50 »
- « 5 »
- Cấm cố 10 » 3 »
- « 5 » 1 »
- Giam giữ chung thân 2 »
- « 20 năm 1 »
- « 10 năm 4 »
- « 5 » 12 »

—	Tù	5 năm	15 »
—	«	3 »	5 »
—	«	2 »	1 »
—	« 20 năm trong nhà trừng giới 5 người.		
—	« 15 -	nt	3 »
—	« 10 -	nt	1 »
—	« 5 -	án treo	2 »

Giữa tháng 11-1931 Tòa án Đại hình Hà-nội do tên Bouchet Giám đốc chánh trị và ba tên Đốc lý là Guillemin, Đại úy Bourgeois và Biện lý Moreau làm Bồi thẩm chỉ họp có 3 ngày (từ 16 đến 18) đã xử 102 người như sau :

- Xử tử 2 người
- Khò sai chung thân : 5 người (có 4 phụ nữ)
- Đi đày chung thân : 9 - (có 4 phụ nữ)
- Khò sai 20 năm : 2 -
- Cấm cố 20 năm : 13 - (có 1 phụ nữ)
- Cấm cố hoặc tù từ 1-15 năm : 48 người
- Án treo : 16 người

Năm 1933 tòa án Đại hình Sài gòn từ 2 đến mồng 7 tháng 5 đã xử 120 người như sau .

- Tử hình 8 người
- Tù chung thân 19 người
- 970 năm tù chia cho 79 người trong đó có một cụ già 89 tuổi.

Thuở đó các nhà tù của Pháp ở Việt Nam và ở các thuộc địa khác đầy nghẹt những chánh trị phạm VNQDD vì số người bị giam giữ mỗi ngày một đông. Riêng tại Côn-đảo năm 1932 số tù có từ 2 276 người đã tăng lên 2.584 và cuối năm 1933 lên tới 3.000 người Tại Phú Thọ từ 10-3-1930 đến 25-5-1931, thực dân giam 440 người nhưng tháng 6 năm ấy chỉ còn có 87 đề đưa ra tòa án xét xử.

Trong các khám đường bọn cai ngục tha hồ đánh giết người vô tội và một vụ thủ tiêu quốc sự phạm đã xảy ra rất dã man, tàn nhẫn như sau .

Theo tập Kỷ yếu của Hội nhân quyền Pháp ngày 20-3-1934 một nữ ký giả Pháp là Madeleine Paz có ghi rằng ngày 29-5-1934 tại Phú Thọ (Bắc Việt) hai tên lính Lê dương Von Bargaen và Layon đã lấy cưa đề xén tóc một phạm nhân chơi. Nghịch chán Von Bargaen rút súng lục bắn vào đùi kẻ xấu số rồi đẩy vào sà lim. Một lúc sau y chia súng vào các phạm nhân bắn xối xả, mọi người đều bị thương nhiều ít. Rồi bọn coi ngục chất đầy người bị thương lên xe G.M.C mang đi một nơi xa vắng lấy súng lục thủ tiêu từng người và quăng vào bụi rậm. Việc này làm dư luận sôi nổi. Thống sứ Tholance gửi công văn số 14 330 ngày 03-9-1934 hỏi Công sứ Phú Thọ việc này, bọn Von Bargaen tuy có bị đưa ra tòa mà vẫn được trắng án.

Trắng trợn hơn nữa là trước vành móng ngựa Von Bargaen khai rất tự nhiên là y chỉ bắt chước các cấp trên trong vụ này mà thôi, nghĩa là cấp trên của chúng thường chém phạm nhân đề tiêu khiển. Tên Đại úy Doucin khai nhà giam chật quá phải giết bớt đi.

Rút cuộc 359 người trong số 440 chiến sĩ cách mạng đã bị thực dân hạ sát một cách vô cùng mọi rợ như trên đã nói. Xin nhắc lại rằng, thực dân ngoài việc áp dụng các đòn vọt đề giết người còn thi hành chế độ ăn ở đạm bạc, thiếu vệ sinh cũng cùng một mục đích. Tỉ dụ ở chật ních trong phòng giam, ăn gạo mục cá khô thối, ốm đau không có thuốc men lại vẫn phải lên rừng đập đá, dẫn gỗ, kéo gỗ, xuống biển bắt đồi mồi (ngoài Côn đảo) v.v... ai nấy đều dưới sức dằn rỏi lao lực, theo nhau mà chết.

Mặc dầu thực dân tàn ác đến thế là cùng cực, lòng căm thù của những nhà cách mạng cũng như của nhân dân không vì thế mà giảm sút. Trong giai đoạn này tinh thần tranh đấu của dân tộc ta có phần tiệp tiến. Nó như ngọn lửa không bốc được cao nhưng cứ âm ỷ cháy chờ cơ hội thuận tiện đề rồi sẽ bùng lên rất mạnh.

Phái cải tổ của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã làm những gì ?

Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái, phái cải tổ trước đây do bất đồng chánh kiến đã phải giữ một thái độ tiêu cực nghĩa là đứng yên nhưng vẫn bị đế quốc truy nã, mặc dầu lúc này họ không còn giữ được một chi bộ nào. Các cơ sở đảng đã rời rã, mất hết liên lạc sau khi nhiều cán bộ bị giết và bị bắt. Một số ít chi bộ rải rác ở các địa phương cũng chỉ còn tính cách riêng lẻ. Vì vậy muốn hoạt động trở lại, những người còn sống sót, còn ở ngoài vòng tự do phải tổ chức đảng lại bằng cách thăm dò liên lạc với những người lọt lưới của địch.

Họ đã họp nhau rồi đưa ra một chương trình hoạt động cải tổ mới sau cuộc thất bại 1930 :

I Thời kỳ thứ nhất (hoạt động bí mật)

- 1) Mở mang trí thức cách mạng.
 - a- huấn luyện phổ thông.
 - b- huấn luyện khoa học.
- 2) Mở mang tinh thần cách mạng.
 - a- huấn luyện chính trị.
 - b- Xét tình hình thế giới
 - c- luật thiên diễn.
 - d. Tinh thần hy sinh.

II Thời kỳ thứ hai (hoạt động bí mật)

- 1) Tổ chức đảng cách mạng.
 - a. tuyên truyền
 - b- lựa chọn đồng chí
 - c- thu nạp đảng viên.
 - Dự bị chiến sĩ.

2) Chuẩn bị cách mạng:

- a- Dự bị nhân viên chỉ huy ở ngoài và ở trong nhà binh
- b- dự bị chiến cụ.
- c- Ngoại giao (lâu quốc cần nhất là Trung Hoa).
- d- Tổ chức quân đội,
- e- định phương lược tấn công.

III Thời kỳ thứ ba (Hoạt động công khai)

- 1) Tổng tấn công các trại binh, cò động bãi khóa, bãi công, bãi thị.
- 2) Quân chính (cho đến khi lấy được toàn quốc)
- 3) Huấn chính (đi đảng trị quốc trong 5 năm)
- 4) Hiến chính
 - a- Lập chính phủ cộng hòa.
 - b- Phò thông đầu phiếu
 - c- Thực hiện dân quyền.

Chương trình cải tổ này đã được đề ra sau khi ông Nguyễn Thái Học bị bắt. Họ cho rằng Đảng thất bại vì chương trình đầu tiên của đảng năm 1927 quá cấp tốc không đem lại kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên với cuộc cải tổ này những người kế tiếp của Nguyễn Thái Học cũng vẫn không hoạch định được một chiến lược, một kế sách nào thực tế hơn lớp người trước. Họ lại còn nhúng vào nhiều việc bạo động do cùng quần về tiền bạc nên thực dân Pháp vẫn theo đuổi họ ráo riết như thường. Tỉ dụ họ đã bắn chết Nguyễn Bình, một nhân viên của Đông Pháp Ngân hàng tại Đường Hàng Vôi (Amiral Courbet Hà Nội) để đoạt một số tiền mười một ngàn đồng giữa ban ngày Sau việc này Lê hữu Cảnh, Trần văn Huân là hai tay chủ động bị bắt rồi lần lượt đến Lê tiến Sự, Nguyễn văn Xuân, Nguyễn văn Đông, Nghiêm Toàn v.v...

Cơ đồ của VNQDD ở Quốc nội rõ rệt đã tan vỡ gần không còn gì ở phái chủ trương bạo động cũng như ở phái cải tổ.

Ở các nước ngoài như Tàu, Pháp mua chuộc bọn Đường kế Nghiêu., Long Vân là Tổng đốc Vân Nam đề lũng bắt cách mạng Việt Nam cho chúng. Ngày 16-5-1930 Pháp ký với Tưởng giới Thạch một hiệp ước gồm 11 khoản mà chủ yếu là dẫn độ các tù phạm cho nhau. Ở Xiêm chúng cũng được sự a tòng của chánh phủ Băng-Cốc do đó, đầu năm 1930 đã có việc Pháp mời vua Xiêm sang chơi Việt Nam rồi ký hiệp ước thân thiện. Với hiệp ước này chánh quyền Xiêm tự coi có nhiệm vụ tìm bắt các người cách mạng của chúng ta để giao lại cho thực dân. Tuy đế quốc và phong kiến cấu kết với nhau nhưng nhân dân Trung quốc và Xiêm nhất là Việt kiều ở hai nước này vẫn hết lòng che chở các cơ sở hoạt động của cách mạng Việt Nam. Vào giữa năm 1930 trong số người đầu tiên bị Hội đồng Đề hình Pháp kết án và đày đi các nơi có Nguyễn thế Nghiệp đáng lẽ phải chịu chúng số phận như các anh em thì được Cousseau tên trùm mật thám ngầm thả ra như là đã trốn được. Nghiệp qua Vân Nam công khai lập một cơ quan lấy danh nghĩa là VNQDD đề dụ dỗ các Việt kiều ái quốc, bề khác bắt liên lạc với những đảng viên còn sống sót tại quốc nội. Nguyễn thế Nghiệp có đáng nghi là đã làm tay sai cho đế quốc không ?

Nếu người ta nghĩ Nghiệp trở nên một lưu manh chánh trị, phản đảng, phản nước bởi Vân Nam là đất chịu rất nhiều ảnh hưởng của Pháp thuộc ấy. Từ trước đế quốc Pháp đã có ý khai thác miền Vân Nam về mặt thương mại (kể từ vụ J. Dupuis cuối thế kỷ XIX). Khi chiếm xong Đông Dương, Pháp liền đặt đường xe lửa gọi là đường xe lửa Việt-Điện nối biên giới Trung quốc vào Bắc-bộ Việt-Nam. Tại đây Pháp có nhiều cơ sở kinh tế, thương mại, các nhà máy v.v... (công ty khai thác đường xe lửa Việt-Điện có nhiều cổ phần của Pháp) vì vậy Pháp được công nhiên lập những cơ quan cảnh sát ở dọc đường xe lửa. Đốc quân tỉnh này là Đường Kế Nghiêu, Long Vân đều bị Pháp như tiền đề phục vụ mưu đồ chánh trị của họ. Cảnh binh Vân Nam vì thế đã từng bắt các chiến sĩ cách mạng Việt Nam nộp cho Pháp không như ở Quảng Châu, người Việt ta được nương náu yên ổn. Như vậy đủ cắt nghĩa sự hiện diện của Nguyễn thế Nghiệp ở địa phương này mà không cần phải tìm hiểu khó khăn, và ta cũng biết vì

ai mà một số chiến sĩ cách mạng của VNQDD bị bắt, bị giết. Nhưng rồi hành tung chánh trị của Nghiệp trên đất Tàu cũng bị chặn đứng sau khi bộ mặt thật của y bị phanh phui. Y ở lại đây cho tới 1945 mới về nước để chịu tội với Cách mạng!...

Tình hình của đảng-bộ VNQDD tại Nam kỳ sau cuộc khủng bố đầu tiên của thực dân Pháp (đầu năm 1929) cũng có sự biến chuyển. Tại đây đảng cũng chấn chỉnh lại sau khi một số chỉ bộ kè cả chỉ bộ nhà binh bị khám phá. Đưa ra khỏi tình trạng tê liệt, đảng lo bắt liên lạc với các đồng chí bị phân tán và nối lại đường dây với phái cải tổ ở Bắc Kỳ; mục đích của sự cải tổ là phục hồi sinh lực cho đảng sau cuộc thất bại Yên Bái đã gây nên nhiều hoang mang tới các chỉ bộ ở xa. Một quyết nghị đã đưa ra : ám sát Toàn quyền Pasquier, tên trùm thực dân hầu gây một tiếng vang cho Đảng. Người được chỉ định thi hành việc ám sát là Tô Chấn. Chấn mang bom ra Hà nội tính hạ sát Pasquier trong một buổi duyệt binh nhưng không làm nổi vì gặp nhiều trở ngại. Cuối cùng Chấn cũng bị bắt. Nay xin chép lại bản án tử hình nói trên để các bạn đọc nhưng rất tiếc đây chỉ là bản dịch qua tài liệu viết bằng tiếng Pháp vì nguyên cáo tiếng Việt không tìm ra được.

Bản án tử hình tên tay sai của tư bản và đế quốc Pháp là Toàn quyền Đông Dương Pasquier ngày... 1930 của Việt Nam Quốc Dân Đảng :

« Nước mất nhà tan, giống nòi bị tàn sát đã gần một thế kỷ nay, dân tộc Việt Nam bị dày xéo tàn nhẫn dưới gót sắt của đế quốc và tư bản Pháp không khác gì giống vật. Trước tình cảnh đó, chúng ta, con em cùng một nước, ngăn sao được nỗi đau thương !

« Với một dân tộc có sẵn một truyền thống văn minh, một đạo đức cao thượng, một lịch sử vẻ vang vĩ đại, chúng ta không thể nào cam chịu để giống nòi khác đô hộ ; cũng vì vậy ngay sau khi bọn tư bản đế quốc Pháp vào cướp nước ta, một phong trào cách mạng dân tộc đã nổi lên mà đến nay truyền thống đó vẫn còn ngấm ngấm tiếp nối. Ông cha chúng ta đã lần lượt đổ máu, hy sinh đời sống để đòi tự do dân tộc.

« *Mấy năm cuối cùng đó, nhất là sau chiến tranh đế quốc 1914-18, toàn thế giới bước vào một thời đại bạo động. Tất cả các dân tộc bị áp bức nổi dậy làm cách mạng. Một mặt khác, cách-mạng vô sản Nga, cách mạng dân tộc Trung quốc đã gây một ảnh hưởng lớn trên toàn thế giới... (mất mấy dòng). Vậy mà nước ta tất cả tài sản, kinh tế bị bọn tư bản đế quốc chiếm đoạt, dân ta phải vô cùng khổ cực và số phận dân ta có thể ngày càng đi tới khốn đốn. Bị áp bức vô cùng về vật chất lẫn tinh thần, đồng bào ta cuối cùng đã thức tỉnh và đứng lên làm cách mạng.*

« *Hiện nay nước ta có hai luồng cách mạng :*

1) *Luồng cách mạng dân-tộc.*

2) *Luồng cách mạng dân chủ.*

Việt-Nam Quốc Dân Đảng là đội tiên phong của Cách Mạng dân tộc. Cuộc Cách mạng chúng ta đã đề ra là xuất phát điểm của cuộc cách mạng dân tộc hiện nay, còn cách-mạng của các đảng phái khác là do các lực lượng ở các nước ngoài đem vào có tính cách cơ hội. Đó cũng là một sự việc của luật tự nhiên mà cũng đồng thời là một sự thử thách .. (mất)... nay chúng ta vẫn quyết tâm can đảm tiến vào mặt trận cách mạng. Điều đó chứng tỏ rằng tương lai của cách-mạng Việt-Nam sẽ sáng sủa và, mặc dầu sức mạnh của chúng, quân đội của bọn tư bản đế quốc ở Đông-dương sẽ phải thất bại ; dân tộc ta sẽ qua cuộc đời khổ cực, tiến lên một đời sống vinh quang vĩ đại.

« *Hiện nay đảng ta đề ra 2 sách lược :*

1) *Sách lược tích cực ;*

2) *Sách lược tiêu cực ;*

Sách lược tích cực là tuyên truyền quần chúng. Sách lược tiêu cực là khủng bố và ám sát. Theo sách lược thứ hai, đảng ta sẽ ám sát liên tiếp :

1) *Những yếu nhân trong chính-phủ tư bản đế quốc.*

2) *Những tên mật thám đặc lực.*

3) Những tên quan lại cản trở công việc cách mạng.

4) Những đảng viên phản bội, để làm yếu dần lực lượng của tư bản để quốc.

« Pasquier là một trong những tên tay sai của tư bản để quốc, là linh tỳ tối cao của chính phủ Đông dương. Vì vậy nó là đối tượng đáng nhắm của đảng ta, cho nên trước tòa án cách mạng, Pasquier đã bị kết án tử hình.

« Ngày... 19... một người anh em trong đảng ta đã nhận lệnh thi hành việc ám sát. sau theo sách lược khủng bố và ám sát của đảng ta, những kẻ tay sai của đế quốc Pháp sẽ cũng phải chịu chung số phận vậy.

« Cùng toàn thể đồng bào! Cùng các anh, các chị! Chúng ta đem máu ra để đòi tự do, hạnh phúc! Chúng ta hãy gia nhập đông đảo quân đội cách mạng chiến đấu... để thực hiện cho được mục đích của chúng ta. »

VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

Ngày nay trước dư luận quần chúng cuộc tổng khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, chuẩn bị và tiến hành từ đầu năm 1929 đến đầu năm 1930 đã bị đổ vỡ hoàn toàn.

Khẩu hiệu nêu ra trong cuộc xung kích ở Yên Bái : *Đuổi giặc Pháp về nước Pháp, đem nước Nam trả người Nam* đã không thành công, duy mục đích « thành nhân » thì đạt được.

Sự thất bại của Việt Nam Quốc Dân Đảng trên đại thể đã khiến chúng ta có những nhận xét dưới đây : Sau Đệ nhất thế chiến phong trào cách mạng chống Đế quốc ở các thuộc địa và bán thuộc địa nổi lên mạnh mẽ, nhưng tư bản chủ nghĩa ở thế giới từ 1922 đến 1929 được ổn định và đang có đà phát triển. Cuộc khủng hoảng kinh tế cuối 1929 tuy vậy vẫn chưa thành làn sóng đánh bật được gốc rễ của hệ thống tư bản. Ở chính quốc cũng như ở thuộc địa, bọn tư bản còn dư lực lượng đàn áp, cách mạng đang nảy nở muốn sao cũng còn ấu trĩ và vẫn chưa đủ sức phản ứng đối với sức mạnh của đối phương mạnh gấp nhiều lần.

Bình thường lực lượng của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã chưa đủ đánh tan nền tảng của Đế quốc Pháp huống hồ nó đã phải công khai tấn công trong lúc nó đang tan vỡ thì thật là làm một cuộc cách mạng quá phiêu lưu.

Cuộc khởi nghĩa dựa vào đâu để vũ trang tranh đấu ?

Có điều kiện bảo đảm tất yếu cho nó không ?

Rõ rệt đây là một liều lĩnh bởi cuộc bạo động hoàn toàn gửi vào tay một số người đã thiếu kỹ thuật hành động lại còn bị hoàn cảnh quần bách thúc đẩy phải «*sát thân, thành nhân*» thì còn nói gì nữa ! Nguyên tác cuộc tổng khởi nghĩa là lực lượng cách mạng phải tràn ra khắp nước, vậy mà không đủ để giải ra khắp nơi rồi hiệu lệnh lại sai lầm, lực lượng rời rạc mong manh nên càng yếu kém thêm. Rút cục cuộc Tổng khởi nghĩa chỉ nổ được một nửa đêm ở Yên Bái, vài tiếng đồng hồ ở Lâm Thao (Phú Thọ) một thời gian ngắn ở Vĩnh Bảo và Phụ Dực (Hải Dương, Thái Bình).

Tóm lại, các lãnh tụ đã bỏ rơi các yếu tố quan hệ sinh tử cho cuộc tổng khởi nghĩa là : cơ sở quần chúng, cơ sở khoa học nó có nhiều tương quan giữa mình với địch. Đó là chưa kể những điều không thể thiếu được cho một cuộc tổng khởi nghĩa là bộ tham mưu chỉ đạo khởi nghĩa, các bộ chính trị và quân sự, cuối cùng là Đại chúng rồi mới kể đến vũ khí.

Xem sự việc đã xảy ra, cuộc khởi nghĩa đã tự tan rã hơn là vì bị địch phản ứng, dập tắt (quân khởi nghĩa chiếm được phần thắng lợi đầu tiên ở Yên Bái, Lâm Thao, Vĩnh Bảo, Phụ Dực). Không những nó chuyển sang thế bị động mà còn tự tan vỡ. Nếu cuộc khởi nghĩa được tổ chức chu đáo hơn, có thất bại cũng còn lâu hơn và có thành tích nhiều hơn. Muốn sao thì một cuộc cách mạng nào ở nước nhà để có đủ hiệu năng tranh đấu phải thiết lập một mặt trận gồm đủ tầng lớp xã hội, liên minh được với các đoàn thể huynh đệ (cùng chí hướng, cùng mục tiêu tranh đấu) mới mong thành công được. Nếu chỉ dựa vào tinh thần yêu nước, thù giặc, vào sự hy sinh quả cảm và

một số đông người tiêu tư sản, nhân sĩ, kỳ hào mà thiếu quảng đại quần chúng thì cũng khó mà thành công nhất là thành công lâu dài. Ngoài ra nếu làm cách mạng hay chánh trị mà chỉ dựa vào ng-ại bang, không có dân chúng thì kết quả cũng sẽ bị đất như vậy.

Trong cuộc tranh đấu với đế quốc Pháp chúng ta thấy lực lượng cách mạng của VNQDD quá mong manh bởi mặt trận dân tộc thống nhất chưa thành hình, các đoàn thể bạn đứng ngoài, công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ và quần chúng không tham dự, thì cuộc tranh đấu rõ rệt lẻ loi, thiếu dựa nương, thiếu dự trữ, lạc lõng, bơ vơ...

Sau này đến bộ phận cải tổ của VNQDD cũng thiếu sót các điều kiện thực tế, bộ phận bạo động lại tiếp diễn các cuộc khủng bố, tổng tiễu, mỗi ngày đi sâu vào manh động nên đến cuối 1931 qua 1932 nhóm này tàn tạ nốt. Bốn mươi năm qua rồi, Việt Nam Quốc Dân Đảng chỉ còn để lại dư âm bất tuyệt về một lớp người chiến sĩ ái quốc hy sinh cho xứ sở theo truyền thống anh dũng của cha anh. Sự nghiệp gieo mầm rắc giống cho cách mạng, cho hậu thế của VNQDD không ai có thể phủ nhận và không phải là không vĩ đại nhưng sự nghiệp đui giặc, cứu nước đã rõ rệt thất bại hoàn toàn, đáng tiếc lắm thay!

Phụ chú: Trong ngày khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Hà Nội có vụ ném bom vào Sở Cầm Hàng Đạn bị nhiều báo chí thuật lại sai lầm. Nay xin đính chính. Tỉ-dụ trên báo Tân Dân số 231 ra ngày 2-4-1960 trong mục «Mộng trung ký sự» ký giả Thuận Thiên nói Nguyễn văn Nho (em ông Học) được chỉ định đi ném bom vào Sở Cầm Hàng Đạn. Sự thực Nguyễn Bá Tâm đã làm việc này đêm 10-2-1930. Và còn bốn người nữa cũng lãnh công tác ném bom là Nguyễn Văn Liên, Mai Duy Xứng, Nguyễn Minh Luân, Nguyễn Quang Triệu. — Cộng với Nguyễn Bá Tâm tất cả là 5 chiến sĩ cùng thi hành nhiệm vụ ở 5 nơi khác nhau trong thành phố Hà Nội. Các ông đều là học sinh trường Bách Nghệ Hà Nội thuở đó.

Ký Con trao cho mỗi người 2 trái bom hạng nhỏ dãn đúng 8 giờ tối phải ra tay. Ba địa điểm đáng chú ý nhiều nhất là nhà tư của Cầm một thám Arnoux, sở Cầm Hàng Đậu, sở Cầm Hàng Trống Xong việc các chiến sĩ phải về họp ở số 24 phố Hàng Giầy là nhà ông Đào Tiến Tường (nhà bán nước nếm). Cũng trong thời gian này Ký Con và 5 đồng chí phụ tá đi cắt dây thép và dây điện thoại. Một giờ sau ai nấy đều có mặt ở nhà ông Đào Tiến Tường Ông Tường đã dọn một bữa tiệc trà sẵn để khao các chiến sĩ, nhưng vắng mặt Nguyễn Bá Tâm. Sau điều tra anh em biết Tâm có ném một trái bom nổ trúng phòng ăn của tên Cò Sati-ani nhưng định ném tiếp quả thứ hai thì có người nhào tới đung vào người Tâm nên bom nổ làm bay một bàn tay của Tâm. Tâm liền cầm đầu chạy ra đầu cầu Paul Doumer (sau đổi là cầu Long Biên) cách sở Cầm chừng 300 thước, Đau quá Tâm nằm bẹp dưới gầm cầu. Có lẽ Tâm nghĩ thế nào Pháp cũng bắt được mình nên đã rút dao tự vẫn. Nhưng vì đau quá Tâm đăm mãi không thủng cổ rồi ngất đi và ít giờ phút sau Cảnh sát đi tuần bắt được Tâm đem về bệnh viện điều trị. Nhà chức trách hỏi Tâm về cái tay bị mất, Tâm khai đi qua Sở Cầm Hàng Đậu thì bị nạn. Nhưng chỉ ít ngày sau sở mật thám của Pháp khám phá ra chính Tâm đã ném bom vào sở Cầm đêm ấy. Ra trước Hội đồng đề hình, Tâm bị kêu án chém, hồ sơ gửi qua Pháp để lấy quyết định, án chém được giảm xuống chung thân khổ sai và Tâm bị đày ra ngoài Côn Đảo.

Năm 1936 Nguyễn Bá Tâm được ân xá trở về quê nhà ở Huyện Cầm Khê (tỉnh Phú Thọ). Bầu mùa nóng của người chiến sĩ trẻ tuổi đã không vì lao tù mà lạnh đi lại còn tăng thêm nhiệt độ. Do đó một hôm tại bến đò Chi-Chủ, Nguyễn Bá Tâm ngẫu nhiên chạm trán viên Tri Huyện Cầm Khê là Phạm Gia Khánh một tên sáu một chuyên ức hiếp dân lành khiến cả huyện đau khổ. Nguyễn Bá Tâm lửa giận vụt bốc lên và mặc dầu chỉ còn một tay cũng ghi chặt được cổ tên tham quan và rút dao đâm chết được y.

Tám bị bắt liền và đem về giam tại Phú Thọ rồi lên đoạn đầu đài vào đầu năm 1941 khi quân Nhật đổ bộ vào Đông dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

- Cách mạng cận đại Việt Nam tập 5 nhà xuất bản Sử Địa Hà Nội — 1958 của Trần huy Liệu và Văn Tạo, Nguyễn lương Bích, Hương Tân.
- Việt Nam Quốc Dân Đảng (Lịch sử đấu tranh cận đại 1927 — 1954) của Việt Dân Hoàng văn Đào do Giang Đông xuất bản tại Saigon.
- Lịch sử 80 năm chống Pháp của Trần huy Liệu (Ban nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản tại Hà Nội năm 1956).
- Nguyễn thái Học (1902 — 1930) của Nhượng Tống do nhà Tân Việt xuất bản lần thứ hai tại Saigon.
- La nuit rouge de Yên Bái của Le sergent bốn mắt.
- La tragédie indochinoise của Louis Roubaud.
- Vụ án Việt Nam Quốc Dân Đảng của Cẩm Đình (Huế — Nguyễn văn Bửu xuất bản năm 1950.)
- Indochine S.O.S! của André Viollis — Paris 1949.



CHƯƠNG VI

ĐÔNG DƯƠNG CÔNG SẢN ĐẢNG

Qua các chương trên đây chúng ta có thể ghi vài điểm như sau : Thế chiến thứ nhất (1914-1918) chấm dứt, thực dân Pháp ở Đông dương tiếp tục tăng cường mọi việc kinh doanh của họ trên bán đảo của chúng ta ở khắp các lãnh vực kinh tế, thương mại. Chúng đua nhau mở mang các xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ v.v...

Cũng từ giai đoạn này, Cách mạng Việt Nam mặc dầu luôn luôn thất bại và luôn luôn bị giặc Pháp tàn sát khủng bố, vẫn tiếp tục. Ngoài nước cụ Sào Nam, Mai Sơn, Hải Thần vẫn duy trì được Việt Nam Quang Phục hội tuy đoàn thể này của các cụ bị đình trệ khá nhiều nhưng ở trong nước thanh niên trí thức hầu hết thuộc thành phần tiểu tư sản đã nhận thức nhiệm vụ của mình là nối tiếp sự nghiệp của cha anh. Phong trào Đông du tuy tan rã trước cuộc Thế chiến nhưng vẫn nuôi được ý thức tranh đấu cho những người đi sau. Có thể nói rằng từ 1908 đến 1925, cách mạng Việt Nam đã chỉ tiếm tiến mà thôi. Nhưng từ khi cụ Tây Hồ ở Pháp về, cụ Sào Nam bị bắt và bị truy tố trước Hội đồng Đền hình Hà nội cuối 1925 thì làn sóng cách mạng của Việt Nam không còn là làn sóng ngầm nữa. Những cuộc biểu tình, nhưng vận động chính trị đủ thứ trên mọi hình thức (đình công, bãi thị, bãi trường, báo chí v.v...) bắt đầu sôi nổi dữ dội mặc dầu thực dân Pháp gia công đàn áp không kém phần bạo liệt. Và cũng từ giai đoạn này các đảng phái cách mạng xuất đầu lộ diện.

Năm 1924 như trên đã nói, cụ Sào Nam lập Tâm Tâm Xã tại Quảng Đông và hai năm sau cũng tại đây Nguyễn ái Quốc lập chi bộ

«*A tể A bị áp bức nhược tiểu dân tộc*» rồi hai cơ cấu cách mạng này chung đúc ra *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*.

Năm 1925 cụ Sào Nam bị bắt giải về Việt Nam thì Nguyễn ái Quốc nắm lấy đoàn thể trên đây đề đưa sang hàng ngũ của vô sản quốc tế và cuối cùng (vào 1929) V.N.T.N.C.M.Đ.C.H được đổi sang *Đông dương Cộng sản đảng*...

Xin nhắc rằng sau các vụ đình công liên tiếp kể trên từ tháng 5-1929 nhiều tổ chức Cộng sản được thành lập ra mắt quốc dân. các người Cộng sản mở một cuộc họp trừ bị cho đại hội đại biểu toàn quốc vào năm đó tại Hương Cảng như trên đã nói.

Tháng 3 năm 1929, số đại biểu Bắc Kỳ về nước họp với một số hội viên tiên bộ nhất của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội là Ngô gia Tự, Nguyễn văn Tuấn, Trịnh đình Cửu, Đỗ ngọc Du, Dương hạc Đính, Trần văn Cung, Nguyễn đức Cảnh lập ra một chi bộ Cộng sản chính thức ở Đông dương, thừa nhận chương trình của Quốc tế Cộng sản Ý kiến này đã bị gạt bỏ hồi cuối năm 1928 trong cuộc họp trừ bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc trong năm sau.

Chi bộ Cộng sản này mới có nhiệm vụ vận động và sau này nếu có đa số đại biểu tán thành chủ trương sẽ giải tán *Thanh niên* và lập đảng *Cộng sản*. Kế hoạch vận động gồm 2 việc : mật tuyên truyền và nắm các phần tử ưu tú trong *Thanh niên*, cử người đi Hương cảng liên lạc với đại biểu Trung, Nam và Xiêm trước khi có Đại hội.

Đầu tháng 5-1929 có đại hội Đại biểu toàn quốc của *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội* hội họp ở Hương cảng. Đại biểu Bắc kỳ có 4 người là Ngô gia Tự, Dương hạc Đính, Trần văn Cung, Nguyễn văn Tuấn tức Kim Tôn đi dự, vì đến quá chậm nên không kịp vận động các đại biểu Trung, Nam và Xiêm. Các đại biểu này đã ngã theo chủ trương của Tổng bộ vận động trước là «*không*

giải tán Thanh Niên». Rồi đề nghị của đại biểu Bắc kỳ không được chấp nhận đề đem ra bàn. Ngày 1-5-1929, Đại hội khai mạc gồm các đại biểu toàn quốc :

Bắc kỳ :

- Trần văn Cung tức Quốc Anh.
- Dương hạc Đỉnh
- Nguyễn Tuân tức Kim Tôn, Sĩ Quyết, Ngô gia Tự.

Trung kỳ :

- Nguyễn sĩ Sách
- Nguyễn văn Lợi
- Phan trọng Bình
- Trương quan Trọng

Nam kỳ :

- Ngô Thiềm
- Phan trọng Quảng.
- Hồ Anh.
- Cô Tuyết Mai.

Xiêm bô :

- Cao hoài Nghĩa.
- Lý đức Lan.

Trần văn Cung, Ngô gia Tự và Nguyễn văn Tuân bất bình với chủ tịch hội nghị là Lâm đức Thụ vì đề nghị lập đảng Cộng Sản Đông Dương không được tán thành nên bỏ ra về. Riêng Dương hạc Đỉnh ở lại họp đề theo dõi.

Quyết định của Đại hội sau đó là :

Chú thích: Phong trào công nhân ở Bắc kỳ thuở ấy mạnh hơn cả.

1) Bí mật lập đảng Cộng Sản trong Việt Nam Thanh Niên Cách mạng Đồng Chí Hội.

2) Duy trì Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội để làm bình phong cho đảng Cộng Sản và để tuyên lỵa đảng viên C S tương lai.

3) Liên lạc với Quốc tế Cộng sản và yêu cầu Quốc tế Cộng sản thừa nhận V.N.T.N.C.M.Đ.C.H là một bộ phận, ủy Dương hạc Đính về Bắc kỳ lôi kéo các phần tử Cộng sản trung kiên theo chủ trương của Tổng bộ...

— Bọn Ngô gia Tự sau khi về nước vào 25 tháng 5-1929 họp hội nghị trung kiên Cộng sản với tỉnh bộ Hải phòng. Hội nghị tán thành thái độ của bọn Ngô ở đại hội về, sau đó biến việc lập đảng ra như sau :

1) Lập đảng lấy tên là Đông dương Cộng sản đảng, thảo chính cương và điều lệ đúng tinh thần của Quốc tế C.S.

2) Bày người sáng lập trung kiên C.S cũ thành lập ban Chấp hành trung ương lâm thời. Phái 2 đại biểu vào Trung kỳ và Nam kỳ phá Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội và lập đảng bộ Trung Nam.

... Định tính chất và nhiệm vụ của Cách mạng Đông dương.

— Tuyên bố lý do giải tán V.N.T.N.C.M.Đ.C.H và thành lập đảng Cộng sản Đông dương.

— Phái người đi liên lạc với Quốc tế Cộng sản để xin thừa nhận.

Ngay sau đó, truyền đơn và tuyên ngôn của Đông dương Cộng sản đảng được khắp nơi hưởng ứng và thu hút được những phần tử tiến bộ trong đảng Thanh Niên kể cả một số lớn người của đảng Tân Việt ở Trung kỳ, Đảng tổ chức được cả một số cơ sở Công hội đỏ ở một vài xí nghiệp. Kết quả mỹ mãn này nhờ ở chỗ đảng C.S Đông dương đón trước và lãnh đạo kịp thời phong công trên toàn quốc thuở ấy.

Tổng bộ V.N.T.N.C.M.Đ.C.H sau đại hội cho người về nước hoạt động thì các cơ sở Thanh niên đã tan rã hết hết. Sự bất hòa giữa Tổng bộ và nhóm Cộng sản trung kiên kể như không còn cứu chữa được nữa. Các đại biểu liên hợp hội nghị thứ hai.

Hội nghị quyết định bỏ chủ trương duy trì Thanh niên và tổ chức ngay một đảng Cộng sản lấy tên là *An nam Cộng sản đảng*.

Tháng 10-1929 đảng ra đời cũng tung ra một tuyên ngôn nhưng trong có sự chỉ trích thậm tệ Đông dương Cộng sản đảng, công bố chính cương và điều lệ cùng với tạp chí Bolchevick. Đảng xúc tiến việc tổ chức công, nông, học sinh đoàn v.v.

Thế là trên đất Việt Nam trong 4 tháng đã có hai đảng Cộng sản. Hai đảng này ra chào đời thì đảng Thanh niên tan nát không còn gì nữa. Biến cố này ảnh hưởng rất mạnh đến một đảng khác ngoài đảng Thanh Niên là Tân Việt.

Lúc đó Tân Việt, như ta đã biết, cũng có nhiều sự lung củng nội bộ : phe thì muốn duy trì đảng trong khi phe khác cấp tiến hơn đòi giải tán đảng và sáp nhập vào Đông dương Cộng sản đảng. Ngoài hai phe này còn một phe nữa có thái độ chán nản lừng kừng.

Phe cấp tiến thắng thế nên được chính thức đi điều đình nhưng Đông dương Cộng sản đảng đòi Tân Việt phải giải tán trước, sau đó Đông dương C.S đảng sẽ lựa từng người để đưa vào đảng. Cuộc điều đình bị kéo dài đã làm cho họ bất mãn, thêm vào đó là sự xung đột giữa, *Đông dương C S đảng* và *An-nam CS đảng* rất gay gắt làm cho phe cấp tiến hoang mang không biết nên ngã về đâu. Quyết định cuối cùng của họ là thành lập các đoàn thể như : Công đoàn, Nông đoàn, Phụ-nữ đoàn, Học-sinh đoàn v.v... rồi tập trung và thống nhất lại lấy tên là *Đông-dương Cộng sản liên đoàn* chính thức ra mắt vào tháng 6-1929.

Xét ra lúc này trên đất Việt Nam có tới 3 đảng Cộng-sản, cả ba đều xin Đệ tam Quốc tế thừa nhận, dĩ nhiên Quốc tế Cộng-sản không

thề chấp thuận được chung qui chỉ vì sự tự ái của các lãnh tụ phe này đối với phe kia, phe nào cũng cho mình là tài giỏi và chân chính hơn cả. Đông-dương C.S.Đ căn cứ vào số chỉ bộ đặt được ở nhiều xí nghiệp và trong quần chúng tự cho mình nắm được chính nghĩa.

An-nam Cộng-sản đảng thiếu kinh nghiệm đấu tranh. Rồi hai đảng hằn thù nhau công khai trong khi đó Đông-dương Cộng-sản liên đoàn vì sanh sau đẻ muộn cố gây uy tín và ra công tranh đấu. Tuy rằng trong các nhà máy, đảng viên của đôi bên chỉ trích nhau kịch liệt, tuyên truyền đả phá ảnh hưởng của nhau trước quần chúng nhưng bởi cả hai vẫn có sự ganh đua nên phong trào công nhân được đẩy mạnh do các cuộc mít tinh, bãi công mỗi ngày một nhiều. Các báo như tờ «Cờ đỏ» «Búa liềm» «Bôn sơ vích» cũng được tung ra khắp nơi. Tờ-chức nào cũng tự nhận mình là đại biểu xứng đáng nhất của giai cấp vô sản còn những tờ chức khác là giả mạo, là lưu manh v.v..

Nhưng vào ngày 6-1-1930. Nguyễn ái Quốc lấy tư cách một Ủy viên Đông-phương bộ của Quốc-tế Cộng-sản chỉ huy Đông Nam-Á-vụ đã triệu tập ba đảng và đại biểu hai xứ Mên, Lào đến họp tại Hương cảng đề mưu việc thống nhất. Có điều khó hiểu là trong hội nghị này, người ta không thấy đại diện của Đông-dương Cộng-sản liên đoàn. Có sự nghi ngờ gì giữa các người Cộng-sản chăng ?

Kết quả, vì Nguyễn có uy tín và đưa ra các lý do xác đáng, các đảng phải tán thành việc hợp tác đề thống nhất và chấm dứt mọi sự hiềm khích. Và do sự thống nhất từ đó chỉ còn có một đảng Cộng-sản lấy tên là *Cộng-sản Việt Nam* (sau này nội bộ hoàn toàn ổn định, Cộng-sản Việt Nam lại đổi tên là Đông-dương Cộng-sản đảng vào tháng 10-1930 do ý nghĩa nhiệm vụ của đảng là hoạt động cho cả toàn cõi Đông-dương). Đảng liền cử một Ủy ban trung ương lâm thời gồm 9 người trong đó có hai đại biểu chi bộ Cộng sản Trung-quốc.

Tháng 4-1930, Nguyễn ái Quốc thay mặt đảng Cộng-sản Việt Nam đi dự Hội nghị của Liên-đoàn Cộng-sản Nam-dương và tháng sau, Bộ-Đông phương đề nghị Cộng-sản Việt Nam cử học sinh đi dự các lớp đào tạo cán bộ Đảng ở Liên-xô.

Điều đáng chú ý là trước khi giai cấp vô sản có một bộ tham mưu lãnh đạo, đảng Cộng sản nào cũng còn ấu trĩ. Nhiều hoạt động của họ có tính cách theo đuổi quần chúng, có những xu hướng tả khuynh vội vã vì những người Cộng-sản chưa tiêu hóa được lý thuyết Mác Lê rồi cứ liều lĩnh tung ra những khẩu hiệu chỉ có tính cách phỉnh dân « Công xưởng thuộc công nhân. Ruộng của người cày v.v .. đã vậy chủ trương của trung ương với địa phương còn mâu thuẫn với nhau luôn luôn.

Chủ trương của Quốc Tế Cộng Sản lúc này là tại các nước đã có tư bản tập trung, kỹ nghệ đã phát triển, công nhân đã có lượng và chất thì làm cách-mạng vô sản (*Révolution prolétarienne*) hay cách mạng xã hội chủ nghĩa (*Révolution socialiste*), tỉ dụ các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức v.v... Còn ở các nước chưa mạnh về tư bản chủ nghĩa, các nước vẫn còn tàn tích phong kiến như Tây ban nha, Bồ đào nha, Hy lạp, Nhật bản v.v .. cũng như các xứ thuộc địa hay bán thuộc địa tại đó giai cấp phân hóa chưa rõ rệt, ảnh hưởng của phong kiến còn nhiều, nền kinh tế còn nằm gọn trong tay Đế-quốc như Trung-quốc, Ấn độ, Nam dương, Tiêm la thì làm *Cách mạng tư sản dân quyền* (*Révolution démocratique bourgeoise*) hay cách mạng giải phóng dân tộc. Lý Thụy tức Nguyễn Ái Quốc trước đây đã ngỏ ý dung hòa lập trường chính trị này với cụ Phan Sào Nam vừa nhằm mục đích lôi cuốn các chiến sĩ quốc gia sang hàng ngũ Quốc-tế Cộng sản vừa nhằm lợi dụng uy tín của vị lãnh tụ đang có nhiều ảnh hưởng tại quốc nội cũng như ở hải ngoại đề thi hành kế hoạch riêng tư của mình. Cũng nên nhận rằng người quốc gia nặng đầu óc ái quốc và đoàn kết nên đã nhiều lần bị lừa gạt trước các mưu mô xảo quyệt của người Cộng sản luôn luôn xử dụng chiến thuật giai đoạn đối với bạn cũng như đối với thù.

1) Đông-Nam-Á vụ lúc này thuộc quyền Bộ chỉ huy Viễn đông ở Thượng-hải do một ủy viên Pháp là Noulens làm bí thư.

2) Tên Việt Nam Cộng sản đảng đại ra có tính cách tạm thời. Xét ra các lãnh tụ, các tổ chức chưa hy sinh được tiêu khi để xóa bỏ tên tuổi cũ.

Cuộc cách mạng này dĩ nhiên do vô sản lãnh đạo đề rồi chuyển qua cách mạng chủ nghĩa hay làm cách mạng tư sản dân quyền xong sẽ chuyển hướng qua cách mạng thế giới theo lý luận dưới đây :

Với những nước kinh tế lạc hậu, tổ chức xã hội còn ở giai đoạn bộ lạc và phong kiến hoặc đang là những căn cứ quân sự của đế quốc hay là những vùng khai thác tài nguyên của họ, thì dù những nước thuộc trung bộ Châu-Phi, Cộng sản quan niệm phải làm một cuộc cách mạng nhân dân (*Révolution populaire*) nếu có điều kiện đặc biệt và có thể được các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ trực tiếp như Ngoại Mông chẳng hạn, mấy nước này có thể do cách mạng nhân dân mà tiến thẳng tới xã hội chủ nghĩa.

Các chủ trương trên đây sau này (sau Đệ nhị thế chiến) dần dần không thích hợp với thực tế do một số biến cố mới và bất ngờ là chế độ Phát xít ra đời, các nước tư bản công khai chuyển chính, cuộc chiến tranh chống phát xít thắng lợi, Liên Xô đóng được vai trò trọng yếu và kiện toàn được chủ nghĩa xã hội ở các nước dân chủ mới thành lập, phong trào giải phóng tại các thuộc địa lên cao, do đó một hình thức cách mạng mới phát sinh : cách mạng dân chủ nhân dân.

Xét các sự kiện trên đây khối xã hội chủ nghĩa khoảng 1930 cũng chưa nhận ra được một đường lối chính trị phải đi. Họ chỉ mới tiến những bước dò dẫm và chương trình hoạt động của họ nay thay mai đổi mỗi khi va chạm với thực tế...

Chính cương đảng Cộng sản Đông dương.

Tổng bí thư ban thường vụ Trung ương là *Trần Phú* (1) (sau một

(1) Trần Phú người làng Tùng Ảnh, phủ Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, trước là đảng viên sáng lập của Tân Việt cách mạng đảng, sau bỏ Tân Việt, gia nhập Đông dương Cộng sản Liên đoàn và sang Moscou học. Trở về nước Phú được bầu làm Tổng Bí Thư Việt Nam C.S. đảng (sau này đổi ra Đông dương Cộng sản Đảng)

thời đặt ở Hương Cảng dời về Saigon sau hội nghị Trung ương lần thứ nhất) chiếu theo đường lối chính trị của Quốc tế Cộng sản bấy giờ và căn cứ vào điều kiện chính trị, xã hội, kinh tế ở Đông dương đã vạch ra chính cương của Đảng.

Với chính cương này, Cộng sản nhằm đánh đổ đế quốc, quét sạch tàn tích phong kiến rồi thi hành cách mạng điền địa. Chiến lược của họ như ta thấy là cách mạng tư sản dân quyền.

Đi đôi với cách mạng tư sản dân quyền, họ tiếp tục đấu tranh, đề lập chính quyền Xô viết công nông binh, lập mặt trận dân tộc phản đế. Nhưng muốn cho cuộc tranh đấu có nhiều thuận lợi, họ chủ trương liên hiệp các đảng phái cách mạng cùng các tầng lớp nhân dân theo đúng khuôn nếp và ý nghĩa của cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cái cầu đề người Cộng sản bước qua chế độ vô sản trong một giai đoạn nhất định của lịch sử.

Rồi sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái, người Cộng sản lợi dụng ngay tình thế, một bề nhân dân căm hờn đế quốc, một bề đế quốc phát động cuộc khủng bố rộng lớn đàn áp những người ái quốc để thúc đẩy phong trào tranh đấu từ Bắc chí Nam cho ngày thêm sôi nổi.

Các cuộc đấu tranh khởi từ đầu năm 1930 qua các vụ bãi công của đồn điền Phú-riêng của công nhân nhà máy sợi Nam Định, các cuộc biểu tình của phu mỏ Mông Dương, vụ đình công của sở Ba Son, vụ rải truyền đơn tại Huế và các tỉnh miền Nam Trung Việt, hô hào công nông binh học sinh phụ nữ kỷ niệm ngày 1-5. Ngày 30-4, truyền đơn và cờ đỏ búa liềm cũng được tung ra ở nhiều thành phố Bắc Việt như Hà Nội, Hải-phòng, Nam Định, Thái Bình v.v... Tại các tỉnh Nam Việt cũng có các hoạt động như trên, công nhân Nhà-bè rải truyền đơn ở Bà Rịa, Biên Hòa, gửi giấy đòi chủ xe lửa tăng lương, bớt giờ làm, bỏ lệ làm khoán, bỏ đánh đập v.v... Ngày 1-5, hàng ngàn người biểu tình ở Cao Lãnh, Chợ Mới (An Giang).

Tại Nghệ-An, thợ nhà máy diêm Bến Thủy và hàng vạn nông dân các làng kế cận nêu khẩu hiệu: Giám sưu thuế, bớt giờ làm, chống

khủng bố, tăng tiền lương, bồi thường cho những gia đình bị hại ngày 1-5 và tới cuối tháng 10 năm ấy khắp các vùng thuộc hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đều có nhiệm vụ biểu tình liên tiếp ít nhất là năm ba trăm, nhiều thì tới bốn năm ngàn người kéo từ quê ra tỉnh hay các thị trấn. Thực dân đã cho bắn và thả bom khiến số người chết và bị thương lên tới hàng ngàn, số người bị bắt cũng rất nhiều. Những người dân do những cán bộ Cộng sản hướng dẫn đã đi phá phách các công sở các đường giầy thép và các cơ quan thu thuế, các huyện sở, đồn bót, nhà ga, nhà riêng của bọn hào lý tay sai của địch. Tại các huyện Nam Đàn, Quỳnh Lưu, Phú Diễn, Anh Sơn, Diễn Châu, Nghi Lộc, Hương Sơn, Đức Thọ, Can Lộc, Kỳ Anh, Hưng Nguyên, trật tự an ninh hầu không còn gì nữa. Quan lại bỏ trốn, tổng lý cũng trả triện đồng hay theo Cộng sản, do đó Cộng sản lập được các Ủy ban Xô viết qua các cuộc mít tinh. Thành phần của các ủy ban này đa số là bần cố nông, một ít trung nông và trí thức.

Các sách báo về «*chủ nghĩa Mác-Lê-nin*», «*Lịch cách mạng*», «*Vấn đáp lý luận cách mạng*» «*Tiến lên*» «*Bước tới*» của Tỉnh ủy Nghệ An, Hà Tĩnh được phổ biến, giải thích ngày đêm.

Về chính trị, các ủy ban giữ bộ máy hành chính tổ chức đời sống của nhân dân, bãi bỏ thuế khóa, xử các vụ kiện cáo, lập cơ quan phòng gian, trừ gian và đặt cán bộ phụ trách giáo dục chính trị cho quần chúng.

Về kinh tế, Cộng sản phân chia công điền, công thổ cho dân nghèo, đặt các hợp tác xã cày bừa gặt hái, tát nước, qui định tô tức.

Về văn hóa, xã hội, Cộng sản mở các lớp dạy quốc ngữ, đọc sách giảng báo ban đêm, giản dị hóa các tục lệ ăn uống vô ích ngay cả trong ngày Tết, cưới xin ma chay do ủy ban định đoạt, bỏ việc rượu chè, cờ bạc. Trong cuộc tranh đấu ai bị hy sinh được thăm viếng, trợ cấp chôn cất tử tế. Làng bị đốt phá, dân chúng góp vật liệu xây dựng lại. Người đau ốm được săn sóc, người nghèo được giúp đỡ v.v... Trộm cắp cờ bạc bị bài trừ, những việc xung đột giữa các cá nhân được thanh niên đến hòa giải.

Lúc đầu Cộng sản có 900 đảng viên tại hai tỉnh Nghệ Tĩnh để điều khiển các tổ chức quần chúng. Số hội viên đủ loại có tới hàng vạn (theo bức viết tay của Nguyễn Ái Quốc gửi cho ban Chấp hành trung ương đảng Cộng sản Đông dương ngày 20-1-1931) ở trong phạm vi xã thôn (tại tỉnh đảng chưa có hệ thống) kể cả một số hào lý và người Công giáo.

Đáng lưu ý: Trần Phú bấy giờ là Tổng bí thư đầu tiên của ĐD CSD và là cán bộ lãnh đạo phong trào đã áp dụng triệt để lý thuyết cách mạng của Quốc tế Cộng sản sau khi ở Mạc Tư Khoa về nước. Phú sa vào tay thực dân, đồng thời hàng ngàn nông dân già trẻ trai gái cũng bị bắt giam đầy khám đường tỉnh Nghệ.

Xô viết Nghệ An tồn tại được 5 tháng, nhưng tan vỡ sau 20 ngày bị đàn áp và đây là một nền chuyên chính của nhân dân dưới chế độ thực dân. *Tờ Dư Luận* (*l'Opinion*) tuy là báo của Pháp xuất bản ở Saigon tháng 10-1930 vẫn phải nhận rằng «các việc xảy ra ở Bắc, Trung kỳ không phải là một biến cố tầm thường mà là cuộc vận động lớn lao vậy».

Xét ra với phong trào cách mạng Cộng sản, lúc đầu chưa kịp có kế hoạch đối phó toàn bộ, thực dân đôi khi phải nhượng bộ một vài yêu sách của quần chúng như tăng lương, cấm đánh đập, bỏ thuế vãng lai, bỏ lệ tuần canh, thả một số người bị bắt. Nhưng tháng 8-1930 Toàn quyền Pasquier cử Nguyễn hữu Bài làm Đặc Khâm sai ra Nghệ Tĩnh đàn áp phong trào với chương dưới đây :

1) Đặt thêm đồn binh tại các làng phối hợp với tuần canh có sẵn để truy nã các người biểu tình và thi hành việc liên binh chống các cuộc vũ trang vây phá các đồn của dân chúng.

2) Thành lập các «phu đoàn kết» và phu canh trực hậu tại các xóm, làng, tổng, huyện, ở mỗi nơi có một đoàn trưởng chỉ huy phụ tá cho các đồn binh để kiểm soát giấy căn cước, việc tuần tiễu, lùng bắt cách mạng.

3) Cử tộc biểu mỗi họ đề coi sóc con em trong họ và cáo giác hành vi chống chính phủ.

4) Lập đoàn thể luân lý gồm cha mẹ học sinh đề cộng tác với học đường răn dạy các con em đừng theo Cộng sản.

5) Dùng quan lại người Nghệ Tĩnh cai trị dân Nghệ Tĩnh.

6) Trục xuất những người Nghệ Tĩnh về bản quán.

7) Lập đảng lý nhân đề tiêu diệt Cộng sản.

8) Dùng sách báo thi ca, diễn thuyết bài trừ chủ nghĩa Cộng sản.

Vào tháng 9-1930, Cộng sản tranh đấu gặt gao, thực dân phải điều động lính lê dương và khố đỏ cùng thiết quân luật ở toàn hạt hai tỉnh này cho tới tháng 5-1931 khi phong trào đã suy sụp. Hàng ngàn cuộc biểu tình đã xảy ra là hàng ngàn vụ đồ máu, đốt phá bản giết. Tùy theo cuộc biểu tình lớn nhỏ ít nhất cũng là hàng chục người nhiều là hàng trăm đã bị hy sinh từ Nam Đàn qua Diễn Châu, Hương Sơn, Can Lộc, Thanh Chương v.v...

Đặc lực trong việc đàn áp Cộng sản đáng kể hơn cả là Nguyễn khoa Kỳ và Tôn thất Đàn đã tỏ ra là những tên đao phủ tận tâm của nhà nước Đại-Pháp. Tôn thất Đàn ra lệnh đốt cả huyện Nghi Lộc để làm gương cho các làng theo Cộng sản. Y đã đưa gươm Khâm sai ra dọa «Ai chống lại chánh phủ Pháp sẽ bị chém! Làng nào theo Cộng sản sẽ bị triệt hạ. Y để lại đến ngày nay một câu bất hủ mà người Nghệ Tĩnh không bao giờ quên được :

«Hữu Nghệ Tĩnh bất phú! Vô Nghệ Tĩnh bất bần!»

Còn Nguyễn khoa Kỳ lúc này là Tổng đốc Nghệ An bắt được một thiếu nhi rải truyền đơn liền mang ra ngoài đầu cầu bắn chết ngay tức thì đề thị uy trước dân chúng. Y lập thẻ quy thuận thay các thẻ do các hào lý cấp phát. Ai không có thẻ này thì không đi làm dâu được. Tuy vậy vào hai tháng đầu năm 1931 phong trào Cộng sản vẫn không ngớt dù có các đồn binh trấn đóng mọi nơi. Trong một bản báo cáo ngày 20-3-31, Đại úy Doucin đã nói về tình hình vùng Bắc sông Cả (sông Lam) như sau :

«Tình trạng vùng này (Thanh Nhu, Thanh La, Hòa Quân ở Thanh Chương) vẫn còn lâu lắm mới sáng tỏ được. Hầu hết các tổng lý không dám ra khỏi nhà một bước... Vùng này ở dưới quyền bọn phiến loạn. Phải có những phương sách thật quyết liệt mới mong văn hồi được trật tự...»

Cuộc đàn áp đẫm máu của thực dân đã ảnh hưởng đến phong trào Cộng Sản lúc bấy giờ nhưng tai hại nhất là việc các lãnh tụ phong trào dần dần sa lưới cho tới hết (1)

Cuộc khủng bố của thực dân mạnh nhất kể từ tháng ba 1931. Nhiều đảng viên Cộng sản phải lần trốn vào rừng núi vì không còn bám được vào quần chúng, rồi phong trào thiếu sự chỉ huy trở nên rời rạc. Ngoài biện pháp đẫm máu, thực dân còn đưa ra một số thủ đoạn lừa phỉnh như đào nông giang, đắp đập nước, mở trường học, phát chẩn đề mua chuộc hoặc dụ dỗ dân chúng về đầu thú. Song song với các trò này, địch lập một hệ thống Bang tá từ cấp xã lên tới cấp huyện. Mỗi Bang tá có một số lính khố lục có súng phối hợp với các đồn binh đi bắt cán bộ. Bọn này không hơn không kém là một bầy chó săn, chúng đã thẳng tay bắn giết hàng nghìn người nhất là tại Can Lộc trong khi rừng dân đang họp mít tinh. Tới tháng 6-1931 nhiều cơ quan Tỉnh-ủy, Khu-ủy, Huyện-ủy bị tan vỡ. Một số cán bộ còn sót phải trốn qua biên giới Lào và Xiêm. Các cơ sở dân chúng cũng vỡ lở, mặc dầu Xứ ủy Trung kỳ được lập lại để tiếp tục lãnh đạo phong trào. Nhưng từ đó các cuộc bạo động tuy có diễn ra nhưng chỉ lẻ tẻ mà thôi.

(1) Ngày 9-4-1931. Nguyễn Đức Cảnh biệt hiệu Bécon, Lê Văn Mao tức Cát chỉ huy phong trào Nghệ Tĩnh bị bắt ở đồn Yên Dũng Hạ, cách Vinh 3 cây số. Ngày 1-5-1931, Lê viết Thuật bị mật thám Pháp bắt được ở Vinh. Ngày 3-5-1931, Nguyễn Văn Sắc tức Thịnh, đặc phái viên của Trung ương cũng bị vô ngục. Tất cả đều bị giết hoặc tuần tiết. Trong việc nhiều lãnh tụ bị bắt có một vài trường hợp nội phản. Họ đều thuộc Xứ ủy Trung kỳ.

Hưởng ứng phong trào Nghệ Tĩnh và cao trào tranh đấu đầu tiên diễn ra trong toàn quốc từ ngày kỷ niệm Lao động quốc tế 1-5-1930, các tỉnh Bắc kỳ, miền Nam Trung kỳ và Nam kỳ cũng trở nên sôi nổi không kém, chỗ nào cũng có những cuộc biểu tình từ hàng trăm đến hàng ngàn người, cũng có những vụ rải truyền đơn đòi giảm thuế, tăng lương, chống áp bức của nông dân và thợ thuyền. Thực dân xả súng bắn không tiếc tay. Số người bị thiệt mạng rất nhiều.

Đáng lưu ý là tiếp theo phong trào Nghệ Tĩnh, phong trào Quảng Ngãi cũng bốc lên dữ dội từ tháng 10-1930 trở đi. Đặc điểm của phong trào tại địa phương này là cuộc đấu tranh thường có kế hoạch phòng ngự trước sự tấn công của thực dân và vận động được đa số quần chúng tham gia, nhờ vậy nhân dân chủ động được cuộc chiến đấu và trừ được bọn chỉ huy ở nhiều nơi.

Tại vùng Tây nguyên, dân thiểu số cũng không chịu khuất phục dưới chính quyền của Pháp thực dân. Bọn này cũng dùng chính sách cướp đất đai, ruộng rẫy của dân để làm đồn điền. Chúng cũng bắt dân đi phu để phục vụ việc trồng tía, khàn hoang, đắp đường, xây cầu cống. Vùng Tây nguyên đất đai có nhiều màu mỡ nên Pháp đã mở rộng các đồn điền cao su, cà phê, chè bắt đầu từ thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ hai.

Ngay từ đầu năm 1929, thực dân đã lò tuồn tiêu vùng Cao nguyên An Khê, đóng đồn lính ở làng Kau-bar, kiểm soát con đường Pleiku.

Chống lại cuộc áp bức của thực dân, đồng bào thiểu số ở đây đã đốt làng, rút vào rừng. Trung tuần tháng ba 1929, hơn 100 người dân phá đồn điền Delignon, chặt hết 2000 cây cao su, giết chết 3 tên coi đồn điền và làm bị thương nhiều kẻ khác. Thực dân cho lính và máy bay đến đàn áp, dân chúng bỏ chạy trốn.

Sau này các cuộc tranh đấu ở miền xuôi diễn ra ào ạt, đồng bào thiểu số cũng nhân cơ hội nổi dậy chống bọn Pháp. Ngày 26-5-1931, một số người Pnông làng Butham giáp Thủ-đầu-một giết

tên Chủ quận Pháp tại Bù-đốp là Gastille Pháp. trả thù cho máy bay đến triệt hạ làng này luôn trong 2 ngày 6 và 7 tháng 6-1931. Chúng bắt được người chỉ huy cuộc bạo động là Lan-An-Du-Y đem đi đây chung thân khổ sai.

Ngày 25-10-1931 tên Đại lý Morère ở Bà Rá (Biên Hòa) cũng bị dân Bu-đốp đón đường giết chết.

Thực dân phái ngay tên Gerbert Chủ quận Bu-đốp và tên Quản Farret đem 40 lính đến phá nhiều làng và ruộng lúa sắp được gặt ở đây. Xét ra những vụ nổi dậy lẻ tẻ ở Cao nguyên vẫn thường diễn ra, tuy không được sự tổ chức và lãnh đạo của những người có kinh nghiệm và kết quả dĩ nhiên không được khả quan nhiều v.v...

Nếu tổng quát mà xét, ta thấy phong trào tranh đấu của những người quốc gia cũng như Cộng-sản trong khoảng năm 1928-1931 đã có tiếng vang ra cả hải ngoại từ vụ khởi nghĩa Yên-bái trở đi. Dư luận tại Pháp xúc động khá mạnh vì những bài trần thuật của báo chí tả phái cũng như hữu phái, nhất là của mấy cuốn ký-sự của nữ ký giả André Viollis, của Louis Roubaud (tác giả cuốn *La Tragédie Indochinoise*) đã phơi bày tất cả cái bộ mặt bỉ ổi của bọn thực dân Pháp qua các hành động béc lột và đàn áp các phong trào ái quốc ở Việt Nam.

Việt kiều ở Paris ngày 23-3-1930, nhân có việc khánh thành *Đông dương học xá*, đã rải truyền đơn đòi thả 52 người cách mạng bị kết án tử hình sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Ngày 22-5-1930, du học sinh Việt Nam biểu tình trước điện Élysée (Phủ Tổng thống Pháp) nêu khẩu hiệu :

« Thả 39 người khởi nghĩa Yên-bái bị kết án tử tử ! »

« Đả đảo đế quốc chủ nghĩa ! »

Mười một người bị bắt trong vụ này.

Ngày 25-5-30, Đảng Cộng sản Pháp họp mít tinh ở Murs des Fédérés có học sinh và thợ thuyền Việt Nam tham gia cũng nêu khẩu

hiệu ủng hộ đảng Cộng sản Đông dương và phát truyền đơn nói về chánh sách thuộc địa của Pháp ở Đông dương :

Ba mươi tư người Việt Nam có mặt ở đây bị bắt và bị truy tố ra tòa án. Số học sinh bị bắt trước đây có 19 người bị trục xuất khỏi nước Pháp và về tới Saigon chiều ngày 24-6-1930.

Mười ba người dự cuộc biểu tình trước điện Élysée bị đui (trong số 19 người kể cả chuyến sau) là Huỳnh văn Phương, Tạ thu Thâu, Trần văn Giàu, Nguyễn văn Tạo, Lê tiết Thứ, Trần văn Chiêu, Trần văn Đóm, Đào tấn Phát, Trần văn Ty, Ngô quang Huy, Phan văn Chính, Lê bá Cung và Susini.

Còn 6 người kia là Hồ Văn Ngà, Vũ Liên, Trịnh văn Phú, Vũ đình Kiên, Trần duy Đàm và Nguyễn văn Tân.

Dĩ nhiên những người này về đến đất nước phải nằm trong vòng kiểm soát của sở mật thám đường Catinat (nay là đường Tự Do) và không những không được dự vào các guồng máy chính quyền ngay cả ở các trường tư họ cũng không được phép hành nghề.

Sau tháng 3-1931, các hoạt động của Cộng-sản Đông-dương đi tới chỗ tan rã như trên đã nói. Đảng họp ban chấp hành tại Saigon chỉ còn một ngày nữa là bế mạc thì một ủy viên thường vụ trung ương là Ngô-đức-Tri bị bắt. Tri không chịu nổi đòn của bọn thực dân nên đã tố cáo một số nhân vật quan trọng. Cũng trong dịp này Xứ ủy Trung kỳ cũng bị sụp. Cả hai cơ quan này đã hết sức chật vật mới được tái lập nhưng do sự theo dõi ráo riết của địch ít lâu sau toàn bộ của Đảng cũng bị đập vỡ hầu như không còn gì, nhất là sau khi Tổng bí thư đảng là Trần Phú bị bắt và thờ hơi tàn tại nhà thương Chợ Quán.

Rủi hơn nữa, lãnh tụ tối cao của Cộng sản Đông-dương là Nguyễn-Ái-Quốc cũng bị chánh phủ Anh ở Hương Cảng bắt được và truy tố vào tội làm gián điệp cho chánh phủ Nga Sô. Nhờ có luật sư Henri Losebey hết sức bào chữa, Nguyễn được Viện Cơ mật Luân Đôn tha bổng. Bọn cầm quyền ở Hương Cảng ra lệnh trục xuất Nguyễn ra khỏi nhượng địa này tính đề cho bọn mật thám Pháp về lấy thì Nguyễn

lần được xuống tàu tính đi Tân-gia-ba nhưng lại bị giải trở lại Hương Cảng. Thêm một phen nữa Henri-Loschey lại giải nguy được cho Nguyễn. Từ giai đoạn này trở đi cuộc tranh đấu của Cộng sản tàn lụi hầu không gắng gượng được nữa vì hệ thống tổ chức đứt đoạn lung tung, cơ sở từ Trung ương trở xuống nát bấy. Tuy vậy do đã phải đổ khá nhiều xương máu nên đảng mới thành lập được hơn một năm (1931) đến năm 1935 Quốc tế Cộng sản đã chịu nâng Đông Dương C.S từ một Chi bộ dự bị trước đây thành Chi bộ chính thức vào kỳ họp Đại hội lần thứ bảy.

Rồi từ 1931 một số cán bộ còn sống sót trong nhà tù vẫn nuôi chí tranh đấu, vẫn bất liên lạc với dư đảng bên ngoài và đã biến các khám đường thành các trường đào tạo cán bộ. Qua năm 1933 một số người vượt ngục, một số được ân xá hay mãn hạn tù ra ngoài lại gây lại phong trào rồi các cuộc tranh đấu lại tiếp diễn tuy không ồn ào náo nhiệt và đông đảo như trước. Các đảng viên ở Trung quốc và ở Xiêm dần dần về lập cơ sở các tỉnh biên giới như Lạng Sơn, Cao Bằng, Thakhet, Savanakhet v.v.. Năm 1934 một số đảng viên ở Pháp về hợp với đảng viên Nam bộ và Trung bộ ở tù ra gây phong trào tranh đấu ở Nghị trường và báo chí cho tới năm sau (1935) phong trào cách mạng Việt Nam bước sang giai đoạn mới do sự biến chuyển của tình hình thế giới.

Bàn về phong trào tranh đấu của Cộng sản Đông-dương trong hơn một năm (kể từ 1930) chính những người Cộng sản cũng nhận rằng họ đã thất bại bởi nhiều lỗi lầm. Họ cũng bị cái bệnh ấu trĩ như phong trào Yên Bái về mọi phương diện.

Về tổ chức họ thiếu sự ràng buộc chặt chẽ, nhiều nơi đã tự động (nhất là về phía nông dân) rồi trở nên manh động dễ thành cái bia hứng đạn của địch rất tai hại. Cán bộ không bám chặt được vào quần chúng rồi bỏ trốn khiến quần chúng bơ-vơ, lạc lõng. Sự kiện này đưa quần chúng đến chỗ mất tinh thần rồi sinh cầu an, thoái bại.

— Quần chúng thiếu sự rèn luyện và kế hoạch tranh đấu, sau này Nguyễn-đức-Cảnh thấy thiệt hại quá nhiều mới viết ra quyền

« Chiến lược ra trận » và đưa ra một số chỉ thị cho các đoàn thể quần chúng luyện tập quân sự, dạy cách ẩn nấp, phân tán. Trước đây khi bị địch khủng bố, họ chỉ còn biết chạy vào miền rừng núi làm mồi cho sự đói khát, tật bệnh mà không biết đối phó ra sao. Tóm lại đảng đã « đem con bỏ chợ » nghĩa là chỉ biết quẳng quần chúng vào guồng máy đấu tranh trong khi quần chúng chưa được võ trang tinh thần và có kế hoạch. Họ thiếu cả kế hoạch cứng cố cơ sở.

— Đảng không biết mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất phản đế, đầu lượm mọi khả năng cách mạng của mọi tầng lớp xã hội để nhắm vào kẻ thù chính là thực dân Pháp. Đã vậy lúc này người Cộng sản còn tung ra khẩu hiệu : « tri, phủ, địa, hào hào đến gốc trúc đến rễ » để tự cô lập mình. Đó là một điều đại dột (nếu không nói là ngu muội) và không thực tế, khiến những phần tử trong 4 loại người này nhiều kẻ đã phải chạy theo thực dân làm kế an toàn và chống lại Cộng-đảng. Thêm vào đó một khuyết điểm nữa là các khẩu hiệu tranh đấu nêu ra cũng ít có tính cách dân tộc khiến giặc đã lợi dụng được cơ hội để lôi cuốn được một phần nhân dân đáng kể vào hàng ngũ của chúng. Tai hại hơn nữa lúc phong trào đang sụt xuống thì chủ trương cô biệt lại ra đời.

— Cuộc đấu tranh trên toàn quốc đã quá ào ạt mà không có thống nhất nên đã nhiều khi trở nên manh động do thiếu sót ý thức cứng cố cơ sở, tổ chức bảo toàn cán bộ vì thế nên gặp cuộc khủng bố nặng nề của địch, đảng bị thiệt hại rất nhiều. Nhiều yếu nhân của đảng đã đi sang con đường phản bội, tỉ dụ : Nguyễn kim Tôn xứ ủy Bắc kỳ đã cáo giác các đồng chí sau khi bị bắt, Nghiêm thượng Biên cũng là Xứ ủy Bắc kỳ đã giúp mật thám Pháp đi lùng các tổ chức của Đảng, Ngô đức Trì đã khai hết bí mật Đảng.

— Chính lược của đảng chưa thông suốt, đường lối chính trị của đảng chưa được rõ ràng, những bệnh tả khuynh theo đuôi quần chúng khá nhiều nên nhiều cán bộ chưa biết rằng trong giai đoạn này của lịch sử nước nhà phải làm cách mạng tư sản dân quyền trước hết. Nhiều cán bộ đã nhận lầm là đương có nhiệm vụ làm cách mạng vô sản nên đã có những khẩu hiệu cũng như hành động quá trốn chừa

hợp thời như : « Công xưởng thuộc quyền công nhân — Ruộng đất thuộc nông dân » Qua sự kiện này ta thấy chủ trương của Trung ương và địa phương nhiều khi lệch lạc, mâu thuẫn là dĩ nhiên. Cho tới những năm tháng gần đây Đảng Cộng sản Đông dương vẫn còn tiếp tục vấp phải những lỗi lầm quan trọng như trên là nhắm mắt theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đốt giai đoạn như coi thường thực tế nên họ đã gặp phải những trở ngại lớn lao có thể làm cho họ tiêu tan sự nghiệp chưa biết ngày nào.

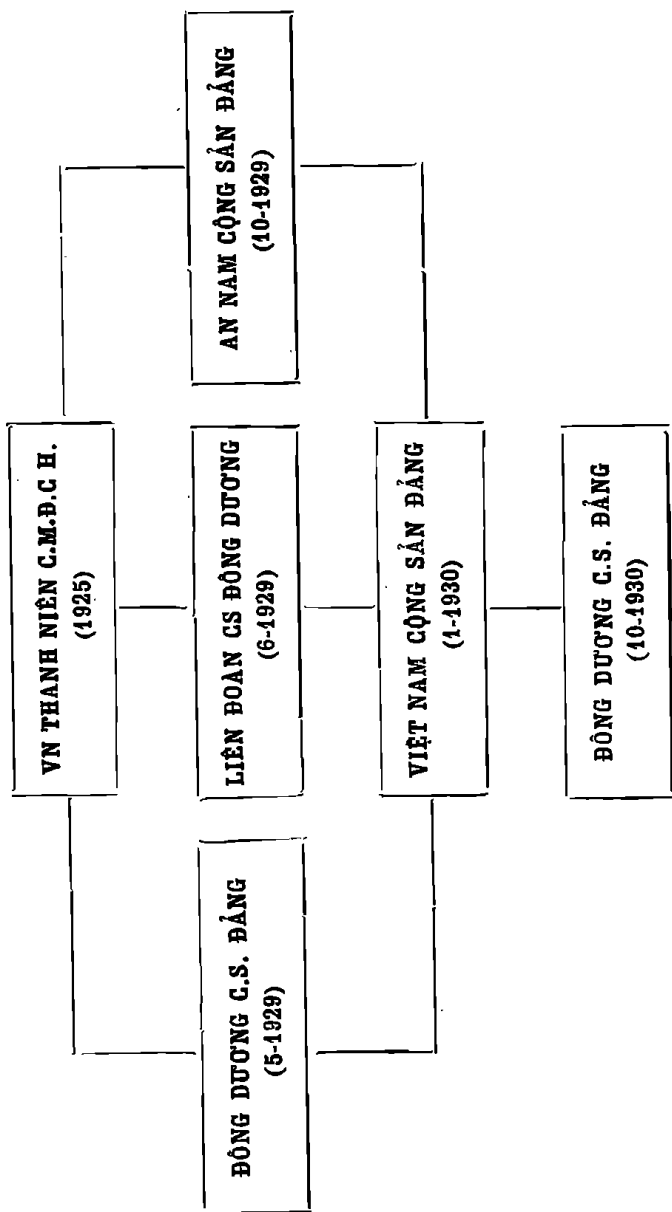
Nhận định của chúng ta ngày nay trước cuộc cách mạng Yên Bái và các cuộc đấu tranh của Cộng sản Đông dương là phải khen cả đôi bên về mục đích chủ trương của họ là sự đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, quét sạch phong kiến tay sai cùng mọi tàn tích của nó, còn cuộc cách mạng của họ trên lãnh vực quốc gia và xã hội chúng ta sẽ có dịp bàn đến trong một ngày gần đây, duy có điều đáng buồn là khi còn ở trong tình trạng ấu trĩ, yếu kém, về phía người Cộng sản đã có óc chia rẽ hiểm khích quá đáng đối với các phần tử quốc gia và các thành phần dân tộc không thuộc Công Nông. Vì thế mà cuộc đấu tranh chống thực dân bị sút giảm một phần năng lực quan trọng. Đó là chưa kể họ (người Cộng sản) còn luôn luôn phản bội và hiểu sát chẳng kể đối với các đảng phái khác mà ngay cả với nội bộ của họ nữa.

Phải chăng duy vật biện chứng pháp được xây dựng trên qui luật mọi sự vật đều chứa hai yếu tố mâu thuẫn nhau ? (*une chose n' a donc pas seulement elle même, mais autre chose qui est son contraire, car chaque chose contient son contraire... Chaque chose contient à la fois elle même et son contraire... Matérialisme dialectique*) và ta không khỏi nghi ngờ ra từ ngày Quốc tế Cộng sản ra đời đến nay mới trên 50 năm mà từ Mạc Tư Khoa qua Bắc Kinh, nội bộ Cộng sản đã trải bao nhiêu cuộc đảo chính công khai và không công khai, bao nhiêu lãnh tụ cốt cán đã bị tiêu diệt do chính bàn tay của các đồng chí. Nguy hại hơn hết là họ xung đột cả về lý thuyết Mác-lê và trên các chánh sách căn bản đối nội, đối ngoại do đó trong tương lai của khối Cộng sản còn có thể có nhiều biến chuyển nghiêm trọng. Giờ phút tác phẩm này ra mắt các bạn đọc hai

nước đàn anh của Quốc tế Cộng sản là Nga và Tàu đang có những cuộc đả kích nhau kịch liệt khiến thế giới phải nghĩ rằng một cuộc chiến tranh lớn có thể xảy ra giữa họ chưa biết giờ phút nào, còn điều rõ rệt hơn là khối cộng sản đang phân hóa, chia rẽ dữ dội trên nhiều phương diện từ Âu qua Á.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÁC ĐẢNG CỘNG SẢN TẠI VIỆT NAM



NHỮNG BIẾN CỐ Ở HẢI NGOẠI

— *Tiếng bom Sa-Diện (21-6-1924)*

— *Cụ Phan Sào Nam bị bắt*

— *Hoạt động cách mạng của Việt kiều trên đất Xiêm*

I.— Phạm Hồng Thái, Kinh Kha Việt Nam

Như ta đã thấy qua các trang sử kể trên, phong trào chống Đế Quốc ở Việt Nam sau cuộc Thế chiến thứ nhất đã gặp nhiều trở lực, nhất là sau khi Việt Nam Quang phục hội thất bại, đám hậu tiến của các cụ Sào Nam, Nguyễn thương Hiền, Tây Hồ vẫn nối tiếp truyền thống bất khuất của dân tộc. Mặc dầu kẻ chạy qua Tây, người trốn sang Tàu, ai nấy vẫn không rời bỏ ý chí phục quốc Ở trong nước anh em thanh niên cũng áp dụng đường lối đấu tranh bất bạo động để nuôi dưỡng tinh thần chống giặc cứu nước.

Lúc này Trung-quốc Quốc dân đảng đã thành công trong việc xây dựng cách mạng dân chủ tuy nội tình chưa hoàn toàn ổn định và nhiều dân tộc bị trị ở Đông Nam Á cũng đang rạo rục. Tại Quảng Châu (1924) bấy giờ Nga có đặt một phái đoàn do Borodine cầm đầu làm Cố-vấn cho Tôn dật Tiên (1) Trong phái đoàn này có một nhân vật Việt Nam, đó là Nguyễn ái Quốc tức Lý Thụy từ lâu đứng trong hàng ngũ gián điệp của Quốc-tế Cộng-sản. Nguyễn ái Quốc gặp một

(1) Lúc ấy Tôn dật Tiên có kế hoạch Liên Nga dung Cộng để lấy hậu thuẫn của Mạc Tư Khoa làm lợi khí tiêu diệt Mãn Thanh và thành lập nền Cộng Hòa cho Hoa tộc.

số thanh niên Việt Nam đồng hương (Nghệ Tĩnh) đã do phong trào Đông du đưa qua Tàu đang qui tụ chung quanh cụ Sào Nam. Năm 1924 Việt Nam Quang phục hội đã biến ra *Tám Tâm xã*, sau cùng đổi ra *Việt Nam quốc đảng* ý hẳn cho có sự liên kết chặt chẽ với Quốc dân đảng Trung Hoa.

Trong số thanh niên đó có Lâm đức Thụ và Hồ tùng Mậu là hai người xuất sắc nhất. Họ đã dẫn Lý Thụy đến thăm cụ Phan. Lý Thụy liền nhập vào Việt Nam Quốc đảng. Ở đây Lý Thụy đã có dịp tỏ được khả năng chính trị và tài thao lược của mình nên được cảm tình của mọi người từ cụ Sào Nam trở xuống. Tuy nhiên ngay lúc này, Lý Thụy đã có chủ trương riêng của người Cộng Sản đệ Tam.

Sau ít lâu cụ Phan lên Hàng Châu viết «*Bình sự tạp chí*» do lời mời của Lâm lượng Sinh chủ tờ báo này, thì mọi việc ở Quảng Châu được trao cho bọn Lý Thụy, Hồ tùng Mậu và Lâm đức Thụ.

Năm 1925 đã đánh dấu nhiều việc quan trọng : Lý Thụy cùng anh em lập : «*Chi hội các dân tộc bị áp bức*» theo chương trình bí mật của Quốc-tế Cộng Sản rồi bắt liên lạc với các anh em cách mạng trong nước và các anh em Việt-kiều bên Xiêm.

Nhiều nước nhược tiểu Đông Nam Á đang rạo rức do nhiều phong trào giải phóng dân tộc nổi lên khiến bọn Đế-quốc và quân phiệt ở Á-châu phải lo lắng và tìm cách đối phó.

Tháng 6-1924 chánh phủ thuộc địa Pháp đã cử đương kim Toàn quyền Đông dương là Martial Merlin làm một hành trình qua Nhật Bản, Hương Cảng, Vân Nam. Cùng đi với Merlin có 3 khuôn mặt đáng kể, hai Pháp một Việt : Yve Châtel, chánh văn phòng Phủ Toàn quyền, Jeandreau Giám đốc sở mật thám Đông Dương và một người Việt có tiếng tăm là... học giả Lê Dư trước kia đứng trong hàng ngũ Đông Kinh nghĩa thực nay về đầu Pháp. Tại Vân Nam Merlin cần gặp Đốc quân Đường Kế Nghiêu là một tên quân phiệt rất thân Pháp khi đó. Mục đích của Merlin trong chuyến đi này là ký mật ước và thương lượng với các nhà cầm quyền ở các xứ này vừa về

các vấn đề Kinh-tế, thương mại mà cả về chánh trị. Nói đến chánh trị là nói đến vấn đề cách mạng Việt Nam trong đó Pháp nhằm vận động các lân quốc của Đông Dương hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp giúp Pháp tiêu diệt cách mạng Việt Nam cho sạch gốc sạch ngọn ở hải ngoại.

Ngay khi Merlin có mặt ở các nơi kể trên tình báo của Quốc Tế Cộng Sản đã báo cho phái bộ Borodine mọi tin tức liên hệ nên bộ ba Lý Thụy, Lâm đức Thụy, Hồ tùng Mậu nghĩ luôn đến việc ám sát Merlin để tạo một tiếng vang cho Cách mạng Việt Nam, riêng Lý Thụy lại muốn khai thác cơ hội này để gây uy tín cho mình.

Nhưng cũng lúc này Phạm hồng Thái tìm đến.

Phạm hồng Thái tên thực là Phạm thành Tích con cụ Phạm-cao Định người làng Xuân Nha, tổng Văn Viễn, phủ Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An trước là học sinh trường Bách Nghệ (Hà Nội) sau vì đánh tên giám thị Pháp của nhà trường phải bỏ trốn sang Tàu vào năm 1922. Tới Quảng Đông Phạm quân được giới thiệu vào Tâm Tâm xã và năm đó mới 23 tuổi.

Phạm quân báo cáo cho anh em biết một người bạn Tàu có chân trong đảng Cộng sản Tàu là Bao trượng Như chuyên về điệp báo cho hay Toàn quyền Đông dương Merlin sắp qua Quảng đông, sẽ ghé thăm xã giao chính phủ Trung Hoa. Trước đó ít hôm Merlin đến viếng Nhật Bản. Chuyến đi nhiều nơi này của Merlin rất quan trọng và có chuyện vận động chính trị liên hệ đến tiền đồ cách mạng Việt Nam.

Rồi Phạm quân đề nghị hạ sát Merlin.

Cả bọn đều tán thành nhất là bọn Lý Thụy cũng nhận được tin trên và cũng đã có dự định này, cho rằng đây là cơ hội ngàn năm một thuở vì trừ khử được Merlin không khác gì tiêu diệt được hàng chục sư đoàn do tiếng vang của nó sẽ đẩy mạnh việc quang phục đất nước chóng đến đích.

Người ta liền bàn luôn đến kế hoạch và cử người đóng vai An trọng Căn (1).

Phạm quân rất hăng hái tình nguyện lãnh công tác mạo hiểm này và một đồng chí nữa là Lê tán Anh (*tức Lê hồng Sơn tục danh Võ nguyên Chinh*) xin tiếp tay cho họ Phạm. Phạm quân sẽ giả làm một phóng viên báo chí, Lê quân làm nhiếp ảnh viên. Phạm sẽ liệng tạc đạn nếu không trúng đích (Merlin) thì Lê sẽ bồi thêm một tạc đạn thứ hai nữa vừa để bảo vệ cho Phạm mà cũng để thanh toán luôn cả mục tiêu nữa.

Hội nghị nhấn mạnh về sự quan trọng của vụ ám sát này vì nếu thất bại sẽ có hậu quả vô cùng tai hại. Người ta nhắc đến vụ cụ Phan Sào Nam do sự mua chuộc của Pháp 10 năm trước đã bị Long tế Quang nhốt ở ngục thất Quảng đông (năm 1924), Cảnh sát thực hay mật vụ của chánh phủ Đông dương lúc nào cũng có mặt ở đây để theo dõi cách mạng VN. Nếu họ phát giác ra với bằng cứ cụ thể hung thủ là người Việt Nam, Pháp sẽ kháng nghị và buộc chính phủ Quảng đông phải dẫn độ hết người Việt, hoặc chính phủ ở đây vì bị phiền phức lời thôi cũng sẽ không để cho các du học sinh Việt Nam được yên. Có thể họ sẽ tổng xuất hết mọi anh em như Nhật 15 năm trước. Tóm lại hội nghị đòi hỏi một sự bí mật tuyệt đối về công tác này sau đó nếu cần bảo toàn cho tương lai cách mạng trên đất Tàu, người đóng vai Kinh Kha qua Tần phải hy sinh khi chẳng may việc ám sát thất bại.

Hội nghị bế mạc, Phạm quân và Lê quân liền nghiên cứu mọi vấn đề. Chuyển công cán của Merlin đã diễn tiến như sau : Sau một tuần ở Đông Kinh, Merlin xuống tàu về Đông dương vào ngày 12-6-1924 Cùng ngày hôm đó Tòa Tổng Lãnh Sự Pháp ở Quảng Đông nhận được tin điện của Merlin sẽ ghé qua Quảng Đông viếng xã giao chánh phủ Dân quốc Trung Hoa.

(1) An trọng Căn là người đã ám sát Toàn-quyền Nhật tại Cao Ly tên là Y Đăng Bác Văn. Cao Ly thuở ấy rất khổ cực dưới chế độ Nhật.

Hai nghĩa sĩ của chúng ta được tin này liền đi dò xét vị trí của cuộc tiếp đón và nơi bày tiệc đãi Merlin hầu chuẩn bị địa bàn hành thích. Nhận thấy nơi đón rước tất nhiên là bến Thiên tự mã đầu và địa điểm đãi tiệc không thể nơi nào khác ngoài tư dinh viên Tổng lãnh sự hay nhà hàng Victoria. Hai ông ước đoán rằng Toàn quyền Merlin đi công cán chuyến này để giải quyết nhiều vấn đề thì phải mang nhiều chuyên viên ít nhất mười lăm hay hai chục người. Tất nhiên họ còn mời một số các nhà cầm quyền Trung quốc cũng vào khoảng số đó rồi lại phải kê đến các thực khách của sứ quán Anh, sứ quán Pháp, do đó tư dinh của Tổng lãnh sự làm sao có thể chứa được năm bảy chục tân khách. Nơi đãi tiệc mười phần chắc chắn đến chín sẽ là khách sạn Victoria tọa lạc tại phía Bắc thành phố Sa Diện tức Shameen. (Địa thế của Sa Diện như một hòn đảo nhỏ vốn là một nhượng địa mà các nước Tây phương giành giật của Trung quốc gồm có các Tô giới Anh, Pháp, Nhật. Mỗi Tô giới đều có guồng máy hành chánh riêng).

Khách sạn Victoria nằm trong Tô giới Anh trong thành phố Sa Diện. Nơi đây phía Đông giáp sông Châu Giang và đảo Châu Hải, phía Tây giáp Tây Giang và đường xe lửa Việt Hán, phía Nam đối diện đầm Bạch Nga và làng Thượng Phương, phía Bắc giáp thị xã Quảng Châu, cách có một cây cầu và một cái hào gọi là Tây hào Khâu, một bên có lính Anh gác, một bên có lính Tàu, việc qua lại bị đón xét rất nghiêm ngặt).

Phạm quân đoán quyết sự việc sẽ như vậy bởi mấy ngày trước ông giả làm bồi đi chợ đã dò hỏi ông bếp già người Việt nấu ăn cho Tổng Lãnh Sự Pháp. Ông già này cho hay mấy năm trước Thống đốc Nam kỳ là Cognac sang Thượng Hải, Bắc Kinh mua đồ cồ ghé thăm chánh phủ Quảng đông. Tòa Tổng lãnh sự Pháp cũng có bày một dạ hội xã giao với các quan chức Trung quốc; năm 1920 vua Bỉ (Albert đệ nhất) qua đây cũng có sự đãi đằng tại khách sạn Victoria là nơi vừa rộng rãi nhất và lịch sự nhất.

Tuy nhiên Phạm quân vẫn bàn với Lê quân một người do đã quen ông bếp già thì vào nhà Tổng Lãnh Sự để coi đường lối ra vào,

một người đi nghiên cứu hình thể của khách sạn Victoria rồi đề tính sự tiến thoái ở mỗi nơi trong khi chưa biết đích dạ hội sẽ thiết lập ở đâu.

Đúng 5 ngày sau công tác điều nghiên các việc của hai người xong xuôi thì có tin của Cộng đảng Thượng Hải từ đô thị hoa lệ này cho Lý Thụy hay bằng mật điện rằng phái đoàn Merlin đã rời cửa biển Hoàng Tân sáng 12-6-1924 và có thể tới Hồng Kông vào ngày 17 hay chậm hơn nếu bị gió mùa của Nam Hải thổi ngược về hướng Bắc.

Lý Thụy liền báo Phạm quân hay tức thì và trong khi chờ viên Thủ hiến Đông Dương đến nạp mạng Phạm, Lê hàng ngày qua lại nơi khách sạn và Tòa Tổng Lãnh Sự đề ôn tập bằng mắt đường đi nước bước và suy gẫm những biến cố có thể xảy ra thế nào đề ứng biến được mau lẹ.

(Một tài liệu khác cho hay Phạm quân định hạ thủ Merlin ngay khi chiếc tàu binh chở Merlin đến bến. Tại đây Phạm quân mượn sẵn một chiếc thuyền đậu sát Thiên tự mã đầu. Phạm tính hạ thủ Merlin bằng lựu đạn vào lúc Merlin bước chân lên bờ. Trái nỏ đã do một giáo viên ở trường Quân quan học hiệu Hoàng Phố chế tạo. Trái nỏ này chỉ to bằng trái na bô vào chiếc cặp nhỏ rất gọn không ai có thể nghi ngờ được. Ngoài ra Phạm quân còn có hai khẩu súng lục phòng khi cần chiến đấu đề thoát thân. Nhưng một điều bất ngờ đã làm cho dự tính này sai lạc: Khi tàu sắp ghé bến thì cảnh sát Quảng đông bắt các thuyền lớn nhỏ dời hết đi nơi khác. Phạm quân đành phải xoay chiều).

Nói về vấn đề bảo đảm an ninh cho Merlin, Tổng Lãnh Sự Pháp là Pierre Constant đã lo đến mức tối đa. Y chọn nhà hàng Victoria ngoài sự rộng rãi, lịch sự, món ăn ngon lại còn có sự bố trí dễ dàng cho những đám quân phòng vệ. Y hiểu Merlin nổi tiếng cay nghiệt nên rất bị đồng bào ta ở quốc nội thâm thù và tất nhiên các chiến sĩ cách mạng của ta đang lưu vong ở Quảng đông sẽ không vô tình đối với kẻ đã có nhiều thành tích bắt hảo từ hồi trọng nhậm ngành cai trị ở Syrie, Li Ban (Bắc Phi).

Thêm một bảo đảm nữa là chủ nhân khách sạn này lại là một người Pháp tên là Etienne de Rivarola nguyên trước làm thuyền trưởng hàng hải thương thuyền đường Pháp—Viễn đông lấy một vũ nữ Tô châu rất đẹp ở Thượng Hải rồi ở lại đây lập nghiệp. Y tậu được nhà hàng Victoria của một người Anh nhường lại và mở mang mỗi ngày một thêm phát đạt. Merlin tới thì một giờ trước, chủ nhà hàng đã phải mời các khách trọ (trọ ngày, trọ hàng tuần hay cả tháng) tạm rời khỏi khách sạn trước khi có dạ hội.

Các quan khách đều phải mang theo thiệp mời của Tòa Tổng Lãnh Sự có dán hình và đóng dấu. Các ký giả, nhiếp ảnh viên phải có giấy thông hành đặc biệt (*coupe-fil*) có cước chú mời nhất của Tổng Lãnh Sự và tuyệt đối phải là người da trắng hay công dân chính thức Trung quốc, mang theo căn cước trong người.

Việc này sau đã thành một sự khó khăn nhất cho Phạm và Lê quân vì trong thời gian hai ngày (trước ngày 19-6-1924 tức 18 tháng 5 Giáp Tý) làm sao kiếm ra được hai tờ thông hành Tô giới và hai thẻ phóng viên mới của Tòa Tổng Lãnh Sự Pháp. Nằm trên lầu. Vì lạc viên hai người nghĩ mãi chưa biết giải quyết tình thế bằng cách nào thì Lê tán Anh liền kéo Phạm hồng Thái đi kiếm Mạc đình Sán ở Đại lộ Trần Châu. Mạc là một ký giả kiêm nhiếp ảnh viên, quán ở Phúc Kiến, mẹ là người Việt. Mạc rất thân thiết với bọn Phạm, Lê mới tháng trước ba chàng còn ở chung với nhau ở khu Sa Vân, thời kỳ mẹ và em gái Mạc đi buôn bông ở Quảng tây và Vân Nam luôn 3 năm. Sự khăng khít giữa họ còn được tăng thêm vì Lê tán Anh sắp cưới Mạc thùy Trang em gái của Sán.

Gặp Sán, Tấn Anh và Hồng Thái ngó ý muốn đến chụp ít hình tại dạ hội ở khách sạn Victoria đề gửi về Việt Nam cho tờ *Hà thành ngữ báo* ở Hà Nội vừa mới xuất bản được vài số. Anh nói mình là người Việt nên không được vào cửa vậy phiền Sán vận động giúp. Mạc đình Sán rất thông minh đã đoán được ngay bọn Thái, Anh muốn gì, liền trả lời:

— Việc này khó lắm đấy... nếu chỉ săn hình thì khỏi lo, tôi sẽ có mặt trong dạ hội, sẽ chụp rất nhiều cho hai anh.

Anh và Thái nhìn nhau có vẻ thất vọng, Sán nói luôn :

— Hai anh cần gì hình mà chỉ cần chạm trán Merlin có phải không ? Nếu vậy tôi sẽ tính cách khác cho.

Tán Anh mừng quá liền mang hết bí mật ra thò lộ cho Sán nghe, rằng đây là một việc hết sức nguy hiểm nếu thất bại, việc hạ Merlin cần đề nâng cao tinh thần chiến đấu của anh em cách mạng Việt Nam trong nước ngoài nước, việc quang phục nhờ đó mới có thể tiến triển được .. cơ hội này là ngàn năm có một, yêu cầu Sán cũng có dòng máu Việt trong người, gắng giúp nước mẹ, anh em cách mạng lưu vong sẽ ghi tạc công ơn muôn đời ..

Mặc định Sán gật đầu và chỉ trong ngày hôm ấy các nghĩa sĩ của chúng ta giải quyết xong vấn đề giấy thông hành và không còn trở ngại nào nữa.



Bây giờ sáng ngày 19 tháng 6 dương lịch (1924) chiếc tàu binh chở Merlin tới và đậu ở Thiên tự mã đầu. Sau cuộc tương kiến tại Tòa Tổng Lãnh sự lâu tới giờ Pierre Constant thân dẫn Toàn quyền Merlin đi viếng các cơ sở hành chánh, quân sự trong Tô giới Pháp tại Quảng đông cùng mấy nơi thắng cảnh của tỉnh này. Chiều hôm đó Merlin dự tiệc tại tư dinh của Tổng Lãnh sự cùng đoàn chuyên viên của y và tối hôm sau thứ bảy 19-6 đến lượt Merlin tổ chức dạ hội khoản đãi các nhà cầm quyền, các nước tại khách sạn Victoria do Tổng Lãnh sự nhận việc trang biện.

Sáu giờ bốn mươi Merlin bước vào cửa khách sạn, mọi người bên trong ra đón. Đi theo Merlin là một số tùy viên, quan khách và các nhà báo. Ở đám đông này có Phạm và Lê quân ăn mặc chững chạc, đi đứng rất đàng hoàng. Phạm có bộ ria mép giống Tây tay xách cặp đi thẳng vào bên trong đại sảnh. Mọi người yên vị, tiệc bắt đầu.

Đùng ! một tiếng nổ chát chúa,.. một tiếng thứ hai cũng kế tiếp âm lên như sấm động làm rung chuyển cả toà nhà đồ sộ bốn tầng. Vội trên tường rụng lá tả, bụi mù, mấy bức tường đều bị nứt nẻ, các tấm gương lớn gắn kín vào bốn mặt phòng ăn cũng vỡ tan rớt xuống sàn kêu loảng xoảng. Một cảnh hỗn loạn cùng cực bày ra. Tiếng rú, tiếng kêu khóc của phụ nữ. tiếng rên la nổi lên rồi các tân khách xô té nhau, kẻ nằm sòng sọt, kẻ bò lồm cồm, bàn ghế, ly tách, thìa đĩa cũng văng vãi lung tung. Thật là quang cảnh bầy ong vỡ tổ.

Sau hai tiếng nổ, người ta thấy hai thanh niên Đông phương vận lễ phục, một vạm vỡ, nước da ngăm ngăm, tay cầm trái lựu đạn, tay cầm súng sáu chia về phía bốn năm tên cảnh vệ ào tới, miệng quát : «Đứng lại ! lựu đạn nổ bây giờ đấy ! Cách thanh niên này mấy bước một thanh niên khác nhỏ người hơn, da trắng, tay cũng có súng, tay kia cầm chân máy chụp hình 3 cẳng múa tít vòng tròn vừa múa vừa lùi, trong khi bọn cảnh vệ thất thần giật ra hai bên.

Khi hai người tới đầu cầu thang thì nhất tề giơ trái lựu đạn vừa dọa quan khách phải quay lưng rồi hai phát súng nổ càng làm cho họ riu rít tuân lệnh. Hai người vội cưỡi lên tay vịn của cầu thang và tuột xuống tầng dưới. Công việc này không quá vài phút rồi hai người thoát ra khỏi phạm trường. Trong lúc này viên cảnh sát trưởng vội chạy ra bao lơn, rúc một tiếng còi ngắn, truyền lệnh cho. Cảnh vệ danh dự phải bắt sống hai hung thủ và chỉ cho phép bắn vào chân.

Bọn này liền ào ào chia làm ba toán xông vào khách sạn thì Phạm và Lê đã liệng thêm luôn một trái lựu đạn nữa cũng nổ vang trời khiến cả bọn té nhào xuống đất. Hai chàng cũng nằm rạp xuống thêm để tránh đạn rồi nhanh như chớp lại đứng lên co giò chạy.

Dân chúng trong khu Sa Diện đang đi qua lại đông đảo cũng hoảng hốt vì tiếng nổ, kẻ bỏ chạy, kẻ ngừng lại coi thì Phạm và Lê vung súng và múa tít giá máy hình, miệng quát tháo cho họ tẩu ra rồi đào tẩu về phía Châu giang. Riêng Phạm quân bị đuổi gấp quá, chạy đến chỗ đầu cầu thì bị một bọn Cảnh vệ chặn bước phải bắn thêm hai phát

súng, nĩa đề kịp lao mình xuống sông cho khỏi sa vào tay địch. Còn Lê quân đã biến vào trong đám đông người lúc này vô cùng hỗn độn.

Kết quả của vụ Sa Diện là : Khách chết 4 người, Lãnh sự Pháp cùng với vợ chồng viên Giám đốc Ngân hàng Pháp ở Quảng Châu thiệt mạng. Ngay lúc đó hai người bị trọng thương là Giám đốc Y viện Pháp và một tùy viên cũng tắt hơi vào hôm sau.

Ngày 20-6-1924 thi thề của Phạm liệt sĩ nổi lên trên mặt sông Châu giang Dĩ nhiên anh em cách mạng Việt Nam không ai tiện ra mặt đề lo việc tống táng. Nhà đương cục Trung Hoa lãnh giao việc này cho hội Quảng tế y viện rồi Phạm quân được chôn cất chu đáo ở chân đồi Bạch Vân.

Mặc dầu không giết được Merlin, Cách mạng hải ngoại Việt Nam cũng được hải lòng bởi tiếng bom Sa Diện cũng đã gây được khá nhiều thanh thế cho những chiến sĩ từ lâu đã bó tay trước sức mạnh của Đế quốc. Liên đó Tâm Tâm xã cho phổ biến một bài tuyên cáo trên các báo Quảng châu nói rõ tên tuổi của Kinh Kha Việt Nam nhất là vì sao cách mạng VN đã phải lên án tử hình Martial Merlin tên thực dân đã từng bóc lột và tàn sát biết bao người vô tội khắp các thuộc địa mà y đã qua trọng nhậm.

Tại Hàng Châu, cụ Sào Nam cũng rất phấn khởi liền soạn ngay một bài văn truy niệm họ Phạm và viết một cuốn sách nhỏ (*Phạm liệt sĩ Hồng Thái tiên sinh truyện*).

Tại Xiêm (*Thái Lan*) các ông Đặng thúc Hứa, Đặng tử Kính cùng các đồng bào Việt kiều cũng làm lễ truy điệu, vừa đề đánh thức hồn nước nơi hải ngoại.

Về phía người Tàu vụ ám sát Merlin cũng được hoan nghênh và cảm phục vô cùng nên cụ Sào Nam viết xong cuốn truyện về người tráng sĩ Việt Nam, một danh sĩ Trung Hoa tên là Chính Lôi Tại Hán đã đề tựa với những lời trân trọng như sau :

«... Tôi biết người Việt Nam luôn luôn nổi dậy để mưu đồ giải sự nghiệp cách mạng. Không biết từ khi cũ sự đến nay dân tộc Việt Nam đã phải bao lần hy sinh, đã tốn bao nhiêu sinh mạng nhưng chưa từng thấy có cuộc chống đối nào ra mặt để thế giới được biết như vụ Sa Diện vừa đây. Người Việt Nam thiếu kẻ anh hùng hay cam chịu làm thân trâu ngựa cho dị tộc chăng?

Thưa rằng không!

Có nghe thấy tiếng bom Sa Diện, có đọc truyện Phạm hồng Thái mới biết dân tộc Việt Nam vẫn có người can trường và nhiệt huyết...»

Rồi hơn 5 tháng sau (tháng chạp năm ấy) ba yếu nhân Quốc Dân Đảng Trung quốc là Liêu trọng Khải, Uông tỉnh Vệ và Hồ Hán Dân đã họp với cách mạng Việt Nam đứng ra, cải táng Phạm liệt sĩ ở nơi hòn núi nhỏ (Nhị Vọng Cương) phía trước Hoàng Hoa Cương là nơi đã họp táng 72 vị chiến sĩ đã bỏ mình trong cuộc khởi nghĩa Vũ Xương vào thời Hán tộc chống chế độ Mãn Thanh trước Cách mạng Tân Hợi (1911). Mộ của Phạm quân được xây đắp theo một kiến trúc hùng vĩ và có dựng bia chạm mấy chữ «Việt Nam liệt sĩ Phạm hồng Thái tiên sinh chi mộ». Người viết chữ bia là danh sĩ Trần Lộ.

Vụ ném bom Sa Diện đã gây xúc động về phía thực dân Pháp thế nào?

Trong khi các báo Hoa, Dương sôi nổi về vụ này và đều khen ngợi nhiệt liệt hành động dũng cảm và yêu nước của người thanh niên cách mạng Việt Nam, Công-sứ Pháp ở Bắc Kinh rất tức giận đã nhiều lần giao thiệp với Chánh phủ Quảng-Đông yêu cầu trục xuất hết thầy người Việt ở đây và đòi bồi thường thiệt hại kèm theo lời xin lỗi.

Lúc này Tôn trung Sơn (Tôn dật Tiên) đang mở Đại Nguyên soái phủ ở tỉnh này, Hồ Hán Dân lấy danh nghĩa là Tỉnh-trưởng đã bác bỏ mọi kháng nghị của Pháp. Ông viện lẽ vụ ám sát Toàn quyền Đông Dương xảy ra tại tô giới Anh tức là không thuộc phạm vi trách nhiệm của các nhà đương cục Trung quốc, nhưng nếu Pháp cần

thận muốn sau này không có những vụ bạo động tương tự xảy ra nữa, khi có việc gì thì có thể nhờ nhân viên công lực Tàu ra vào tô giới tiếp tay... (1)

II. — Vụ Phan bội Châu bị bắt (30-6-1925)

Ai đã bán cụ Sào Nam ?

Sau tiếng bom Sa điện dư luận Quốc tế và Quốc nội đã hết sức xôn xao, nhất là dư luận sĩ phu và thanh niên Việt Nam thử thời như bị một luồng điện giạt, ai nấy đều bừng tỉnh thì năm sau lại xảy ra vụ cụ Sào Nam bị Lãnh sự Pháp bắt ở ga Bắc Trạm gần Thượng hải. Vụ cụ Sào Nam rơi vào tay Pháp còn làm sôi động quốc dân ta mạnh hơn vụ liệt sĩ Phạm hồng Thái ám sát Toàn quyền Merlin tại Quảng châu.

Lý do rất dễ hiểu : Phan bội Châu là lãnh tụ cách mạng số một của phong trào ái quốc ở Việt Nam đầu thế kỷ 20. Phan bội Châu đồng thời là kẻ thù số một của Đế quốc Pháp trên bán đảo này.

Bấy giờ các nhà cách mạng Việt Nam đang lục tục kéo tới Quảng châu tìm cụ Phan do mục đích lợi dụng ảnh hưởng của vụ Sa điện để phát động trở lại phong trào cách mạng giờ đó đã im lìm sau nhiều thất bại trong nước và ngoài nước.

Sự kiện này ăn khớp với hoạt động của Cộng sản Nga thuở ấy (1923) đang muốn mở rộng phạm vi tuyên truyền qua Á Đông. Họ đã liên kết với Tôn dật Tiên đang lãnh đạo Trung Hoa Dân đảng tại Hoa nam để đả phá chế độ Mãn Thanh trên đất Tàu. Họ đặt ở đây một phái đoàn gồm hai nhân vật quan trọng để hợp tác với Cách mạng Tàu theo một kế hoạch đặc biệt : đó là Borodine (Pháo lan đình) đóng vai cố vấn chánh trị, Gallen tức tướng Blucher

(1) Theo tài liệu của Nguyễn bá Thế in trên nhật báo Đuốc Nhà Nam ngày 23-6-1971 Toàn quyền Merlin chỉ bị sây sứt qua loa ở mặt, có 5 người tử thương là Louis Cordeaux nhân viên Tòa Lãnh sự Pháp ở Quảng Châu, hai người ngoại quốc, một quan khách người Tàu và một vũ nữ Thượng-Hải.

(Gia Luân) làm cố vấn quân sự và Lý Thụy tức Nguyễn ái Quốc làm Bí thư dịch giả kiêm Á đông-vụ (Đông phương-bộ)

Đây là cuộc gặp gỡ thứ nhất giữa những người Cộng sản quốc tế và những nhà cách mạng quốc gia cùng lợi dụng nhau và mỗi phe có ngầm một kế hoạch riêng : Nga Sô thì muốn mở phong trào xích hóa Á Đông Tàu và ta thì chống phong kiến và Đế quốc.

Lý Thụy đã đề cập đến việc Đệ Tam quốc tế đang chủ trương thành lập một hội lấy tên là *Toàn thế giới nhược tiểu dân tộc liên hiệp hội* với chủ trương lãnh đạo các nước nhỏ yếu khắp thế giới đang bị đô hộ chống nhau với các nước Đế quốc tư bản.

Cụ Phan Sào Nam và Nguyễn Hải Thần cùng các anh em đều tán thành tổ chức này và cụ Sào Nam thân hành lên Hàng Châu nói chuyện với cụ Mai Sơn và các đồng chí đang có mặt ở Hoa Trung, Hoa Bắc về Quảng châu. Trong khi cụ đi vắng, cụ giao mọi việc ở nhà cho Lâm Đức Thụ, tức Hoàng chấn Đông tức Nguyễn công Viễn.

Do sự gia nhập Toàn thế giới nhược tiểu dân tộc liên hiệp hội, Việt Nam đã thành một chi phân bộ và Lâm Đức Thụ đã bàn với Lý Thụy lập một Tổng bộ trong *Á Tế Á bị áp bức nhược tiểu dân tộc chi bộ*. Lâm và Lý bàn đến vấn đề cử người về nước tổ chức khắp ba xứ Trung Nam Bắc thì thấy khó khăn ở hai điểm quan trọng nhất là *Dân khí* và *Tài chánh*. Cả nguyên do cách mạng đã nhiều lần thất bại, địch đàn áp quá ráo riết nên tinh thần của đồng bào giảm sút khá nhiều.

Rồi Lâm đức Thụ đề ra một kế hoạch : *hy sinh một đồng chí có uy tín lớn để lấy tiền phục vụ cách mạng*. Trong khi nêu ý kiến này Lâm đã có ý định sắp đặt ai rồi và khi đã được anh em đồng ý về nguyên tắc, Lâm nói: Xin đề nghị đưa cụ Phan bội Châu ra làm vật hy sinh. Lâm viện lẽ Cụ Phan đã từng nói sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc nếu có lợi cho Cách-mạng, cụ bôn ba hải ngoại ngoài 20 năm rồi mà chỉ nay thất bại mai thất bại, tuổi đã cao rồi sự nghiệp khó còn tiến thêm nữa. Tuy nhiên cụ vẫn là linh hồn của cách mạng Việt Nam, Pháp vẫn rất chú tâm bắt cụ cho rằng nếu trừ được cụ, cách mạng

Việt Nam sẽ tan rã, nay đem nộp cụ cho Lãnh sự Pháp ắt sẽ được một số tiền lớn để anh em hoạt động trong nước và ngoài nước.

Lâm nhấn mạnh thêm : « Một khi Pháp bắt được cụ đem về Hà Nội tất sẽ đưa cụ ra Hội-đồng để hình Cụ sẽ có dịp trở tài biện luận đề cãi cho mình, lúc đó báo chí trong nước và báo chí Quốc tế sẽ làm rùm beng lên, dư luận quần chúng sẽ sôi nổi, nhờ đó phong trào cách mạng sẽ sống lại và bùng lên mãnh liệt. Như vậy phương pháp tuyên truyền nào giỏi mấy cũng không khuấy động được tình thế bằng Dân khí khi đã bốc cao, vấn đề tài chánh tự nhiên sẽ được giải quyết mau lẹ và dễ dàng, do đó mọi tổ chức ở bên trong bên ngoài sẽ có kết quả trông thấy...»

Hội nghị tán thành và cho ý kiến của Lâm là rất cao Lâm còn quá quyết rằng một khi dư luận toàn quốc nổi lên, Thực dân chưa dễ đã dám xử Cụ vào tử hình như chúng đã làm trước đây vì dù sao chúng cũng phải kiêng nể dân chúng phần nào, lại nữa, chúng ta sẽ đưa tin qua Pháp cho các đồng chí ở đấy vận động với *Hội nhân quyền* và các đảng phái chính trị như Đảng Xã-hội Pháp chẳng hạn đề xin ân xá cho Cụ, đó cũng thêm một mối hy vọng bảo toàn tính mạng Cụ.

Điều đáng lạ là ở đây tại sao các đồng chí quốc-gia không đòi hỏi Hội nghị tham khảo ý kiến Cụ Phan trước đã. Ngày nay người ta đã khẳng định rằng âm mưu bán cụ Phan cho Pháp là của Lý Thụy và Lâm đức Thụ và việc thảo luận chỉ diễn ra trong đám người thân cận của bọn Lý Thụy mà thôi. Và sự nghi ngờ này có lẽ đúng bởi kinh nghiệm cho hay trong trường hợp nào người Cộng-sản cũng muốn độc quyền « yêu nước, độc quyền hành động » và luôn luôn người quốc-gia cũng là một thứ đối phương không khác gì các loại đối phương nào khác và để cho Cộng-sản hy sinh.

Tuy nhiên Hội nghị vẫn có người lo cho tính mạng của cụ Phan khi bàn đi tính lại, còn Lâm đức Thụ thì khẳng khái cho rằng thực dân muốn thế nào cũng phải ân xá Cụ và đem giữ Cụ vào một nơi để canh chừng mà thôi.

Sau khi được sự chấp thuận chung, Lâm đã đến tiếp xúc với Phan Vị ở Tòa Lãnh sự Pháp tại Hương Cảng. Rồi ít ngày tới cụ Phan ở Hàng Châu được điện tín của anh em (bạn Lý Thụy, Lâm đức Thụ) mời về Quảng Châu dự lễ thành lập « *Á tế Á bị áp bức nhược tiểu dân tộc Việt Nam chi phân bộ* ». Theo *Tự phán* của cụ Sào Nam và tài liệu do Tỳ Khưu Lê kiêm Cần viết gần đây vụ bán đứng cụ Phan cho Nguyễn thượng Huyền tức Cử Huyền (cháu cụ Mai Sơn Nguyễn thượng Hiền) nhưng nhiều nhà cách mạng thuở bấy giờ cả Quốc-gia và Cộng-sản (ly khai) đều cho rằng chủ mưu của vụ này chính là Lý Thụy và Lâm đức Thụ. Hai người này có chủ trương đẩy cụ Phan ra khỏi trường cách mạng để cướp các đồng chí đang quí tụ quanh cụ Phan. Bùi Đình tác giả « *vụ án Phan bội Châu* » Đào Văn Hội tác giả « *Ba nhà chí sĩ họ Phan* » và nhiều vị viết sách về cụ Phan cũng nhận như vậy. Tóm lại rất có thể chính cụ Phan đã không rõ ai bán mình và đã nghi ngờ Cử Huyền một cách oan uổng. Khoảng 1965 Nguyễn thượng Huyền có về Việt Nam và đã cải chính vụ này trên báo Bách Khoa ở Saigon số 73.

Đúng ngày 30-6-1925 Cụ đáp xe lửa lên Thượng Hải để rồi dùng tàu thủy đi Quảng Châu. Tàu ngừng tại ga Bắc-trạm, cụ vừa bước chân xuống thì có một bọn lạ mặt người Pháp chờ sẵn ngoài sân ga, bế thốc cụ bỏ vào một chiếc xe hơi rồi phóng như bay về Tô giới Pháp ở Thượng Hải.

Vụ bắt cóc chớp nhoáng này như vậy đã thành công và cuộc bán đứng nhà ái quốc số một của dân tộc Việt Nam cũng thành công. Lý Thụy và Lâm đức Thụ (1) được lãnh được một số bạc lớn của thực dân. Với số tiền này hai người đã dùng vào việc cưới vợ. Họ lấy hai

(1) Sau Cách mạng tháng 8-1945 Lâm đức Thụ về Việt Nam cũng bị Việt Minh giết tại Thái Bình vào 1947, xét ra Lâm suốt đời theo Cộng Sản sau này chỉ do một sự ngờ vực nhỏ mà bị giết. Ngay khi V.M nắm được chính quyền tại miền Bắc, Lâm đã bị thất sủng...

chị em ruột một gia đình người Tàu. Còn cụ Phan sau vài hôm được giải xuống giam ở một chiếc chiến hạm rồi chiếc chiến hạm nhỏ neo từ Thượng Hải xuôi Hương Cảng sau đó được chuyển qua tàu Angkor của Hãng Nhà Rồng (*Messageries maritimes*) về Hải-phòng. Cụ bị nhốt trong một phòng kín chỉ có một chỗ hở là cái khuôn cửa tò vò thông hơi và nhìn ra mặt biển.

Trong khi chiếc tàu lênh đênh ngoài khơi chỉ thấy có nước với trời cụ Phan đã có những nỗi lòng rất bi thiết nhất là sự việc lại xảy đến một cách hết sức đột ngột. Cụ vừa buồn vừa giận cho số phận, buồn vì đại cuộc chưa mang lại mấy may kết quả, chí lấp biển vá trời chưa nguôi thì nay rơi vào tay quân thù đề rồi chết một cách ồng phí, buồn vì tuy đã già nhưng tấm lòng vì quốc của cụ vẫn nồng nhiệt mà cái chết xảy đến vẫn là một sự đờ vỡ hoàn toàn.

Cụ làm một ít thơ nói lên cái tâm sự nào nề của cụ trong giai đoạn này như sau :

I

Nhất lạc nhân hoàn lục thập niên,
Hảo phùng kim nhật liễu trần duyên.
Bình sinh kỳ khí vi hà hử ?
Nguyệt tại ba tâm vân tại thiên

II

Sinh bất năng trừ thiên hạ loạn,
Nô kham tử lụy hậu lai nhân
Hảo tòng hồ khẩu hoàn dư nguyện,
Khảng nhượng Di, Tề nhất cá nhân.

III

Thống khốc giang san dữ quốc dân,
Ngu trung vô kế cực trầm luân.
Thử tâm vị liễu thân tiên liễu,
Tu hướng truyền đài diện cố nhân.

Một nhân sĩ khuyết danh đã lược dịch ba bài thơ tuyệt mạng này :

Sáu chục năm nay ở cõi đời,
 Trần duyên giờ hẳn rũ xong rồi.
 Bình sinh chỉ lớn là đầu tá ?
 Trăng rọi lòng sông mây ngắt trời.
 Sống đã không trừ xong giặc nước,
 Chết đi há lụy tới người sau.
 Phen này miệng cọp ấu đành dạ,
 So với Di, Tề có kém đâu !
 Thương khóc non sông với quốc dân,
 Tài hèn không vớt được trăm luân.
 Lòng này chưa hả thân đã chết,
 Chín suối thẹn thùng gặp cổ nhân !

Cũng trong dịp này Cụ tìm được một mảnh giấy nhỏ dùng bút chì viết một bài cò phong gửi cho tâm hữu là Lâm Lượng Sinh (1) kể chuyện mình bị bắt rồi nhét vào trong một chiếc chai rỗng, đập nút kỹ lưỡng, ném xuống biển hy vọng gây được tiếng vang nào trên báo chí để các đồng chí và đồng bào trong nước biết tin may ra thực dân e ngại dư luận Quốc tế mà không dám hạ độc thủ chăng? Vài người ngư phủ Tàu ở cửa Ngô Tùng vớt được đưa cho nhiều người coi trong đó có nhiều sinh viên lấy làm bất bình liền đem bài thơ đăng lên báo. Trong bài thơ này cụ có đoạn trách móc các nhà đương cục Trung quốc lơ là khiến ngoại quốc đã xâm phạm đến chủ quyền của mình (Ga Bắc trạm chỗ cụ Phan bị bắt nằm trên địa phận Trung Hoa). Vì dư luận Trung quốc xôn xao do sự phát giác của tờ Cộng-hòa, lại nhiều báo khác phụ họa và đua nhau in bài thơ tuyệt mạng của nhà chí-sĩ Việt Nam, Đốc quân Tề-nhiếp-

(1) Lâm Lượng Sinh là bạn của cụ Phan đang biên tập tại tòa báo *Bình sự tạp chí* lúc này.

Nguyên, Tỉnh trưởng Chiết-giang (gần Thượng hải) vội làm thư kháng nghị qua Lãnh sự Pháp, bề khác sai người lùng bắt ráo riết những gián điệp của Pháp đem hạ ngục.

Sau vừa đúng 7 ngày 6 đêm cụ Phan về tới Hà Nội và bị nhốt vào khám Hỏa-lò. Thực dân đeo cho cụ cái dính bài ghi tên là *Trần-Văn-Đức* để giữ bí mật. (1) Vậy mà chỉ ít ngày sau việc này bị tiết lộ và dân chúng Việt Nam đã nổi lên công kích chính phủ Pháp. Thực dân hoảng sợ liền cho phao tin rằng không có việc cụ Phan bị bắt, mà kẻ bị bắt chỉ là một tên cướp biển đã chặn một tàu buôn bị một tuần dương hạm của Pháp nắm được mang về giam ở Hỏa lò.

Đây là bài Cờ phong đã được giới thiệu ở đoạn trên :

Bôn trì nhị thập niên,
 Kiết quả cận nhất tử
 Ai tai vong quốc nhân,
 Tính mệnh đẳng lâu nghị.
 Ta dư cấu dương cửu,
 Quốc vong chính sô trĩ.
 Sinh dữ nô lệ quàn,

Thực dân sau khi bắt được cụ Phan đã cố giữ bí mật không cho dân ta biết nhưng sau đó vài ngày ông Đệi Kiêm là giám thị tại nhà giam Hỏa Lò cũng được biết. Ông này là chú cô giáo An, vị hôn thê của Hồ-văn-Mịch một đồng chí của Nguyễn-Thái-Học. Sau này ông Kiêm nói chuyện cho vợ nghe, rồi vợ kể lại cho cô An biết. Chẳng bao lâu cả Hà-nội sôi nổi và có phong trào chống Pháp về vụ xử bắt Phan bùng lên khắp toàn quốc. Theo bài khảo « *Vai trò nhân dân trong vụ án Phan-bội-Châu* » của V.Q trong báo Tiếng chuông tháng 5-1955, sau khi cụ Sào-Nam bị bắt và bị đem nhốt tại nhà Hỏa Lò thì nhiều nhà cách mạng Việt Nam được tin ngay. Đó là các cụ Ngô-đức-Kế, Hoàng-tặng-Bi, Dương-bá-Trạc, Lê-Du nhưng tác giả không nói được tên người đã báo tin.

Phủ ngưỡng tự tâm quý
 Sở hận vũ mao bạc.
 Nhất kích dung dị thí
 Tiêm Tề kế vị tự,
 Thượng súc chùy Tần chí.
 Hô hào thập dư niên,
 Đồng bào cạnh phán khí
 Dĩ thủ Tổ-quốc hồn,
 Đại xúc cường quyền ky.
 Vững la di sơn hà,
 Kinh cức biến thiên địa
 Nhất chi hà xứ tá ?
 Đại bang hạnh mật nhĩ,
 Cuộc tích hồ nãi nhĩ.
 Kim triệu cư Hộ-tân,
 Thích tài Bắc trạm chỉ.
 Phiêu trì nhất khí xa,
 Hoàn dĩ hung đồ tứ
 Tróc nhân ủng chi tiền
 Khu hướng Pháp lãnh thụ
 Đầu thân thiết lan trung
 Kê đồn vô kỳ trị.
 Sử dư hữu quốc gia ?
 Hòa chí nhục thư thị ?
 Dư tử hà túc tích,
 Sở lự tại thần xỉ.
 Đường đường Đại Trung Hoa,
 Nhất vũ bất năng tý.
 Thỏ tử hồ năng bi.
 Bình khánh lô chí sĩ v.v...

Tạm dịch :

*Chạy vậy hai mươi năm,
 Kết quả một cái chết.*

Thương thay người mất nước,
 Tính mạng như kiến, mối.
 Tôi gặp vận dương cửu.
 Nước mất khi bé dại
 Sống chung bầy nô-lệ,
 Nhìn trời đất xấu hổ
 Giận lòng cánh chưa đầy
 Cũng đánh liều không sợ
 Diệt Tề mưu chưa xong
 Còn nuôi chí đâm Tần
 Hô hào hơn mười năm
 Đồng bào đua nổi dậy
 Nhờ đó gọi hồn nước,
 Lũ cường quyền giận căm
 Lưới bẫy khắp non sông
 Gai góc đầy trời đất
 Một ngành nhìn vào đâu ?
 Nhờ vào bên nước lớn,
 Mình sống giữa trời đất.
 Sao lom khom thế này ?
 Hôm nay đi Thượng-hải,
 Tàu đến ga Bắc-trạm,
 Một xe hơi ào đến,
 Xúm quanh bốn hung đồ.
 Đầy bắt người lên xe.
 Chạy vào Lãnh sự Pháp.
 Thân nhốt trong rào sắt.
 Chẳng khác gì lợn gà.
 Nếu mình mà có nước,
 Đâu đến nhục thế này !
 Mình chết chẳng tiếc gì,
 Sợ mới hỏ răng lạnh.
 Trung-quốc to lớn thế

*Không che chở mây may
Thỏ chết, cáo cũng bị,
Binh cạn chén xấu hổ.*

Bắt được cụ Phan thuở đó người Pháp cho là nắm được một sự may mắn đặc biệt vì cụ Phan là linh hồn của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ hai mươi, tiêu diệt được vị lãnh tụ này thì cách mạng Việt Nam như rấn mất đầu, họ có ngờ đâu sự việc lại xoay chiều đổi hướng một cách bất lợi rồi đây ta thấy hy vọng của họ thành ảo tưởng mà phong trào Cách-mạng Việt Nam vì sự tái hồi của cụ Sào Nam đang tiêu trầm vụt bùng lên như gió bão.

Quả vậy họ nghĩ rằng Việt Nam sau thất bại liên tiếp từ vụ kinh thành thất thủ năm Ất-dậu (1885) đến hết Đệ nhất thế chiến không còn tinh thần tranh đấu nữa, giờ lo miếng cơm manh áo chưa rồi nếu có đáng ngại là đám trí thức thì một phần đã bị lôi cuốn bởi cái mồi danh lợi của đế quốc, một phần bị tiêu diệt sau các vụ đàn áp, còn lại ít nhiều thì cũng như gà phải cáo. Họ có ngờ đâu lịch sử của dân tộc này thường có những đột biến mà những kẻ chiến thắng ngoài lại không mấy khi nhận ra. Chúng tôi muốn nói rằng cách mạng Việt Nam có khi tiêu trầm nhưng vẫn để lại những vết thương đâm máu thì dân tộc Việt Nam vẫn lo phương cứu chữa, vẫn tìm cách phản ứng và Đế quốc không bao giờ có thứ thuốc nào thoa dọ được. Lịch sử chứng minh như vậy qua nhiều cuộc ngoại thuộc.

Rồi cái tin cụ Phan bị bắt về nước được truyền mau lẹ đi khắp nước, tung ra như tiếng chuông lừng lừng ngân ra muôn hướng. Già trẻ gái trai ở xứ này lại sôi sục căm hờn đồng thời mọi cửa miệng đều nhắc đến cụ Phan với những lời sùng kính vô biên. Người Pháp ngã ngựa, Họ lo lắng vì đã vô tình tuyên truyền cho chủ nghĩa quốc gia Việt Nam sống mạnh trở lại, chủ nghĩa này từ lâu đã có vẻ lu mờ như ngọn đèn dầu đang cạn. Rồi khắp ba kỳ phong trào chống đối vụt bắt cụ Phan nổi dần để người Pháp thấy thả bày hồ dữ về rừng không đáng ngại bằng kêu gọi lòng ái quốc của một dân tộc bị trị.

Nhưng họ không còn đường lùi nữa!

Ngày 23-11-1925 Thực dân lập Hội đồng Đề hình xứ cụ Sào Nam, gồm có các thành phần dưới đây :

Chánh án : Giám đốc chính trị Brides.

Phụ thẩm : Đốc lý Hà-nội Đại úy Dupuy.

Đại-úy François de Bellié đại diện tướng

Le Comte chỉ huy thành đoàn trú phòng Hà-nội

Công cáo ủy viên : Boyer

Chánh lục sự : Arnoux Patrich

Hai trạng sư Bona và A. Larre có tiếng ở Hà-nội được cử ra đề biện hộ cho bị can tuy bị can không yêu cầu. Các sinh viên và học sinh các trường Cao đẳng và Trung học Hà-nội cũng hòa nhịp với dư luận của quần chúng và báo chí toàn quốc hô hào nhau viết thư như bươm bướm khuyến khích hai vị trạng sư hết lòng bào chữa cho cụ Phan như vị Thẩm phán quan La-mã Julius Donatien đã bênh vực người anh hùng số một của xứ Gaulle (nước Pháp cũ) là Vercingétorix, như Barruche Thẩm phán quan bảo hoàng cũ cho Camille Desmoulins trước Tòa án Strasbourg.

Thiết tưởng cũng nên nhắc rằng từ lúc Cụ sa vào tay Thực dân luôn suốt tuần lễ đầu cụ tuyệt thực và không chịu thay bộ quần áo Tàu đòi thực dân phải cam đoan đưa Cụ ra xử trước Tòa án Cụ mới nghe.

Khắp các nơi mọi người từ miệng này sang miệng khác nhao nhao rủ nhau dự phiên toà lịch sử, có thể nói cả nước ngóng trông ngày 23 tháng 11-1925 do đó vào buổi sáng mờ sương mà quanh toà án đã chật ních người vào tới bên trong phòng xử án như có một vụ biểu tình. Đến 7 giờ đã không còn lối để chen chân.

Vòng trong vòng ngoài lính sen đầm bao vây, cứ vài thước lại có một người ôm súng ghim sẵn, lưỡi lê tuốt trần. Đúng 8 giờ thiếu 15' cửa nhà pha Hỏa lò mở hé, cụ Phan đạo mạo bước ra có hai cảnh binh

Pháp đi kèm hai bên. Hôm đó cụ Phan mặc chiếc áo năm thân dài chấm gót, chân mang đôi giày Tàu. Trông cụ có vẻ uy nghiêm chừng chạc như một nhà quý phái Trung-hoa. Vầng trán cao và soi bóng nằm ngang dưới mái tóc lơ thơ càng làm tăng nét hiên ngang. Đôi mắt cụ trông hơi buồn nhưng vẫn lộ sự thông minh, nhanh nhẹn. Bộ râu quai nón lất phất dưới hàm thêm sự đạo mạo cho con người hào hùng.

Cụ tiến vào phòng án, dáng điệu bình tĩnh, mọi người tự động rẽ ra cúi đầu kính cẩn chào. Cụ mỉm cười chào lại.

Tám giờ hai mươi lăm phút.

Mọi người an vị.

Dân chúng bên ngoài, người nào cũng có nét mặt lo âu, mọi trái tim đều hồi hộp. Bầu không khí trong phòng xử án trở nên uy nghiêm nặng nề.

Phiên tòa bắt đầu.

Theo thủ tục dù đã biết rõ ràng, viên Chánh thẩm Brides cũng hỏi cụ Phan về quê quán, lai lịch và hành tung. Cụ chậm rãi, đĩnh đạc đáp :

— Tôi tên là Phan bội Chân sinh năm 1867 (tháng chạp năm Đinh Mão) tại làng Đan Nhiễm, tổng Xuân Liễu huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An chuyên nghề dạy học. Thân sinh là Phan văn Phò, mẹ là Nguyễn thị Nhàn.

Lời khai dứt, viên chánh thẩm đọc bản cáo trạng có viên thông ngôn Saintonge dịch ngay ra tiếng Việt. Theo bản cáo trạng cụ bị buộc tội vào 8 điều :

1) Khi ở Xiêm la và Trung Hoa có dùng tang vật, dùng lời hứa, dùng uy bức xui dục, và thủ mưu với tên Phạm văn Tráng liệng bom giết quan Tuần phủ Thái bình Nguyễn duy Hàn vào ngày 15 tháng 4-1913.

2) Cũng trong thời kỳ ấy, địa hạt ấy đã cấp hung khí tức trái bom cho trên Tráng làm việc ấy.

3) Cũng thời kỳ ấy, tại Bắc kỳ, cũng dùng cách như trên, xui đục và thủ mưu với Nguyễn văn Quý và Nguyễn khắc Cần tức Nguyễn văn Túy (tài xế) liệng bom vào khách sạn *Hanoi hotel* ngày 28 tháng 4-1913 giết hai ông quan tư Tây là Mongrand và Chapuis.

4) Cấp lựu đạn cho tên Quý và Cần làm việc ấy.

5) Cũng thời kỳ ấy, tại Bắc-kỳ và Trung-kỳ có dự vào âm mưu xúi đục nhân dân hai xứ làm loạn chống chánh phủ Bảo hộ.

6) Cũng thời kỳ ấy, địa hạt ấy cấp khí giới cho nhân dân về âm mưu ấy.

7) Cũng thời kỳ ấy, địa hạt ấy có âm mưu bạo động đề quấy rối cuộc trị an trong nước và phát động nhiều cuộc rối loạn về chánh trị.

8) Cũng thời ấy, địa hạt ấy, có dự vào những đoàn thể có mục đích làm hại sinh mạng và tài sản tư nhân.

Cụ Phan lúc này về mặt rất rất thản nhiên, chăm chú nghe bản cáo trạng trong đó điều nào cũng có thể kết cụ vào tử hình hưởng hồ cáo trạng lại gồm tới 8 điều. Với bản cáo trạng này thực dân có ý coi cụ không phải là chánh trị phạm mà là hung phạm sát nhân phải xử theo luật đại hình.

Nhưng đến khi được cất tiếng bào chữa cho mình cụ Phan không trả lời theo những tội chánh thẩm Brides đã buộc cho cụ Cụ kháng khái nhìn nhận cụ chỉ là người yêu nước mà thôi. Với lối biện hộ này cụ đã làm cho đòn vọt của thực dân bị đánh lạc hẳn ra ngoài, thật là tuyệt diệu ! Rồi đây chúng ta sẽ thấy sự tránh né của cụ tài tình như thế nào...

Tiếp theo bản cáo trạng, bằng một giọng lưu loát Brides trình bày rất đanh dọt các hành vi của cụ Phan từ thuở thiếu thời cho tới khi cụ bị bắt. Brides đưa ra nhiều chi tiết, khai triển đề tài một cách rộng rãi để chứng minh cụ Phan đã phạm những tội tày đình không

thề khoan dung được và sau đó nếu Hội đồng đề hình khép cụ vào, cụ hình sẽ là điều không oan Brides hải tội cụ Phan như sau :

«Ông» từ nhỏ đã ngưỡng mộ ông Phan đình Phùng là người đã chống lại chánh phủ Bảo hộ ngay khi người Pháp mới đặt chân lên xứ này. Ông muốn noi gương vị tiền bối đó. Khi lớn lên, lúc 18 tuổi ông đã có chủ trương chống người Pháp nhưng bấy giờ ông còn là một học trò nghèo, danh vọng chưa có thể lực cũng không biết rằng có nói cũng chẳng ai nghe nên phải mượn con đường khoa cử đề tiến tới cái đích của mình. Sau khi đậu Thủ khoa kỳ thi Hương ông đã nổi tiếng trong vùng Nghệ An. Bấy giờ ông bắt đầu chiêu tập các đồng chí và ông đóng vai thủ lãnh. Từ bấy giờ ông thường có những buổi họp bí mật tại nhà đề vận động cách mạng và được quan Tổng-đốc Nghệ An gián tiếp che chở. Rồi ông vào Huế nói là đề tọa Giám nhưng vẫn là đề mưu đồ cuộc chống đối. Tại đây ông viết cuốn sách đầu tiên là «*Lưu cầu huyết lệ tâm thư*» gửi cho các quan lớn nhỏ và các nhân sĩ trong nước đề cổ võ tinh thần bài ngoại. Cũng tại đây ông còn có ý thành lập một dẫu quốc chánh phủ đề tiêu diệt người Pháp và các quan lại trung thành với Bảo hộ nhưng không thành công ông liền ra Bắc liên lạc với Đề Thám nhưng cũng không thu được nhiều kết quả. Năm Thành Thái thứ 6 ông trở về Trung bàn việc xuất dương với Nam Thịnh, Sơn Đầu, Âm Võ, Tú Dịch, Đặng thái Thân, Đặng tử Kính, Tăng Bạt Hồ, Âm Hàm v.v... rồi một đảng cách mạng đã ra chào đời do sự gây dựng của ông và ông đã đặt ông Cường Đề là cháu Đức Mỹ Dung, cháu ông Hoàng tử Cảnh (con trưởng của vua Gia long) lên làm lãnh tụ. Đây là một cách khôn ngoan đề thu phục nhân tâm về Việt Nam còn tôn sùng quân chủ. Tháng 11 năm Mậu Thìn (1905) Âm Hàm đánh giầy thép cho Tăng Bạt Hồ đưa ông ra ngoại quốc cầu viện. Trước hết ông sang Quảng Đông gặp Tôn thất Thuyết và đến thăm Lưu Vĩnh Phúc là tướng giặc Cờ đen xưa kia. Sau đó ông qua Nhật và đến thăm Lương Khải Siêu ở Hoàng Tân. Lương mách nước cho ông kiếm người có danh vọng và có thể lực đem sang Nhật mới tiện việc cầu viện với người Nhật, người Tàu. Hồi đó ông viết quyền

Việt Nam vong quốc sử, bài tựa được họ Lương viết cho. Và sách này được Lương giới thiệu với giới trí thức Tàu, Nhật. Tháng 7 năm Ất Tị (1905) ông trở về Bắc-kỳ tìm ông Cường Để nhưng không gặp nên ở lại nhà ông học Định Trạch ở Nam-định, gửi điện văn cho Đặng tú Kính yêu cầu mang tiền đến nhưng Đặng tú Kính không tới ông lại quay về Quảng Đông rồi sang Hoành Tân. Tại đây Tăng bạt Hồ đang chờ và cũng tại đây ông nhận được tin của Đặng tú Kính báo Cường Để đã có mặt trên đất Tàu. Ông lại đến Quảng Đông đón Cường Để qua Nhật rồi lập một hội lấy tên là Duy Tân, tôn Cường Để làm minh chủ.

Cường Để lấy tên Tàu vào học trường Võ bị Simbu Gahko. Từ giai đoạn này người Nam-kỳ mộ tiếng Cường Để đua nhau sang Nhật du học. Trong việc này có Gilbert Chiêu ở Nam-kỳ rất đặc lực cho cuộc vận động xuất ngoại. Ông còn là tác giả cuốn *«Hải ngoại huyết thư»*. Ông gây được nhiều liên lạc với những nhà cách mạng Tàu và giới chức Đông Kinh. Cuốn sách tiếp nối H.N.H.T là *«Sùng bái vĩ nhân truyện»* nói về ông Washington chống Anh để gây nền độc lập cho Mỹ gián tiếp xui dục người Việt chống Bảo hộ.

Năm 1907 do Hoà ước Pháp-Nhật ông và các du học sinh bị trục xuất khỏi Nhật về tụ tập ở Quảng Châu lập ra *«Việt Nam quang phục hội»*, mục đích vẫn là đánh đuổi người Pháp, lập thành một dân quốc Việt Nam, tôn Cường Để làm Tổng Thống, ông làm Phó kiêm Tổng trưởng ngoại giao, ông Nguyễn thượng Hiền làm Tổng trưởng tài chánh, ông Đặng hữu Bản (?) làm Tổng trưởng quân chính, ông Tân tương Nguyễn thiện Thuật và Tôn thất Thuyết làm Cố vấn.

Trong giai đoạn này ông còn phái người về nước thi hành các việc bạo động, xui dân Nam-kỳ và Trung kỳ làm loạn, xui lính Bắc-kỳ đầu độc quân đội Pháp ở Hà Nội, cho liệng bom ở Thái Bình và Hà-nội. Tỉ dụ tên Phạm văn Tráng khi ném xong trái bom hô: *«Việt Nam cách mạng thành công!»* có là người trong đảng của ông không? Ông lại nhận 200 bạc của một người Tàu ở Hương Cảng giúp đỡ vào cuộc Đông học và trong thời gian tủng quân Quang phục hội còn làm bạc

giả đề lưu hành ở Tàu, ở Xiêm và cả ở Đông-đương. Năm 1911 (Tân hợi) ông sang Vọng-các cầu cứu các kiều bào tiếp tế cho cách mạng hải ngoại nhưng không ăn thua gì lại phải quay về Quảng Đông. Năm sau (Nhâm-ngọ) ông cùng qua Bá Linh với một tướng Tàu là Hoàng Hưng đề tìm Tôn Văn, nước Đức có giúp cho một ít tiền.

Nói tóm lại ông là người có nhiều mưu đồ lớn lao và cũng có nhiều tham vọng về danh lợi. Ông đã muốn lợi dụng phong trào ái quốc ở Á Đông nổi dậy sau Nga Nhật chiến tranh để cò động nhân dân VN chống lại người Pháp rồi lập một chánh phủ dân quốc hy vọng lên làm Tổng thống. Ông suy tôn ông Cường Để nhưng Cường Để chỉ là một công cụ cho ông sử dụng theo một kế hoạch chánh trị đặng gạt người lấy của ở hai xứ Nam-Trung rồi mang ra ngoại quốc hoạt động việc nợ việc kia. Lúc bây giờ vua Thành Thái còn đang trị vì, chánh phủ Bảo hộ đang mở mang được nhiều việc ích lợi mà mọi hành động của ông đều có ý chống lại thật là đắc tội cả với nhà vua và cả với Bảo hộ.

Ông Phan chu Trinh cũng là người bất cộng tác với chánh phủ Pháp nhưng bằng phương tiện hòa bình chứ không như ông trước sau chỉ chủ trương bạo động, điều này thật rõ ràng không còn chối cãi được. Bao nhiêu người bị ông xui dục đã đi vào con đường lầm lạc tội lỗi, khi hỏi ra tuy mỗi người ở mỗi nơi, hỏi mỗi người mỗi lúc, nhưng ai nấy đều khai hết là chỉ có ông thủ mưu mà thôi. Cụ thể nhất là những trái bom ông làm ở Long châu đem về liệng ở Hà-nội, Thái bình nay hỏi đến ông cũng chối luôn. Nhiều việc khác ông đồ lỗi cho ông Nguyễn thượng Hiền hay cho ông Cường Để. Nhưng cách chạy tội này không khéo, thiếu can đảm, kém anh hùng!...

Chánh thẩm Brides nói đến đây thì ngừng lại đề nghị và cũng là đề cho cụ Phan tự bào chữa. Cụ nói :

— Toà đã cho phép tôi cãi thì tôi xin cãi cho hết lời. Toà bảo rằng tôi theo gương ông Phan đình Phùng, điều này không đúng. Lúc bé tôi chỉ có hâm mộ ông Phan đình Phùng mà thôi. Tôi hâm mộ bởi sách thánh hiền Á Đông dạy hai chữ «*trung quân*» và thuở đó tôi chỉ

đọc có sách đó. Nhưng sau này tôi đọc được các sách ở các nước ngoại dương thì biết đến chữ «*ái quốc*». Theo chữ «*ái quốc*» nặng hơn hai chữ «*trung quân*» nên tôi chỉ trọng ông Phan đình Phùng mà không coi việc ông làm là hoàn toàn. Sau đó tôi lại đọc sách Thái Tây, các sách Thiên chúa giáo, các sách Ấn Độ thấy nói: «*Người trong bốn bề đều là anh em*». Người trong bốn bề cũng như anh em một nhà huống chi người trong một nước. Tôi nghĩ người trong nước tôi hơn tuổi tôi, tôi coi như anh, kém tuổi tôi, tôi coi như em. Vậy thấy anh em đau khổ tôi há làm thinh? Tôi ra thi Hương cũng muốn có dịp giúp đỡ anh em đồng bào nhưng thấy cái chánh trị của chánh phủ không tốt, tôi phản đối. Và do đó tôi phải ra đi. Bảo rằng đây là một chứng cứ về tự phản đối, tôi không cãi. Còn bảo rằng tôi có nhiều tham vọng danh lợi, phú quý thì không đúng. Thật ra tuy khi thi Hội tôi được có 7 phần số là hỏng nhưng tôi vẫn có thể kiếm được một chỗ ngồi trong hoạn giới.

Sự vinh thân phì gia, phong thê ấm tử là điều có ngay trước mắt vậy mà tôi bỏ đi ngoại quốc xa vợ xa con cách trở mộ phần, lênh đênh nơi quê người đất khách luôn hơn hai chục năm. Và có thì hỏng nữa thì cuốn «*Lưu cầu huyết lệ tân thư*» tôi làm từ trước đã đưa cho ông Phan Chu Trinh và cụ Thượng Cao Xuân Dục coi tâm sự của tôi ở đó, có phải vì bất đắc chí với khoa cử rồi lợi dụng tiếng ái quốc để cầu lợi chăng? Điều đó có khó gì mà không ai trông thấy!

Còn trong việc mưu đồ chính trị phải vận động tiền bạc nhân sự, phải lợi dụng ông Cường Đê trong khi người nước còn nặng lòng tôn quân để có sự giúp rập, đó là việc dĩ nhiên phải làm. Tôi không chối! Còn như hội «*Duy Tân*» thì là một học hội. Tôi có chiêu tập nhiều thanh niên ra ngoài cầu học, ông Cường Đê làm Hiệu trưởng, tôi làm Giám đốc, vậy lập một học hội là một cái tội sao!

Ngay cả Việt Nam quang phục hội, người Việt có, người Tàu có cũng chỉ là một học hội mà thôi. Trong hội này chỉ có tôi, còn ông Nguyễn Thượng Hiền bấy giờ đã bỏ đi Sơn Tây rồi chứ không còn ở

Quảng Đông nữa. Xin nhắc các ngài việc gì chúng tôi làm cũng chỉ có mục đích cầu học, khai thông dân trí. Việc này làm chưa xong thì tính gì được việc nào khác. Hầu các ngài cũng biết rằng nước Nam mấy ngàn năm nay sống dưới chế độ vua quan chuyên chế dân tình khổ sở, nhà cầm quyền lại quá cách biệt với nhân dân, sự cơ cực của dân chúng không đạt được tới những người có trách nhiệm nên khi người Pháp sang đây chúng tôi đã đặt đề rất nhiều hy vọng vào nhà nước bảo hộ là một nước văn minh. Chúng tôi nghĩ rằng dân Giao chỉ chúng tôi mấy ngàn năm bị giam hãm trong vòng tối tăm thì nay đã đến lúc được mở mày mở mặt. Chẳng ngờ chánh phủ bảo hộ đến cai trị chúng tôi ngoài 20 năm rồi mà chẳng có gì thay đổi. Cho tới 1904 cả Trung Bắc Kỳ chỉ có hai trường, trường Hà Nội và trường Huế mà chỉ là trường dạy làm thông ngôn. Người du học không cho, lối thi cũ vẫn giữ, luật pháp không canh cải, quan tham lại những, hối lộ công hành vẫn mỗi ngày một nhiều. Tôi là người nước Nam, tôi muốn nước tôi tiến bộ, tôi muốn đánh thức dân tộc Việt Nam thì phải cõ động người trong nước du học nhiều đề có nhiều kẻ trí thức nhiên hậu mới yêu cầu được chánh phủ bảo hộ trả lại quyền tự trị và thành lập dân quốc. Tôi nghĩ chỉ có cách đó thôi bởi tôi là một kẻ thư sinh, túi không có một đồng tiền, tay không có một tác sắt, lấy võ lực ở đâu mà phản đối người Pháp ? Phải chi tôi có trong tay mấy vạn hải quân, mấy trăm ngàn lục quân, binh tinh lương túc, súng đạn dồi dào, phi cơ, tàu chiến đầy đủ thì có lẽ tôi hạ chiến thư, đường đường chính chính đánh lại chánh phủ thật đấy. Tóm lại tôi chỉ một lợi khí là văn hóa, tôi trước thư lập ngôn, một bề cõ động dân tâm sĩ khí, một bề yêu cầu chánh phủ cải lương chánh trị. Nếu bảo rằng tôi phản đối thì chỉ là sự phản đối bằng văn hóa nhưng có thể rằng phản đối bằng văn hóa không xong tôi sẽ lo đến việc dùng võ lực. Ngoài ra việc phản đối của tôi cũng tùy ở nơi chánh phủ. Nếu chánh phủ của các ngài còn một ngày bất lương, tôi còn một ngày phản đối, mà có một ngày canh cải thì lập tức tôi thôi phản đối. Nhưng tất cả mới ở trong ý nghĩ mà thôi. Tới nay chỉ tôi chưa đạt, công tôi chưa thành, chánh phủ bảo hộ mạnh như vậy, dân tôi yếu như vậy, tôi còn

hy vọng làm nên vương tướng gì ? Và chẳng nếu nước Nam mà thành dân quốc thiếu gì người hơn tôi đáng làm Tổng thống. Mà nước Nam chưa thành dân quốc, tôi nhận cái chức vụ Tổng thống hữu danh vô thực để làm gì ?

Luôn hai chục năm ròng rút cục tôi chỉ viết báo, làm sách lấy tiền nuôi thân và nuôi các đồng chí. Trong các sách có cuốn tôi viết, có cuốn người khác mượn tên tôi mà viết. Trong các sách của tôi, có chỗ tôi đã nói người Pháp như thần như thánh, có chỗ nói người Việt như gà như lợn để khuyên người Việt cố học cho bằng người Pháp họa chẳng mới yêu cầu được độc lập, chớ tôi có xui ai làm việc bạo động bao giờ ! Những kẻ bạo động chắc là không đọc sách của tôi nên mới lấy gà lợn chống lại thần thánh. Ngoài ra những việc ấy là những việc vô nhân đạo ; nước Nam mà độc lập, tôi mà có quyền thế, nhất định không dung những kẻ bạo động vì bạo động lúc này chỉ có hại cho người nước Nam mà thôi. Nay bảo tôi chủ trương những việc ấy thì lấy gì làm bằng cớ ? Có ai chụp được bức hình để có thể nói tôi cầm bom trao cho người khác hoặc bắt được bức thư nào có chữ ký, có ấn tín của tôi truyền lệnh cho ai hành sát, truyền cho ai chế tạo vũ khí. Trái lại chỉ bằng vào những cung từ của những kẻ bị bắt, bị tra tấn, thì làm gì xác đáng ! Cái tên Phạm Văn Tráng đến nay tôi mới biết. Và trong Quang phục hội không có tên này. Một người đã không quen biết, sao lại có thể đem cái quan tước, cái phú quý mười phần chưa chắc một mà dụ người ta làm những việc như ném bom là sự mười phần chắc chết cả mười được. Họ để cho tôi là chủ sự chẳng qua họ nghe tôi ra ngoài viết báo làm sách, ai ai cũng biết và nếu những người ấy là người trong đảng tôi nữa thì càng phải hiểu chủ sự tất phải là người đầu đảng, tức là ông Cường Để. Còn những việc tôi nói tự ông Cường Để, tự ông Nguyễn Thượng Hiền là sự thật. Tôi chối làm gì ? Ngay từ thuở tôi bắt đầu làm việc phản đối chánh trị tôi đã nghĩ : *một là nước Nam sẽ độc lập, hai là tôi sẽ mất đầu. Về đây là cầm chắc cái chết trong tay, cần gì phải đồ cho ai để mong nhẹ tội !*

Hội đảng tôi dựng lên cần có tiền, cần có người, nhờ ông Cường

Đề có thể lực với dân Nam kỳ, ông Thuật ông Hiền có thể lực với dân ngoài Bắc-kỳ, có các ông ấy là mới đủ thu được nhân vọng Nam Bắc, còn tôi chỉ có ảnh hưởng ở mấy tỉnh Trung kỳ mà thôi. Tiền bạc, phương tiện có khi đủ mà cũng có khi thiếu, có khi nhờ người Tàu, có khi túng quẫn phải làm giấy bạc giả song có tiêu được đâu! Sở dĩ tôi sang Xiêm vì bấy giờ một số anh em Trung-kỳ sang lâm vào cảnh đói khát tôi phải đi xin ruộng đất cấy cây nuôi nhau, sự thật là thế.

Những tội lỗi của những kẻ bạo động kia mà cho là tội lỗi của tôi, điều đó chỉ phải một nửa, nghĩa là chỉ phải về một phương diện mà thôi. Cứ lấy lý mà nói thì tội của em có thể qui vào anh hưởng chỉ là anh không biết dạy bảo em đề em phạm tội. Tội của con tức là tội của cha, cũng hiểu theo lẽ đó nhưng là về mặt luân lý mà thôi. Đối với pháp luật, tội của em thì em chịu, tội của bố con không phải mang. Nay quan Tòa tin ở lời chúng khai mà buộc tội cho tôi thì với cái án năm 1913 chánh phủ cứ giết quách tôi đi cho rồi há tất phải xử đi xử lại. Còn nếu theo sự thật thì tôi chẳng có tội gì; tôi phản đối chánh trị nhưng bằng cách hòa bình, tôi há không hiểu rằng nếu so sánh về sức mạnh tôi không hơn con muỗi mà binh lực của nhà nước, như trời như biển, tôi chống sao nổi mà tính bạo động! Hai chục năm qua rồi, việc không thành, thân cơ khổ tôi có hy vọng gì để làm anh hùng cứu quốc! Nước Nam mà ra nước Nam thì có hàng ngàn người hơn tôi ra lo toan việc nước. Tuy nhiên tôi thật sự đã chỉ làm được một việc là không tham đồ phú quý... Còn nếu bảo tôi là người có tội, tội xin nhận 4 tội sau đây :

1) Chánh phủ Pháp sang bảo hộ nước Nam không có ai phản đối mà riêng tôi phản đối muốn cho nước Việt Nam độc lập

2) Nước Việt Nam xưa nay thi hành một chánh thể chuyên chế mà tôi muốn cho nước Việt Nam thành một dân quốc.

3) Nhà nước cấm không cho người du học ngoại quốc, tôi đã trốn đi ngoại quốc lại còn cử động việc xuất ngoại.

4) Tôi trước thư lập ngôn đề thức tỉnh đồng bào, yêu cầu chánh phủ cải lương chánh trị hầu làm tròn thiên chức khai hóa của mình.

Cụ Phan dứt lời thì trời đã sắp tối. Tòa ra lệnh ngừng 15 phút đề nghị ngồi và đề cho các Trạng sư sửa soạn bài cãi. Rồi trạng sư Larre lên tiếng như sau :

— Đồng nghiệp của tôi là Bona và tôi được cử ra biện hộ cho cụ Phan. Chúng tôi đã định chia nhau từng khoản đã nêu trong cáo trạng đề cãi cho Cụ nhưng xét ra không được nên tôi nhường cho ông Bona cãi tất cả cho các khoản còn tôi, tôi chỉ phụ trách những điều đại cương mà thôi.

Thưa quý tòa, tôi xin phép hỏi cụ Phan là người thế nào ? Cụ có phải là một kẻ phản nghịch chăng ? Cụ có phải là kẻ có nhiều tham vọng phú quý mà ta từng thấy chánh phủ bảo hộ đã dành cho quyền cao chức trọng chăng ? Tôi xin trả lời ngay rằng không ! Lịch sử của cụ Phan là lịch sử của chánh sách thuộc địa ở Đông dương trong 25 năm gần đây. Cụ là một con người cách mạng, có lòng trắc ẩn, nặng tình xót giống thương nòi. Cụ đã bị kích thích bởi những hành động tàn ngược của một triều đình chuyên chế, bởi những sự nhúng lạm của đám tham quan ô lại ; cụ đã thấy việc giáo dục ở đây chậm chạp, hình pháp lại nghiệt ngã, nhân dân thì đau đớn ê chề, chánh phủ bảo hộ có sứ mạng khai hóa vậy mà đã qua mấy chục năm rồi tình trạng đất nước này vẫn chưa được cải tiến,

Con người ái quốc ấy vì thế càng thêm hăng hái... vì thế cụ đã chỉ trích vua quan, cụ đã không tán thành chánh phủ bảo hộ và đã công kích chánh sách thuộc địa của nước Pháp không ngoài sự mong mỏi đưa dân nước ra khỏi chốn khổ ải lầm than.

Cụ đã vì xứ sở mà cơ khổ lệnh đênh, bây giờ cụ vẫn lệnh đênh cơ khổ, rồi đây chắc cụ cũng sẽ vẫn cơ khổ lệnh đênh nữa ! Cụ là con người trong sạch trong những con người trong sạch. Đối với những quân giặc cướp, những bọn phản nghịch, những kẻ mưu đồ lợi lộc, chánh phủ bảo hộ đã tỏ ra rất có lượng thì có lẽ nào đối với con người có tư tưởng rộng rãi, có nhân phẩm cao quý hơn là bọn giặc cướp, phản nghịch, tham danh vụ lợi, con người hơn hẳn mọi người của dân tộc Việt Nam, há chánh phủ lại thiếu sự khoan nhân đại độ ? Đã vậy

ngày nay chánh tình ở Đông dương đã thay đổi nhiều, uy thế của chánh phủ đã vững vàng, lòng dân đã ổn định mà cụ Phan cũng đã ở cái tuổi mình già sức yếu rồi thật rất đáng đề Hội đồng tha thứ.

Tôi cũng xin nhắc đến bài diếu văn của ông Sarraut vị nguyên toàn quyền của xứ này trước đây đọc tại Bruxelles đã có nhiều nhận định và ý kiến rất hợp thời là việc của nước Pháp ngày nay đối với các thuộc địa cũng cần phải có sự cải tiến. Chúng ta đã từng nói đến sự hợp tác giữa chánh quốc và thuộc địa phải được xây dựng trên một nền tảng công bằng và hợp lý, lại nữa vấn đề khai thác thuộc địa tốt đẹp không thể đi ra ngoài nguyên tắc chia xẻ các quyền lợi đều cùng hưởng nhờ đó ta mới mưu được hạnh phúc chung và nêu cao được giá trị của một nước Pháp đã đưa ra trước tiên ngoài thế giới châm ngôn tự do, bình đẳng và bác ái.

Chúng ta cũng cần phải nhận chân cả những lỗi lầm của chúng ta không phải là ít, những lỗi lầm này từng bị đảng xã hội thống nhất chỉ trích, chưa kể đảng Cộng-sản là đảng từ lâu đã hết sức gay gắt về vấn đề này. Vì lẽ này tôi hy vọng sự khoan hồng của Hội đồng hôm nay đề tỏ ra rằng nước Pháp sáng suốt, rộng lượng, nước Pháp bao giờ cũng trung thành với những lời hứa khai hóa cho các dân tộc thuộc địa, và bao giờ cũng biết ưu đãi những con người trí thức, ái-quốc thực ra chỉ nên coi là bạn hơn là thù... »

Trạng sư Bona đến lượt ra trước vành móng ngựa với một giọng trầm trầm và mỗi phút trở nên hùng biện thêm :

— « Thưa quý tòa, tôi cảm ơn Hội đồng đã dành cho tôi 8 ngày để xem xét 300 trang hồ sơ về tội trạng của bị can Phan Bội Châu một nhà ái quốc của nước Việt Nam mà bấy lâu chánh phủ bảo hộ đã coi là kẻ nghịch. Công việc bào chữa cho Cụ Phan tuy khó khăn, nặng nề nhưng tôi vẫn vui lòng gắng đáng vì tôi coi là được hân hạnh biện hộ cho một người mà tôi vẫn kính mến từ lâu.

« Cũng như bạn đồng nghiệp của tôi, tôi xin hỏi Phan Bội Châu là người thế nào ? Cụ có thuộc loại lạm dụng lòng yêu nước của đồng

bào đê trực lợi hay chỉ là một người có lòng thương nước thương dân ? Tôi tin rằng không ai, kể cả người Pháp có thể phủ nhận được tư cách cao quý của con người yêu nước chân chính này, mà chúng ta còn phải ham mộ là đằng khác. Riêng tôi tôi thật tình hâm mộ cái thân thể, cái tính tình cao cả, trong sạch, cái nghị lực như sắt đá, cái tinh thần bất khuất của cụ ở mọi việc cụ đã làm trong suốt một đời người.

« Cụ Phan sinh ra năm 1866 ở một địa phương đã sản xuất ra nhiều anh hùng hào kiệt cho nước Việt Nam. Từ khi bước ra đời cụ đã khôn lớn trong một không khí tự do phóng khoáng của núi rừng tỉnh Nghệ rất thuận tiện cho sự phát triển mọi tư tưởng luân lý, đạo đức và chính trị. Ngoài ra cái giáo dục của gia đình cũng hun đúc cho cụ thành một con người phi thường rồi lớn lên cụ được hấp thụ những tư tưởng của Khổng phu tử, của các tiên hiền Trung quốc, cụ còn được đọc cả Voltaire, Rousseau là những nhà cách mạng đầu tiên của dân tộc Pháp. Vậy không là điều lạ nếu cụ Phan với cái sở học đó đã hằng hái thực hiện những điều cụ đã được thấu lượm qua sách vở. Đã vậy cụ lại sinh trưởng ở một quốc gia chậm tiến đang bị chìm ngập trong nhiều sự bất công, phi lý khiến nhân dân lầm than đau khổ không bút nào tả xiết.

« Năm 1885, nước Việt Nam bắt đầu đi vào chế độ Bảo hộ. Lúc này cụ mới 19 tuổi, là cái tuổi đang có nhiều nhiệt tính đề quan sát, đề suy gẫm và cũng đề phản ứng. Cụ thấy chế độ chánh trị thối nát, việc giáo dục hủ bại, hình pháp dã man (roi vọt, kim kẹp tàn nhẫn) người dân không sao ngóc đầu lên nổi ? Trước hoàn cảnh bi đát này của đồng bào, một người như cụ Phan dĩ nhiên không thể điềm nhiên đứng nhìn được, và cũng là sự dĩ nhiên nếu trong đầu óc cụ nảy sinh ra những tư tưởng cách mạng. Tuy vậy cụ vẫn ở trong trạng thái chờ đợi, cho mãi tới năm 1903 sau 18 năm đảng đảng đất nước này vẫn chẳng thay đổi gì. Đến giai đoạn này cụ đã đề kết rằng chánh phủ bảo hộ chỉ có lo ôm lấy chủ quyền chứ không thực tâm khai hoá cho người Việt. Chánh phủ đã chối bỏ nhiệm vụ này thì sự hiện diện

của chánh phủ chỉ là điều bất lợi hay vô ích nên từ đó cụ trở nên một đối thủ chánh trị với nhà cầm quyền. Rồi cụ đã làm gì ? Xin thưa cụ cộng kích chánh phủ về vấn đề bảo thủ lối khoa cử cũ rích, hình pháp cò lỗ, khắc nghiệt với việc du học bất kể rằng các việc kể trên đã gây quá nhiều bất mãn trong quần chúng Việt Nam.

« Nhưng thưa quý Hội đồng, cụ Phan với chủ trương trên đây vẫn có những hành động ôn hòa, chứng cứ là những điều cụ nghĩ về các việc cải cách cần phải thi hành cụ đã từng bàn với một số đại thần, sĩ phu mà cụ hy vọng có thể đạo đạt lên chánh phủ Bảo hộ nhưng người ta đã không chịu thông cảm còn dọa nạt rằng đó là những chuyện có thể mất đầu vì thế bầu máu nóng của cụ như đã bị hâm sôi thêm.

« Trong cuốn *« Lưu cầu huyết lệ tân thư »* cụ có nói :

— Dân tộc Việt Nam ơi ! Chúng ta sẽ bị tuyệt diệt vì các ông vua chỉ muốn áp dụng quyền chuyên chế !

« Dân tộc Việt Nam ơi ! Nếu chúng ta ôm mãi cái vô-ý thức của « chúng ta thì chắc chắn chúng ta sẽ bị tuyệt diệt !

Rồi quá thất vọng vì mọi ý nguyện cứu nước giúp dân chỉ là những ảo-ảnh về phía nhà cầm quyền, cụ nghĩ chỉ còn một kế là trốn ra ngoại quốc, khuyến cáo nhiều người xuất dương nhằm gây một lực lượng trí thức sau này trở về đòi quyền tự lập.

« Nếu đề mưu đồ phú quý như người ta thì làm giặc hay làm quan cụ cũng có thể đi tới mục đích này nhưng cụ chỉ muốn làm một nhà ái quốc vì thế cụ phải bỏ nước mà đi. Năm đó là năm thân phụ cụ vừa mất, việc hiếu đã trọn, cụ mang theo một ngàn bạc cùng Táng bặt Hồ lên đường ra Bắc rồi qua Tàu, qua Nhật, qua Xiêm. Tại đây cụ trước tác nhiều sách đem về truyền bá tại Đông-dương lấy tiền giúp Đảng và cõ động việc nước. Cụ quan niệm Việt Nam là một nước phong phú nếu người Pháp chỉ biết có khai thác cho riêng mình, đặt nhiều thứ sưu dịch phiền phức, thuế má nặng nề chẳng bao lâu nước này sẽ tuyệt chủng. Cụ quan niệm dân tộc Việt Nam

bị giam hãm trong vòng ngu tối thì phải dùng ngòi bút đề cảnh tỉnh nhân dân, đồng thời cụ khuyến các thanh niên anh tuấn xuất ngoại du học cơ khí, vũ bị và Anh ngữ tại Đông Kinh. Năm 1905 chánh phủ Nhật trục xuất người Việt, cụ phải cùng anh em lưu lạc qua Trung quốc. Tại đây một số đồng chí của cụ có nhiều tư tưởng bị dồn ép trên bước đường lưu vong nên sinh cuồng dại rồi đã làm những việc mà hôm nay quý tòa đã buộc hết vào cho cụ bằng đủ mọi phương cách, hỏi cụ có đáng gánh chịu cái tai vạ này chăng? Và có nên chỉ căn cứ vào những phức trình của các tòa Lãnh sự, của các nhân viên mật vụ, chỉ biết tăng công bậy đẻ ních đầy túi tham chăng? Nay ta nhắc lại những lời cung khai của những can nhân năm 1913 thì bao nhiêu trách nhiệm về các vụ bạo động đã đổ hết lên đầu kẻ vắng mặt, mà kẻ vắng mặt bao giờ cũng thiệt thòi, thói thường là thế. Bảo rằng cụ Phan gây nhiều việc hỗn loạn về chánh trị thì nói cho phải, cụ chỉ là kẻ gieo mầm, rắc giống và những mầm giống ấy gặp gió đưa đi cụ tính sao được các hậu quả? Nhưng xét rộng thêm ra, trước sau cụ chỉ đòi hỏi một sự chấn chỉnh về chánh trị cho nước Việt Nam mà thôi. Ông Toàn quyền Varenne đọc diễn văn tại Auvergne ngày 11-10-1925 được tờ Thời báo (Le Temps) bên Pháp ba hôm sau có nhắc lại rằng : *« nếu chánh sách của ta ở bên Đông Dương không được tu sửa lại theo một tinh thần mới là tinh thần hòa bình và công chính thì chỉ nay mai chúng ta lại sẽ gặp những biến động chẳng khác gì ở Maroc »* như vậy cụ Phan và ông Varenne đã gặp nhau.

« Còn nói về con người của cụ Phan thì cụ là người nóng nảy, tuy nhiên cụ đã kìm hãm được cái nóng nảy của cụ nhờ vậy mà cụ đã chỉ có bắt tay vào hai việc là khuyến người du học và khuyến người đồng tâm, việc sử dụng võ lực chỉ là dự định mà thôi trong trường hợp văn hóa thất bại. Đã vậy cụ cũng rất thận trọng là về quân sự, nếu có sự huấn luyện đầy đủ cho Hải, Lục, Không Quân, về trọng pháo và các chuyên môn cụ mới đường đường chính chính ra quân khai chiến. Còn gần đây qua hai cuốn sách *« Dự cứu niên lai sử trị chí chủ nghĩa »* và *« Pháp Việt đề huề chánh kiến thư »* cụ khuyến đồng bào từ bỏ mọi việc bạo động mà theo gương Ba-Tư, Phi Luật

Tân tiến lên bằng văn hóa, hòa hợp với người Pháp cho có lợi hơn.

Cụ còn giải thích ý kiến của cụ đối với Nhật Bản qua 4 điểm dưới đây :

1) Với người Nhật, Việt Nam không thể lấy chính trị để yêu cầu độc lập được.

2) Với người Nhật, Việt Nam không thể dùng võ lực để thực hiện được tự do.

3) Nhật cai trị Việt Nam sẽ khai thác tàn hại, cơm thừa canh cặn cũng không hy vọng được.

4) Nhật là giống hung cường, bành trướng rất mạnh, sự bảo hộ của Nhật sẽ mang lại cái họa diệt chủng cho người Việt.

Tóm lại những khuyến cáo này đã gián tiếp cho người Việt hay chỉ nên đi đôi với người Pháp mà thôi. Ngay trong bức thư gửi cho hai người con trai, cụ cũng phát biểu ý niệm này, như vậy ta có thể coi tư tưởng của cụ Phan mà Quý tòa lên án ngày hôm qua cũng như hôm nay đã có một chuyển biến khả quan ngay trên căn bản rồi. Cũng như ở nhiều sách cụ Phan viết nữa, người ta cũng thấy hiện tượng này do cụ Phan đã thấy chánh sách của nước Pháp ở đây đã có phần canh cải.

«Thưa quý ngài, Hội đồng đề hình là một hội đồng chánh trị. Bản án mà các ngài sắp ký đây thiết tưởng cũng nên được tham khảo theo tình hình trong nước và ngoài quốc tế. Tình hình Đông-dương, lúc này thì đang được hoàn mỹ, còn chung quanh Đông dương các nước láng giềng đang vùng dậy Bây giờ thật là hợp thời và hợp lý để xét lại chủ thuyết *Pháp Việt* để huê của cụ Phan, một chủ thuyết khuyến nhủ người Việt thực hành sự cộng tác với người Pháp. Vậy rộng lượng với cụ Phan các ngài sẽ làm được một việc quảng đại đối với lương tâm mà còn làm được cả một việc chánh trị khôn khéo khiến rồi đây người Pháp cũng như người Việt đều sẽ mến phục các Ngài. »

Bài cãi của Luật sư Bona chấm dứt ở đây thì vừa đúng 8 giờ tối sau khi ông Bùi bằng Đoàn đứng ra dịch văn tắt cho cụ Phan

nghe. Tòa nghị một ít phút vào nghị án. Sau đó viên chánh thẩm Brides đặt 9 câu hỏi với Hội đồng : Tám câu thuộc 8 tội danh đã nêu trong cáo trạng còn câu cuối cùng là có nên khoan giảm không.

Rồi Brides quay lại hỏi các trạng sư và cụ Phan có muốn nói gì thêm. Hai luật sư đồng thanh xin Tòa tha bổng cho cụ, riêng cụ Phan đứng ra cảm ơn Hội đồng đã đem vụ của cụ ra xét xử trước công chúng và cử luật sư biện hộ. Cụ nhắc thêm rằng với chánh thể Nam triều thì nguyên tội phản đối chánh phủ cũng đủ đáng chết rồi còn đâu đề ra Hội đồng và có có luật sư biện hộ. Lời chót của cụ là :

« Nếu chánh phủ Pháp lấy tàu bay, chiến hạm, đại bác, nghĩa là lấy võ lực mà cai trị xứ này thì tôi đành chết chẳng dám kêu « nài, nhưng nếu Nhà Nước bảo hộ lấy văn minh sang khai hóa cho các dân tộc Đông-dương thì tôi là kẻ vô tội.

Câu hỏi cuối cùng viên chánh thẩm :

Ông phản đối chánh phủ bảo hộ hay là chính trị của nước Việt Nam ?
Cụ nói : *người Việt còn có nước đâu mà có chánh trị !*

Chương lý Boyer nói cuối cùng và xin xử tử cụ Phan, làm dư luận nổi lên những tiếng ồn ào và lẫn vào đó là những tiếng thở dài của một số đồng bào không nén được sự xúc động.

Giữa lúc không khí của phòng luận tội đang nặng nề đề lên đầu óc của công chúng đang tụ tập chật ních từ ngoài sân tòa tới hai bên hành lang phòng xử và đầy cả pháp đình, bỗng một người trạc tuổi 50 mặc quốc phục rẽ đám thánh giả hết thấy có nét lo âu trên mặt mạnh dạn tiến vào Nhân viên giữ trật tự ngăn không nổi, mọi người đều nhón nháo quay đầu nhìn, lấy làm lạ lùng hết sức, kè cả viên Chương lý Pháp.

Mấy tên sen đầm Pháp liền nắm lấy tay ông ta, Chánh thẩm Brides ra lệnh ngừng xử và cho mõ tòa Mohamed hỏi ông về sự đột ngột :

Đây là một nhà nho, mặc đồ đen, đội khăn lượt, tầm vóc nhỏ nhưng vẻ mặt cương quyết bước lẹ đến trước vành móng ngựa đỡ tay tự giới thiệu là Nguyễn khắc Doanh, quán ở Trình-xuyên huyện Nam-trực tỉnh Nam-định (1), xin nộp đơn tình nguyện chết thay cho cụ Phan.

Brides cau mặt, lắc đầu, khoát tay cho mõ tòa và sen đầm kéo ông Doanh ra khỏi Pháp đình. Mấy phút sau tòa lại tiếp tục rồi viên chánh thẩm và các phụ thẩm đứng lên bước vào phòng trong đề luận tội.

Một giờ sau cả bọn trở ra, Brides nhắc Tòa đồng ý cụ Sào Nam đã phạm vào mấy tội lớn dưới đây :

- A) Chủ mưu gây rối cuộc trị an tại quốc nội và quốc ngoại
- B) Lập các hội kín, các đảng phái bất hợp pháp mưu khuynh đảo hai chánh quyền Việt, Pháp.
- C) Cầm đầu các vụ ném bom giết Tuần phủ Nguyễn duy Hàn ở Thái-bình và giết 2 sĩ quan Pháp là quan tư Montgrand và Chapuis khi bị can còn ở Tàu và Xiêm.
- D) Cấp cho các hung thủ Phạm văn Tráng, Nguyễn văn Quý, Nguyễn khắc Cần Nguyễn văn Tý các vũ khí giết người.

Lời chốt của Brides là : *cụ Phan phải chịu án khổ sai chung thân.*

Sau khi bản án về cụ Sào Nam đã được tuyên đọc, nhiều đoàn thể thanh niên phụ nữ, nhiều đảng phái, nghiệp đoàn lên tiếng can thiệp.

1) Hội «Việt Nam thanh niên» gửi 4 000 lá đơn cho :

- Các đại biểu của «Vạn quốc hội» (*Société des Nations*).
- Tòa án quốc tế La Haye.
- Nghị viện Pháp

(1) Ông Nguyễn khắc Danh là một Tú tài Hán học, tục gọi là ông Tú Khắc.

- Giám quốc Pháp.
- Bộ trưởng bộ thuộc địa Pháp
- Toàn quyền Đông Pháp,
- Sứ thần Trung-hoa và các Sứ quán các nước ở Ba lê và ở Đông-dương.
- Các đoàn thể Pháp ở Đông-Pháp.

2) Việt-kiều ở Ba-lê họp đại hội đồng ở trụ sở các Bác học hội (*Salie des Sociétés savantes*)

Ngày 3-12-1925 do ông Nguyễn thế Truyền đại diện gửi hai điện tín, một cho Toàn quyền Đông Pháp Varenne ở Hà-nội yêu cầu ân xá cho cụ Phan, một gửi cho Cụ đề báo tin về vụ can thiệp kê trên (Varenne là đảng viên của đảng Xã-hội Pháp được cử sang làm Thủ Hiến Đông Pháp vừa đúng lúc xảy ra vụ án cụ Phan).

3) Hai trăm sinh viên các trường Cao đẳng luật học, y học, công chánh chia làm 3 toán nghiêm chỉnh đón Varenne tại Ga Hàng Cỏ (ga chánh Hà Nội) mỗi toán có nêu một lá cờ có ba dòng chữ:

Vive le socialiste Varenne !

Grâce pour Phan Bội Châu !

A bas le colonialisme à la trique !

(Vạn tuế nhà xã hội Varenne !

Xin ân xá cho Phan bội Châu !

Đả đảo chủ nghĩa tư bản áp chế !)

4) Phụ nữ cũng lên tiếng : Khi Toàn quyền Varenne đi tới phố hàng Đường, hàng trăm bà già quỳ ở giữa đường đệ một lá đơn xin ân xá cho cụ Phan. Nữ giáo sư và nữ sinh trường Đồng Khánh (Huế) cũng đánh điện cho Varenne.

5) Báo chí toàn quốc cũng viết bài theo mục đích trên với những lời lẽ rất khẩn thiết, vừa xin tha, vừa ủng hộ đơn chống án của cụ.

6) Việt kiều tại Xiêm cũng góp lời phản đối bản án cụ Phan và đòi ân xá.

Chiều ngày 7. 12 1925 Varenne tiếp hai luật sư của cụ Phan và hôm sau hội kiến với Chương lý Bourayne để nghiên cứu lại hồ sơ của cụ Phan.

Ngày 11-2-1925 do lệnh của phủ Toàn-quyền, Hội-đồng bảo-hộ nhóm họp có Thống sứ Robin chủ tọa duyệt lại bản án của Hội đồng đề hình về thể thức pháp lý. Tiếp theo, Varenne ký đề nghị gửi về Pháp xin ân xá cho nhà đại ái-quốc Việt Nam. Ngày 24-12-1925 đề nghị được sự chấp thuận của Giám quốc và chánh phủ Pháp. Varenne ký nghị định tha ngay cụ Phan. Y còn tính mời cụ giữ một trong hai trọng trách : nhận làm Học bộ Thượng thư — hai là làm Cố vấn cho Toàn quyền Đông Pháp. Cụ từ chối hết và chỉ nhận cái gậy của Varenne tặng riêng cụ.

Toàn dân vui mừng khi được tin ân xá của thực dân Pháp,

Sau đó một đôi ngày cụ Phan về Huế tuy bề ngoài cụ được trả tự do nhưng mật thám vẫn bao vây cụ một cách kín đáo chung quanh nhà riêng của cụ ở trên Bể Ngự.

Chúng ta nghĩ thế nào về vụ án Phan-Bội-Châu? Thực dân Pháp tha cụ Phan xét cho phải chỉ là làm một cử chỉ khôn ngoan về phương diện chánh-trị. Nếu chúng nhất định giết cụ Phan thì cao trào ủng hộ của dân chúng đối với cụ Phan đang bốc lên như gió bão sẽ không khỏi biến thành một cuộc bạo động lớn lúc này trên toàn cõi Việt Nam. Cuộc đờ máu có thể xảy ra, hậu quả sẽ tai hại vô lường. Đã vậy dư luận quốc tế cũng sẽ rất công phẫn, Pháp sẽ mất hết uy tín, ngoài sự mang tiếng là tàn ác, cay nghiệt còn bị chê là vô chánh trị nữa.

1) Nguyễn-Khánh-Toàn vừa đây là Bộ trưởng Giáo dục của chánh phủ Dân chủ cộng hòa miền Bắc là người đã đọc và viết diễn văn xin Varenne ân xá cho cụ Phan.

Pháp dùng biện pháp khoan hồng thì lợm được những kết quả tốt đẹp là vẫn duy trì được an ninh và trật tự lại được dịp quảng cáo cho chánh sách nhân đạo giả dối mà Pháp vẫn tích cực phô trương từ trước cho đến lúc đó. Về phần đồng bào Việt Nam, đây là một cuộc tranh đấu thắng lợi hoàn toàn và cũng là một cơ hội đề tri ân một nhà chí sĩ suốt đời hy sinh cho dân tộc. Lòng tri ân này luôn luôn được gắn liền với lòng sùng bái vĩ-nhân như một truyền thống nhờ vậy dân tộc ta luôn luôn gìn giữ được sức mạnh cho mọi cuộc tranh đấu chống ngoại xâm xưa cũng như nay.

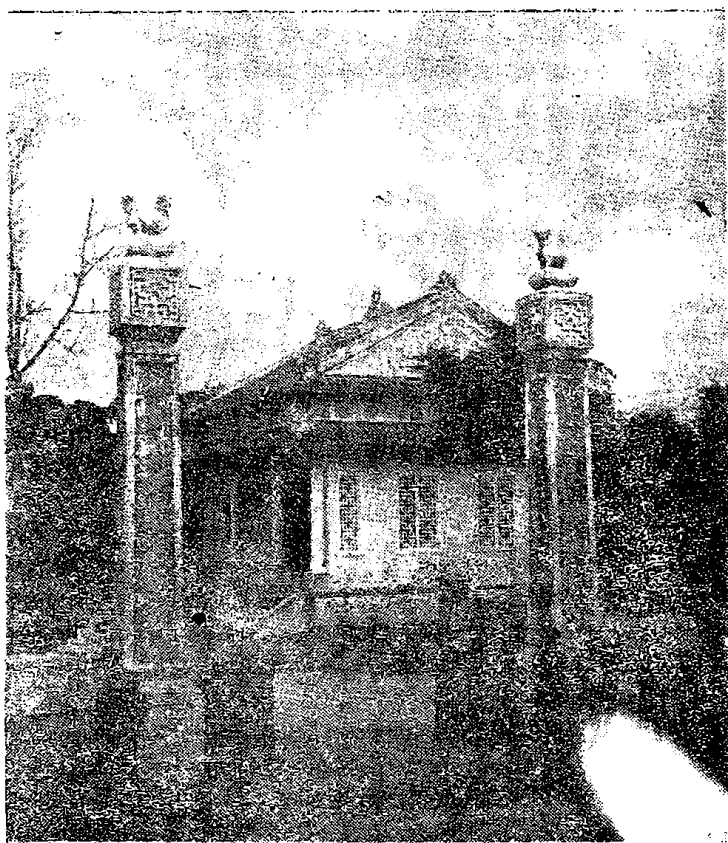
Cuộc ân xá này đã vượt ve lòng tự ái của dân tộc chúng ta và khôn khéo thế nào mặc dầu, quân thống trị cũng vẫn không bao giờ ru ngủ được tinh thần tranh đấu của chúng ta. Chứng cứ là qua năm sau cụ Tây Hồ tạ thế, ngọn trào ái quốc lại được thêm một dịp bùng mạnh khắp nước và tăng cường ý chí cách mạng trong khắp tầng lớp quốc dân, chẳng vậy sau việc các cụ Sào Nam và Tây Hồ, các đảng cách mạng và các hội kín này lở mỗi ngày một nhiều. Đệ nhị thế chiến chấm dứt thì cách mạng Việt Nam chống Đế quốc nổi lên dữ dội hơn bao giờ hết và đã giải phóng được dân tộc sau chín năm chiến tranh mãnh liệt với Pháp (1946—1954).

Qua các vụ trên đây chúng ta còn thấy vai trò của nhân dân trong các cuộc đấu tranh hết sức quan trọng. Nó quyết định mọi sự thành bại. Vụ án của cụ Sào Nam đã chứng minh rằng nếu cụ không được toàn dân vùng lên chống việc xét xử của thực dân thì bản án tử hình Pháp đã dành cho cụ năm 1913 rất có thể được thi hành theo ý muốn của họ.

Còn riêng về cá nhân cụ Phan tuy được thoát chết, có lẽ cụ vẫn chưa hài lòng bởi mục đích giải phóng dân tộc, tranh thủ tự do cho quê hương đến giờ phút đó vẫn chưa đạt được. Quốc dân vẫn còn ở trong cảnh cá chậu chim lồng, thì nhà chí sĩ của chúng ta đâu có thể yên vui được. Đã đành rằng cụ đã làm hết những được gì cụ có thể làm được, hy sinh hết những gì quý giá nhất, nhưng cho đến bây giờ công tác vá trời lấp biển vẫn mịt mù mây khói hẳn cụ vẫn đau khổ. Có lẽ đôi



— PHAN BỘI CHÂU





NGUYỄN - THIỆN - THUẬT



HUỖNH - THÚC - KHÁNG

khi cụ nghĩ « *túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác* » nhưng liệu đàn sau có làm nên công quả như ý muốn của các tiền bối chăng ? Rồi nỗi thắc mắc này đã theo đuôi ông già Bến Ngự đến ngày tàn, (29 tháng 10 năm 1940) trong nếp nhà tranh giữa khoảng vườn hoang lạnh bên dòng sông Hương phẳng lặng.

Vào thuở cụ lìa trần (1940), Thế chiến đang khai diễn ào ạt, quân đội của Nhật Bản ùn ùn kéo vào nội địa Việt Nam, thế lực của Pháp đã rõ rệt mong manh như sợi tơ trước gió. Hình ảnh « *ngọn cờ hồng rạng rỡ họ da vàng* » (1) đã bùng lên trong đầu óc cụ, với những tia hy vọng sáng ngời được nhìn quốc dân phá xiềng đập xích, nhưng tiếc thay cụ đã phải nhắm mắt bước về bên kia thế giới chưa kịp trông thấy quê hương đất nước vùng dậy, dưới ánh sáng huy hoàng của tự do và độc lập, mối hận của cụ vẫn là mối hận thiên thu.

Chung cuộc của cụ Phan Bội Châu ?

Chúng ta hẳn không ai là không theo dõi đến cùng những ngày tàn của cụ Phan trên Bến Ngự, ngoài ra còn một vấn đề nữa là bản « *Pháp Việt đề huề chánh kiến thư* », một văn kiện cụ gửi cho Toàn quyền A. Sarraut vào năm 1919 đã gây hoang mang ít nhiều cho quốc dân một thời đối với nhà chí sĩ. Có người hỏi : Cụ Phan đã biết tiết chẳng ? Vậy người chép sử thấy có bõn phận phải nói ra cho đủ.

Sau khi được ân xá ngày 8/2/1926 cụ Phan có mặt tại Tòa sứ ở Nghệ An để gặp cụ Bà và các con ít giờ rồi lên xe lửa vào Huế. Đây là chốn trú ngụ bắt buộc vì thực dân vẫn lo ngại nếu không có sự kiểm soát ráo riết của chúng cụ sẽ bất thần xuất ngoại chăng ? Đặt cụ ở Huế thì tại đây thực dân có một cơ quan liên phòng có nhiều khả năng đề bao vây cụ.

Bước chân đến cố đô, cụ không có đồng nào trong túi nhưng cụ Phan Văn Trường đã cõ động trên báo chí nên quyền ngay được 2500đ nhờ vậy cụ làm được ngôi nhà nhỏ chung quanh có vườn gần bờ sông Hương. Dân chúng, nhất là thanh niên nam nữ học sinh lui tới

(1) Câu thơ này trích trong một bài ca cách mạng của một Văn thân đầu thế kỷ 20.

thăm viếng cụ luôn nhưng sau thấy có mặt thám rình mò nên sự đi lại cũng thưa thớt dần.

Tâm sự cụ lúc này vẫn nặng ưu sầu. Điều đó rất dễ hiểu. Con người ham tự do, tánh tình phóng khoáng từng đi khắp đó đây, đâu có thể hài lòng ở yên trong chốn thảo lư tuy không bị giam cầm nhưng vẫn không ra ngoài vòng kiểm tỏa của quân thù. Cụ lại khổ tâm hàng ngày nhìn thấy đồng bào cơ cực bên cạnh lũ gia nô đế quốc ăn chơi phè phỡn, xe ngựa nghênh ngang. Cụ đã trút ít nhiều tâm sự trong bài thơ « Vào thành » dưới đây :

Vào thành ra cửa Đông,

Xe ngựa chạy tứ tung.

Vào thành ra cửa Tây,

Sa gấm rục như mây.

Vào thành ra cửa Nam,

Áo mũ đổ pha chàm,

Vào thành ra cửa Bắc

Mưa gió đen như mực,

Dạo khắp trong và ngoài,

Đàn địch vang tai trời.

Đau lòng có một người,

Hỏi ai ? Ai biết ai !

Trong nhiều bài khác cụ cũng có nhiều cảm khái về thời cuộc rất bi thiết, có những ý thơ cười ra nước mắt hay những điếm rất hào hùng :

CỔ ĐỒ CẢM TÁC

Núi Ngự sông Hương khéo hững hờ.

Trái bao dâu biển đến bây giờ.

Uy nghi sáu Bộ sờn mây sấm,

Xe ngựa ba cầu dạn gió mưa.

Cỏ mọc cung tường thành giám cờ

Đá trơ vãn võ cửa lăng xưa,

Thành rơi giọt lệ کیا ai đó ?

Ta sẽ lên thành hỏi cột cờ.

THUYỀN ĐÊM TRỜI LỤT

Dưới đèn bên gối gió thu vào,
 Chào bạn lâu nay ở chốn nào ?
 Một tiếng hát chày kinh chợt dậy
 Té ra trời biển cách xa nhau !

II

Gió đầu cuốn biển dựng non triều ?
 Thoạt mới nghe ra tưởng đất reo.
 Đau đớn những ai say quá giấc
 Bên tai sấm sét cổ nằm liều.

III

Tuồng lụt tuồng mưa diễm khá hay,
 Éch lên giành núi, cá giành cây,
 Cơ trời xoay chuyển mưa rồi nắng !
 Cây núi đâu mà chứa bạn bay !

IV

Khát nước lâu ngày nước lại no,
 Cua bơi cá nhảy bầy tha hồ.
 Rồng thiêng đứng đỉnh trên mây bạc,
 Ngó xuống nhân hoàn biển mưa to.

V

Ma lụt gù nhau nuốt núi sông,
 Lại toan cướp tuốt chiếc thuyền ông.
 Liều gan chống thử cùng mưa gió,
 Thua được chờ xem lúc cuối cùng.

VI

Bạn gió cùng trăng trải bấy nay,
 Chào ông thần sóng lại phen này.
 Biển non chìm ngấm về tay Cồn,
 Hạ Võ nào đâu xuất hiện ngay !

VII

*Biển kêu như sấm nước lụt trời
 Kia chiếc thuyền ai thủng thủng bơi !
 Một lão ba thằng ngồi khúc khích,
 Bầy ma thấy cũng vỗ tay cười.*

VIII

*Ôi lũ con đen lúc tới cùng !
 Con ai tai mắt đờ đầu ngông.
 Thuyền ai còn đó e rồi nữa
 Đây một bè xương tới biển Đông.*

IX

*Rồng thiêng không nước lấy gì bay ?
 Được lụt xem chừng có lẽ may,
 Vi vầy sấn sấn chờ biển hóa,
 Trong ao vừa đó đã lên mây.*

X

*Dưới cầu bến Ngự dựa cây sung,
 Một chiếc thuyền con sóng tứ tung
 Giữa kiếp trầm luân đi các bạn !
 Gánh non lấp biển gặng nhau cùng !*

Thật là một bức tranh kiệt tác cho cái cảnh « *Thuyền đêm trời lụt* » mà cũng là một bức tranh đê vờ nên những tâm sự hết sức náo nùng của một chiến sĩ bại trận trong việc vá trời lấp biển tuy nhiên vẫn không thất chí.

Nhưng nếu lụt là cảnh buồn thì Xuân là cảnh vui đối với Cụ chăng ? Xin các bạn coi bài này :

*Nghe nói ngoài hiên xuân mới về,
 Non sông sao lắm chiều ú-ê ?
 Lạnh lòng gió thổi trời đêm khuya,
 Vầng trăng man mác mây mù che.*

Dưới đèn bói rỗi mỗi sầu chia,
 Tiếng gà ẹnh vách tè-tè-te,
 Bồng chốc văng Đông sáng choé lde,
 Khoác áo ra đi dạo bốn bề.
 Dạo cùng kẻ chợ lại nhà què,
 Khóc khồ, than sâu nọ với kia.
 Luôn năm thủy hạn trời gớm ghê.
 Bức đồ xã hội còn gì khoe?
 Duy bữa khất (1) cái hai chữ đề,
 Vô tình chi bậy cánh én kia?
 Hót gió ngấm trăng thôi chán nghe,
 Trời ơi! há lẽ trời đang què!
 Thấy dân cùng khồ ông ngời ề,
 Dân tôi nào phải loài giun dế.
 Cỏ xanh nước bạc no ruột mè!

Nhìn trước ngó sau đều là những chuyện buồn vì đồng bào khắp nơi đói khổ lầm than lại chịu mọi sự bất công vô lý, mà trông xin trời cứu giúp thì trời lại làm thinh. Cụ nổi sùng cả với Trời trong mấy câu thơ sau đây :

Trời say chi kẻ kia vô lý.
 Đất điếc thôi đành nọ bất nhân !

.
 Trời điếc và câm chớ hỏi trời !

Rồi cụ cảm thấy trời vô tình mà mình cũng bất lực nên đành chỉ thồn thức những khi một mình một bóng.

Muốn nói nhưng mà nói với ai ?
 Nin câm chẳng lẽ nin câm hoài,
 Giữa đường gặp mãi trò gai mắt,
 Mình nói mình nghe khốc lại cười.

(1) Khất cái có nghĩa là ăn xin.

Với những vần thơ này ta hiểu bao nhiêu nỗi uất hận đã bị dồn ép vào tâm khảm của vị cố lão bởi trong hoàn cảnh chìm lờng cá chậu cù còn biết có ai mà thông cảm. Tuy thất vọng, tuy chán chường người chiến sĩ già vẫn nuôi mộng phá vòng cương tỏa của thực dân, vẫn muốn một phen nào nữa tiếp nối cái sự nghiệp đuổi thực dân, giải phóng xứ sở. Quả vậy cù đã tiếp ông Đặng Đình Điền và Nhượng Tống là hai lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng và cù nhận làm đảng viên danh dự cho V.N.Q.D.Đ. Cù lại tính xuất ngoại theo kế hoạch của các ông này nhưng mưu sự bất thành vì đám tàu của Sogny (chánh mật thám Pháp ở Huế) bao vây quá kỹ. (1)

Trong tuyệt vọng, cù có làm hai câu đối :

« Sinh bất năng trừ thiên hạ loạn, tử bất năng tiết ý trung
« cừ, trường hận mang mang, Lam thủy Hồng sơn thiên cổ tại,

« Tiền hồ thử hí cuộc phương chung, hậu hồ thử võ đài sơ
« khởi, bức nhân đột đột, Âu phong Á vũ bát phương lai. »

Có người đã dịch :

*Sống không trừ được thiên hạ loạn
Chết dễ gì quên lãng mối thù,
Căm hờn lưu lại ngàn thu,
Lam Hồng non nước mặc dù không phai.
Ôi ! mặt trước là nơi du hí,
Mà mặt sau chuẩn bị đánh nhau.
Đợi cho gió Á mưa Âu
Tám phương đều lại một màu chiến tranh.*

(1) Theo Nguyễn bá Thế trong nhật báo Đuốc Nhà Nam ra ngày 11-12 tháng 7-1971, Việt Nam quốc dân đảng toan đánh tháo cho cù trốn ra nước ngoài để cù hoạt động trở lại, cù cũng tính đòi ba phen thoát đi nhưng không sao vượt được lưới trinh sát của thực dân Pháp.

Rồi tháng 6 năm 1940 đất nước chúng ta bắt đầu trải nhiều biến cố lớn. Phái bộ Nhật với binh hùng tướng mạnh rầm rộ tiến vào Việt Nam, Toàn quyền Catroux rũ áo ra đi, Decoux thay thế. Cụ Phan đang chăm chú theo dõi những đổi thay của thời cuộc với ít nhiều hy vọng thì lâm bệnh. Sức khỏe của cụ mỗi ngày một xuống dốc. Các đồng chí biết cụ đã gần đất xa trời nên cụ Huỳnh Thúc Kháng thay mặt anh em đọc hai bài sinh văn khóc cụ ngay khi cụ đang chờ chết (một bài bằng quốc văn do cụ Huỳnh, một bài bằng Nho văn do cụ Trần-kỳ-Phong soạn :

« Đất linh tú non Hoàn hiền quế, khí trăm năm hun đúc đấng vĩ
« nhân. Trời cạnh tranh gió Mỹ mưa Âu muôn dặm mịt mù nhớ người
hương lộ,

Bồi tiên sinh xưa : Sinh đất Hồng Lam, học nguồn Châu Lỗ

*Khí hào hùng đã lỗi lạc khác thường, tuổi thiếu tráng mà đầu
dừng sớm trở*

*Khoa cử nợ nhà toan trả sạch, trường thi trận bút, bằng một tên
lừng lẫy tiếng làng văn. Gian nan phận nước phải lo âu, đất bốn biển
tìm tài miền dụng võ*

*Từ đấy : Hai tròng mắt trắng, mang lối nhà nho ; một tấm lòng son,
dâng mình nước tồ.*

*Trường Quốc Giám mượn chân dị nghiệp, lần lượt vào Nam ra Bắc,
hợp anh hùng gây hội phan long ; Thơ Lưu cầu khêu mối động tâm. lân
la cuối chợ đầu rừng, khắp Yên-Triệu kết phùng đồ cầu.*

*Nội tình đã định sẵn phương châm ; ngoại thế lại rộng xem hoàn
vũ.*

*Cuộc thế giới gió xoay chiều tranh cạnh, mở thị trường, thân thuộc
địa, khối khối năm châu mây mịt mù đen ; Vùng Phù tang đước đợi tia
văn minh, dẹp Trung quốc, đuổi Cường Nga, trời một góc lửa phùng
phùng đồ.*

Gương tự cường toan theo gót Tây Âu, thuyền mọp hiềm mới tếch đòng Đông độ.

Quả nhiên : Điều lướt trên không ; Cá lia khỏi đó.

Bệnh lâu năm vì nổi nước đau ; Tiên ba đảo cầu phương thuốc bờ.

Lệ Thân Tư giọt dài giọt vẫn. Tấn đình cảm động Khuyển dương, Đại Ôi ; Sáo Ngũ Viên khúc nổi khúc chìm. Ngô thị vang lừng Hoàn tân, Thần hộ.

Miệng giọng quốc vạch trời kêu giựt mọt, giữa từng không mù cuốn mây tan ; Tay ngời lông võ án múa châu ba, đầy mặt giấy mưa tuôn sấm nổ

Núi cao reo bốn phía dội vàng ; Buồng kín tỉnh ngàn năm giấc ngủ.

Chỉ lối đem đường bài khuyến mấy lớp bạn thiếu niên chổng chập vết chân, rung chuông gõ mõ sách huyết thư tai mắt ba kỳ, người hưởng ứng xô xao tiếng mõ.

Khi ấy : Anh tài Âu Á hiệp mặt một nhà, Đoàn thề trong ngoài chia vai mấy bộ.

Kẻ học môn này, Người lo việc nợ.

Sách Quang phục tính đà đủ chước, hai mươi năm từng trải kinh doanh, ngón thợ tay thầy. Hồn nước nhà gọi đã hao hơi, ngày muôn dặm xa xôi mơ tưởng rừng cây nội cỏ.

Hắn đã ngoài trời bay liệng thả đều trông Côn hóa cánh Bằng. Dầu cho đường thế éo le đâu đến nổi trī vương lối thỏ.

Ai dè : Hùm rũi sa cơ, Chim quay về tổ.

Thượng hải mấy tuần, Hỏa lò một độ.

Án quốc phạm tử hình tòa đã kết hồn còn đầu xác chết, đoạn đầu dài toan trả nợ nước nhà, xong ơn Pháp đình đặc cách điện vừa sang tình bạn đãi người cừu, kinh đô Huế lại đập chân thành quách cũ.

Phải như ai : Mượn chữ tùy thời, quên câu thủ tổ.

Bụi cát theo chiều gió đón đưa. Đường mặt nểm miếng mồi cá m dõ.

Thôi thì : Sương đã đến đâu. Muốn gì chả có.

Xoay ngọn cờ một cái, ngang dọc nhà lầu xe điện, kém gì ai bả phú quý rêu ; tha quảng cáo mấy lời, tơi bời đám tiệc đít cua, cũng thừa chán lối văn minh võ.

Song le lòng giữ kiên trinh. Cảnh cam cùng khổ.

Trống kèn bốn mặt tai chẳng thềm nghe. Xe ngựa đầy đường mắt không thềm ngó.

Lò thế lợi long chì chảy thiếc, tuổi vàng cao mặc sức lửa nung. Biền trầm mê cuốn rác trôi bèo, cột đá vẫn tha hồ sóng vỗ.

Chốn kinh thành về đã bao năm, lều Bến Ngự nằm queo một xó.

Khi ghé chiếc ba câu kệ phật, đá cúi đầu nghe. Lúc thuyền cô mấ chén rượu tiên núi nghiêng mình đổ.

Trò chuyện xưa nay kiếm hiệp, ngày phăng phắc lạng đàn nói, gương bốn vách rĩ rền giông. Bận bè kinh luyện thánh hiền đêm dăng đặc dài phòng đọc sách một đèn hiu hắt gió.

Biền Á trời Âu xa cách mấy giắc mộng đi mây về điện. . hồng in tìm lại khắp năm châu. Sông Hương núi Ngự quạnh hiu thay ! Tiếng reo trận gió hồi mưa cơn gà gáy dậy sôi đầy bốn ngõ.

Nhà ngựa du thu hẹp bức giang san, phường hậu tiến trông vào đàn kỳ cồ.

Những ước gan vàng mình sắt, dầu ngày mặt lộ sống trăm năm mà làm bạn quốc dân. Nào hay mắc sớm sương mai chán kiếp dư sinh đau một bệnh bỗng ra người thiên cồ.

Trời cướp danh nhân. Đất vùi ngọc thụ

Hào kiệt đi đâu ! Non sông trơ đó.

Hồn cố quốc về chẳng hay chớ, ào gió thổi tư mùa đỉnh núi thông reo. Gương vĩ nhân treo mãi chẳng lờ, vắng vặc nước trong nghìn thuở lòng sông vàng nguyệt tỏ.

Chúng tôi : tiếc đấng anh hùng ; Xót tình dòng họ.

Uống nước nên như đến nguồn cơn ; Khắc đá hời ghi lời phái phủ.

*Vàng ngọc nhớ ơn chỉ bảo, rượu ba tuần dâng nén tâm hương.
Tiên trần rẽ ngả tử sinh, ngậm một khúc thay bài phi lộ.*

Nào dám gọi sinh sau hơn trước, một lòng kính đưa tiên sinh về cõi trường sinh. Chỉ mong câu người chết như còn, chín suối có thiêng đìu hậu bối lên đường tiến bộ.

Đề đáp lại thịnh tình của các đồng chí và của cả anh em đồng bào các giới, tuy thần xác đã mỗi một quá rồi cụ vẫn cố gượng đề ít lời từ tạ, gọi là những niềm tâm sự cuối cùng trước khi cụ đi vào thiên cô :

*Mạc sâu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ thù nhân bất thức quân?
Bảy mươi tư tuổi trót phong trần,
May được bạn tính thần mới hoạt kiện,
 Những ước anh em đầy bốn biển,
 Nào ngờ trăng gió nhốt ba gian
Sống xác thừa mà chết cũng xuống tan,
Câu tâm sự gửi chim ngàn gió biển.
Mình được đọc bài văn « sinh văn »
Chữ đá vàng in mấy đoạn tâm can,
Tiếc mình này sức mỏng tri thâm khan,
Lấy gì đáp khúc đàn tri kỷ?
 Nga nga hồ chí tại cao sơn.
 Dương dương hồ chí tại lưu thủy.
Đàn Bá Nha mấy kẻ thưởng âm?
Bỗng nghe qua khúc trộm lại thương thâm,
Chung kỳ chết ném cầm không gảy nữa (1)*

(1) Theo Nguyễn bá Thế cụ Phan tỏ tâm sự nảo nề khi cụ Tây Hồ mất. Khi được ân xá cụ có ý gặp cụ Tây Hồ nhưng chưa kịp thì cụ Tây Hồ đã qua đời (vào 24-3-1926).

*Nay đang lúc tử thần chờ trước cửa,
Có vài lời ghi nhớ về sau :*

Chúc phương hậu tử tiến mau !

Ngày nay chúng ta đọc đến câu chót của cụ Phan chúng ta không khỏi có nhiều suy nghĩ Cụ chúc con cháu tiến mau, nghĩa là tiến đến một nước Việt Nam tự do, độc lập với trên ba mươi triệu anh em đoàn kết, thân ái cho bỏ ngót một thế kỷ bị dị tộc chà đạp, nhục nhã. Nhưng nếu chúng ta tiến đến một nước Việt Nam tan tành trong khói lửa, đồng bào đối với nhau tàn tệ như quân thù ngoại chủng rồi sự thay đổi trên giải đất này chỉ là trò dịch chủ tái nô, có lẽ cụ Phan có sống lại thì cũng chết luôn. Vậy rất mong những ai đang cầm vận mệnh đất nước này nghe lại lời trấn trời của cụ Phan mà xét lại tư cách và hành động của mình có xứng đáng chăng ?



Nay nói đến bản « *Pháp Việt đề huề chánh kiến thư* » từ 1919 đến 1924 đã làm cho đồng bào nghi ngờ chủ trương chánh trị của cụ Phan mà bọn Phan bá Ngọc và Trần đức Quý đã âm mưu với viên Giám-đốc Nha chánh trị và Liêm phóng Đông-dương tung ra thuở ấy.

Xét ra bức thư mà cụ Phan chu Trinh gửi cho Toàn quyền Beau tuc gọi là « *Phan chu Trinh đầu Pháp chánh phủ thư* » đã được dư luận trong nước ngoài nước chú ý thế nào thì « *Pháp Việt đề huề chánh kiến thư* » của cụ Sào Nam cũng có tầm quan trọng như vậy. Người ta chê thuyết « *Ý Pháp cầu tiến bộ* » về phần cụ Tây Hồ là cả một sự sai lầm thì sự bắt tay với Pháp, cộng tồn với Pháp của cụ Sào Nam cũng là một ảo tưởng nếu người ta không muốn cáo cụ Sào Nam đã thay lòng đổi dạ. Trước sau với thực dân, đế quốc nói cho phải chỉ

Chú thích : Những bài thơ trên đây được sao lại của Nguyễn bá Thế trong tập *Thơ trong tù của các nhà cách mạng V.N.* Có thể có một vài chữ sai lầm, xin cáo lỗi cùng bạn đọc (vì không tìm ra nguyên cảo để so sánh).

P.V.S.

vũ lực là lý thuyết đúng nhất, hợp lý nhất chẳng vậy đồng bào toàn quốc sau khi cụ Tây Hồ và hàng trăm chiến sĩ của phe « *cải lương* » bị Pháp chém giết, tù đầy đều hướng cả về phe « *bạo động* » của cụ Sào Nam cho rằng chó sói với cừu non có bao giờ sống chung được. Nay cụ Sào Nam lại « *đề huề* » với chúng thì đồng bào sao khỏi ngạc nhiên đề cho rằng đi đôi với thực dân chỉ có nghĩa là đầu hàng mà thôi.

Tuy nghi ngờ hay hoang mang, người ta vẫn theo dõi cụ Sào Nam xem thực dân và Cụ cùng thi thố những gì sau khi « Pháp Việt đề huề chánh kiến thư » ra đời. Nhưng rồi chẳng có gì xảy ra hết dư luận của quốc dân mới nguôi. Sau này về đến xứ sở cụ Sào Nam được nghe các đồng chí nói cho cụ hay về sự bất mãn của đồng bào đối với thuyết đề huề của Cụ nên trong sách « *Tự Phán* » của cụ đã có sự phân trần rất thành thực như sau :

« Việc này chủ động do Lê và Phan (tức Lê Dư và Phan bá Ngọc) mà cũng thật là cái tội của tôi :

« Nguyên tháng giêng năm Mậu Ngọ 1918 Lê (Lê Dư) ở trong ra hội tôi ở Hàng Châu thì bốn chữ « *Pháp Việt đề huề* » lần thứ nhất lọt vào tai tôi. Họ nói với tôi rằng : Chính sách của Sa-rô (Sarraut) Toàn quyền mới trái nhau với Toàn quyền cũ vì Sarraut là người đảng Xã hội. Chủ nghĩa xã hội với chính sách thực dân của người Pháp mâu thuẫn nhau nhiều. Lê kể lại những chính-tích của Sarraut như mới lập nhiều trường học, đặt ra luật mới, cho tự do mở hội v.v...

« Lúc đầu tôi vẫn không tin lời Lê, nhưng lại nghĩ, nếu thật như lời họ nói thì tương kế tựu kế e cũng có chỗ hay. Tôi mới mưu với Bá Ngọc, lúc đó ở bên tả hữu tôi, kẻ người đã cộng sự nhiều năm mà từng mạo hiểm một vài thứ, thật không ai hơn Phan bá Ngọc nữa. Thêm lúc này ông Lê ra thì với Phan lại rất thân thiết khản vó, chân ý họ làm sao tôi chưa biết rõ.

« Phan (Bá Ngọc) nói với tôi (Bội Châu) rằng : « Muốn việc thành đại sự cũng phải có âm mưu. Nay tiên sinh chỉ nên làm một

bài lý luận nói về vấn đề Pháp-Việt đề huề đề hai bên đều có ích lợi cả. Người Pháp được thư ấy tất nhiên bớt nghi với đảng ta, nhân đó ta sẽ khiến người vào trong dò xét được tình trạng của Pháp và mặt tình của người trong nước cũng có thể thông được với người ngoài»,

« Theo như lời ông Lê (Lê Dư) nói cũng là đặc sách lắm. Tôi tin lời nói của hai người làm một bài văn dài đề là : « *Pháp-Việt đề huề luận* » dưới ký « *Độc tình tử soạn* ».

« Cuối bài có viết 5 chữ « *Phan bá Ngọc phụng thư* ». Đoạn Lê cầm bài văn ấy về nước, sau 4, 5 tháng không ngờ người con yêu của cụ Phan đình Phùng lại quay ra làm tôi trung cho Pháp ! » (Tự phán trang 189).

Qua những lời trên đây do cụ Phan bội Châu thuật, chúng ta thấy Lê Dư và Phan bá Ngọc là hai kẻ đã mưu mô với nhau đề xui cụ Phan viết bài Pháp Việt đề huề, rồi sự việc đã được diễn tiến như sau, vẫn theo lời cụ Phan :

« Năm Kỷ-vị 1919, tháng hai, Phan bá Ngọc đến gặp tôi ở Hàng Châu bảo tôi rằng Toàn quyền Sarraut rất muốn đề huề với tôi. Tôi bảo rằng tất phải chính phủ pháp người sang hội thương, đưa điều kiện cho tôi xem xét, nếu tôi không đồng ý thì kẻ như việc bất thành. Phan nhận lời trở về nước.

« Tháng 3 năm ấy, Phan có gửi thư ra cáo tôi, nói rằng chính phủ đã chịu thuận pháp người ra hội, nhưng điều kiện thế nào, chờ có pháp viên tới rồi hai bên định với nhau.

« Đến tháng 5 năm ấy có một người Pháp tên là Nê Dung (?) đi với Bá Ngọc đến Hàng Châu, trước đó Bá Ngọc có thông tin cho tôi biết.

« Tôi hẹn rằng hội thương vẫn vui lòng nhưng ngày giờ và địa điểm nhóm hội phải do tôi quyết định làm thời mới được tuyên bố, lại phía họ chỉ được một người tới, còn phía mình bao nhiêu

người tự do mình đem theo. Nếu không thế thì không hội. Bá Ngọc bàn lại với Nê Dung (?) Nê thấy bằng lòng.

« Đến ngày ấy nhóm nhau tại Hồ-Lâu đình ở giữa lòng Tây Hồ. Tôi với Trần hữu Công, Hồ hình Sơn và ba người thiếu niên đều đi theo. Ngồi xong, thù ứng qua một vài câu Nê Dung móc trong túi ra một tờ giấy bằng chữ Pháp dịch ra quốc ngữ, nói rằng đây là ý chí của Toàn quyền Sarraut trao cho tôi. Tôi khiến người thiếu niên đọc cho tôi nghe tôi quá quái ngán ! Nay xin chép những điều kiện trong giấy ấy như dưới đây :

« Một phương diện về phía tôi, phải thừa nhận hai điều :

1) Phải tuyên bố một bài về trong nước quyết thủ tiêu những ý chí với hành vi cách mạng.

2) Phải về nước, nếu không về nước cũng được, nhưng ở ngoài phải có một địa điểm cho nhất định mà địa điểm đó tất phải tiếp cận với tô giới Pháp.

« Một phương diện thuộc về chính phủ Đông Dương dãi lại cho tôi hai điều :

1) Như tôi chịu về nước thì đặt cho một địa vị trọng yếu trong Nam triều và cấp lương bổng đặc biệt ưu hậu.

2) Như không chịu về nước mà chịu theo điều kiện trên kia, thì hậu cấp lữ phí và đồ nhu dụng cứ ở ngoài.

« Tôi đã quyết định một tông chỉ, nên trả lời với Nê Dung rằng : Những lời của ông Toàn quyền nói đó, tôi không trả lời miệng được sẽ đề trả lời bằng giấy.

« Nê Dung từ biệt ra về. Tôi mới làm một bức thư đáp phúc bằng văn quốc ngữ, giải thích rõ về nguyên ý hai chữ « *đề huê* » mà cự tuyệt hẳn những điều kiện không chính đáng, nhờ ông Lý trọng Bá viết kỹ lại, giao cho Phan bá Ngọc cầm về Hà Nội trao cho Toàn quyền Sarraut...»

Đọc đến đây hẳn độc giả vẫn chưa biết nội dung của Pháp Việt đề huề chánh kiến thứ ra sao đề có một ý niệm về hành động của tác giả, nhưng trước khi biết nó thế nào thì ít nhất ta đã thấy nhiều kẻ làm chính trị thuở đó đã lợi dụng được bài luận về Pháp Việt đề huề đề thì thọt với thực dân cho khỏi mắc cỡ. Tỉ dụ rõ ràng nhất là Phạm Quỳnh đã nấp sau chánh kiến Pháp Việt đề huề đề công nhiên tiếp tay cho Pháp thực dân trong kế hoạch ru ngủ dân tộc Việt Nam, khuyến cáo dân tộc Việt Nam cộng tác trung thành với Nhà Nước Đại Pháp v.v... Đồng bọn của họ Phạm cũng nhân bài Pháp Việt đề huề mà kéo cụ Phan vào Mặt trận của chúng đề lừa gạt đồng bào.

Trong bài « Dân An Nam đối với quan Toàn quyền Varenne » Phạm Quỳnh viết :

«... Sự tương lai hay hay dở là ở cái chánh sách « *Pháp Việt đề huề* » thành công hay bất thành công vậy. Chính quan Varenne cũng từng lấy lời khích thiết mà khuyên người Pháp, người Việt nên đề huề cộng tác với nhau, cái phương pháp đề huề ấy xem ra là cái cột trụ cốt của chánh sách ngài. *Sự đề huề hai nước từ năm 1917 (?) ông Phan bội Châu đã chủ trương trong một bài điều trần bằng Nho Văn ở ngoại quốc gửi về cho Toàn quyền Sarraut hồi bấy giờ...*

Như vậy rõ ràng bài luận về Pháp Việt đề huề đã thành một cái chiêu bài đề cho bọn tay sai của thực dân lợi dụng trong việc tuyên truyền cho cái chủ nghĩa « *Pháp Việt nhất gia* », không phải là không tai hại. Nhưng điều chắc chắn là thực dân không có phổ biến đầy đủ bản văn Pháp Việt đề huề mà họ còn cấm là khác. (1) Vì sao ? Xin bạn đọc coi đoạn này đủ rõ và cũng đề thông cảm rằng nhà chí sĩ Phan Sào Nam không bán mình cho ma quỷ !

« Tôi (Phan bội Châu) nguyện người Pháp từ nay về sau đừng « coi người Nam như nô lệ, như ngư mã mà coi người Nam như

(1) Sau khi cụ Phan về nước, có người in tập « Pháp-Việt đề huề chánh kiến thứ » nhưng bị cấm.

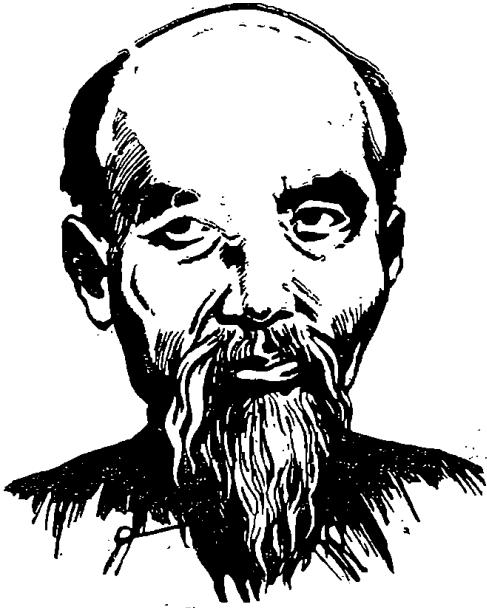
« bằng hữu thân thích, người Nam tuy ngu nhưng cũng là loài người, « có lẽ nào đến ngoan mê ngọc xuân người ta coi mình như bằng hữu « thân thích mình lại không lấy bằng hữu thân thích mà coi lại người ta sao ?

... « Vì không thể, chỉ biết đãi người Nam như nô lệ, như ngu ru mã, có tai không cho nghe, có mắt không để trông, có chân tay không cho hoạt động, ăn cơm thừa canh cặn, sai những việc đê tiện, thì sớm theo Tần, tối lại có thể theo Tấn, lợi tìm đến, hại tìm đi, ấy vốn là quyền lợi của kẻ nô lệ, ngu ru mã vậy. Trời cao đất rộng đã làm thân nô lệ thì đi đến đâu mà làm nô lệ mà chẳng được, việc gì phải chịu khổ, chịu nhục đem tính mạng mà làm bảo chứng cho cái chủ quyền của người Pháp ?

« Tôi nguyện người Nam từ nay về sau đừng coi người Pháp như dị chủng, cừu quốc mà phải coi như mình sư ân hữu. Người Nam quả biết lấy mình sư ân hữu mà kỳ vọng ở người Pháp, người Pháp có ngại gì mà không đảm đương cái trách nhiệm mình sư ân hữu đối với người Nam (Tạp chí Nam Phong số 100 tháng 10-1925).

Xét trên đây cụ Sào Nam chỉ đưa ra những lời khuyên cáo chung chung cho cả người Việt lẫn người Pháp, đòi đòi bên cùng phải đối xử với nhau bằng một chính sách công bằng, nhân đạo, hợp lý. Lời khuyên cáo này vạch ra một đường lối hai bên cùng phải cầm tay nhau mà đi. Đó là người Việt không thể làm nô lệ, làm trâu ngựa, phải được coi như bằng hữu thân thích của người Pháp. Ngược lại người Pháp sẽ bị coi là quân thù, quân nghịch rồi Việt Pháp sẽ phải đâm chém nhau nếu không sống chung vui vẻ được với nhau.

Nói khác ra từ những lời khuyên cáo này phát xuất những điều kiện khó khăn vô cùng, thực dân tham tàn và ngoan cố làm sao có thể thỏa mãn được bởi muốn làm vậy chúng phải thay đổi toàn bộ chính sách của chúng. Vì thế cuộc hiệp thương của đại diện Sarraut với cụ Sào Nam ở Hàng-Châu chỉ có bàn đến việc mời cụ về nước cộng tác, nói trắng ra họ muốn mua cụ nên đã thành chuyện dao chém nước. Nếu cụ Sào Nam trở về nước năm đó (1919) tức



NGUYỄN QUYỀN



PHAN CHU TRINH



CƯỜNG ĐỂ



NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

là đích thực cụ đã chấp nhận đầu hàng Pháp hay phản bội dân tộc rồi, trái lại cụ vẫn ở lại đất Tàu và giữa cụ với thực dân không có gì tiếp nối nữa.

Dù sao việc viết «Pháp Việt đề huề chánh kiến thư» của cụ vẫn là một lầm lẫn, một điều thất sách bởi do văn kiện này một thời thực dân đã khai thác được một đề tài tuyên truyền theo chiều hướng có lợi cho chúng. Nhưng xét kỹ thì dân ta chẳng mấy ai thuộc đó đã tin thuyết đề huề mà Pháp đã tung ra tuy thuyết này có mang nhãn hiệu « *Phan Sào Nam* ». Còn cụ Phan theo lời Phan Bá Ngọc và Lê Dư tính lợi dụng công chuyện này cho hoạt động cách mạng nhưng rút cục chẳng thu được gì hết.

Làm chánh trị tránh sao cho khỏi có khi lầm lẫn, nhưng « *cái quan hậu hữu thiên thu định luận* » (1) cuộc đời cụ Phan như nước lã nhiều tao đánh phèn rồi, bùn có vẫn thì cũng vẫn cho ta thấy rồi, nếu cụ không trong sạch, không tiết tháo thì làm gì có sự can thiệp nồng nhiệt của mọi tầng lớp quốc dân trong vụ án của Cụ và cả sự luyến tiếc cùng sùng kính của mọi người chúng ta cho đến ngày nay!

Tài liệu tham khảo :

*Vụ án Phan Bội Châu do Thịnh Quang Nguyễn quang Riêu —
xuất bản tại Saigon năm 1926*

*Vụ án Phan Bội Châu do Bùi Đình (Nguyễn Xuân Viên) xuất
bản năm 1950.*

*Dật sử của cụ Phan Sào Nam của Anh Minh xuất bản tại
Huế năm 1950.*

*Ba nhà chí sĩ họ Phan do Đào Văn Hội xuất bản tại Saigon
năm 1956.*

*Cụ Sào Nam 15 năm bị giam lỏng ở Huế do Anh Minh xuất
bản tại Huế năm 1956.*

(1) Lúc con người đã chết, nắp quan tài đã đập mới có thể xét công định tội được.

Tự Phán do chính cụ Sào Nam viết — Anh Minh' xuất bản năm 1956.

Vai trò nhân dân trong vụ án Phan Bội Châu của V.Q in trên nhật báo Tiếng chuông tháng 4-1955,

Pháp-Việt đề huề chánh kiến thư (bài bình giải của Đông Tùng trên tuần báo Hòa Đồng ngày 17-12-1966.

Vụ án Phan Bội Châu do Nguyễn Bá Thế in trên nhật báo Đuốc nhà Nam ngày 27-7-1971.

III Hoạt động cách mạng của Việt kiều tại Thái-Lan

Lòng yêu nước của đồng bào Việt Nam chúng ta đã được Lịch-sử luôn luôn chứng minh qua các thời đại. Mỗi khi nước nhà bị xâm chiếm thì người Việt ở bất cứ nơi nào cũng lo tranh đấu mặc dầu có khi thiếu đủ mọi điều kiện thiết yếu để tranh đấu. Vì sự kiện kể trên chúng tôi xin giới thiệu trong sách này đồng bào Việt kiều từ lâu đời trôi gạt sang Thái Lan.

Nếu phân tích, chúng ta thấy Việt kiều lưu vong sang Vọng các có thể chia làm bốn loại:

— Loại « *Cựu An Nam hương* » gồm những người theo vua Gia-Long từ cuối thế kỷ 18 sang tá túc bên cạnh dân Tiêm La hợp thành xóm làng trên đất này rồi nhập tịch vào dân bản địa ăn ở, sinh sống và tập tục theo người Tiêm. Tiếng Tiêm gọi họ là — Samphên).

— Loại « *Tân An-Nam hương* » gồm những người theo đạo Thiên Chúa dưới hai triều Minh Mạng, Thiệu Trị khi có phong trào cấm đạo và giết đạo đã trốn qua Tiêm rồi ở luôn xứ này. Tiếng Tiêm gọi họ là Sam xên. Đám người này còn giữ được ngôn ngữ và nhiều nếp sống vật chất, tinh thần của cố hương. Tôn giáo đã có mãnh lực hết sức đặc biệt đề cấu kết họ thành một khối rất vững chắc. (Thuở đó một số người đã biết sử dụng chữ quốc ngữ để làm báo nhằm giữ mối tình cảm và liên lạc với nhau về đời sống hàng ngày và đời sống tinh thần).

Loại qua Xiêm tị nạn chánh trị, phần lớn là những người thuộc đảng Cần Vương và con cháu khi thực dân Pháp sang chiếm Nam-kỳ kể từ 1862. Thất bại ở trong nước, lại nữa thực dân đã củng cố được sức mạnh để bình trị khắp nơi, họ phải lưu vong thì Tiêm La cố nhiên là chỗ dung thân yên ổn nhất do Tiêm La là nước độc-lập, lại có đồng bào của chúng ta ở sẵn đó từ cuối thế kỷ 18 đã có căn bản đảng hoàng như trên đã nói.

Loại chót là lớp người tương đối mới mẻ hơn, trẻ trung hơn xuất xứ từ ba Kỳ cũng tranh đấu với thực dân Pháp không thành công phải nối nhau chạy qua Xiêm lập các cơ sở cách mạng liên tiếp từ đầu thế kỷ 20 (có tiếng tăm ở đây nhiều nhất là ông Tú Hứa)... một đảng viên của Việt Nam quang phục hội.

Các Việt kiều của chúng ta tập trung đông đảo nhất ở miền Đông Bắc Thái Lan. Cho tới 1930 các đồng bào ở đây hầu hết là những phần tử quốc gia nhưng từ 1931 trở đi Cộng sản thất bại trong nước sau vụ nổi dậy ở hai tỉnh Nghệ-Tĩnh phải chạy qua Xiêm lánh nạn thì họ chịu ảnh hưởng của Cộng sản cho tới ngày nay.

Dù họ đứng trên lập trường chính trị nào, nhà viết sử cũng phải nhận những người bỏ nước ra đi đã có một căn bản ái quốc, một tinh thần chống thực dân để quốc không ai chối được cãi được.

Những vùng sinh tụ đông đảo nhất của họ là :

Na Khôn (Lạc Khôn)

Nông Khai (Nông Khai)

Ou Bon (Oubonne)

Mar Keng (Mạc Kheng)

Outhen (U Thên)

Xiang Mai (Xiêng Mai)

Theo sự nghiên cứu của chúng tôi thì Việt kiều theo chúa Nguyễn Ánh lưu vong đến đây không có mấy còn phần nhiều là đồng bào Công-Giáo. Họ đã qua đây trong khoảng 1820-1885 là thời

gian có sự khủng bố đạo Thiên Chúa, từ Minh Mạng đến Tự Đức và do phong trào « *Bình Tây sát tả* » của binh đội Cần Vương. Đồng bào lập các giáo khu rộng lớn: Giáo khu Ban Noóng Xéng thuộc tỉnh Nakhompharom. Đi sâu vào nội địa Thái 97 cây số tới một địa phương gọi là Ban Thà Hẹ, có giáo khu Ban Thà thuộc tỉnh Oubon. Giáo khu Ban Thèn ở Xiêng Mác. Giáo khu Ban Xám Xền nằm trong phạm vi thủ đô Vọng Các. Tỉnh Chantaboun hiện giờ có rất nhiều Việt kiều Công giáo.

Các giáo khu này vừa do Linh mục Pháp vừa do Linh mục Việt trông coi nên chịu ảnh hưởng của Pháp khá mạnh.

Nhưng kể từ 1881-1897 các phong trào Cần Vương do các cụ Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, v.v.. phát động từ Trung Kỳ ra Bắc Kỳ đi dần đến chỗ thất bại thì một số đồng chí sống sót vượt núi băng rừng, qua Miên qua Lào cũng đến đất Xiêm vừa đề tị nạn, vừa đề tiếp tục mưu đồ phục quốc.

Sau chót đến đầu thế kỷ XX nhiều chiến sĩ của Việt Nam Quang phục hội, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đông Dương Cộng Sản đảng, Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng chí hội cũng đi lại ăn náu ở đất Xiêm, biến nơi này thành sào huyệt cho cách mạng Việt Nam.

Tóm lại Việt kiều ở đất Xiêm đã có gốc ngọn luôn bảy tám chục năm, sinh con đẻ cháu nhiều đời và dân số có thể ước lượng khoảng 80.000 (vào 1928, riêng tại Vọng Các có chừng 2000). Họ khai khẩn núi rừng miền Đông Bắc nước Xiêm mà sống.

Nhưng nếu bàn cho kỹ hơn nữa thì vào 1939 do chiến tranh Pháp Thái còn một số Việt kiều nữa ở Lào cũng vượt sông Cửu Long sang Xiêm (nay gọi là Thái Lan) Năm 1946 Pháp quân trở lại Đông Dương sau đệ nhị thế chiến và lại có chiến tranh giữa Pháp và Lào, bên cố tái chiếm thuộc địa, bên cố bảo vệ chủ quyền độc lập, thêm một lần nữa Việt kiều của ta trên đất Lào di cư sang Thái Lan giữa khi quân viễn xâm Pháp nồ súng ở Savanakhet, Thakhet, Vientiane, Sầm Neua v.v... họ bị Pháp thực dân coi là Việt Minh Cộng Sản rồi thẳng tay chém, giết một số người không ít.

Suốt 80 năm đô hộ Việt Nam, Pháp đặt tòa Lãnh sự tại Vọng các phần lớn do mục đích theo dõi các hoạt động của Việt Kiều ta ở đây. Chúng đã bắt bớ và tiêu diệt được khá nhiều những người yêu nước nung nấu tại thủ đô này. Tỉ dụ : cụ Tăng bặt Hồ, (1) Mai lão Bang, Lưu khai Hồng, Đặng thái Thuyền tức Cảnh tân (con ông Ngũ Hải), Lê Đại, Ngô chính Quốc, Bùi chính Lộ, của các phong trào Đông Du Quang phục, Thanh niên. Năm 1911 cụ Sào Nam cũng suýt bị sa lưới trên đất này, vì thế trong *Tự phán* cụ đã mệnh danh «*Vọng Các là hang hùm, là đ răn đối với chúng ta*». Trước vấn đề này, chúng ta không thể quên tên cầu tầu rất đặc lực của Pháp ở Vọng Các là Đô Hùng đã phục vụ cho thực dân tới 1933 vẫn còn tiếp tục.

Đề tránh con mắt cú vọ của bọn mật thám Pháp đồng bào ta học cả chữ Thái, nhập Thái tịch, ăn mặc theo người Thái (ngoài chữ quốc ngữ) và làm đủ mọi nghề, làm thợ, làm thầy, đi buôn, làm Cảnh sát v.v... Về mặt xã hội Việt kiều lập nhà thương, trường học, nghĩa địa, ăn ở với nhau rất hòa thuận và không bao giờ kiện cáo nhau đến chánh quyền Thái, nhưng với người Thái hay ngoại kiều khác họ không bao giờ lùi bước.

Tinh thần quốc gia của đồng bào đáng kể là rất cao và nếu ta nhớ rằng họ là các nghĩa quân Cần vương hay là con cháu các nhà ái quốc của ba Kỳ bại trận rút qua Thái thì không đáng lạ.

Cơ sở cách mạng của Việt kiều ở Thái lan là :

Ban Nay, Ban Vatepas, Banboche (thuộc tỉnh Lakhom) Ban Nông Bùa, Ban Nông òn, thuộc phủ Oudonne. Ban Đông Thâm thuộc phủ Phi Chút (Do cụ Sào Nam sáng lập) v.v...

Từ 1908 trở về trước Việt kiều ta chưa có một tổ chức nào biết đấu tranh và lãnh đạo một cách khoa học nên đã bị hy sinh khá nhiều và không thu lượm được những kết quả thỏa đáng.

(1) Cụ Tăng bặt Hồ bị bắt ở Xiêm sau về chết ở nước nhà vì bệnh.

Sau phong trào Đông du bị giải tán, các chiến sĩ hải ngoại chia đôi, một nửa rời Nhật về tập trung ở Tàu, một nửa qua Thái nối tiếp sự nghiệp và chờ thời.

Về Thái các cụ Phan bội Châu, Tăng bạt Hồ, Đặng tử Kính, Đinh doãn Tế, Đặng thúc Hứa, Võ trọng Tài, Nguyễn thức Đường Mai lão Bạng, lập nhiều cơ sở ở các địa phương rồi tới 1911 Cách mạng Tàu thành công cụ Sào Nam trở lại Trung quốc lãnh đạo Việt Nam Quang Phục Hội, dĩ nhiên đất Thái lúc này cũng là trường hoạt động của V.N.Q.P.H.

Đồng bào ở đây đã in các sách báo, thi ca cách mạng, tuyên truyền như «*Ái quốc ca, Ai chủng ca, Ai đoàn ca, Hoàn tình quốc dân, Quang phục quân phương lược...*»

Trong thời kỳ này đồng bào đã biết tổ chức theo lối chính đảng và lo đào tạo cán bộ.

Nghĩa quân *Bãi sậy* sau khi thất bại một phần chạy qua Thái một phần rút sang Tàu, rèn đúc khí giới trữ liệu cho toàn quốc khởi nghĩa sau này.

Trong dịp cụ Sào Nam bị bắt ở ga Bắc Trạm rồi đưa về Hà nội xử, đồng bào cũng họp biểu tình ở tỉnh Oubon, Vọng các kéo đến Lãnh sự Pháp yêu cầu chuyển bản nguyện vọng về Pháp, xin ân xá cho cụ Sào Nam. Cùng lúc, đồng bào viết các báo Thái và Anh kê tội chế độ bóc lột và vô nhân đạo của thực dân Pháp ở Đông dương.

Đồng bào cũng vận động cả Chính phủ Hoàng gia Thái lên tiếng phản đối Pháp về việc bắt cụ Phan. Kiêu bào Thiên Chúa giáo ở các xứ Tha Hệ, Oubon, Nông xêng, còn nhờ các Cha xứ yêu cầu Tòa thánh La-mã can thiệp.

Cách mạng ta lập bốn chi bộ ở Thái lan như sau :

Đệ nhất chi bộ ở Phi Chệt.

Đệ nhị chi bộ ở Lã Khôn,

Đệ tam chi bộ ở Oudon.

Đệ tứ chi bộ ở Sa Khôn.

Và có phát hành một số báo và tài liệu tuyên truyền là tờ : «*Đồng Thanh*» ở Oudon, tờ «*Thân ái*», tờ «*Cổ quốc*» tờ «*Tiếng chuông*» ở La Khôn. Ngoài ra còn tờ «*Thanh niên*» do Tổng bộ Việt nam Cách mạng thanh niên đồng chí hội xuất bản ở Quảng Châu (Tàu) gửi qua.

Hàng năm đồng bào làm lễ kỷ niệm những biến cố đau thương đã xảy ra trên đất nước, tỉ dụ ngày 5-6-1862 là ngày mất ba tỉnh miền Đông, ngày 26 tháng 6-1867 ngày mất nốt ba tỉnh miền Tây, ngày 23-5 Ất Dậu là ngày thất thủ kinh thành (1885)... Những ngày này được coi là ngày quốc tang hay quốc sĩ. Đồng thời mỗi khi Pháp bắt giết một chiến sĩ nào của ta như ông Lê văn Phan tức Tấn Anh tức Hồng Sơn, Nguyễn sĩ Sách tức Kim Phong, Đặng thái Thuyên v.v... đồng bào làm lễ truy điệu rất lâm ly, long trọng.

Sau vụ khởi nghĩa Yên-thế thất bại, cũng như các vụ biểu tình của nông dân Thanh Nghệ Tĩnh bị đàn áp, Việt kiều ở Thái Lan tổ chức một bộ phận gọi là «*Đông Dương viện trợ bộ*» để nuôi dưỡng tinh thần của phong trào.

Có nên nhắc rằng phong trào cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan lúc đó, đã bắt đầu chịu ảnh hưởng khá nhiều của Cộng-sản nên ngày 19-6-1928 Hồ văn Mịch, Nguyễn ngọc Sơn và Phạm Mộng Tiên (1) lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng qua Oudon (Thái) bàn về việc hợp nhất nhưng vì mâu sắc chính trị đối nghịch nên cuộc thảo luận không mang lại kết quả nào. Nếu chúng tôi không lầm những ngày gần đây Việt kiều trên đất Thái đã trở thành một vấn đề phiền phức cho chánh phủ Bang Cốc về chánh trị vì Cộng-sản Việt Nam đã lợi dụng được Việt kiều tại miền Đông Bắc Thái Lan để gây rối. Đã đôi ba lần các nhà cầm quyền Thái Lan điều đình với chánh phủ miền Nam Tự-do đề hồi hương Việt kiều nhưng không được chấp nhận. Lý do :

(1) Phạm Mộng Tiên tức Phạm Tuấn Tài.

Vì chiến tranh chánh phủ Saigon không đủ khả năng định cư số tám chục ngàn Việt kiều : Còn chánh phủ Hà Nội càng muốn Việt kiều Thái Lan ở lại để làm bình phong cho các âm mưu quấy phá Thái Lan của họ. Đại chiến thứ hai bùng nổ, cách mạng Việt Nam lại trời dậy, nhiều cán bộ ở Thái Lan được đưa về Việt Bắc lập chiến khu, đáng kể nhất là Hoàng văn Hoan (tên cũ là Nghĩa, tên Thái là Nai Thung) Hoàng Sâm, Quang Hê, Quang Bua, Trần văn Hóa, Lê xuân Tiên v.v...

Ngày 23-9-1945 Pháp kéo quân trở lại Nam bộ, Việt kiều ta lập một bộ đội hải ngoại gọi là bộ đội Cửu Long đã xuyên qua Hạ Lào về nước đánh thực dân.

Xem như vậy đồng bào của chúng ta trên đất Thái tuy xa quê hương xứ sở mà vẫn nhiệt thành với thời cuộc nước nhà và không bao giờ quên nhiệm vụ công dân. Trong các biến cố, các đồng bào này thật không hồ là con cháu của các chiến sĩ đã phát cờ chống Pháp từ 1862 đến những ngày gần đây.

(Tài liệu của Đông Tùng một nhà cách mạng quốc gia đã sống nhiều năm trên đất Xiêm hiện đang có mặt tại miền Nam Tự Do).

CHƯƠNG VIII

CÁC ĐẢNG PHAI QUỐC GIA TẠI MIỀN NAM

Tính chất riêng biệt của các phong trào.

Trước 1941 qua các chương trên chúng tôi đã nói tại miền Nam cũng có nhiều đảng phái và đồng bào miền Nam cũng không hề bỏ sót cơ hội nào để có mặt trong các cuộc vận động cách mạng và chánh trị cùng với anh em ái quốc trên toàn quốc từ đầu thế kỷ. Do sự kiện này, Nam bộ cũng đóng góp khá nhiều xương máu cho đại cuộc nước nhà mà ngòi bút chép sử không thể quên được.

Nay chúng tôi xin nói đến sự hình thành công khai của các đoàn thể cách mạng và chánh trị ở đây kể từ 1945 là giai đoạn thực dân Pháp, Nhật bước ra khỏi chánh quyền. Chúng tôi chỉ có thể viết đến các đoàn thể có nhiều hoạt động nhất, được đồng bào biết nhiều nhất chiếu theo dư luận và số tài liệu chúng tôi có trong tay. Chúng tôi xin cáo lỗi với bạn đọc nếu việc biên chép của chúng tôi còn có sự thiếu sót.

Tổng quát mà nói từ 1945 nhờ chỗ thực dân, đế quốc Pháp đại bại sau Đệ nhị thế chiến, việc tái lập chế độ thuộc địa vấp phải cuộc tranh đấu của toàn dân chúng ta, trên sân khấu chánh trị Việt Nam từ Bắc vào Nam có những đảng phái dưới đây đã nắm được cơ hội tốt để phát triển :

A) Tại Bắc Việt có : Việt Nam quốc dân đảng, Việt Nam cách mạng đồng minh hội, Đại Việt Quốc xã, Đại Việt duy dân, Đại Việt quốc gia liên minh, Đại Việt dân chính, Đại Việt quốc dân đảng, Nhóm Thiết thực, Mặt trận Việt Minh, Liên đoàn Công giáo Việt-Nam..,

Việt Nam quốc dân đảng tan rã sau 1930 thì được tái lập do cụ Nguyễn hải Thần và hai ông Nguyễn trường Tam, Vũ hồng Khanh khi các ông từ Trung Hoa trở về Việt Nam cuối 1945. Trước đó cụ Nguyễn hải Thần có đoàn thể của Cụ là Việt Nam độc lập đồng minh hội mà các đảng viên hầu hết đã lưu vong từ nhiều năm trên đất Tàu. Trong giai đoạn này Nhật Bản đã đầu hàng Đồng Minh, Việt Nam độc lập đồng minh hội hồi hương gặp sự cạnh tranh với Việt Minh nên đã hợp nhất với Việt Nam quốc dân đảng do các ông Nguyễn trường Tam (đảng trưởng Đại Việt dân chính thành lập khoảng 1934) và ông Vũ hồng Khanh cầm đầu. Cụ Nguyễn hải Thần được bầu làm lãnh tụ của Việt Nam quốc dân đảng. Sát nhập vào V.N.Q.D.Đ có nhiều đảng phái chúng tôi đã liệt kê trên đây. Và xin nói rằng Việt Nam quốc dân đảng vẫn gồm nhiều đảng viên ở Trung Việt và Nam Việt nữa nhưng trong 1945 qua 1946 vì khó khăn trong sự liên lạc nên Việt Nam quốc dân đảng hầu như chỉ có hoạt động ở Bắc-kỳ mà thôi. Dĩ nhiên trong tình trạng này các đảng viên V.N.Q.D.Đ ở đâu thì hoạt động ở đấy trong khi mất sự tiếp nối với Trung-ương.

B) Tại Nam-kỳ, đảng phái có quy mô, có tổ chức như Việt Nam quốc dân đảng ngoài Bắc không có mấy nhưng tính theo con số thì cũng khá đông ; Xin kê :

Cao Đài, Cao Đài hợp nhất, Đảng Xã Hội Việt Nam, Khố Trung lập, Phong trào bình dân Nam-kỳ, Mặt trận Quốc gia liên hiệp, Phật giáo Hòa Hảo, Việt Nam quốc gia độc lập đảng, Việt Đoàn Việt Nam phục quốc đồng minh hội. Tân Việt-quốc, Thanh Niên tiên phong, Nhóm Tranh đấu (La lutte.) Sau này phải chống lại Mặt trận Việt Minh do Trần văn Giàu cầm đầu và ra mặt tiêu diệt các đảng phái quốc gia tại miền Nam, Mặt trận quốc gia liên hiệp đã là nơi tập trung và hợp nhất của các đoàn thể Cao Đài, Hòa Hảo, Thanh Niên tiên phong, Tân dân chủ, Việt Nam quốc gia độc lập đảng, Việt Nam duy nhất đảng, Bình Xuyên, Dân xã đảng, Quốc dân đảng v.v.,. Xét ra, ở khắp Trung Nam Bắc các đảng phái quốc gia có

rất nhiều và rất phức tạp. Vì thiếu tổ chức, thiếu phối hợp, tuy có khi đã lập được Mặt trận nhưng vẫn không thống nhất nên Mặt trận nào của người quốc gia cũng rời rạc, không đủ sức ứng phó với địch đảng (Việt Minh), như vậy sự bại vong là điều tất nhiên không tránh được.

Cho đến ngày hôm nay, thực trạng đảng phái quốc gia không có gì hứa hẹn hơn. Gần ba chục năm đã qua, những nhược điểm của các đoàn thể, đảng phái cũ vẫn còn nguyên vẹn. Sinh hoạt của họ tập trung vào những hoạt động cá nhân của vài lãnh tụ cao cấp nhiều hơn có tính chất một phong trào quần chúng đích thực. Tổ chức và lý thuyết của các khuynh hướng chính trị ấy không thích nghi được với hoàn cảnh nước nhà đã thay đổi : — Cơ cấu thô sơ và vụ hình thức hơn hiệu năng tranh đấu — hệ thống cứng nhắc và lỗi thời không thuận lợi cho việc phát triển ảnh hưởng và canh tân đảng đoàn — Không có khả năng chuyển hướng từ các tổ chức cách mạng sang tổ chức chính trị công khai, hợp pháp trong hoàn cảnh dân chủ — Tâm vóc và tác phong của thế hệ lãnh tụ già làm ngăn trở sự khích lệ các thành phần trẻ tuổi rất cần cho sinh lực của tổ chức.

Chính vì các lý do đó, xét danh sách các đoàn thể và đảng phái hiện có mặt trên chính trường miền Nam thì rất đông, nhưng gọi là có khả năng tranh đấu hay chỉ phối quốc sự thì chẳng là bao. Tựu chung, mỗi khi cần phát biểu chính kiến hay tranh đấu cho một lập trường, ta chỉ thấy có các lãnh tụ đơn thương độc mã ; Còn nói đến sự vận dụng sức hậu thuẫn của quần chúng thì chỉ có các tôn giáo lớn làm được ở một số địa phương nơi nào tôn giáo ấy có ảnh hưởng lớn.



Hiện nay, tại miền Nam vì tuyến 17, vì chủ trương khai phóng sinh hoạt chính trị — Ít ra trên lý thuyết — và do sự tập hợp của các khuynh hướng chính trị đã góp mặt trên chính trường từ thời Pháp thuộc, con số đảng phái và đoàn thể chính trị lên rất cao. Tuy

nhiên gọi là có quần chúng và hoạt động, chỉ có một số ít mà thôi. Người ta có thể phân làm hai loại đảng phái và đoàn thể :

1) Những đảng phái do sự kết hợp các cơ cấu tàn dư của đảng phái từ thời Pháp thuộc :

a) — *Việt Nam Quốc dân đảng* : Với nhiều hệ phái chống đối nhau, hệ phái nào cũng có một số cơ sở và tự nhận là đại diện cho sự thống nhất Đảng. Trong số đó, có thể kể :

V.N.Q.D.Đ Trung-wang do nhóm đảng viên VQ lão thành (đại diện là Vũ hồng Khanh) miền Bắc với sự góp mặt của một số đảng viên VQ thuộc Xứ bộ miền Nam thời kháng Pháp do Nguyễn hòa Hiệp cầm đầu.

V.N.Q.D.Đ Thống Nhất do sự phát triển của hệ phái Việt Quốc miền Trung (Xứ bộ miền Trung, do Nguyễn đình Lương lãnh đạo) với sự tham gia của một số phần tử trẻ mới nhập đảng trước sau 1945.

Ngoài ra còn nhiều hệ phái VQ khác không có cơ sở vững chải nhưng đại diện cho từng nhóm đảng viên tương đối trẻ tuổi không chấp nhận sự lãnh đạo của hai hệ phái trên. Đại khái ta có thể kể : QĐĐ chủ lực (Lê Hưng, Chu tử Kỳ), QĐĐ Cải Tiến..

b) *Đại Việt Cách Mạng* : do Hà thúc Ký cầm đầu, là khuynh hướng canh tân đảng Đại Việt thừa kế Trương tử Anh, có cơ sở tương đối qui mô ở một số tỉnh miền Trung Quảng Trị, Thừa Thiên, Bình Định Phú Yên v.v... chia rẽ thế lực với Việt Quốc và thường xuyên có sự tranh chấp quần chúng với đảng này.

c) *Đảng Dân Xã* của khối tín đồ Hòa Hảo, do ông Phan bá Cầm lãnh đạo, kế tục sự nghiệp chính trị của Giáo chủ Huỳnh phú Sổ. Đảng này xây dựng cơ sở song song với hệ thống Giáo hội Hòa Hảo tuy không chính thức là cơ cấu thế tục của Giáo hội này. Thế lực đảng này bao gồm các tỉnh miền Tây Nam phần, vùng tập trung đông đảo các tín đồ Hòa Hảo.

d) *Đảng Cộng Hòa Xã Hội* : của Khốỉ tín đồ Cao Đài, do sự giải tán các khuynh hướng chính trị Cao Đài cũ mà ra. Đảng này kết hợp các nhóm Cao Đài Liên Minh (Trịnh minh Thế), VN Phục Quốc Hội (Nguyễn thành Trạc) và các nhân sĩ, tướng lãnh Cao Đài. Sự xây dựng cơ sở và vùng ảnh hưởng của đảng này, cũng tương tự Đảng Dân Xã, hướng về các địa phương thuộc giáo hội Tây Ninh (miền Đông Nam phần).

e) *Đảng Đại Việt Duy Dân* : thừa kế sự nghiệp của Lý đông A, vẫn duy trì sự hoạt động nhưng không cho thấy có sự phát triển, thống nhất tổ chức và hoạt động công khai. Tuy nhiên, người ta vẫn ghi nhận vài hoạt động trong việc phục hồi lý thuyết Duy Dân của Lý đông A, các sinh hoạt nội bộ liên tục và những ảnh hưởng trên lãnh vực tôn giáo, văn hóa của đảng này.

f) *Tân Đại Việt* : do một số đảng viên Đại Việt tré ly khai với các khuynh hướng Đại Việt cũ. Nhóm này chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn rồi kết hợp với các phần tử trí thức thành Phong trào Quốc gia Cấp tiến.

2) Các đảng phái mới thành lập từ 1954

a) *Cần Lao Nhân vị Cách mạng đảng* : ra đời năm 1954 do Ngô đình Nhu, với các phần tử có khuynh hướng xã hội Thiên Chúa giáo, Đảng này phát triển mau lẹ nhờ ảnh hưởng nơi Tổng thống Diệm và cơ cấu chính quyền quân đội nằm trong vòng chi phối của Ngô đình Nhu, nhưng chỉ là một đảng cán bộ, không phải đảng quần chúng. Do đó sau vụ đảo chính 1-11-1963, đảng này tan rã cùng với sự sụp đổ của chế độ.

b) *Đảng Nhân Xã* : do một số chính khách Thiên Chúa giáo thành lập vài năm gần đây sau khi chế độ Diệm tan rã. Đảng này được lãnh đạo bởi một số nhân vật Thiên Chúa giáo có liên hệ với chế độ Diệm và đảng Cần Lao trước kia. Nhờ sự hiện diện trong chính quyền của vài chính khách chủ trương Đảng (Ngô khắc Tỉnh,

Trần văn Lâm v.v..) và sự hậu thuẫn của một số khuynh hướng Thiên Chúa giáo, Đảng này đang bành trướng.

c) *Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến* : là sự kết hợp giữa những phần tử trí thức trẻ với nhóm Tân Đại Việt, được sự yểm trợ của chính quyền và các viên chức hành chánh trẻ tuổi do các lãnh tụ Phong trào đào tạo nên, Phong trào này có cơ sở ở nhiều nơi trong nước, đặc biệt ở miền Nam.

Ngoài ra còn nhiều đảng và đoàn thể chính trị khác hoặc không có quần chúng và cơ sở đáng kể, hoặc còn phôi thai, hoặc không có hoạt động liên tục và chính thức. Trong số đó, ta có thể kể : Phong trào Tân Dân (Phan khắc Sửu, Nguyễn thành Vinh), Phong trào Quốc gia tiến bộ (Trần ngọc Liêng), chánh đảng Cộng Hòa Đại chúng (Trần chánh Thành), Lực Lượng Dân chủ Tự do, Lực Lượng Dân chủ Việt Nam, Đảng Công Nông (Trần Quốc Bửu), Mặt trận nhân dân Cứu nguy Dân tộc (Trần văn Đôn) v.v..

Nói chung, các đảng phái và đoàn thể chính trị miền Nam thiếu lãnh tụ và cán bộ đề phát triển cơ sở quần chúng, thiếu phương tiện hoạt động. Các khuynh hướng cũ đã trở nên lỗi thời về lý thuyết và cơ cấu lại chìm đắm trong cảnh phân tranh không lối thoát ; các khuynh hướng mới chưa xây dựng được một bản sắc chính trị rõ rệt. Vì những nguyên nhân trên, nhiều đảng và đoàn thể không có tương lai sáng sủa và gắn liền với vận mệnh chính trị của vài lãnh tụ. Nhiều tổ chức chỉ có danh không có thực và hoạt động thiên về việc tranh thủ quyền hành hơn tranh thủ quần chúng. Đó là lý do tại sao các chính khách thường phải dựa vào uy thế cá nhân và thế lực quần chúng của các tôn giáo trong những cuộc tranh đấu chính trị. (Công giáo di cư, Phật giáo Ấn quang...)

Kề về các khuynh hướng và tổ chức chính trị ở miền Nam nước ta, ngoài các đảng phái xuất phát ở miền Trung-Bắc chúng ta phải nhận rằng miền Nam có hai tôn giáo là Cao Đài và Phật Giáo Hòa-Hảo khá mạnh. Hai tôn giáo có lực lượng đáng kể về tinh thần có

tổ chức khá đông đảo về quần chúng tuy còn phải có sự canh cải đề củng cố và tăng trưởng. Cho đến ngày nay cả hai tôn giáo này mới chỉ thành công trên phương diện truyền bá đức tin và sự khuyến thiện được đồng bào toàn quốc tán thành và hoan nghênh. Nếu các nhà lãnh đạo của hai tôn giáo này chỉ hoạt động riêng trên lãnh vực tôn giáo luôn mấy chục năm nay có lẽ họ đã nắm được nhiều thành quả tốt đẹp hơn. Nhưng họ đã có thêm những tham vọng khác là dấn mình vào lãnh vực chánh trị và đã phạm vào nhiều sự lầm lỡ đáng tiếc. Tỉ dụ Cao Đài đã liên kết với quân phiệt Nhật trong thời kỳ Nhật chiếm Đông Dương (1940-1945) bị Nhật lừa gạt nên đã vô tình làm tay sai cho bọn Minoda sau ngày 10-3-1945 mới rõ bộ mặt bỉ ổi của họ. Thứ đến là việc Cao Đài hợp tác với Việt Minh rất tận tình nhưng chẳng bao lâu cũng bị Việt Minh khủng bố, tàn sát từ miền Nam ra tới Quảng Ngãi. Cuối cùng Cao Đài do Hộ pháp Phạm Công Tắc làm Chủ tịch Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia, một tập thể bị Pháp thực dân giật giây vào lúc họ hết thời đã chống lại chánh phủ Ngô Đình Diệm cũng là một sự thất sách do đó Giáo chủ phải chạy qua Nam Vang và gây nhiều sự lo ngại cho các tín đồ trong một giai đoạn. Về phía Phật Giáo Hòa Hảo chúng ta cũng thấy tôn giáo này mắc vào những lầm lỗi như Cao Đài là đã đánh đu với tình (với Nhật và Cộng sản) rút cục lãnh tụ họ Huỳnh bị hạ sát và chết hại một số không ít đạo hữu. Còn điều tệ hại cho tôn giáo này là sau khi giáo chủ bị Cộng Sản giết, một vài kẻ lưu manh nhiều cuồng vọng đã lợi dụng danh nghĩa của Đạo và của « Đức thầy » xưng hùng xưng bá, tiếp tay cho thực dân Cộng sản gây loạn ngót một năm ròng (từ cuối 1955 qua 1956) khiến nhiều tỉnh Hậu Giang bị chìm đắm trong khói lửa.

Ngày nay dù sao chúng ta cũng không thể phủ nhận lòng ái quốc chân thành của các nhà lãnh đạo Cao Đài và Phật Giáo Hòa Hảo nhưng không rõ rằng họ đã hiểu qua kinh nghiệm rằng chánh trị chẳng là địa hạt sở trường của họ chưa? Cứ hiện tình ngày nay các tôn giáo này cứ làm nhiệm vụ khuyến thiện trừng gian, mở mang công tác xã hội

thi hành các kế hoạch phát triển dân sinh cũng có thể vì đại lắm rồi và đó là thứ chánh trị thực tế, hữu hiệu hơn cả.



Nay bàn về tính chất và khuynh hướng của các phong trào, các đảng phái trên đây, chúng ta thấy có nhiều sự khác biệt nhưng khác biệt thế nào mặc dầu phong trào nào cũng có tính cách hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp bài Pháp, chống Đế quốc nhiều hay ít. Đó là điểm chính hay căn bản.

Bắt đầu là phong trào « *Dân chúng tự vệ* » đã bộc phát từ năm 1860 do các ông Nguyễn trung Trực, Trương Định, Võ duy Dương, Thủ khoa Huân v.v... ở khắp lãnh thổ miền Nam, chúng ta thấy cuộc chống Pháp có tính cách ái quốc ở nơi người chỉ huy cuộc chiến cho đến các phần tử tham chiến. Họ chỉ biết hai yếu tố : thương nước và thù Tây. Họ chán ghét triều đình vì theo họ, vua Tự Đức, Phan thanh Giản và Lâm duy Hiệp qua Hòa ước 1862 đã hàng giặc Pháp.

... « *Thà thua xuống Láng xuống Bưng,*

Kéo ra đầu giặc lồi chưng quân thần... »

Tới phong trào kháng Pháp do các ông Tú Trần Tấn, Đặng như Mai khởi đầu tiếp tới bọn các ông Tôn thất Thuyết, Nguyễn Hiệu, Phan đình Phùng... Sau 1885 phong trào này mới thật là phong trào cần vương và các nhà lãnh đạo là những sĩ phu, những nhà khoa bảng, những quan chức lớn của triều đình. Phong trào này kêu gọi nhân dân toàn quốc nổi lên đánh đuổi quân xâm lăng và khôi phục chánh quyền giúp một ông vua thật tâm yêu nước (vua Hàm Nghi). Bề khác họ phủ nhận Đồng Khánh là ông vua được Tây phong hoàn toàn nắm giữ vai trò bù nhìn của ngoại quốc. Dân chúng đã nhiệt liệt hưởng ứng nhưng vì các người cầm đầu phong trào quá yếu kém về phương pháp tổ chức, không thống nhất được lãnh đạo, chỉ huy

nên không kéo dài được cuộc chiến, địch đã dẹp tan được các binh đội nghĩa quân, hết vùng này đến vùng khác. Tính cách địa phương và cá nhân đã giới hạn tai hại ảnh hưởng của các phong trào và không cho phép đi tới một cuộc thành công dài hạn.

Từ giai đoạn này cho tới năm tháng cuối cùng của thế kỷ 19, Pháp đặt xong chế độ bảo hộ, vua quan đã thành một lũ « *tượng gỗ* » hay tay sai của thực dân vì vậy ý niệm tôn quân càng sút giảm rất nhiều trong đầu óc dân chúng kể cả trong tâm hồn của một số văn thân do lò Khổng Mạnh đào tạo trước đây rất nặng lòng với nền quân chủ cổ cụ. Các tân thư của Cách mạng Trung quốc do Thầy trò Khang hữu Vi du nhập vào đất Việt lại mở ra một chân trời mới. Các nhà nho quen dần với quan niệm « *Dân vi quý, quân vi khinh* » nhất là khi họ được biết nhiều ngai vàng ở bên kia trời Âu đã bị nghiêng ngửa vì những cơn vũ bão dân chủ sau cuộc Cách mạng 1789 trên đất Pháp. Nếu đế quốc Pháp biết vượt ve, o-bế ông vua Việt Nam, có lẽ họ cũng tránh được nhiều sự căm phẫn của nhân dân bản địa. Đây là sự tự ái dân tộc hơn là tinh thần tôn quân bởi từ ngày con cháu nhà Nguyễn hàng Pháp, dân chúng còn đâu cảm tình với vua quan ! Tóm lại uy quyền của vua quan đã bị phá sản. Và mục tiêu tối hậu của nhân dân chỉ là nền độc lập của quốc gia mà thôi. Và chủ nghĩa quốc gia thịnh phát từ đây mà không cần có vua để làm tượng trưng thiêng liêng nữa.

Qua những năm đầu của thế kỷ 20 phong trào tranh đấu của nhân dân Việt Nam được hướng dẫn đi hai nẻo.

a) Cụ Tây Hồ do chịu ảnh hưởng của các tân thư Trung quốc đã phá vua quan càng làm cho uy tín của vua quan suy sụp thêm nữa nhưng chủ trương « *Ý Pháp cầu tiến bộ* » là cả một sự sai lầm, một không tưởng. Cụ hy vọng bắt tay với Pháp, cộng tác với Pháp để nhờ Pháp điều dắt dân ta lên đường tiến bộ, đồng thời triệt bỏ những chướng ngại vật là đám vua quan mục nát. Tất cả hy vọng của cụ đều đặt trong bức thư của cụ gửi cho Toàn quyền Beau đã không mang lại

gì thì ta đã thấy. Thực dân vẫn trọng dụng đám vua quan miến họ là những tay sai đắc lực, khai hóa chủ là câu đầu lưỡi của quân cướp nước vì dân Việt có ngu tối địa vị của chúng mới trường cửu. Ở thuộc địa nào trên thế giới thực dân Anh, Nga, Mỹ, Bỉ, Hòa Lan v.v... có bao giờ đem ánh sáng của văn minh để soi đường cho các dân tộc lạc hậu thì Pháp cũng vậy. Ngoài ra họ chẳng bảo nhau mà đều áp dụng chánh sách lấy người bản xứ trị người bản xứ trong mọi việc, trong mọi trường hợp sau khi quân đội viễn xâm đã hoàn thành cuộc chinh phục. Càng tỏ ra mình là kẻ hiền biết, mình là trí thức yêu nước, thực dân càng lo đề phòng và đàn áp, chẳng vậy trong vụ bạo động có tính cách ngẫu nhiên ở nơi dân chúng rồi xảy ra việc biểu tình kháng thuế, cự sưu năm 1908 ở hai tỉnh Nam-Ngãi thực dân đã lợi dụng cơ hội huy động quân lại Việt Nam bắt hết những nhà khoa bảng ở nhiều tỉnh miền Trung để chém giết và giam cầm tại Côn Đảo hay Lao Bảo. Trước sự thực tàn nhẫn này của Đế quốc người ta mới thấy khuynh hướng ôn hòa, khuynh hướng cải lương nhất là thuyết « Ý Pháp cầu tiến bộ » của cụ Tây Hồ đã quá sai lầm nên khi ra Côn Đảo đi đập đá và bắt đòi mỗi cả hai phe cải lương và bạo động đã có dịp duyệt lại chánh sách của mình. Riêng về phía cụ Tây Hồ hẳn đã thấy văn minh của Tây phương dưới bá quyền của thực dân không có đi đôi với đạo đức, với công bằng, bác ái.

b) Cụ Sào Nam chủ trương bạo động, mở cuộc Đông du mang thanh niên ra ngoại quốc cầu học, ngoài ra còn có mục đích vận động ngoại viện để sau này tùy nghi dùng chánh trị hay quân sự đối với Pháp, xét ra Cụ đi đúng đường. Việc cụ làm đến nơi đến chốn sau khi tìm đến các chánh khách của Quốc dân đảng Trung quốc, của Nhật Bản nhưng thời thế chưa thuận lợi cho cách mạng Việt Nam mà chỉ thuận lợi cho đế quốc lúc này. Nhật tuy vừa đánh bại Nga nhưng còn ở giai đoạn củng cố thế lực. Và chẳng Nhật bấy giờ cũng là Đế quốc rồi. Nhật đang cần làm bạn với các Đế quốc để chia phần ngoài thiên hạ, đi với Việt Nam mà mất lòng Pháp chỉ có hại mà thôi. Thằng hoặc Nhật có giúp Việt Nam thì Nhật cũng diễn

cái trò « *dịch chủ tái nô* » người dân Việt trước sau vẫn ở trong vòng nô lệ. Với bọn các ông Tôn Văn, Đoàn kỳ Thụy, Hồ Hán Dân tuy chưa có gì lừa gạt nhau nhưng cũng là một sự thất bại nặng nề về chủ trương ngoại viện vì họ còn đang lúng túng ngay trong nội bộ. Họ giúp cho 4000 đồng bạc, thế là hết. Buồn thay ! Nay ta hãy nhìn vào tinh thần của các nhà cách mạng Việt Nam bấy giờ qua Việt Nam quang phục Hội sau nhiều thử thách có gì khả quan chăng ? Chúng ta thấy có sự chuyển hướng quan trọng tức là các nhà cách mạng của chúng ta đã nghĩ đến việc lập một Cộng hòa dân quốc và đã dứt khoát với tư tưởng quân chủ hủ bại đã mang nặng trong lòng lúc ra đi. Việc này xảy ra vào năm 1912 ; Trước đây các cụ chịu ảnh hưởng của tân thư nay chịu ảnh hưởng của cách mạng Trung quốc vừa đánh đổ xong nền đế chế đối với dân Hán, đã là cái tai ách ngàn đời.

Điều đáng chú ý là cụ Sào Nam và các đồng chí Việt Nam quang phục Hội sau khi bị thất vọng với Nhật Bản cũng như không được khích lệ gì về phía Tôn Văn, Trần kỳ Mỹ là những lãnh tụ của tân chánh phủ T.H đã xoay ra lập « *Chấn Hoa hưng Á hội* » nhằm lôi cuốn người Tàu vào đại cuộc của mình. Các cụ đã đề cao họ vào vai trò đàn anh Á Châu, họ đã rời bỏ từ thời Mãn Thanh. Chương trình của Hội đã vạch ra rất khéo léo một vấn đề quan trọng, vấn đề *Việt Việt*. Cũng trong tinh thần của « *Chấn Hoa hưng Á hội* » cụ Sào Nam còn nêu ra vấn đề thứ hai nữa là « *Liên Á* » nhằm qui tụ Ấn Độ, Miến Điện, Triều Tiên, Việt Nam và Trung quốc vào một khối đề nương tựa vào nhau, nâng đỡ nhau. Muốn đạt được mục đích này Trung quốc phải thành một nước hùng cường hầu giải phóng các nước đàn em Á châu. Đây là một chủ thuyết chánh trị có giá trị ít nhất trên lý thuyết, tiếc rằng hoàn cảnh chẳng chiều người cũng như phong trào Đông học đã bị thất bại vì không may và cụ đề xướng không phải là không thực tế. Đề thoát ra khỏi cảnh tiêu trầm trong khi chờ đợi, Việt Nam quang phục Hội phải làm một số công tác bạo động ở các tỉnh biên giới, ném bom tại Hà Nội, Thái Bình trong năm 1913 và trong Đề nhất thế chiến không mong đầu lượm được

kết quả lớn lao nào hơn là thức tỉnh quốc dân lúc này đã quá nặng tình thần cầu an.

Luôn trên 30 năm đầu của thế kỷ mọi hành động ôn hòa cũng như bạo động của cách mạng Việt Nam đều thất bại, người đọc sử còn nhận thấy thêm một lần nữa lý thuyết Pháp-Nam hợp tác ngay của nhóm người thân Pháp đứng đầu là Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh cũng chỉ là những tiếng gào suông ngoài sa mạc. Họ Phạm đến năm 1934 còn nêu tôn chỉ của báo Nam Phong là « *thể hiện cái chủ nghĩa khai hóa của chánh phủ .. truyền bá khoa học Thái Tây nhất là học thuật tư tưởng Đại Pháp... bênh vực quyền lợi người Pháp người Nam trong trường kinh tế* ». Nhưng vào việc chúng ta thấy thực dân có khai hóa gì và quyền lợi của chúng ta có được tôn trọng phần nào chẳng? Khẩu hiệu Tây-Nam đặc bằng nếu không là trò phỉnh dân thì cũng là một chuyện mĩa mai hết sức đối với thực tế.

Lại hội Khai trí tiến đức thành lập năm 1919 nhóm họp nhiều nhân vật văn học trong giai đoạn này tự lãnh trách nhiệm hòa giải Đông và Tây đã phổ biến một số tác phẩm Âu Tây rút cục chẳng gây được điều gì bổ ích đáng kể về văn hóa học thuật mà chỉ thành nơi tuyên truyền cho chánh sách bảo hộ của Đại Pháp sắc mùi để quốc và đầy luận điệu vong nô.

Năm 1922 chịu ảnh hưởng của Phạm Quỳnh vua Khải Định qua Pháp cũng đòi hỏi cho người Việt tham gia nhiều hơn vào chánh trị dưới sự bảo hộ của người Pháp. Các nhà cầm quyền của nước Pháp ở Ba Lê đã làm ngơ cũng như họ đã có thái độ lạnh nhạt đối với đề nghị thành lập đảng Lập hiến của nhóm Nam Phong trước đó. Về chủ quyền của ông vua Việt Nam từ đây, Pháp đã chẳng nói rộng mà còn hạn chế thêm (1) sau khi nhà vua tạ thế (6-II-1925). Riêng tại

(1) Vua Việt Nam từ 1925 trở đi chỉ còn giữ lại quyền ân xá và quyền ban hành các đạo Dụ về nghi lễ, mọi vấn đề thuộc pháp luật và hành chánh do Toàn quyền Pháp giải quyết hết.

Nam Kỳ nhà báo Nguyễn Phan Long, Luật sư Dương Văn Giáo, Kỹ sư Bùi Quang Chiêu lập được đảng Lập hiến (*Parti constitutionnaliste*) như ta đã biết. Họ cũng làm một thứ chánh trị ôn hòa với Pháp nghĩa là cũng chủ trương « *Tây Nam đặc bằng* ». Như nhóm Nam Phong ngoài Bắc Kỳ, họ cũng không dám đi tới cách mạng xã hội, chẳng hé răng đòi độc lập vậy mà bọn tư bản và Hành chánh Pháp cũng coi họ rẻ như đất bùn. Thịnh nguyện thư (*cahier des vœux unanimes*) của họ chuyền lên Toàn quyền Varenne ngày 28-11-1925 đã bị bỏ vào sọt rác bởi thể lực của bọn Tây thuộc địa ở Nam Kỳ đang rất mạnh và cầm đầu bọn này lại là Thống Đốc Cognac một tên thực dân rất bướng bỉnh và phản động thì còn gì là hy vọng. Đảng Lập hiến phải giảm bớt yêu sách, chấm dứt các đòi hỏi về các quyền tự do chánh trị và chỉ tranh đấu cho người Việt làm công dân của nhà nước Đại Pháp mà thôi (nhập Pháp tịch). Khi phong trào Nghệ Tĩnh nổi lên năm 1930 đảng này còn tán thành việc đàn áp đẫm máu của thực dân là khác. Bởi sự thay chiều đòi hướng này nhiều đảng viên chân chính đã ly khai trong đó có Nguyễn An Ninh.

Cũng vào giai đoạn này tại Nam Kỳ có phong trào Cao Đài (Đại đạo tam kỳ phổ độ) và Phật Giáo Hòa Hảo là những phong trào tôn giáo có liên hệ mật thiết với các hoạt động của các hội kín. Đạo Lành hay Đạo Phật đường đã tiếp tay cho các lãnh tụ khởi nghĩa qua các việc cung cấp tiền bạc, dấu diếm vũ khí hoặc dùng bữa phép đề nâng cao tinh thần chiến đấu cho các người chống Pháp. Còn một điều lạ lùng đặc biệt nữa là trong khi những người trí thức của chúng ta đã thấy phải thay thế Nho giáo bằng một ý-thức-hệ tiến bộ, phải tổ chức các đảng phái chánh trị theo Tây phương thì một số hội kín phát sinh ở các tôn giáo lại hướng về quá khứ và lòng yêu nước của họ còn nhắm vào việc khôi phục nền quân chủ độc lập căn cứ trên thiên mệnh (1).

(1) Nguyễn Thế Anh (Việt Nam thời Pháp đô hộ trang 285).

Từ 1926 qua nhiều kinh nghiệm các người làm chính trị và cách mạng trên khắp ba kỳ đều thấy khuynh hướng ôn hòa không được Pháp có thiện cảm sau khi Pháp đã nhiều lần thẳng tay đàn áp phe ôn hòa chẳng kém. Như vậy chỉ còn có việc tổ chức các hội kín và làm cách mạng sắt máu nghĩa là quyết liệt với thực dân do đó ngay khi còn ở trong lao tù các nhà cách mạng đã lập Đảng lập Hội. Trường hợp Phục Việt hội sau mấy lần giải thể đã thành Hưng Nam hội, Việt Nam cách mạng đảng Tân Việt đảng, hoạt động ở những tỉnh miền Bắc Trung Kỳ vào tới Quảng Nam, Việt Nam quốc dân đảng phát triển mạnh ở Bắc Kỳ và Đông Dương Cộng Sản đảng có mặt trên toàn quốc.

Ngay buổi đầu khi Việt Nam quốc dân đảng đang hình thành, đảng đã lo đến việc tuyên truyền trong quân đội, chế tạo vũ khí. Còn Đông Dương Cộng Sản đảng lo bành trướng cơ sở ở các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền. Có thể nói rằng hai đảng này cho tới ngày nay là hai đảng lớn nhất trong lịch sử chống đế quốc Pháp và cùng gặp nhau ở một điểm: *Bất cộng đái thiên với Pháp* và mỗi khi có cơ hội đều chủ trương vận dụng quân sự trong công cuộc giải phóng dân tộc. Việt Nam quốc dân đảng chịu ảnh hưởng của *Tam dân chủ nghĩa* và cũng hướng về *Thế giới Cách mạng* trong khi người Cộng-sản lấy K. Marx làm thầy và theo triết đề con đường của Xã hội chủ nghĩa không dung nạp một sự kiện nào có tính cách quốc gia. Nếu so sánh Việt Nam quốc dân đảng đã lấy giới trí thức tiểu tư sản và giới trung lưu làm nòng cốt, Đông Dương Cộng-sản đảng lấy quần chúng công nông làm căn bản nên Cộng-sản có sức mạnh nhiều hơn để tranh đấu. Có sự đặc biệt ở đảng Cộng-sản Đông Dương là tầng lớp lãnh đạo hầu hết cũng là những thành phần trí thức tư sản và phong kiến như phe quốc gia nhưng nhờ có sự đào tạo của Nga Cộng họ giác ngộ về vô sản chủ nghĩa lại được rèn luyện về phương pháp tổ chức đảng, đoàn, được học hỏi về kỹ thuật vận động quần chúng trong khi Việt Nam quốc dân đảng đã không lưu tâm nhiều đến liên hệ giữa các giai cấp và lực lượng hùng mạnh của quần chúng khi được hướng dẫn và khích động.

Năm 1930 Việt Nam quốc dân đảng bị tan rã và thất bại trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Năm 1946 đảng này từ hải ngoại về nước, bị thất điên bát đảo với Đông Dương Cộng-sản đảng, xương máu đổ ra không biết bao nhiêu. Nguyên nhân về sự thất thế của Việt Nam quốc dân đảng và sự thắng lợi của Đông Dương Cộng-sản đảng rất là phức tạp. Ngày nay Việt Nam quốc dân đảng đang hồi phục lại ở miền Nam Tự do. Có lẽ những kinh nghiệm đẫm máu của các vị tiền bối sẽ là những bài học quý giá cho các đồng chí hậu tiến. Thời cuộc Việt Nam lúc này đang chịu rất nhiều ảnh hưởng của các trào lưu chánh trị quốc tế, các đảng phái chánh trị ở Việt Nam hẳn còn dành cho chúng ta nhiều sự bất ngờ. Muốn sao chúng ta ai mà chẳng khát khao quê hương chúng ta đã khổ nhục quá nhiều với bọn dị chủng lại trải luôn 25 chiến tranh, đất nước rách nát tan hoang những người có trách nhiệm gấp mang lại thanh bình, tự do và hạnh phúc cho dân tộc ?

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu các tôn giáo Cao Đài, Hòa Hảo, Thanh Niên Tiên phong và Lực lượng quốc gia Bình Xuyên từ 20 năm nay đã đề nhiều vang bóng trên Lịch sử. Trong 5 đoàn thể này có 3 là Thanh niên tiên phong, Bình Xuyên và nhóm Hòa Hảo của Ba Cụt không còn tồn tại. Riêng hai tôn giáo Cao Đài và Phật Giáo Hòa Hảo vẫn sống nhưng lặng lẽ âm thầm tuy đã có một vài đổi thay trong hàng ngũ lãnh đạo gần đây.

ĐẠO CAO ĐÀI

Cao Đài là gì ?

Người ta giải thích nguyên văn chữ Cao Đài theo ý nghĩa của chữ Thượng-giới (Pháp dịch là Palais suprême) mà đạo nào trên thế giới cũng nói đến cho rằng vũ trụ của thần thánh ở trên đề ngự trị Loài người, muôn vật hữu hình và vô hình.

Đây là một tôn giáo mới.

Người ta cho rằng Cao Đài ở một vài điểm căn bản có thể được coi như một thứ Phật giáo đổi mới hay có thể so sánh với đạo Tin Lành mà nguồn gốc là đạo Thiên Chúa La Mã (Catholicisme romain). Đặc điểm của đạo này là một tinh thần tổng hợp và dung hòa với các tôn giáo khác để mang lại một hòa bình cho mọi tôn giáo. Do sự kiện này Cao Đài không bày ra những cạnh tranh, những mâu thuẫn với các tôn giáo khác về mặt triết lý, huyền bí, hay giáo điều mà chỉ rút tĩa ra những gì là tinh hoa của các tôn giáo hay của các thông linh học. Đặc biệt nhất là nêu ra cái chân thiện mỹ thực tế nhất cho con người biết tìm lành lánh dữ hầu tiến bộ trong đời sống tinh thần. Hơn nữa đạo này không bắt người ta tin tưởng một cách độc đoán và nghiệt ngã, nó khiêm nhượng và chân thành đề noi theo Chân lý hay khám phá ra Chân lý.

Cao-Đài-giáo được thành lập hẳn hoi vào năm Bính Dần (1926) và người nêu cao lý tưởng của Cao-Đài-giáo trước tiên là ông Phú Ngô Văn Chiêu năm 1919 làm Đại lý hành chánh tại Phú Quốc. Ông sống một cuộc đời rất đạo đức trong khuôn khổ của Lão giáo và ông ham cầu tiên (cầu cơ) là một cách giao cảm với các đấng thiêng liêng. Rồi ông đã gặp một đấng xưng là Cao Đài. Đấng này tỏ ra rất thân thiện với ông, nhưng tên Cao Đài là một cái gì lạ lùng hết sức với mọi người bấy giờ bởi trong các thánh kinh không hề nói đến vị thánh thần nào là Cao Đài. Ông Phú Chiêu cho rằng có lẽ Cao Đài là một biệt danh của Thượng Đế nếu xét các điều truyền giảng nhiều phen thấy rất cao siêu. Ông xin được thờ phụng theo một hình tượng thì được đấng thiêng liêng cho phép lấy hình một cơ quạt làm biểu tượng.

Sáu năm sau, Cao Đài Giáo được xuất hiện tại miền Nam và dần dần có nhiều tín đồ bắt đầu là những công chức ở các tòa, các sở tại Sài Gòn. Cũng kể từ bấy giờ người ta thích cầu tiên và đã được các vị thần thánh đối đáp nhiều câu làm cho họ phải kinh ngạc và tin phục. Người cầu cơ có thể hỏi chuyện với các thần nhân như cha mẹ, bè bạn đã qua đời. Các linh hồn đã trả lời và có cả những lời khuyên bảo rất hay, rất tốt hợp với đạo lý và triết lý...

Triết lý và giáo lý của đạo Cao Đài

Cũng như phần nhiều các tôn giáo ở Viễn Đông rất nặng về triết lý, đạo đức, chủ thuyết của đạo Cao Đài có mục đích phát động những tín ngưỡng lớn hoặc hòa đồng các tín ngưỡng mà tất cả mọi người đều có thể chấp nhận hoặc có cảm tình nhất là ở các xứ mà tôn giáo bao gồm những qui điều về luân lý không xây dựng trên những điều-đề cứng nhắc.

Trong số tập san ra mắt của Cao Đài, bản tuyên ngôn của vị giáo chủ này có nhắc đến Lý Thái Bạch một đại thi-hào của Trung quốc thế kỷ thứ 8 đã có câu như sau : « xưa do các dân tộc ở quá cách bức với nhau, phương tiện di chuyển thiếu thốn nên không có sự thông cảm, nay ta (vị giáo chủ nói) hòa hợp các chủ thuyết tự cổ di lai của các thời đại gồm 5 loại lập ra Đại-đạo tức là :

- 1) Nhân đạo : Đạo Không
- 2) Thần đạo : Đạo thờ các thần linh
- 3) Thánh đạo : Đạo Thiên Chúa
- 4) Tiên đạo : Đạo Lão
- 5) Phật đạo : Phật giáo.

« Ngày nay năm Châu bốn biển đều được khám phá, loài người đã hiểu biết nhau dễ dàng và thấy đều khát vọng Hòa bình thực sự, nhưng cũng vì có nhiều tín ngưỡng khác nhau mà tôn giáo thiếu sự thống nhất. Vậy ta quyết định hòa hợp các tôn giáo đề tín ngưỡng của loài người trở lại với căn bản nguyên thủy... »

Rồi người ta thấy đạo Thiên Chúa cũng nằm trong sự thống hợp này và đạo Cao Đài thường nhắc lời của chúa Ky-Tô luôn luôn, có khi kể ra cả đoạn những giáo điều của kinh thánh.

Vậy có thể nói Cao Đài là một tôn giáo chưa từng có, tuy không có gì lạ trên phương diện lý thuyết, tư tưởng mà do sự hòa hợp các tín ngưỡng đã có từ trước. Đây là một tôn giáo tân kỳ, một ơn Đại xá thứ ba tại Đông phương của Thượng đế. Đại đạo Tam kỳ phổ độ có ý nghĩa như

vậy. Và do muốn thực hiện tình huynh đệ giữa các tôn giáo, Cao đài giáo thực thi sự khoan hòa triệt để đối với mọi tôn giáo và chỉ chú trọng lấy lẽ phải mà thuyết phục để loài người đi tới sự thống nhất như khi mới khai thiên lập địa.

Vì những lẽ trên đây giáo lý của đạo là gieo đức Nhân (thiện) vào khắp các dân tộc và Tình thương vào tất cả những gì Tạo hóa đã cấu thành, thực thi các điều tốt lành, tập yêu mến sự công bằng và sự khó khăn, giác ngộ cho con người biết hậu quả đến kiếp sau của những hành vi xấu của đời này trong khi tìm đủ mọi phương cách lành mạnh hóa tâm hồn của họ. Đạo còn mượn các tín điều của các đạo khác về các chi tiết như bổn phận đối với gia đình, tình thương muôn vật và cả cỏ cây, tin tưởng ở kiếp luân hồi...

Nay xét ra ta thấy lý thuyết của đạo thì không có gì đáng kể là đặc biệt, kỳ dị, nhưng nếu có cái đặc biệt là đạo đã có mối liên hệ mật thiết về phương diện thông linh (Spiritisme) vì tổ chức và sự thực hành của đạo đã do sự ứng cảm với các đấng thiêng liêng. Chẳng vậy hàng ngày các đồng bào miền Nam đã cầu cơ đề hỏi han tổ tiên, bà con đã khuất mà còn giao thiệp cả với các danh nhân của ngàn xưa như Jeanne d'Arc, Newton, Descartes, Victor Hugo, Chateaubriand, Jules César, Périclès v.v...

Tiêu sử của người đầu tiên dựng ra Cao đài giáo: Ngô văn Chiêu.

Ông Phủ Chiêu ra đời ngày 28-2-1878 tại Bình Tây (Chợ-lớn) trong một căn nhà tầm thường sau chùa Quan đế Khi lọt lòng, ông không chịu bú mẹ mà đã ăn nước cháo (nước hồ). Cha mẹ ông nghèo quá sau đó phải di Mỹ Tho kiếm ăn nhờ em gái nuôi ông và lớn lên cho đi học. Cho đến 12 tuổi ông đã thông minh hết sức và đã tự đến gặp viên Chủ tịch Mỹ Tho đề xin học bổng. Rồi ông được như ý và vào học trường trung học tại Mỹ Tho.

Sau khi học hết các lớp trung học, ông thi đậu Thư ký thuở đó đã là một chức vị đáng kể. Nếu ông phải đi làm việc vào tuổi 21 chỉ

là bởi muốn giúp đỡ gia đình và sở làm của ông bấy giờ là sở Ngoại kiều vụ. Ông phục vụ cơ quan này từ 1899 đến 1902.

Ngay từ lúc thiếu thời, ông Phủ Chiêu đã rất tin sùng đạo Phật và đạo Khổng, tin tưởng các điều huyền bí, thiêng liêng, các việc thần thánh được ghi chép trong các sách Tàu và tại nhà ông, ông có lập một bàn thờ Đức Quan đế vị danh tướng đời Hán-mạt nổi tiếng trung dũng và nghĩa khí.

Năm 1902 trong một buổi cầu cơ tại Thủ dầu một, Đức Cao Đài cho ông biết sau này ông có một nhiệm vụ về việc truyền bá tôn giáo và khuyên ông gấp lập Đạo.

Kể từ 1925 những người trí thức trong giới công chức làm việc ở các tòa, các sở tại Sài-gon rất ham nghiên cứu về thông linh học do đó họ thường tụ họp bên ông Phủ Chiêu. Trong những cuộc cầu tiên họ thường được gặp một đấng thần linh nhiệt thành hơn các đấng khác mang bí danh bằng 3 chữ A.A.A hay cho họ những mệnh lệnh, những lời khuyên cáo, dạy bảo ít nhiều lý thuyết có thể coi như những giáo điều cho một tôn giáo mới sau này có nhiều vang dội trên toàn cõi Đông dương. Nhất là vào ngày 24-12-1925 là dịp lễ Thiên chúa giáng sinh vị thần linh đó đã không dùng danh xưng bí mật nữa mà tuyên bố thẳng ngài là Thượng đế.

Cho tới bây giờ Cao Đài mới chỉ là một nhóm người hướng về các điều thần học để tìm hiểu các nguyên lý cao siêu có tính cách tôn giáo nhưng sau đó một nhân vật là Đốc phủ sứ Lê văn Trung trong nhóm đã được đấng Cao Đài lựa vào việc hoằng đạo. Đó là một điều hết sức bất ngờ và lạ lùng. Ông Lê văn Trung xuất thân là con nhà tiểu nông nhưng nhờ sự chăm chỉ học hành đã qua trình độ trung học tại trường Chasseloup Laubat rồi vào làm thư ký ngạch phủ Thống đốc Nam kỳ nhưng sau ông bỏ nghề công chức để bước sang nghề thầu khoán với một người anh em trong nhà. Ông là một người có địa vị dưới chế độ Pháp thuộc bấy giờ được Pháp tặng Bắc Đẩu bội tinh và đã có phen làm Hội viên Hội đồng quân hạt Nam-kỳ. Ông đã sống một

cuộc đời rất trường giả, lại ham ăn chơi phóng túng. Nhưng khi được chỉ định trong nhiệm vụ cao trọng này ông liền sốt sắng đứng ra hoạt động và trở nên con người đứng đắn. Từ đó ông thay hẳn ông Phú Chiêu và tỏ ra có tài tổ chức, điều khiển, tuyên truyền và thích hợp với cương vị đặc biệt của ông.

Ngày 7 tháng 9 năm 1926, ông Lê văn Trung gửi cho Thống Đốc Nam kỳ một văn thư, loan báo việc thành lập một tôn giáo mới: đạo Cao Đài với 217 chữ ký của tín đồ. Chẳng bao lâu, ông có tới hơn 500 tín đồ, trong số đó có cả người Âu châu không kém sốt sắng. Và không đầy hai tháng sau, số tín đồ đã đạt tới con số đáng kể là hai chục ngàn người.

Ngày 17 tháng mười một năm 1926, tại chùa Từ Lâm, trong một đại lễ ra mắt của đạo Cao Đài, người sáng lập đầu tiên ông phủ Ngô văn Chiêu không ra mặt để toàn thể tập đồ bầu cử ông Lê văn Trung giữ chức đệ nhất Hộ Pháp. Ông đã rời trụ sở của đạo, tới Long Thành (Tây Ninh), phát hành một tạp chí gọi là Cao Đài Nguyệt San.

Tháng ba năm 1927, ông Lê văn Trung cùng Phạm công Tác một người đang hoạt động đắc lực cạnh ông, xây nhà thờ ở Tây Ninh. Khu xây dựng Thánh thất được đặt trên một khu đất 150 mẫu tây giữa rừng, gồm các chùa, các tu viện, các thư viện, lại có điện nước đầy đủ.

Chỉ trong vài năm, đạo Cao Đài có trên một ngàn chức sắc và một triệu tín đồ, thành một lực lượng đáng kể, ảnh hưởng mở rộng trên toàn cõi Việt Nam, mạnh nhất ở Nam-kỳ và lan tràn sang cả Cao Miên tuy có va chạm với Phật Giáo đã có tổ chức chặt chẽ và lâu đời ở xứ này. Đạo còn được cả sự liên minh với một đạo giáo hay cơ quan thần bí tại Âu Châu (theo Jean Rodes) như *Eglise gnostique Chevaliers de la Rose mystique* tại Đức, một số báo chí và tổ chức ôn hòa và cách mạng như *Hội nhân quyền*, *La Griffé*, *Le progrès civique*, *Le Réveil ouvrier de Nancy*, *le Fraternaliste de Sin le Noble* và nhiều hội thông linh học (theo *l'Illustration* ngày 3-3-1934).

Cho tới giữa thượng bán thế kỷ 20, Cao Đài giáo tỏ ra vô hại về chánh trị đối với các nhà cầm quyền thuộc địa nhưng ngoài 1930 trở

ra phong trào Cộng sản lan rộng, đạo này cũng khuyếch trương mạnh vào giai đoạn này, Pháp thấy giáo chủ Lê văn Trung có khuynh hướng khả nghi, mập mờ nhất là sau lời tuyên bố dưới đây của ông :

«Đảng Cao Đài hiện nay chỉ mở có một mắt nhưng sẽ mở cả hai mắt khi sắp có cuộc giải phóng đất nước»...

Pháp lại còn bất bình ở chỗ đạo truyền cả sang Nam Vang nên từ đó buộc mỗi khi Đạo xây dựng cơ sở mới ở đâu phải xin phép trước với các nhà chức trách. Họ còn truy tố ra trước Tòa án Nam Vang một vài tin đồn thiếu thận trọng.

Một vài năm sau trong nội bộ của Tòa thánh Cao Đài có ít nhiều lộn xộn : một số chức sắc có địa vị đã thừa kiện Giáo chủ Lê văn Trung về bội tín và sự chia rẽ, đến khi Giáo chủ qua đời (1932) cũng chưa chấm dứt.

Ngày 18-11-1935 báo *Le Populaire* loan tin tại Tây Ninh Hộ pháp Phạm công Tác lên thay Giáo chủ Lê văn Trung. Nay xét về khía cạnh chánh trị, chúng ta được biết, cũng như nhiều đoàn thể khác ở miền Nam trong những năm đầu của thế kỷ 20 Kỳ ngoại hầu Cường Để sau sự tan rã của cuộc Đông du và Việt Nam Quang Phục Hội đã có lần trở về nước xúc tiếp bí mật với Hội thánh Cao Đài. Pháp thực dân không đủ chứng cứ để khùng bỏ đạo này nhưng vào 1941, tình hình thuộc địa này có bề rối ren Hộ pháp Phạm công Tác liền bị phủ Thống đốc Nam kỳ bắt đày qua Madagascar buộc ông vào tội âm mưu bài Pháp. Khi quân đội Nhật đặt gót lên bán đảo của chúng ta họ liền lạc ngay với Cao Đài và từ đó đạo này mỗi ngày đi sâu vào chính trị. Sau ngày 9-3-1945 Cao Đài đã tổ chức được nhiều đơn vị quân sự để tham gia vào phong trào giải phóng dân tộc do đó các lãnh tụ của Cao Đài đã có mặt trong Mặt trận quốc gia liên hiệp thành hình trước ngày Nhật đầu hàng Đồng minh (14-8-1945).

Khi Việt Minh lên nắm chánh quyền (2-9-45) từ Bắc vào Nam họ đã được ngay sự hợp tác của Cao Đài khi đó đã được coi là một lực lượng quan trọng. Nhưng Việt Minh đối với Cao Đài cũng như với các

đoàn thể khác không Cộng sản chỉ muốn dùng các đảng phái bạn như những công cụ thứ yếu đặt dưới quyền chủ động tuyệt đối của họ, ngoài ra Việt Minh đã áp dụng nguyên tắc «*Bất độc bất anh hùng, duy ngã độc tôn*» nên chẳng bao lâu các đảng phái quốc gia hoặc bị họ tiêu diệt hoặc phải ly khai chống lại họ. Rồi Cao Đài là nạn nhân đầu tiên của Cộng sản và Cao Đài không là trường hợp duy nhất. Rồi ta không lấy làm lạ khi thấy Cao Đài công khai tranh đấu với Việt Minh và Pháp đã lợi dụng được Cao Đài cho có thêm vây cánh để ngăn trở Cộng sản. Lực lượng võ trang của Cao Đài lối chừng 25.000 quân được Tướng De Latour trợ giúp vũ khí, hầu đủ sức chống giữ vùng Tây Bắc Nam Việt cho khỏi bị ảnh hưởng của Việt Minh. Chỉ huy quân đội Cao Đài bấy giờ là một cựu quân nhân của binh đội Đông Dương cũ, Nguyễn thành Phương được phong chức Thiếu tướng phụ lực.

Cuối tháng 8-1946 Hộ pháp Phạm công Tắc được trở về cố lý. Ông đã xác định một thái độ cương quyết chống Cộng sản và liên minh với thực dân bằng trên nửa triệu tín đồ của Tòa thánh Tây Ninh. Người ta có thể hiểu rằng đây chỉ là một việc liên kết với Pháp có tính cách giai đoạn và đây là một thủ đoạn của các tín đồ Cao Đài. Nhưng vào khoảng đầu năm 1955 sau khi Việt Nam bị chia ra làm 2 miền lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới, miền Bắc thuộc Cộng sản, miền Nam thuộc Quốc gia, Cao Đài cũng như các đảng phái và giáo phái ở xứ Đồng Nai đã không chịu chấp nhận chủ trương thống nhất của chánh quyền Ngô đình Diệm và cương quyết bảo vệ quyền lợi địa phương về mọi phương diện sau khi đã thành lập «*Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia*» để đánh đờ Ngô đình Diệm.

Lúc này Cao Đài và các đoàn thể bạn tin rằng Mặt trận của mình do sự liên hiệp chặt chẽ với nhau sẽ thừa sức về mặt vũ lực. Đã vậy họ còn được sự ủng hộ ngầm của thực dân Pháp bấy giờ còn có 200.000 quân đóng tại miền Nam chưa hồi hương cũng muốn khuynh đảo. Ngô đình Diệm không hơn không kém chỉ là một cây bài của Huê Kỳ thuở đó. Cuối cùng họ còn được sự tán thành của Quốc trưởng Bảo Đại tuy ở xa (Cannes một vùng nghỉ mát trên đất Pháp) nhưng vẫn có ảnh hưởng

phần nào đối với thời cuộc. Đầu năm 1955 Ngô đình Diệm đã bắt hòa với Trung tướng Nguyễn văn Hinh nên Quân đội quốc gia bấy giờ chưa hẳn có cảm tình mặn mà với cái chính phủ độc lập của nước nhà sau 80 năm nô lệ Pháp.

Nhưng lúc này đồng bào tuy chưa có nhiều thiện cảm với ông Ngô đình Diệm vẫn công nhận chủ trương thống nhất quốc gia (thống nhất chính quyền, thống nhất quân đội) của ông là hợp lý nên đã ủng hộ cuộc đánh dẹp các giáo phái và đoàn thể võ trang trong năm 1955. Rồi Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia thất bại. Bình xuyên ngã ngựa sau một tháng do tài thủ sức với quân đội quốc gia và các giáo phái nhờ biết xoay chiều đổi hướng kịp thời về phía các nhà quân sự trừ nhóm Ba Cụt nên đã cứu vãn được tình thế. Chúng tôi sẽ trình bày mọi tình tiết về cuộc giao tranh giữa chính phủ Ngô đình Diệm với các lực lượng võ trang và giáo phái một ngày gần đây.

Tài liệu tham khảo :

- *Histoire du Caodaisme.*
- *Bouddhisme rénové — Spiritisme amnamite — Religion nouvelle en Eurasie par Gabriel Gobron.*
- *Le Caodaisme par Albert Chartier (trích trong Outre mer, revue générale de colonisation năm 1936 đề nghị tam cá nguyệt).*
- *Các nhật báo Tiếng chuông, Thời cuộc, Lễ sống năm 1955—56.*



PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Phật giáo Hòa Hảo là một tổ chức tôn giáo phát tích tại làng Hòa Hảo, một làng thuộc miền Tây Nam Việt chịu ảnh hưởng rất nhiều của

Phật thầy Tây-An Đoàn văn Huyền vị cao tăng đã xuất hiện vào giữa thế kỷ trước được đồng bào miền Nam tôn sùng như một vị Phật sống.

Có thể nói rằng Phật giáo Hòa Hảo là một chi nhánh của Phật giáo miền Nam nhưng có tính cách biệt-lập. Hệ phái này chủ trương một vị Phật sống sẽ ra đời để diu dắt nhân dân tìm đường họa phúc, âu cũng là một chủ trương ta thấy ở nhiều tôn giáo khác thường đem một đấng cứu thế dưới một hình thức huyền bí, diệu kỳ ra giới thiệu với chúng sinh vốn sẵn óc mê tín. Gia-Tô, Thích-Ca mâu-ni đã chẳng xuất hiện một cách huy hoàng, lạ lùng trong tinh thần của dân chúng đó sao ?

Năm 1945 Đệ nhị thế chiến chấm dứt, Pháp mang quân trở lại Đông dương tính tái chiếm thuộc địa thì Huỳnh phú Sồ lập nên Phật giáo Hòa Hảo. Ông và các tín đồ đã bắt đầu đi sâu vào chánh trị. Mười năm về trước nhóm Hòa Hảo của ông tuy đã thành một phong trào quốc gia nhưng còn tiếm tiến vậy mà thực dân đã phải lưu tâm tìm cách triệt hạ.

Về tiểu sử của thầy Huỳnh phú Sồ ta được biết như sau :

Huỳnh phú Sồ sanh năm 1919 tức năm Kỷ Mùi (Âm lịch) tại làng Hòa Hảo thuộc tỉnh Châu Đốc (Nam Việt). Tỉnh này nằm trong biên khu Việt Mên, xa xa có dãy núi Thất Sơn trập trùng mù mịt. Gần đó là Vàm Nao nơi tiếp giáp hai con sông lớn Hậu giang và Tiền giang có nhiều cá mập và măng xà rất đáng sợ.

Cha ông là Huỳnh công Bộ, một Hương Cả và người ta thường gọi là ông Cả Bộ. Thuở nhỏ Huỳnh phú Sồ học trường làng và ba năm sau được cha mẹ gửi ra học ở trường tỉnh Tân Châu. Học tới lớp nhất (tiểu học) họ Huỳnh bỗng nhiên sinh lười biếng, trí nhớ sút kém hẳn rồi gần như lãng trí và hay bệnh hoạn. Điều này đã gây sự thất vọng cho ông Hương Cả khiến ông buộc lòng mang con về để lo việc thuốc thang. Tình trạng sức khỏe không cải tiến, vùng Châu Đốc lại là nơi thịnh mê tín về bùa ngải ông Cả phải nhờ các thầy pháp dùng bùa phép chữa chạy cho Huỳnh. Vì lẽ này Huỳnh được chở lên núi Cấm và quy y tại Trà Sơn, tính mạng hoàn toàn trao vào tay thầy Xôm.

Cũng trong dịp này Huỳnh được học kinh kệ và các giáo lý của Phật thầy Tây An.

Điều đáng lạ tại đây Huỳnh đã đột nhiên trở nên bình thường như do một phép huyền bí, đã thế lại còn thông minh hoạt bát phi thường. Kinh kệ Huỳnh thuộc lâu lâu, giáo lý thì hiểu rất sâu rộng, cho tới ngày thầy Xôm tịch ở núi Cẩm thì Huỳnh hạ sơn trở về làng với mái tóc chấm ngang vai.

Năm 1939 họ Huỳnh đã thành Giáo chủ Phật giáo tại làng Hòa Hảo rồi uy danh và ảnh hưởng của Huỳnh lan tràn rộng thêm khắp nhiều tỉnh miền Tây. Bấy giờ là 18-5 âm lịch năm Kỷ Mão, Huỳnh vừa đúng 21 tuổi Dĩ nhiên con người ấy quy y từ năm 13 lại đi sâu vào giáo lý một cách rộng rãi, còn nặng lòng thương dân cứu đời giữa lúc đồng bào điêu đứng lầm than dưới cuộc thống trị của thực dân có thể nào giữ một thái độ bàng quan trước thế cục! Có lẽ ông quan niệm giáo lý của Phật cũng là một nguồn an ủi rất có hiệu lực cho đời nhưng trên thực tế chánh trị nhiều khi trực tiếp hữu ích hơn tôn giáo vì thế mà Phật giáo Hòa Hảo đã thành một phong trào quốc gia vào ít năm sau.

Khi ông thuyết pháp thì lời nói liền miên, lưu loát như nước chảy; ông nói hàng giờ không biết mệt và đến đàn bà, trẻ nít cũng hiểu ông một cách dễ dàng. Tác giả sách *«Đức Phật thầy Tây An»* cho rằng Huỳnh phú Sô là hậu kiếp của Đức Phật thầy Đoàn văn Huyền sinh ở làng Tòng Sơn, thuộc Cái Tàu Thượng (Sadec) vào 1807 và tịch vào năm 1856. Rồi chỉ trong vòng một năm giáo đồ của họ Huỳnh lên tới cả trăm ngàn.

Ngoài lý thuyết về Phật giáo mà họ Huỳnh đã mang ra đề thu hút quần chúng, bằng những lời khuyên lành lánh dữ, cảm hóa rất mạnh nhân tâm. Huỳnh còn có tài xuất khẩu thành thơ và trị bệnh bằng nước lã, lá cây, trừ được rất nhiều bệnh khó khăn, chẳng bao lâu ở các tỉnh Sadec, Châu Đốc, Vĩnh Long, Long Xuyên, Cần Thơ ai cũng biết tiếng. Người thì gọi ông là Huỳnh giáo chủ, người thì kêu ông là ông *«Đạo hùng»*, người gọi là *«Phật sống»*.

Các lời nói, các bài thi của ông lại thường ngụ ý chánh trị, và có khi gồm cả những lời tiên tri. Đại khái về cuộc Đệ nhị thế chiến ông

nói Pháp sẽ thất bại vào 1940, quân đội Nhật Bản vào chiếm Đông dương rồi tàn cuộc của họ ra sao. Ông dự đoán cả cuộc Đảo chánh 9-3-45. Thực dân thấy ông có ảnh hưởng nhiều trong dân chúng liền vin vào có ông «khùng» mà bắt nhốt ông vào nhà thương Chợ Quán. Việc này xảy ra vào khoảng tháng 8 năm 1940. Rồi Y sĩ trị cho bệnh ông là Bác sĩ Tâm đã chất vấn ông nhiều về triết lý của Phật giáo có lẽ đề trách nghiệm xem ông có lãng trí hay không rồi chẳng bao lâu B.S Tâm cũng bị ông thuyết phục mà trở nên một tín đồ của Phật giáo Hòa Hảo.

Sau 10 tháng nhốt ông ở Chợ Quán đến tháng 5-1941, Pháp đưa ông xuống tỉnh-lỵ Bắc Liêu để ông dưỡng bệnh ở đây, thực ra họ giam lỏng ông thì phải hơn. Tuy nhiên trong giai đoạn này ông vẫn có dịp tiếp xúc với các người trí thức, các điền chủ và thân nạp thêm được nhiều tín đồ. Còn những tín đồ cũ của ông dù ở xa đâu cũng đổ tới kính viếng giáo chủ họ Huỳnh một cách nhiệt thành.

Tại Bắc Liêu năm 1942 ông tự tay viết bài lịch sử đời ông có mấy hàng chót đáng chú ý: «*Văn biết đời Lãng sa thống trị phép nước nghiêm hình, nhưng thuế má nặng nề khiến dân chúng lầm than, cơ cực... ta nghĩ tiền kiếp ta đã hy sinh nhiều cho đạo, tới kiếp này là kiếp chót, ta há tiếc thân phàm xác tục mà chẳng lo cho đồng bào trong tình cốt nhục tương thân cho bớt các cực hình, các điều gian khổ...*»

Nhiều người đọc những dòng trên đây đã xúc động.

Lúc này quân đội Nhật Bản đã có mặt tại Việt Nam với danh nghĩa «*Nhật-Pháp cộng đồng phòng thủ Đông dương*». Họ được tin nhân dân Nam bộ đang ngưỡng mộ Huỳnh phú Sồ rất nhiều và biết «*Phật sống*» đang bị giam lỏng ở Bạc Liêu, lòng dân Việt đang căm hờn Pháp đến xương tủy vì việc này nên lấy cơ Huỳnh phú Sồ là gián điệp của Trưng Khánh đề bắt Huỳnh đi.

Tháng 10 năm 1942 Hiến binh Nhật xuống Bạc Liêu mang Huỳnh phú Sồ về Saigon để ông ở riêng một căn phố lầu bên đường Lefèbre trông qua Phòng thương mại Nhật đang dùng làm Ty Hiến binh. Xét ra Nhật đã hiểu rõ mọi vấn đề ở Nam Kỳ, hoạt động của

các phe, đảng chống Pháp, ảnh hưởng của các lãnh tụ nên đã liên lạc với Huỳnh ngay khi Huỳnh còn nằm tại Chợ Quán.

Một số người Nhật cho Huỳnh là một kẻ siêu phàm. Một số khác cho Huỳnh là một kẻ đại ngôn nhất là giáo chủ họ Huỳnh đã có phen buông ra một lời tiên tri như sau :

« Quân Nhật tuy hùng mạnh nhưng không ăn hết nổi con gà ! »

Có người giảng giải cho Nhật biết theo lời tiên đoán này chỉ đến quá nửa năm Dậu (Dậu là năm con gà, tức năm 1945) là thất thế. Tuy vậy Nhật vẫn cố trọng đãi Huỳnh, còn Pháp thấy Huỳnh lọt vào tay Nhật tức giận lắm nhưng lúc này lép vế nên đành ngậm miệng cho qua mặc dầu biết Nhật nắm lấy Huỳnh phú Sò để lợi dụng về chánh trị một ngày không xa. Và cũng từ đó thực dân Pháp coi Phật Giáo Hòa Hảo bằng con mắt căm hờn như với Cao Đài mà Pháp thực dân đã có đủ bằng cứ về các hoạt động chống họ.

Năm 1945 tại Nam Bộ cũng có nhiều biến cố xảy ra như ở Bắc Bộ nhất là sau khi Việt Minh xuất đầu lộ diện và các đảng phái, không Cộng-sản cũng có nhiều hoạt động nhằm nắm chánh quyền vì lúc này Pháp đã bị Nhật hất cẳng do Đảo-chánh 9-3-45. Việt Nam lúc này như cái nhà vô chủ, ai cũng có quyền giành lấy địa vị chủ nhân miền là người Việt Nam. Việt Minh Cộng-sản do có nhiều thủ đoạn xảo trá đã lừa gạt được các đảng phái và quần chúng. Họ tuyên truyền rằng họ đã kháng Nhật, đuổi Pháp, đứng trong hàng ngũ Đồng Minh và nay được Đồng Minh ủng hộ để nắm chánh quyền. Từ Bắc vào Nam họ đã khéo léo lôi cuốn hay dọa dẫm khiến các đoàn thể phải gia nhập vào Mặt trận của họ và cũng ngay lúc đó họ thẳng tay đàn áp những tổ chức hay cá nhân nào không tán thành các hoạt động của họ.

Tại Saigon họ lập xong Ủy ban nhân dân lâm thời Nam-bộ xong thì họ tập hợp tất cả các đảng phái đứng trong Mặt trận quốc gia liên hiệp như Cao Đài, Hòa Hảo, Thanh niên tiên phong, Tân dân chủ, Việt Nam quốc gia độc lập đảng, Việt Nam duy nhất đảng,

Bình Xuyên, Quốc dân đảng, Việt Nam thanh niên ái quốc đoàn, Đông Dương dân quốc liên đoàn v.v., đề bàn các vấn đề cứu quốc bởi đã có nhiều triệu chúng thực dân Pháp sửa soạn trở lại Đông Dương. Anh em bên Quốc gia đã biết những người lãnh tụ Việt Minh là Cộng-sản đệ tam và đã có nhiều sự nghi ngờ. Bấy giờ Trần Văn Giàu là chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời Nam bộ đề ý nhiều nhất đến nhóm Đệ tứ tức nhóm Tranh đấu (La lutte) của Tạ thu Thâu, Huỳnh văn Phương, Hồ vĩnh Ký v.v., được giới trí thức ủng hộ nhiều và quần chúng theo cũng đông. Trong các đoàn thể kể trên người ta thấy có Huỳnh phú Sồ bấy giờ cũng nhân danh Phật Giáo Hòa Hảo tham gia hội nghị. Huỳnh công nhiên tỏ thiện cảm với nhóm Tranh đấu và có lẽ ông đã thấy Việt Minh luôn luôn mang Đồng Minh ra đề uy hiếp anh em, ông liền nói thẳng vào mặt Giàu rằng : «... *tôi không phải là một tay bán nước có đủ bằng chứng như ai đâu !...* » lời nói này làm cho Giàu thâm gan tím ruột rồi kèm theo nhiều việc bất đồng về chánh kiến ông đã bị Cộng-sản đệ tam cho rằng giữa Phật giáo Hòa Hảo và nhóm Tạ thu Thâu có sự liên kết bí mật, đó là một trở ngại và một nguy cơ đáng sợ nhất là Hòa Hảo có nhiều tin đồn ở các tỉnh miền Tây. Hòa Hảo lại có một số vũ khí của Nhật trao cho để lập Bảo-an-đoàn trong lúc Việt Minh chỉ có dao, gậy và một số súng « *mút* » (mousqueton) ít giá trị. Câu nói của thầy Huỳnh phú Sồ như tổ cáo Giàu là tên phản quốc nay xét ra không phải vô bằng cứ. Nguyên sau khi Nhật lật đổ Pháp Huỳnh văn Phương bấy giờ là luật sư ở Saigon được Nhật giao cho Ty Công-an trước đây do Pháp nắm giữ. Phương liền cho lục các hồ sơ của các nhân vật chánh trị dưới thời Pháp để thủ tiêu đi thì bắt gặp được nhiều giấy tờ của Trần Văn Giàu liên lạc với Ty Công-an Pháp trước đó. Phương liền cất riêng hồ sơ này để sau này có khi cần sẽ dùng đến để chứng minh. Khi ấy có 4 người được Phương cho hay vụ này đã đại mồm kể cái bí mật này ra nên khi Giàu lên làm chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời Nam-bộ Giàu liền ra lệnh ngầm hạ sát họ trước tiên. Vậy lời của Huỳnh phú Sồ, đã làm cho Giàu giật mình và có thể chính Phương cũng đã cho ông biết.

Rồi sau ngày 2-9-45 Việt Minh ra mắt bà con ở Bắc cũng như ở Nam, bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ chí Minh dứt tiếng ở vườn hoa Ba Đình thì ở đâu Cộng-sản cũng áp dụng chánh sách bạo tàn đối với các đảng phái quốc gia. Tại Nam Bộ tuy phe quốc gia không có sự thỏa hiệp với Việt Minh nhưng cũng không có những hành động phá hoại. Ngày 8-9-45 ở Tây Đô (Cần Thơ) tín đồ Phật giáo Hòa Hảo làm biểu tình đề biếu dương lực lượng và ủng hộ chánh phủ Việt Nam cùng yêu cầu võ trang quân chúng thì Việt Minh phao vu cho họ gây loạn, đem Vệ binh Cộng hòa xuống bắn chết nhiều người và giam các tín đồ Hòa Hảo chật ních cả khám đường Cần Thơ. Ngày 10-9- Trần văn Giàu ra lệnh vây xét trụ sở *Việt Nam vận động hội* và nhà Huỳnh giáo chủ ở đường Miche (Mạc đĩnh Chi). Huỳnh trốn thoát chỉ có Lương trọng Tường là bí thư bị bắt với một mớ khí giới. Sau biến cố này Trần văn Giàu giải tán Phật giáo Hòa Hảo.

Chưa hết ! Ngoài Hòa Hảo bị đàn áp, các phe đối lập khác cũng lần lượt rơi vào tay Việt Minh vì thế đêm 12 rạng ngày 13-9, Lý huê Vinh mang lính Công-an đến Xóm Thơm (Gò Vấp) bắt Vũ tam Anh chủ tịch Việt Nam dân quân làm cho tình hình rối ren không thể tả được.

Mười hôm sau Đại tướng Douglas Gracey trưởng phái bộ của Đồng Minh lợi dụng cơ hội này buộc quân đội Nhật thiết quân luật tại khắp Saigon, Chợ lớn và cấm các báo chí xuất bản. Sự kiện này càng gây thêm sự bất bình cho mọi người Việt Nam. Ủy ban nhân dân Nam-bộ do Bác sĩ Phạm ngọc Thạch cầm đầu đến đình « *Đồng-Minh* » điều đình chẳng được kết quả gì thì lại có việc sung công trụ sở của U.B.N D.N.B là đình Gia Long nữa. (Sau đó Ủy ban phải dọn ra Tòa Đô Sảnh một cách nhục nhã). Lại một lần nữa Việt Minh thương thuyết với Đồng Minh thất bại và bị khinh khi, không khí căng thẳng quá cỡ Ủy ban nhân dân Nam-bộ phải rút về Chợ Đệm. Ngày 22-9 quân đội Pháp đến chiếm các cơ quan trung ương trong thành phố Saigon. Dân chúng mất hết tin tưởng ở nơi V.M. nên kể từ ngày 23-9 Dân quân tự động thành lập ở khắp nơi từ nội thành ra ngoại thành đề chống quân xâm lược.

Tình thế nghiêm trọng như vậy mà Việt Minh vẫn không có một phản ứng gì còn các đảng phái quốc gia sợ dân chúng mất tinh thần nên ngày 24-9-45 nhóm họp tại đường Marins (Đường Khánh Chợ-Lớn) để thành lập một chính phủ quốc dân lâm thời Việt Nam do Dương Văn Giáo lãnh đạo. Đến việc này thì Việt Minh cấp tốc ra tay. Trần Văn Giàu liền lên án Dương Văn Giáo lập chính phủ để thương thuyết với Pháp nên ra lệnh thủ tiêu, đồng thời các báo của Cộng Sản như Kèn gọi lính, Cứu quốc đã tung ra danh sách các « Việt gian » trong đó có Bùi Quang Chiêu, Trần Quang Vinh, Hồ Văn Ngà. Bác sĩ Louis Bui, Vũ Tam Anh, Bác sĩ Trần Văn Đỗ, Tạ Thu Thâu Huỳnh Văn Phương v.v...

Riêng Huỳnh Phú Sổ thì số phận đã được quyết định trong đầu của Trần Văn Giàu ngay từ phiên đại hội cải tổ Ủy ban nhân dân cách mạng (Ủy ban này mấy lần đổi tên trong những ngày đầu). Trần Văn Giàu đại diện cho đám người duy vật, Huỳnh Phú Sổ đại diện cho đám người duy tâm, mâu thuẫn giữa đôi bên như nước với lửa, đã thế mà Huỳnh lại còn tố cáo Giàu là kẻ có chứng tích phản quốc tại Hội nghị thì đôi bên đã đứng vào cái thế chằng đọt trời chung rồi. Cũng lúc ấy Giàu nhận được một điện văn tối khẩn cho hay Cần Thơ đang chuẩn bị sáng mai biểu tình (8-9-45). Điện văn còn cho hay biểu tình sẽ do tin đồn Hòa Hảo gây ra và có mục đích chiếm Cần Thơ.

Trần Văn Giàu coi bức điện văn này tái mặt lại rồi đứng dậy liền và bước ra khỏi phòng họp. Hình như Huỳnh Phú Sổ nhìn thấy Giàu đổi sắc mặt trong khi coi điện văn cũng đoán biết việc gì sẽ xảy ra nên cũng lập tức ra về cùng với Lương Trọng Tường.

Vì đại hội bấy giờ đang có đủ mặt lãnh tụ các đảng phái ở đình Gia Long, Giàu không chặn bắt ngay Huỳnh Phú Sổ nhưng nhân viên của Giàu đã chạy ngay tới đường Miche dò xét rồi về báo cho Giàu biết để mở cuộc bao vây. Như trên đã nói, khi lính đột nhập vào văn phòng của Huỳnh Phú Sổ thì không thấy Giáo-chủ Hòa Hảo đâu cả.

Đề đánh lạc dư luận và trấn tĩnh lòng người, Việt Minh ra thông cáo cho hay do cuộc vấy xét tư thất của Huỳnh phú Sò, nhà chức trách đã tịch thu được nhiều cờ Pháp và nhiều vật kỳ lạ dùng vào việc gây mê tín trong nhân dân. Sự thực thì tại văn phòng của họ Huỳnh chẳng có gì hết nhưng Việt Minh đã áp dụng câu phương ngôn Tây « muốn giết chó phải bảo là nó điên — *Quand on veut abattre un chien on l'accuse de rage.* » Sau này muốn hạ uy thế Việt Nam quốc dân đảng tại Hà Nội, Việt Minh cũng dùng lối này và bày ra vụ « Ôn như hầu. »

Sáng ngày 8 tháng 9 tại Cần Thơ các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đã biểu tình tiến về châu thành. Cuộc biểu tình khá đông đảo, nghĩa là có hàng ngàn người dự. Các nhân viên hành chánh của Việt Minh yêu cầu họ giải tán nhưng họ vẫn ào vào tỉnh lỵ.

Việt Minh nổi súng.

Lúc đầu họ bắn chỉ thiên. Thấy súng bắn mà không ai bị thương hết, đoàn người đang có nhiều mê tín reo lên :

— Có Đức Thầy che chở, anh em ơi, súng bắn không lủng đầu mà sợ !

Đó là một sự khiêu khích đối với Việt Minh, họ hô :

— Nếu không giải tán lần này bắn thiệt đa !

Đoàn biểu tình vẫn tiến và vẫn có vẻ nhạo Việt Minh. Súng nổ, lần này Việt Minh không bắn chỉ thiên nữa. Rồi nhiều người đã ngã chết, nhiều người bị thương oằn oại trên những vũng máu đầy đường. Những kẻ khác xô nhau mà chạy nhào cả xuống sông xuống rạch. Sự hoảng hốt tràn ngập cái rừng người đang vừa có nhiều hào khí. Sau đó Việt Minh cho bắt các người cầm đầu đám biểu tình là thi sĩ Việt Châu (Nguyễn văn Thiệp) Huỳnh công Mậu và con trai Trần văn Soái. Một tòa án nhân dân được lập ra tức thì và vài hôm sau ba người này bị đem ra xử bắn ngay tại sân banh Cần Thơ. Dư luận cho rằng vai trò chính trong vụ biểu tình này là Trần văn Soái (tức

Năm Lửa) và Hai Ngoán (tức Lâm thành Nguyên) nhưng cả hai đều tâu thoát được. Hai người này là hai nhân vật quan trọng của Phật Giáo Hòa Hảo bấy giờ.

Hậu quả của vụ đàn áp biểu tình đẫm máu trên đây và vụ hành quyết ba cán bộ cao cấp của Hòa Hảo có thể nói rằng rất tai hại về chính trị trên phương diện đoàn kết dân tộc vì cái khối đoàn kết toàn dân Việt Minh vừa tích cực xây dựng chưa được bao nhiêu, hành động này đã làm sứt mẻ lớn lao trông thấy và cũng từ đó cho đến ngày nay mối thù của Hòa Hảo đối với Cộng-sản có thể không bao giờ tiêu tan được. Một con sông máu, một núi xương cao đã chặn con đường đi lại giữa hai bên rồi. Hòn đất ném đi hòn chì ném lại, cuộc trả thù của Hòa Hảo sau này dựa vào thế lực của quân đội viễn xâm Pháp cũng rất là khủng khiếp. Và chỉ ít tháng sau mà thôi khi bóng cờ tam tài phát phới ở miền Hậu Giang thì Năm Lửa và 2.000 đàn em ngày 15-3-1947 ra hàng Pháp, được Pháp hoan hỉ tiếp đón. Xin nhắc rằng từ cuối tháng 9-1945 quân Pháp đổ bộ lên lãnh thổ miền Nam liên tiếp và đều hòa, Việt Minh tổ chức còn sơ sài nên đã bị tan rã dần ở nhiều nơi. Những người chỉ huy của họ bỏ chạy cả vào bưng, dẫu mình trong dân chúng, đó là dịp Hòa Hảo đã mở những cuộc tàn sát kinh thiên động địa tại các tỉnh Cần Thơ, Long Xuyên, Sa Đéc, Châu Đốc đề báo thù. Trong cuốn « *Visages et images du Sud Việt Nam* » Savani viết rằng : « Quân đội Pháp trở lại miền Tây Nam Việt vào cuối năm 1945. Sự trở lại này đã giúp cho các tín đồ của ông Đạo Khùng (Huỳnh phú Sô) thoát khỏi sự đàn áp của Việt Minh và cũng nhân dịp này Hòa Hảo được trả thù những kẻ đã nhúng tay vào máu của họ.

« Hòa Hảo đã nhắm mắt tàn sát và cuộc tàn sát này được tổ chức đàng hoàng nên càng khủng khiếp khiến Bộ Tổng chỉ huy Pháp phải can thiệp. Trong vấn đề này người ta thấy Hòa Hảo như không còn một ý thức nào nữa... »

Còn ông Huỳnh phú Sô, Ủy viên đặc biệt của Ủy ban nhân dân Nam Bộ sau đêm có Hội nghị cải tổ Ủy ban đi đâu ? Việt Minh hết cho

lùng bắt lại cho giầy triệu mời mà họ Huỳnh vẫn biệt tăm. Sau này người ta mới biết họ Huỳnh ẩn nấp tại Đức Hòa (Chợ Lớn) nhưng một hôm bí mật trở lại miền Tây thì bị Việt Minh bắt được. Ông bị cầm tù ít lâu rồi cũng bị tòa án nhân dân xử tử hình. Ông bị hành quyết tại làng Bình Thành, tỉnh Long Xuyên ngày 18-2-1947. Một số người khác nói Huỳnh giáo chủ chết tại làng Mỹ Ngãi (Cao Lãnh) thuộc tỉnh Sa Đéc năm 1947 nhưng không rõ ngày. Còn Savani ghi rằng giáo chủ Huỳnh bị giết vào cuối tháng 4-1947.(1) Tuy ngày giờ và nơi hành quyết khác nhau nhưng chắc chắn là Huỳnh đã chết và chết do bàn tay của bọn Trần văn Giàu. Vụ biểu tình đẫm máu ở Cần Thơ người đi được ngót một năm thì nay cái chết của ông lại làm nổi nhiều làn sóng căm phẫn trong đám tín đồ Hòa Hảo rồi cuộc tàn sát đối phương (V.M) diễn ra rất ghê gớm vào cuối 1946 qua 1947 khi hung tin này bay đến miền Tây.

Từ giai đoạn này Năm Lửa dựa vào quân đội Pháp để chinh bị hàng ngũ, lấy Cái Vồn làm Tổng Hành Dinh sau khi ký kết qui thuận Pháp vào ngày 18-5-1947. Pháp nhận cho Năm Lửa và các tín đồ Hòa Hảo quyền tự do tín ngưỡng và quyền sử dụng mọi phương tiện cần thiết để tự vệ. Năm Lửa tuân theo Luật pháp hiện hành, hợp tác chặt chẽ với Bộ Tư Lệnh Pháp và các nhà cầm quyền hiện hữu, đường lối chánh trị chung là chống Việt Minh Cộng-sản.

Sau ngót 10 năm làm chúa tề ở mấy tỉnh Hậu Giang nhóm Hòa Hảo Trần văn Soái vào cuối 1955 cũng chống nhau với chánh phủ Ngô đình Diệm, được Việt Cộng và thực dân Pháp ngầm giúp nhưng vẫn thua và Trần văn Soái phải ra hàng vào ngày 11-2-1956.

(Tham khảo Nhật Báo Lẽ Sống tháng 6-1955)

LỰC LƯỢNG BÌNH XUYỀN

Trước năm 1945 khi nói đến Bình Xuyên người ta chỉ biết đây là một đảng cướp mạnh, có tổ chức đã nổi danh nhất tại miền Nam

(1) Có tài liệu nói Huỳnh giáo chủ bị giết ở Đốc Vàng tỉnh Long Xuyên.

đã dựng sào huyết sát Đô thành Saigon, Chợ-lớn (bên kia cầu chữ Y) ra tới miền Rừng Sắt.

Thủ lãnh của đảng cướp Bình Xuyên là Ba Dương, Mười Trí và Bảy Viễn, nhưng sau này ngôi sao của Bảy Viễn sáng chói hơn cả.

Bảy Viễn là con người thế nào ?

Bảy Viễn tức Lê văn Viễn xuất thân là một tên đao búa từng đứng bến xe đò thuở đó ngót 30 tuổi. Y có đức tính đặc biệt gan dạ và hào phóng. Nhiều lần bị bắt, Bảy Viễn vẫn vượt được ngục, trở về với anh em đề hoành hành như cũ. Có thời kỳ Bảy Viễn cướp của nhà giàu chia cho dân nghèo nên nổi tiếng rồi nhiều kẻ giang hồ hảo hán đã cảm phục kéo đến xin làm đàn em rất đông. Y đã nói được một câu rất hay :

— « Tôi đã sớm đứng ngoài vòng luật pháp của thực dân, nuôi chí ngang tàng, trên đầu chẳng biết có ai, dám sống chết với anh em, lấy nghĩa khí đề đo giá trị của con người.»

Một thời những nhà giàu có thường phải nộp tiền cho Bình Xuyên theo ý muốn của họ nếu không muốn Bình Xuyên đến viếng nhà đề « ăn hàng » còn tai hại gấp bội mà còn nguy đến tính mạng chủ nhân nữa. Các thương gia có tiếng đa số là Huê Kiều Chợ Lớn rất sợ Bình Xuyên và thường phải chịu mọi mệnh lệnh của Bình Xuyên. Những nhà có gái đẹp thường cũng không dám chống lại Bảy Viễn. Bằng việc tống tiền, cướp của Bình Xuyên kiếm được rất nhiều tiền bạc và bao dung đàn em rất đầy đủ, đảng cướp này vừa được người ta sợ và cũng được người ta nể nữa. Dầu sao Bình Xuyên vẫn là đám người vô học, một bọn lục lâm, bị đặt ra ngoài vòng pháp luật không phải là vô lý.

Tới khi có tiếng súng nổ của Kháng chiến Nam Bộ Bảy Viễn và đồng bọn đã gia nhập quân đội của Nguyễn Bình viên Tổng chỉ huy của Việt Minh tại miền Nam, lập được nhiều công tác đặc biệt rồi được cử làm Khu trưởng khu 7. Đáng kể nhất trong sự nghiệp của Bình Xuyên là những việc phá phách binh đội hay các cơ cấu của thực dân Pháp tại Đô thành thuở đó mà Cộng Sản gọi là « đặc

công » hay những vụ ám sát những kẻ làm tay sai cho đối phương hoặc những người đối lập với Cộng-sản. Nhưng cuộc tình duyên của Bình Xuyên với Việt Minh không lâu dài vì như trên đã nói, Bình Xuyên gồm những phần tử quen sống bên lề xã hội thì làm sao nhất đán khếp mình vào được một thứ kỷ luật nào nhất là kỷ luật của Cộng-sản, một đoàn thể chánh trị rất độc tài và ít chú trọng đến tình cảm. Những vụ lạm dụng tiền bạc, hãm hiếp đàn bà con gái mà Hoàng Thọ, « Năm Nhỏ » đàn em thân tín của Bảy Viễn là điển hình từ Saigon ra ngoài các vùng lân cận đã làm cho đồng bào các giới rất cộng phẫn. Về phần Bảy Viễn và một số thủ túc như Tư Hiền, Chín F.M, Mười Lực v.v... quen dọc ngang trời đất, không từng biết luật pháp là gì cũng thấy mình không thể ăn bóng lâu dài dưới trướng của Nguyễn Bình. Rút cục sau một cuộc họp mặt tại đại-bản-doanh của Tổng tư lệnh quân đội kháng chiến Nam Bộ Nguyễn Bình, Bảy Viễn đã phải cùng 200 đồng bọn thân tín mở một con đường máu chạy về sào huyệt cũ (Bình Xuyên từ Chợ Lớn, chạy ra miệt Rừng Sát); Rồi qua trung gian của Savany, nhân viên phòng nhì Pháp, Bảy Viễn kéo 800 tàn quân, ngày 13-6-1948 ra hợp tác với Pháp. Như thế, chỉ sau 15 tháng đi theo kháng chiến ở vùng bưng biền, Bình Xuyên đã về hàng Pháp và được Pháp vũ trang đầy đủ đề hùng cứ bên kia cầu chữ Y. Bảy Viễn được đóng lon Đại-tá, được giao phó việc chống hoạt động khủng bố của Việt Minh ở Saigon - Chợ-lớn. Từ giai đoạn này trở đi những cán bộ công tác nội thành của Nguyễn Bình bị Bảy Viễn và đàn em thanh toán toi bời. Chỉ trong vòng 3 tuần lễ, những con kinh, rạch chung quanh vùng Saigon Chợ-lớn trôi đầy xác đặc công, cán bộ Việt Minh Cộng Sản.

Nhưng để nuôi một đạo quân vài ngàn người đủ làm hàng rào cho thực dân tại một địa phương thì sự tốn phí không phải là ít, vì lẽ này thực dân Pháp đã dung túng cho Bình Xuyên làm hết mọi chuyện đề có tiền chi dụng.

Chính nhờ vào sự dùm bọc của quan thầy Pháp, Bảy Viễn đã ngang nhiên cho ném lựu đạn vào giữa sông bài *Đại Thế-Giới* ở

Chợ Lớn và bắt cóc người Tàu Macao chủ sông, giành lấy độc quyền khai thác hoàn toàn sông bạc quốc tế này. Bình Xuyên phát triển nguồn lợi kinh tài bằng cách mở thêm một sông bài lớn khác nữa, sông *Kim Chung* ở Saigon, thiết lập khu nhà chứa gái mãi dâm Vườn Lài, chiếm độc quyền mua bán á phiện, mở thêm rất nhiều vũ trường, lò sát sinh Chánh Hưng, Công ty vận tải Nghĩa Hiệp, lấy thuế các bến xe đò...

Với cách làm tiền ấy, không bao lâu Bảy Viễn đã trở thành một tỷ phú, là thân chủ chính yếu của *Ngân Hàng Đông Dương*.

Hai sông bạc, mỗi ngày, riêng số tiền thuế nộp cho Ngân Khố trực thu của Pháp đã trên nửa triệu, ấy là chưa kể đến số tiền biếu xén cho các nhân vật hữu quyền Pháp, Việt có đến bạc triệu. Tiền bạc như nước tràn đầy, là những bao tải chõng chất trên những chuyến xe đặc biệt hàng ngày chở đến tư dinh Bảy Viễn.

Bằng cách này, thủ lãnh Bình Xuyên Bảy Viễn đã bành trướng thế lực mau chóng, tuyên mộ thêm quân, mở rộng ảnh hưởng khắp nơi.

Bảy Viễn nhẩy lên chức Thiếu tướng, nghiêm nhiên thành một nhân vật quan trọng thời đó thường có mặt trong các buổi tiếp tân long trọng chính thức ở Saigon.

Con người dao búa mới ngày nào nay bắt đầu thoát xác, học đòi xử thế lối trưởng giả, tập tành làm khách phong nhã hòa hoa, nói tiếng Pháp, dự tranh cuộc đua xe hơi du lịch với chiếc Jaguar tối tân và tuyệt đẹp đặt mua từ Pháp, giao thiệp rộng rãi với các giới chính khách, ký giả trong và ngoài nước, sắm biệt thự tại Chợ Lớn, Saigon, biệt thự nghỉ mát ở Vũng Tàu, Đà Lạt, sắm du thuyền lộng lẫy như các tay tỉ phú lừng lẫy quốc tế, giải trí bằng các cuộc săn bắn ác thú, nuôi cá sấu, beo, cộp ngay trong nhà.

Rồi từ đó các quân sư của Viễn đã vạch cho anh con đường tiến về chính trị trong khi miền Nam còn sặc mùi phong kiến và thực dân. Chúng tôi muốn nói đến thịnh thời của De Latour, Chanson,

Bảo Đại, Trần văn Hữu, Nguyễn văn Tâm... trong khoảng 1950-1955 Nay bỏ qua cái quá khứ của Bảy Viễn mà ta thấy có vài điểm đáng khen trước khi về thành, còn nếu xét nét các hoạt động của Bảy Viễn khi đã khoác cái áo hàng thần với bọn De Latour trở đi thì cuộc đời Bảy Viễn đã chỉ viết những trang sử không mấy tốt đẹp. Thực ra đồng bào cũng muốn những kẻ xuất thân nơi cơm rau áo vải như Bảy Viễn làm được một sự nghiệp gì cho xứ sở như bao nhiêu anh hùng của dân tộc đã có trong lịch sử nước nhà vấn đề này chúng ta không hề có thành kiến gì xấu đối với những người mà nguồn gốc là nơi hang cùng ngõ hẻm, nước đọng bùn lầy nhưng Bảy Viễn và đồng bọn tiếc thay chỉ là những kẻ glang hồ tầm thường, không có hoài bão lớn theo chánh nghĩa mà chỉ có những cuồng vọng xấu xa, ích kỷ nên rút cục « mèo lại hoàn mèo ».

Mặc dù Bình Xuyên đã được một số người tên tuổi như Trần văn Ân, Hồ hữu Tường cộng tác, lực lượng của Bảy Viễn cũng không làm được việc gì khả dĩ giúp ích cho dân chúng và gây cảm tình với mọi người.

Trong giai đoạn Nam Kỳ quốc được thành lập (1950) Bảo Đại về nước đóng đô tại Cao Nguyên Ban-mê-Thuột (Đà Lạt) đã có kẻ mách kế cho Tư lệnh Bình Xuyên mang tiền bạc trợ cấp ngầm cho ông vua thứ 13 của Nguyễn triều bao giờ cũng thiếu tiền ăn chơi đàn diêm. Thuở đó không ai sẵn tiền bằng Bảy Viễn và có thể nói hàng tháng Bảy Viễn gửi bạc triệu cho Bảo Đại dùng do đó ngày 16-9-9-1954 thực dân Pháp trả quyền Tư pháp và Công an cho Việt Nam cùng bãi bỏ các Tòa án hỗn hợp thì Bảy Viễn vốn được «Ngài ngự» qui mến cách riêng được phó thác ngay ngành Cảnh sát Công an toàn quốc. Thủ tướng trong giai đoạn này là Bửu Lộc không ngăn cản nổi Bảo Đại trong quyết định của ông còn quốc dân ai nghe nói đến Bình Xuyên được điều khiển C.S.C.A cũng phải thở dài, nhất là những nhân viên của đoàn thể chuyên môn này vốn từ trước tới nay là tử thù của những anh hùng bên kia cầu chữ Y. Lấy được ngành Cảnh sát Công an, Bảy Viễn trao cho hai cố vấn thân tín nhất

của mình, là Lai hữu Sang và Lai hữu Tài người Minh hương, đề chúng khai thác hầu khuếch trương thế lực và tài chánh cho Bình Xuyên. Có người đã nói rằng Bảy Viễn đã hối lộ cho Bảo Đại tới 80 triệu đồng để giành lấy cái ghế Tổng Giám đốc C.S.C.A. Sứ đồ Bảy Viễn không phải chỉ có thế. Anh ta còn muốn lợi dụng thế lực của thực dân Pháp và của bọn phong kiến đang suy tàn, đứng đầu là Bảo Đại để bước lên cái ngai Thủ tướng của miền Nam nữa. Tới khi ông Ngô đình Diệm về nước (1954) lập xong chánh phủ kêu gọi các đảng phái quốc gia hợp sức lại xây nền thống nhất cho xứ này nhằm đối phó với Cộng-sản mà bước đầu tiên là phải quốc gia hóa quân đội của các đảng phái hay giáo phái, Lê văn Viễn đã vùng dậy chống Ngô đình Diệm. Chỉ trong vòng một tuần lễ Bảy Viễn và quân đội Bình Xuyên đã bại trận rồi tiêu tan sự nghiệp tại Rừng Sát vào tháng sau. Tới phút chót y cùng anh em Tài, Sang đã được quan thầy thực dân cứu thoát và bí mật đưa qua Pháp. Đoàn thể võ trang Bình Xuyên từ đó không còn là một ám ảnh rùng rợn trong đầu óc người dân Saigon Chợ-lớn nữa và Bảy Viễn ngày nay ở bên kia trời Ba Lê hẳn cũng đã thấy tiêu tan giấc mộng công hầu.

THANH NIÊN TIỀN PHONG

Năm 1940 Pháp bại trận và đầu hàng Đức quốc xã. Một chánh phủ bù nhìn ra chào đời do Thống chế Pétain cầm đầu. Những người Pháp ái quốc không tán thành chánh phủ Pétain đã bỏ theo tướng De Gaulle đi kháng chiến hoặc nếu ở lại nước thì cũng bất cộng tác với chánh phủ được lập ra do bàn tay của người Nhật nhĩ Man.

Dầu muốn dầu không Pétain và đồng bọn phải có một lực lượng đề ủng hộ chế độ của mình nên đã tích cực tuyên truyền cho mọi chánh sách của Vichy (1), đồng thời thần thánh hóa lãnh tụ của họ nhằm thu hút quần chúng. Bề khác họ cố gắng xây dựng một lớp thanh niên mới, nhờ số đám trẻ tuổi này, gây cho họ một niềm tin tưởng ngổ hầu

thành một công cụ chánh trị đặc lực về tương lai. Đám thanh niên Pháp thuở đó hàng ngày phải hát bài «*Maréchal, nous voilà !*» như đọc kinh nhật tụng ở khắp các nơi công cộng và các học đường Pháp.

Năm 1940, Đề đốc Decoux, Tư lệnh Hải quân Pháp ở Thái bình Dương, lên thay tướng Catroux làm toàn quyền Đông dương cũng thi hành thủ đoạn chính trị này với đám thanh niên Việt Nam của chúng ta. Với thực dân, đó là một việc quan trọng không thể đừng được bởi trên bán đảo này đã có hiện tượng bốn phương rạo rục, và ở Nam kỳ cũng như ở Bắc kỳ Pháp đã phải thẳng tay đàn áp nhiều vụ nổi dậy. Bằng có là trong giai đoạn nguy quyền của mình ở vào thế bấp bênh, theo lệnh quan thầy, Đề đốc phủ sứ Nguyễn văn Tâm bấy giờ là chủ quận Cai Lậy (Mỹ Tho) đã bắt một số thanh niên cách mạng dùng giấy kẽm lớn xoắn vào lòng bàn tay, chớ không dùng còng: Tàn ác hơn nữa là Thống đốc Nam kỳ cũng vào thuở đó tên là Rivoal cho nhốt một nhóm «phiến loạn» xuống hầm một chiếc xà lan đem ra cửa sông Nhà Bè phơi nắng, bỏ đói, bỏ khát rồi nhận chìm xuống nước cho chết. Cũng nhíp với các hành động vô nhân đạo và tối dã man này, thực dân ra lệnh tại các trường tiểu học Việt Nam, học sinh của ta cũng phải mỗi buổi sáng tập họp trước sân cờ hát bài «*Maréchal, nous voilà !*» như các học sinh Pháp và các thầy phải ra công giảng giải các lời của Pétain phán truyền in trên bích chương dán khắp các vách tường và các nơi công cộng (*Le maréchal a dit...*) đề đề cao uy danh của mẫu quốc.

Với những thanh niên ngoài 20 tuổi, Decoux mở ra các phong trào Thanh niên thể dục, thể thao trên toàn quốc. Cầm đầu các phong trào này là Đại tá Duceroy. Rồi các môn bơi lội, chạy nhảy, túc cầu, bóng nước (Water polo), bóng giổ, đua xe đạp xuyên Việt v.v... được cổ võ, khuyến khích nhiệt liệt. Một trường huấn luyện cán bộ Thanh

(1) Chánh phủ Pétain bấy giờ lập ở Vichy dưới sự bảo trợ của quân đội Hitler.

niên được thiết lập ở Phan Thiết để đào tạo cán bộ cho các ngành thể dục thể thao ở các tỉnh, quận, huyện khắp nước.

Vào việc, nhờ có chủ trương này của ngụy quyền thực dân, nhiều tổ chức thanh niên được công khai hóa một cách bất ngờ. Trước đó, tại Nam kỳ chỉ có tổ chức « Thanh niên của Đế quốc Pháp » J.E.F (*Jeunesse de l'Empire Français*) là được hoạt động đảng hoàng. Còn về phía Việt Nam chỉ có những tổ chức thanh niên bí mật mà thôi, tỉ dụ : Thanh niên nghĩa dũng đoàn, Thanh niên ái quốc đoàn, Tiên phong cảm tử đoàn (1) có ý đồ chánh trị nhưng còn nằm trong bóng tối, nghĩa là hoạt động bất hợp pháp.

Bên cạnh các đoàn thể thanh niên được công nhận chính thức còn một tổ chức nữa mà thực dân dù muốn hay không cũng phải cho ra đời, đó là tổ chức Thanh niên phòng thủ thụ động (trên giấy tờ đề là *Défense passive* viết tắt DP).

Nguyên nhân : bấy giờ hàng ngày máy bay của Đồng minh lờn vờn trên không phận Việt Nam từ Bắc vào Nam nhằm phá các cơ cấu quân sự của Nhật và mọi hoạt động của họ trên các trục giao thông. Thanh niên của các gia đình, các xóm, các khu bắt kẻ giai cấp đều được phối hợp vào các công tác duy trì an ninh, trật tự, cấp cứu, tản thương trong những khi xảy ra những vụ oanh tạc. Những thanh niên của tổ chức P.T.T.Đ (*Défense passive*) không ăn lương hay được lãnh một trợ cấp nào hết.

Cứ 11 nhà thành một « *ilot* » (tạm coi là một Tò) trong có một Tò trưởng (*chef d'ilot*). Nhiều « *ilot* » thành một khu (*Secteur*). Hệ thống này đi sâu xuống tới Quận và Thị xã.

Khi đi phục vụ, mỗi thanh niên đeo một cái băng tay tam tài có thêu chữ D.F và mang một cái còi (tu hít) để báo động.

(1) Phần đông thanh niên của các đoàn thể này đều có mặt ở Tổng hội thanh niên thể dục, thể thao bấy giờ.

Mỗi buổi sáng nhân viên D.F phải ra công trường học tập, việc khiêng người, công người, băng bó vết thương, cột giầy, mở giầy, leo tường, trèo thang như các nhân viên cứu hỏa. Ngoài ra họ cũng được tập các môn thể dục phổ thông do các phần tử công chức, cảnh sát, công an hay các giáo chức đã được rèn luyện ở trường Thanh niên thể dục thể thao Phan Thiết trở về.

Khi tập tành xong (tập từ 6 giờ sáng), họ phải tụ thành hàng ngũ trước khi giải tán về nhà dùng bữa điểm tâm. Hàng ngày, họ phải đoàn ngũ chỉnh tề làm lễ chào cờ, ngoài bãi tập, người chỉ huy đứng ngoài hàng rồi ra lệnh hát bài đồng ca dưới đây :

«Anh em ta nắm tay cùng nhau ta tiến
 «Nhìn chân trời xa xăm ta cất bước lên.
 «Mưa nắng ta không nao,
 «Lòng ta đây cố bền
 «Ta đi giúp nước.
 «Hy sinh tất thân thanh niên!
 «Cùng là cùng nhau tiến
 «Ca là ca vang lên.
 «Ta vui xông pha,
 «Vì ta muốn có danh với núi sông nhà
 «Người dòng Lạc Hồng.
 «Đồng một lòng,
 «Ta đi nhanh lên, ca vang lên!

Bài ca này không rõ có phải của Lưu hữu Phước hay không nhưng ta thấy nó được soạn theo điệu quân hành, lời ý mạnh mẽ, kêu gọi được tinh thần ái quốc có ảnh hưởng nhiều đến tâm tư của toàn dân nhất là của nam nữ thanh niên lúc nào cũng sẵn lòng vùng lên chống quân thống trị.

Ngày 9-3-1945 quân đội Nhật lật đổ nguy quyền Pháp trên toàn cõi Đông dương thì sau đó ít tuần Thanh niên tiên phong ra đời. Có thể nói rằng Thanh niên tiên phong sau các tổ chức Thanh niên thể dục

thê thao, Thanh niên P. T. T. Đ là tổ chức thứ nhất được sinh hoạt công khai trong thời Nhật thuộc và đã ngấm kết nạp được nhiều người trẻ tuổi có đầu óc cách mạng. Nó thoát thai một phần lớn ở Tổng hội Thanh niên thê thao Nam kỳ tuy được Pháp thực dân tạo ra nhưng tới giờ phút đó còn phải e dè nhiều lắm.

Tới khi thực dân Pháp bị đẩy lui vào hậu trường chánh trị thì báo chí Saigon đã loan tin các đoàn thê Thanh niên thê dục thê thao thời Ducoroy đã giải, thê dè vùng vẫy dần ra ngoài biển rộng trời cao và dễ thích hợp với nhu cầu của lịch sử qua những lời dưới đây :

«Xét vì Tổng hội Thanh niên thê thao Nam kỳ đã vì tình thế mà phế bỏ việc làm khiến các tổ chức thê thao thanh niên rời rã, nên ngày 20-3-45, Ủy ban thanh niên Tổng hội cấp tốc lập thành đảng qui tụ anh em đứng dậy kết đoàn đề ứng dụng trong cơn quốc gia hữu sự...»

Căn cứ vào lời của báo chí kê trên tuy thực dân Pháp có đề ra phong trào Thanh niên thê dục thê thao hầu ru ngủ thanh niên Việt Nam theo kế hoạch chánh trị của họ nhưng phong trào này chỉ có vẻ hoạt động sốt sắng bề ngoài mà thôi.

Trên chánh trường Đông dương, bọn Pháp ngã gục, bọn Phát xít Nhật dĩ nhiên cũng không chịu dè Thanh niên VN đứng ngoài vòng thao túng của chúng cũng như chúng đã sắp xếp nhân sự ở xứ này theo một chương trình đã có sự nghiên cứu từ lâu.

Chúng hạ bộ Ducoroy là Tổng ủy viên Thanh niên thê dục thê thao của Pháp xong thì đặt luôn viên Lãnh sự Jida của chúng ở Saigon vào chức vụ này với tính cách kiêm nhiệm.

Jida đã đưa ra những lời hiệu triệu dưới đây :

«Hỡi các bạn thanh niên Việt Nam !

«Cũng vì thanh niên xao lãng võ công, miệt mài tửu sắc nên hai đế quốc La, Hy trước đây đã bị tiêu diệt. Thanh niên Pháp trong những năm qua cũng đã đi theo vết xe đổ mà nước Pháp phải bại trận v.v...»

«... Người Pháp đã ra đi ngày hôm nay đã để lại tại Đông dương «một di sản tai hại...»

«... Ngày nay bốn chức ra đảm đương cuộc xây dựng một nền thể «thao mới hầu tạo nên một thể hệ thanh niên mới theo đúng ý nghĩa «và nhiệm vụ của nó.

... Bốn chức mong Thanh niên Việt Nam có một thân thể mạnh «khỏe, một tinh thần cường tráng để trở nên những chiến sĩ dũng mãnh «sẵn sàng đứng lên theo tiếng gọi của nước Việt Nam sau 9-3-45 đã «bước vào kỷ nguyên độc lập.

«... Vận mạng và tương lai của Việt Nam được tươi sáng hay không «đều tùy ở nơi Thanh niên Việt Nam cả.»

Do lời hiệu triệu này tổ chức Thanh niên tiên phong được khai sinh vào tháng 4-1945 và đặt trụ sở ở số 14 đường Charner (Saigòn).

Về tổ chức, Thanh niên tiên phong không khác các hội, các đoàn là bao nhiêu. Cơ quan đầu não hay chỉ huy gồm 20 người gọi là Ban quản trị Dưới ban này có các Tiểu ban xã hội, tuyên truyền, huấn luyện, tài chánh, y tế và phụ nữ.

Người chỉ huy cao nhất gọi là anh Thủ lãnh rồi tới các Tráng trưởng, Thiếu trưởng. Các đoàn viên từ 20 tuổi trở lên là tráng niên, từ 13 đến 19 gọi là thiếu niên. Mỗi Tráng trưởng hay Thiếu trưởng chỉ huy một toán đa số là 130 người.

Trụ sở Trung ương thiết lập ở Thủ đô Saigon rồi tổ chức được mở rộng đi các miền Lục tỉnh, các Hộ, các quận Cảnh sát, các quận Hành chánh, các Làng.

Gia nhập Thanh niên tiên phong, người đoàn viên phải tuyên thệ 5 điều :

- 1º/ Sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc.
- 2º/ Là người của danh dự.
- 3º/ Hào hiệp đối với mọi người.

40/ Triệt đề tôn trọng kỷ luật.

50/ Trong sạch về mọi phương diện.

Các đoàn viên phải mặc đồng phục là sơ mi ngắn tay trắng, quần sọc xanh, đen, đội nón rơm vành rộng, đi dép, đeo phù hiệu ngọn đuốc đang bốc cháy ghi tắt mấy chữ T.N.T.P. Gặp nhau phải chào bằng cách đưa bàn tay trái xòe 5 ngón khít lại, đề ngang vai, đứng thẳng người, mặt nghiêm chỉnh.

Bài ca của Đoàn là bài «*Tiếng gọi thanh niên*», tác giả là Lưu Hữu Phước, xin chép nguyên văn như sau :

«*Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi.*

«*Đồng lòng cùng đi, đi mở đường khai lối.*

«*Vì non sông nước xưa,*

«*Truyền muôn năm chóe quên.*

«*Nào anh em Bắc Nam cùng nhau ta kết đoàn,*

«*Hồn thanh niên như gương trong sáng.*

«*Đừng tiếc máu nóng trời cho sống,*

«*Thời khó, thế khó, khó làm yếu ta.*

«*Dù muôn chông gai vững lòng chỉ xá!*

«*Đường mới kíp phóng mắt nhìn xa bốn phương,*

Tung cánh hồn thiếu niên ai đó can trường

«*Thanh niên ơi! ta quyết đi đến cùng!*

«*Thanh niên ơi! ta nguyện đem hết lòng!*

Tiến lên cùng tiến, về vang đời sống,

chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng.»

Nếu Thanh niên tiên phong chỉ làm những công tác xã hội trong thời loạn ly và chỉ là một sự tranh đua giữa những người quốc gia (Đảng Việt Nam quốc gia độc lập) và Cộng sản đệ tam mà không có tai hại gì cho xứ sở thì không có gì đáng cho ta phiền trách. Nhưng rồi đây ta thấy phát sinh nhiều biến cố lớn lao làm cho tình hình chánh trị miền Nam vào tháng 8-1945 rất là rối ren, gây nên bao nhiêu nỗi cơ cực cho nhân dân vì những xung đột đảng phái.

Nay hãy hỏi Thanh Niên Tiền Phong vì đâu mà có ?

AI đánh rơi nó nên thảm bại ?

AI giành được nó để chiến thắng ?

Xét nguyên ủy thực dân Pháp như trên đã nói sợ thanh niên Việt Nam bị các nhà cách mạng lôi cuốn vào vòng tranh đấu trong thời chánh phủ Pétain là thời nước Pháp bị Đức đô hộ nên đã bày ra các môn thể thao để mê hoặc thanh niên cho họ lãng quên nhiệm vụ cứu quốc. Đến khi Pháp mất quyền ở Đông dương, Nhật Bản cũng đi vào sách lược của Pháp rồi Ducoroy được thay thế bằng Jida và qua những lời hiệu triệu trên đây của viên tân Tổng ủy viên Thanh niên và thể dục ở Đông dương, ta cũng thấy Nhật đưa ra nhiều lời đường mật để cám dỗ thanh niên biết rằng thanh niên Việt Nam lúc nào cũng rất yêu nước. Jida nói: *«Sau ngày 9-3 trên con đường độc lập, nước Việt Nam đã đi được một bước khá dài. Nhưng muốn sớm thực hiện và được hoàn toàn độc lập, dân Việt Nam cần phải nỗ lực làm việc nhiều thêm, phải đảm nhận một phần quan trọng trong công cuộc xây đắp nền độc lập, một nhiệm vụ thật nặng nề nhưng cũng là danh dự lớn cho tuổi trẻ. Vậy tương lai của nước Việt Nam được rực rỡ hay không cũng do Thanh niên cả».*

Bấy giờ ở Nam bộ đoàn thể có tiếng tăm và có nhiều hoạt động hơn cả là Tổng hội thanh niên thể thao Việt Nam do Kha vạng Cán làm Hội trưởng, Nguyễn Văn Thủ, Phạm Ngọc Thạch, Thái Văn Lung v.v... là các phụ tá đang điều khiển Tổng hội. Sau 9-3-1945 Nhật đã liên lạc với Tổng hội nhờ kêu gọi quần chúng rồi để nắm lấy Thanh Niên Việt Nam, Nhật cũng mượn tay bọn Phạm Ngọc Thạch, Phong trào Thanh Niên Tiền Phong ra đời. Mặc dầu phong trào do các lãnh tụ thể thao xây dựng nhưng trong giai đoạn này phong trào không nhằm xúc tiến các môn thể thao, thể dục (bơi, lội, chạy, nhảy, đá banh, quần vợt, đua xe đạp v.v...) mà để phụ họa vào các cuộc vận động chánh trị của con cháu Thiên hoàng trên dãy đất này. Tổng hội thú nhận bấy lâu có kém tích cực trong nhiệm vụ diu dắt Thanh Niên nay yêu cầu anh em trở lại để *«theo đuổi mục đích giúp dân cứu nước»*. Người ta hiểu đã có gì đổi mới. Người đặt tên Thanh Niên Tiền Phong cho

phong trào mới này là Nguyễn Vĩnh Thạnh từng ra mắt dân chúng tại sân Vườn Ông Thượng sau ngày 9-3. Ông tự xưng là Thủ lĩnh Cận vệ quân và Nội ứng nghĩa binh, tức lực lượng Cao Đài đã hợp tác với Nhật trong đêm 9-3 để lật đổ chính quyền Pháp.

Nguyễn Vĩnh Thạnh là người có công lập ra phong trào nhưng sau này Việt Minh xích hóa được Thanh Niên Tiền Phong thì Nguyễn bị Cộng sản thủ tiêu trong năm 1947. Cờ vàng sao đỏ rớt xuống để nhường chỗ cho cờ đỏ sao vàng. Sự đời đáng nào nùng là thế!

Phạm Ngọc Thạch là ai?

Ông là một Bác sĩ có chân trong Việt Nam quốc gia độc lập được đảng đưa ra cùng với Diệp Ba để giao tiếp với Jida nhằm xúc tiến phong trào Thanh Niên. Nhưng sự thực Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và Diệp Ba bấy giờ đã là người của Cộng sản nằm vùng trong hàng ngũ quốc gia mà các ông quốc gia không biết. Cộng sản để tam đột nhập vào các đảng quốc gia rất dễ dàng bởi con người quốc gia rất khờ khạo hoặc rất cầu thả trong vấn đề lựa chọn nhân sự. Rồi ta sẽ thấy kết quả của cái khờ khạo ấy đưa lại cho những người quốc gia những gì.

Đề biết phong trào Thanh Niên Tiền Phong có được nhân dân ủng hộ hay không, Jida đã cho tổ chức một tiệc trà tại trụ sở của Tổng hội (14 Đại lộ Charner), đây cũng là nơi khai sinh ra T.N.T.P. Trong dịp này họ mời các nhân vật tai to mặt lớn, các ký giả, các trí thức của Đô thành Saigon đến dự.

Buổi tiệc trà thâu được kết quả mỹ mãn và kể từ ngày 21-4-1945 nhóm trí thức có mặt trong buổi tiếp tân được mời nghiên cứu chương trình tổ chức. Người ta lập ra một ủy ban gồm 20 hội viên trong đó có :

- Kha Vạn Cân, Hội trưởng,
- Phạm Ngọc Thạch, Tổng thư ký,
- Nguyễn Văn Thủ, Thủ lĩnh thề thao,
- Thái Văn Lung (Luật sư) Thủ lĩnh Thanh niên, còn 16 người khác chia nhau phụ trách các ban xã hội, tuyên truyền, tài chánh, phụ

nữ, huấn luyện. Một nhận xét: Tại 14 Đại lộ Charner giờ đây có hai đoàn thể: một đoàn về thể thao thì nay hầu không có hoạt động. Một đoàn là Thanh Niên Tiền Phong phát triển mạnh từ thành về đến các tỉnh, thị, thôn ấp. Đâu đâu cũng có câu bộ và tổ chức Thanh Niên như trên đã nói.

Thanh Niên Tiền Phong đã tuyên thệ hết mình phụng sự Tổ quốc, đoàn kết thành một khối duy nhất, một lực lượng hùng cường để giúp nước khi cần đến. Sau đó phong trào đưa ra những lời hiệu triệu rất hăng hái, hùng mạnh và cũng rất tha thiết.

Tỉ dụ:

«Các bạn chỉ có một đảng cấp: *Đảng cấp của Thanh Niên.*

«Các bạn chỉ có một nhiệm vụ: *Nhiệm vụ của Thanh Niên.*

«Các bạn chỉ có một mục đích: *Giải phóng Dân tộc.*

«Hãy rèn đúc lấy một tinh thần mới, hoàn toàn mới.

«Không khuất phục trước một tư tưởng cổ truyền nào, luôn luôn tìm hiểu để vượt lên cao.

«Xã hội đang chờ chúng ta với biết bao nhu cầu bức thiết chưa được nêu ra ánh sáng, quyền lợi, địa vị, công bằng v...»

Hưởng ứng với lời hiệu triệu kể trên, thanh niên khắp nơi đứng lên ghi tên rất đông tại trụ sở. Bắt tay vào việc Thanh Niên Tiền Phong tổ chức việc tải gạo ra Bắc cứu đói bằng xe lửa và ghe bầu. Việc này hình như không thành công do máy bay Mỹ oanh tạc các trục giao thông thủy bộ quá ngặt. Tại Saigon Thanh niên xung phong dọn gạch ở các nhà bị bom, bị cháy, bị sập nhất là trong vụ oanh tạc ngày 12 tháng 6-45. Thanh niên đã đào, bới, khuôn vác, lao động suốt ngày đêm dưới trời mưa rơi tầm tã. Nhờ có các công tác xã hội thì hành rất tận tâm Thanh niên được cảm mến của mọi giới đồng bào rất nhiều hưởng hồ họ lại không đòi hỏi cơm nước hay thù lao gì hết. Cũng trong dịp này ban tuyên truyền làm phận sự riêng của họ. Không những họ đi cổ động cho phong trào thanh niên, họ còn diễn thuyết về những đoạn lịch sử

oai hùng của dân tộc xưa kia trong công cuộc tranh thủ tự do, độc lập tại các rạp hát, rạp chiếu bóng.

Ban tuyên truyền còn giảng dạy các cán bộ về các môn chánh trị, vệ sinh, phòng thủ, tự vệ... và dĩ nhiên họ còn rỉ tai đồng bào về những bí mật liên hệ đến thời cuộc.

Trong năm 1945 người dân thủ đô miền Nam đã ghi trong tâm khảm nhiều việc đã làm cho họ vô cùng xúc động và không bao giờ quên: 1) Ngày Hưng quốc khánh niệm 11-6, một bàn thờ Tổ quốc được đặt ra giữa trời. Ba chị em Trung—Nam—Bắc mỗi người ôm một bó hoa đứng hàng trước. Một bức lụa dài và trắng kết chặt và dính vào nhau để tượng trưng cho tinh thần thống nhất Bắc-Nam. Đồng bào ai cũng hiểu ý nghĩa của buổi lễ đã rơi lụy vì nhớ lại cái khổ nhục ruột thịt lìa tan do dã tâm của Đế quốc trong 80 năm qua.

2) Sau ngày mùng 9-3-1945 trên bãi cỏ xanh tại vườn Ông Thượng có một cuộc tập trung đông đảo các chánh trị gia các đảng phái và quần chúng miền Nam qui tụ lại làm lễ cảm tạ quân đội Nhật đã giải phóng dân tộc ta.

3) Thanh Niên và các đoàn thể, thể dục, thể thao mừng ngày Đại Đông Á. Cuộc họp này cũng có mục đích kích thích thanh niên đang bị nôn nao về nhiều biến chuyển của thời cuộc do thực dân Pháp đã ra đi và ánh sáng của độc lập đã hé mở ít nhiều đường xa chân trời (lúc này Nhật vẫn còn nắm giữ quyền hành tuy đã tuyên bố trả độc lập cho Việt Nam).

4) Ngày 1-7-1945 Thanh Niên Tiên Phong làm lễ tuyên thệ cũng tại Vườn Ông Thượng. Dân chúng tới 50.000 người tề tựu rất có trật tự ở đây. Lễ tuyên thệ gồm có :

A) Chào quốc kỳ Việt-Nam mới và hát bài Thanh Niên hành khúc.

B) Diễn văn của Bác sĩ Phạm ngọc Thạch đại diện cho ban quản trị thể thao và Thanh Niên.

C) Diễn văn của Jida Tổng ủy-viên thề thao, thề dục.

D) Lễ tuyên thệ của các Huynh trưởng Kha vạng Cân, Nguyễn Văn Thủ, Kiều công Cung v.v...

Đ). Cuộc diễn hành của đoàn Thanh Niên.

Người ta nhìn lá cờ mới bay phất phới trước gió, nghe bài ca Thanh Niên hành khúc, nhìn Thanh Niên đi biểu diễn, ai ai cũng cảm động rớt nước mắt, vì nỗi vui chan chứa trong lòng. Riêng thanh niên, họ cảm thấy đã tìm ra được ý nghĩa của cuộc sống và tràn trề hy vọng đưa xứ sở đến con đường độc lập vinh quang.

Mỗi tiếng phèng la nổi vang lên, viên thủ lãnh dõng dạc thề :
 « Tôi luôn luôn sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc ! Tôi luôn luôn tôn trọng danh dự của Thanh Niên Tiên Phong ! Thủ lãnh hô trước, toàn thể thanh niên chân quỳ, tay giơ lên, miệng như hét :

— Chúng tôi thề !...

Tiếp theo tổ chức bên nam giới phụ nữ miền Nam do bà Bác sĩ Hồ Vĩnh Ký đứng đầu cũng lập đoàn Phụ nữ tiên phong vào hạ tuần tháng 7 năm ấy. Phụ nữ được huấn luyện nhiều nhất về việc săn sóc các bệnh nhân, băng bó các người bị thương tích và một số công tác xã hội.

Ngày 19-8, hàng ngàn Phụ nữ tiên phong cũng tụ tập ở sân vận động Saigon làm lễ tuyên thệ : *Hy sinh cho Tổ quốc* Còn nhớ hôm đó không may thời tiết xấu, mưa đổ xuống như trút nước. Các phụ nữ có người thuộc loại thiên kim tiều thụ không quen nắng gió lạnh run với bộ quần áo ướt mà vẫn không bỏ hàng. Nhưng có lẽ lòng họ không lạnh vì ngọn lửa ái quốc đang bốc cháy trong tâm can.

Phong trào T.N.T.P ra mắt ngày 21 tháng 4 đến 19-8, vốn vẹn bốn tháng mà đã qui tụ được tới 40.000 thanh niên và phụ nữ. Suốt thời kỳ hoạt động, Thanh Niên và Phụ Nữ Tiên Phong tiến phát mạnh nhưng vào giai đoạn Saigon tản cư (23-9-1945) cũng có gặp phải một số trở ngại ở nơi một vài tên quan lại thấy phong trào lên

mạnh tướng có ảnh hưởng bất lợi cho họ hoặc do vài kẻ không hiểu ý nghĩa của phong trào đã xuyên tạc mục đích của T.N.T.P làm khó dễ đủ cách (tại Cần Thơ, Sa Đéc, Biên Hòa, Bà Rịa, Mỹ Tho, Tân An) nhưng tính ra Thanh Niên cũng đã gây được nhiều thành tích tốt đẹp :

- Mở các lớp truyền bá quốc ngữ.
- Cung cấp thuốc men cho anh em làm xấu ở Thủ Dầu Một.
- Lập trại lao động cho những người làm xấu không có nhà cửa.
- Cứu sống 174 người bị bệnh thien thời ở Tân An.
- Lập trại giáo nhi ở Rạch Giá.
- Lập viện dưỡng lão, một số Hợp tác xã.
- Giữ an ninh trật tự khắp nơi v.v...

Trong những ngày sửa soạn việc nắm chánh quyền tại Nam-bộ (tháng 8-45) Trần văn Giàu và các đồng chí cũng lưu tâm đến Thanh Niên. Rồi Cộng-sản lập được *Thanh Niên cứu quốc đoàn* và nhờ khéo vận động chỉ trong một thời gian ngắn ngửi đoàn thể này của Cộng-sản được giới trẻ tuổi Thủ đô và các vùng lân cận Saigon tham gia đông đảo nên số lượng còn dồi dào hơn Thanh Niên Tiền Phong nữa. Có điều dễ dàng cho Cộng-sản là về tổ chức đôi bên cũng không khác nhau duy Cộng-sản không đòi thanh niên phải mặc đồng phục miễn quần áo gọn gàng, sạch sẽ. Xét ra đòi thanh niên lao động ăn mặc sơ-mi, quần soóc (*short*) đồ mới, vải đắt tiền họ không theo được vì thế đến khi Cộng-sản bãi bỏ điều kiện này họ đã được nhiều người nhập đoàn.

Việt Minh cũng không quên lợi dụng phụ nữ.

Họ tổ chức liền với Thanh Niên cứu quốc đoàn tập thể các phụ nữ gọi là *Phụ nữ cứu quốc*, dĩ nhiên trai hay gái cũng là những phần tử hữu dụng hết đề hoạt động chánh trị cho họ. Phải nhận rằng hai đoàn thể này đã được kích động mạnh nên có nhiều hứng khởi.

Trong khi học tập chánh trị, thể thao và làm công tác xã hội đề liên lạc mật thiết với quần chúng Phụ nữ cứu quốc cũng có bài hát rập theo bài « *Tiếng gọi Thanh Niên* » dĩ nhiên có thay đổi ít nhiều về ý nhưng vẫn giữ nguyên nhạc điệu. Nay xin chép ra đoạn đầu :

- « Nay chị em ơi ! Quốc gia đến ngày giải phóng,
- « Là quần thoa, ta ta sá gì thân sống !
- « Ngày xưa Trưng nữ vương liều thân với non sông,
- « Ngày nay ta cũng đem lòng son cho giống giòng,
- « Tề gia khi nam nhi chinh chiến,
- « Là giúp đất nước ngày nguy biến...

Vào đầu tháng 9-1945 chánh tình miền Nam rất căng thẳng giữa ta và thực dân Pháp và giữa các người quốc gia với Cộng-sản rồi nhiều việc bất ngờ đã xảy ra. Cộng-sản đệ tam đã phình gạc được nhân dân và khuất phục được các đoàn thể miền Nam đứng ra lập chánh quyền.

Họ tuyên truyền đã đứng trong hàng ngũ chiến đấu của Đồng Minh, đánh Nhật đuổi Pháp ở chiến trường ngoài Bắc tại các vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, lập được nhiều chiến công vĩ đại... Tại Đông Dương họ là đoàn thể cách mạng duy nhất được Anh Nga, Mỹ, Tàu ủng hộ... hiện có ba vạn Hồng quân Trung-hoa tại Hoa Nam sẵn sàng bảo vệ nền Độc lập của Việt Nam nếu có nạn ngoại xâm. Họ còn loan một tin có tính cách thời sự nữa là « *Đại tướng De Gaulle gửi điện tin cho người Pháp ở Đông Dương nói rằng rất tiếc không thể gửi một vị Toàn quyền qua như đã hứa vì một chánh đảng Việt Nam đã được sự công nhận của Đồng Minh và chiến hạm Richelieu phải ngừng tại Ceylan...* » (nguyên văn đã in trên các báo Saigon bấy giờ).

Với các đảng phái quốc gia Trần văn Giàu đã thuyết phục bằng đủ giọng mềm, cứng, lại còn hăm dọa nữa. Họ nói anh em bên phía quốc gia thân Nhật, giao thiệp với Nhật rất nhiều, đó là điều không thể chối cãi được. Như vậy nay mai phái bộ của Đồng Minh tới

Salgon, có thể nào phải bỏ nói chuyện với anh em quốc gia được, anh em đi với Nhật, vậy là kẻ địch của họ và họ coi anh em là bọn bán nước cho Nhật rồi... Để tránh những sự phiền phức cho việc tranh thủ độc lập và cho cả sự an ninh riêng của các anh em, anh em nên đề cho bên Cộng-sản ra mắt quốc dân và Đồng Minh, còn sau này mọi sự êm ả việc nước là việc chung mọi người đều được san sẻ địa vị và trách nhiệm.

Các đảng phái quốc gia bấy giờ đã lập xong Mặt trận quốc gia thống nhất có mặc cảm tội lỗi (*vì thân Nhật*) lại cũng tưởng Việt Minh có nhiều thế lực hay có liên lạc thật với Đồng Minh nên rất phân vân và vào giờ phút cuối cùng nhiều đoàn thể đang bị khủng hoảng tinh thần thì Thanh Niên Tiền Phong là đoàn thể đông đảo nhất của phe quốc gia ngã theo Việt Minh. Trên 40.000 Thanh Niên Tiền Phong chạy qua hàng ngũ Cộng-sản tức là trên 40 chục ngàn gia đình có cảm tình với họ, cộng với số thanh niên cứu quốc đoàn Cộng Sản nắm sẵn trong tay thì riêng với lực lượng trẻ tuổi này Cộng-sản đã có một sức mạnh đáng kể. Ngoài ra trong các đảng phái quốc gia chỉ có Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên có quân đội nhưng cũng vô ích. Mặt trận quốc gia thống nhất lúc này chỉ có xác mà không có hồn, rất ngớ ngàng trước các trò phù thủy của Cộng-sản nên tuy đông mà chẳng khác đàn gà phải cáo. Vì lẽ này khi Cộng-sản giật được đoàn thể Thanh Niên Tiền Phong, quần chúng lại say mê hai chữ Độc lập Cộng-sản khéo tung ra rất thích thời thì quả các người quốc gia chỉ còn nước ôm đầu mà chạy cũng không xong.

Một nguyên nhân khác đã đẩy T.N.T.P qua tay Cộng-sản như trên đã nói trong mấy lãnh tụ của Phong trào có Phạm ngọc Thạch Diệp-Ba đã là cán bộ nằm vùng từ lâu của họ trong tập thể này đó là chưa kể vào giờ phút Việt Minh sắp ra nắm chánh quyền (trước ngày 2-9-47) Hồ văn Ngà một yếu nhân của Phong trào và là một lãnh tụ quan trọng của mặt trận đã bị lừa dối « nên buông hết cho Việt Minh » (*theo Nguyễn Kỳ Nam — Hồi ký «1925-1964» trang 75.* Rồi kết quả thế nào ta đã thấy : Thanh Niên T.P từ đó thành công

cụ của Cộng-sản, gây thêm thanh thế cho những người của phe Đệ Tam, Việt Minh nắm được chánh quyền, những người quốc gia bại trận và bị hạ sát dần (1).

« Xưa kia ngọc ở tay ta

« Vì ta lo đếnh ngọc qua tay người.

Cái bị kịch của thời đại, của người quốc gia năm 1945 là như vậy và chắc chắn vẫn chưa hết

Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu và nhóm Tranh Đấu

Đó là hai bộ mặt chiến sĩ một thời đã rất nổi danh kể từ 1924 đến 1945 và tới ngày nay còn để lại nhiều kỷ niệm tốt đẹp trong tâm khảm của đồng bào toàn quốc nói chung, đồng bào miền Nam nói riêng.

Đồng bào đã mến phục các ông ở hai điểm trí thức và cách mạng. Quả vậy hai ông thuộc giới tân học đầu tiên qua Pháp du học và đã qua trình độ đại học ở Ba-Lê. Trong thuở đó nhiều anh em xuất dương chỉ mong giết được mảnh bằng cao cấp của Pháp để về nước gây dựng sự nghiệp vinh thân phì gia thì Nguyễn An Ninh và Tạ thu Thâu lại gắn bó với những tư tưởng khác người. Càng được trông thấy sự tiến bộ của nước người dưới ánh sáng của tự do, càng thấy hạnh phúc của người dân chỉ có thể có được với chế độ độc lập và dân chủ hai ông đã chuyên chú vào các vấn đề học hỏi chánh trị nhiều hơn với hy vọng một ngày kia trở về nước cứu dân cứu nước đang bị đọa đầy dưới chế độ thuộc địa của Pháp.

1) Các lãnh tụ của Mặt trận quốc gia thống nhất bị thủ tiêu sau ngày 2-9-1945 là : Bác sĩ Hồ vĩnh Ký bị giết tại Dĩ An (Biên Hòa), Huỳnh văn Phương tại Tân An, Phan văn Hùm, Phan văn Chánh tại Sông Mao (Phan Thiết) Tạ thu Thâu ở Quảng-Ngãi, Huỳnh phú Sở ở Long-Xuyên v.v...

Nguyễn an Ninh là con của nhà cách mạng Nguyễn an Khương người đã chủ trương « *Chiêu Nam lâu* » là trụ sở của phong trào *Duy Tân*, phong trào này nhằm nâng cao dân trí đề lo giải phóng đất nước song song với phong trào Đông Kinh nghĩa thực khi đó đang phát động mạnh ở ngoài Bắc. (1907).

Trong khi còn ở Pháp ông chịu ảnh hưởng của một lãnh tụ chánh trị có tiếng tăm là Rappeport và của của nhóm *Libertaire*. Ông cũng thường gần gũi cụ Phan Tây Hồ như một vài du học sinh hữu tâm của nước nhà trên đất Pháp bấy giờ đáng kể hơn cả là Nguyễn thế Truyền.

Năm 1925 ông cùng về xứ với cụ Tây Hồ.

Lúc này miền Nam đang chống đối kịch liệt với thực dân vì nạn độc quyền khai thác các ngành công kỹ nghệ và thương mại của các tay tư bản Pháp và đòi thực hiện các quyền tự do dân chủ.

Một thời ông ở Quán Tre là quê nhà và cụ Tây Hồ cũng đến ở đây với ông. Hai nhà cách mạng, một già một trẻ thường được đồng bào xa gần mộ tiếng đến thăm viếng vừa do lòng trọng vọng hai ông là những người học rộng hiểu nhiều lại có nhiều nhiệt tình đối với quốc gia. Một số công chức miền Đức Hòa (Chợ-lớn), Vĩnh Kim (Mỹ Tho), Cao Lãnh (Sadec) cũng tìm tới hỏi han về các vấn đề chánh trị hoặc đề giải bày các điều oan ức. Điều này phản ảnh tâm sự của các tầng lớp nhân dân đã đặt nhiều kỳ vọng nơi những nhà trí thức hay cách mạng ở xa về, những người họ ngưỡng mộ từ lâu vì được biết tiếng có nhiều tình cảm với quê hương. Và càng tiếp xúc với đồng bào Nguyễn an Ninh càng thấy chế độ thực dân tàn ác nên càng hăng hái đấu tranh. Rồi ông thường lên Saigon gặp gỡ các bạn hữu cũ nhất là anh em viết báo đang hoạt động ở thủ đô vốn mến chuộng ông do đã được đọc nhiều bài ông phổ biến trên báo chí tiến bộ ở Pháp trước đó.

Các giới giáo sư (các trường tư) các ký giả nhiều phen đề nghị với ông đăng đàn diễn thuyết đề ra mắt bà con Sài-thành. Trong

những người này có ông Đào trinh Nhất là nhà báo kỳ cựu ở miền Nam và giáo sư Nguyễn văn Bá. Ông nhận lo việc này với cụ Tây Hồ còn ông chỉ theo cụ đề tá trợ. Cuộc diễn thuyết đầu tiên được tổ chức tại một tiệm rượu ở góc đường Đinh tiên Hoàng — Phan đình Phùng ngày nay. Mấy ngàn người đã chen vai thích cánh đến nghe. Cụ Tây Hồ trình bày về «*Luận lý và đạo đức Đông Tây*». Trong đó cụ đã nhắc đến những sự thoái hóa của chế độ vua quan và nêu ra những sự khoáng đạt của văn minh Tây phương đã tôn trọng quyền lợi và giá trị của người dân. Trong cuộc tiếp xúc với đồng bào nhất là lần đầu, cụ Phan cùng ông Nguyễn có ý thận trọng nên không đề cập đến các vấn đề chánh trị đương thời. Tuy vậy Thống đốc Cognac cũng vẫn lo ngại nên đã cho Cò Bardaye đem lính đến bao vây và khiêu khích nhằm phá rối trật tự. Nhưng buổi diễn thuyết vẫn được thành công và không có gì đáng tiếc xảy ra.

Ít lâu sau đồng bào khu Chợ cũ cũng đến mời ông Đào trinh Nhất tổ chức một buổi diễn thuyết như ở Dakao để ông Nguyễn lên nói chuyện ở vùng mình giáo sư Bá đến xin phép các nhà chức trách nhưng dĩ nhiên họ không chấp nhận.

Hoạt động hợp pháp không được, người chiến sĩ của chúng ta không chịu ngừng bước, hướng hồ vào năm 1925 đất nước này trải nhiều biến cố chánh trị liên tiếp : cụ Phan sào Nam bị bắt về nước, đồng bào các lớp sôi nổi phản đối Pháp và đòi thả cụ Phan ; cuộc tiếp đón Bùi quang Chiêu ở Pháp về đã biến thành cuộc biểu tình đề hưởng ứng với những ý kiến của họ Bùi nói lên trong buổi diễn thuyết trên đất Pháp. Lý do : thực dân cả vú lấp miệng em. Sau bài diễn thuyết của Bùi ở Ba Lê, bọn Tây thuộc địa ở Nam Kỳ lên tiếng trên báo chí rằng dân Nam Kỳ đang sống một thuở « *âu ca, thái bình* » và chẳng đòi hỏi gì như Bùi đã nói. Đây là luận điệu của De Lachevrotière, một bộ mặt thực dân ai cũng biết.

Nguyễn quân bước sang địa hạt bất hợp pháp sau khi thấy thực dân cố tình áp dụng chế độ khóa miệng người dân bản xứ. Một bề ông phát hành tờ « *La cloche fêlée* » đả kích thực dân đã bóc lột các

quyền lợi của dân tộc Việt Nam lại còn tước đoạt cả mọi tự do dân chủ. Cũng trong năm 1925 ông họp mít tinh tại Xóm Lách đường Công Lý có tới 3000 đồng bào đến dự. Ông kêu gọi thực dân đã gây nhiều nỗi thống khổ cho dân tộc ta và đưa ra đề nghị đòi chính phủ thuộc địa phải thay đổi chính sách.

Ông bị bắt liền với Jean de la Batle quản lý của báo và cả Lâm Hiệp Châu là chủ nhiệm tờ *Jeune Annam*. Sự đàn áp này càng phần kích quần chúng. Năm ấy còn có vụ Thống đốc Cognac ra lệnh trục xuất ông Trương Cao Động về Trung Kỳ vì Ông Trương cũng là một trí thức chống Pháp thuở đó. Cognac còn « *thọc gậy vào bánh xe* » trong một vài việc cải cách của Toàn quyền Varenne xét ra cần thiết để xoa dịu sự bất bình của nhân dân Việt Nam.

Phong trào càng ngày càng bốc cao do sự phát triển của đảng *Thanh Niên* và một vài đoàn thể khác tới 1930 như không dứt. Thực dân Pháp nhận thấy ở Nguyễn An Ninh, một phần tử không thể đội trời chung nên sau mấy lần bắt bớ glam cầm không làm tê liệt được tinh thần chiến sĩ kiên cố như sắt đá của ông đã đẩy ông ra Côn Đảo rồi ông chết ở đó vì không thể kéo dài cuộc sống với một chế độ lao tù vô cùng tàn ác và vô nhân đạo của thực dân Pháp.



Tạ thu Thân sanh ngày 6-5-1906 ở xã Tân Bình, quận Lấp Vò, tỉnh Long Xuyên (An Giang) là một làng hẻo lánh, xa chợ, xa Quận. Cha ông làm nghề thợ mộc. Gia đình ông rất bần bách nên khi lên 6 tuổi ông phải chăn gà, chăn vịt, hái rau, mò cá tới ngày.

Cha ông chết vất vả mới xin được một việc làm ở kho Trảng Tiền (Ty Công chánh Long Xuyên) rồi đem cả gia đình lên tỉnh ở. Bấy giờ ông mới có dịp cùng chị cấp sách đi học. Năm ông 11 tuổi thì học xong lớp 3, bà thân mẫu tạ thế. Năm 13 tuổi ông lên lớp nhất đã phải đi dạy tư để kiếm thêm tiền cho gia đình và qua năm sau ông đậu bằng Sơ học. Rồi ông trúng tuyển trong kỳ thi học bằng của trường Trung

học Chasseloup trên Saigon. Ông được vài người bà con hảo tâm thấy ông có chí nên giúp ông trong việc học nhưng vừa chân ướt chân ráo lên đất Đô thành thì gia đình ông gặp một biến cố: Cha ông bị mất việc do một sự bất hòa với sỡ. Từ đó ông phải vừa đi học vừa dạy học để nuôi sống gia đình. Bốn năm sau ông giạt được cả hai mảnh bằng Trung học (Diplôme de fin d'études primaires supérieures và Brevet élémentaire).

Đang có trốn trên con đường học vấn thì gia đình ông lại bị một việc không may khác. Cha ông đau yếu. Ông toan thôi học để đi làm nhưng cha ông không tán thành. Tuy vậy cuối cùng sự việc vẫn đi đến chỗ chẳng đặng đừng. Giữa lúc này một giáo sư Thạc sĩ Pháp là Grandjean mến ông về tài học cũng như hạnh kiểm muốn đưa ông vào dạy một trường cộng lập sau đó vận động cho ông nhập Pháp tịch để tiến xa. Như người khác có lẽ nghe thấy đề nghị này phải mừng lắm và đón nhận vui vẻ, trái lại ông Tạ đã mỉm cười và từ chối. Có lẽ ông đã nghĩ nghèo thì đành nhưng vô «*dân Tây*» là cái nhục, vậy thì chọn cái nghèo vẫn hơn. Nhiều người cho ông là gàn dở.

Rời ra trường Tạ đến dạy học ở trường Nguyễn-xích-Hồng và ngụ ở một căn nhà nhỏ sau Lăng Ông (Bà Chiếu). Từ giai đoạn này trở đi ông đã lưu tâm đến các việc chánh trị. Điều chắc chắn là sự đau khổ của đồng bào của xứ sở và các cuộc tranh đấu xa gần trên đất nước đã có nhiều vang dội vào tâm hồn người trẻ tuổi ấy. Hình ảnh một Nguyễn an Ninh trí thức và anh hùng đã luôn luôn hiện ra trước mắt ông chẳng vậy ông đã treo hình họ Nguyễn rất long trọng lồng trong một khung kính treo giữa nhà như một thần tượng. Báo «*La cloche fêlée*» của ông Nguyễn cũng được ông đọc nghiên ngẫm không sót một dòng cho đến tờ «*Việt Nam hôm*» của ông Nguyễn thế Truyền là thứ quốc cấm bấy giờ ông cũng lần mò kiếm cho bằng được bất kể nguy hiểm. Ngoài ra mỗi khi có các buổi diễn thuyết của ông Nguyễn phan Long hay của Luật sư Morin (là một người Pháp rất chống thực dân thuở đó ở Nam-Kỳ) ông không bao giờ bỏ qua. Đó là những dịp để ông tìm hiểu các vấn đề chánh trị và quốc sự đương thời.

Hiều biết đề hành động, ông đã nghĩ như vậy vì thế tuy bấy giờ ông mới có 20 tuổi ông đã tìm kiếm được một số đồng chí cũng hăng hái yêu nước như ông đề thành lập một đoàn thể chánh trị công khai mang tên là *Jeune Annam*. Mỗi khi ra trước công chúng đề phát động các việc chống đối Pháp đảng viên *Jeune Annam* mang băng màu vàng ở cánh tay. Phải nhận rằng mới 20 tuổi mà Tạ thu Thâu đã lãnh đạo một đoàn thể chánh trị dưới trào cực thịnh của thực dân cũng đáng kể là gan dạ lắm. Một thời đảng *Jeune Annam* có thanh thế không ít. Ông Nguyễn an Ninh đã đặt nhiều tin tưởng ở Tạ thu Thâu rất nhiều.

Năm 1927 ông cho xuất bản tờ *«Le Nhà quê»*. Người đứng tên công khai xuất bản là Nguyễn Khánh Toàn, một sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm ở Hà Nội bị đuổi vì dự vào các cuộc bãi khóa năm 1926. Nguyễn Khánh Toàn vào Saigon tiếp tục hoạt động. Báo *«Le Nhà quê»* bị tịch thu rồi người đứng tên chủ trương bị truy tố.

Thấy chưa làm được việc lớn, ông nghĩ đến việc xuất dương đề học thêm sau khi thu xếp việc gia đình với người chị là Tạ thị Đệ bấy giờ đang làm nữ giáo viên. Hạ tuần tháng 7 năm 1927 ông qua Pháp. Lúc này ông mới 22 tuổi. Ông ghi tên vào học lớp Toán học đại cương ở trường Đại học Sorbonne. Trên đất Pháp lúc này có một số nhà văn xã hội như Félicien, Challaye Luc Durtain, Francis Jourdain, Daniel Guérin. Ông làm quen với các nhân vật này sau lại gặp ông Nguyễn thế Truyền là người đã ở Pháp lâu năm trước khi về nước đã trao cho ông nhiệm vụ lãnh đạo *«Việt Nam độc lập đảng»* (*Parti Annamite de l'indépendance*). Ông hăng hái nhận việc này còn kiêm thêm cả công tác của Hội tiếp đón các du học sinh V.N vừa tới Pháp (*Comité de Réception des étudiants annamites nouvellement arrivés en France*), ý hẳn muốn tìm một ít đồng chí ở đây.

Tư tưởng của họ Tạ hướng về xã hội, về quốc tế chủ nghĩa, chống thực dân, đế quốc. Ông đã đại diện cho Đại hội liên minh phản đế và vào năm 1930 ở Việt Nam thực dân lên án tử hình 13 lãnh tụ Việt Nam quốc dân đảng, ông liền cùng các đồng chí biểu tình đòi ân xá cho các nhà cách mạng rồi bị bắt và bị đưa về xứ cũng trong năm đó.

Người ta nhắc đến cuộc biểu tình của nhóm Tạ thu Thâu được tổ chức rất khôn ngoan như sau : Ông đánh điện đi các tỉnh trên toàn cõi nước Pháp đang có du học sinh Việt Nam yêu cầu gửi người đến Ba Lê tham gia cuộc biểu tình. Trong số đại biểu có Trần quốc Mai là chỉ điểm của thực dân do Marseille gửi đến, Lyon có Nguyễn văn Chí, Bordeaux có Nguyễn anh Bồn ; Toulouse có Nguyễn văn Quang và Trần văn Glàu. Các đại biểu đến hôm trước thì hôm sau cuộc biểu tình được phát động ; cuộc biểu tình được tổ chức cẩn thận như sau :

a) Những phần tử đáng tin cậy nghĩa là không làm tay sai cho địch sẽ họp thành toán, mỗi toán 5 người đến tụ tập ở những tiệm cà phê nhỏ ở chung quanh khu điện Elysée (dinh Tổng thống Pháp) chờ hiệu lệnh. Mỗi toán này làm sẵn một tấm banderolle (tấm kẻ khẩu hiệu) đòi tha bổng 13 liệt sĩ trong vụ khởi nghĩa Yên Bái và các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng. Lã quý Hòa phụ trách ôm máy Camera để quay phim về cuộc biểu tình.

b) Những phần tử lương chừng hay khả nghi đều được mời đến Hội quán A.G.E.I (*Association générale des étudiants indochinois*) tức là Tổng hội sinh viên Đông dương ở đường Gay Lussac. Các đảng viên Cộng Sản cũng được mời đến. Tạ thu Thâu đứng lên nói ý nghĩa của cuộc biểu tình và trưng cầu ý kiến của toàn thể. Ai tán thành tranh đấu để can thiệp cho các nhà ái quốc đang bị án tử hình thì được mời ra khỏi phòng để sang bên kia đường có sẵn taxi thuê trước đang chờ. Ai không đồng ý thì ở lại trụ sở đã có chị Nguyễn thị Hai tiếp chuyện.

Giờ phút này ai nấy phải định đoạt một thái độ. Bọn chỉ điểm và yếu tinh thần bị kẹt cứng ở đây còn những người tán thành cuộc biểu tình đều theo Tạ thu Thâu bước ra ngoài, lên Taxi rồi đổ bộ nơi đầu đường nhỏ trước Elysée. Những người ở trong các tiệm cà phê cũng đã sẵn sàng móc bọc lấy các biểu ngữ giăng ngang đường mà tiến bước. Các taxi theo sau rất đông, xe nào cũng đầy ắp các sinh viên xuất phát từ các tiệm cà phê quanh vùng đã thi hành đúng hiệu lệnh và giờ giấc. Họ vừa xuống đường hô ầm 1 khẩu hiệu. Đáng chú

ý có một sinh viên trường Luật gần đây đã thành một luật sư rất nổi danh là Gérard Rosenthal cũng nhập bọn. Anh ta hò hét mạnh hơn ai hết và lấy làm vinh hạnh tham gia một nghĩa cử. Anh đi ngay dưới tấm biểu ngữ. Lã quý Hòa ra công quay phim.

Cuộc biểu tình này là cả một cuộc bất ngờ.

Xưa nay không đám biểu tình nào lọt được vào địa điểm của điện Elysée. Chánh phủ Pháp không có sự đề phòng gì ở đây nên chỉ đặt cho vài anh lính gác ngoài cổng. Cuộc biểu tình xảy ra, mấy anh lính gác, lúng túng không xoay xỏa vào đâu để phá cuộc biểu tình như giật tấm khẩu hiệu, cướp máy quay phim, giải tán đám đông v.v... Những người đi biểu tình lại quá đông càng làm cho bọn lính mất tinh thần. Rút cục những người biểu tình, tha hồ hoạt động..

Phải nói rằng sau cuộc biểu tình Tạ thu Thâu được vang danh. Tổng giám đốc Cảnh sát của Ba Lê bảy giờ là Chiappe lòng bắt được 19 người (17 bị bắt tại trận còn 2 người bị bắt ở nơi khác là Hồ Văn Ngà, Hội trưởng Tổng hội sinh viên Đông Dương và Phan Văn Chánh) Rồi sau ít ngày thảo luận, chánh phủ Pháp đã ra lệnh trục xuất những người quan trọng trong vụ tổ chức biểu tình. Đầu tháng 6-1930 họ bị đẩy xuống hầm tàu để về đến Việt Nam vào cuối tháng.

Như ta đã biết Nguyễn an Ninh bị trục xuất về nước vào 1925 thì đến lượt Tạ thu Thâu cũng rời Pháp vào 5 năm sau do biện pháp tây độc của thực dân Pháp trên đất Pháp.

Năm 1932 có cuộc bầu cử đại biểu Thượng hội đồng thuộc địa. Tạ thu Thâu lên diễn đàn tại rạp hát Tân Định được đồng bào hoan nghênh nhiệt liệt. Tại hội Trí dục và Đức dục (gọi tắt là Sampic) trụ sở ở đại lộ Gallieni (Trần Hưng Đạo ngày nay) họ Tạ cũng thành công với đề tài « *Biện chứng pháp* ». Đồng bào, nhất là giới trí thức dành nhiều cảm tình cho Tạ từ đó tuy nhiên Tạ vẫn có ý dè dặt vì trước mặt cũng như sau lưng có bọn Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo v.v... là người của Đế tam quốc tế lúc nào cũng muốn vật ngã Tạ.

Năm 1934 đảng Cộng Sản Pháp tham gia chính quyền cử một phái đoàn gồm có Gabriel Péri, Vaillant Couturier và Barthel qua Saigon. Vaillant Couturier là một nhân vật trọng yếu của tờ *L'Humanité* cơ quan chính thức của đảng Cộng Sản Pháp. Nhưng đến Saigon bọn Vaillant Couturier chỉ xưng là ủy ban đại diện thợ thuyền Pháp.

Nhóm Đệ Tam quốc tế có Nguyễn Văn Tạo và các đồng chí ra đón. Người ta ngạc nhiên vì thấy có cả Nguyễn An Ninh ở đây rồi nhóm Đệ tứ cử Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường đến liên lạc với Ủy ban thợ thuyền Pháp. Phái đoàn Cộng Sản diễn thuyết ở rạp Thành Xương và rạp hát Khánh Hội. Sau đó họ đề nghị phát hành một tờ báo Pháp văn làm cơ quan bênh vực cho lao động Việt Nam. Nhưng Cộng Sản Đông dương không đủ khả năng phụ trách. Nguyễn An Ninh liền nói với Vaillant Couturier :

— « Nếu Cộng sản đệ tam và đệ tứ chịu dung dưỡng nhau, đừng bên nào lợi dụng cơ quan vào việc cổ động riêng cho bên mình thì Đệ tứ vui lòng hợp tác... »

Ủy ban thợ thuyền Pháp xét mình bất lực về vấn đề này không còn cách nào phải chấp thuận đề nghị của Nguyễn An Ninh rồi ngày 4 tháng 10-1934 tờ tuần báo « *La lutte* » ra đời.

Năm 1935 có cuộc tuyên cử của Hội đồng thành phố Saigon. Nhóm *La lutte* tức « Mặt trận vô sản thống nhất » ra tranh cử. Mặc dầu Dương Bạch Mai không đủ tài ăn nói đề đối phó với người Pháp trong hội đồng này và tuy sự dư luận phê phán, bọn Tạ Thu Thâu vẫn phải đề Dương đứng chung liên danh ra ứng cử nhằm tránh sự rạn nứt cho « Mặt trận vô sản thống nhất ». Thực ra đủ tư cách tranh đấu với thực dân lúc này chỉ có Tạ, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh là người bên Đệ tứ mà thôi. Trong một lúc thư gửi cho Daniel Guérin (đảng viên của đảng Xã hội Pháp, cách tả) Tạ Thu Thâu đã tâm sự như vậy.

Ngày 3 tháng 3-1936 tại Pháp ba đảng Xã hội, Cấp xã và Cộng

Sản đặc thắng và thành lập Chánh phủ mặt trận Bình dân. Một luồng gió mát thổi qua thuộc địa.

Mỗi ngành hoạt động, mỗi làng mỗi tông, mỗi tỉnh phải tổ chức một « Ủy ban hành động » sau đó Đại hội sẽ tập trung mọi nguyện vọng đưa qua Chánh phủ Mặt trận Bình dân.

Bộ trưởng thuộc địa là Marius Moutet của đảng *Xã hội Quốc tế lao động* (S.F.I.O) ít tháng sau đánh điện cho Toàn quyền Đông dương Pierre Pasquier cho biết chánh phủ Pháp muốn biết các nguyện vọng của các dân tộc Đông dương và muốn thỏa mãn các tầng lớp dân chúng ở thuộc địa hầu bằng việc cải thiện đời sống của họ. Cũng trong dịp này chánh phủ Pháp đại xá cả các chánh trị phạm. Thủ hiến các thuộc địa phải phổ biến ý kiến này cho dân chúng biết về chánh sách xã hội của chánh phủ mới ở nước Pháp. Các nơi thu thập tất cả các nguyện vọng đưa về chánh quốc, một ủy ban điều tra sẽ nghiên cứu thận trọng.

Lệnh này đưa xuống quyền Thống đốc Nam Kỳ bấy giờ là Rivoal rất hoảng hốt. Bọn mặt thám cho ý kiến rằng việc mở rộng chánh sách đối với dân tộc Việt Nam, một dân tộc sẵn tinh thần bất khuất sẽ gây nhiều sự khó khăn về chánh trị. Nhưng Rivoal vẫn phải chấp hành huấn lệnh của Ba Lê. Y cho gọi Đốc phủ Lê quang Liêm, Trần văn Khả .. là hội viên Hội đồng quản hạt cho biết việc này và giao cho họ làm. Lê quang Liêm và các đồng chí trong đảng Lập Hiến đến văn phòng báo « *Việt Nam* » bàn với Nguyễn Phan Long rồi tin tưởng cầu dân ý của chánh phủ Mặt trận bình dân được loan truyền ra ngoài dân chúng. Một cuộc biểu tình được triệu tập ngay trước báo quán. Dân chúng hoan hô hết mình Mặt trận bình dân rồi hoan hô cả Lê quang Liêm, Trần văn Khả.

Mấy ông sung sướng quá bởi xưa nay các ông trong đảng Lập Hiến vốn bị dân chúng nghi ngờ, lạnh nhạt có bao giờ được những sự xúc tiếp vui vẻ với bà con như vậy. Rồi dân chúng yêu cầu thành lập ngay một Ủy ban lâm thời để tổ chức Đông-dương đại hội.

Vì đã được Rivoal cho biết nên Lê quang Liêm, Trần văn Khá chịu ngay. Dân chúng đề nghị thành phần của Ủy ban lâm thời sẽ gồm từ lao động đến tư bản rồi họ bầu luôn : Người được kêu trước nhất là Nguyễn phan Long.

Các ông Lập Hiến tươi cười, kể họ nghe :

— Tạ thu Thâu !

Họ hơi buồn buồn, Kể tới là :

— Lê quang Liêm !

(Theo Nam Đình, Liêm tức Đốc phủ Bẫy đã cướp đất của dân ở Long Xuyên. Chúng tôi nghi dân bầu cả Lê quang Liêm vì y đang có thế lực đề y khỏi phá Đại hội).

Lê quang Liêm nở mày nở mặt.

Sau đó đồng bào gọi đến Phan văn Hùm, Nguyễn văn Tạo, Nguyễn an Ninh (nhóm Tranh đấu) Trần văn Khá, Trương công Thuận, Võ hà Trị là các đảng viên đảng Lập Hiến và hội viên Hội đồng Quản hạt, Luật sư Trình đình Thảo, Bác sĩ Tân, các ký giả Diệp văn Kỳ, Bùi thế Mỹ, Nam Đình...

Bầu xong được tất cả 35 người họp thành Ủy ban lâm thời đề tổ chức « Đông Dương đại hội » Đêm đêm Ủy ban họp tại báo quán « Việt Nam » đề bàn tính công việc rất hăng hái. Việc cần ngay là thông tri đi các nơi đề tổ chức các « Ủy ban hành động ». Riêng tại Saigon như ta thấy có 35 người đại diện cho các tầng lớp xã hội.

Bên nhóm La lutte có Tạ thu Thâu, Nguyễn văn Tạo, Dương bạch Mai, Trần văn Thạch. Bên nhóm phú hào có Nguyễn phan Long, Lê quang Liêm (tự Bẫy) Trần văn Khá, Võ hà Trị v.v... Giai cấp khác có Trình đình Thảo, Bác sĩ Tân v.v... và vài ký giả chuyên nghiệp trong đó có Nam Đình (Chủ nhiệm nhật báo Đuốc Nhà Nam hiện nay). Dân chúng toàn quốc hưởng ứng với Đại hội rất sôi nổi. Việc này tuy được công khai nhưng chánh quyền thuộc địa rất khó chịu. Họ sợ một ngày kia hàng triệu dân bản xứ sẽ vùng dậy nhân phong trào Đông dương

đại hội. Tuy vậy họ không dám ngăn chặn vì chánh phủ của họ đã cho phép Đ. D đại hội được thành lập. Họ chỉ còn tìm cách phá ngầm. Lúc này Pagès còn lênh đênh ở ngoài Ấn độ dương trên đường tới Saigon nhậm chức Thống Đốc. Pagès được thông báo về hoạt động của Đại hội. Y liền đánh điện ngay về Saigon cho các nhà cầm quyền tỏ chức luôn một Đại hội khác bề ngoài cũng là thân thiện nguyện vọng của nhân dân các giới. Rồi khi vừa đặt gót lên thành phố này y cho gọi ngay Trần văn Khả và Lê quang Liêm lên hỏi :

— Tại sao các anh lại theo Tạ thu Thâu, Nguyễn an Ninh ? Các anh hưởng bao nhiêu bổng lộc của chánh phủ Pháp, vậy mà các anh trở mặt gây rối cuộc trị an của chánh quyền Đông dương ?

Bước ra khỏi dinh Thống đốc, Trần văn Khả than :

— Pagès rầy quá xá !

Rồi bọn Lập hiến và Hội viên Hội đồng Quản hạt bảo nhau rút lui. Chín giờ đêm hôm ấy Nguyễn phan Long triệu tập các anh em cho biết biến cố này. Mọi người tái mặt và ngạc nhiên. Đông dương đại hội nhóm họp đến bấy giờ là phiên thứ 22. Phiên này nghiêm trọng một cách bất ngờ, rồi kết quả đây là phiên nhóm cuối cùng. Một hội đồng Chủ tịch gồm 5 người đưa ra một thông cáo văn tắt cho các báo tuyên bố ngừng hoạt động chờ kết quả của cuộc vận động của đại diện Ủy ban qua Ba Lê tiếp xúc với Marius Moutet. Thực ra Ủy ban cũng không thể làm hơn được dầu không có sự tan vỡ trong nội bộ giữa những người kiên trì tranh đấu cho quyền lợi của xứ sở với các ngài tư sản thuộc đảng Lập hiến và Hội đồng quản hạt sau khi họ bị Tây thuộc địa quả trách.

Ngoài ra thấy phong trào dân chúng sôi nổi khắp nơi đòi thực hiện các quyền lợi chánh trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngay quyền thuộc địa đã có những thủ đoạn phản động. Chúng cho mật thám hăm dọa nơi này, bố ráp nơi kia làm tê liệt các hoạt động của các Ủy ban hành động đang mọc khắp nước. Dĩ nhiên các Ủy ban này kêu về Ủy ban chấp hành trung ương. Hội đồng Chủ tịch của Ủy ban đến trình

Rivoal về các điều khó dễ đang xảy ra cho các Ủy ban hành động thì tên quyền Thống đốc Nam kỳ đã đáp một cách trắng trợn :

— Các anh làm nhiều việc quá lớn rất nguy hại cho an ninh trật tự nên chúng tôi phải giải tán một số Ủy ban.

Chủ tịch Ủy ban phản trần :

— Các Ủy ban hành động nhóm công khai, trưng biểu ngữ làm việc trong trật tự không có phạm vào luật pháp. Xin Thống đốc can thiệp cho khỏi có sự cản trở dân chúng bày tỏ nguyện vọng...

Rivoal nhận lời nhưng chỉ ít hôm đầu lại vào đây. Hội đồng Chủ tịch đi lại mãi rồi cũng chán rút cục hội đồng phải chấp nhận đề nghị của Tạ thu Thâu là cử Dương Bạch Mai qua Pháp gặp Bộ trưởng thuộc địa...

Khủng bố, làm khó đối với Đại hội coi chưa đủ đến Pagès thì bọn nguy quyền thuộc địa được đà phá phách mạnh hơn. Như trên đã nói Pagès cho lập ngay một Đông dương đại hội thứ hai một cách gấp rút khi hẵn còn lên đên ngoài biển cả. Việc này thành tựu sau một tuần lễ. Âm mưu sâu độc này do bọn Trần Văn Khá lãnh thi hành và Đông dương Đại hội thứ hai này được mệnh danh là « *Hội nghị dân biểu* » (Assemblée des élus cochinchinois) nhóm tại nhà hát Tây với Chủ tịch là Lê Quang Liêm. Các ông Hội đồng quản hạt, Hội đồng hàng tỉnh, các hương chức rầm rập ký vào các bản thỉnh nguyện đã đánh máy sẵn (1) Họ đang họp đông thì nhiều truyền đơn từ trên lầu bay xuống như bướm bướm. Dĩ nhiên đây là những truyền đơn phản đối Hội nghị. Mật thám ruộng bắt nhưng chẳng kiếm ra ai vì trên lầu chỉ có các ký giả ngồi. Phải nhận rằng các ký giả Nam kỳ bấy giờ rất đoàn kết, người quảng truyền đơn bấy giờ là cô Nguyễn Thị Kiêm một thời đã vang danh là một nữ chiến sĩ kiêm thi sĩ, chẳng ai tổ cáo cô.

(1) Đây là tập nguyện vọng năm xưa đã đưa cho Paul Reynaud cựu Bộ trưởng thuộc địa lần y viếng thăm Đông dương. Dĩ nhiên nội dung của nó rất khiêm nhượng.

Rồi Đốc phủ Bày sau khi thảo luận chiếu lệ đã thông qua một điện tín gửi cho Marius Moutet có những dòng như sau :

« Nhân danh chủ tịch Hội nghị, chúng tôi rất cảm ơn nước Pháp và chánh phủ mặt trận Bình dân đã cho phép chúng tôi trình bày nguyện vọng của toàn dân. Chúng tôi nguyện hợp tác chặt chẽ với dân tộc Pháp bằng tất cả sự trung thành và lòng tri ân, cũng xin chánh phủ Pháp lưu ý đến nguyện vọng của chúng tôi ».

Thủ tục này thi hành xong, Pagès ra mặt đàn áp. Việc trước nhất là giải tán Đông dương đại hội và các ủy ban hành động ở các tỉnh. Cũng nên nhắc rằng trước khi tham gia « *Hội nghị dân biểu* » mấy ông Lập hiến và Hội đồng quản hạt đã ra một tuyên ngôn ly khai với nhóm Tranh đấu vào ngày 13-9-1936 với luận điệu vu khống dưới đây :

« Lâu nay chúng tôi cũng lo cho dân về mọi vấn đề lợi ích chung.
 « Nhóm La lutte đã lợi dụng đề cương các ủy ban hành động khắp
 « nơi gây nhiều điều bất hợp pháp và phá rối trật tự an ninh.
 « Nay chúng tôi ly khai với ủy ban lâm thời tổ chức Đông dương
 « đại hội đề đứng ra tổ chức một Đông dương đại hội khác... »

Tối hôm 14-9 Nguyễn Phan Long nhóm phiên bất thường để báo cáo tình hình khẩn trương sau khi nhận được bản tuyên ngôn vào 11 giờ sáng. Đến họp có đủ mọi người trừ Lê quang Liêm, Trương công Thuận, Võ hà Trị, Trương văn Bền, Trần văn Khá.

Được tin Pagès giải tán « Phong trào Đông Dương đại hội » và lĩnh mật thám, Cò mật thám đã có mặt ở đường Gia Long chờ lĩnh tấn công vào trụ sở của Đại hội, đồng bào các vùng Chợ lớn, Bà Chiểu Phú Lâm, Thủ Đức, Hóc Môn cũng tới đây đông đúc chờ nghe tin tức. Kết quả của buổi họp đêm cuối cùng này là trong 6 ông Hội đồng Lập hiến chỉ còn Nguyễn Phan Long ở lại. Họ Nguyễn đứng lên báo cáo 5 đồng chí đã ly khai, Pagès đã ra lệnh cấm biểu tình, tụ họp và yêu cầu anh em quyết định tiếp tục hay giải tán Diệp văn Kỳ và Tạ thu Thâu nêu ý cứ tiếp tục. Sau đó hội nghị lấy biểu quyết thì toàn thể đều đồng tình tiếp tục.

Sau đêm hôm đó Pagès cho hạ bảng của Đồng dương đại hội tại trụ sở và cho Biện lý Dissès cùng Bồi thẩm Estève có Cẩm mật thám Perroche đi theo tới khám xét báo quán La lutte. Rồi tới cửa hàng Fabrinat nhà riêng của Tạ thu Thâu để bắt Thâu, lại đi luôn xuống Hốc Môn kiểm bắt Nguyễn an Ninh. Cùng một chí hướng với Nguyễn an Ninh, Tạ thu Thâu còn có Phan văn Hùm, Huỳnh văn Phương, Hồ vĩnh Ký cũng theo nhau đi tù dưới trào thực dân nhưng vào cuối 1945 qua 1946 Việt Minh lên nắm chánh quyền thì họ bị Trần văn Giàu lãnh đạo đảng Cộng Sản để tam hạ sát hết. Mặc dầu nhóm « *Tranh đấu* » chủ trương Đề tứ quốc tế (vô gia đình, vô Tờ quốc vô tôn giáo...) nhưng cho tới lúc nhóm này bị xóa mờ tên tuổi đồng bào miền Nam vẫn dành cho họ nhiều cảm tình bởi họ đã chống thực dân, đế quốc và bênh vực quyền lợi của quần chúng lao động một cách rất tích cực và hy sinh.

(Bài Nguyễn an Ninh và nhóm La lutte đáng lẽ phải đặt ở đầu chương này, tác giả xin cáo lỗi đã có sự sơ xuất).

Tài liệu tham khảo

Les sociétés secrètes en terre d' Annam Saigon - Lib.C Ardin 1926.

Gouvernement général de l' Indochine (Direction des affaires politiques et de la sureté générale - Contribution à l' histoire des mouvements politiques de l' Indochine française)

Histoire du Viet-Nam de 1940 à 1952 par Ph. Devillers - Paris - Ed. du Seuil 1952.

Việt-Nam thời Pháp đô hộ - Nguyễn thế Anh - Nhà xuất bản Lửa Thiêng.



CHƯƠNG IX

NHỮNG THI CA CÁCH MẠNG BỊ PHÁP CẤM ĐẦU THẾ KỶ 20

Với những trang sách dưới đây chúng tôi phở biến với danh nghĩa tài liệu một số bài ca cách mạng, bài khảo về chủ nghĩa Mác là một chủ thuyết đang có ảnh hưởng đối với đồng bào của chúng ta trên nửa phần của lãnh thổ Việt Nam để các bạn có dịp so sánh với các học thuyết đã ăn sâu bén rễ trong đời sống của dân tộc chúng ta từ nhiều thế kỷ.

Chúng tôi cũng nêu ra *Tam dân* chủ nghĩa, một lý thuyết chánh trị xuất hiện rầm rộ trên toàn cõi Á Đông đã làm rung động tư tưởng giới Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ 20. Chủ nghĩa Tam Dân không những đã có vang bóng trong giới sĩ phu cựu học mà cả trong giới tân học, chúng tôi muốn nói Việt Nam quốc dân đảng và nhiều đảng phái quốc gia khác do chủ nghĩa này đã nêu ra các vấn đề dân sinh dân quyền và nhiều tư tưởng tiến bộ.

Với những bài thi ca của các nhà cách mạng tiền bối từ đầu thế kỷ bạn đọc sẽ ý niệm được phần nào sự thống trị tàn ác của bọn thực dân Pháp và lòng căm hờn của đồng bào Việt Nam chúng ta suốt 80 năm bị trói buộc trong vòng nô lệ.

Chúng tôi nghĩ rằng các tài liệu này sẽ không vô ích với các bạn đọc yêu nước hằng theo dõi vang bóng người xưa.

BÀI CA « Á-TÊ-Á »

Á-tê-Á năm châu là bậc nhất,
Người nhiều hơn mà đất cũng nhiều hơn,
Cuộc đời mở hội doanh hoàn
Anh hùng bốn bề giang san một nhà

Gầm từ thuở Âu La tiếm đất.
 Vượt trùng dương qua Nhật đến Triều Tiên
 Tiêm La, Diến Điện gần liền.
 Cao Miên, Chân Lạp thông miền Ai Lao,
 Thịt một miếng trăm dao xâu xé,
 Chiếc kim âu chẳng mẻ cũng khôn lành.
 Tôi con Pháp, tớ thầy Anh !
 Nín hơi đại Đức, nép mình cường Nga,
 Gương Ấn Độ có xa đâu đó.
 Chẳng máu đào cũng họ da vàng.
 «Mệnh mông một giải giang san,
 «Nước non nô lệ trông càng thêm đau !..



... Cờ độc lập đứng đầu phát trước,
 Nhật Bản kia vốn nước đồng văn.
 Á-Đông nổi hiệu duy tân,
 Nhật hoàng là đấng anh quân ai bì ?
 Sứ thần võ riêng về một họ,
 Vùng Phù tang chói đỏ góc trời.
 Kề đời thứ hai mươi hai,
 Năm hai ngàn rưỡi năm mươi có thừa.
 Sẵn cơ hội trời đưa lại đó,
 Chốn kinh thành Thần hộ đời sang.
 Đẹp Mạc phủ, bỏ phiên bang,
 Đồi giòng chính sóc thay làng y quan.
 Khắp trong nước dân đoàn, xã hội,
 Nhà học đường đã ngoại bá muôn,
 Việc kỹ nghệ, việc bán buôn,
 Nơi lò đúc sắt, nơi khuôn đúc đồng,
 Trè, tơ, lụa, gai, bông, nhung, vỏ,
 Mọi đồ sơn, vân mẫu pha lê.
 Gươm và quạt, tán và xè,

Dủ mũi hải lục, thiệp nghề công thương.
 Đất đại Bản mở trường đúc súng,
 Xưởng Đông Kinh riêng cũng một tòa.
 Trường kỳ thuyền cục mấy nhà,
 Giả tân, Tu hạ ấy là Hải quân.
 Thuyền với pháo trăm phần tư chính,
 Lại ngư lôi, bác đĩnh ai tày ?
 Quan quân luyện tập đêm ngày,
 Mọi nghề so với Thái tây kém gì !
 Đồng bào nghĩa khí gồm ghê,
 Thân trai nợ nước ắt thề trả xong.

Năm Giáp Ngọ đùng đùng sóng gió, (1)
 Vượt quan san thẳng trở Tam Hàn.
 Quân Lục áo, tướng Đại sang,
 Ra tay cho biết chí gan anh hùng,
 Đông tam tỉnh thu trong tay áo,
 Bọn trắng da lơ láo giết mình ;
 Cuộc hòa đầu khéo thành linh,
 Chủ trương này bởi Nga đình vẽ khôn.
 Lòng ái quốc ghê hèn Nhật Bản,
 Giận sui khôn, nghĩa cản đồng cừu.
 Đã toan trở súng quay tàu,
 Y-Đằng khôn khéo mưu sâu vãn hồi.
 Nhận bởi khoản Bành dài nhượng địa,
 Trong mười năm rồi sẽ xem nhau.
 Nga kia nước lớn lại giàu,
 Bền giường giấc ngáy dễ hầu chịu yên !
 Giáp Thìn (2) trong tháng chạp tây.

(1) Giáp Ngọ so với Dương lịch thuở ấy là 1894.

(2) Giáp Thìn là 1904.

Chiến thư hai nước định ngày giao trụy.
 Trận thứ nhất Cao Ly lừng tiếng,
 Khấp hoàn cầu muôn miệng đều khen.
 Sa trường xung đột mấy phen,
 Ngọn cờ Ấp Lục, tiếng kèn Liêu Dương.
 Hội vạn quốc diễn tuồng thương nghị,
 Chấu đá voi sự ấy nực cười.
 Xem trong hòa khoản mười hai.
 Điều nào Nga cũng chịu lui trăm phần.
 Cuộc tang hải khuất thân từng lúc,
 Đám liệt cường nay được chen vai.
 Khen thay Nhật Bản nhân tài,
 Từ đây danh dự còn dài về sau.



Ngồi mà nghĩ thêm sầu thêm tủi,
 Nước Nam mình gặp buổi truân chuyên.
 Dã man quen thói ngu hèn,
 Biết chi nước mất nòi tan nỗi này.
 Từ Pháp lan thẳng tay đô hộ,
 Dầy xéo lên mồ mả ông cha.
 Giống nòi tủi nhục xót xa,
 Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu.
 Việc giầy thép, việc tàu, việc pháo,
 Việc canh nông, việc giáo học đường,
 Việc kỹ nghệ việc nông thương,
 Việc khai các mỏ, lập đường hỏa xa.
 Giữ các việc chẳng qua người Pháp,
 Người Việt Nam bồi đắp cu li!
 Thông ngôn, ký lục chi chi,
 Mãn đời lính tập, trọn vì quan sang.
 Các hạng thuế Pháp càng tăng mãi,
 Thuế đinh điền rồi lại thuế bò,

Thuế chó cũi, thuế lợn lò,
 Thuế muối, thuế rượu, thuế đò, thuế xe,
 Thuế tất cả, trâu, cau, chè, thuốc,
 Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn,
 Thuế nhà cửa, thuế chùa đền,
 Thuế rừng tre, gỗ, thuế thuyền bán buôn,
 Thuế đậu mật, thuế sơn các chỗ,
 Thuế gạo rau, thuế đỗ, thuế bông,
 Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
 Thuế chim, thuế cá khắp trong ba kỳ.
 Nhiều hạng thuế kê chi cho xiết,
 Thuế « Phát xia » mới thiệt lạ lùng !
 Nói ra luống những đau lòng,
 Cha con khổ nhục, vợ chồng lìa tan.
 Cũng có lúc bầm gan, tím ruột,
 Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra,
 Cũng xương, cũng thịt, cũng da !
 Cũng dòng máu đỏ con nhà Lạc Long !
 Thế mà chịu trong vòng trời buộc,
 Mấy mươi năm như nhuộm lấm than.
 Than ôi ! Bách Việt giang san,
 Thông minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa.
 Hồn mê mẩn tỉnh chưa, chưa tỉnh ?
 Anh em mình phải tính sao đây ?
 Nhật là bạn, Pháp là thầy.,.
 Trí khôn phải học, điều hay phải tìm,
 Việc tân học kíp đem sang trước,
 Hội dân đoàn cả nước với nhau.
 Sự buôn ta lấy làm đầu,
 Mọi nghề cùng ghé, đội cầu một vai,
 Bây giờ kê còn dài chưa xiết,
 Chữ tự do xin hết một lòng
 gương Nhật Bản đất Á Đông.

Muốn khôn ta phải soi chung kẻo mà.
 Đường học thức dần dà mở rộng,
 Nước Lang sa rồi cũng nề nang.
 Một mai Âu Á tranh cường,
 Thay phùng nô lệ, làm phùng văn minh.
 Kia thuở trước như Anh, Pháp, Đức.
 Cũng chẳng qua cùng cực thời thông.
 Rồi đây trời cũng chiều lòng,
 Việt Nam đứng vững phương Đông một mình.
 Thân phiêu bạt đã đành vô lại,
 Bấy nhiêu năm Thượng hải, Hoàn tân.
 Chính Nga nhân buổi hoàn quân.
 Tủi thân bốn bá theo chân khai hoàn,
 Nâng chén rượu ân ban hạ tiếp,
 Gạt hàng châu khép nép quỳ tâu :
 Trời Nam mù mịt ngàn dâu,
 Gió thu như thổi dạ sầu năm canh.
 Biết bao nỗi bất bình khôn giải.
 Mượn bút hoa mà gửi quốc âm.
 Thân lươn bao quản cát lằm,
 Khuyên ai dốc chữ đồng tâm sau này.

NGUYỄN THIÊN THUẬT

NGUYỄN THIÊN THUẬT sinh năm 1831 tại làng Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, ngoài 20 tuổi đậu Tú tài được bổ Bang tá ở tỉnh nhà.

Nhân ở vùng Kinh Môn (Hải Dương) có giặc, cụ được cử đi đánh dẹp, cụ bình được giặc nên được thưởng quân công. Năm 1871 cụ đậu Cử nhân và đỗ đầu được thăng Tri phủ Từ Sơn (tỉnh Bắc Ninh). Do có nhiều sở trường về quân sự triều đình phong cụ làm Tán tương quân vụ giúp Khâm sai đại thần Hoàng Kế Viêm đi đánh giặc Tào ở các vùng Sơn La, Bắc Giang. Giặc tan cụ được cử

làm Chánh sứ 16 châu thuộc tỉnh Sơn Tây và Hưng Hóa. Tại đây cụ mở mang việc ruộng nương rất nhiều vì đất bỏ hoang mênh mông giữa hai tỉnh Sơn La và Hòa Bình, con người đó đã tỏ ra có nhiều khả năng từ trị loạn đến trị bình.

Năm Ất-dậu (1885) phong kiến Việt Nam chống sự lấn áp của bọn De Courcy, Harmand, vua Hàm Nghi cùng các ông Tôn Thất Thuyết (con rề của cụ Nguyễn thiện Thuật) Nguyễn văn Tường bỏ kinh thành chạy ra Quảng Trị, Nghệ An, Hà Tĩnh phát cờ chống quân xâm lược. Cụ tiếp tục được giao phó trọng trách bên cạnh Hoàng Kế Viêm. Đồng thời với cụ có cụ Nguyễn Cao cũng là một nhà khoa bảng có nhiệt tâm cứu quốc cũng được phong chức Tán tướng, cụ Tạ Hiện ở Nam Định lãnh chức Đề Đốc tờ chức cuộc khởi nghĩa tại tỉnh Hưng Yên. Chiến trường Bãi Sậy một thời đã là mồ chôn nhiều binh đội của ngụy quyền vang danh không thua lực lượng Hương Khê của cụ Đinh Nguyễn Phan đình Phùng tại mấy tỉnh phía Bắc miền Trung Hưởng ứng với tiếng gọi của tờ quốc trong quan trường bấy giờ còn có Ân-sát-sứ Phạm vụ Mãn và Trì phú Kiến Xương Hoàng văn Hòe.

Dưới cờ của cụ Nguyễn có cả quân Tàu từ Đông triều kéo đến, các nghĩa sĩ bốn phương cũng tụ nghĩa rất đông. Ngày 12 tháng 11-1889 cụ tiến đánh Hải Dương và đại thắng. Tiếp đến là các trận Bần-Yên-Nhân, Liên Trung (Yên Mỹ) Đông Nhu, Vũ Xá (Mỹ Hào) sau chiến sự lan sang ba tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh và Hải Dương.

Tay chân của cụ có những dũng sĩ như các ông Hai Kẽ và Lãnh Giang là hai anh em ruột, 5 vị Đề đốc là : Đề Bần, Đề Sủng, Đề Mỹ, Đề Cọp, Đề Tính — 4 Lãnh binh là : Lãnh Hạ, Lãnh Chiêu, Lãnh Điều, Lãnh Bồng. Sau cùng cụ lại được thêm Đề Tích ở Cù lao hai sông, Đề Vịnh, Lãnh Ngừ, Lãnh Lô và Tuần Vân.

Sau này Thanh-đình ký Hòa ước Thiên Tân với Pháp, quân Tàu ở Việt Nam phải rút hết về nước, cụ Nguyễn và Tạ Hiện còn chiếm giữ vùng Hải Dương, Đề Tích vùng Đông Triều, Đề Kiều vùng Hưng Hóa, Cai Kinh và Đề Ngừ vùng Phủ Lạng Thương, Lương tam Kỳ dư

đảng Cờ đen vùng Chợ Chu (Thái Nguyên). Lực lượng kháng chiến từ giai đoạn này chỉ có toàn người Việt.

Pháp cử quyền Kinh lược sứ Nguyễn trọng Hợp và quyền Tổng đốc Hải Dương là Hoàng cao Khải làm Tiểu phủ sứ mang đại quân đi vây vùng Bãi Sậy.

Năm 1891 cụ Nguyễn thấy nhân dân kiệt quệ vì chiến tranh, khó kéo dài cuộc kháng chiến khuyên em là Hai Kế lánh đi rồi cụ giải tán quân đội và rút qua Tàu. Mặc dầu phải bỏ nước mà đi cụ vẫn nuôi ý đồ khôi phục xứ sở nên đã qua Nhật giữa thời Minh trị thiên hoàng đang mở cuộc Duy Tân và cũng trong giai đoạn này xảy ra Nga-Nhật chiến tranh. Cụ Nguyễn có dự vào trận đánh này, hẳn nghĩ rằng đây là một cơ hội lấy dũng khí, can trường giúp Nhật để làm thân với Nhật, hy vọng sau này việc cầu viện sẽ dễ dàng. Nhưng khi Minh Trị thắng xong Nga, Thân Bao Tự Việt Nam chỉ được một lời hứa. Bài Ca Á-TÊ-Á trên đây đã nói lên tâm sự nào nùng của người không bại trận vì thiếu can trường mà vì thiếu may mắn, thiếu hoàn cảnh. Cụ Nguyễn trở về Quảng Tây ôm mối tuyệt vọng đến ngày cuối cùng và tạ thế hồi tháng 6-1926 nơi đất khách.

Khuyên đồng bào đừng sợ chết

Năm Đinh Mùi (1907) cụ Nguyễn thượng Hiền đang bôn ba ngoài hải ngoại đề lo toan việc phục quốc thì ở bên nước nhà một biến cố đã xảy ra: Thực dân Pháp phế vua Thành Thái và mang ngài đi an trí ngoài Vũng Tàu sau đó đưa ngài qua đảo Réunion (Phi châu).

Trước thái độ cường ngạnh của bọn xâm lược quốc dân Việt Nam rất công phẫn và đã nhiều lần nổi dậy nhưng không có kết quả. Chứng cứ là vào 1916 sĩ dân đã tôn con ngài là vua Duy Tân lên cầm đầu một cuộc chống Pháp. Vì thất bại quá nhiều, lòng dân mỗi một và có một phần chán nản. Trước sự kiện này cụ Mai Sơn đã làm bài ca «*Khuyên đồng bào đừng sợ chết*» gửi về nước nhà để kích thích dân tâm, sĩ khí. Lời tâm huyết của cụ cũng ảnh hưởng rất nhiều đến thái độ của nhân dân ta, nhờ vậy mười năm sau phong trào bài Thực, chống Xâm lại bốc lên như gió rồi dân tộc chúng ta đã giành được độc lập vào cuối 1945.

Nghĩ càng nghĩ, thấy càng thống thiết,
 Tủi thay dân Nam Việt là tôi,
 Thấy kỳ nhật báo vừa rồi
 Hiếp Vua an trí, đứng ngồi thở than !
 Hai giòng lệ chan chan chứa chứa.
 Muốn kêu trời thở chẳng ra hơi !
 Nôm na tay thảo mấy lời.
 Máu hòa ngòi bút sục sùi đắng cay !
 Anh em hỡi ! Có hay chẳng tá ?
 Đến thế này, nhục nhã hay không ?

.
 Nước xưa vẫn có anh hùng,
 Đứng làm phụ chủ ở trong giếng nòi.
 Bài chỉ biểu đẹp ngoài yên nước
 Hai mươi năm vẫn được yên lành
 Vua Lê đánh đuổi giặc Minh.
 Muốn dân đội đức thái bình âu ca.

.
 Kề ngoài bốn mươi năm trở lại (1)
 Giặc Pháp làm thảm hại đến đâu !
 Ngoài thời bảo hộ mượn màu,
 Trong thời một khoét như sâu đục dần.
 Nó vơ vét của dân tàn hại,
 Lại đem Vua làm cái đầu gà.
 Chính quyền ở cả người ta.
 Vua thời vua vậy, vua mà sượng chi ?
 Ngồi trơ đờ si si tượng gỗ,
 Khác chi là bóp cổ vắn hàm ?
 Mất quyền thôi cũng đã cam.
 Thấy dân đau đớn biết làm thế nao ?
 Nó thấy bờ, nó đào đến gốc.
 Cố làm cho sĩ nhục mới thôi.
 Hai mươi tháng sáu năm Mùi (2).

Giả vờ tỉnh dưỡng, cất ngôi rõ ràng.
 Cướp ấn bảo đưa sang Cơ mật.
 Trương như Cương nhận thực đứng đầu.
 Than ôi! trời thẳm đất sâu,
 Núi cao lở ngọn, sông sâu cạn giòng.
 Sự đâu, sự lạ lòng đến thế?
 Chợt tai nghe mất vía, giật mình.
 Mơ màng đất đỏ trời xanh.
 Thôi thôi! địa nghĩa thiên kinh còn gì?
 Bảo rằng tội, tội chi với nó?
 Bảo rằng đau, nào có đau chi?
 Một là: chẳng nhượng Bắc kỳ.
 Hai là: khâm sứ mấy khi mắng ăm.
 Ba là: đả những quân ôn lệ,
 Bán vua đi làm kẻ lợi mình
 Nó xem đã rõ tâm hình
 Cho nên nó mới liệu vành đem đi.
 Bảo hộ thế ra gì bảo hộ?
 Khấp địa cầu đâu có thế đâu?
 Muốn sao muốn vậy mặc dầu,
 Gỡ vua như thề gỡ đầu trẻ con!
 Nước không vua sao còn là nước?
 Dân không vua sao được là dân?
 Kiến ông còn có quân thần,
 Huống chỉ nghĩa trọng nhân luân đó mà!
 Sao không kẻ sót sa đến ruột?
 Sao không người đau buốt đến xương?
 Sao không biết chữ cương thường?
 Sao không biết liệu mở đường cầu sinh?
 Hay tại khí anh linh tan hết?
 Chẳng sinh ra anh kiệt hùng hào.
 Cho nên chịu chết thẳng ngao.
 Nó cào nó cắn thế nào cũng thấy!

NHỮNG THI CA CÁCH MẠNG BỊ PHÁP CẤM

Ta chỉ sợ như cây đứt rễ,
Cành lá kia có khỏe được đâu ?
Hùm thiêng khi đã mất đầu,
Vuốt nanh trơ đó để hầu chống ai ?
Quan chỉ sẵn nó sai, nó khiến,
Dân tha hồ nó thối, nó bằm !
Ai ơi ! sao chẳng giết mình ?
Chim lồng cá chậu hẳn đành tới nơi.

Gương Ấn độ đã bày trước mặt.
Bảng Phi châu chất ngất bên mình.
Thôi đừng bảo nó công bình !
Thôi đừng bảo nó có tình yêu ta !
Đừng bảo nó thực thà bảo hộ,
Cũng đừng hồng mờ tỏ ta hay.
Thôi đừng lấy nó làm thầy,
Lợn chuồng nuôi béo có ngày, chẳng sai !
Thôi đừng có khoe tài khoe giỏi,
Mà bỏ vua chẳng nói chẳng rằng,
Đồng bào nghĩ đến cho chẳng ?
Làm người nghĩa cả chỉ bằng chữ trung !
Liệu phá cũ, sỗ lộng mà nhây,
Chớ trơ trơ đứng vậy trong vòng.
Trước là giữ được chữ trung,
Sau là chẳng thẹn nước không có người.
Không sợ chết thì trời mới chứng,
Người có trung mới xứng ở đời,
Vật kia, tượng nọ ai ơi !
Ai người thái học, ai người quần dương ?
Chữ chính khí làm gương thiên cổ.
Mảnh đơn tâm đứng chủ trong đời !
Khuyên ai đừng có đội trời,
Thề cùng làm được tới nơi phen này.

MAI-SƠN NGUYỄN-THƯỢNG-HIỆN

CHÚ THÍCH :

1) Nước Pháp chiếm Nam kỳ từ năm 1858, đến ngày nay (1907) là vừa 49 năm.

2) Năm Đinh Mùi (d.l. 1907) vua Thành Thái bị truất ngôi vì chính phủ bảo hộ đề cho nhà vua có bệnh điên khùng rồi đem nhà vua đi Nam kỳ (Ô-Cấp) tỉnh dưỡng sau đưa sang an trí tại đảo Réunion. Vua Duy Tân là con của ngài lên bảy tuổi được triều đình đặt lên ngai vàng để kế vị Trương như Cương giữ chức Phụ chánh đại thần bên cạnh thiếu quân.

BÀI CA PHỤC QUỐC

Trông cổ quốc lòng đau không xiết.
 Sáu mươi năm Nam Việt lâm than !
 Thương thay ! nước mất nhà tan,
 Dưới sông máu chảy, trên ngàn xương phơi.
 Thân nô lệ làm tôi tớ Pháp.
 Biết bao giờ cho thoát cơ hàn ?
 Than ôi ! Nam Việt giang san,
 Người nhiều đất rộng kho tàng sạch không !
 Dân lao khổ đói hòm rét tối,
 Thuế nặng nề, lại dối, quan tham.
 Cường quyền quen thói dã man.
 Bạc vàng vơ vét mình làm chúng sơi !
 Đồng bào hỡi ! liệu thời đứng dậy
 Tuốt gươm ra đòi lấy sơn hà,
 Chém giết giặc, dựng cơ đồ,
 Tự cường, tự trị há nhờ cậy ai ?
 Thương quý nhau một mai sung sướng.
 Quyết một lòng thờ phượng (1) quốc gia.
 Nước non vẫn nước non nhà
 Giang san Hồng Lạc vẫn là giang san.
 Kẻ bất nghĩa buôn dân bán nước,
 Người trí cao vẫn ước phục thù.
 Góm thay cho đũa thất phu ! .

Làm trai chẳng biết phục thù nước non
 Nước đã mất thân còn khá tiếc ?
 Nhà đã tan phải biết trả hồn.
 Anh hùng nghĩa sĩ danh thơm.
 Sứ xanh ghi chép sớm hôm phụng thờ (2)
 Trần hưng Đạo thuở xưa giết giặc.
 Triệu, (3) Trưng Vương (4) quân Bắc cũng gồm !
 Lê-thái-Tổ đất Lam Sơn.
 Xông tên, đột pháo đèn ơn nước nhà.
 Quốc dân hỡi ! thân ta phải liệu
 Cố học hành, lánh rượu xa chè,
 Thuốc phiện thứ ấy mới ghê !
 Rõ ràng thuốc độc đề mê hại người.
 Tỉnh giấc giậy kéo đời ngắn ngủi,
 Cổ bước lên kéo túi Tiên Rồng.
 Đồng tâm hiệp lực thành công
 Thương nhau phải nhớ non sông nòi Vàng.
 Trai anh hùng phơi gan chiến địa,
 Gái trung trinh kết nghĩa tào khang,
 Cùng nhau giết giống tham tàn
 Đuổi xa bờ cõi sửa sang biên thùy.
 Dựng Dân chủ dương uy châu Á,
 Đem tự do vá cả trời Nam,
 Cuộc đời mở hội doanh hoàn,
 Việt Nam dân quốc giang san thái bình.
 Lừng lẫy tiếng dân vinh quốc thái,
 Đem máu đào đòi lại phân minh,
 Mấy lời nhắn nhủ định ninh,
 Làm người phải biết nhục vinh ở đời.
 Quốc dân hỡi ! nay thời đã đến,
 Đem súng đồng cung kiếm trở ra.
 Chỉ giới thề với san hà :
 Quyết lòng nợ nước thù nhà trả xong !
 Quân tàn bạo còn dong chi nữa ?

Mà « đê huê » với « tựa » (5) ở người !
 Nào ai xót giống thương nòi ?
 Đồng tâm nạp súng ta đòi giang san,
 Dựng Độc lập về vang biết mấy !
 Cõi Á đông vùng vẫy Việt Nam.
 Chớ cho da Trắng dè Vàng.
 Nghìn năm tiếng dè muôn vạn xấu xa.
 Kìa Xiêm, Nhật, Trung Hoa trước mắt.
 Chí anh hùng chiếm đoạt Tây phương
 Nói gương mấy nước hùng cường,
 Dựng cờ khởi nghĩa khỏi đường lao lung
 Đồng bào hỡi ! thử trông cho biết,
 Ma lạc-kha (6) còn quyết phục thù,
 Si-Ri (7) dân chẳng phải ngu,
 Đem hòn máu đỏ đèn bù nước non.
 Người như thế, ta còn ngủ mãi,
 Cố gắng lên, thắng bại là thường
 Anh hùng hào kiệt bốn phương,
 Cùng nhau ta quyết mở đường can qua.
 Chớ có sợ sức ta yếu mạnh,
 Đã có ngoài Cách mệnh giúp công
 Chỉ chờ nội ứng là xong,
 Anh em xum họp súng đồng ngoài cho
 Đồng bào ta ! chớ chờ cùng đọi
 Dắt díu nhau bước tới văn minh,
 Xa xôi bầy tỏ chút tình,
 Chúc cho Nam Việt hiền vinh đời đời.

NGUYỄN-CÀN-KHÔN

(*Báo Phục quốc số 1 xuất bản đầu tháng năm 1926 tại Paris*)

CHỮ THÍCH :

(1) (2) Thờ phượng hay thờ phụng cũng thế. Chữ phượng và chữ phụng cùng một nghĩa.

(3) Triệu : Triệu Âu đánh quân Ngô.

(4) Trưng vương là bà Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị đánh quân Đông Hán.

(5) Tựa là nường tựa, ý lại

(6) Ma lạc Kha là Maroc có Ad-El-Krim khởi nghĩa chống quân Pháp ở Riff lúc bấy giờ (1926).

(7) Si Ri là Syrie khi đó đang nổi loạn chống quân Pháp.

CHIÊU HỒN NƯỚC bài thứ nhất

Hồn xưa dòng dõi Lạc Long,
 Con nhà Nam Việt người trong giống vàng.
 Chỉ na chung một họ hàng
 Xiêm-La, Nhật-Bản cùng làng Á-Đông.
 Trời Nam một dãy non sông,
 Ngàn năm cơ nghiệp cha ông vẫn còn.
 Từ khi đá lở sóng cồn,
 Nước non ở đó nào hồn ở đâu ?
 Chốc đà đã bấy nhiêu lâu,
 Bơ vơ như thê bồ câu lạc đàn.
 Xịch đâu một cuộc doanh hoàn,
 Ngàn Đông nổi gió sóng tràn biên Nam.
 Người đi gọi, kẻ đi tìm,
 Biết đâu dài mùa mà đem hồn về ?
 Máy lặn vũ ám mây che,
 Bâng khuâng như tỉnh như mê nửa phần.
 Hay là ở đám thôn dân ?
 Hồn còn tranh cạnh nơi ăn chốn ngồi ?
 Hay là ở đám dong chơi ?
 Hồn còn ham muốn cuộc vui li bì ?
 Hay là ở đám khoa thi ?
 Hồn còn mãi miết giữ nghề văn chương ?
 Hay là ở chốn quan trường ?
 Hồn còn tập tành toan đường tìm ra ?

Hỏi xem hồn ở gần xa,
 Gọi ra một tỉnh, tỉnh ra thì về.
 Xin hồn hãy tỉnh đừng mê,
 Tỉnh ra rồi sẽ liệu bề khuyên nhau.
 Khuyên nhau lấy chữ đồng bào,
 Lấy câu ích quốc, lấy điều lợi dân.
 Đường bảo chúng, nghĩa hợp quần,
 Tự cường thế ấy, duy tân thế nào.
 Sự học ta lấy làm đầu,
 Công thương mọi việc liệu sao tính dần.
 Cùng trong một bọn quốc dân,
 Gánh giang sơn cũng một phần trên vai.
 Than ôi ! hồn nước ta ơi !
 Tỉnh nghe ta gọi mấy lời đồng tâm !

NGUYỄN-QUYỀN

(một sáng lập viên của Đông Kinh nghĩa thực)

Đoạn mở đầu của bài «*Chiêu Hồn Nước*» thứ hai :

...Cũng nhà cửa, cũng giang san,
 Thế mà nước mất nhà tan hỡi trời !
 Nghĩ lắm lúc đang cười hóa khóc,
 Muốn ra tay ngang dọc ngang.
 Vạch trời thét một tiếng vang,
 Cho thân tan với giang san nước nhà.
 Đồng bào hỡi ! Con nhà Đại Việt,
 Có thân mà chẳng biết liệu đời,
 Tháng ngày lẫn lữa đợi thời
 Ngần ngợ ý lại vào người, ai thương ?
 Nay sống gió bốn phương càng dội
 Có lẽ nào ngồi đợi mãi sao ?
 Đồng bào chút giọt máu đào,
 Thương ôi, nào có ai nào xót đây ?
 Mau đứng dậy, dậy ngay kéo muện !

Mà xót thương đến chốn Nhị, Nùng !
 Xưa kia cũng lắm anh hùng,
 Dọc ngang trời đất vẫy vùng biển khơi.
 Xưa cũng có lắm người hào kiệt,
 Trong một tay nắm hết sơn hà.
 Nghìn thu gương cũ không nhòa,
 Mở mày mở mặt con nhà Lạc Long.
 Non sông vẫn non sông gấm vóc,
 Cỏ cây xưa vẫn mọc tốt tươi.
 Người xem cũng có dáng người
 Cũng tai cũng mắt ở đời khác chi.
 Cảnh như thế, tình thì như thế,
 Sống làm chi, sống đề làm chi ?
 Đời người đến thế còn gì,
 Nước non đến thế còn gì nước non !
 Nghĩ thân thế héo hoa tác dạ,
 Trông non sông lã chã dòng châu.
 Một mình canh vắng đêm thâu,
 Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san.
 Ngọn gió lọt đèn tàn hiu hắt,
 Tiếng quốc kêu day mặt anh hùng.
 Nghiến răng nuốt cái thẹn thùng,
 Mà chầu hồn cũ lại cùng non sông.



Hồn hỡi hồn, con Hồng cháu Lạc !
 Bấy nhiêu lâu đói khát lắm than.
 Bấy lâu thịt nát xương tan,
 Bấy lâu tím ruột thâm gan vì hồn.
 Hồn hỡi hồn ! kia non nước cũ,
 Bấy nhiêu lâu mặt ủ mày chau,
 Bấy lâu ngậm túi nuốt sầu,
 Bấy lâu hèn kém vì đâu hỡi hồn !
 Trông bốn bề bồn chồn dạ ngọc,

Ngâm năm châu khôn khóc nên lời,
 Đêm khuya canh vắng yên trời,
 Khôn thiêng chẳng hỏi hồn ơi hồn về...

PHẠM TẮT ĐẮC

CHIÊU HỒN NƯỚC bài hai

Chúng ta đều nhớ rằng từ 1925 đến 1927, liên tiếp ba năm có ba biến cố quan trọng đã xảy ra ở quê hương chúng ta làm xúc động tất cả mọi giới đồng bào Nam Bắc. Đó là vụ cụ Sào Nam bị thực dân bắt mang về xử tại Hội đồng đề hình (Hà Nội). Vào cuối mùa xuân năm sau thì cụ Tây Hồ thở hơi tàn tại Saigon, và năm kế tiếp nhà lão thành Lương văn Can (cha của chiến sĩ Lương ngọc Quyến trong vụ Thái Nguyên khởi nghĩa) cũng tạ thế.

Những sự thất bại của các phong trào cách mạng từ đầu thế kỷ XX (*Duy Tân hội, Việt Nam quang phục, Duy Tân khởi nghĩa, Thái nguyên khởi nghĩa, Thiên địa hội ..*) trong nước và ngoài nước đang chìm dần vào trong yên lặng cho tới sau Đệ nhất thế chiến thì vào 1924 do việc cụ Sào Nam bị bắt khiến quốc dân như bừng tỉnh dậy.

Nếu phân tách thì từ giai đoạn này những người trai trẻ của nước ta bắt đầu đi sâu rộng vào trường chiến đấu. Họ cảm thấy đã đến lượt họ thay thế cha anh vùng dậy chống quân thù nên hơn bao giờ hết trong các đám biểu tình đông hàng vạn người hùng khí của thanh niên đã được biểu lộ rất rõ rệt.

Trước Tòa án đại hình xử cụ Sào Nam người đồng như kiến, thanh niên hò hét, tỏ sự căm hờn mạnh hơn cả. Trong đám tang hai nhà cách mạng tiền bối cụ Tây Hồ và cụ Cử Can cũng họ rỏ lụy như mưa cả trai lẫn gái mà đa số còn dưới 20 tuổi.

Có lẽ chỉ những tên thực dân quá mù quáng, quá chủ quan mới không nhận thấy cái nguy cơ của chủ nghĩa thuộc địa trước sự phấn uất của những mầm non của dân tộc Việt Nam chỉ một ngày rất gần đó sẽ phát động nên những cuộc đấu tranh vĩ đại, kinh hồn khiến họ sẽ

phải phá sản vô cùng tai hại về tiền bạc và sinh mạng rồi danh dự cũng không còn.

Trong khi phong trào chống thực dân còn tiếm tiến trên báo chí và sách vở, những người thanh niên Việt Nam thuở đó đã phơi bày gan mật của họ khá nhiều bất kể mọi sự khùng bố dã man của kẻ thù, coi thường những lao xá các vùng ma thiêng nước độc nơi thâm sơn cùng cốc hay ngoài biên cả như Kon-Tum, Lao-Bảo, Sơn-La, Lai-Châu, Hớn-Quán, Cà-Ná, Côn-Đảo v.v..

Nổi lời các tiền bối trong các bài ca tuyên truyền ái quốc và chống quân ngoại xâm đang khích động mạnh quốc dân trước cái nhục nô lệ ngoại bang vào khoảng năm 1927-29 người ta đã đề ý đến bài «*Chiêu hồn nước*» của thanh niên Phạm tất Đắc một học sinh của trường Trung học Bảo Hộ (Lycée du Pratorat — Trường Bưởi) bấy giờ mới 18 tuổi.

Họ Phạm sinh năm Kỷ Dậu (1909) tại làng Dũng Kim, tổng Công Xá, tỉnh Hà Nam (Phủ-Lý) Cha là Phạm văn Hạnh, mẹ là Lê thị Giáo. Phạm rất thông minh và từ nhỏ đã suy tư nhiều về hoàn cảnh đầy thống khổ của đất nước. Phạm đọc quốc sử và đã nhiều lần xúc động, nước mắt rạt rào trước những hàng chữ kẻ những chánh sách tàn ác của quân ngoại xâm và đọc thuộc lòng những văn thơ cách mạng, khiến thầy bạn phải chú ý. Năm 1923 ông vào học trường Bưởi rất tấn tới, tư cách của ông cũng khác người nhất là về thái độ chánh trị luôn luôn ông tỏ được tinh thần bất khuất và yêu giống xót non do đó khi các cao trào cách mạng chớm nở từ cuối 1925 họ Phạm đều tham gia rất là tích cực. Trong cuộc vận động ân xá cho cụ Sào Nam, trong ban tổ chức cuộc lễ truy điệu cụ Tây Hồ, trong các cuộc bãi khóa phản đối các cuộc đàn áp của thực dân về các vụ kẻ trên, người ta thấy thanh niên Phạm tất Đắc bao giờ cũng là tên tinh tiên phong. Rồi trong giai đoạn này tình yêu nước trào dâng tâm can của ông là nguồn gốc của bài *Chiêu hồn nước* được nhà in Thanh-Niên tại Hà Nội xuất bản.

Bài thơ này vừa phổ biến được ít hôm thì tác giả và chủ nhà in được bắt tới sở mật thám đường Gambetta và bị truy tố ra trước

Tòa án, theo cáo trạng Phạm đã làm vấn xúi giục dân chúng phá rối cuộc trị an.

Đứng trước vành móng ngựa viên chánh án người Pháp hỏi ông :

— Có phải anh đã là tác giả bài « *Chiêu hồn nước* » ?

Ông mạnh dạn trả lời :

— Chính tôi !

Viên chánh án lại hỏi :

— Anh có biết rằng bài thơ này có tính cách xúi dân làm loạn không ?

Ông đáp :

— Nếu nước Pháp khai hóa dân thuộc địa thực tình, làm nhiều việc ơn ích thì tôi có làm một trăm bài « *Chiêu hồn nước* » cũng chẳng ai theo.

Viên chánh án giận đỏ mặt và biết lập trường của ông rất vững vàng, không thể lấy lý ra mà đàn áp nên cho ông biết nếu ông hỏi cải thì được chánh phủ Pháp khoan hồng nếu không sẽ bị trừng phạt nặng.

Ông lắc đầu trả lời :

— Tôi đã xét kỹ việc tôi làm, chẳng có gì sai lầm mà phải hối hận.

Viên chánh án lại kêu thân sinh sinh ra ông mà dọa dẫm :

— Con ông còn vị thành niên đã có tư tưởng chống lại nhà nước Bảo Hộ. Theo luật của nước Việt Nam con hư cha phải chịu tội, ông nghĩ sao ?

Cha ông cũng cãi lại :

— Con tôi ở nhà thì thuộc quyền dạy dỗ của tôi. Nay nó theo học trường của Nhà Nước, hay dở thuộc trách nhiệm của chánh phủ.

Rút cục Phạm tất Đắc bị đưa đi giam vào nhà trừng giới tại Bắc Giang để đợi ngày thành viên luật pháp sẽ quyết định, nhưng ba tháng sau ông lại bị mang về Hà Nội để nhốt tại khám đường Hỏa Lò. Đến ngày 16-5-1930 ông được thả ra với điều kiện cha mẹ ông phải chịu kiểm soát ông. Lúc này ông đã 21 tuổi. Trở về với gia đình, ông mất gần hết sức lực do hậu quả của những cuộc tra tấn dã man mấy năm trước và ngày 23-4-1934 ông qua đời để ghi thêm tội lỗi của bọn thực dân đế quốc trước Tòa phán xét của Nhân loại. Phạm tất Đắc tuy mất, 36 năm đã qua rồi nhưng đồng bào Việt Nam vẫn còn văng vẳng bên tai những lời tâm huyết thiết tha của ông mà chúng tôi chép ra dưới đây hôm nay cũng là đề vừa thương xót vừa ai hoài người con yêu của tổ quốc chúng ta :

Chúng tôi lại xin giới thiệu thêm một bài ca trường thiên thuộc loại thơ quốc cấm dưới thời Pháp thuộc cũng diễn tả những sự phẫn uất của nhân dân ta đối với chế độ bóc lột của thực dân. Nội dung xét ra không khác các bài trên là bao nhiều.

HỒN NƯỚC

Quyên xao xác gọi sầu nước mất,
 Để năm canh u uất nhà ta ;
 Buồn cho thân thể giang san,
 Giận cho lũ quý tham tàn hại dân !
 Dân ta chịu trăm phần cực nhục,
 Bị coi như mục súc trâu bò ;
 Nó khinh nòi giống Âu Cơ,
 Bạt tai đá dít «xà lù cu soong».
 Hơi nhìn thẳng, ba toong hành hạ,
 Hơi ngàng đầu đấm đá như mưa ;
 Bắt ta quỳ lạy đón đưa.
 Bắt ta gọi dạ bảo thưa để hèn.
 Đã khéo đặt hàng nghìn thứ thuế,
 Lại ngày còn bày vẽ thêm ra
 Thuế sưu lăm hạng phiền hà :
 Nào là ngoại phụ, nào là tương đương.

Từ kẻ khó dầu sương giải nắng,
 Tới người giàu ăn trắng mặc chon,
 Ai ai cũng phải cảm hôn,
 Đòi con nhân nhó đòi con rửa nguyên.
 Lối đánh thuế thô điền mới tệ :
 Ruộng trăm hoang cũng kê là điền ;
 Gò tro trâu chẳng buồn nhìn.
 Thế mà cũng phải đóng tiền lạ thay !
 Dân thành thị còn cay hơn nữa,
 Sống đã đành sắp giữa gian truân,
 Thế mà nào đóng thuế thân,
 Thuế môn bài, thuế trú chân, thuế hè,
 Thuế biển gác, thuế màn che,

Thuế nước máy, thuế điện đèn,
 Lại còn muốn ia phải tiền vệ sinh.
 Thuế mở máy truyền thanh quảng cáo,
 Thuế mua quyền đốt pháo đón đầu,
 Thuế từ hàng tếp hàng rau.
 Thuế từ thàng bé tí nhau đánh giầy.
 Chỉ cốt sao vét đầy kho bạc,
 Còn mặc ta xơ xác gian nan,
 Mặc ta túng thiếu cơ hàn,
 Mặc ta rên rỉ khóc than dậy trời !
 Nào tiền thuế phải đâu kiếm dễ,
 Như bùn sông nước bèo cho cam,
 Đó là máu mủ «An Nam»,
 Mồ hôi nước mắt hai năm triệu người !
 Thế mà nó ăn chơi vung phá,
 Bạc hàng muốn coi rẻ coi khinh.
 Nào vui đàn hát linh đình.
 Nào xây lăng tẩm tòa dinh lâu đài.
 Nay tiệc đãi lại mai tiệc đãi,
 Sớm nhảy đầm chiều lại nhảy đầm,

Rượu, chè, cờ bạc, hoang dâm.
 Trận cười mua mắt bạc-trăm là thường (1) !
 Ta thời thiếu nhà thương sẵn sóc,
 Nó thấy ta lăn lóc kêu đau,
 Đốc tờ là của nhà giàu,
 Ít tiền thì chớ mong cầu thuốc Tây !
 Biết bao kẻ đêm ngày lăn lóc,
 Bệnh dang dai mình vóc xương mai,
 Đành nằm nhắm mắt kêu trời,
 Đành nằm đợi phút xa chơi tuổi vàng !
 Ta thời thiếu nhà trường bảo trẻ,
 Quốc ngữ kia học dễ là bao,
 Thế mà trong sổ đồng bào,
 Số người chưa biết chữ nào, vẫn đông :
 Trông sách báo như trông tường trắng,
 Ngắm tàu xe như ngắm phép tiên,
 Năm châu họ sáng như đèn,
 Mà mình vẫn cứ ngu hèn tối tăm !
 Nó lại bắt ta cầm ta điếc,
 Ngồi ì cho nó giết hay tha,
 Cấm ta hé miệng kêu ca,
 Cấm ta mở miệng thiết tha kêu nài.
 Ai can đảm mắng loài muông thú,
 Ai hiền lương nhấc lũ gian tham.
 Thế là bị nó cùm giam,
 Bị xiềng bị xích hàng năm hàng đời.
 Ôi bao kẻ thương nòi yêu nước,
 Búa dần xương kim trước tan da,
 Kẻ đây Côn đảo Sơn la,
 Người lên máy chém làm ma không đầu !
 Nghĩ nông nổi gan rầu ruột đứt,
 Tưởng nguồn cơn tiếng nước châu rơi,
 Sầu này lai láng bề khơi,
 Giận này u uất ngất trời cao xanh,

Nay sau cuộc giao tranh cùng Đức,
 Nó đã cam chịu nhục đầu hàng,
 Tỏ đường cày cáo không hang,
 Hết đường tiến tới hết đường thoái lui,
 Đồng bào hỡi, chớ ngồi im nữa,
 Mau đứng lên mà trả thù chung!
 Đứng lên giành lại non sông,
 Đứng lên đập đổ xiềng gông ngục tù!

CHU-TRÁC-TRIỆU (sao chép)

CHÚ THÍCH: (1) Theo giá tiền hồi năm 1939-40 thì 100đ. lớn lắm

Bài biếu của cụ Huỳnh Thúc Kháng dâng lên vua Khải Định

Cụ Huỳnh Thúc Kháng bị 13 năm tù đầy ở Côn đảo, được hưởng ân xá vào khoảng năm 1921, rồi được khôi phục nguyên hàm.

Cụ viết đoạn kết cuốn «*Thi Từ Tùng Thời*» như sau :

« Sau 13 năm ngoài đảo và về trên 2 năm mới có ân điển khai phục. Máy ông bạn cũ ở Kinh khuyên làm bài biếu tạ.

Tôi có thảo một bài biếu, song vì đồng thời anh em được ân ấy đồng không thể làm riêng một mình đành lại không dâng lên.

Bài này là cảm xúc trong một lúc mà thảo ra, nhưng không khác bản tiêu sử về đời dĩ vãng 50 năm của tôi, mà cũng là một đoạn thời đại đáng ghi nhớ.

Bài biếu này nguyên văn bằng chữ Hán, trong có nhiều điển chữ Hán không còn thích hợp với đời nay, song đề lưu lại một thể văn.

Nay giữa mong ân điển, tôi được khai phục hàm biên tu, tôi kính dâng bài biếu tạ :

Trộm nghĩ tôi :

Sinh cửa hàn vi, tách trời quê thẳng,
 Nhỏ theo học nghề, lớn trộm tiếng sông
 Trên hai mươi năm, chỉ chuyên một việc,
 Tuy trong lúc chạm sâu khắc dấu,
 Vẫn ồm lòng gái Lỗ góa Châu (1)
 Trông phong cảnh mà đau lòng,
 Biết bút nghiên là vô dụng,
 Nhưng có hồi cảm xúc,
 Mà không chỗ phát minh,
 Vì sanh trong xứ sở quê mùa.
 Lại học lối văn chương khoa cử,
 Lòng trông mong của sư phụ,
 Lời bàn giảng của bạn bè,
 Ngoài nghề ấy ra, chả có nghiệp khác !
 Ruồi xoi giấy trắng, xài tuổi xuân trong sách nát vò tàn (2)
 Ếch dưới giếng sâu, mù cuộc thế với mưa Âu gió Mỹ,
 Từ đố Tấn sĩ, mới đọc sách Tây,
 Choáng mắt trông học thuật cao xa,
 Ghê lòng nổi giống nổi còn mất,
 Hóa như người sáng, không biết làm gì,
 Nghĩ rằng ứng thế thiếu tài,
 đành phải rút mình dấu vụng,
 Núi sâu trông quế, ca bài « *chiêu ân* » đề mua nhân (3)
 Chằm rộng tìm lan, ngâm khúc « *ly tao* » khi nhắm rượu (4)
 Ngắm tròn mà được thế,
 Ngồi vỗ bụng mà tự yên,
 Nào ngờ phong hội đời đời,
 Khác hẳn tâm tư tưởng tượng,
 Bỗng ngọn triều dâu dồn đến,
 Rộn cả nước như cơn say,
 Trước xôn xao cuộc chánh biến Trung Hoa (5)
 Kế kích thích trận chiến tranh Nga-Nhật,

Kẻ xin biến pháp, người dục xuất dương,
 Kẻ ra ngoài mà hô hào,
 Người ở trong mà đề xướng,
 Cuộc buồn sôi nước trường học mở rừng,
 Nhà đọc sách chàng Khương chàng Lương (6)
 Người kể chuyện họ Hoa họ Nã (7)
 Tôi vì huyết khí đương trẻ,
 Nên bị thời thế kéo bừa :
 Không dám đi bước sau bạn bè,
 Nên cũng vác đầu ra phụ họa,
 Hội buồn, trường học, ai gọi thi vào,
 Đông học Tây trang, gặp ai cũng bảo,
 Vẫn thực say lòng vì Âu hóa.
 Vốn không có chí gì dị đồ,
 Dân ngu bên này, có quyền gì mà mong xướng ?
 Nước cha mẹ đó, sẽ bội nó mà đi đâu (8)
 Rủi trong cơn say tỉnh ngủ mơ,
 Xem có bọn theo tâm dựa bóng,
 Thêu thùa sai chuyện, suát tảo làm càn,
 Dân trong hạt đã một trận lao nhao,
 Tinh lảng diềng thêm tư bề bối rối,
 Buộc chánh phủ phải dùng phương áp lực,
 Khiến đương đồ thêm nhiều mối nghi đoan,
 Lưới tội khắp nơi, thân bào một túi,
 Tôi, bởi một chữ danh mà đến lụy
 Kề muốn điều ác lại đứng đầu,
 Quan pháp đến nhà, áo nu vào ngục,
 May khỏi lên «đoạn đầu dài» như ông Trần Quý Cáp,
 Cũng bị đẩy ra đảo Côn lôn như ông Phan châu Trinh
 Tôi, có đọc ít sách mới Âu Tây !
 Và từng xem cận sử châu Á.
 Phàm các nước lần đầu cuộc cải cách
 Thì chí sĩ phần đông mang tội tù,

Đợi thời đại lần qua.

Sau công luận mới định :

Hoặc kẻ tử tội mà được chiêu tuyết,

Hoặc kẻ phát phối mà được tha về,

Nghi rằng kiếp khổ đương mang đây,

Hắn là cái lệ chung khó tránh đó,

Mượn cỏ trên mà tự ủy,

Đành sống thẹn cho qua ngày !

Một xó góc trời, chiếc thân dền tội,

Quanh năm ngát ngưỡng, núi hoang khan giọng Đỗ-quyên

Bốn phía mênh mông, biển cả vùi oan Tinh-vệ,

Lúc nằm hang tuyết Tô Vĩ (9)

Khi đắp đài thi Văn Sơn (10).

Mỗi nghênh mặt trông về quê hương,

Lại vớ ngực và râu tuổi lão.

Địa ngục mười ba năm trường trải,

Ném đủ mùi ngọt đắng cay chua.

Cuộc đời hai mươi kỷ đổi thay, hẳn vắng bật trong ngoài
tín tức.

Đành vậ sông cùng núi kiệt, rừng

Hán lâm chừn nhận kêu thơ (11)

Bồng dâu đất chuyền trời xoay, miền Tần địa đậu ô hoa
trắng (12)

Tôi, về từ ngoài đảo, nay gần ba năm,

Ngửa ơn mới như biển sâu, nắm xương mòn khỏi chôn
gò hoang thảo.

Mà lối xưa đường núi lớn, tên sờ tù còn chép ở ngục
thư (13)

Xó bếp gục đầu, thôn cùng bó cẳng.

Quần nhân xem như vật quái.

Thân hữu nhiều kẻ tuyết giao,

Khúc nghệ thường cùng xưởng trước kia, mơ màng
chuyện cũ (14)

Sân thiềm điện có đường trở lại, chờ đợi kiếp sau,
 Ai dè đâu chun rắn sống thừa,
 Trên lại chép đầu ngao báng cũ (15).
 Được xóa ngay sớ tội,
 Lại dự vào rừng vắn.
 Ở xuống từ trời, người trời dưới đất,
 Bóng tang du dọi lại, tình ngày hôn đã gây chín lần
 Tín phần tử truyền rằm, tiếng cùng gọi phúc về hai bạn,
 Rõ bóng dương soi vào chậu úp,
 Khiến cây khô trở đặng hoa tươi.
 Nếu không duyên gặp gỡ khác đời,
 Đầu lại được điều may như thế !
 Nay nhờ gặp Hoàng đế Bệ hạ :
 Thông minh trời phú,
 Xả tác đất phò,
 Cưu lòng phục cớ sánh Châu Tuyên (16).
 Trù cuộc duy tân như Minh Trị (17)
 Gió lên giông giậy, nền nội trị mong chấn hưng,
 Tay lẹ mắt lanh, đường ngoại giao càng chăm chỉ
 Trận Âu chiến giúp quân hùng hồ,
 Nặng nước Nam tiếng nghĩa đã đồn xa (18)
 Thành Paris ngự giá Hoa Lưu, nối Hoàng khảo chí xưa
còn bỏ dở (19)
 Tiếng Hạ vũ bốn phương truyền khắp (20)
 Lưới Thương-Thang ba mặt mở toang (21)
 Rằng : Trong cõi lúc này, miền rừng núi đã tiêu mầm
phiến loạn :
 Mà bọn tù năm trước, vòng lao lung còn nhiều kẻ oan
khien.
 Muốn mở đường cho chúng tự tân,
 Thì làm phúc ban điều ân xá.
 Ở Vũ lộ một phen rưới khắp,
 Làng y quan trăm vẻ mới tươi

Cho đến phần tôi, được dự ân ấy,
 Tôi, lui vào tự xét, không khỏi sanh lo.
 Kiếp trước đã ngọc ngách ra trò,
 Kén tầm nợ đã buộc mình vào đấy.
 Đường sau lại hiểm nghi lắm nỗi,
 Mày ngài kia đề rước người ghen.
 Nếu «cọp ra chợ» mà đồn đến ba người (22)
 Thì gà thả lồng có mong gì hai lượt (23)
 Người mang tội không ai cần đếm xỉa,
 Cỏ tiêu tươi đâu sánh với lan khô,
 Tài bình sanh không chút gì vẫn dài
 Giấy gàu ngắn khó múc nơi giếng thăm
 Người chết sống mà xương khô sanh thịt, mang ơn
 dành trời đã ban cho,
 Buổi mai qua mà bóng xế toan gò, đặt mình biết đất nơi
 nào'đấy ?
 Tôi chỉ có : cảm mà xen sợ, lo lại hồ lòng,
 Thu hồng hai mái tóc sương, dám học kẻ ra rừng làm cỏ
 nhỏ (24)
 Xuân vu một chuỗi cày ghé, xin làm dân biết chữ giữa
 làng nông (25)
 Gọi đến ơn sống hai lần,
 Không đáp lại trên một tắc,
 Bằng như lơ lảo
 Không biết nói gì.

HUỖNH THỨC KHÁNG

CHÚ THÍCH :

- (1) Chạm sâu khắc dấu nói sự học nghề khéo vô dụng.
 Gái Lỗ góa Châu : nước Lỗ có người con gái rất thât, nhà Châu
 có mẹ góa già mà biết lo việc nước.
- (2) Có học vấn thành vô ích.

(3) Hoài Nam Tử có bài ca chiêu kẻ ăn sĩ.

(4) Ly tao là bài thơ của Khuất Nguyên, tôi trung nước Sở. Ông thường đi dạo chơi sơn thủy, chăm hái cỏ lan để đeo bên người.

(5) Mậu Tuất chính biến (năm 1898) là cuộc cách mạng của bọn ông Tôn Văn.

(6) Khương hữu Vi và Lương khả Siêu là hai nhân vật duy tân trứ danh của nước Tàu. Hai ông có nhiều sách báo truyền sang nước ta.

(7) Họ Hoa là Hoa thịnh Đồn là người sáng lập ra nước Mỹ, họ Nã là Nã phá Luân, vị vua anh hùng của nước Pháp.

(8) « Dân quyền » và « bệ quốc » là câu trong án kết tội các văn thân đời bấy giờ.

(9) Tô Vũ đời Hán đi sứ sang Hung Nô, bị giữ lại có khi nhịn đói, hứng tuyết mà uống.

(10) Văn Sơn là Văn thiên Tường, tôi trung đời Tống, bị quân Nguyên bắt bỏ ngục rồi giết chết. Khi ở ngục ông có làm nhiều bài thi khẳng khái.

(11) Tô Vũ bị Hung Nô cầm tù, một ngày nọ ở rừng thượng lâm có người bắt được chim nhạn chân có cột bức thư của Tô mới biết Tô còn sống.

(12) Tần bắt Thái tử nước Yên cầm lại nói: Khi nào ngựa mọc sừng, đầu quạ trắng mới cho về, tức là không bao giờ tha về...

(13) Là áng văn chép tội.

(14) Đời Đường đồ Tấn Sĩ, người ta cho là dâng tiên. Nghê Thường là khúc múa hát có tiên nhạc.

(15) Churn rắn, rắn không churn, churn rắn là nói cái thừa ra — đầu ngao là bằng đề danh đậu Tiến sĩ Trạng nguyên,

(16) Châu Tuyền vua Trung Hưng đời Châu.

(17) Minh Trị, vua gây cuộc duy tân cho nước Nhật Bản.

(18) Trần Âu chiến thứ nhất 14, 18, lính Nam sang giúp nước Pháp đánh Đức.

(19) Vua Đồng Khánh trước có ý muốn sang du lịch nước Pháp nhưng chưa đi thì mất. Nay vua Khải Định noi theo chí ấy.

(20) Vua Hạ Vũ.

(21) Vua Thang đi săn mở 3 mặt lưới chỉ để có một mặt, người ta cho là nhơn đức.

(22) Ba người đồn chợ có cọp khiến người ta tin dẫu là chuyện đồn huyễn.

(23) Nói ân xá.

(24) 1 ân thư có câu nói : một vị mà hai tên. Nói khi ở rừng có danh tiếng mà khi ra đời không làm được việc gì.

(25) Cổ thi có câu : làm người dân biết chữ

CHƯƠNG X

NHỮNG HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ ĐÃ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁCH MẠNG VIỆT NAM

(Từ K. Marx đến Tôn Văn)

Chủ nghĩa Karl Marx được tuyên truyền mạnh nhất sau cuộc Cách mạng mùa thu (tháng 10-1917) tức là sau khi Lénine và các đồng chí đánh đổ được chế độ Nga hoàng Lý thuyết mà Marx đã hấp dẫn được nhiều phần dân trên thế giới ở các quốc gia nghèo khổ, các bán thuộc địa hay thuộc địa vì tại đây phong kiến, thực dân, đế quốc đã tỏ ra tham tàn ích kỷ quá mức không còn đếm xỉa đến giá trị con người và không có mấy may chút tình nhân loại. Thêm vào đó với đám quần chúng vô học, lạc hậu thì lý thuyết của Marx rất dễ nghe và rất đáng tin nhờ vậy những người Cộng sản, đồ đệ của Marx mới gây được nhiều cuộc đảo lộn xã hội một cách dễ dàng.

Vậy không là điều vô ích nếu chúng ta tìm hiểu lý thuyết của Marx, thân thế và sự nghiệp của người mà các nước Cộng sản đang tôn thờ như đấng thần linh. Nếu truy nguyên thì người ta biết rằng lý thuyết của nhà triết học Karl Marx, gốc Do Thái phát sinh từ thế kỷ 19 bắt nguồn ở tình trạng bê bối của nhiều quốc gia Âu châu đã phát triển mạnh về khoa học và kỹ nghệ từ thế kỷ trước. Trong giai đoạn này chế độ quân chủ, phong kiến, tầng lớp được ưu thế tuyệt đối và chà đạp không tiếc thương quyền lợi của quần chúng Công, Nông. Tầng lớp này, từ nhiều thế kỷ đã sống hết sức túng thiếu và đau khổ. Cách mạng 1789 bùng nổ tuy lật đổ được các giai cấp ăn trên ngồi trước nhưng vẫn không cải thiện được đời sống của người bình dân là bao nhiêu. Giai cấp phú hào nổi lên. Do có thế lực lớn về tài chánh, giai cấp này làm chủ được nhiều nhà máy tối tân có thể thay thế được nhiều nhân công,

việc sản xuất lại tăng gia gấp bội. Sự kiện này làm nảy nở nạn thất nghiệp mỗi ngày một trầm trọng.

Giai cấp tư bản thành hình và đã chằm ngòi lửa cách mạng ở nhiều nước Âu châu, ngoài ra còn do sự cõ võ của một số lý thuyết gia và các nhà xã hội học có nhiều tiếng tăm như J. J. Rousseau, Montesquieu, Saint Simon Charles Fourier, Robert Gowens, Sismondi, Louis Blanc Proudhon v.v...

Khi Marx ra đời thì chế độ tư bản đã toàn thịnh. Marx liền tập hợp các lý thuyết cách mạng của các tiền bối đề lập thành một hệ thống tư tưởng mới ngày nay gọi là học thuyết Mác-xít. Trực tiếp cộng tác với Marx có Proudhon và Engels trong những năm 1843—1845 ở Anh đề cho ra đời học thuyết kể trên.

Với học thuyết của mình, Marx nhằm đả phá các bất công xã hội, nâng cao đời sống của các người cần lao, lập nên một thế giới đại đồng. Đề đạt tới mục đích này Marx chủ trương giai cấp đấu tranh và một khi các giai cấp thống trị và bóc lột bị lật đổ hết, quyền chánh trị sẽ hoàn toàn do vô sản nắm giữ (*vô sản chuyên chính*).

Vài hàng về tiểu sử của K. Marx

K. Marx sinh ngày 5-5-1818 tại thành phố Trèves thuộc nước Phổ. Ông lên 5 tuổi thì gia đình bỏ đạo Do thái để theo đạo Tin Lành, dời họ Mardoche ra Marx.

Giáo sư Lorla viết về tiểu sử của Marx nhận xét rằng những người Đức gốc Do thái thường có khuynh hướng xã hội vì họ ham chuộng công lý. Họ thường có phản ứng đối với những điều tồi tệ do giai cấp trường giả Đức gây ra nhất là tại Phổ. Tỉ dụ người Đức gốc Do thái không được gia nhập ngành sĩ quan trong quân đội, không được nhận vào các cơ quan tư pháp và trong ngành ngoại giao.

Gia đình của Marx không dư dả. Riêng Marx được đi học, các em phải đi học nghề. Môn học sở trường của ông là Kinh tế học và Triết học. Về mặt tin ngưỡng ông chịu ảnh hưởng của cha rất nhiều nên lúc

thiếu thời ông đã gần như một người vô thần hoặc rất nghèo tin tưởng về tôn giáo. Ngoài ra tính tình của ông rất tự do và phóng khoáng.

A. Círnu, tác giả cuốn « *Karl Marc et Frédéric Engels* » chương 1 đã nói: « Karl Marx đã thoát ly ra ngoài tất cả cái gì gọi là tín ngưỡng, là giáo điều, ông thiên về triết học duy lý trên hết » tuy hồi còn ở Trier ông có học về giáo lý *Tin lành*, được nghe giảng giải về giáo lý với tất cả tính chất siêu hình và duy tâm. Marx cũng lại không chịu tìm hiểu sâu rộng về triết lý và nguyên nhân của tôn giáo.

Qua bậc Trung học, Marx đi Bonn và Berlin đề tiến lên Đại học rồi được tốt nghiệp sau khi đệ trình Luận án về lịch sử triết học Hy Lạp tại Jena. Sau đó ông được mời làm chủ biên tờ « *Nhật báo miền sông Rhin* ». (*Gazette Rhénane*). Trên báo này ông đã viết nhiều vấn đề xã hội. Nhưng ông không làm nghề này lâu và đi làm giáo sư triết học tại Bonn. Năm 1844 ông qua Ba-Lê sau khi lấy vợ là một cô gái con một nhà quý tộc Phổ, Bá tước Westfalen. Sau đó, ông có dịp làm quen với Proudhon và được giới thiệu và hội văn sĩ quốc tế gồm nhiều quốc tịch (Ý, Pháp, Đức, Nga...) hội họp tại thủ đô Pháp quốc. Nhóm này đều có nhiều tư tưởng cách mạng nên từ ngày làm bạn với họ, nhất là với Fierbách chịu rất nhiều ảnh hưởng của ông này, Marx càng được tăng gia về tinh thần nổi loạn vốn có trong bản chất cố hữu của ông. Marx cũng có qua Bruxelles một thời kỳ. Ông phát hành ở đây một tác phẩm nhỏ nhan đề là « *Tình cảnh đáng thương của nền triết học* » trong đó ông phê bình gắt gao cuốn sách của Proudhon tên là « *Triết lý của sự khốn cùng* ». Với cuốn sách này Proudhon muốn tỏ ra hiểu rộng về các học thuyết của Hegel nhưng trên thực tế Proudhon chỉ có những ý niệm mơ hồ mà thôi.

Năm 1848 Cách mạng bùng nổ, Marx trở lại Ba Lê cùng Engels soạn bản « *Tuyên ngôn của đảng Cộng sản* ». Bản Tuyên ngôn này đã làm cho các giới chính trị Âu Châu sôi nổi một thời và cũng nhờ nó mà ông được nổi danh. Trong bản Tuyên ngôn nói đây, Marx và Engels có đưa ra hai tư tưởng căn bản đã cấu thành nền tảng của hệ thống Mác Xít: Một bản về liên quan giữa Lao động và Tư bản, trong đó

Marx nói rằng mối liên quan ấy không phải được đặt ra một cách độc đoán mà là kết quả đương nhiên của các dụng cụ và phương pháp được dùng cho việc sản xuất. Một chủ trương rằng mọi cơ cấu xã hội, tư pháp, tôn giáo và chính trị của các xã hội là hậu quả của yếu tố kinh tế và kỹ thuật sản xuất.

Cũng năm đó, cách mạng nổi lên ở nhiều đô thị miền sông Rhin. Marx lại quay về nước và xuất bản tờ « *Tân nhật báo miền sông Rhin* » (Nouvelle gazette Rhénane) nhằm truyền bá tư tưởng của ông sau khi phong trào cách mạng chấm dứt. Từ giai đoạn này trở đi trước mắt các nhà cầm quyền Marx đã thành một kẻ phá rối trật tự nên đã bị cảnh sát đàn áp khiến ông phải bỏ nước mà qua Pháp. Chính phủ Đức yêu cầu chánh phủ Pháp đuổi ông ra khỏi nước này. Chánh phủ Pháp không chiều hẳn ý của chánh phủ Đức nhưng cũng buộc ông phải lựa một trong hai điều dưới đây :

1) Nếu không muốn rời khỏi nước Pháp ông phải cư ngụ tại miền Dutague là miền Công giáo. (Sở dĩ chánh phủ Pháp buộc Marx đến ở đây vì Marx sẽ không tuyên truyền chủ nghĩa vô thần ở nơi hữu thần, chủ nghĩa duy lý ở nơi có chủ nghĩa duy tâm)

2) Nếu không chịu đến miền Dutague thì phải đi khỏi nước Pháp.

Không chịu được điều kiện trên đây Marx lại khăn gói qua Luân-Đôn. Đến đây không bị nhà cầm quyền ngược đãi nhưng ông lúng túng về tiền bạc và hay cáu gắt. Ông lấy nghề viết báo làm mưu sinh nhưng ngồi bút chẳng nuôi nổi người, tuy vậy, ông được sự may mắn là có bè bạn hoặc một số người ái mộ tài năng giúp đỡ trong đó có Engels và Lassalle nên cũng không đến nỗi nào, nhất ông được Engels cấp cho hàng năm 400 đồng Anh kim khiến ông được sống phong lưu là khác Ông gả chồng cho con gái, mở đình đám khá long trọng thì ta đủ hiểu. Nhưng ta phải nhớ rằng Marx là con người bừa bãi nếu ông ta gặp nhiều sự khó khăn thì sự kiện này do cái tính cầu thả của ông mà ra.

Năm 1859 ông xuất bản cuốn « *Phê bình về kinh tế và chính trị* » mà nội dung đã được phác qua trong bản Tuyên ngôn của đảng Cộng sản nghĩa là ông đã đề cập đến mối liên quan giữa chủ và thợ lệ thuộc vào kỹ thuật sản xuất, thứ đến ông quan niệm mọi cơ cấu chính trị tư pháp, tôn giáo v.v... của một dân tộc trong một thời kỳ nào đó như là kết quả của một tổ chức kinh tế mà dân tộc đó đã đạt được trong thời gian kể trên.

Tác giả còn chứng minh các hệ thống sản xuất kinh tế đã trải qua 4 thời kỳ :

- 1) Thời kỳ Á Đông
- 2) Thời kỳ thượng cổ cổ điển
- 3) Thời kỳ trung cổ
- 4) Thời kỳ hiện đại tức thời kỳ tư bản.

Theo ông mỗi thời kỳ đều có những biến chuyển kinh tế ngoài thế giới cùng nhịp với những biến chuyển của nền văn minh nhân loại và suốt bốn thời kỳ những cuộc tranh đấu của con người được nối tiếp qua những cuộc khủng hoảng xã hội dữ dội Sau hết ông khẳng định thời kỳ tư bản phải chấm dứt để đi tới chính thể Cộng sản và từ đó không còn biến chuyển nào nữa vì con người bấy giờ trở đi mới được yên thân mà sống.

Cũng tại Anh quốc tám năm sau ông phát hành cuốn sách thứ hai (tập đầu) tức là cuốn « *Tư bản luận* », trong sách này ông đề cập đến các vấn đề kinh tế và xã hội, đồng thời ông đưa ra một bản tường trình về một hệ thống giải thích thế giới sử. Chúng tôi ngừng phần giới thiệu Marx và học thuyết của ông ở đây trên vài nét đại cương và xin cùng bạn đọc đi sâu vào học thuyết này trên những phần chính yếu.

Duy vật biện chứng pháp là gì ?

Ngày nay ta có thể nói rằng mọi lý thuyết của chủ nghĩa Mac-xít đều bắt nguồn ở Duy vật biện chứng pháp là một phương pháp do Marx và Engels hợp lực xây dựng nên.

Phương pháp này được phỏng theo cách luận lý độc đáo của nhà triết học duy tâm Đức tên là Hégel đã nêu danh một phần vì định thức tam cấp : « *chính đề, phản đề, hợp đề* » của ông (1) về phần Marx, đưa ra một định thức tam cấp khác là « *Quyết thể, hủy thể, và hủy thể của hủy thể* » (2) và áp dụng vào biện luận duy vật. Định thức này đã thành nguồn gốc « *duy vật biện chứng pháp* » theo đó muôn vật ở trên đời đều phát sinh ở một nguyên tố duy nhất là « *vật chất* » luôn luôn biến chuyển. Sự biến chuyển không ngừng này là do sự mâu thuẫn nội tại ở mỗi vật. Trong cuộc biến hóa, vạn vật có ảnh hưởng và liên quan lẫn nhau và khi tới một mức độ đòi hỏi sự vật sẽ đột biến từ trạng thái lượng sang chất.

Như vậy Marx đã đưa ra 4 định luật :

(1) Định luật thứ nhất là : trên đời này không có gì đứng nguyên một chỗ từ muôn vật hữu hình và vô hình, tỉ dụ núi non, cây cỏ, thú vật, con người đến cả các tư tưởng, các nguyên tắc luân lý, đạo đức, chánh trị v.v..

2) Định luật thứ nhì là : *vạn vật tương quan* hay cũng gọi là « *tác dụng hỗ tương* » Marx cho rằng không có vật nào ở trên đời tự nó là hoàn hảo trái lại mọi vật đều ở trên đường này nọ, tiến hóa, nó không tự đủ cho nó.

Trái lại mọi vật đều chịu ảnh hưởng của các sự vật chung quanh.

3) Định luật thứ ba là : « *mâu thuẫn* » hay cũng gọi là « *thống nhất mâu thuẫn* » Marx cho rằng sự biến chuyển của sự vật hay cuộc tiến hóa của lịch sử bằng yếu tố mâu thuẫn. Ông cho biết rằng nếu ta quan sát vạn vật và lịch sử con người, ta thấy sự vật nào cũng có hiện tượng đối lập, tỉ dụ có *âm* thì có *dương*, có *nóng* thì có *lạnh*, có *quá khứ* thì có *vị lai*, có *yêu* thì có *ghét*, có *nặng* thì có *nhẹ* v.v.. và như vậy là mâu thuẫn ở ngay trong chính sự vật và cũng nhờ có

1) Triade de Hégel : « *Thèse — antithèse — Synthèse* »

2) *Affirmation; négation, négation de la négation*

mâu thuẫn đó mà có sự biến hóa, sinh ra đối lập của nó. Cái đối lập này khi sinh ra sẽ tiêu diệt sự vật cũ và cũng sẽ bị một sự vật mới đối lập với nó tiêu diệt trong tương lai. Tóm lại sự vật đổi thay vì chứa bên trong mình mối mâu thuẫn.

4) Định luật thứ tư là luật « lượng biến chất biến » hay đột biến (nhảy vọt).

Marx đã dùng khoa học, lịch sử và chính trị để chứng minh rằng một sự vật đang tiến triển bình thường, bỗng tới một giai đoạn nào, do điều kiện nào đó sẽ biến sang trạng thái khác, không còn giữ được nguyên trạng nữa. Tỉ dụ : nước sôi trên 100 độ sẽ biến thành hơi nước — một chế độ chính trị hoặc phong kiến hoặc quân chủ chẳng hạn, do có nhiều mâu thuẫn nội tại một ngày kia sẽ gặp cách mạng nổi lên lật đổ hoàn toàn chế độ cũ để thay thế bằng chế độ mới có nhiều tính chất khác hẳn.

Rồi theo các định luật kể trên trong việc truyền bá chủ nghĩa Cộng sản và bành trướng thế lực của họ, họ đã linh động giải quyết mọi vấn đề và đã sử dụng mọi phương tiện kể cả những phương tiện bí hiểm nhất, gian manh tàn ác nhất để thành công, bắt chấp đạo đức, liêm sỉ v.v... (1)

Các sự kiện này xảy ra là bởi Staline từng quan niệm và nói ra không úp mở về vấn đề ngoại giao chẳng hạn « *lời nói không có liên quan đến hành động*, nói một đảng, làm một nẻo, nói tốt chỉ là để che dấu những hành động xấu, việc ngoại giao chân thành là điều không thể có được... » và như thế phải hiểu theo Cộng sản là kẻ nào trọng tín nghĩa là đồ ngu xuẩn.

(1) Vì muốn linh động theo luật biến chuyển, chỉ tính sơ trong 27 năm từ 1921 đến 1948 Nga xô đã vi phạm ít nhất 15 hiệp ước, ngay cả với các nước trong thế giới Cộng sản, tỉ dụ hiệp ước ký với các xứ Géorgia (1920—21) Ukraine (1920—22) Ba lan, Phần lan (1932—39) Estonia, Latvia và Lithuania (1939—40) Nhật bản (1940—45) Đức quốc (1938—1941) Tiệp khắc (1943—48) Trung hoa, Hung gia lợi (1915) Lỗ ma ni, Bảo gia lợi (1947—1948), Mỹ, Anh (1915—46—48) v.v...

Theo trên, Marx cho rằng chỉ có vật chất đóng vai chủ động cho đời sống của vũ trụ của con người, tinh thần hay tư tưởng không là gì cả. Marx cho rằng tinh thần chỉ là sản phẩm của trí óc, của vật thể.

Tinh thần không thể có nếu không có thể xác, trái lại não óc, vật chất không phải là sản phẩm của tinh thần, hay nói cách khác tinh thần chỉ là một sản phẩm cao đẳng của vật chất mà thôi.

Như vậy Marx nhận định rằng vũ trụ là một thực tại, ngoài vật chất ra không có gì là thực tế tâm linh, hoặc một thực tế cơ giới nào nữa. Cỏ cây, thú vật, chỉ là kết quả của sự biến hóa vật thể. Xã hội loài người không đứng ngoài qui luật này. Lịch sử cũng vậy, lịch sử chỉ là cái luôn luôn biến chuyển của các lực lượng vật chất. Trong một vật hay một trạng thái có thể vừa là nó mà lại không phải là nó. Trong hình thức đang có của một vật, đã nằm sẵn mầm mống hình thái sắp có rồi. Nói khác đi trong nội trạng mọi sự vật đều chứa hai yếu tố vật chất tương phản. (1)

Duy vật sử quan và giai cấp đấu tranh

Nhìn về khía cạnh kinh tế Marx cho rằng xã hội loài người có hai yếu tố : tương quan sản xuất và hình thái xã hội. Tương quan sản xuất là những tương quan kinh tế giữa thợ và chủ. Như vậy cơ sở kinh tế ở bất cứ nước nào cũng tùy ở mối tương quan sản xuất.

Về hình thái ý thức xã hội, con người trước những mối tương quan đó thấy các điều kiện kinh tế cần phải theo để rồi chống lại bằng nhiều phương thức. Rồi con người tiến dần với thời gian thấy mình bị bóc lột, áp bức. Họ vùng dậy đấu tranh. Marx cho đây là một định luật lịch sử ở bất cứ xã hội nào, và cho định luật này là duy vật sử quan và chia lịch sử nhân loại làm 3 thời kỳ :

- Thời kỳ nguyên thủy
- Thời kỳ quý tộc đến thời kỳ tư bản.
- Thời kỳ tư bản đến thời kỳ Cộng Sản.

(1) *Việt Nam Giáo sử* của L.M. Phan phát Huân trang 25.

a) *Thời kỳ nguyên thủy* : Trong giai đoạn này, loài người sống chung đụng không có thế chế nào, không có tôn giáo, tổ quốc, gia đình chi tiết. Vấn đề sinh lý chỉ là sự giải quyết nhu cầu : ăn, ở, ngủ v.v.. Marx đặt nó là thời kỳ Cộng sản nguyên thủy. Thời kỳ này không phân chia giai cấp vì con người bấy giờ không có sự liên hệ mật thiết gì với nhau.

b) *Thời kỳ quý tộc đến tư bản* : Vì vấn đề ăn, mặc, ở v.v..., dần dà loài người nghĩ tới sự tụ họp, hoặc từng đoàn thể, hoặc từng khu vực. Trong khi đó có kẻ mạnh kẻ yếu, kẻ mạnh bắt kẻ yếu phải làm nô lệ mình. Từ đó xã hội bắt đầu có giai cấp : giai cấp thống trị và giai cấp bị trị.

c) *Thời kỳ tư bản đến cộng sản* : Sự bóc lột giai cấp vô sản của phe tư bản ngày càng nặng nề. Giai cấp vô sản vì thế phải vùng dậy diệt tư bản để tiến tới thời kỳ Cộng sản.

Hơn nữa, đời sống của con người trong xã hội mỗi ngày bị nhiều điều kiện vật chất chi phối thì dĩ nhiên phải xây dựng xã hội trên nền tảng kinh tế và đặt ra gương máy chính trị. Như vậy kinh tế chi phối chính trị.

Karl Marx đem lịch sử ra chứng minh sự tranh đấu để sống. Con người phải tranh đấu với thiên nhiên, con người phải tranh đấu với đồng loại, rồi kết luận « lịch sử loài người chỉ là những cuộc giai cấp tranh đấu ». Tranh đấu để chiếm lấy các quyền lợi, rồi nắm lấy quyền chính, tạo nên một chế độ xã hội cốt để củng cố quyền lợi đã nắm được. Còn những giai cấp bị bóc lột thì còn phải tranh đấu để thoát ly khỏi cảnh bóc lột ấy.

Vấn đề Kinh tế theo học thuyết Mác-Xít có những quan niệm đặc biệt dưới đây :

a) *Giá trị hàng hóa* : Marx cho rằng giá trị của một món hàng, mỗi đồ vật (vật chất) là do công của người thợ đã tạo ra nó. Muốn định giá trị của nó phải căn cứ vào số giờ (thời gian) để tạo nên vật đó, trong

những điều kiện sản xuất thông thường. Thí dụ : đất đầy dẫy ngoài đồng, vô giá trị, nhưng nếu có người mang về, nặn thành nồi niêu, gạch ngói thì nồi niêu, gạch ngói trở thành giá trị. Sở dĩ chúng có giá trị là do công lao của người thợ.

b) *Giá trị thặng dư* : Marx cho rằng bọn tư bản muốn kiếm nhiều lời, dĩ nhiên phải tìm mua nguyên liệu rẻ. Nhưng nguyên liệu đã có giá nhất định nên họ phải tìm cách mua rẻ sức lao động của thợ thuyền. Vậy giá trị thặng dư chính là số giờ chủ bóc lột thợ, bắt làm mà không trả công. Do đó, chế độ tư bản ngang nhiên bóc lột giai cấp vô sản.

c) *Tích lũy tư bản* : Giai cấp tư bản do sự trục lợi về thặng dư giá trị hàng hóa càng ngày càng giàu, họ càng mua được nhiều máy móc, càng có nhiều nhân công, lợi tức chồng chất lên mỗi ngày một nhiều, thợ bị bắt chẹt thì lương phải thấp kém, vì vậy kẻ giàu càng giàu thêm, kẻ nghèo ngày càng túng bấn thêm.

Rồi một hiện tượng tất nhiên phải phát sinh ra là xã hội dần dần chia thành hai giai cấp : giai cấp tư bản và giai cấp vô sản. Đứng trên bình diện chánh trị, Karl Marx nhận định cũng như kết luận rằng : do sự tích lũy tư bản, quần chúng càng ngày càng nghèo khó, kiệt quệ rồi hàng ngũ vô sản ngày càng đông đảo.

d) *Cách mạng dĩ nhiên* : Vì tranh giành sự sống nên sinh ra đấu tranh giai cấp. Thành phần lao động tăng gia ngày càng nhiều, lực lượng vô sản trở nên rất mạnh mẽ, giác ngộ rõ ràng được quyền lợi phải có của mình, sẽ không để cho thiếu số trục lợi nữa, như vậy tự nhiên cách mạng vô sản phải bùng nổ.

Thế giới tư sản bị đảo thái, chế độ mới trong đó không phân giai cấp bắt đầu xuất hiện. Mọi phương tiện sản xuất sẽ là của chung, giao cho xã hội nắm giữ. Chế độ tập sản thành hình. Xã hội vô sản sẽ thành một thiên đường ở thế gian, không có sự thù hằn, chém giết, tranh giành, không có tội ác, không bóc lột. Mọi người cùng làm, cùng hưởng. Luật pháp trở nên vô dụng, gia đình, quốc gia biến đi. Thế giới sẽ theo một chính sách chung, một chế độ mà quyền tư hữu sẽ bị vĩnh viễn

khai tử, ai cũng như ai: đó là thế giới đại đồng và chỉ có người Cộng sản, lý thuyết Cộng sản mới đưa loài người ra khỏi chỗ bế tắc này.

Người Cộng sản còn đem một số tư tưởng khác không kém phần quan trọng vào học thuyết của họ, tí dụ những quan niệm khác thường về cá nhân, gia đình, tổ quốc, tôn giáo v.v.. như sau:

a) *Cá nhân*: Con người theo Cộng sản cũng chỉ là một biến hóa của lực lượng vật chất và biến hóa này được thể hiện bằng các hành động vật chất. Tất cả con người chỉ là vật chất và càng hoạt động cho vật chất được nhiều hơn, con người càng là *người* hơn bấy nhiêu... người chỉ là cái máy làm việc, chỉ còn là một nhân công, rồi thuyết của Marx là thuyết độc tài công nhân..

Con người xây dựng nên lịch sử qua các cuộc chiến đấu của các lực lượng vật chất, con người chịu cấu tạo bởi cuộc xô xát giữa các lực lượng vật chất. Không có đấng Tạo hóa nào cả, con người tự phát sinh do sức tranh đấu của các lực lượng vật chất và biến chuyển theo việc làm vật chất. Hành động con người phải cách mạng luôn luôn, xáo trộn liên miên để thoát ly khỏi cái thế giới hiện tại mà người ta bảo là do Thiên chúa dựng lên để sống trong một thế giới cơ khí mà con người làm ra bằng công lao của mình.

b) Gia đình theo Cộng sản cần phải đập đổ: chế độ một vợ, một chồng và có tánh cách vĩnh viễn là không hợp lý. Sự kiện này thuộc một thời đại quá đen tối không thể đề tồn tại nữa vì từ trước đến giờ, người ta chưa biết đến cái dây liên lạc giữa sự phát triển kinh tế và trạng thái nhất phu nhất thê không thể lấy đạo giáo hay luật pháp để ràng buộc con người cũng như tư bản hóa gia đình.

Bàn về hôn nhân, người Cộng sản lý luận rằng tình yêu của loài người là một biến cố hoàn toàn vật chất, hoàn toàn thuộc về phạm vi thê xác. Nó không khác gì việc một chiếc hoa nở và thành trái nhờ con ong đem phấn tới rắc. Đạo giáo, luân lý, luật pháp không có lý do can thiệp vào việc biến hóa của tình yêu, động cơ thúc đẩy sự biến hóa của tình yêu là nguyên nhân kinh tế... tình cảm không có nghĩa gì cả.

Cũng như mọi xã hội, gia đình là sự hòa hợp của hai lực lượng đối lập, trong đó người đàn ông là tư bản, nghĩa là kẻ khai thác, bóc lột người phụ nữ. Như thế người phụ nữ cần được giải phóng. Khi tình yêu không còn giữa người đàn ông và người đàn bà, thì sự ly dị là điều cần thiết và hữu ích. Ly dị còn là một biện pháp hữu ích cho xã hội nữa, bởi biện pháp này làm tăng số nhân công cho guồng máy kinh tế xã hội. Người phụ nữ đã không thuộc gia đình, không cần phải lo việc nội trợ, giáo dục con cái, hoàn toàn bình đẳng với nam giới và như vậy họ cũng là một đơn vị như người đàn ông vậy.

Đến con cái cũng thế, nó chỉ thuộc xã hội và Nhà nước. Cha mẹ không là gì khác hơn là bạn hữu thân mật của chúng. Họ không được quyền đòi hỏi bất cứ sự gì ở chúng. Rút lại, đến lượt con cái cũng bình đẳng với cha mẹ. Nói cách khác, cha mẹ không có quyền gì đối với con cái hết.

c) Người Cộng Sản có công nhận Tờ quốc không ?

Có thể trả lời là không ! nhưng người Cộng Sản vẫn hay lấy chữ Tờ quốc hay quốc gia làm chiêu bài để lôi cuốn quần chúng, để lừa gạt họ mỗi khi cần phát động các cuộc cách mạng trong nội bộ hay ra ngoài Quốc-tế. Trong việc tuyên truyền, các nhà lãnh đạo Cộng Sản ở Nga Sô đã coi Nga Sô là thiên đường của vô sản, là tờ quốc của các nước theo chủ thuyết của mình và in sâu vào đầu óc của các người Cộng Sản bên ngoài nước mình ý niệm chống lại nước họ đang ở nếu có sự bất hòa với Nga Sô (bằng phản chiến, bài quân đội, gây nội chiến v.v...). Nếu nước mình đang ở là một nước thân Nga thì Cộng Sản ở nước đó phải có thái độ yêu nước nhất, hết sức ủng hộ quân đội và chấp nhận mọi binh phí.

d) Karl Marx quan niệm tôn giáo làm giảm giá trị của con người Thiên Chúa hay đấng thần linh cao cả nào hơn nữa cũng chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú ở nơi con người. Đó là điều hoang đường, nguy hại, nó làm người ta trở nên mê muội, hoang mang rồi xao lãng dần công việc hàng ngày. Nó nhập vào đầu óc con

người những ước vọng hảo huyền, ngấu trở các nỗ lực phát triển khả năng, trí tuệ cần thiết cho cuộc đời thêm tươi đẹp..

Thiên Chúa không tạo nên thế gian và không có Thiên Chúa. Các tôn giáo không có giá trị gì cả, ta chỉ nên coi nó là một hiện tượng trong đầu óc con người ở một giai đoạn phôi thai cần phải vượt qua. Còn vũ trụ và muôn vật tự nhiên mà có do vật chất cấu tạo nên, cũng như trí thông minh và tư tưởng của con người là sản phẩm của vũ trụ. Con người chỉ là cái máy được điều chỉnh thêm mà thôi, nó không có linh hồn cũng như vũ trụ không có thần linh nào tạo ra hết. Quan niệm về tôn giáo của Cộng Sản xét ra thật hồ đồ, vô căn cứ. Tôn giáo thật ra là một vấn đề có từ những thuở xa xôi của lịch sử. Đã lâu lắm rồi, loài người tin có thần linh, dưới hình thức này hay hình thức khác trong các hang đá, các động đời thượng cồ đã có dấu tích của tôn giáo. Các bậc vĩ nhân, các nhà bác học được coi là những bó đuốc soi sáng đường đi của nhân loại lại là những người tin có Thượng đế, tỉ-dụ Platon, Cicéron, Plutarque. Sự thật thì tín ngưỡng ở những dân tộc văn minh rõ ràng, tế nhị hơn ở các dân tộc bán khai, lạc hậu, nhờ vậy đã gạt bỏ được các điều dị đoan, ngớ ngẩn. Nhiều triết gia đã công nhận định nghĩa : người là một con vật tôn giáo. Kant có lần viết : không ai minh chứng một cách tất nhiên không có Thiên Chúa. Xưa nay người ta lấy việc có vũ trụ, có con người, có vạn vật để chứng minh có Thiên Chúa, nghĩa là có Thiên Chúa mới có những thực tại ấy. Cộng Sản phủ nhận hết một cách ngoan cố, cực đoan như nhiều lý thuyết vô thần khác, rồi thúc đẩy con người nỗ lực làm việc để biến đổi hết cái gì người ta bảo là do Thiên Chúa. Dầu sao, trước vấn đề, họ vẫn là thiều số trước nhân loại đã có tín ngưỡng từ vạn năm qua, nhưng họ có lý do của họ là nếu tin có thượng đế, nếu coi tôn giáo là có giá trị thì phải sắp đặt xã hội trên những nền tảng của công bình và bác ái. Cộng sản thực ra là một chủ thuyết đòi hỏi sự độc tài đến chỗ tuyệt đối, một thứ Fát-xít, phong kiến mạnh nhất, không dung một thê chế, một lý thuyết nào khác. Riêng với các tín ngưỡng, tín điều, tôn giáo, chủ thuyết Cộng Sản đả phá kịch liệt do mục đích độc quyền đầu óc con

người trên mọi lãnh vực của tư tưởng nhất là về chánh trị, nó chủ trương giành lấy địa vị độc tôn, vì thế nó quyết liệt phá bỏ triệt để mọi nền tảng cố hữu của nền văn minh không có chất Mác Xít hầu nắm hết, vì vậy ta có thể cho rằng chế độ Cộng-Sản có tính cách độc tài hơn hết thảy mọi chế độ.

Chúng ta nghĩ gì về lý thuyết của Marx ?

Giữa thế kỷ thứ 19 vừa qua, phong trào xã hội được phát sinh như thời một luồng sinh khí mới trong nhân loại. Chủ nghĩa Mác-Xít quả đã góp phần vào việc xúc tiến phong trào ấy. Các tư tưởng tự do cá nhân, dân chủ, dân quyền xét cho đúng đã xô đẩy con người xuống hố đau thương, vào những cuộc lăm than vô tả. Bao nhiêu kẻ nấp sau các chiêu bài cách mạng công bằng, tự do, dân chủ thực ra đã lợi dụng sự tin tưởng của quần chúng, nhất là các giới công nông để dày đạp giá trị con người một cách trắng trợn, vô nhân đạo. Trong lúc thế giới sa vào một hoàn cảnh bi ai, những lớp người thiện chí, có tinh thần vị tha và sáng suốt cố gắng tìm cách cải thiện đời sống nhân loại trong tương lai thì Cộng sản cũng đã gióng một tiếng chuông đả kích chế độ tự do cá nhân và đứng ra sáng tạo một lý tưởng đề cứu vãn tình thế (1).

Nhưng nếu đọc lý thuyết của Marx mà không nhận xét kỹ càng thì ta thấy nó rất khoa học và hoàn toàn khách quan ; còn nếu chịu suy luận và ngó vào thực tế thì những điểm nêu lên trong thuyết đó đều rất nguy hiểm, phản khoa học, phản tiến hóa vô cùng tai hại cho nhân loại.

Karl Marx cho rằng kinh tế tạo ra chế độ xã hội, chánh trị và dụng cụ sản xuất là hệ trọng nhất trong nền kinh tế. Bình tâm mà xét, ta nhận thấy vật chất đối với con người là tối cần thiết thật, điều đó không ai chối cãi, nhưng không phải chỉ nhìn nhận vật chất mà ta có thể đánh giá trị được những quá trình tiến triển của xã hội, hay chỉ nhìn vật chất mà ngang nhiên chối bỏ tinh thần. Vì lẽ, nếu phủ nhận giá trị tinh thần thì loài người ngày nay cũng vẫn chỉ như người cồ sơ, như thú vật, ăn lông uống máu, trong rừng thẳm hoặc hang sâu tăm tối ; mà đã như thú vật thì dĩ nhiên làm gì có tiến hóa, làm gì có những

phát minh khoa học, những máy móc tối tân ! Không có phát minh thì lấy đâu ra dụng cụ sản xuất ?

Nhờ có sự hiểu biết (*lãnh vực tinh thần*) của loài người mà xã hội đã được cấu tạo và cải tiến không ngừng. Như vậy chế độ kinh tế đâu có phải là yếu tố tạo nên sự tiến bộ và hình thành các thể chế chánh trị. Trong khi mang lịch sử ra dẫn chứng, Karl Marx đã lý luận một cách máy móc và một chiều dựa trên những dẫn chứng chọn lọc trong một vài trường hợp ở Âu Châu mục đích là ngụy biện cho phù hợp với lý thuyết của mình.

Dưới đây là vài dẫn chứng quan trọng tỏ rõ thuyết kinh tế chi phối xã hội, chính trị của Marx hoàn toàn sai lầm.

Thật vậy, chế độ phong kiến phát sinh đâu có phải động lực chính là kinh tế. Ở Âu Châu thời quân chủ, cũng như ở Đông phương thời «*Xuân thu chiến quốc*» bên Tàu hay thời «*Thập nhị sứ quân*» Việt Nam đâu có phải vì kinh tế mà phát sinh. Như ở Pháp hồi đó, nhân dân tụ họp quây quần chung quanh vị Sứ quân là để được sống an cư lạc nghiệp, khỏi bị tai họa chiến tranh do tham vọng chánh trị của bọn người thế lực gây nên... Sử sách còn đó để minh chứng rằng bản tính kiêu ngạo thống trị, không chịu khuất phục ai mới là nguyên nhân chính của xã hội phong kiến.

Nói đến gia đình, không phải kinh tế phát sinh ra gia đình mà chính gia đình đã gây dựng kinh tế. Con người ai cũng mang một bản năng tự tồn, truyền sinh. Nam nữ kết giao trước hết là mục đích cao thượng bảo tồn nhân loại. Rồi vất vả làm ăn, mưu cuộc sống cho mình, cho vợ con, gia đình, cũng là bản năng truyền giống không muốn cho mình hoàn toàn tiêu diệt sau khi chết đi. Người nông phu thợ thuyền v.v... tất cả đều nghĩ tới việc lập gia đình để duy trì nòi giống, họa chăng chỉ có một thiểu số không nghĩ đến mục đích cao siêu ấy, nhưng ít ra cũng vì nhu cầu sinh lý của bản năng tự tồn và lưu giống làm trụ cột, chứ đâu phải vấn đề kinh tế.

Thứ đến, thuyết «*Tích lũy tư bản*» theo Karl Marx, bản cùng hóa lao động, nhưng thực tế thì không như vậy, bằng có là các nước tiền

tiến dang và đã tìm cách giới hạn sự phát triển mạnh mẽ của tư bản, bằng phương pháp «*Lao tư công tác*» và nâng cao lương bổng của giới lao động và đưa họ đến cả chỗ dự phần sở hữu các xí nghiệp, quản trị các xí nghiệp, do đó mà ngay ở Anh-Mỹ và nhiều nước Tây Âu, những sự phá hoại quá rối của Cộng sản đang thất bại rõ rệt. Và thuyết của Cộng sản đã gần như một hư tưởng.

Karl Marx, sau khi biện chứng lý thuyết của mình (một cách máy móc) đã mơ tưởng đến một thế giới đại đồng, trong đó quyền tư hữu, nền tảng gia đình, quốc gia bị đào thải... và như vậy là tiến tới một thiên đàng hạ giới. Thật ra thì không phải Marx là người đầu tiên nghĩ ra nếp sống lý tưởng này. Trước đây ngoài 20 thế kỷ, các Giáo chủ như Thích Ca Mâu Ni, chúa Ky Tô, các triết gia như Khổng phu Tử, Mặc Tử v.v... cũng đã nghĩ đến rồi. Những vị siêu nhân này kêu gọi sự đồng nhất về lý tưởng con người còn chưa thành công hoàn toàn như ý muốn thì chủ trương của Marx tỏ chức xã hội dựa trên một căn bản hoàn toàn vật chất lại càng vô vọng hơn nhiều nữa. Hãy chờ đến khi nào con người đào thải được hết tính tham tàn ích kỷ, họa chẳng mới thực hiện được cái lý tưởng cao xa ấy.

Chế độ tập sản của Marx sẽ đi tới đâu ?

Marx và Engels đã kết tội chế độ tư bản và tư sản, đưa ra một hình ảnh xã hội theo chế độ tập sản và quảng cáo rằng chế độ này sẽ đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Sau cách mạng tháng 10 năm 1917, nhóm Cộng sản do Lénine lãnh đạo đã cướp được quyền của Nga hoàng, đem áp dụng chế độ tập sản về kinh tế và chế độ đảng trị về chính trị. Kết quả của chính sách ấy là bao nhiêu người bị tù đầy, bị giết chóc, biến con người thành những tên nô lệ cực nhục nhất.

Lý thuyết duy vật của Karl Marx, Engels đã chủ trương kinh tế chi phối chính trị và lập luận : để xây dựng xã hội cần phải áp dụng một chủ trương chánh trị mới theo nền tảng kinh tế mới : chế độ Cộng sản hay tập sản.

Chế độ tập sản xây dựng trên nguyên tắc căn bản sau đây : quyền tư hữu bị thủ tiêu, phương tiện sản xuất không là của riêng ai mà là của chung của xã hội. Kẻ xuất vốn, kẻ sử dụng nhân công, kẻ phụ trách chuyên vận, phân phối đề cung cấp, kẻ điều khiển thị trường v.v... nay thu lại trong tay một ông chủ, đó là «Đảng Cộng sản», Nhà nước Cộng sản. Nói cách khác chế độ kinh tế của Cộng sản vẫn có tính cách tư bản, vẫn có tính cách tập trung nhưng đặc điểm của nó là không phải ở nhiều người quyền lợi khác nhau, mà chỉ có một người kinh doanh, làm chủ hoàn toàn, người ấy là chính phủ, là «Đảng» như vậy sự tập trung, sự thống trị còn mạnh gấp ngàn lần chế độ cũ.

Tập sản, đảng trị với chính sách chỉ huy kinh tế triệt để ấy đến thực hành như thế nào ? Sự thực trong lý thuyết, Marx chỉ nêu ảnh hưởng của xã hội Cộng sản lý tưởng với nguyên tắc tập sản mà thôi, chứ Marx cũng như Engels đều không thể dự tính rõ ràng được chế độ kinh tế ấy như thế nào, nếu đẹp thì cũng mới chỉ đẹp trong mơ ước và tưởng tượng mà thôi.

Trong giai đoạn đầu, Cộng sản cố biến đổi phương sách kinh tế cũ cốt cho phù hợp với luật lệ của xã hội mới, nên chỉ tuyên bố đường lối kinh doanh kỹ nghệ là «tài sản của xã hội» và vẫn giao cho các ban giám đốc cũ điều khiển. Tình trạng vừa nêu trên rất ngăn ngại, chính quyền sau này dần dà nắm hết mọi quyền điều khiển, áp dụng chính sách kinh tế chỉ huy triệt để. Nhà nước và Đảng đã giữ toàn quyền chỉ huy động nhân công, điều khiển guồng máy sao cho đạt tới mức đã định.

Từ điều khiển đến thi hành, mọi cơ quan phụ trách đều là những bộ phận của một guồng máy phức tạp. Và trên thực tế, đó là một hệ thống tổ chức cứng rắn, áp dụng kỷ luật sắt, muôn phần vô nhân đạo, vô nhân đạo hơn cả chế độ kinh tế tự do.

Mọi xí nghiệp, mọi công tác nông nghiệp, nhất nhất phải chịu một sự kiểm soát gắt gao. Không phải chỉ sung công tài sản của địa chủ, phú hào mà còn của tất cả mọi người, rút cuộc và nói trắng ra chỉ có chính phủ của Đảng Cộng sản là chủ nhân mà thôi.

Dưới chế độ tập sản đảng trị, Ông Chủ là một người vô hình độc đoán, máy móc, tàn ác. Người dân là thợ trong xưởng máy hay trong nông trường đều không thể mở miệng kêu ca. Đảng bắt buộc thi hành nhiệm vụ nào là phải nhắm mắt mà thi hành như một bộ phận trong guồng máy phức tạp. Con người vì thế mà không còn nữa vì tự do đã bị thủ tiêu mất rồi.

Xét ra, dân cày, thợ thuyền trước cách mạng vô sản bị Cộng sản mua chuộc, mang xương máu ra phục vụ cho cách mạng vô sản, lật đổ Nga hoàng, những tưởng rồi ra được no cơm ấm áo, tài sản dồi dào, nào ngờ lại còn bị áp bức gấp ngàn lần so với chế độ cũ. Đất đai, tài sản bị chính phủ sung công hết. Nguyên tắc « các tân sở năng, các thủ sở nhu » chỉ là một chuyện dối trá vì sự thực đã vô cùng mỉa mai : người lao động nai lưng làm việc cho Đảng, cho cái chánh phủ mệnh danh là chánh phủ lý tưởng mà trái lại quyền lợi vật chất, tinh thần của họ còn bị tước đoạt mạnh mẽ hơn dưới bất cứ một chế độ nào khác trước đây. Vậy kể từ mấy chục năm nay, chế độ Cộng sản ra đời, nông dân, thợ thuyền luôn luôn nổi lên chống chế độ. Kết quả là đã bao nhiêu triệu con người tại Nga Sô cũng như tại Trung Quốc bị chém giết tù đầy và ngã gục ở các chốn thâm sơn cùng cốc.

Cộng Sản đối với vấn đề tự do.

Trong chế độ cộng sản, càng nhắc đến danh từ « tự do cá nhân » càng thấy mỉa mai, đau đớn vì Cộng sản đã thủ tiêu, đầy ải hàng triệu con người chỉ bởi họ đã dám đòi hai chữ « Tự do ». Thật là khôi hài khi nghe một công dân Nga nói : « Theo Hiến pháp, chúng tôi có tự do ngôn luận, nhưng chúng tôi không biết nói gì ». Chính Lénine đã nói : « Tự do mà làm gì ? ». Rồi lãnh tụ cộng sản đã dùng đủ mọi phương pháp đã man đề đàn áp những tư tưởng mà họ gán cho là phản động, nghĩa là dám nghĩ và dám làm sai đường lối mà Đảng đã vạch sẵn. Chúng ta phê bình họ độc tài chẳng khi họ dùng chính sách khủng bố dân chúng ? Không thể chối cãi được việc dùng sự

khủng bố để uy hiếp dân chúng, họ đã biện minh rằng : « Chính sách khủng bố chỉ là tạm thời, khi nào người dân đã giác ngộ được về bản phận xã hội của mình, khủng bố sẽ chấm dứt ». Nhưng tạm thời là đến bao giờ ? Cái ngày tiến tới Thiên đàng cộng sản là cái ngày vô định, đúng như lời Lênine đã nói : « Không ai tiên đoán được ngày nào Thiên đàng cộng sản sẽ xuất hiện ». Người cộng sản đã quên rằng điều kiện đầu tiên để thực hiện Thiên đàng nào đi nữa vẫn là con người phải được cải tiến về tinh thần và luân lý, nghĩa là phải có sự thân ái giữa con Người với con Người... Công việc này đương nhiên không thể dùng vũ lực hay phương pháp giai cấp đấu tranh mà thực hiện nổi !

Về căn bản giá trị của con người, cộng sản cũng quan niệm khác hẳn chúng ta. Trong quyển « Tư bản luận », Marx đã viết : « Cá nhân chỉ có giá trị khi hắn phục vụ hay đại diện cho nền kinh tế của giai cấp cách mạng vô sản, ngoài ra hắn không có một giá trị gì hết ».

Cộng Sản với vấn đề chính quyền

« Sau khi đảng cộng sản cướp được chính quyền, muốn được ở trường cửu vĩnh viễn trên các ưu thế của họ, họ áp dụng chế độ « Vô sản chuyên chính » qua tay tầng lớp cán bộ nòng cốt của họ, lớp người này đã thành một giai cấp thống trị quần chúng không hơn kém. Chúng ta sẽ hiểu lầm nếu nghĩ rằng sở dĩ Cộng sản phải dùng chính sách vô sản chuyên chế và độc tài đảng trị vì lẽ các giai cấp chưa thủ tiêu được hết, còn rơi rớt lại trong hàng ngũ cách mạng nhiều phần tử « phản động », lừng chừng, chưa dứt khoát tư tưởng. Thực ra Cộng sản là một giai cấp mới, giai cấp này còn tàn ác, độc tài gấp mấy các giai cấp phong kiến, tư bản ta đã thấy và như vậy người dân còn bị cai trị khắc nghiệt gấp mấy thời xưa. Tuy nhiên ta vẫn nhận rằng chế độ cộng sản là chế độ của những con người vô sản, bản cổ và thợ thuyền, những lớp người này mới tha thiết, mới bênh vực chế độ và do đó sẽ trung thành với chính quyền vô sản. Nhưng vì kém học thức, thiếu tài năng, quần chúng nhân dân

chỉ được dựa vào các cấp thừa hành mà thôi. Xin nhắc rằng dưới mắt Cộng sản, cán bộ là con ruột mà quần chúng là con nuôi hay là cái gì xa hơn nữa. Kết cuộc, guồng máy chính quyền nằm trọn trong tay các đảng viên cộng sản và hoàn toàn lệ thuộc vào ủy ban chỉ đạo của Đảng.

Xét quá trình đấu tranh và những diễn tiến trong lịch sử nhân loại, chúng ta nhận thấy biết bao chế độ, từ phong kiến quân chủ đến độc tài, phát xít... nhưng chưa chế độ nào nham hiểm, sâu sắc một cách khoa học như chế độ Cộng Sản. Bởi lẽ, những chế độ phong kiến, quân chủ chuyên chế, độc tài phát xít, tuy có làm nhiều điều độc đoán, dã man, thí dụ : Hitler, Mussolini, nhưng đó chỉ là những độc đoán của một người, muốn nắm trọn uy thế tuyệt đối trong tay. Mọi người dưới quyền lãnh đạo của một người này, nếu vùng dậy thủ tiêu y thì mầm mống độc tài sẽ tàn lụi ngay dễ dàng. Nhưng ở chế độ độc tài đảng trị của Cộng Sản thì khó khăn nhiều hơn. Sự độc tài không phải của một người mà là của một nhóm người, cùng chí hướng, cùng tư tưởng .. đứng lên đề đề nén số đông, biến họ thành những con người máy đề đề bề sai khiến. Chính sách độc tài đảng trị vì thế đã không giết hẳn thề xác con người mà chỉ giết chết phần tâm hồn. Con người do đó biến thành một con vật nô lệ cho xã hội Cộng Sản.

Tóm lại, ở chế độ mệnh danh là dân chủ, xã hội, bình dân như ở Liên Bang Xô Viết, chế độ độc tài của giai cấp vô sản chuyên chế được đặt lên đầu lên cổ dân chúng, độc tài của Đảng Cộng Sản đặt lên giai cấp vô sản, độc tài của Trung ương đảng bộ đặt lên Đảng và sau rốt, độc tài của vị lãnh tụ (Lénine, Staline, Malenkov và Khrushchew, Boulganine) đặt lên Trung Ương đảng bộ.

Chủ nghĩa Cộng Sản phải được xét lại ?

Học thuyết của K. Marx có sai lầm hay không sai lầm thì nó cũng đã gây được nhiều tiếng vang trong tư tưởng giới và nhiều xáo trộn ở một số quốc gia trên thế giới ngày nay.



KỶ ĐỒNG

**Những anh hùng chống Pháp đầu tiên tại Nam Kỳ
Sau Hòa - ước Nhâm-Tuất (1862)**



→ **TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH**



NGUYỄN HỮU HUÂN →

Nhiều nhà chính trị và xã hội học đã nghiên cứu đến học thuyết này luôn mấy chục năm nay và dĩ nhiên cũng lưu ý luôn những ảnh hưởng của K. Marx trên đời sống của các nước đang chịu ảnh hưởng của nó do đó mới chứng nghiệm được lý thuyết của K. Marx có là chân lý chăng, K. Marx có là cứu tinh cho các giới vô sản, lao động lầm than cực khổ từ nhiều thế kỷ chăng ?

Gần chúng ta hơn cả là Walt Whitman Rostow một nhà chính trị và xã hội học năm 1952 vừa qua cũng đã nêu lên nhiều sai lầm của Marx qua ba điểm chính của chủ nghĩa này. Và chắc chắn Rostow vẫn chưa hẳn là người cuối cùng đề phủ nhận giá trị của Marx.

Ba điểm chính của Marx theo Rostow :

A) Các định chế chính trị, xã hội và văn hóa là thượng tầng kiến thiết do trạng thái kinh tế là hạ tầng cơ sở hoạch định và chỉ phối. Đời sống thiện mỹ của nhân loại chỉ có thể xây dựng trên một cơ cấu kinh tế trong đó con người thoát khỏi mọi ràng buộc thường xuyên và ti tiêu của kẻ mưu sinh. Cơ cấu kinh tế hoàn bị này là cơ cấu kinh tế Cộng sản trong đó con người làm theo năng lực và hưởng theo nhu cầu.

B) Cuộc mưu sinh đã khiến xã hội loài người bị phân chia ra làm nhiều giai cấp. Để sống còn, giai cấp nọ phải tranh giành với giai cấp kia. Quá trình tiến hóa xã hội tự trung chỉ là một cuộc đấu tranh giai cấp không ngừng và không thương xót.

C) Xã hội phong kiến trong đó quyền hành nằm gọn trong tay giai cấp địa chủ đã cáo chung kể từ khi giai cấp tư bản ra đời với sự bành trướng của kỹ nghệ và thương mại Xã hội tư bản mang sẵn trong lòng nó mầm tự diệt vì xã hội này đã tạo ra giai cấp vô sản là giai cấp thợ thuyền, những người chỉ được nuôi vừa đủ sống để lao động. Để thực hiện các khoản tiền lời mỗi ngày mỗi lớn, nhà tư bản phải luôn luôn hạ thấp lương của thợ thuyền, mãi lực của giới tiêu thụ do đó càng ngày càng thấp, các nhà tư bản buộc phải tranh giành nhau để kiếm thị trường. Tự do cạnh tranh là khi giới đê giai cấp tư bản tự diệt. Rồi hàng ngũ tư bản mỗi ngày một giảm, hàng ngũ vô sản mỗi ngày một tăng cho tới khi giai cấp vô sản nắm quyền

theo luật đã thẳng thieu và nhờ vào đó, con người có thể tồn chức một đời sống ấm no và công bằng.

Giá trị của thuyết Marx Lenin là giá trị của những điều tiên đoán của thuyết ấy. Đặt căn bản trên những nhận định về quá khứ, thuyết này cho rằng tương lai xã hội thuộc về chế độ Cộng sản.

«... Cách lập luận của Marx có vẻ thuận lý vì đã giải thích được một phần biến cố xảy ra. Các biện chứng đưa ra để xây dựng học thuyết cũng có vẻ vững chắc và đã được một vài sự kiện thực tế minh nghiệm. Một khi đã chấp nhận định-đề của Marx, trí thức khó lòng bác bỏ được các phần còn lại, vì chính lập luận của Marx đã được xây dựng từ hệ-luận này sang hệ-luận sau như những chiếc vòng của một cái xích lớn. Tuy nhiên cũng chính vì lẽ ấy mà chỉ cần gạt bỏ một nhận định là cả hệ thống lập luận của Marx đều tan rã cũng như khi ta phá hủy một chiếc vòng trong cái xích vậy.

Nếu các nhận định của Marx về quá khứ có thể coi như xác thực thì trái lại, các điều tiên đoán của Marx đã không được thực tế chứng nghiệm qua thế kỷ của chúng ta (thế kỷ 20) công trình của môn phái Cambridge do bà Joan Robinson và ông Nikolas Kaldor đại diện đã cho mọi người thấy rằng sự tiêu hóa xã hội, đặc biệt về nhân công và tài sản tại các quốc gia tư bản đã không theo chiều hướng do Marx vạch ra. Theo sát với sự bành trướng của tư bản, lương thợ thuyền tại các quốc gia này cũng đã tăng tiến khiến mồi-lực của giới tiêu thụ không thấp quá đến độ không kịp mức gia tăng của sản xuất.

Gạt qua bên những bàn cãi thuộc địa hạt thuyết lý thuần túy, người ta nhận thấy một cách dễ dàng rằng tại các quốc gia tư bản, kể từ cuộc cách mạng kỹ thuật và thương mại (theo Marx là kể từ khi giai cấp tư bản lên nắm chính quyền) đến nay, mức sống trung bình của nhân dân đã không ngừng được nâng cao. Còn nhớ vào thế kỷ XIX, chiếc xe đạp hai bánh hoặc chiếc đèn điện để bàn đã là những xa xỉ phẩm đắt giá, nhiều người thèm ước, ngày nay bình dân hiện đang sử dụng mọi tiện nghi của cơ giới và điện khí một cách dễ dàng vì rẻ tiền. Tại các quốc gia tư bản, một người thợ lãnh lương thấp nhất cũng

có đủ khả năng để làm chủ một căn nhà và các phương tiện di chuyển theo ý muốn, ấy là không kể hàng trăm các tiện nghi khác dân chúng được hưởng một cách công cộng và miễn phí. Dù muốn hay không thì cũng phải công nhận rằng chế độ kinh tế tư bản đã có công tô điểm đời sống của con người bằng cách phổ biến tổng quát các tiện nghi. Ở kiểm lời đã khích lệ con người và thúc dục nó luôn luôn lao động để kiếm toàn đời sống.

Một mặt khác, tại các xã hội tư bản người ta cũng không nhận thấy sự hiện diện của đám dân thất nghiệp như lời tiên đoán của Marx. Đời sống phong phú đã chuyên môn hóa thợ thuyền và khiến cho nguyên tắc phân công được áp dụng triệt để. Ngày xưa, một người thợ máy có thể nhận lãnh hai ba loại công việc khác nhau, ngày nay anh ta đã trở thành một chuyên viên được huấn luyện vào một phần nhất định mà suốt đời chỉ làm thứ chuyên môn của mình. Tình trạng này đã tạo ra trong thế giới thợ thuyền một sự liên đới chặt chẽ. Mỗi người giữ một phần việc, không ai là vô dụng và thất nghiệp cả.

Tại các quốc gia tư bản, qui chế nghiệp đoàn đủ sức bảo vệ quyền lợi của đám người lao động. *Hiện tại ở Hoa kỳ và Anh quốc, tài sản của một số không nhỏ các nghiệp đoàn thợ thuyền còn lớn gấp mấy lần tài sản của các nhà đại tư bản.* Với tài sản lớn như vậy lại thêm quyền đình công được luật pháp bảo vệ, lực lượng thợ thuyền tại các quốc gia này hiện đang chi phối guồng máy sản xuất chứ không phải là các chủ xí nghiệp nữa. Cuộc đình công của thợ thuyền ngành kim khí nặng tại Hoa kỳ vào 15 năm trước đây đã cho thế giới nhận thấy điều ấy. Người thợ đình công được nghiệp đoàn trả lương đều đặn cho tới khi yêu sách của họ được các chủ xí nghiệp chấp thuận.

Thêm vào các tổ chức tương trợ do thợ thuyền lập ra các định chế An ninh Xã hội của Nhà-nước còn bảo đảm cho giới thợ thuyền tránh khỏi các hậu quả khốc hại của tai nạn lao động và tình trạng thất nghiệp tại các quốc gia tư bản, gia đình thợ thuyền bị tàn phế hoặc vong mạng vì tai nạn lao động đều được xã hội trợ cấp chu đáo và người thợ bất thần mất việc có thể tới một nơi công cộng để được xã hội nuôi ăn và cung cấp các nhu cầu thường nhật.

Các phương tiện di chuyển nhanh chóng và chắc chắn giúp cho sự phân phối nhân công được hoàn bị. Thợ thuyền thường cư ngụ tại vùng ngoại ô xa thành phố, trong các cư xá có trang bị đầy đủ mọi tiện nghi. Đời sống vật chất và tinh thần của giới lao động đều được xã hội đặc biệt chú ý đến. Tại các quốc gia kém mở mang nhiều nguồn lợi thiên nhiên còn bỏ hoang chưa khai thác. Trong giả thuyết có thợ thuyền thất nghiệp tại các quốc gia tư bản thì vấn đề tìm việc cho những người này cũng không phải là một vấn đề khó giải quyết.

Giai đoạn độc quyền tại các xã hội tư bản cũng chưa thấy xuất hiện như Marx đã tiên đoán. Tại Hoa Kỳ chẳng hạn, việc tập trung tư bản tuy đã tới mức độ lớn lao nhưng sự trạnh này không loại bỏ xí nghiệp nhỏ và ngành thủ công nghệ Hoa Kỳ hiện còn đang nắm giữ một thị trường tiêu thụ quan trọng.

Giai đoạn độc quyền vì tập trung tư bản theo như lời tiên tri của Marx cũng không bao giờ có thể xảy đến vì một lẽ giản dị là khả năng và trí tuệ của con người mới thật là lực lượng chỉ huy sản xuất còn tư bản dù lớn lao thế nào chẳng nữa cũng chỉ là một dụng cụ sản xuất mà thôi. Nhà tư bản, cho dù mạnh đến mức nào cũng không thể nắm giữ độc quyền tất cả mọi ngành sản xuất được.

Giai đoạn độc quyền không thấy xuất hiện tại các quốc gia tư bản, trái lại giai đoạn ấy hiện đang có mặt tại các xã hội Cộng Sản. Đó là chế độ độc quyền kinh tế Nhà nước. Nạn độc quyền này, đối với giới tiêu thụ là quần chúng còn vô cùng nguy hại hơn vì còn hơn giới tư bản, Nhà nước tại xã hội Cộng Sản vừa là kẻ nắm giữ độc quyền tài nguyên vừa là kẻ nắm giữ độc quyền thế lực.

Với những nhận xét trên đây phải chăng sơ họa của Marx chỉ là sản phẩm của một suy luận tưởng tượng, nó chỉ hiện ra trên giấy mực mà không bao giờ xảy ra trên thực tế. Pháp chế bảo vệ giới lao động và các định chế an ninh xã hội đã chặn đứng bánh xe lý thuyết của Marx không cho nó lăn theo chiều hướng vô sản chủ nghĩa.

Trong cuốn *The Process of Economic Growth* xuất bản năm 1952 cũng như Marx, Rostow đã giải thích các giai đoạn tiến hóa của xã hội trong quá khứ để tiên đoán tương lai của nhân loại. Học thuyết Rostow được coi như có đủ khả năng đối địch với học thuyết Marx, vì cũng như Marx, Rostow đã xây dựng học thuyết của ông trên những nhận định thực tế đã từng xảy ra trong xã hội loài người. Nhưng có một dị biệt quan trọng giữa Rostow và học thuyết Marx là khác với Marx, Rostow không phân biệt hạ tầng cơ sở với thượng tầng kiến trúc và cũng không đặt thành định đề cho rằng hạ tầng cơ sở chi phối thượng tầng kiến trúc. Theo Rostow, tất cả mọi sự kiện xảy ra trong xã hội đều ảnh hưởng song phương và hỗ tương.

Rostow phân chia quá trình tiến hóa xã hội ra làm 5 giai đoạn :

- Giai đoạn kỹ thuật truyền thống.
- Giai đoạn chuyển tiếp.
- Giai đoạn khởi phát.
- Giai đoạn triển phát.
- Giai đoạn nâng cao mức sống.

Sự chuyển tiếp từ giai đoạn này sang giai đoạn sau không thể ghi nhận một cách máy móc bằng các niên đại được. Mỗi xã hội, mỗi dân tộc, tùy theo khả năng nội tại và hoàn cảnh chính trị từng thời, đã và sẽ đạt tới mỗi giai đoạn vào các thời gian khác nhau.

Sau đây là bảng kê khai, theo sự ước tính của Rostow, thời gian một số quốc gia đã đạt tới 3 giai đoạn cuối của quá trình.

Tên quốc gia	Năm đầu giai đoạn khởi phát	Năm chót giai đoạn khởi phát	Giai đoạn triển phát	Giai đoạn nâng cao mức sống
Anh quốc	: 1783	: 1802	: 1850	: 1935
Pháp quốc	: 1830	: 1860	: 1910	: 1950
Đức quốc	: 1850	: 1873	: 1910	: 1950
Hoa kỳ	: 1843	: 1860	: 1910	: 1920
Thụy điển	: 1868	: 1890	: 1930	: 1945

Nhật Bản	:	1878	:	1900	:	1940	:	1955
Nga Sô	:	1890	:	1914	:	1950	:	?
Gia Nã Đại	:	1845	:	1920	:	1925	:	1950
Úc Đại Lợi	:	1930	:	?	:	?	:	1935
Thồ Nhi Kỳ	:	1940	:	?	:	?	:	?
Mê Tây Cơ	:	1940	:	?	:	?	:	?
Trung Quốc	:	1945	:	?	:	?	:	?
Ấn Độ	:	1945	:	?	:	?	:	?

Giai đoạn kỹ thuật truyền thống trong quá trình do Rostow phân họa, tương ứng với giai đoạn kinh tế tự túc trong học thuyết kinh tế cổ điển. Trong giai đoạn này, việc sản xuất thực phẩm chiếm giữ 75% nhân công, lợi tức về canh tác chiếm 80% tài nguyên trong xứ, quyền hành về tư sản thuộc giai cấp địa chủ hoặc lãnh chúa, qui chế cho thuê mướn ruộng đất chi phối tổ chức xã hội, mức sống của bình dân rất thấp, phần lợi tức thặng dư hằng năm được dùng vào các tổ chức phi phạm và không sinh lợi, mối liên hệ gia đình chặt chẽ và nghiêm mật ràng buộc một số lớn cá thể, mỗi gia đình cố gắng sản xuất những phẩm vật họ cần dùng, phần thặng dư chỉ được đem đổi chác hoặc bán lại vào những ngày nhất định trong tháng và tại những nơi qui tụ ước định.

Đề chuyên tiếp từ giai đoạn kỹ thuật truyền thống sang giai đoạn kế cận, cần phải có một số tiết kiệm tối thiểu của tư nhân đem ra đầu tư. Trong giai đoạn trước nhân dân tuy có biết tiết kiệm nhưng chưa có ý niệm về đầu tư sinh lợi. Gặp năm trúng mùa, với số lượng thực phẩm dư dật, người ta chỉ biết tích trữ để dùng vào những ngày kém đói. Những vụ tiết kiệm này chỉ có tính cách dự phòng chứ chưa phải là những vụ tiết kiệm để đầu tư sinh lợi. Ý niệm đầu tư sinh lợi chỉ tới với một xã hội, khi dân chúng biết ganh đua làm giàu. Hiện tượng này Rostow gọi là sự thách đố (*defiance*) để cho rõ nghĩa hơn Arnold Toynbee giải thích hiện tượng này bằng hình thức thi đua (*challenge*). Trong giai đoạn chuyên tiếp, hiện tượng thi đua đã có tác dụng của một miếng hột tral giả đem cấy vào một con trai đang sống để có được một hạt trai nhân tạo.

Theo Rostow không có một xã hội nào có thể vượt qua giai đoạn kỹ thuật truyền thống nếu không có một biến cố ngoại lai tới kích thích đề tạo ra trong xã hội ấy hiện tượng thách đố trên đây. Cơ cấu xã hội ngậm mồm trong giai đoạn kỹ thuật truyền thống không chấp nhận một công thức kinh tế mới nếu không được biến cố ngoại lai ấy kích thích. Cuộc viễn chinh của Thập tự Quân là biến cố kích thích các xã hội Tây Phương thoát khỏi giai đoạn kỹ thuật truyền thống. Cuộc chiến tranh chống Anh Quốc đối với xã hội Hoa Kỳ, trận Nha-phiến chiến tranh và cuộc xâm nhập lãnh thổ Trung quốc của Liệt cường và của Hạm đội Perry đối với xã hội Nhật-bản đã là kích-thích-tố nó thúc đẩy hai quốc gia này tiến qua giai đoạn kinh tế chuyên tiếp trong quá trình Rostow.

Sở dĩ Rostow gọi các biến cố loại này là các biến cố ngoại lai vì hai lẽ : các biến cố ấy thường từ bên ngoài đem tới và không bao giờ có tính cách kinh tế thuần túy thông thường đó là các biến cố quân sự. Các biến cố loại này thường kích thích lòng ái quốc và ý niệm quốc gia, chúng tộc trước khi kích thích sự mở mang kinh tế. Ý niệm giành độc lập đối với Anh quốc đã khiến xã hội Hoa Kỳ phải gắng vượt mức qua giai đoạn kỹ thuật truyền thống. Mặc cảm giống da vàng bị miệt thị đã khiến xã hội Nhật bản nỗ lực theo kịp đà tiến hóa của các xã hội Tây Phương.

Hiểu theo nghĩa trên đây, cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa Nga Sô và Hoa-kỳ ngày nay có thể được coi là kích-thích-tố giúp xã-hội các quốc gia thiếu mở mang tiến sang giai đoạn chuyên tiếp. Chế độ thuộc địa xưa kia cũng đã góp một phần vào việc kích thích các xã hội chậm tiến vì nhờ chế độ này dân tộc các quốc gia nhỏ yếu được tiếp xúc với các dân tộc văn minh hơn. Sự tiếp xúc ấy khiến dân tộc các quốc gia này nhận thức được sự thua kém của mình. Mặc cảm bị khinh miệt đã kích thích họ và là nguyên động lực thúc dục họ tiến gấp qua giai đoạn sau.

Theo Rostow, muốn tiến nhanh trong giai đoạn này xã hội các quốc gia kém mở mang nên theo chế độ kinh tế chỉ huy, dành nhiều

quyền hành cho Nhà-nước. Cũng trong giai đoạn này chính phủ các quốc gia ấy phải biết lợi dụng lòng ái quốc đang mạnh mẽ để kích thích công cuộc sản xuất tại nước mình và nhất là cải thiện các cơ cấu kinh tế lạc hậu để tự mở cho mình con đường tiến hóa. Một trong các mục tiêu cần phải cải thiện trước nhất là chế độ điền địa và quy chế thuê mượn ruộng đất.

Trong giai đoạn chuyển tiếp, sáng kiến của tư nhân vì còn rụt rè bỡ ngỡ, nên cần được các kế hoạch tiền định của Nhà-nước hướng dẫn dù là dưới hình thức tự nguyện hay hình thức cưỡng bách. Tuy nhiên theo Rostow, có hai sự việc cần phải hết sức tránh, đó là sự lạm phát tiền tệ và việc trưng thu các tiết kiệm của tư nhân. Để kích thích một cách hữu hiệu nhân dân nỗ lực góp sức vào việc mở mang kinh tế, ý niệm tiết kiệm để đầu tư sinh lợi là một ý niệm hết sức cần thiết. Thiếu ý niệm này, hoặc bóp nghẹt ý niệm đó bằng các sắc thuế quá nặng bằng chính sách tập sản thì mọi hình thức khích lệ nào khác cũng trở thành vô công hiệu.

Cũng trong giai đoạn chuyển tiếp, một việc cần thiết khác là phải tạo lập ra ngay trong lòng các xã hội chậm tiến một số người bạo dạn và có đủ uy tín để chăm ngời cho khuynh hướng đầu tư các số tiền tiết kiệm vào công cuộc sản xuất. Những kẻ tiên phong trong công cuộc này cần phải được nâng đỡ và khuyến khích. Các vụ lạm phát giấy bạc và các vụ trưng thu tiết kiệm chỉ đưa xã hội quay ngược lại con đường cũ, con đường dẫn về chế độ hiện vật giao hoán.

Giai đoạn khởi phát hay nói đúng hơn là giai đoạn cất cánh (*take off*) gồm một khoảng thời gian ngắn chừng vài ba chục năm, trong khi ấy nền kinh tế tiến triển đều đều và tự động.

Các đặc tính chính yếu của giai đoạn này là :

— Các cuộc đầu tư gia tăng ít nhất là 100/o để có thể thâm dụng được nhiều hơn số tư bản tiết kiệm của tư nhân.

— Kỹ nghệ và thương mại mở mang để cân xứng với nông nghiệp.

— Cơ cấu xã hội cải tiến để phù hợp với tình trạng kinh tế mới.

— Tại mỗi quốc gia, mọi ngành kỹ nghệ sẽ đặc biệt phát triển để làm đầu mối cho sự chuyển tiếp của xã hội qua giai đoạn triển phát. Sự phát triển ngành kỹ nghệ tơ sợi tại Anh quốc, sự mở mang kỹ nghệ lọc dầu lửa tại Hoa kỳ cũng như sự bành trướng ngành hóa xa tại miền Tây Âu đã là các công cuộc thu thập được nhiều tư bản tiết kiệm nhất và đã giúp xã hội các quốc gia này triển phát được nền kinh tế của họ.

Tùy thuộc ngành kỹ nghệ đặc biệt này, mỗi quốc gia tìm ra một đường tiến tới giai đoạn kinh tế phồn thịnh. Anh quốc kể từ 1850 đã trở thành quốc gia của len sợi và than đá, Hoa kỳ kể từ 1910 đã là quốc gia của dầu hôi và sản phẩm hóa học, Nhật Bản kể từ 1940 đã là quốc gia của đồ gốm và đồ chơi trẻ con.

Trong giai đoạn xã hội triển phát, phải kể tới một hiện tượng đặc biệt quan trọng: Đó là tình trạng bất ổn định kinh tế trong việc lựa chọn hướng tiến. Tình trạng bất ổn định ấy phát hiện qua những thất bại của các kế hoạch kinh tế lẻ tẻ và hậu quả của các vụ thất bại này là một số nhà tư bản bị phá sản, một phần các tiết kiệm của tư nhân bị khánh kiệt, nhiều vụ đình công và cả nạn thất nghiệp sẽ xảy ra.

Cuốn *Tư bản luận* của Karl Marx đã thụ ý trong giai đoạn rầy của quá trình tiến hóa của xã hội. Marx đã có những tư tưởng lệch lạc vì đã chứng kiến những hiện tượng không mấy tốt đẹp của giai đoạn triển phát. Tình trạng khủng hoảng kinh tế trong giai đoạn này, thực ra chỉ là chứng bệnh trưởng thành của xã hội. Cũng như cá nhân, xã hội buộc phải qua cơn khủng hoảng có thể mới đạt tới giai đoạn phồn thịnh. Cuộc khủng hoảng kinh tế trong giai đoạn này, theo Rostow, không thể đưa xã hội ngược lại cái vòng lẩn quẩn của Marx vì chúng, cũng theo Marx vào một thời xa xưa nào đó, Nhân loại đã khởi hành từ chế độ Cộng sản để tiến qua chế độ tự túc.

Sau cơn khủng hoảng này, mỗi xã hội tự tìm ra một hướng đi để hoàn bị nền kinh tế. Từ khi ấy xã hội sẽ có đà đề tiến qua giai đoạn cuối của quá trình Rostow. Các thất bại liên tiếp trong giai đoạn triển phát giúp mỗi xã hội nhận thấy sở trường và sở đoản của nó. Đề tiến

tội, xã hội ấy phải tìm cách phát triển sở trường và chế ngự sở đoản. Bằng ngành sản xuất thích ứng nhất với khả năng của dân tộc, việc nâng cao mức sinh hoạt của nhân dân chỉ còn là một lý dĩ nhiên vậy.

Hoa Kỳ đã đạt tới giai đoạn này từ 1920. Sự phồn thịnh kinh tế của Hoa kỳ là hệ-luận của chế độ tư sản chứ không phải là hiện tượng báo trước sự sụp đổ của chế độ tư bản như lời tiên đoán của Marx. Đó chính là sắc thái ngoại biến của một mức sống đã được nâng cao vậy.

Đường lối phát triển xã hội thích hợp với các quốc gia nhược tiểu

Đặt bên quá trình tiến hóa của xã hội do Rostow phác họa, các lập luận của Marx chỉ còn giá trị của một hệ thống suy tưởng tưởng tượng. Quá trình Rostow còn có được tính cách mềm mỏng, di động nên xác thực hơn, trong khi các luận cứ của Marx, qua phương pháp duy vật biện chứng đã trở thành đặc biệt nghiêm ngặt và cứng rắn.

Học thuyết Rostow được xây dựng trên các sự kiện thực tế đã chiêm nghiệm tại nhiều quốc gia khác nhau, học thuyết Marx khởi lập từ một định đề trừu tượng về hạ tầng cơ sở thượng tầng kiến thiết. Một khi định đề này bị hoài nghi thì cả hệ thống suy luận của Marx không còn đứng vững nữa.

Trước hết, phân biệt các sự kiện và cơ cấu xã hội ra làm hai giai tầng theo kiểu Marx chỉ là một việc làm hết sức độc đoán. Có nhiều việc xảy ra trong thực tế, người ta không thể liệt vào giai tầng nào cho thích đáng. Thực tế còn cho rằng không nhất thiết bao giờ vật chất chỉ huy tinh thần và vật chất có một sự phối hợp tự nhiên, từ lâu, thuyết Trí Lương Trí của Vương dương Minh đã biện biệt, giữa hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc phải có một mối liên hệ hỗ tương và song hành. Cho rằng cách bày bàn ăn uống của người Đông phương chế định tinh thần cộng đồng của các dân tộc này hay nghĩ rằng vì tinh thần cộng đồng truyền thống của người Á Đông nên các dân tộc Á Châu thường đặt thức ăn trong cùng một đĩa bày trên bàn tròn đều có vẻ hợp lý cả.

Quá trình tiến hóa xã hội của Marx còn là một cái vòng lẩn quẩn. Làm sao giải thích được rằng xưa kia các xã hội nhân loại khởi hành từ chế độ Cộng sản để rồi lại quay trở về chế độ Cộng sản? Nếu quá thực chế độ Cộng sản thích hợp với cơ năng của con người hơn hết thì tại sao loài người xưa kia đã rời bỏ chế độ này để tiến tới chế độ tư hữu?

Cuộc tiến hóa của xã hội, con người mỗi ngày mỗi xa hơn chế độ Cộng sản, con đường vòng do Marx họa ra chỉ là hướng đi của thoái hóa.

Xã hội các quốc gia cựu thuộc địa hiện ở trong giai đoạn thứ hai của quá trình Rostow. Để tiến hóa, các xã hội ấy nên đi thẳng hay đi vòng? Giả thuyết cho rằng các lập luận của Marx đúng chẳng nữa, thì cũng nên tự hỏi rằng trước khi chuyển qua chế độ Cộng sản, xã hội các quốc gia chậm tiến có buộc phải trải qua chế độ tư bản không? Việc chuyển một xã hội còn ấu trĩ sang ngay chế độ Cộng sản phải chăng là một cuộc phiêu lưu đầy nguy hiểm? Hành động như vậy cũng không hợp ngay với luận thuyết của Marx nữa. Do đó tại các quốc gia chủ hầu Nga xô, người ta chỉ thấy nền kinh tế không cải thiện thì mục sinh hoạt của nhân dân cứ mỗi năm một kém hơn mà thôi.

Quyền tư hữu, một hình thức thưởng công cho con người lao động, phải được duy trì và tôn trọng vì nó là nguyên động lực thúc đẩy xã hội tiến hóa. Mất quyền tư hữu, con người sẽ trở về trạng thái man rợ. Điều mà các quốc gia cựu thuộc địa cần phải giải quyết cấp kỳ chưa phải là việc san bằng tài sản bằng hình thức giai cấp đấu tranh, mà chính là việc nâng cao mức sống của nhân dân.

Học thuyết Rostow phù hợp với quyền lợi các quốc gia thiếu mở mang. Nếu được phổ biến một cách sâu rộng, học thuyết Rostow đánh bại học thuyết Marx một cách dễ dàng. Tuy nhiên, để tăng thêm mãnh lực thiết nghĩ rằng cần phải giản dị hóa thuyết Rostow để có thể đem đề cập với giới bình dân và nhất là không nên câu chấp để có thể diễn tả học thuyết này dưới các hình thức cụ thể và đơn giản...»

Nửa thế kỷ đã qua rồi kể từ khi cuộc cách mạng tháng 10 thành công, chính phủ Công Nông ở Nga ra đời, tích cực thi hành xã hội chủ nghĩa theo đường hướng Marx, một số nước đàn em của Nga cũng vậy.

Học thuyết của Marx bấy lâu được coi như một chân lý trước thế hệ của chúng ta như đã đề bẹp hầu hết nhiều học thuyết ra đời trước nó nhưng đã dần dần bị thực tế tố cáo các sai lầm nghiêm trọng khiến nó không còn là khuôn vàng thước ngọc nữa.

Trên bình diện học thuyết, triết thuyết Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Phật Giáo và nhiều học thuyết khác v.v... ra mắt trên hai ngàn năm nay vẫn đứng vững, trái lại học thuyết của Marx mới khai sinh vỏn vẹn năm sáu chục năm, đã từng được độc quyền thao túng chính tình ở nhiều quốc gia, giờ đây đã có và đang có nhiều triệu chứng khó tồn tại vĩnh cửu. Như vậy dù nó là một hiện tượng khoa học, triết học, một biến cố chánh trị đặc biệt thế nào chăng nữa cứ nhìn vào tình hình sinh hoạt của nó, ta cũng đủ xác định được giá trị của nó.

Nhân loại chỉ có tiến mà không ngừng, những sự vụ khoát không thế nào kéo dài vô tận, những lớp vàng son lòe loẹt phủ ngoài cây cột mục cũng không thể giữ cho cây cột đó đứng vững mãi. Các công thức của Marx đã không thấu lượm được những kết quả khả quan khi được đem ra áp dụng kể từ khi có cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa Nga xô và Hoa kỳ, một biểu dương cho vô sản chủ nghĩa, một đại diện cho tư bản, tài phiệt, một tự coi là nhân đạo, bác ái, một bị coi là ích kỷ, tham tàn.

Vào việc người ta thấy lý luận của Marx đã tỏ ông chỉ có những nhìn nhận thiên cận, lý thuyết của ông chỉ đúng với các xã hội Tây phương vào thế kỷ 19 qua đầu thế kỷ XX mà thôi. Ông đã không trù tính con người sẽ tiến bộ, đó là một quy luật của cuộc sống, của lịch sử và cả giới chủ nhân, giới tư bản tài phiệt cũng sẽ không dẫm chân tại chỗ, do đó mà cuộc cách mạng tháng 10 chỉ phát động được những cuộc xáo trộn chánh trị ở nước Nga và ở các nước lạc hậu hay các thuộc địa ngoài thế giới mà thôi. Còn bảo nó riêng nắm được bí mật

thực hiện được Cơ sở, Tự do, Công bằng, Hạnh phúc và Bình đẳng thì nay đã là chuyện mĩa mai rồi. Muốn tồn tại và phát triển, nó cần được canh cải. phải chăng chủ nghĩa xét lại (revisionnisme) đang được Nga Sô thi hành nhằm mục tiêu này chăng?

Nhiều nước dân chủ Tây phương đã lo được nhiều quyền lợi cho giới lao động hơn Nga Sô hôm qua và Trung cộng hôm nay, đặc biệt là Huê Kỳ kẻ thù số một của Cộng sản quốc tế, vậy mà nhìn vào sự việc người ta đã có thể nói rằng cuộc cách mạng đầu thế kỷ thứ 20 không do Marx làm mà lại do Huê Kỳ và nhiều nước Tây Âu hiện thời. Nhà đại tư bản Huê Kỳ Rockefeller đã phát động tuần lễ lao động 48 giờ, đã tuyên bố trước nhiều Đại học Đường của Hiệp chúng quốc chủ trương cách mạng nâng cao địa vị vật chất và tinh thần của lao động, thợ thuyền sẽ là chủ nhân ông nhà máy, là thành phần quản trị các xí nghiệp, người sản xuất được hưởng thụ mọi tiện nghi do bàn tay mình tạo ra v.v... rồi chế độ *Lao tư cộng tác* ra đời chấm dứt mọi mâu thuẫn chủ thợ cũng như quy chế an ninh xã hội đã đem lại một sự yên tâm vĩnh viễn, một bảo đảm chắc chắn cho người lao động ở bất cứ trường hợp nào. Giờ phút này Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh không là thiên đàng của vô sản mà thiên đàng vô sản lại là Huê Kỳ và một số quốc gia tiên tiến khác không Cộng sản, quả là điều hết sức bất ngờ và mĩa mai vậy! Xét ra Marx đã lầm tưởng rằng khoa học sau ông sẽ tiến nhiều để thành mầm mống cho các cuộc đấu tranh giữa các nước tư bản rồi họ sẽ đi đến chỗ tự diệt vì cạnh tranh. Marx không ngờ khoa học tiến thì đời sống của các giới lao động, quần chúng cũng sẽ được mở mang, nhất là tư tưởng của giới chủ nhân và tài phiệt cũng biến đổi, không thiên cận như xưa nữa. Bọn này cho đến nay vẫn là kẻ dẫn đường cho cuộc tiến hóa của nhân loại và cái chủ nghĩa xã hội Marx tung ra chỉ có giá trị một tiếng chuông báo động kêu cứu cho một chuyên hướng chính trị cần phải có cho nhân loại mà thôi. Nó không hẳn là một ý thức hệ mới trên phương diện phát minh bởi các tư tưởng xã hội đã có trước nó do các nhà xã hội học tiền bối của Marx rồi nó đã thành một mô học thuyết sai lầm rất nhiều về biến chuyển của Thiên nhiên, tiến hóa của xã hội và phát triển của Lịch sử.

Tài liệu tham khảo :

- *Bài giảng về các học thuyết chính trị của trường Đại học chính trị—kinh doanh, thuộc Luật khoa đại học.*
- *Lịch sử các học thuyết chính trị (K. Marx, Tư bản luận và thuyết Duy vật sử quan) của G. Mosca-G. Bouthoul.*
- *Nga-sô 50 năm sau cách mạng tháng 10-1917.*
- *Rostow và Marx trong thuyết tiến hóa xã hội của Đào quang Huy in trong báo Đại học quân sự số 51-52-1963.*
- *Việt Nam giáo sử, quyển 2 của L.M Phan-phát-Huân.*



Tôn dật Tiên và chủ nghĩa « Tam Dân »

Tôn dật Tiên, ông tổ cách mạng Trung Hoa, là một vĩ nhân của 800 triệu dân Hán được quần chúng xứ này tôn thờ vào bậc quốc phụ cho tới ngày nay.

Vì thấy đất nước chìm đắm dưới chế độ vua quan hủ bại, tập đoàn phong kiến Mãn Thanh thống trị nước mình lại là dị tộc và hết sức tàn ác, Tôn đã vùng dậy làm Cách Mạng để thay đổi thời thế. Nếu cuộc Cách Mạng dân tộc, dân quyền, dân sinh này không được kịp thời phát động có lẽ với sự đòi truy của Triều Mãn Thanh nước Tàu đã bị Liệt cường Tây Phương chia nhau thôn tính hết ngay từ đầu thượng bán thế kỷ chúng ta rồi.

Tôn Văn sinh ngày 12-II-1886 tại xã Túy Hương, huyện Hương Sơn (nay là Trung Sơn) tỉnh Quảng Đông, miền Nam Trung quốc. Thân phụ là ông Tôn Đạo Truyền làm nghề thợ may ở Macao sau về làm ruộng ở tỉnh nhà là lúc sắp sinh ra tiên sinh. Lúc thiếu thời ông đã đến học tại một trường Công giáo ở Honolulu vì có anh cả lập nghiệp ở đảo này. Năm 1885 ông trở về nước lấy vợ là một cô gái cùng làng do cha mẹ lựa chọn (vợ sau của ông là Tống Khánh Linh,

chị bà Tống mỹ Linh vợ của Trương Giới Thạch). Ông có thời làm việc ở một bệnh viện Anh Mỹ. Hai năm sau ông vào học một trường Đại học Y-khoa ở Ma Cao và tốt nghiệp ở trường này sau đó ông đổi tên là Tôn dật Tiên rồi bước chân vào đời Cách Mạng.

Lúc này nhiều tư tưởng cách mạng và chính trị của Tây phương đã được nhập cảng vào đất Tàu và đã được hai nhà trí thức xứ ông là Khang hữu Vi và Lương Khải Siêu lập thành học thuyết đem ra phổ biến đề canh tân xứ sở. Những tư tưởng nói đây là tư tưởng của các thủy tổ Cách Mạng Pháp: J. J. Rousseau, Montesquieu, Voltaire v.v... và nhóm Bách khoa, do họ mà sau này nảy ra trên đất Pháp các cuộc chính biến 1789-1793.

Năm 1895 ông đã kết bè lập đảng và bắt đầu làm việc bạo động đề lật đổ chánh quyền (chính biến Mậu Tuất 1901) nhưng thất bại ông liền trốn xuống Hương Cảng rồi qua Nhật Bản, Âu Châu, đi tới đâu cũng có mục đích vận động chống triều đình Mãn Thanh, mưu cầu ngoại viện. Bọn ông đã liên lạc được với thiếu quân Quang Tự đề đưa ra nhiều chương trình cải cách nước Tàu theo kiểu Tây phương và âm mưu lật đổ Tây Thái-hậu người đàn bà đã dùng bàn tay sắt đề thống trị dân Hán, giết hại đến con cháu cũng không tha.

Âm mưu này bị phe bảo thủ dẹp tan. Vua Quang Tự bị đầu độc, nhiều phần tử cấp tiến trong Triều bị xử tử, một số đảng viên cách mạng cũng bị tàn sát và tù đầy. Còn Tôn dật Tiên chạy qua Hoa Kỳ vẫn tiếp tục hoạt động.

Năm 1900 do vụ Quyền-phi (Boxer) Bát Quốc lên mình tấn công triều Thanh, phá Bắc Kinh, bắt ký nhiều hiệp ước bất bình đẳng, mang lại nhiều sự nhục nhã cho Thanh đình. Cách Mạng Trung Hoa được dịp phát triển trở lại nhưng cuộc khởi nghĩa lại thất bại thêm một lần nữa.

Năm 1903 nhiều cuộc quật khởi khác cũng đi tới những kết quả bị thảm nhưng người lãnh tụ vẫn không nản. Tôn và các đồng chí vẫn lên núi không ngừng trong quần chúng đề khơi ngọn lửa Cách

Mạng, nhiều phen đi Âu châu diễn thuyết lấy ngoại viện cho tới ngày 10-10-1911 cuộc Cách Mạng Tân hợi của ông thành công ở Vũ Xương lôi cuốn được nhiều phe đảng khác và quân chúng ở khắp miền Nam nước Tàu rồi tiến dần lên Hán Khâu, Thượng Hải.

Cách Mạng lập được chánh phủ mệnh danh là chánh phủ Cộng Hòa ở Nam-kinh. Chánh quyền Mãn Thanh đánh dẹp không nổi. Vị thượng quan của Triều đình khi ấy là Viên thế Khải thấy lòng dân hướng nhiều về Cách Mạng phải mở cuộc hòa giải nhưng bên trong có chủ trương « *Trai cò giành nhau, ngư ông hưởng lợi* ». Một hội nghị được nhóm họp tại Thượng Hải đề triều đình và Cách Mạng mở cuộc tương nhượng : ngày 1-1-1912, Tôn dật Tiên được công nhận là Tổng Thống lâm thời của Cộng Hòa Trung quốc nhưng quốc quyền thì phải do Viên thế Khải đại diện của Hoàng gia nắm giữ.

Ngày 12-2 năm ấy Từ Hi Thái Hậu công bố Đạo Dụ chấp thuận nền Cộng Hòa và ngay hôm đó Tôn dật Tiên rút lui khỏi ghế Tổng Thống. Viên thế Khải được một Nghị-hội Cách Mạng đưa ra thay Tôn. Tôn chỉ còn nhận làm Giám đốc ngành Thiết vận đề tồ chức và củng cố lại hàng ngũ cách mạng theo kế hoạch lùi đề tiến.

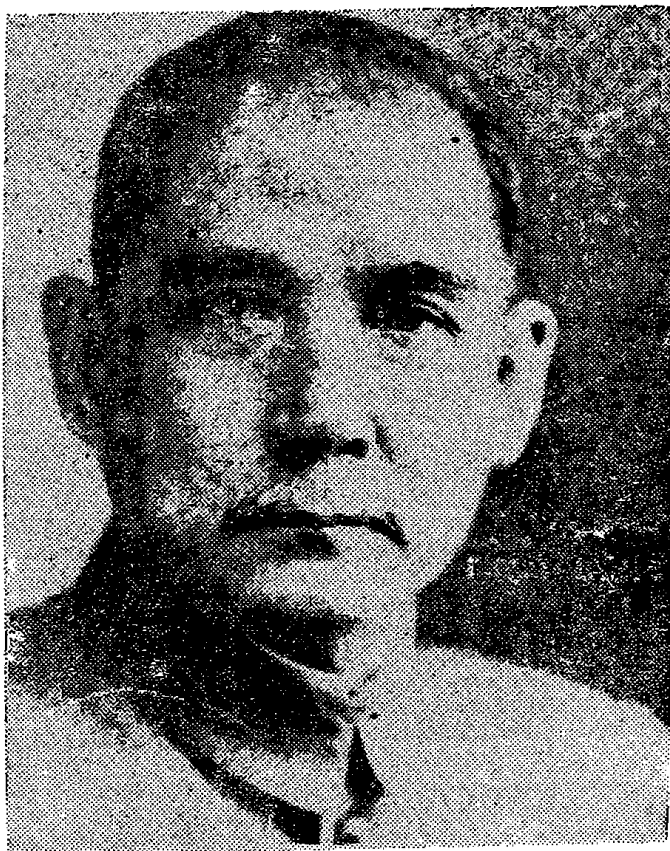
Trong thời gian này Viên thế Khải không thi hành lời hứa là sửa đổi việc chính trị trong nước lại còn thông đồng với ngoại quốc lấy tiền tồ chức quân đội riêng với mục đích tiêu diệt Cách Mạng. Năm ấy Quốc dân Đảng thắng thế trong cuộc Tổng tuyển cử. Viên vẫn giữ ghế Tổng Thống và thấy thế nguy, y liền dờ mặt độc tài, giải tán Quốc hội và khủng bố Cách Mạng.

Năm 1913 Quốc dân Đảng đảo chính họ Viên nhưng không thành công. Tôn lại bỏ chạy ra ngoài nước phen nữa. Năm sau Viên công bố Hiến Pháp mới, tự ấn định nhiệm kỳ Tổng thống là 10 năm và Tổng thống có quyền chỉ định người thay thế.

Tháng giêng 1915 vụ Sơn Đông xảy ra (Nhật chiếm tồ giới của Đức) và đòi chính phủ của Viên thế Khải chấp nhận « *Nhị thập nhất điều* » vô cùng nhục nhã cho toàn thể Trung quốc. Viên không dám



NGUYỄN - TRUNG - TRỰC



TÔN DẬT TIÊN

chống lại đã là điều khiến các tầng lớp dân chúng bất bình, Viên còn viện lẽ rất yếu là phải nhượng bộ Nhật Bản bởi chính phủ không mạnh và thiếu sự thuần nhất. Viên lại nhân luận cứ này phục hồi Đế chế và lên làm vua vào cuối năm.

Cách Mạng được dịp lật mặt nạ của Viên và mở cuộc Tổng khởi nghĩa khắp nước. Viên hoảng sợ lại hủy bỏ luôn cái triều đình y vừa thành lập để trở về chế độ Cộng Hòa rồi thấy nguy đến nơi trước cao trào cách mạng, Viên tự vẫn, Lê nguyên Hồng Phó Tổng Thống lên thay.

Lúc này Đế Nhất thế chiến bùng nổ.

Liệt Cường Tây Phương đã lôi cuốn các nhà cầm quyền Trung Quốc vào việc tuyên chiến với Đức. Tôn dật Tiên vừa trở về Quảng Châu sau cái chết của Viên thế Khải liền gửi cho chánh phủ của Anh Hoàng một bức thư phản đối vụ trên đây với tư cách Tổng Trấn Quảng Châu.

Tình hình Trung quốc bây giờ thật là rối ren. Mỗi địa phương trực thuộc về một tướng lãnh, ai nấy đều ra mặt quân phiệt. Tỉ dụ Phùng ngọc Tường, Trương tác Lâm, Ngô bội Phu, Trương tôn Xương v.v... Mỗi người nắm giữ một khu vực, kể ở Mãn Châu, người ở Phụng Thiên, Hoa Bắc, Hoa Nam, cảnh hỗn loạn đã diễn ra khắp nơi như chưa từng thấy.

Chánh phủ Bắc Kinh tuy vẫn được Liệt cường thừa nhận nhưng ảnh hưởng thực tế lại thuộc các nhà quân phiệt.

Cách mạng nắm được Hoa Nam và được một số tướng lãnh ủng hộ nên lập được Quốc Hội lần thứ hai sau đó Tôn dật Tiên được bầu làm Tổng Thống (Đệ nhị Cộng Hòa) vào tháng 5-1921.

Thế là nước Trung Hoa có hai chánh quyền Cộng hòa, một ở Bắc, một ở Nam Nhưng chẳng bao lâu cách mạng yếu kém về quân lực nên đã bị sứ quân Trần quý Minh đuổi ra khỏi địa phận sau vài việc xích mích, Tôn phải đến ẩn náu ở Thượng Hải.

Trong lúc này Quốc tế Cộng sản đã thành công trên đất Nga và lo bành trướng thế lực ra ngoài. Họ thấy xứ Trung Hoa có đủ điều kiện thành một yếu-khu cho sự phát triển của cách mạng vô sản về phía Viễn Đông nên gửi phái bộ Joffé đến và lập Viện Đông Phương tại Mạc Tư Khoa để đào tạo các cán bộ quân chính cho các tổ chức Cộng sản ở khắp vùng này.

Nga liền bắt liên lạc với Tôn đật Tiên sau khi ông đã giữ chức Tổng Thống Cộng Hòa tại miền Nam. Năm 1921 Tôn gửi Tướng giới Thạch qua Mạc Tư Khoa yêu cầu viện trợ. Nga cử luôn phái bộ Borodine và Galen (1) (tức tướng Blucher) qua Quảng Châu làm cố vấn cho họ Tôn về chánh trị cũng như quân sự. Trong phái bộ này, người ta nhận thấy có Lý Thụy tức Nguyễn ái Quốc (Hồ chí Minh sau này) giữ chức Bí thư và Nguyễn ái Quốc đã gặp nhiều thanh niên cách mạng Việt Nam ở đây trong số đó đã có nhiều người đang bắt tay vào việc tổ chức đảng Cộng sản. Nguyễn liền nắm luôn lấy họ...

Liên lạc với Nga Sô, họ Tôn có khuynh hướng theo Cộng sản chăng ?

Không! Tôn làm thân với chánh quyền Cộng sản thuở đó chỉ để lợi dụng mà thôi vì từ trước đến giờ Tôn di du thuyết thế giới chưa được nước nào trợ giúp, về phần Nga Sô cũng vậy. Xét ra chẳng bên nào đại hết.

Vào tháng 6-1924 tại Quảng Châu Nga đặt tới 34 cố vấn để giúp Quốc Dân Đảng tổ chức các cơ cấu theo kiểu Cộng sản và cả về quân sự rồi Quốc Dân Đảng lập được một trường Võ bị gọi là trường Hoàng Phố gồm 720 khóa sinh (có 3 người Việt học trường này bấy giờ) do Tướng giới Thạch điều khiển.

Cuối năm 1924 Bắc Kinh và Nam Kinh mở hội nghị thống nhất Trung quốc do Đoàn kỳ Thụy và Tào Côn, Tổng Thống Cộng Hòa miền Bắc triệu tập. Tôn cử Hồ hán Dân đi dự.

(1) Tàu dịch là Bảo la Đình và Ca gia Luận.

Ngày 31-12-1924 Tôn lên Bắc Kinh rồi từ trần vào ngày 12-3-1925 sau một thời gian bị bệnh ung thư gan trầm trọng. Thi hài ông được đưa về miền Nam chôn cất trên một quả đồi. Tính ra ông tranh đấu cho quốc dân Trung Hoa suốt 40 năm không ngừng và khi tắt hơi sự nghiệp chưa viên mãn nhưng ai cũng phải nhận ông là người khai sơn phá thạch cho nền cách mạng dân chủ Trung quốc.

Tôn đặt Tiên mới thành công trong màn đầu trên vũ đài chính trị của Trung quốc là lật đổ được Đế chế Thanh và kế tiếp sự nghiệp của ông ngày nay là Thống Chế Tưởng giới Thạch cùng các đồng chí Quốc Dân Đảng Trung Hoa nhưng đáng tiếc là Trung Hoa dân quốc sau khi lật đổ Từ Hi Thái Hậu và Viên thế Khải đã có sự lạm dụng của những nhân vật cao cấp nhất nên dân tình chưa được giải thoát khỏi vòng khổ cực khiến Cộng sản quốc tế đã nắm được cơ hội để làm mưa làm nắng trên toàn cõi Hoa Lục cho tới giờ phút này. Nguyên nhân sau cuộc thế chiến II, Cộng sản Tàu nhờ chỗ dân tình bất mãn với chế độ tham nhũng của gia đình họ Tống (họ vợ của Tưởng) đã lôi cuốn được nhân dân theo họ. Xét ra dân Tàu xưa cũng như nay chỉ mong có sự thay đổi chánh quyền để hy vọng một đời sống no đủ hơn. Hôm qua họ đã chán ngấy bọn vua quan tham tàn ích kỷ, gần đây họ lại thất vọng luôn cả với chính phủ dân quốc, vì thế họ theo Mao Trạch Đông, Lâm Bru, Chu Đức, Chu Ân Lai v.v... đâu phải họ đã thấy chủ nghĩa vô sản là cao đẹp. Họ còn có quyền ngờ vực mọi chế độ và họ còn ngờ vực mãi mãi, Chân lý mà họ đi tìm từ ngàn đời vẫn biệt tích trong bóng tối của thời gian cho tới bây giờ.

Quốc Dân Đảng Trung Hoa bại trận, chạy ra Đài Loan là mớ đất cuối cùng nhờ có sự giúp đỡ của nước bạn Huê Kỳ. Ngày nay ông Tưởng qua bài học chua cay ở Lục địa đã biết sửa mình nên đã lập được ở đảo-quốc này một lực lượng quốc gia khá hùng mạnh với ngót 700.000 quân tinh nhuệ hăng hái dưới cờ và 14.000 000 dân Tàu lần này đã có thể đặt lại tin tưởng ở nơi ông mà không lầm...

Còn về phía Hoa lục, khi cuốn sách này ra đời chế độ Mao Trạch Đông vừa trải qua một cuộc rối ren trong nội bộ khiến Mao phải lạm

dụng danh nghĩa một cuộc cách mạng văn hóa đề đàn áp phe đối lập (phe Lưu thiếu Kỳ) và sự phát triển của Hoa lục ra ngoài năm Châu cũng bị nhiều sự khó khăn trong giai đoạn hiện thời mặc dầu vào tháng 10-1971 Hoa lục đã đẩy được cánh cửa của Liên Hiệp Quốc vào đề góp mặt với Quốc tế từ nay do sự vận động của tư bản Mỹ (1).

Tính số đoạn trường con cháu Hoàng đế từ ngày ra chào đời qua 5.000 lịch sử chỉ biết nhỏ máu và nước mắt với các vua quan, lại đau khổ không kém với các chế độ cách mạng chỉ có lòng lầy, huy hoàng trên lý thuyết dân quyền, dân chủ mà thôi.

Mai một, chúng ta sẽ thấy còn nhiều đòi thay nữa ở cái nước vô phước bậc nhất này, liệu với các đòi thay vị lai dân Tàu sẽ có cơ phục hưng và bớt đau khổ chăng?



Chủ nghĩa Tam dân của Tôn trung Sơn thế nào?

Ngày nay mỗi khi nhắc đến cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) người ta không khỏi nhắc đến cả chủ nghĩa Tam dân của Tôn Văn nó là động cơ thúc đẩy trên 400 triệu dân Hán vùng lên chống đế chế và ngăn chặn ngọn trào thực dân Tây phương đã ào mạnh vào đất Tàu sau Nha phiến chiến tranh (1842).

Vào đầu thế kỷ của chúng ta, chủ nghĩa Tam dân của Tôn đặt Tiên quả đáng coi là một sự tiến bộ đặc biệt trong khi cả ngàn năm người dân Á châu bị chìm đắm trong vòng u tối của chế độ vua quan lạc hậu Người dân Đông phương cho tới bây giờ chỉ biết trên có Trời và có vua, coi vua là đáng thiêng liêng nhất muốn định đoạt số phận của mình thế mình nào cũng phải chịu. Họ đau khổ thì phải coi sự đau khổ ấy là một nghiệp dĩ, ráng mà chịu, kêu thì « thiên cao hoàng đế viễn ».

(1) Hạ bán niên 1971 đến lượt Lâm Bru mất tích trên chính trường Bắc Kinh. Ông đã cầm đầu cuộc đảo chánh nhưng thất bại rồi bỏ trốn. Hình như ông ta chết vì nạn máy bay ở biên giới ngoại Mông trên đường đào tẩu.

Mặc dầu lý thuyết của Khổng Mạnh là « *Dân vi quý quân vi khinh xã tắc thứ chi* » nhưng các tập đoàn phong kiến đã dùng uy quyền sát máu ăn hiếp đám dân đen và buộc họ phải chấp nhận chủ nghĩa tôn quân bao gồm đủ mọi thứ đặc quyền, kể cả cái quyền cho dân sống hay chết.

Cuộc cách mạng 1789-1793 đã đập tan nền Đế Chế trên đất Pháp ảnh hưởng lan tràn khắp Âu Châu rồi dần dần tư tưởng cách mạng chống quân chủ đề cao Dân quyền thành hình bóng qua Á Châu. Trên khắp giải đất Trung Hoa biết trước đến Montesquieu, J.J. Rousseau Voltaire v.v.. là thầy trò Khang hữu Vi và một số trí thức tiên tiến thứ thời. Những người này đã chấp nhận nguyên tắc dân chủ, dân quyền qua các sách « *Xã ước luận, Vạn pháp tinh lý* » và tất nhiên họ không còn tin tưởng mảy may vào nền quân chủ độc tôn, nhất là nền quân chủ này lại nằm trong tay một dị tộc đã thống trị dân Hán trên 300 năm đem lại cho họ bao nhiêu đau khổ và cả nhục nhã. Còn nữa ! Hơn một thế kỷ vừa qua thực dân đã trắng ủa nhau hiếp bức nước họ từ cuộc Nha phiến chiến tranh (1842).

Tôn dật Tiên là người chiến sĩ sở một quyết tâm đứng dậy chắm dứt tình trạng này và có lẽ đề khuyến cáo và khích lệ các đồng chí, ông tuyên bố « *Tri nan hành dị* », nghĩa là tìm ra chân lý mới là khó, nhưng thực hiện chân lý không khó. Xét ra Tôn không ngại biện bởi giác ngộ Chân lý cho cả một dân tộc để họ hiểu biết nhiệm vụ và quyền lợi của họ sau đó gây cho họ một tinh thần quật cường quả là điều khó. Còn khi họ biết con đường nào là đường sống, đường nào là đường chết để vùng dậy thì mọi sự về sau rất dễ.

Rồi Tôn dật Tiên đã tuyên bố ba điều với dân Hán. Đó là 3 điều chủ yếu cho sự sống còn của một quốc gia và là căn bản cho mọi sự tiến bộ như sau : *Dân tộc — Dân quyền — Dân sinh*.

Ba điều này đã cấu tạo một chủ nghĩa, đã phát sinh một tư tưởng rồi Tôn Trung Sơn đã giải thích hai chữ chủ nghĩa như sau : « Chủ nghĩa là một tư tưởng, một tín ngưỡng, một lực lượng, Nhân loại khi

muốn nghiên cứu nguyên lý của một vấn đề gì trước hết cái nấy ra trong trí óc họ đó là tư tưởng, sau khi tư tưởng đã quán thông thì đến tín ngưỡng phát sinh rồi tín ngưỡng gây nên lực lượng. Rồi ông tự đặt câu hỏi :

— Chủ nghĩa Dân tộc là gì ?

Ông giải thích luôn chủ nghĩa dân tộc cũng có thể gọi là chủ nghĩa Quốc tộc và ông nhận định rằng Trung quốc về dân số và tinh thần lúc đó đang ở trạng thái suy bại, rời rạc như bãi cát rời, người dân Hán chỉ có quan niệm gia tộc và tông tộc mà không có tinh thần dân tộc, quốc gia Như vậy Trung quốc mạnh làm sao được đề phục hưng, đề đối phó với định luật sống còn xây dựng trên nguyên tắc mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết ? Đó là lý do ông đề xướng chủ nghĩa dân tộc đề tránh cái họa diệt vong đang đe dọa dân ông sát nách. Ông còn minh định thêm rằng có khi nguyên nhân hưng vong của các quốc gia, dân tộc do sức mạnh đào thải thiên nhiên, có khi do sự hỗn hợp của sức đào thải thiên nhiên cùng với sức mạnh nhân tạo.

Sức mạnh nhân tạo có hai loại : chính trị và kinh tế.

Sức mạnh này còn khốc liệt hơn cả sức mạnh đào thải thiên nhiên. Ông dẫn chứng rằng Trung quốc vừa đây đã bị các Đế quốc thực dân áp bức bằng hai sức mạnh kể trên mà người dân Trung quốc ngày nay phải tìm biện pháp chống lại.

Nói về nguyên nhân người Trung Hoa đã bỏ rơi chủ nghĩa dân tộc là vì Trung quốc bị dân tộc khác chinh phục. Nguyên nhân này thật là phức tạp nhưng nguyên nhân chánh là bởi dân tộc cố tâm chinh phục và thống trị không bao giờ rời tay đối với dân tộc bị chinh phục đề họ được tự do bảo tồn tinh thần độc lập. Trước Trung quốc đã có Hán quốc ở vào trường hợp này. Ông còn cho đây là lý đương nhiên nếu bọn đế quốc đã có hành động này. Nhân đây ông chống lại những phần tử đã phủ nhận chủ nghĩa Tam Dân và tán thành chủ nghĩa thế giới. Ông nói :

« Chủ nghĩa dân tộc là một công cụ sinh tồn của nhân loại, nếu bị bỏ rơi và nếu chủ nghĩa Thế giới bành trướng, lan tràn thì dân tộc Trung Hoa ắt không thể sinh tồn và tránh được sự tiêu diệt... » Rồi ông khuyến cáo các tầng lớp đồng bào của ông phải đoàn kết chặt chẽ và sau đó suy kỹ cập nhân liên minh với tất cả các dân tộc nhược tiểu dựa vào tinh thần công lý cùng nhau hiệp sức đánh đổ cường quyền.

Với những người cõ võ cho chủ nghĩa thế giới (*khuynh Cộng hay theo Cộng*) chê bai các chủ nghĩa khác hẹp hòi nông cạn không thích hợp với trào lưu thế giới hiện tại, ông cho rằng những kẻ đó có luận điệu bịp bợm nhằm ru ngủ các dân tộc đang vùng dậy đòi quyền tự do và bình đẳng cho dân tộc mình. Ông còn xác định rằng muốn thi hành chủ nghĩa thế giới thì phải củng cố và phát triển chủ nghĩa dân tộc nếu không chủ nghĩa thế giới cũng khó mà thực hiện được. Quan niệm này dựa vào phương châm « *Dục bình thiên hạ, tiên trị kỳ quốc* » tức là muốn làm cho thiên hạ được yên ổn thì phải ổn định tình hình quốc gia đã. Ông kết luận rằng ngày nay Trung quốc đang đứng trước một nhu cầu bức thiết là phải khôi phục chủ nghĩa dân tộc. Điều này đòi hỏi người dân Trung quốc thực hiện đại đoàn kết quốc gia qua ba giai đoạn: *gia tộc, tông tộc rồi đến quốc gia*. Để bắt đầu, sự đoàn kết phải đi từ cá nhân này đến cá nhân kia. Và trong việc khôi phục chủ nghĩa dân tộc đừng quên tinh thần dân tộc đã được xây dựng trên nền tảng đạo đức cổ hữu nó bao gồm từ ngàn xưa *Trung, Hiếu, Nhân ái, Tín nghĩa, Hòa bình*. Ông xác định Trung đây là Trung với quốc dân, đồng bào bởi nhân dân Trung quốc không còn chấp nhận chế độ quân chủ nữa và đức Trung buộc người ta phải thi hành nghĩa vụ một cách tích cực triệt để dù phải hy sinh tánh mạng. Nói về Nhân ái, Tôn Trung Sơn lấy chúa Ky tô và Mặc tử ra làm điển hình Mặc Tử có câu: « *Ái dân như tử* » tức là yêu dân như yêu con và Mặc Tử còn dạy người ta yêu cả muôn vật Chúa Ky Tô chủ trương mọi người phải thương nhau, không có phân biệt giàu nghèo, sang hèn, chủng tộc v.v... và xóa bỏ mọi hận thù để yêu nhau như anh em ruột thịt... Tôn Trung Sơn nói thêm đến vấn đề « *Trí* » và « *Năng* » đề nhắc rằng dân tộc Trung quốc (Hán tộc) vốn là dân tộc thông minh và có nhiều năng lực nhờ

đó đã hùng cường vào bậc nhất từ xưa. Tuy nhiên Tôn Trung Sơn cũng cảnh cáo đồng bào của ông đừng lạc quan trên cái oanh liệt đã tàn và gây dựng lại cái quốc hồn, quốc túy cùng mọi tinh hoa cũ cũng chưa là đủ mà còn phải học tập những cái sở trường của thiên hạ (Âu Mỹ) nữa mới hồng chen vai thích cánh với họ hay tiến bộ như họ. Và theo tiên sinh biện pháp chống xâm lăng, đế quốc, thực hiện « Dân quyền » cũng tùy thuộc vào những sự kiện trên đây, không thể không được. Nhưng trong ý kiến này Tôn Trung Sơn đề ra vấn đề bất hợp tác với ngoại quốc để « vô hiệu hóa các manh tâm của chủ nghĩa đế quốc, đề duy trì địa vị của dân tộc trên trường Quốc tế cũng như tranh thủ sự sinh tồn với các dân tộc trong đại gia đình Nhân loại. »



Chủ nghĩa Dân quyền của Tôn Trung Sơn ?

Tôn tiên sinh phân tích : Dân là khối người có đoàn thể, có tổ chức. Quyền là lực lượng, là uy thế có thể bao trùm mọi phần tử, mọi công dân trong quốc gia. Dân quyền tóm lại là quyền của nhân dân để quản trị cộng đồng quốc gia. Họ Tôn lại giải nghĩa Dân quyền là thực lực chánh trị của nhân dân theo ý « *chánh* » là chúng nhân chí sự (công việc của mọi người). « *Trị* » là quản lý, là trông nom công việc của mọi người. Vậy thời đại bây giờ gọi là thời đại dân quyền hay dân chủ phải được hiểu rằng người dân có quyền chăm nom công việc chánh trị cho mình tức là sẵn sóc quyền lợi của mình để khỏi bị thiệt thòi.

Ngược dòng thời gian Nhân loại trải qua 4 thời kỳ :

- 1) Thời đại hồng hoang.
- 2) Thời đại thần quyền.
- 3) Thời đại quân quyền (quân chủ).
- 4) Thời đại dân quyền (dân chủ).

Vậy « Quyền » là gì nếu không là một lợi khí vô cùng quan trọng để bảo vệ sự sinh tồn của nhân loại. Khái quát mà nói, trong thời Hồng Hoang là thời kỳ thứ nhất con người chỉ biết dùng sức mạnh của thể

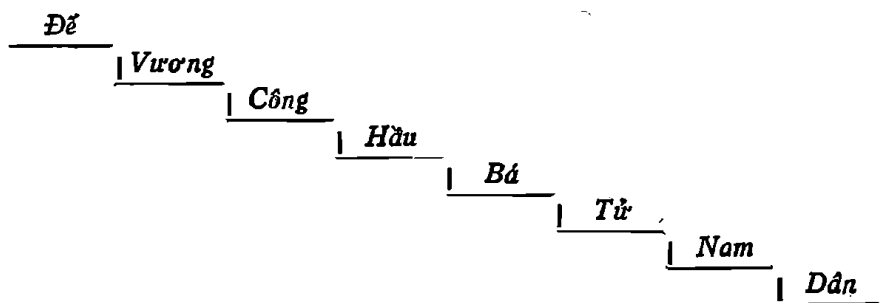
xác đề tranh sống với thú vật, với Thiên nhiên và chưa có vấn đề xử dụng Quyền. Tới thời đại thần quyền là thời kỳ con người tranh giành với Trời. Thần quyền được áp dụng. Qua thời kỳ thứ ba Người tranh với Người, quốc gia tranh với quốc gia, dân tộc tranh với dân tộc và chế độ quân chủ được thiết lập. Đến ngày nay là thời kỳ mà chế độ dân chủ được phát triển, người dân tranh với vua quan, người lương thiện tranh với kẻ hung ác, công lý đối đầu với cường quyền. Thời kỳ này được kể là tiến bộ nhất trên phương diện bảo vệ hạnh phúc và giá trị của con người. Tóm lại chủ nghĩa Dân quyền trong chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn nhằm thiết lập một nền chính trị dân chủ cho Trung quốc.

Và trong khi giảng giải Tam Dân chủ nghĩa, Tôn tiên sinh có bàn đến chữ Tự do theo nhãn quan và ý niệm chính trị của mình. Tiên sinh nghĩ : tự do là một thứ quyền thiêng liêng vô cùng quý giá của con người. Cách mạng đã phải hy sinh rất nhiều xương máu, tinh mạng cũng chỉ vì hai chữ Tự do. Cách mạng Pháp đã lấy « *Tự do* » đề hiệu triệu, Cách mạng Huê Kỳ lấy « *Độc lập* » nhưng Cách mạng Trung quốc với chủ nghĩa Tam Dân không phải chỉ tranh đấu giành Tự do mà thôi. Ba thứ chủ nghĩa (*Dân tộc, Dân quyền, Dân sinh*) có thể nói tương đương như « *Tự do* » vì một khi thực hành được chủ nghĩa dân tộc là đã tranh thủ được tự do cho Quốc gia rồi. Có điều khác là lúc trước người dân Âu Châu chỉ tranh thủ tự do cho cá nhân nhưng ngày nay xu hướng áp dụng cũng như tác dụng của tự do đã nhắm vào mục đích khác. Vậy tự do ngày nay phải hướng vào mục tiêu nào ? Nếu tranh thủ tự do cho cá nhân thì không khác gì đưa người dân vào tình trạng rời rã như nắm cát khô mà phải đem tự do dành cho quốc gia. Tiên sinh chú thích thêm : « Trung quốc bây giờ đã mất bản vị quốc gia, đã thành « vùng thứ thực dân » chứ không còn là « vùng bán thực dân », chúng ta phải gạt bỏ tự do cá nhân để kết hợp thành một đại đoàn thể nhiên hậu mới trở nên một tổ chức bền vững. Rồi đoàn thể đại qui mô đó có tự do thì đương nhiên dân tộc và tổ quốc chúng ta sẽ được tự do thật sự ».

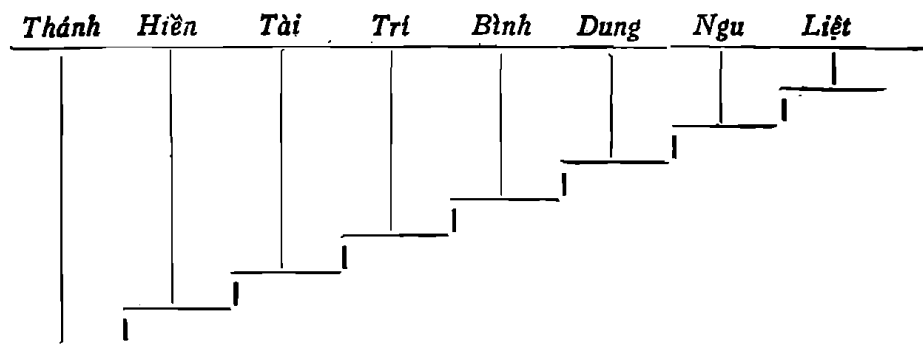
Vấn đề bình đẳng trong Tam Dân chủ nghĩa

Tôn Trung Sơn cũng quan niệm như nhiều triết gia khác con người sinh ra vốn không bình đẳng. Sự không bình đẳng này còn tệ hại hơn bởi con người và chế độ xã hội đã tạo ra nó. Tiên sinh trình bày ý kiến này bằng 3 sơ đồ để biểu dương tình trạng bất bình đẳng nhân tạo, bình đẳng giả tạo và bình đẳng chân chính.

SƠ ĐỒ I (Bất bình đẳng do con người và chế độ xã hội)

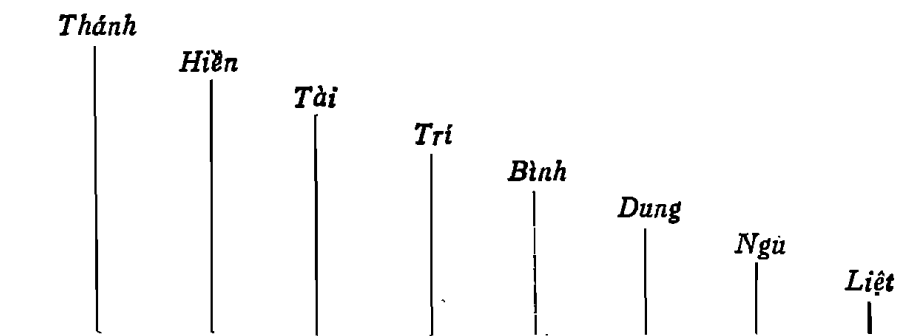


SƠ ĐỒ II (Bình đẳng giả tạo)



Trạng thái bình đẳng giả tạo thiết lập trên những điểm lập tức khác nhau không phân biệt trí tuệ, tài năng và địa vị của mỗi người, để người cao xuống làm cho mức đựng đầu ai cũng như ai. Có thể nói đây không phải là một trạng thái bình đẳng chân chính.

SƠ ĐỒ III (Bình đẳng chân chính)



Trên địa hạt chính trị mọi người đều ngang nhau. Mọi người được dùng trí tuệ và tài năng của mình để tự tạo những địa vị cao thấp tùy sức. Đó là bình đẳng nhân tạo rồi họ Tôn quyết định rằng bình đẳng cũng như tự do không cần là những khẩu hiệu được nêu lên trong cuộc cách mạng do ông khởi xướng. Ông đã viết :

«Cuộc cách mạng của chúng ta nhằm thực hiện dân chủ tuy không tuyên truyền tự do, bình đẳng nhưng đã chủ trương dân chủ tất nhiên có tự do, bình đẳng rồi. Nếu có trường hợp thi hành tự do, bình đẳng một cách đứng đắn và thu được nhiều kết quả thì cứ việc làm, ngược lại nếu chưa làm được ngay thì có thể dời h lại.

«Muốn đạt được bình đẳng thì nên hiểu vấn đề như sau : Xã hội loài người chia ra 3 hạng người. Hạng thứ nhất là hạng tiên tri tiên giác. Hạng thứ hai là kẻ hậu tri hậu giác. Hạng thứ ba là kẻ bất tri bất giác. Tất cả đều sống trong cái nhân sinh quan ích kỷ hay lợi tha. Căn cứ vào tình trạng khả năng của mỗi hạng do thiên bẩm chúng ta thấy hạng tiên tri tiên giác là những nhà phát minh, hạng hậu tri hậu giác là những nhà tuyên truyền—hạng thứ ba là kẻ chấp hành. Con người ở hạng nào mặc dầu cũng khao khát được bình đẳng và cố gắng đạt tới mục tiêu bình đẳng để chẳng thua kém ai. Nhưng nhân tâm thường thiếu đạo đức, kém tinh thần vị tha nên những người thông minh, tài năng thường chuyên dùng sở trường của mình để lấn át kẻ khác. Số đông kết hợp với nhau thành giai cấp chuyên chế và từ giai cấp chuyên

chế đến giai cấp bị nạn chuyên chế sinh ra sự bất bình đẳng, cách mạng do đó mà bùng ra. Trong lịch sử nhiều ngàn năm trước đây vì phong kiến lũng đoạn chánh trị quá đáng nên nảy sinh ra cách mạng dân chủ ngày nay ở khắp thế giới.

Ngược lại với giai cấp chuyên chế, thống trị một số người cũng có trí tuệ, cũng có tài năng nhưng nặng lòng lợi tha (vì tha cũng thế) đã quên mình, hy sinh mình rồi đem các sở trường của mình mưu đồ hạnh phúc cho đại chúng qua các công tác bác ái, từ thiện mà các tôn giáo hằng cổ võ. Chúng ta cũng không lạ nếu những con người có quan niệm lợi tha đã giải quyết những bất công xã hội bằng biện pháp cách mạng để lật đổ nền quân chủ chuyên chế và thực hiện chánh thể dân chủ nhằm dẹp mọi bất bình cho Nhân loại.

Ba hạng người kể trên đây muốn đạt được lý tưởng cứu dân độ thế, phục vụ xã hội thì phải tùy tài tùy sức mà gánh vác mọi việc. Phương ngôn nói: «*Xảo giả chuyết chi nô*» có ý nghĩa là kẻ khôn làm tôi tớ cho kẻ dại, kẻ ngu mà có lòng cũng giúp ích được cho đồng loại ít nhiều dù phạm vi khả năng eo hẹp mặc dầu.

Vậy có thể kết luận con người sinh ra không đều nhau về khả năng nhưng nếu con người có lòng đạo đức tức là có tinh thần xã hội thì cũng có thể san phẳng được sự bất công của tạo hóa và mưu được bình đẳng cho nhau rồi cùng hưởng hạnh phúc với nhau.



Bàn về việc thực thi dân chủ ở Mỹ quốc với chế độ liên bang đã gây sự phú cường cho quốc gia này Tôn trung Sơn cho rằng với Trung quốc biện pháp mà người Mỹ đã dùng không thích nghi với dân Hán (T.Q) Hiện nay chế độ dân chủ tại Mỹ, Pháp, Đức, Thụy Sĩ cho người dân hưởng lần lần 4 thứ quyền là :

- 1) Quyền bầu cử (đầu tiên).
- 2) Quyền bãi miễn (cách chức, sa thải quan lại).
- 3) Quyền sáng chế đề đề nghị luật pháp.
- 4) Quyền phúc quyết đề tu chính luật pháp.

Nhưng sự kiện này có điều không hay là Âu Mỹ đã thi hành các quyền dân chủ một cách *vô hạn chế*. Rồi Tôn trung Sơn xác định quan điểm của mình đối với nền dân chủ Âu châu như sau :

«Cuộc cách mạng đầu tiên là cuộc cách mạng Mỹ. Trong hàng ngũ của các người cách mạng đã chia ra 2 phe đối lập : phái chủ trương trung ương tập quyền đã thắng phái chủ trương địa phương phân quyền. Đây là lần thứ nhất phong trào dân chủ gặp phải trở ngại trên đường phát triển. Tại Pháp khi người dân đã nắm được đầy đủ quyền hành nhưng lại lạm dụng quyền hành khiến xã hội phải chịu nhiều sự lộn xộn, âu cũng là một trường hợp trở ngại lần thứ hai. Tại Đức Bismark đã khôn ngoan phòng ngừa sự tiến triển của phong trào dân chủ, có thể nói đây là một trở ngại lần thứ ba. Nay Trung quốc phải áp dụng một nền dân chủ khác hẳn với Âu Mỹ vì dân tình và tập quán của xã hội Trung hoa khác hẳn với các nước Âu Mỹ, hơn nữa chế độ dân chủ Âu Mỹ vẫn còn nhiều khuyết điểm. Theo ông lịch sử Âu Mỹ chỉ hữu ích cho cách mạng Trung quốc do những kinh nghiệm nó đã thu lượm được để tránh cho Trung quốc những lầm lỗi tai hại có thể mắc phải.

Cuối cùng về chủ nghĩa Dân quyền Tôn trung Sơn đề cập đến «*quyền năng phân lập*» cũng là để tránh hai khuyết điểm lớn mà các học giả chính trị Âu Mỹ đã từng nêu ra. Một học giả Mỹ cho rằng hiện nay nhiều quốc gia đã thi hành dân chủ lại sợ hãi sau khi lập được một chính phủ có đầy đủ khả năng, người dân sẽ không lẽ lái được chính phủ đó. Như vậy thì có một chính phủ ít khả năng mà dân nắm được thì việc mưu đồ hạnh phúc cho dân sẽ dễ dàng hơn.

Một học giả Thụy Sĩ ngược lại thấy ở nhiều nước dân chủ có những chính phủ yếu kém, thoái hóa hơn trước. Lý do người dân muốn có những chính phủ như vậy để dễ chi phối như trên đã nói. Vậy cần phải có biện pháp thích nghi và muốn giải quyết được vấn đề thì thái độ của người dân cần phải sửa đổi. Tôn tiên sinh liền đưa ra lý thuyết quyền năng phân lập nhằm mục đích :

1) Tạo cho chánh phủ đủ năng lực phục vụ quốc gia mà không xâm phạm quyền dân chủ đại chúng.

2) Thay đổi thái độ nghi ngờ hay chống đối chánh bằng thái độ ủng hộ, tín nhiệm.

Tiên sinh nhân đó giải thích hai chữ « Quyền » và « Năng » Tiên sinh lấy tỉ dụ người chủ có một chiếc xe hơi và một người tài xế. Tài xế là kẻ có năng lực (năng lực lái xe) nhưng không có quyền. Trái lại người chủ có xe, có quyền nhưng vô năng (không lái được). Vậy người chủ có quyền cần phải dùng người chuyên môn có năng lực để họ lái xe cho mình. Đại sự quốc gia cũng không ngoài sự kiện đó. Và sau khi biện pháp căn bản đã được quyết định cần phải phân chia vấn đề tổ chức quốc gia và vấn đề thi hành quyền dân chủ. Đó là « *chánh quyền* » và « *trị quyền* ».

Như đã nói « *chánh* » là việc của mọi người, « *trị* » là quản lý việc của mọi người và chánh tức là Dân và trị là Chánh phủ thay dân, thừa mệnh lệnh của dân để quản lý mọi việc ngoài quốc gia. Nói cách khác hai bên đều là sức mạnh cả để kết hợp với nhau, một để quản lý chánh phủ và một là bản thân của chánh phủ để chấp hành.

Chánh quyền về phía quốc dân sử dụng gồm có :

1) Quyền tuyền cử đã được phổ biến tại các quốc gia dân chủ tân tiến trên thế giới.

2) Quyền bãi miễn để trừng trị, xa thải các công chức xấu xa.

3) Quyền sáng chế đề nghị luật pháp.

4) Quyền phúc quyết đề sửa đổi hay phúc quyết luật pháp.

Trị quyền về phía chánh phủ nắm trong tay là :

1) Quyền hành pháp.

2) Quyền tư pháp.

3) Quyền lập pháp.

4) Quyền khảo thí.

5) Quyền giám sát.

Theo trên *chánh quyền* là quyền chính trị của quốc dân ; *trị quyền* tức là quyền trị sự quốc dân trao cho chính phủ. Bằng 9 thứ quyền trên người dân và chính phủ duy trì được sự thăng bằng về quyền lực để giải quyết mọi vấn đề thuộc phạm vi dân chủ và đầy mạnh được sự tiến bộ của quốc gia.



Chủ nghĩa Dân sinh của Tôn trung Sơn ?

Theo tác giả của Tam Dân chủ nghĩa hai chữ DÂN SINH bao gồm *sinh hoạt của người dân* và *sinh tồn của xã hội* cũng có thể hiểu cách khác là : Sinh kế của đại chúng và tính mệnh của họ. Vậy giải quyết vấn đề Dân sinh là giải quyết các vấn đề xã hội.

Vấn đề này được đặt ra một cách bức thiết từ thời gần gũi của chúng ta bởi cận đại là thời kỳ « cách mạng kỹ nghệ ». Máy móc được phát minh, có những năng lực rất huyền diệu để thay thế con người trong việc sản xuất vì thế mới nảy ra nạn thất nghiệp của thợ thuyền một cách trầm trọng. Ai cũng thấy rằng sau ngày máy móc được đưa ra xử dụng, sức sản xuất trên thế giới đã chịu một sự biến đổi rất lớn lao, địa vị của người lao động bị máy móc chiếm đoạt, quyền lợi của kẻ không có máy móc bị người có máy móc giành hết.

Vậy cuộc cách mạng kỹ nghệ đã đương nhiên thành ra một vấn đề xã hội mà vấn đề xã hội cũng là vấn đề kinh tế. Cũng theo ý nghĩa này Dân sinh cũng thành một vấn đề tài chính của chủ nghĩa xã hội.

Nhân đây Tôn trung Sơn vạch những sai lầm trong lý thuyết Marx : Ông nói đối với Marx vật chất là trọng tâm của lịch sử nhưng đồ đệ của Marx là Maurice William cho rằng trọng tâm của lịch sử là vấn đề xã hội mà trọng tâm của vấn đề xã hội lại là sinh tồn của nhân loại chứ không phải là vật chất. Vì lẽ này Tôn đã quan niệm vấn đề Dân Sinh mới là trọng tâm của sự tiến hóa của xã hội và sự tiến hóa của xã hội mới là trọng tâm của lịch sử, nói khác đi

trọng tâm của Lịch sử là dân sinh chứ không phải là vật chất. Rồi Tôn tin rằng chủ nghĩa Dân sinh đã rất hợp với lý thuyết tiến hóa của nền văn minh nhân loại.

Đã nói tới vật chất tất nhiên phải nghĩ đến vấn đề sản xuất và nếu sản xuất có sự phối hợp giữa công nhân, máy móc và tư bản, không có mối lợi to tát rơi vào tay chủ nhân thì không có mâu thuẫn để đưa đến đấu tranh giai cấp Theo Marx : *«Lịch sử nhân loại là lịch sử đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa chủ nhân và nô lệ, địa chủ và nông nô, quý tộc và bình dân và chừng nào cách mạng xã hội thành công thì đấu tranh giai cấp chấm dứt»*. Cũng vẫn theo Marx đấu tranh giai cấp là vấn đề không tránh được và có nó mới có tiến hóa. Đúng chẳng ?

Tôn tiên sinh không tán thành luận điệu này và đã đem những thực trạng tiến hóa ở các nước Âu Mỹ ra chứng minh. Tại các nước này sự tiến hóa của xã hội chẳng đòi hỏi đấu tranh giai cấp giữa tư bản và thợ thuyền, chỉ cần điều hòa quyền lợi giữa hai giới, chặn bớt sự phát triển tư bản và nâng cao đời sống thợ thuyền. Người ta đã thi hành các biện pháp dưới đây :

- A) Cải tạo xã hội và kỹ nghệ,
- B) Quốc hữu hóa ngành giao thông,
- C) Đánh thuế trực thu, lợi tức.
- D) Xã hội hóa vấn đề phân phối.

Về việc thứ nhất chánh phủ giáo dục giới lao động về quyền lợi của tập thể này với quyền lợi quốc gia, cải thiện các nhà máy, canh tân các dụng cụ. Những sự cải cách này đã nâng cao tinh thần làm việc của lao động và làm tăng năng xuất. Về việc thứ hai : quốc hữu hóa ngành giao thông vận tải thì các nguyên liệu, các sản phẩm được di chuyển mau lẹ, đều hòa Về việc thứ ba : đánh thuế nặng vào giới tư bản, tài nguyên quốc gia được dồi dào. Các nước Anh, Mỹ, Đức nhờ biện pháp này mà trở nên phú cường. Và đại chúng ở đây được thụ hưởng nhiều, xã hội tiến bộ là điều dĩ nhiên. Nói rằng cách mạng xã hội là loại trừ giai cấp tư bản thì trong Tam dân chủ nghĩa quyền lợi của tư bản đã bị

hạn chế. Nói rằng nhà-nước cần đứng ra phân phối các sản phẩm thì Tam dân chủ nghĩa cũng không bỏ việc chính yếu này nhưng không áp dụng những biện pháp nghiệt ngã như nhà-nước Cộng sản đã thành một thứ chủ nhân ông duy nhất đề thống trị mọi giai tầng xã hội và bóc lột quá đáng chẳng từ một giới nào như ta đã thấy.

Marx còn lầm với quan niệm cho rằng giá trị thặng dư mà giới tư bản được hưởng đều do sự bóc lột sức lao động của giới thợ thuyền và mọi sự sản xuất đều nhờ ở sức lao động của giới thợ thuyền Marx quên rằng có nhiều phần tử khác hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp đã góp công Bề khác Marx khẳng định có một thời nào đó cách mạng vô sản sẽ tiêu diệt được giới tư bản thì thực tế cho hay trên nửa thế kỷ nay chủ nghĩa xã hội ra đời, các nước tư bản và kỹ nghệ trên Thế giới vẫn vững như bàn thạch, lại còn phát triển mạnh nữa. Chủ nghĩa của Marx xét ra chỉ thành công trong việc khuynh đảo chính quyền ở một số quốc gia nghèo khổ ở các thuộc địa Á-Phi mà thôi còn thành công ở chỗ thực hiện hạnh phúc cho nhân dân thì ngay ở các nước đàn anh như Nga Sô hay Trung Quốc đến ngày nay vẫn chỉ là những lời hứa hẹn.

Còn bàn về việc tư bản hưởng giá trị thặng dư do ba điều dưới đây :

- 1) Giảm lương của lao động.
- 2) Tăng giờ làm việc.
- 3) Nâng cao giá bán các sản phẩm.

Ta thấy tại Huê Kỳ sự thực đã chứng minh ngược lại, tỉ dụ với hãng chế tạo xe Ford và nhiều xí nghiệp khác. Ông không rõ nguyên lý tiến hóa của xã hội mà chỉ hiểu bệnh lý và như thế ông cũng mờ mịt cả về sinh lý xã hội. Cuối cùng vấn đề tiêu thụ và hợp tác xã tiêu thụ với mục đích ngăn chặn thương gia thủ lợi, giúp giới tiêu thụ mua rẻ cũng không thực hiện được theo lý thuyết. Lý do dễ hiểu là Nhà nước Cộng-sản nắm hết và cay nghiệt còn hơn những giới mà xã hội chủ nghĩa đã buộc tội, lên án sau khi điện Cẩm Lich đã thi hành kế hoạch 5 năm (*Plan quinquenal*).

Đề cập đến vấn đề « Dân Sinh » họ Tôn đưa ra hai biện pháp : « Bình quân địa quyền » và « Tiết chế tư bản ». Ông cũng quan niệm biện pháp giải quyết vấn đề dân sinh ở Trung quốc không giống biện pháp của các nước khác. Ông chê Cách mạng vô sản của Nga nhằm giải quyết vấn đề chánh trị, kinh tế của xã hội nhưng chỉ thực hiện được một cách phiến diện, khái quát, vậy mà đã phải đổ máu rất nhiều thì công quả có cân xứng chăng ? Mục đích chánh yếu của người Cộng sản là giải quyết vấn đề kinh tế thì vào thực tế kết quả đã ngược lại, nghĩa là Cách mạng tháng 10 mới chỉ lật đổ được chế độ quân chủ còn vấn đề kinh tế và xã hội là những nhu cầu bức thiết Lênine và các đồng chí chưa thanh toán được. Rồi Tôn phê bình các lãnh tụ Cộng sản quá khích và khen tư bản Tây-phương ôn hòa căn cứ vào các công cuộc cải tiến kỹ nghệ, quốc hữu hóa ngành giao thông, trực thu thuế má, xã hội hóa vấn đề phân phối (thành lập Hợp tác xã) v v... họ đã thi hành rõ rệt.

Nhìn vào thực trạng của xã hội Trung quốc, Tôn cho rằng Trung quốc không có giai cấp đại tư bản như các nước khác mà chỉ có giới « đại bản » và « tiểu bản ». Những nhà gọi là tư bản Trung quốc nếu so với những nhà đại tư bản ngoại quốc thì chỉ là những kẻ tiểu bản vì thế sự quân bình giữa giàu và nghèo không đáng coi là nan giải tại Trung quốc.

Đề thi hành biện pháp « bình quân địa quyền » chánh phủ cứ chiếu theo giá trị điền địa do chính địa chủ tự khai ra mà đánh thuế hoặc mua lại. Chiếu giá đánh thuế và chiếu giá mua lại có nghĩa chỉ nhằm vào « giá đất thuần túy chứ không phải giá đất đã thêm vào nhân công để cải tạo như những vật kiến trúc trên đất ấy ».

Có hai trường hợp sẽ xảy ra : a) Trường hợp man khai đề chịu ít thuế. Nếu vậy chánh phủ mua lại điền địa của họ, địa chủ sẽ thiệt nhiều. b) Trường hợp khai trương dối sất với thực tế (dĩ nhiên địa chủ không bao giờ khai giá điền địa cao để chịu thuế nhiều) chánh phủ và địa chủ không bên nào thiệt thòi đáng kể và một khi giá cả đã được ấn định chánh phủ sẽ đưa ra những luật lệ đề thi hành. Nếu sau này

giá điền địa tăng thì phần tăng ấy thuộc về nhà-nước để làm của công, Và như vậy là do mức sống của nhân dân đã cao nhờ ở sự tiến bộ của công thương nghiệp.

Song hành với « Bình quân địa quyền » là « Tiết chế tư bản », tác giả Tam Dân chủ nghĩa cho rằng vấn đề sẽ không đến nỗi gay gắt, sẽ không có sự chống đối mãnh liệt như với Đại tư bản Âu Châu. Hiện nay thuế lợi tức mà các nước Tây phương đang thi hành là một trong những biện pháp tiết chế tư bản nhưng Trung quốc là nước nghèo, kém mở mang, không có sản xuất thặng dư thì ngoài việc phải tiết chế tư bản của tư nhân còn phải khuyến khích tư bản của nhà-nước bằng cách chấn hưng thực nghiệp tức là Nông, Công, Thương v.v... Liên hệ đến vấn đề này Tôn Trung Sơn cho rằng tư bản trong thời đại thương mại là tiền bạc, trong thời đại kỹ nghệ là máy vạy quốc gia phải đảm nhiệm lấy nền công-kỹ-nghệ, giành lấy quyền sản xuất. Nhưng cần phải có tư bản đầu tư và chuyên môn của người ngoại quốc. Được vậy chánh phủ sẽ giải quyết được các vấn đề xã hội, tránh được sự chênh lệch về tài sản cho quốc dân vốn xưa nay là nguồn gốc của mọi sự đau khổ, bất mãn.

Lý thuyết Dân sinh của Tôn Trung Sơn cũng rất lưu ý đến sự Ăn và Mặc của dân chúng. Tôn cho rằng « Quốc dĩ dân vi bản, Dân dĩ thực vi tiên », vậy « Ăn » là vấn đề quan trọng. Trước các đồng chí và cán bộ Tôn đưa ra nhận định rằng dân Trung Hoa trên 400 triệu vào đầu thế kỷ 20 đa số đói ăn rách mặc. Lý do : nền nông nghiệp Trung Hoa chưa tiến bộ và chịu áp lực kinh tế của ngoại bang. Ngày nay muốn cho dân đỡ cực phải tăng gia sản xuất để đủ cung cấp cho toàn dân và liền theo đó giá lương thực phải rẻ. Nông dân Trung Hoa chiếm 80-90%, nhưng đa số không có ruộng phải làm tá điền nên bị điền chủ bóc lột. Thường họ chỉ được thâu 40% hoa màu họ canh tác trong khi chủ lãnh 60% bởi vậy nguyên tắc của cách mạng ngày nay là nông dân phải được hưởng nhiều hơn những sản phẩm tự tay họ vất vả làm ra. Việc này đòi hỏi quốc sách « Ganh giá hữu kỳ điền » tức là Người cày có ruộng, nằm trong khuôn khổ bình phân địa quyền. Ngoài ra Nhà nước còn phải tính đến 7 vấn đề để bảo vệ nông nghiệp dưới đây :

- 1) Máy móc : do dân chế tạo lấy để tiết kiệm ngoại tệ.
- 2) Phân bón : nghiên cứu các hóa chất.
- 3) Đồi giống : việc canh tác phải thay đổi cho đất nghỉ ngơi, nay trồng loại cây này thì mai phải trồng loại cây khác
- 4) Diệt trừ sâu bọ : dùng thuốc sát trùng.
- 5) Lưu trữ thực phẩm : lập kỹ nghệ đồ hộp.
- 6) Chuyển vận : lập thêm thiết lộ, đào thêm sông và đắp thêm công lộ để vận chuyển các sản phẩm và giúp việc phân phối lương thực được mau lẹ.
- 7) Đề phòng thiên tai : đắp đê, khai sông, vét sông, tạo rừng cây qui mô trên toàn quốc.

Trong mục tiêu phân phối các sản phẩm họ Tôn tuyên bố không có vấn đề kiếm lời mà cũng không thể đề cho tư bản thủ lợi. Nhưng Tôn tiên sinh phân nản dân đã không đủ lương thực mà hàng năm vẫn có việc xuất cảng, đó là do tư bản lũng đoạn kinh tế nước nhà. Nay cần giữ lại các sản phẩm thặng dư phòng thiếu hụt luôn trong hai ba năm, nếu thặng dư quá nhiều mới cho phép xuất cảng.

Bàn về việc « Mặc » tiên sinh quan niệm con người tiến bộ bao nhiêu thì vấn đề Mặc càng phải hoàn bị và phải vượt qua ba giai đoạn : *nhu cầu — sung sướng — xa xỉ* ? Mặc là một nhu cầu không thể thiếu được, nhưng sau khi có quần áo che thân cho khỏi nóng lạnh rồi thì có thể tiến đến mặc lấy sung sướng, đó là sự ước muốn của mọi người rồi mọi người còn muốn tiến đến chỗ xa xỉ. Tóm lại người ta ai cũng khát vọng đi từ chỗ tối thiểu đến chỗ tối đa trong hạnh phúc của cuộc sống còn, từ chỗ phải có (nhu cầu) không được, đến tiện nghi rồi đến mỹ quan.

Với dân Trung Hoa các nguyên liệu để chế tạo quần áo không thiếu và có hai loại :

- a) Loại lấy từ động vật như tơ, lông.
- b) Loại lấy từ thực vật như gai, bông vải.

Các nguyên liệu này được sản xuất do thủ công nghệ cổ truyền có tính cách gia đình và địa phương, so sánh thì thua Âu Mỹ cả về phẩm lẫn lượng. Đã vậy do các Hiệp ước ký giữa triều đình Mãn Thanh và các đế quốc thực dân là những Hiệp ước bất bình đẳng người ngoại quốc mua nguyên liệu của dân Trung Hoa với giá thật rẻ mạt rồi họ mang về xứ dùng máy móc chế tạo thành những vải tốt rồi lại quăng vào thị trường Trung Hoa bán giá hời thì công kỹ nghệ của Trung Hoa phải chết ngột. Nay Tôn tiên sinh khuyên dân áp dụng phương pháp khoa học của Tây phương trong việc trồng dâu nuôi tằm, gọt lông, dệt vải... còn chánh quyền thì có bổn phận chặn đứng làn sóng ngoại nhập bằng hàng rào quan thuế. Việc này buộc chánh phủ đứng ra kinh doanh nhiều hậu nên kinh tế quốc gia mới vững được. Một ngày gần đây quốc gia Trung Hoa sẽ độc lập, sẽ bình đẳng với ngoại quốc thì không thể không dùng ảnh hưởng chánh trị làm hậu thuẫn cho kinh tế...

Tôn dật Tiên đã chia chương trình hoạt động của Cách Mạng Trung Hoa ra làm ba thời kỳ.

— Thời kỳ thứ nhất nổi lên lấy võ lực lật đổ đế chế mệnh danh là thời kỳ quân chính, thống nhất lãnh thổ và mở màn cho chế độ Cộng Hòa, thành lập chánh phủ dân quốc.

— Thời kỳ thứ hai mệnh danh là thời kỳ Huấn chính dạy dân chúng các điều căn bản về chính trị để tránh cho họ những sự ngỡ ngờ trước chế độ mới và thấm nhuần lý thuyết cách mạng dân chủ đồng thời tiêu diệt mọi mầm mống phản động. Trong khi chờ đợi quốc dân thành lập những lực lượng chánh trị đủ khả năng đảm đương việc nước, Trung Hoa Quốc dân đảng tiếp tục sứ mạng lãnh đạo quốc gia.

Thời kỳ thứ ba là thời kỳ hiến chính. Chánh phủ chiếu theo Hiến pháp mà thi hành mọi việc và Hiến pháp thì do Quốc hội gồm các đại biểu nhân dân đặt ra theo quyền lợi và nguyện vọng của toàn dân.

Nếu so sánh với Chủ nghĩa Cộng sản, chúng ta thấy Tam Dân chủ nghĩa là một chủ nghĩa quốc gia nó phát động một cuộc Cách Mạng tư sản dân quyền. Chủ nghĩa này không đề ra cuộc giai cấp đấu tranh, không vô sản hóa các tầng lớp quốc gia (không hủy bỏ tư hữu tài sản) không lập vô sản chuyên chính. Nó sâu sắc hơn Tây phương trong việc tổ chức dân chủ trên lãnh vực chính trị và xã hội, chấp nhận đại cương của tổ chức này, tán thành sự riêng rẽ của quyền lập pháp với quyền hành pháp và tư pháp nhưng còn đặt thêm quyền giám sát và khảo thí. Do có hai thứ quyền dưới đây là quyền kiểm soát, dân chúng có thể tránh được sự lạm dụng hay sự đồng lõa giữa các cơ quan hành pháp với tư pháp hay lập pháp. Ý niệm này đáng kể là chu đáo và hợp lý, nhất là ở những quốc gia chưa được khai thông nhiều. Ở Hoa Kỳ việc kiểm soát này mặc nhiên được trao cho báo chí, coi báo chí là đại diện của quần chúng để đàn hạch các nhà cầm quyền lầm lỗi và nêu lên chính quyền mọi thắc mắc. Như vậy báo chí là quyền thứ tư sau 3 thứ quyền cơ điển kể trên. Còn về quyền khảo thí tuy không có ghi trong Hiến Pháp các quốc gia dân chủ Tây phương nhưng đã được thể hiện trên thực tế bằng quy chế Đại học tư trị.

Xét kỹ ta thấy Tam dân chủ nghĩa có tính cách thích trung, không thiên tư bản, (nói cho đúng hơn chủ nghĩa này chủ trương hạn chế tư bản, phát triển tối đa quyền lợi của đại chúng) không độc tài, quá khích, bóc lột như vô sản, không mị dân, công bằng, hợp lý, và có thể bền vững vì dung hòa được mọi khuynh hướng và nhu cầu của các tầng lớp nhân dân. Nhưng tiếc rằng chủ nghĩa này chia từng được áp dụng đúng đắn ngay sau khi người đề xướng qua đời (12-3-1925) vì những kẻ kế tiếp Tôn Trung Sơn là bọn quân phiệt chỉ lo tranh giành quyền lợi, rồi nội chiến ngoại xâm (Hoa-Nhật chiến tranh) nối nhau kèm theo nạn tham nhũng khiến dân Tàu liên miên sống lên chết xuống chưa được hưởng chút hạnh phúc nào như các nhà Cách mạng đã hứa với họ từ đầu thế kỷ. Và cũng vì lý do này nếu thể chế trẻ của Trung quốc vừa đây đã đặt tin tưởng của họ vào những người Cộng sản, đó là điều dĩ nhiên, nhờ vậy Mao Trạch Đông, Lâm Bưu, Chu Đức cuối năm

1949 đã treo cao được ngọn cờ chiến thắng trên Hoa Lục. Hai mươi năm qua rồi với vô sản chủ nghĩa, Trung quốc đã thay đổi nhiều, điều đó đã rõ rệt nhưng nói rằng vô sản chủ nghĩa đã thỏa mãn được sở vọng của dân Hán thì đó là điều còn phải xét kỹ: những bước nhảy vọt đã thất bại, Công xã nhân dân của bọn Mao không thành công, việc kỳ thị giai cấp đã xô đẩy 50 triệu con người vào biển máu lại vừa đây cuộc cách mạng văn hóa (1967) là cả một cuộc đảng tranh kịch liệt giữa phe Chủ tịch nhà-nước Lưu thể Kỳ và phe Mao Trạch Đông, vụ đảo chánh hụt của Lâm Bưu (1970) là những triệu chứng bất tường ở Bắc Kinh... nguy hiểm hơn nữa là cuộc xung đột ý thức hệ và quyền lợi giữa Hoa Lục với Nga Sô đang diễn ra rất gay gắt có thể làm thế giới Cộng sản nghiêng ngửa chưa biết tới mức nào một ngày gần đây.

Riêng về Tam dân chủ nghĩa nếu không bị Quốc dân đảng Trung Hoa làm lỡ ắt đã đem lại cho dân Hán một bộ mặt mới bởi nó đã được cấu tạo trên những lý thuyết khá vững vàng và hợp lý, nhất là nửa thế kỷ đã qua đủ cho nó cải thiện nếu nó còn phần vào chưa hoàn thiện. Nói như vậy ta không thể quên vấn đề trách nhiệm của Quốc dân đảng Trung Hoa trước sự đau khổ triền miên của người dân Tàu cho tới ngày nay và Đảng này đã phụ lòng rất nhiều người đã nằm gài nếm mật từ bao nhiêu năm đề khai sinh ra Tam dân chủ nghĩa.

PHẠM-VĂN-SƠN

(Saigon 1966).

(HẾT PHẦN THỨ NHẤT)



Sunday, July 30, 2017

Sách báo tham khảo

Le Figaro littéraire và Current Scène. (Tuyển tập 3-4-5 trang 53, 170 Cục Chính Huấn xuất bản năm 1968).

Chinese history by Chen Chik-ping, Chen Shih-Fu trang 42-45.

Tam dân chủ nghĩa của Bác sĩ Tôn-dật-Tiên. Cục Chính huấn xuất bản năm 1968.

Di sản của nhà đại Cách mạng Tôn dật Tiên của K.S Wona.

XIN LƯU Ý!

Chế độ Pháp thuộc còn một cuốn nữa tức là phần thứ hai gồm các bài khảo dưới đây :

— Các lý thuyết gia Lyautey, Lanessan, Albert Sarrant về các vấn đề thuộc địa.

— Các trò về chánh trị của Pháp trên đất Việt Nam.

— Việc thành lập Liên bang Đông dương.

— Những sự lúng túng của Pháp về tài chánh.

— Chánh sách thuế khóa của thực dân Pháp.

— Các tài nguyên của Việt, Miên, Lào.

— Nông, công, thương của Việt Nam nửa thế kỷ vừa qua.

— Tờ chức pháp đình dưới thời Pháp đô hộ.

— Thực dân Pháp đối với vua quan Việt Nam.

— Chế độ xã thôn đã bị Pháp thay đổi thế nào ?

— Chánh sách bóc lột của Pháp từ sau Đệ nhất thế chiến.

— Vấn đề văn hóa và giáo dục của chúng ta trong tay Pháp ?

— Tình trạng phân hóa của xã hội Việt Nam dưới chế độ ngoại thuộc v.v...

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

**Các đảng phái cách mạng và chánh trị đầu thế kỷ
thứ hai mươi.**

Tựa

Trang 5—6

CHƯƠNG MỘT

**Tàn lỵ của Phong kiến Việt Nam hay là những tiếng
bạc cuối cùng của Việt Nam với Pháp. Từ Thành Thái đến
Duy Tân.**

11—27

CHƯƠNG HAI

Binh sĩ Thái Nguyên (Bắc Việt) khởi nghĩa

— Cuộc chiến đấu trong thành phố.

29—55

— Cuộc chiến đấu ngoài tỉnh lỵ.

CHƯƠNG BA

**Hoạt động cách mạng của thanh niên Việt Nam trong
nước và ngoài nước sau phong trào Hậu Văn Thân.**

A— Các cuộc tranh đấu bằng báo chí và sách truyện sau 1922.

B— Các đảng đoàn chánh trị công khai và bí mật.

Phụ chú về một vài tập đoàn chánh trị phối thai.

CHƯƠNG BỐN

Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội

a) Hệ thống tổ chức của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí
hội.

b) Hoạt động của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội 77—140

Tân Việt cách mạng đảng

Đảng cương của Tân Việt cách mạng đảng.

Sơ đồ về tiến trình tổ chức của Việt Nam quang phục hội từ 1912 đến 1929.

CHƯƠNG NĂM

Việt Nam quốc dân đảng 141—192

- a) Chủ thuyết, tổ chức và sinh hoạt.
 - b) Việt Nam quốc dân đảng bị bại lộ.
 - c) Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quốc dân đảng.
- Phái cải tổ của V.N.Q.D.Đ đã làm những gì ?

CHƯƠNG SÁU

Đông-dương Cộng sản đảng 193—214

Chính cương của đảng Cộng sản Đông dương.
Sơ đồ tổ chức của các đảng Cộng sản tại V.N.

CHƯƠNG BẢY

Những biến cố ở hải-ngoại 215—280

Tiếng bom Sa diện (Phạm hồng Thái

Kính Kha Việt Nam).

Cụ Phan bội Châu bị bắt (30-6-1925)

Ai đã bán cụ Sào Nam ?

Chung cuộc của cụ Phan bội Châu ?

Hoạt động cách mạng của Việt kiều tại Thái Lan.

CHƯƠNG TÁM

Các đảng phái quốc gia tại miền Nam 281—318

Tính chất riêng biệt của các phong trào.

Những đảng phái do sự kết hợp các cơ cấu tàn dư của các đảng phái
từ thời Pháp thuộc.

Các đảng phái mới thành lập từ 1954.

Đạo Cao Đài (Triết lý và giáo lý của đạo Cao Đài. Tiểu sử của
người đầu tiên dựng ra Cao Đài giáo : Ngô văn Chiêu).

Phật giáo Hòa Hảo. (Tiểu sử của thầy Huỳnh phú Sồ).

Lực lượng Bình Xuyên.

Thanh niên tiền phong

Nguyễn an Ninh và nhóm Tranh đấu (La lutte).

CHƯƠNG CHÍN

Những thi ca cách mạng bị Pháp cấm đầu thế kỷ 20 349-387

Bài ca *A-tê-A* với tiểu sử cụ Nguyễn thiện Thuật.

Khuyên đồng bào đừng sợ chết của cụ Mai Sơn.

Bài ca phục quốc của Nguyễn càn Khôn.

Bài «*Chiêu-hồn-nước*» thứ nhất của cụ Nguyễn Quyền.

Bài «*Chiêu-hồn-nước*» thứ hai của Phạm tất Đắc.

Bài «*Hồn-nước*» của Chu trác Triệu sao lục.

Bài biêu của cụ Huỳnh thúc Kháng dâng lên vua Khải Định.

CHƯƠNG MƯỜI

Những học thuyết chánh trị đã ảnh hưởng đến Cách
mạng Việt Nam (từ K Marx đến Tôn trung Sơn) 379—439

— Vài hàng về tiểu sử của Karl Marx.

— Duy vật biện chứng pháp là gì ?

- Duy vật sử quan và giai cấp đấu tranh.
- Vấn đề kinh tế theo học thuyết của Marx.
- Chúng ta nghĩ gì về học thuyết của Marx ?
- Chế độ tập sản của Marx sẽ đi tới đâu ?
- Cộng sản đối với vấn đề tự do, chính quyền.
- Chủ nghĩa Cộng sản phải được xét lại chăng ?

Tôn dật Tiên với Tam dân chủ nghĩa 414—439

Tiêu sử của Tôn trung Sơn.

Giải thích về Tam dân chủ nghĩa.

Ý kiến của Tôn trung Sơn về chế độ dân chủ Mỹ, Pháp, Đức,
Thụy Sĩ.

Tôn trung Sơn phê bình chủ nghĩa Cộng sản.

Hình : 28 tấm về các danh nhân cách mạng.

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	Chữ sai	Xin đọc là
19	7	nhà vul	nhà vua
	16	Ngũ hải	Ngư hải
22	4	vận động dân chúng mỗi khi	dân chúng ... một khi
25	8	Pleiku	... Pleiku
	29	Trần liễu Hối	... Trần tiễn Hối
30	7	áp dụng... thâm độc	áp dụng những thủ đoạn thâm độc
33	31	Toute agglomération d'individu	Toute agglomération d'individus
37	21	đề diễn	đi điều
	22	người chỉ huy địch ngầm	người chỉ huy định ngầm
38	20	là Tuste	... là Taste
	28	Giám ngục Loeu	Giám ngục Low
46	20	tính... địch ở đây	tính đánh địch ở đây
47	3	dưới chân đe	... dưới chân đe
	8	Thương Lệ	Thường Lệ
59	14	Pong-Moan Tcho	Song-Man Tcho
60	1	Dutrey	Outrey
	18	việc cải cách tự do	việc cải cách đề thực hiện tự do
384	17	sẽ không tuyên truyền	sẽ không thể tuyên truyền
	25	nhất... ông đọc Engels	nhất là ông đọc Engels

ĐÃ PHÁT HÀNH

VIỆT-SỬ TÂNBIÊN

CỦA

PHẠM - VĂN - SƠN

gồm 7 cuốn :

Cuốn 1 : Thượng Cò và Trung Cò thời đại xuất bản năm 1956 và tái bản năm 1965.

Cuốn 2 : Trần-Lê thời đại

Cuốn 3 : Loạn phong-kiến Việt-Nam.

Cuốn 4 : Từ Tây Sơn đến Nguyễn Sơ.

Cuốn 5-6-7 lúc Việt-Nam kháng Pháp sử.

(Các sách này đã ấn hành từ 1955-1960)

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi Saigon

